HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

KHOA Y HỌC LÂM SÀNG

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

NGÀNH Y KHOA

TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

MÃ NGÀNH: **7720101**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 972/QĐ-HVYDCT,
ngày 11 tháng 10 năm 2021)

HÀ NỘI 2021

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

KHOA Y HỌC LÂM SÀNG

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC NGÀNH Y KHOA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

MÃ NGÀNH: **7720101**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 972/QĐ-HVYDCT,
ngày 11 tháng 10 năm 2021)

HÀ NỘI 2021

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT
DANH MỤC BẢNG
DANH MỤC SƠ ĐỒ
I. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 1
II. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2
III. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 3
3.1. Sứ mạng - Tầm nhìn - Triết lý giáo dục - Giá trị cốt lõi của Học viện 3
3.2. Mục tiêu của chương trình (Program Objectives - PO) 8
IV. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 10
V. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ HỘI HỌC TẬP SAU ĐẠI HỌC 14
5.1. Vị trí việc làm 14
5.2. Cơ hội học tập sau đại học 15
VI. THÔNG TIN TUYỂN SINH 15
VII. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP 15
7.1. Tiến trình đào tạo 15
7.2. Quy trình đào tạo 16
7.3. Điều kiện tốt nghiệp 17
VIII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH 17
8.1. Thời gian đào tạo, khối lượng kiến thức toàn khoá 17
8.2. Cấu trúc chương trình dạy học 17
8.3. Kế hoạch đào tạo theo năm học 21
8.4. Mô tả các học phần 26
8.5. Ma trận đóng góp của các học phần theo yêu cầu năng lực của chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo 64
IX. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC 69
9.1. Ma trận giữa các học phần và phương pháp dạy học 70
9.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học 79
9.3. Đội ngũ và cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy 80
X. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ 80

10.1. Đánh giá chung toàn khoá 80
10.2. Đánh giá học phần 80
10.3. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics) 89
10.4. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá 89
10.5. Đối với học phần Thực tập nghề nghiệp 91
XI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN 91
XII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 91
XIII. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT 92
XIV. PHỤ LỤC 92

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Viết tắt	Nghĩa tiếng Việt	Nghĩa tiếng Anh
CTĐT	Chương trình đào tạo	
GV	Giảng viên	
PO	Mục tiêu của chương trình đào tạo	Program Objectives
PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Program Learning Outcomes
HP	Học phần	
TH	Thực hành	
LT	Lý thuyết	
TC	Tín chỉ	
YHCT	Y học cổ truyền	
YHHĐ	Y học hiện đại	

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Thông tin chung về Chương trình đào tạo 2
Bảng 2. Triết lý giáo dục của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam được chuyển tải vào CTĐT ngành Y khoa 4
Bảng 3. Ma trận tích hợp mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo 11
Bảng 4. Sự phù hợp của chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam . 12
Bảng 5. Phân bố kiến thức giảng dạy theo năm học 15
Bảng 6. Mô tả các học phần 26
Bảng 7. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo 64
Bảng 8. Bảng ma trận giữa các học phần và phương pháp dạy học 70
Bảng 9. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLO) và phương pháp dạy-học 79
Bảng 10. Bảng ma trận giữa các học phần và phương pháp đánh giá 82
Bảng 11. Quan hệ giữa phương pháp đánh giá và PLO 89

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1. Sơ đồ chương trình giảng dạy 16

I. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Y khoa trình độ đại học của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam được xây dựng CĐR của CTĐT đáp khung trình độ Quốc gia Việt Nam tại Quyết định 1982/QĐ-TTg, đáp ứng được chuẩn năng lực cơ bản của Bác sĩ đa khoa Việt Nam theo Quyết định 1854/QĐ-BYT ngày 18/05/2015 quyết định về việc phê duyệt tài liệu "Chuẩn năng lực cơ bản của Bác sĩ đa khoa", đảm bảo năng lực làm việc của người tốt nghiệp đáp ứng các yêu cầu xã hội về nguồn nhân lực trong các lĩnh vực Y đa khoa.

Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở ngành Y đa khoa trình độ đại học theo Quyết định 2600/QĐ-BGDĐT ngày 29/07/2016, theo đó Học viện đã ban hành quyết định 1007/QĐ-HVYDCTVN ngày 09 tháng 11 năm 2016 của giám đốc Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam về việc ban hành chuẩn đầu ra ngành Y đa khoa trình độ đại học. Học viện đã nhiều lần tổ chức rà soát, đánh giá và điều chỉnh CTĐT nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành và đáp ứng năng lực cơ bản của Bác sĩ Y khoa Việt Nam. Theo Kế hoạch 556A/KH-HVYDHCTVN ngày 14 tháng 08 năm 2020 Kế hoạch về việc rà soát, cập nhật, điều chỉnh và phát triển chương trình đào tạo đại học, sau đại học của Học viện. Học viện đã xây dựng Chuẩn đầu ra, Chương trình đào tạo, Bản mô tả chương trình đào tạo và chương trình dạy học ngành Y khoa trình độ đại học.

Nội dung Chương trình đào tạo được sắp xếp các khối kiến thức theo thứ tự: Khoa học cơ bản- Y học cơ sở- Y tế công cộng- Y học lâm sàng, có sự lồng ghép các khối kiến thức theo một trình tự, từ tế bào đến phân tử, từ phân tử đến cơ quan và từ cơ quan đến hệ thống, từ tiền lâm sàng đến lâm sàng giúp cho sinh viên vận dụng tốt những kiến thức khoa học cơ bản và kiến thức y học cơ sở vào trong khoa học lâm sàng, trong diễn giải các dấu hiệu và triệu chứng, biện luận chẩn đoán và lựa chọn điều trị ở các mức độ khác nhau theo lộ trình học tập.

Chương trình tập trung nhiều hơn vào việc giảng dạy y đức và tính chuyên nghiệp cho sinh viên, giúp sinh viên sẽ có thái độ tốt với người bệnh, đồng nghiệp, có trách nhiệm với cộng đồng, xã hội trong hành nghề y sau này.

Trên cơ sở chương trình đào tạo của Học viện, với sự hướng dẫn của Phòng Đào tạo và cố vấn học tập, sinh viên hoàn toàn chủ động trong việc xác định tiến trình học tập của bản thân.

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bảng 1. Thông tin chung về Chương trình đào tạo

1.	Tên chương trình đào tạo: (Name of Program)	**Y KHOA** Y khoa: Medicine
2.	Trình độ đào tạo (Level)	Đại học (Undergraduate)
3.	Mã ngành đào tạo (Code)	7720101
4.	Đối tượng tuyển sinh (Enrolment)	Công dân tốt nghiệp THPT và đạt tiêu chuẩn tuyển sinh đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo, Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam (as Enrolment criteria of Vietnam University of Traditional Medicine
5.	Thời gian đào tạo chuẩn (Training Duration)	6 năm (6 years)
6.	Cơ sở đào tạo (Training Institute)	Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam (Vietnam University of Traditional Medicine)
7.	Loại hình đào tạo: Type of Training	Chính quy: Full-time
8.	Ngôn ngữ đào tạo (Training Language)	Tiếng Việt (Vietnamese)
9.	Tổng số tín chỉ (Credits)	**199** tín chỉ (Credits) - Không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng
10.	Danh hiệu tốt nghiệp (Degree)	Bác sĩ Y khoa (Medical Doctor)

11.	Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp (Employment options)	- Các cơ quan quản lý về y tế - Các cơ sở y tế trong và ngoài công lập - Các trường Đại học, Học viện, Viện nghiên cứu, tổ chức chính phủ/phi chính phủ liên quan đến vấn đề sức khỏe
12.	Khả năng nâng cao trình độ (Higher education options)	- Bác sĩ nội trú - Bác sĩ chuyên khoa I - Bác sĩ chuyên khoa II - Thạc sĩ y học - Tiến sĩ y học

III. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mục tiêu của chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Y khoa trình độ đại học được xây dựng dựa trên các cơ sở phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học theo quy định của Luật giáo dục đại học và mô tả trình độ theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam; phù hợp và gắn kết với mục tiêu chung của khối ngành Sức khoẻ; với Sứ mạng - Tầm nhìn - Triết lý giáo dục - Chiến lược phát triển - Hệ thống giá trị cốt lõi của Học viện và nhu cầu của xã hội, đảm bảo sinh viên sau khi tốt nghiệp đáp ứng được chuẩn năng lực cơ bản của bác sĩ YHCT Việt Nam. CTĐT được xây dựng theo định hướng đào tạo nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng và các bên liên quan.

3.1. Sứ mạng - Tầm nhìn - Triết lý giáo dục - Giá trị cốt lõi của Học viện

*** Sứ mạng**: Đào tạo nhân lực y tế chất lượng cao, chuyên sâu về Y học cổ truyền, Y khoa, Dược học và các ngành khác thuộc khối ngành sức khỏe; nghiên cứu khoa học, thừa kế, bảo tồn và phát triển y, dược cổ truyền; chuyển giao trí thức, cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh kế hợp y học cổ truyền và y học hiện đại, dịch vụ khác đáp ứng yêu cầu phục vụ xã hội và đất nước.

*** Tầm nhìn:** Xây dựng Học viện trở thành cơ sở giáo dục đại học hàng đầu trong nước và khu vực về đào tạo, nghiên cứu khoa học, khám chữa bệnh kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại góp phần phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

*** Giá trị cốt lõi:** Thừa kế - Phát triển; Đoàn kết – sáng tạo; Chất lượng – Hiệu quả.

*** Triết lý giáo dục của Học viện**

Triết lý giáo dục của Học viện YDHCT Việt Nam là **Thừa kế - Sáng tạo - Chất lượng**

- **Thừa kế**: Thừa kế kiến thức của nhân loại, của cha ông về y học cổ truyền, kết hợp Y học hiện đại với Y học cổ truyền trong chẩn đoán, điều trị và bào chế dược hiện đại để phục vụ đời sống, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe con người.

- **Sáng tạo:** Có sáng tạo mới tìm ra những cái mới trong khoa học kỹ thuật, trong y học, để phục vụ đời sống, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe con người. Sáng tạo là nền tảng tạo ra các phát minh, ứng dụng thiết thực, giúp người học có thể thích ứng và quản lý tốt những thay đổi trong môi trường công việc ở tương lai.

- **Chất lượng:** là khái niệm cho thấy khả năng thoả mãn nhu cầu của các bên liên quan trong đào tạo và nghiên cứu của Học viện. Đánh giá chất lượng của một cơ sở giáo dục phải đứng trên quan điểm của sinh viên và nhà tuyển dụng. Học viện sử dụng chất lượng như là một công cụ có thể đo lường chỉ số hài lòng của các bên liên quan của Học viện

Triết lý giáo dục của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam được chuyển tại vào chương trình đào tạo ngành Y khoa trình độ đại học cụ thể như sau:

Bảng 2. Triết lý giáo dục của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam được chuyển tải vào CTĐT ngành Y khoa

Chương trình đào tạo ngành Y khoa trình độ đại học		**Triết lý giáo dục HVYDHCTVN**		
		Thừa kế	**Sáng tạo**	**Chất lượng**
Kiến thức chương	Khối kiến thức đại cương	x	x	x
	Khối kiến thức cơ sở ngành	x	x	x

trình đào tạo	Khối kiến thức chuyên ngành		x	x	x
	Khoá luận tốt nghiệp		x	x	x
CHUẨN ĐẦU RA	PLO 1	**CĐR1.** Thực hành chuyên môn theo đúng đường lối, chủ trương, quan điểm lãnh đạo của Đảng, chính sách, pháp luật Việt Nam và các quy định quốc tế có liên quan mà Việt Nam tham gia về hành nghề y, cũng như các quy định về đạo đức nghề nghiệp; đặt lợi ích, an toàn người bệnh lên trên lợi ích cá nhân, giữ bí mật thông tin người bệnh, chịu trách nhiệm cá nhân liên quan đến những quyết định chẩn đoán, điều trị và chăm sóc người bệnh.	x	x	x
	PLO 2	**CĐR2.** Áp dụng được kiến thức về khoa học cơ bản, y – dược cơ sở, y tế công cộng và y học lâm sàng trong cung cấp các dịch vụ y tế cho cá nhân, gia đình và cộng đồng dựa trên bằng chứng y học đảm bảo an toàn, hiệu quả.	x	x	x
	PLO 3	**CĐR3.** Vận dụng được phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong thực hành nghề nghiệp. Tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu y học.	x	x	x
	PLO 4	**CĐR 4.** Chẩn đoán được các bệnh thông thường (Thực hiện được các bước khám lâm sàng, chỉ định, phân tích được kết quả xét nghiệm cận lâm sàng cần thiết để đưa ra được chẩn đoán	x	x	x

		xác định, thể bệnh, mức độ, giai đoạn, nguyên nhân, biến chứng các bệnh thường gặp).			
	PLO 5	CDDR5. Thực hiện được một số thủ thuật y khoa cơ bản theo đúng quy trình của Bộ Y tế.	x	x	x
	PLO 6	**CĐR6.** Phát hiện sớm và xử trí được các trường hợp cấp cứu thông thường. Phát hiện được những các bệnh vượt quá khả năng chuyên môn của bản thân và cơ sở chăm sóc y tế để chuyển tuyến kịp thời.	x	x	x
	PLO 7	**CĐR7.** Điều trị, xử trí, theo dõi và dự phòng được một số bệnh thông thường. Lựa chọn được biện pháp điều trị phù hợp, kê được đơn thuốc điều trị theo đúng nguyên tắc an toàn, hợp lý, hợp pháp, hiệu quả dựa trên các bằng chứng y học.	x	x	x
	PLO 8	**CĐR8.** Lập được kế hoạch điều trị, theo dõi người bệnh, phát hiện và xử trí được một số tai biến trong quá trình theo dõi, điều trị.	x	x	x
	PLO 9	**CĐR9.** Sử dụng được Y học cổ truyền, các phương pháp chữa bệnh không dung thuốc để điều trị, dự phòng và phục hồi chức năng một số bệnh thông thường.	x	x	x

	PLO 10	**CĐR10.** Vận dụng được kiến thức dịch tễ học trong công tác dự phòng và chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Phát hiện được dịch bệnh thông thường và đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp nhằm chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.	x	x	x
	PLO 11	**CĐR11.** Ứng dụng các nguyên tắc cơ bản trong công tác quản lý và chăm sóc người bệnh, quản lý hồ sơ người bệnh hiệu quả.	x	x	x
	PLO 12	**CĐR12.** Phân tích, đánh giá đúng thực tế công việc ở các tuyến cơ sở y tế nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và trẻ sơ sinh; sử dụng các phương tiện truyền thông một cách phù hợp, hiệu quả trong cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và trẻ sơ sinh.	x	x	x
	PLO 13	**CĐR13.** Xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng, lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên. Thực hiện được các kỹ năng tư vấn giáo dục sức khỏe để bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho cá nhân, cộng đồng và bảo vệ môi trường.	x	x	x
	PLO 14	**CĐR14.** Tạo lập được mối quan hệ thân thiện, giao tiếp có hiệu quả với người bệnh, người nhà người bệnh và	x	x	x

		cộng đồng. Phối hợp tốt với đồng nghiệp, cộng đồng để triển khai các hoạt động nghề nghiệp.			
	PLO 15	**CĐR15:** Sử dụng được ít nhất một ngoại ngữ và công nghệ thông tin trong giao tiếp, thu thập thông tin và thực hành nghề nghiệp. Phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, thể hiện tốt các kỹ năng mềm và phát triển nghề nghiệp.	x	x	x

3.2. Mục tiêu của chương trình (Program Objectives - PO)

**** MỤC TIÊU CHUNG:*** Đào tạo Bác sĩ đa khoa có y đức, có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản về y học để xác định, đề xuất và tham gia giải quyết các vấn đề sức khỏe cá nhân và cộng đồng; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự học liên tục và nghiên cứu khoa học nhằm phát triển chuyên môn, năng lực tổng thể của bản thân và đồng nghiệp, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

**** MỤC TIÊU CỤ THỂ***

Khi tốt nghiệp chương trình 6 năm chuyên ngành y khoa, sinh viên có:

Về kiến thức

MT1. Vận dụng các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào công tác chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe nhân dân.

MT2. Vận dụng được những kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở, y tế công cộng và y học lâm sàng tỏng cung cấp các dịch vụ y tế cho cá nhân, gia đình và cộng đồng dựa trên bằng chứng y học.

MT3. Vận dụng được những kiến thức y học cổ truyền, kết hợp y học hiện đại trong công tác dự phòng, chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân dựa trên bằng chứng y học.

MT4. Vận dụng được phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong thực hành nghề nghiệp.

MT5. Vận dụng được kiến thức về kinh tế, văn hóa – xã hội đặc thù vùng miền trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Về kỹ năng

Kỹ năng cứng:

MT6. Chẩn doán, xử trí, theo dõi và dự phòng được các chứng bệnh thường gặp và các cấp cứu thông thường. Định hướng chẩn đoán và xử trí ban đầu một số bệnh chuyên khoa và chuyển tuyến đúng dựa trên bằng chứng y học.

MT7. Chỉ định, phân tích được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp. Thực hiện được một số xét nghiệm, thăm dò cận lâm sàng và thủ thuật theo quy định phân tuyến kỹ thuật của Bộ Y tế dựa trên bằng chứng y học.

MT8. Thực hiện được kỹ năng truyền thông – giáo dục sức khỏe để bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. Xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng và lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên. Phát hiện sớm dịch bệnh, đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp nhằm chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cá nhân, gia đình, cộng đồng.

MT9. Thực hiện được các hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng y học bằng chứng vào các lĩnh vực thực hành nghề nghiệp

Kỹ năng mềm:

MT10. Giao tiếp có hiệu quả với cá nhân, gia đình và cộng đồng. Phối hợp tốt với đồng nghiệp và cộng đồng để triển khai các hoạt động nghề nghiệp

MT11. Sử dụng tối thiểu một ngoại ngữ để đọc, hiểu được tài liệu chuyên môn và giao tiếp tốt với các đối tác là người nước ngoài

MT12. Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin để phục vụ cho quản lý, học tập, nghiên cứu khoa học và hoạt động nghề nghiệp

Mức độ tự chủ và trách nhiệm

MT13. Tác phong hành nghề chuyên nghiệp theo chuẩn mực đạo đức, pháp lý và tôn trọng các giá trị văn hóa đa dạng. Tôn trọng, cảm thông, chia sẻ và hết

long phục vụ người bệnh. Tôn trọng, chân thành hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp, giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

MT14. Trung thực khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời.

MT15. Coi trọng việc kết hợp y dược học hiện đại với y dược học cổ truyền.

IV. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLO)

Khi hoàn thành chương trình đào tạo ngành khoa trình độ đại học của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam, sinh viên tốt nghiệp có các năng lực sau:

CĐR1. Thực hành chuyên môn theo đúng đường lối, chủ trương, quan điểm lãnh đạo của Đảng, chính sách, pháp luật Việt Nam và các quy định quốc tế có liên quan mà Việt Nam tham gia về hành nghề y, cũng như các quy định về đạo đức nghề nghiệp; đặt lợi ích, an toàn người bệnh lên trên lợi ích cá nhân, giữ bí mật thông tin người bệnh, chịu trách nhiệm cá nhân liên quan đến những quyết định chẩn đoán, điều trị và chăm sóc người bệnh.

CĐR2. Áp dụng được kiến thức về khoa học cơ bản, y – dược cơ sở, y tế công cộng và y học lâm sàng trong cung cấp các dịch vụ y tế cho cá nhân, gia đình và cộng đồng dựa trên bằng chứng y học đảm bảo an toàn, hiệu quả.

CĐR3. Vận dụng được phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong thực hành nghề nghiệp. Tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu y học.

CĐR 4. Chẩn đoán được các bệnh thông thường (Thực hiện được các bước khám lâm sàng, chỉ định, phân tích được kết quả xét nghiệm cận lâm sàng cần thiết để đưa ra được chẩn đoán xác định, thể bệnh, mức độ, giai đoạn, nguyên nhân, biến chứng các bệnh thường gặp).

CĐR 5. Thực hiện được một số thủ thuật y khoa cơ bản theo đúng quy trình của Bộ Y tế.

CĐR6. Phát hiện sớm và xử trí được các trường hợp cấp cứu thông thường. Phát hiện được những các bệnh vượt quá khả năng chuyên môn của bản thân và cơ sở chăm sóc y tế để chuyển tuyến kịp thời.

CĐR7. Điều trị, xử trí, theo dõi và dự phòng được một số bệnh thông thường. Lựa chọn được biện pháp điều trị phù hợp, kê được đơn thuốc điều trị theo đúng nguyên tắc an toàn, hợp lý, hợp pháp, hiệu quả dựa trên các bằng chứng y học.

CĐR8. Lập được kế hoạch điều trị, theo dõi người bệnh, phát hiện và xử trí được một số tai biến trong quá trình theo dõi, điều trị.

CĐR9. Sử dụng được Y học cổ truyền, các phương pháp chữa bệnh không dung thuốc để điều trị, dự phòng và phục hồi chức năng một số bệnh thông thường.

CĐR10. Vận dụng được kiến thức dịch tễ học trong công tác dự phòng và chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Phát hiện được dịch bệnh thông thường và đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp nhằm chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

CĐR11. Ứng dụng các nguyên tắc cơ bản trong công tác quản lý và chăm sóc người bệnh, quản lý hồ sơ người bệnh hiệu quả.

CĐR12. Phân tích, đánh giá đúng thực tế công việc ở các tuyến cơ sở y tế nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và trẻ sơ sinh; sử dụng các phương tiện truyền thông một cách phù hợp, hiệu quả trong cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và trẻ sơ sinh.

CĐR13. Xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng, lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên. Thực hiện được các kỹ năng tư vấn giáo dục sức khỏe để bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho cá nhân, cộng đồng và bảo vệ môi trường.

CĐR14. Tạo lập được mối quan hệ thân thiện, giao tiếp có hiệu quả với người bệnh, người nhà người bệnh và cộng đồng. Phối hợp tốt với đồng nghiệp, cộng đồng để triển khai các hoạt động nghề nghiệp.

CĐR15: Sử dụng được ít nhất một ngoại ngữ và công nghệ thông tin trong giao tiếp, thu thập thông tin và thực hành nghề nghiệp. Phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, thể hiện tốt các kỹ năng mềm và phát triển nghề nghiệp.

4.2. Sự phù hợp của chuẩn đầu ra với mục tiêu của chương trình đào tạo

Bảng 3. Ma trận tích hợp mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu (PO)	Chuẩn đầu ra (PLO)														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
PO1	x	x													
PO2		x		x		x	x	x	x	x		x	x		
PO3		x		x		x	x	x	x	x			x		
PO4			x				x								
PO5	x									x		x	x	x	
PO6		x		x	x	x	x								
PO7		x		x	x	x	x					x			
PO8							x			x		x	x	x	
PO9			x				x		x						
PO10				x		x	x					x	x	x	x
PO11		x		x											x
PO12		x	x								x				x
PO13	x			x	x	x	x						x	x	
PO14			x												x
PO15									x						

4.3. Sự phù hợp của chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn năng lực cơ bản Bác sĩ Y khoa Việt Nam

Bảng 4. Sự phù hợp của chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

Chuẩn đầu ra	Chuẩn năng lực cơ bản của Bác sĩ đa khoa Việt Nam	Khung trình độ Quốc gia Việt Nam
CĐR 1	3	3
CĐR 2	3	3
CĐR 3	3	3
CĐR 4	3	3

CĐR 5	3	3
CĐR 6	3	3
CĐR 7	3	3
CĐR 8	3	3
CĐR 9	3	3
CĐR 10	3	3
CĐR 11	3	3
CĐR 12	3	3
CĐR 13	3	3
CĐR 14	3	3
CĐR 15	3	3

Mức 1: Không đáp ứng

Mức 2: Đáp ứng một phần

Mức 3: Đáp ứng đầy đủ

Mức 4: Vượt hơn yêu cầu

4.4. Những yêu cầu đặc thù - Các hoạt động chuyên môn chủ chốt

EPA	Diễn giải	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6
1	Khám bệnh				
	Khai thác bệnh sử, tiền sử	2	3	4	5
	Khám thực thể	2	3	4	5
2	Chẩn đoán sơ bộ	2	3	4	5
3	Chỉ định và phân tích kết quả CLS thông thường.	2	3	4	5
4	Chẩn đoán xác định và biện chứng luận trị	1	2	3	4
5	Thực hiện cấp cứu ban đầu	1	2	3	4
6	Kê đơn thuốc theo phạm vi hành nghề của Bác sĩ YHCT	1	2	3	4

EPA	Diễn giải	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6
7	Ghi chép hồ sơ, bệnh án	2	3	4	5
8	Trình bày ca lâm sàng	2	3	4	5
9	Tìm kiếm chứng cứ y khoa trong chăm sóc người bệnh	1	2	3	4
10	Bàn giao và tiếp nhận người bệnh	2	3	4	5
11	Hợp tác trong nhóm chăm sóc người bệnh	1	2	3	4
12	Phát hiện và xử trí các tiến triển của người bệnh	1	2	3	4
13	Thảo luận để có sự đồng thuận của người bệnh	1	2	3	4
14	Thực hiện được một số thủ thuật/kỹ thuật	1	2	3	4
15	Phòng ngừa sự cố y khoa	1	2	3	4
16	Ứng dụng nguyên lý YTCC trong thực hành y khoa	1	2	3	4

Ghi chú:

0: Chưa làm

1: Làm nhưng chưa tin cậy

2: Làm chưa tin cậy nhưng có tiến bộ

3: Làm tiến bộ hơn

4: Làm tiến bộ và tin tưởng

5: Làm tốt và tin tưởng hoàn toàn

V. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ HỘI HỌC TẬP SAU ĐẠI HỌC

5.1. Vị trí việc làm

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa, người học có khả năng đảm nhiệm công tác khám chữa bệnh, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý; đáp ứng yêu cầu công việc tại các vị trí sau:

1. Tại các cơ sở y tế với chức danh bác sĩ điều trị.

2. Tại các cơ sở đào tạo thuộc khối ngành khoa học sức khỏe với chức danh giảng viên, nghiên cứu viên.

3. Tại các Viện nghiên cứu, cơ quan quản lý hay tổ chức chuyên môn với chức danh nghiên cứu viên, chuyên viên y tế.

4. Tại đơn vị khám, chữa bệnh với công việc tổ chức, quản lý và điều hành chuyên môn.

5.2. Cơ hội học tập sau đại học

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Y khoa trình độ đại học, sinh viên có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu đúng chuyên ngành hoặc các chuyên ngành chuyên sâu của YHHĐ ở các bậc cao hơn ở trong và ngoài nước:

- Hệ thực hành: Bác sĩ Nội trú, Bác sĩ chuyên khoa cấp I.
- Hệ nghiên cứu: Thạc sĩ Y học, Tiến sĩ Y học.

VI. THÔNG TIN TUYỂN SINH

- Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước và nước ngoài;
- Đối tượng tuyển sinh: Tất cả thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương; có nguyện vọng vào ngành Y khoa;
- Phương thức tuyển sinh: Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và đạo tạo và theo Đề án tuyển sinh của Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam.

VII. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

7.1. Tiến trình đào tạo

Bảng 5. Phân bố kiến thức giảng dạy theo năm học

Khối kiến thức	Loại môn học	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6
Giáo dục đại cương	Học phần chung	x	x				
	Cơ sở của khối ngành	x	x				
	Cơ sở ngành	x	x	x			

Giáo dục chuyên nghiệp	Kiến thức ngành bắt buộc			x	x	x	x
	Kiến thức bổ trợ				x	x	x
	Học phần tốt nghiệp						x

7.2. Quy trình đào tạo

CTĐT được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ. Tổ chức và đào tạo theo khoá học năm học và học kỳ.

Khoá học là thời gian trung bình cần thiết để sinh viên hoàn thành một chương trình đào tạo. Cụ thể đối với trình độ đại học hệ chính quy ngành bác sĩ Y khoa là 6 năm học.

Mỗi năm học gồm hai học kỳ chính (từ giữa tháng Tám đến cuối tháng Sáu), mỗi học kỳ chính có 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài hai học kỳ chính, Học viện tổ chức thêm một học kỳ phụ (từ đầu tháng Bảy đến giữa tháng 8) để sinh viên có điều kiện được học lại, học bù hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực hành và 1 tuần thi. Trước mỗi kỳ thi chính, Học viện sẽ có 1 tuần để gặp gỡ, cố vấn và định hướng cho sinh viên học tập.

Trong 3 năm đầu tiên, sinh viên học các kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành, các kiến thức chuyên ngành được học trong những năm tiếp theo.

Thời gian tối đa hoàn thành chương trình là 09 năm. Vượt quá thời gian này, sinh viên không được học và/hoặc thi để được công nhận tốt nghiệp.

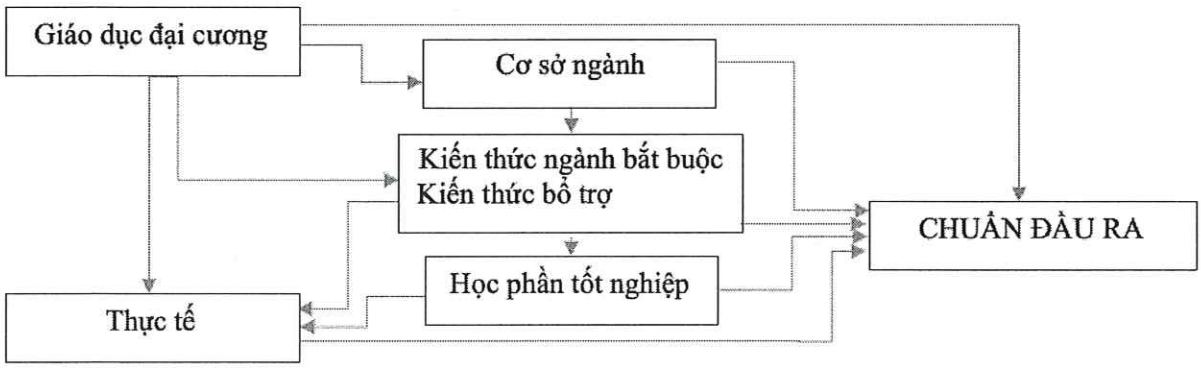

Sơ đồ 1. Sơ đồ chương trình giảng dạy

7.3. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021, quy chế đào tạo và Điều 29 Quyết định 975/QĐ-HVYDHCTVN ngày 11/10/2021 của Học viện. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ học phần, mô đun, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên;
- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng-An ninh và hoàn thành các học phần giáo dục thể chất.

VIII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

8.1. Thời gian đào tạo, khối lượng kiến thức toàn khoá

Thời gian đào tạo: **06** năm

Khối kiến thức toàn khóa: **199** tín chỉ

8.2. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối lượng học tập	TC
1	Kiến thức giáo dục đại cương (chưa tính các phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)	22
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trong đó: - Kiến thức cơ sở của khối ngành - Kiến thức cơ sở của ngành - Kiến thức ngành	 17.5 28 131.5
	Tổng cộng	199

Khối lượng kiến thức toàn khóa: **199** tín chỉ (TC). Khối kiến thức chung không bao gồm nội dung Giáo dục Quốc phòng- An ninh (7 TC) và Giáo dục thể chất (4 TC).

KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC CỤ THỂ:

Phần kiến thức giáo dục đại cương: *22 tín chỉ (*không bao gồm nội dung Giáo dục Quốc phòng- An ninh (7TC) và Giáo dục thể chất (4TC)

STT	Tên học phần/môn học	TC	Phân bố TC	
			LT	TH
1.	Triết học Mác – Lênin	3.0	3.0	0.0
2.	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2.0	2.0	0.0
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.0	2.0	0.0
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.0	2.0	0.0
5.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2.0	2.0	0.0
6.	Ngoại ngữ	8.0	8.0	0.0
7.	Tin học đại cương	2.0	0.5	1.5
8.	Nhà nước và pháp luật	1.0	1.0	0
9.	Giáo dục thể chất*	4.0	0.0	4.0
10.	Giáo dục quốc phòng và Y học quân sự*	7.0	2.0	5.0
Tổng cộng		**22.0**	**20.5**	**1.5**

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 176TC

Kiến thức cơ sở của khối ngành: 17.5TC

TT	TÊN MÔN HỌC/HỌC PHẦN	TC	Phân bố TC	
			LT	TH
1	Dân số học	1.5	1.5	0.0
2	Sinh học và di truyền	3.0	2.5	0.5
3	Lý sinh	3.0	2.5	0.5
4	Hóa học	3.0	2.5	0.5
5	Tin học ứng dụng	1.0	0.0	1.0
6	Xác suất – thống kê y học	2.0	2.0	0.0
7	Tâm lý học – Kỹ năng giao tiếp	1.5	1.5	0.0
8	Truyền thông giáo dục sức khỏe	1.5	1.5	0.0
9	Phổ biến pháp luật về hành nghề	1.0	1.0	0.0

Tổng cộng	17.5	15	2.5

Kiến thức cơ sở ngành: 28 TC

TT	TÊN MÔN HỌC/HỌC PHẦN	TC	Phân bố TC	
			LT	TH
1	Giải phẫu đại cương	1.5	1.0	0.5
2	Mô phôi	3.0	2.0	1.0
3	Sinh lý đại cương	1.0	1.0	0.0
4	Hóa sinh	3.0	2.5	0.5
5	Vi sinh	3.0	2.0	1.0
6	Ký sinh trùng	3.0	2.0	1.0
7	Giải phẫu bệnh đại cương	0.5	0.5	0.0
8	Sinh lý bệnh – Miễn dịch đại cương	2.0	1.5	0.5
9	Dược lý	4.0	3.0	1.0
10	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	1.5	1.5	0.0
11	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	1.5	1.5	0.0
12	Dịch tễ học	2.0	2.0	0.0
13	Điều dưỡng cơ bản	2.0	1.0	1.0
Tổng cộng		**28**	**21.5**	**6.5**

Kiến thức ngành: 131.5TC

TT	TÊN MÔN HỌC/HỌC PHẦN	TC	Phân bố TC	
			LT	TH
1.	Hệ miễn dịch huyết học	3.0	2.5	0.5
2.	Hệ tim mạch	4.0	3.0	1.0
3.	Hệ hô hấp	3.0	2.5	0.5
4.	Hệ tiêu hóa	4.0	3.0	1.0
5.	Hệ thận tiết niệu	3.5	2.5	1.0
6.	Hệ cơ xương khớp	4.0	3.0	1.0
7.	Hệ nội tiết chuyển hóa	2.5	2.0	0.5
8.	Hệ sinh dục, sinh sản và giới tính	3.5	2.5	1.0

9.	Hệ thần kinh và sức khỏe tâm thần	3.5	2.5	1.0
10.	Lâm sàng Nội cơ sở	2.0	0.0	2.0
11.	Lâm sàng Ngoại cơ sở	2.0	0.0	2.0
12.	Phẫu thuật thực hành	2.0	1.0	1.0
13.	Nội bệnh lý 1	5.0	3.0	2.0
14.	Ngoại bệnh lý 1	5.0	3.0	2.0
15.	Nội bệnh lý 2	5.0	3.0	2.0
16.	Ngoại bệnh lý 2	5.0	3.0	2.0
17.	Phụ sản 1	4.0	2.0	2.0
18.	Nhi khoa 1	4.0	2.0	2.0
19.	Phụ sản 2	3.0	2.0	1.0
20.	Nhi khoa 2	3.0	2.0	1.0
21.	Dược lâm sàng	2.0	1.5	0.5
22.	Truyền nhiễm	3.0	2.0	1.0
23.	Y học cổ truyền	4.0	3.0	1.0
24.	Lao	2.0	1.0	1.0
25.	Răng hàm mặt	2.0	1.0	1.0
26.	Tai mũi họng	2.0	1.0	1.0
27.	Mắt	2.0	1.0	1.0
28.	Da liễu	2.0	1.0	1.0
29.	Phục hồi chức năng	3.0	2.0	1.0
30.	Thần kinh	2.0	1.0	1.0
31.	Tâm thần	2.0	1.0	1.0
32.	Ung thư	2.0	1.0	1.0
33.	Pháp y	2.0	1.0	1.0
34.	Dị ứng	2.0	1.0	1.0
35.	Nghiên cứu khoa học	2.0	2.0	0.0
36.	Hồi sức cấp cứu	3.0	2.0	1.0
37.	Lão khoa	3.0	2.0	1.0

38.	Y học gia đình	2.0	2.0	0.0
39.	Chương trình y tế quốc gia	1.0	1.0	0.0
40.	Tổ chức và quản lý y tế	1.5	1.5	0.0
41.	Thực tập cộng đồng	3.0	1.0	2.0
42.	Thực tập nghề nghiệp	3.0	0.0	3.0
43.	Học phần chuyên môn tổng hợp/Khóa luận	10.0	5.0	5.0
Tổng cộng		**131.5**	**79.5**	**52**

8.3. Kế hoạch đào tạo theo năm học

Năm thứ nhất

TT	Tên môn học	TC	Số TC		Bộ môn phụ trách
			LT	TH	
1.	Giáo dục thể chất I	2.0	1.0	1.0	Bộ môn Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng
2.	Sinh học di truyền	3.0	2.5	0.5	Bộ môn Sinh học và di truyền
3.	Lý sinh	3.0	2.5	0.5	Bộ môn Y vật lý
4.	Hóa học	3.0	2.5	0.5	Bộ môn Hóa
5.	Giải phẫu đại cương	1.5	1.0	0.5	Bộ môn Giải phẫu
6.	Sinh lý đại cương	1.0	1.0	0.0	Bộ môn Sinh lý
7.	Ngoại ngữ cơ bản	3.0	3.0	0.0	Bộ môn Ngoại ngữ
8.	Tin học đại cương	2.0	0.5	1.5	Bộ môn Toán – Tin học
9.	Mô học	3.0	2.0	1.0	Bộ môn Mô học – Phôi thai học
10.	Hóa sinh	3.0	2.5	0.5	Bộ môn Hóa sinh
11.	Nhà nước và pháp luật	1.0	1.0	0.0	Bộ môn Y tế công cộng
12.	Điều dưỡng cơ bản	2.0	1.0	1.0	Bộ môn Điều dưỡng
13.	Triết học Mác - Lênin	3.0	3.0	0.0	Bộ môn Lý luận chính trị

TT	Tên môn học	TC	Số TC		Bộ môn phụ trách
			LT	TH	
14.	Giáo dục thể chất II	1.0	0.0	1.0	Bộ môn Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng
15.	Giáo dục quốc phòng an ninh và Y học quân sự	7.0	2.0	5.0	Bộ môn Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng
Tổng		**38.5**	**25.5**	**13**	

Năm thứ hai

TT	Tên môn học	TC	Số TC		Bộ môn phụ trách
			LT	TH	
1.	Sinh lý bệnh - Miễn dịch đại cương	2.0	1.5	0.5	Bộ môn Sinh lý bệnh – Miễn dịch
2.	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	1.5	1.5	0.0	Bộ môn Y tế công cộng
3.	Giải phẫu bệnh đại cương	0.5	0.5	0.0	Bộ môn Giải phẫu bệnh – Pháp y
4.	Kinh tế chính trị Mác - Lenin	2.0	2.0	0.0	Bộ môn Lý luận chính trị
5.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.0	2.0	0.0	Bộ môn Lý luận chính trị
6.	Dân số học	1.5	1.5	0.0	Bộ môn Y tế công cộng
7.	Tổ chức và quản lý y tế	1.5	1.5	0.0	Bộ môn Y tế công cộng
8.	Tâm lý y học – kỹ năng giao tiếp	1.5	1.5	0.0	Bộ môn Y tế công cộng
9.	Vi sinh	3.0	2.0	1.0	Bộ môn Vi sinh – Ký sinh trùng
10.	Ngoại ngữ 2	3.0	3.0	0.0	Bộ môn Ngoại ngữ
11.	Giáo dục thể chất III	1.0	0.0	1.0	Bộ môn Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng

TT	Tên môn học	TC	Số TC		Bộ môn phụ trách
			LT	TH	
12.	Hệ miễn dịch huyết học	3.0	2.5	0.5	Module Huyết học miễn dịch
13.	Hệ tim mạch	4.0	3.0	1.0	Module tim mạch
14.	Hệ hô hấp	3.0	2.5	0.5	Module hô hấp
Tổng		**29.5**	**25**	**4.5**	

Năm thứ ba

TT	Tên môn học	TC	Số TC		Bộ môn phụ trách
			LT	TH	
1.	Hệ tiêu hóa	4.0	3.0	1.0	Module tiêu hóa
2.	Hệ thận tiết niệu	3.5	2.5	1.0	Module thận tiết niệu
3.	Hệ cơ xương khớp	4.0	3.0	1.0	Module cơ xương khớp
4.	Ngoại ngữ 3	2.0	2.0	0.0	Bộ môn Ngoại ngữ
5.	Truyền thông và GDSK	1.5	1.5	0.0	Bộ môn Y tế công cộng
6.	Ký sinh trùng	3.0	2.0	1.0	Bộ môn Vi sinh – Ký sinh trùng
7.	Hệ nội tiết chuyển hóa	2.5	2.0	0.5	Module nội tiết chuyển hóa
8.	Hệ sinh dục sinh sản và giới tính	3.5	2.5	1.0	Module sinh dục sinh sản và giới tính
9.	Hệ thần kinh và sức khỏe tâm thần	3.5	2.5	1.0	Module thần kinh và sức khỏe tâm thần
10.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2.0	2.0	0.0	Bộ môn Lý luận chính trị
11.	Dược lý	4.0	3.0	1.0	Bộ môn Dược lý
12.	Lâm sàng Nội cơ sở	2.0	0.0	2.0	Bộ môn Nội tổ Y học hiện đại

TT	Tên môn học	TC	Số TC		Bộ môn phụ trách
			LT	TH	
13.	Lâm sàng Ngoại cơ sở	2.0	0.0	2.0	Bộ môn Ngoại tổ Y học hiện đại
Tổng		**37.5**	**26.0**	**11.5**	

Năm thứ tư

TT	Tên môn học	TC	Số TC		Bộ môn phụ trách
			LT	TH	
1.	Phẫu thuật thực hành	2.0	1.0	1.0	Bộ môn Ngoại tổ Y học hiện đại
2.	Nội bệnh lý 1	5.0	3.0	2.0	Bộ môn Nội tổ Y học hiện đại
3.	Ngoại bệnh lý 1	5.0	3.0	2.0	Bộ môn Ngoại tổ Y học hiện đại
4.	Dược lâm sàng	2.0	1.5	0.5	Bộ môn Dược lý
5.	Xác suất – Thống kê y học	2.0	2.0	0.0	Bộ môn Toán – Tin học
6.	Tin học ứng dụng	1.0	0.0	1.0	Bộ môn Toán – Tin học
7.	Phụ sản 1	4.0	2.0	2.0	Bộ môn Sản phụ khoa
8.	Nhi khoa 1	4.0	2.0	2.0	Bộ môn Nhi khoa
9.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.0	2.0	0.0	Bộ môn Lý luận chính trị
10.	Nghiên cứu khoa học	2.0	2.0	0.0	Bộ môn Y tế công cộng
11.	Dịch tễ học	2.0	2.0	0.0	Bộ môn Y tế công cộng
12.	Y học gia đình	2.0	2.0	0.0	Bộ môn Y tế công cộng
Tổng		**33.0**	**22.5**	**10.5**	

Năm thứ năm

TT	Tên môn học	TC	Số TC		Bộ môn phụ trách
			LT	TH	
1.	Y học cổ truyền	4.0	3.0	1.0	Module y học cổ truyền

TT	Tên môn học	TC	Số TC		Bộ môn phụ trách
			LT	TH	
2.	Lao	2.0	1.0	1.0	Bộ môn Truyền nhiễm – Da liễu
3.	Răng hàm mặt	2.0	1.0	1.0	Bộ môn Răng hàm mặt
4.	Tai mũi họng	2.0	1.0	1.0	Bộ môn Tai mũi họng
5.	Mắt	2.0	1.0	1.0	Bộ môn mắt
6.	Truyền nhiễm	3.0	2.0	1.0	Bộ môn Truyền nhiễm – Da liễu
7.	Da liễu	2.0	1.0	1.0	Bộ môn Truyền nhiễm – Da liễu
8.	Phục hồi chức năng	3.0	2.0	1.0	Bộ môn Phục hồi chức năng
9.	Thần kinh	2.0	1.0	1.0	Bộ môn Nội YHHĐ
10.	Tâm thần	2.0	1.0	1.0	Bộ môn Nội YHHĐ
11.	Ung thư	2.0	1.0	1.0	Bộ môn Ung bướu
12.	Pháp y	2.0	1.0	1.0	Bộ môn Giải phẫu bệnh
13.	Dị ứng	2.0	1.0	1.0	Bộ môn Nội YHHĐ
14.	Hồi sức cấp cứu	3.0	2.0	1.0	Bộ môn HSCC và CĐ
15.	Lão khoa	3.0	2.0	1.0	Bộ môn Lão
16.	Chương trình y tế quốc gia	1.0	1.0	0.0	Bộ môn Y tế công cộng
17.	Thực tập cộng đồng	3.0	1.0	2.0	Bộ môn Y tế công cộng
18.	Dinh dưỡng và VSATTP	1.5	1.5	0.0	Bộ môn Dinh dưỡng
Tổng		**41.5**	**24.5**	**17.0**	

Năm thứ sáu

TT	Tên môn học	TC	Số TC		Bộ môn phụ trách
			LT	TH	
1.	Nội bệnh lý 2	5.0	3.0	2.0	Bộ môn Nội YHHĐ
2.	Ngoại bệnh lý 2	5.0	3.0	2.0	Bộ môn Ngoại YHHĐ

TT	Tên môn học	TC	Số TC		Bộ môn phụ trách
			LT	TH	
3.	Phụ sản 2	3.0	2.0	1.0	Bộ môn Sản phụ
4.	Nhi khoa 2	3.0	2.0	1.0	Bộ môn Nhi
5.	Phổ biến pháp luật về hành nghề	1.0	1.0	0.0	Bộ môn Y tế công cộng
6.	Thực tập nghề nghiệp	3.0	0.0	3.0	Phòng Đào tạo đại học
7.	Học phần CMTH/ Khóa luận	10.0	5.0	5.0	Phòng Đào tạo đại học
Tổng		**30.0**	**16.0**	**14.0**	

8.4. Mô tả các học phần

Bảng 6. Mô tả các học phần

STT	TÊN HP	MÔ TẢ HỌC PHẦN
I. Khối kiến thức giáo dục đại cương		
1.	Triết học Mác – Lênin	Triết học Mác - Lênin là môn học trang bị cho người học thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung các môn học khác, nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác - Lênin. Giúp người học có khả năng vận dụng một cách sáng tạo, khoa học, biện chứng triết học Mác - Lênin trong hoạt động nhận thức, hoạt động thực tiễn cũng như trong sự nghiệp đổi mới đất nước và quá trình tu dưỡng bản thân. Đồng thời giúp người học có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu môn tư tưởng Hồ Chí Minh và môn Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam. Từ đó, người học có niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin và con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân

		dân ta đã lựa chon, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.
2.	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Môn Kinh tế chính trị Mác Lênin trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy kinh tế của người học. Trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường. Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với sinh viên Xây dựng, phát triển nhân sinh quan cách mạng và tu dưỡng đạo đức con người mới
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	CNXHKH là môn học trang bị cho người học những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa; Giúp người học đề cao cảnh giác và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch, những tuyên truyền chống phá của chủ nghĩa đế quốc, bọn phản động đối với Đảng, Nhà nước và chế độ ta; Từ đó góp phần quan trọng trong việc giáo dục niềm tin khoa học cho nhân dân vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần TTHCM trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương

		pháp nghiên cứu, ý nghĩa của việc học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; những kiến thức cơ bản, cốt lõi về hệ thống quan điểm TTHCM về con đường cách mạng Việt Nam. Từ đó, nâng cao nhận thức niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.
5.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; những kiến thức cơ bản, cốt lõi, có hệ thống về sự ra đời, phát triển, lãnh đạo, của Đảng qua các thời kỳ cách mạng. Học phần giúp người học có tư duy nghiên cứu, phân tích thấu đáo sự tài tình của Đảng CSVN trong việc lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ khi ra đời đến nay.
6.	Ngoại ngữ	Học phần **Tiếng Anh cơ bản** trang bị kiến thức cho sinh viên về các hiện tượng ngữ pháp cơ bản, từ vựng và thực hành nghe, nói, đọc, viết thông qua các chủ đề bài học và các loại hình bài tập phong phú và đa dạng. Học phần giúp sinh viên củng cố, luyện tập, nâng cao và biết sử dụng tiếng Anh có hiệu quả trong các tình huống giao tiếp và về các chủ điểm thông thường trong cuộc sống hàng ngày. Thông qua hoạt động học tập, sinh viên còn được rèn luyện và phát triển các phẩm chất cần thiết như khả năng tự học, tự tìm hiểu kiến thức, biết chia sẻ thông tin với người khác. Ngoài ra, sinh viên còn được cung cấp những kiến thức về văn hóa của nhiều nước trên thế giới qua các nội dung chủ đề bài học.

		Học phần Tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc tiếp theo (sau học phần Tiếng Anh cơ bản) của chương trình đào tạo Tiếng Anh không chuyên dành cho sinh viên của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam. Học phần này được thực hiện trong 3 tín chỉ, tương đương 45 tiết lên lớp, nhằm cung cấp kiến thức từ vựng và các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh: Nghe, Nói, Đọc, Viết trong môi trường chuyên ngành y khoa, đạt mức độ tương đương trung cấp (intermediate). Học phần Tiếng Anh 2 được xây dựng với 06 bài giảng nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức tiếng Anh học thuật về chuyên ngành y khoa, giúp cho sinh viên có được những kỹ năng ngôn ngữ và vốn từ vựng chuyên ngành cần thiết để có thể vận dụng một cách chính xác vào học tập và các tình huống hàng ngày trong môi trường làm việc, có khả năng đọc hiểu các tài liệu xác thực thuộc chuyên ngành bằng tiếng Anh, nghe hiểu được các cuộc thảo luận, báo cáo và bài giảng chuyên ngành bằng tiếng Anh; có kỹ năng phân tích để hoàn thành một bài báo cáo và một bài thuyết trình sử dụng tiếng Anh trong lĩnh vực chuyên ngành để giải quyết một vấn đề mà sinh viên quan tâm; có khả năng trình bày các kết quả trong một báo cáo và một bài thuyết trình; có khả năng thích nghi trong môi trường làm việc nhóm, có khả năng ứng biến tốt trong các tình huống thuyết trình. Đồng thời, thông qua học phần Tiếng Anh 2 giúp sinh viên nhận thức tầm quan trọng của việc học và ứng dụng tiếng Anh trong chuyên ngành để chủ động nghiên cứu và

		nâng cao khả năng tự học tiếng Anh, phục vụ cho công việc chuyên môn. Học phần Tiếng Anh 3 là học phần bắt buộc tiếp theo sau học phần Tiếng Anh 2 của chương trình đào tạo Tiếng Anh không chuyên dành cho sinh viên của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam. Học phần này được thực hiện trong 2 tín chỉ, tương đương 30 tiết lên lớp, nhằm tiếp tục cung cấp kiến thức từ vựng và các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh: Nghe, Nói, Đọc, Viết trong môi trường chuyên ngành y khoa, đạt mức độ tương đương trung cấp (intermediate). Học phần Tiếng Anh 3 được xây dựng với 06 bài giảng nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức tiếng Anh học thuật về chuyên ngành y khoa, giúp cho sinh viên có được những kỹ năng ngôn ngữ và vốn từ vựng chuyên ngành cần thiết để có thể vận dụng một cách chính xác vào học tập và các tình huống hàng ngày trong môi trường làm việc, có khả năng đọc hiểu các tài liệu xác thực thuộc chuyên ngành bằng tiếng Anh, nghe hiểu được các cuộc thảo luận, báo cáo và bài giảng chuyên ngành bằng tiếng Anh; có kỹ năng phân tích để hoàn thành một bài báo cáo và một bài thuyết trình sử dụng tiếng Anh trong lĩnh vực chuyên ngành để giải quyết một vấn đề mà sinh viên quan tâm; có khả năng trình bày các kết quả trong một báo cáo và một bài thuyết trình; có khả năng thích nghi trong môi trường làm việc nhóm, có khả năng ứng biến tốt trong các tình huống thuyết trình. Đồng thời, cùng với học phần Tiếng Anh 2, học phần Tiếng Anh 3 giúp sinh viên nhận thức tầm quan trọng của

		việc học và ứng dụng tiếng Anh trong chuyên ngành để chủ động nghiên cứu và nâng cao khả năng tự học tiếng Anh, phục vụ cho công việc chuyên môn.
7.	Tin học đại cương	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về tin học, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành. Cụ thể học phần cung cấp cho sinh viên một số kiến thức, kỹ năng cơ bản và thiết thực về Công nghệ thông tin: Mạng máy tính và Internet, phòng và chống virus, tổ chức và quản lý các tài nguyên của máy tính, sử dụng hệ điều hành Windows và xử lý các lỗi thông thường, trình duyệt web, thư điện tử. Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kĩ năng cơ bản để khai thác, sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word, phần mềm bảng tính điện tử Microsoft Excel, phần mềm trình chiếu Microsoft Power Point.
8.	Nhà nước và pháp luật	Học phần Nhà nước và pháp luật nghiên cứu các khái niệm cơ bản, các phạm trù chung nhất về Nhà nước và pháp luật dưới góc độ của khoa học pháp lý. Trên cơ sở đó nội dung của môn học nhằm phân tích cấu trúc của bộ máy nhà nước, chức năng và thẩm quyền của các cơ quan nhà nước trong bộ máy Nhà nước việt nam. Giới thiệu nội dung số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam, Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Cán bộ, công chức viên chức; Luật Hình sự và Luật Dân sự, Luật Lao động, Luật giáo dục; Luật Phòng chống tham nhũng để từ đó người học có thể dễ dàng tiếp cận với

		các ngành luật khác phát sinh từ các ngành luật chủ yếu này.
9.	Giáo dục thể chất*	Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội. Phát triển giáo dục và đào tạo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội. Trang bị cho người học kiến thức về Giáo dục thể chất để củng cố và phát triển thể lực góp phần nâng cao sức khỏe toàn diện.
10.	Giáo dục quốc phòng và Y học quân sự*	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đường lối quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và làm nghĩa vụ quân sự, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước; nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn 10 sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và làm nghĩa vụ quân sự, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		
1. Kiến thức cơ sở của khối ngành		

11.	Dân số học	Module dân số học sẽ giúp cho sinh viên được trang bị những kiến thức dân số, các yếu tố ảnh hưởng đến sự gia tăng dân số, tổ chức ngành dân số Việt Nam. Sinh viên cũng được học về các chính sách, chiến lược dân số trong giai đoạn hiện nay.
12.	Sinh học và di truyền	Học phần Sinh học gồm 3 tín chỉ (2.5 tín chỉ lý thuyết; 0.5 tín chỉ thực hành). Học phần Sinh học chứa đựng nội dung về tế bào, Sinh học phát triển cá thể, nguyên lý sinh thái, hệ thống sinh giới, đột biến NST, đột biến gen, một số kỹ thuật sinh học ứng dụng trong Y học, di truyền đơn gen, di truyền đa gen đa nhân tố ở người, di truyền nhóm máu, bất thường bẩm sinh và di truyền ung thư và kỹ năng thực hành cơ bản nhất của sinh học ứng dụng trong Y học và chăm sóc sức khỏe. Học phần giúp người học hiểu, hệ thống hóa các kiến thức về Sinh học và Di truyền để vận dụng vào các hoạt động của cá nhân và tổ chức trong quá trình hành nghề Y.
13.	Lý sinh	Phân tích các quá trình, hiện tượng vật lý cơ bản xảy ra ở cơ thể sống. Các nguyên lý của các ứng dụng kỹ thuật vật lý chính trong chẩn đoán và điều trị. Các tác dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể. Phần Thực hành Lý sinh cung cấp cho sinh viên những kiến thức thực tế về những vấn đề cơ bản của học phần Lý Sinh.
14.	Hóa học	Học phần này có 3 tín chỉ, trong đó có 2,5 tín chỉ lý thuyết và 0,5 tín chỉ thực hành, sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hoá học, hoá phân tích, hóa học hữu cơ, vô cơ; hướng dẫn thực hiện một số thí nghiệm để

		bổ sung cho lý thuyết và làm quen với một số thao tác trong phòng thí nghiệm nói chung và phòng xét nghiệm nói riêng. Phần thực hành thuộc học phần Hóa học nhằm hướng dẫn thực hiện một số thí nghiệm để bổ sung cho lý thuyết và làm quen với một số thao tác trong phòng thí nghiệm nói chung và phòng xét nghiệm nói riêng.
15.	Tin học ứng dụng	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Tin học ứng dụng vào chuyên ngành dược. Cụ thể học phần sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản về tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến trên Google, các Wedside uy tín của Việt Nam và nước ngoài, khai thác 1 số tính năng chuyên sâu của Google như trao đổi thông tin online thông qua google doc, google sheet, google slide, google form..., áp dụng phần mềm quản lý trích dẫn tài liệu tham khảo Endnote để giúp tự động hóa việc trích dẫn, lập danh mục quản lý và chèn tài liệu tham khảo vào đề tài nghiên cứu khoa học, luận văn. Ứng dụng Google Drive, trong đó có Google form để tạo ra mối liên kết dữ liệu từ Excel đến SPSS. Sử dụng thành thạo phần mềm SPSS nhằm mục đích quản lý, phân tích, xử lý thống kê dữ liệu trong nghiên cứu y học.
16.	Xác suất – thống kê y học	*Vị trí/vai trò:* Học phần Xác suất - thống kê y học là trang bị các khái niệm cơ bản về xác suất thống kê, đặc trưng của thống kê mô tả, mẫu và phân bố mẫu, ước lượng khoảng, kiểm định giả thuyết thống kê, so sánh các mẫu quan sát và bước đầu xử lý số liệu thống kê trong các nghiên cứu về y, dược.

		Mục đích: Giúp người học tham gia nghiên cứu khoa học, thực hiện các báo cáo, dự trù …trong lĩnh vực y dược. *Nội dung chính yếu*: + Xác suất: Định nghĩa, công thức, bài toán liên quan + Quy Luật: Quy luật liên tục, quy luật rời rạc. + Ước lượng khoảng + Kiểm định: Các dạng so sánh trung bình, các dạng so sánh phương sai
17.	Tâm lý học – Kỹ năng giao tiếp	Nội dung học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của Tâm lý Y học, giúp sinh viên nắm được kiến thức về tâm lý người bệnh, stress tâm lý, chẩn đoán tâm lý lâm sàng, liệu pháp tâm lý; những nội dung cơ bản về đạo đức trong y học và những kỹ năng giao tiếp cơ bản của người thầy thuốc.Từ đó vận dụng kiến thức để rèn luyện kỹ năng và thái độ giao tiếp chuẩn mực trong học tập và chăm sóc bệnh nhân.
18.	Truyền thông giáo dục sức khỏe	Mỗi bài trong phần này sẽ tập chung đi sâu vào phân tích từng khía cạnh của Y học gia đình như các nguyên lý trong thực hành y học gia đình, sử dụng một số công cụ trong đánh giá gia đình, quản lý được các bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng cũng như khám sàng lọc và tư vấn cho bệnh nhân ngoại trú và đặc biệt biết cách chăm sóc sức khỏe theo vòng đời dựa vào các nguyên lý y học gia đình để sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng vận dụng được các khái niệm, nguyên lý, công cụ đánh giá gia đình, quản lý bệnh mạn tính và chăm sóc sức khỏe cho người dân.

19.	Phổ biến pháp luật về hành nghề	Phổ biến pháp luật về hành nghề nghiên cứu các vấn đề liên quan đến hành nghề khám chữa bệnh, các vấn đề liên quan đến luật bảo hiểm xã hội, luật dược, một số các vấn đề liên quan đến hành nghề. Các quyền và nghĩa vụ của người hành nghề. Các quy định của Nhà nước về hành nghề khám bệnh chữa bệnh.
2. Kiến thức cơ sở của ngành		
20.	Giải phẫu đại cương	Vị trí/ vai trò: là học phần cơ sở ngành y về vai trò của Giải phẫu bệnh trong bệnh học lâm sàng. - Mục đích: Học phần Giải phẫu bệnh cung cấp kiến thức cơ bản về tổn thương từ mức độ tế bào, mô, cơ quan trong cơ thể, giải thích mối quan hệ giữa hình thái và chức năng, là cơ sở cho các triệu chứng, chẩn đoán lâm sàng. - Nội dung: Các nguyên nhân, khái niệm, đặc điểm mô bệnh học của các tổn thương cơ bản: nở to tế bào, teo đét tế bào, quá sản mô, rối loạn tuần hoàn, viêm, u ung thư.
21.	Mô phôi	Mô phôi thai học gồm 2 nội dung: mô học và phôi thai học - Mô phôi thai học là môn y học cơ sở, là môn học tiên quyết cho môn Giải phẫu bệnh. - Mô học là môn học nghiên cứu về hình thái ở mức độ vi thể và siêu vi thể của tế bào, mô và các cơ quan người bình thường. Nghiên cứu cấu trúc mô học người bình thường là điều kiện để học tốt môn giải phẫu bệnh. - Phôi thai học: nghiên cứu sự hình thành và phát triển của phôi thai người bình thường và một số dị dạng bẩm sinh thường gặp.
22.	Sinh lý đại cương	Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan và điều hòa chức

		năng trong mối liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau, giữa cơ thể và môi trường. Vận dụng những kiến thức cơ bản sinh lý học để giải thích một số rối loạn chức năng và ứng dụng vào học tập các môn lâm sàng
23.	Hóa sinh	Hoá sinh học là hoá học của sự sống. Trình bày được cấu tạo chức năng và vai trò sinh học của các chất trong tế bào bào – cơ quan, nồng độ các chất đó trong mỗi tế bào, mỗi dịch dinh vật, cơ chế tạo thành và quá trình vận chuyển các chất, quá trình thoái hóa vận chuyển các chất và tổng hợp các chất, trao đổi năng lượng để duy trì sự sống -Giải thích được các biểu hiện rối loạn chuyển hóa của tế bào trong trạng thái bệnh lý của một số bệnh -Ứng dụng được các kiến thức về Hóa sinh để giúp người học đưa ra các chẩn đoán và điều trị bệnh. Phần thực hành: Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về các chất sinh hóa trong cơ thể và chuyển hóa của chúng; chức năng, hoạt động sinh hóa của một số cơ quan, hệ thống cơ quan và điều hòa chức năng trong mối liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau, giữa cơ thể và môi trường. Vận dụng những kiến thức cơ bản hóa sinh để giải thích một số rối loạn chức năng, Nhận định được kết quả một số xét nghiệm cơ bản và thăm dò chức năng thường sử dụng trên lâm sàng và liên hệ với thực tế và ứng dụng các kiến thức đã học để lý giải các hiện tượng gặp trên lâm sàng.
24.	Vi sinh	Học phần vi sinh cung cấp cho sinh viên kiến thức về vi sinh vật, vi khuẩn, vi rút gây bệnh; các phương phát phát hiện, xét nghiệm vi sinh vật; các biện pháp phòng, chống

		vi sinh vật gây bệnh. Học phần giúp sinh viên ý thức được sự nguy hiểm của vi sinh vật gây bệnh đến sức khỏe cá nhân và cộng đồng để tư vấn các biện pháp phòng chống chúng. Phần thực hành: *Vị trí/ vai trò:* Thực hành vi sinh vật học là học phần thuộc môn học Vi sinh vật y học và là môn y học cơ sở. *Mục đích:* Giúp người học vận dụng được kiến thức ở phần lý thuyết trong học phần vận dụng vào hành nghề thực tế. *Nội dung chính yếu:* học phần thực hành giúp sinh viên y khoa hiểu và thực hiện được chẩn đoán vi sinh vật học cũng như ý thức được tầm quan trọng của vi sinh trong chẩn đoán nguyên nhân gây bệnh nhiễm trùng và giúp bác sỹ lâm sàng điều trị chính xác.
25.	Ký sinh trùng	Học phần Ký sinh trùng gồm các kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh học, hình thể, cấu tạo, đặc điểm sinh lý, sinh thái, chu kỳ phát triển, đặc điểm dịch tễ của các loại ký sinh trùng (KST) chủ yếu ở Việt Nam; đặc điểm bệnh học và tác hại của ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng; mối liên quan giữa vấn đề ký sinh trùng và sức khỏe cộng đồng; một số phương pháp chẩn đoán bệnh ký sinh trùng và nguyên tắc điều trị cá thể, điều trị cộng đồng; các nguyên tắc và biện pháp phòng chống ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thường gặp ở Việt Nam. Phần thực hành: *Vị trí/vai trò:* Thực hành ký sinh trùng là học phần thuộc môn học Ký sinh trùng y học và là môn y học cơ sở, đòi hỏi người học muốn hiểu về hình thể ký sinh trùng và làm

		một số kỹ thuật xét nghiệm trong ký sinh trùng vận dụng vào thực tế, thực hiện 11 chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo. *Mục đích*: Giúp người học vận dụng được kiến thức ở phần lý thuyết trong học phần vận dụng vào thực tế. *Nội dung chính yếu*: Sử dụng kỹ năng và tư duy trong xác định hình thể ký sinh trùng và làm một số kỹ thuật xét nghiệm trong ký sinh trùng.
26.	Giải phẫu bệnh đại cương	Giải phẫu học người là ngành khoa học nghiên cứu cấu trúc cơ thể con người, là môn cơ sở của các môn cơ sở cũng như các môn lâm sàng của y học. Giải phẫu người nghiên cứu vị trí, đặc điểm cấu trúc của các cơ quan, bộ phận trên cơ thể người bình thường. Người học có kiến thức chuyên sâu về giải phẫu, sẽ làm nền tảng phục vụ cho các môn học khác như Sinh lý, Mô học, Sinh lý bệnh, Giải phẫu bệnh; giúp người học hoàn thiện kiến thức tổng thể tiến tới xử lý thông tin cho Triệu chứng học và Bệnh học, điều trị. Các hệ cơ quan trong cơ thể là: hệ xương, hệ khớp, hệ cơ, hệ tiêu hoá, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiết niệu, sinh dục, hệ nội tiết và hệ thần kinh.
27.	Sinh lý bệnh – Miễn dịch đại cương	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về miễn dịch, sinh lý bệnh đại cương. Sau khi học xong sinh viên sẽ có những hiểu biết cơ bản về hệ thống miễn dịch của cơ thể, các kỹ thuật miễn dịch ứng dụng trong chẩn đoán, phòng bệnh. Đồng thời sinh viên phân tích được những rối loạn cơ bản, thay đổi của cơ thể khi có bệnh lý. Với kiến thức nền tảng này, sinh viên có thể tiếp cận những kỹ thuật và kiến thức chuyên sâu ở các môn chuyên ngành. Rèn luyện kỹ năng tư duy tổng hợp,

		vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn để chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh. Xây dựng thái độ học tập nghiêm túc, chuyên cần; xây dựng tác phong khoa học. Phần thực hành: *Vị trí/vai trò:* Phần thực hành Sinh lý bệnh Miễn dịch đại cương đòi hỏi người học phải thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm, kỹ thuật y khoa cơ bản, nhận định được kết quả thí nghiệm, giải thích được cơ chế bệnh sinh một số rối loạn cơ bản, liên hệ với thực tiễn lâm sàng. *Mục đích*: Giúp người học vận dụng được kiến thức ở phần lý thuyết trong học phần vận dụng vào hành nghề thực tế, phục vụ cho chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh dựa trên bằng chứng y học đảm bảo an toàn, hiệu quả. *Nội dung chính yếu*: Thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm, kỹ thuật y khoa cơ bản, nhận định được kết quả thí nghiệm, giải thích được cơ chế bệnh sinh một số rối loạn cơ bản, liên hệ với thực tiễn lâm sàng. Người học biết vận dụng những kiến thức Sinh lý bệnh Miễn dịch đại cương để giải thích một số rối loạn chức năng và ứng dụng vào học tập các môn lâm sàng phục vụ cho chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh dựa trên bằng chứng y học đảm bảo an toàn, hiệu quả.
28.	Dược lý	Học phần Dược lý (phần lý thuyết) cung cấp các kiến thức cơ bản về dược lý học: Số phận của thuốc trong cơ thể, các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc, cơ chế tác dụng, các cách tác dụng và tác dụng không mong muốn khi sử dụng thuốc. Ngoài ra, còn cung cấp kiến thức về dược lý (tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, tác dụng không mong muốn, tương tác thuốc và liều dùng) của

		các nhóm thuốc cụ thể, ngộ độc thuốc và cách điều trị ngộ độc. Các kiến thức này giúp sinh viên phân loại được các thuốc theo nhóm bệnh, từ đó dễ dàng vận dụng các kiến thức đã học trong việc kê đơn thuốc và hướng dẫn cách dùng thuốc cho người bệnh trong tình huống bệnh cụ thể. Ngoài ra, sinh viên có khả năng tự chủ, tự giải quyết vấn đề và quyết định dùng thuốc trong điều trị cho phù hợp và hiệu quả.
29.	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	Dinh dưỡng & ATTP là môn học cung cấp những kiến thức dinh dưỡng từ cơ bản đến chuyên sâu bao gồm dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng lâm sàng, dinh dưỡng tế bào.... từ đó giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của dinh dưỡng đối với sức khỏe; nghiên cứu và lập ra những kế hoạch để can thiệp đối với những người đã và đang gặp các vấn đề về dinh dưỡng. Từ đó đưa ra giải pháp hiệu quả để khắc phục tình trạng mất cân bằng dinh dưỡng ở người bệnh, xây dựng nên chế độ ăn uống hợp lý, lành mạnh để đảm bảo sức khỏe tốt cho người bệnh.
30.	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	Học phần nghiên cứu khoa học y hoc cơ bản nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của trình độ đào tạo BS ngành y khoa với thời lượng 1,5 tín chỉ gồm 13 bài bao gồm cả 4 bài đọc thêm giúp học viên thực hiện được các bước cơ bản của thiết kế nghiên ứu khoa học y học, xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học và có thể tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở dưới sự hướng dẫn giám sát của thày cô Học viện. Nội dung gồm các khái niệm và nguyên lý cơ bản và các thiết kế chiến lược nghiên cứu khoa học y học cơ bản;

		cách xây dựng bộ công cụ thu thập thông tin; viết đề cương nhiên cứu khoa học
31.	Dịch tễ học	Nội dung gồm các khái niệm và nguyên lý cơ bản của dịch tễ học; các chỉ số sức khoẻ chủ yếu của cộng đồng; cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh; các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học; các sai số và khống chế sai số trong nghiên cứu dịch tễ học.
32.	Điều dưỡng cơ bản	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản nhằm phát triển kỹ năng trong chăm sóc người bệnh. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ có cơ hội áp dụng kiến thức đã học vào thực hành và vào việc thực hiện công tác điều trị, chăm sóc bệnh nhân tại bệnh viện. Rèn luyện ý thức, thái độ, tác phong và trách nhiệm cho sinh viên khi tham gia công tác chăm sóc sức khoẻ người bệnh.
3. Kiến thức ngành		
33.	Hệ miễn dịch huyết học	Bệnh học cơ sở hệ Miễn dịch- Huyết học, là một học phần quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa, đào tạo bác sĩ chuyên khoa YHCT… Nó là một môn học vừa mang tính cơ bản của y học cơ bản vừa mang tính lâm sàng của khoa học lâm sàng. Đào tạo theo kiến thức tích hợp giúp người học nhận thức được thấu đáo và toàn diện, tổng quan và cụ thể một vấn đề khoa học y học nhất định như miễn dịch và huyết học. Phần thực hành: *Vị trí/vai trò:* Phần thực hành hệ Miễn dịch- Huyết học thuộc học phần module Miễn dịch- Huyết học đòi hỏi người học có những kĩ năng khám và chẩn đoán bệnh cơ

		bản trước khi đi lâm sàng, thực hiện 11 chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo. *Mục đích*: Giúp người học vận dụng được kiến thức ở phần lý thuyết trong học phần vận dụng vào lâm sàng. *Nội dung chính yếu*: Sử dụng kỹ năng và tư duy trong giải phẫu, Chẩn đoán hình ảnh, các nghiệm pháp cơ bản sử dụng cho BN Miễn dịch- Huyết học, các bước thăm khám và chẩn đoán bệnh lý cơ bản, thường gặp của hệ Miễn dịch- Huyết học để áp dụng tốt trên lâm sàng.
34.	Hệ tim mạch	Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản của hệ tim mạch: giải phẫu, sinh lý bộ máy tim mạch (trong trạng thái bình thường); kiến thức về sinh lý bệnh, giải phẫu bệnh trong các bệnh lý tim mạch; Các triệu chứng - hội chứng lâm sàng bệnh tim mạch, các thăm dò cận lâm sàng - chẩn đoán hình ảnh ứng dụng trong chẩn đoán bệnh lý tim mạch; kỹ thuật thăm khám lâm sàng bệnh tim mạch; phát hiện được các dấu hiệu bệnh lý tim mạch.
35.	Hệ hô hấp	Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản của hệ hô hấp: giải phẫu, sinh lý bộ máy hô hấp (trong trạng thái bình thường); kiến thức về sinh lý bệnh, giải phẫu bệnh trong các bệnh lý hô hấp; Các triệu chứng - hội chứng lâm sàng bệnh hô hấp, các thăm dò cận lâm sàng – chẩn đoán hình ảnh ứng dụng trong chẩn đoán bệnh lý hô hấp; kỹ thuật thăm khám lâm sàng bệnh hô hấp; phát hiện được các dấu hiệu bệnh lý hô hấp.
36.	Hệ tiêu hóa	Học phần Module Tiêu Hoá gồm những môn học: giải phẫu, sinh lý, giải phẫu bệnh, sinh lý bệnh, chẩn đoán hình ảnh, nội cơ sở. Bao gồm các kiến thức về hoạt động sinh lý của cơ quan tiêu hóa: ống tiêu hóa, tuyến tiêu hóa. Các

		cơ chế bệnh lý tại dạ dày, rối loạn bài tiết dịch và rối loạn co bóp, giải thích cơ chế một số hiện tượng bệnh lý của cơ quan tiêu hóa. Bao gồm kiến thức giải phẫu về đại thể và vi thể của cơ quan tiêu hóa, giúp học viên hiểu được nguyên nhân, cơ chế các bệnh lý hệ thống tiêu hóa. Kiến thức về kĩ thuật chẩn đoán hình ảnh dùng trong chẩn đoán bệnh lý cơ quan tiêu hóa, hình ảnh bình thường bệnh lý của cơ quan tiêu hóa thể hiện trên cận lâm sàng và bao gồm các kiến thức nội khoa cơ bản của cơ quan tiêu hóa.
37.	Hệ thận tiết niệu	Bệnh học cơ sở hệ thận tiết niệu, là một học phần quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa, đào tạo bác sĩ chuyên khoa YHCT… Nó là một môn học vừa mang tính cơ bản của y học cơ bản vừa mang tính lâm sàng của khoa học lâm sàng. Đào tạo theo kiến thức tích hợp giúp người học nhận thức được thấu đáo và toàn diện, tổng quan và cụ thể một vấn đề khoa học y học nhất định như thận- tiết niệu. Phần thực hành: *Vị trí/vai trò:* Phần thực hành hệ Thận – TN thuộc học phần module thận - TN đòi hỏi người học có những kĩ năng khám và chẩn đoán bệnh cơ bản trước khi đi lâm sàng, thực hiện 11 chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo. *Mục đích*: Giúp người học vận dụng được kiến thức ở phần lý thuyết trong học phần vận dụng vào lâm sàng. *Nội dung chính yếu*: Sử dụng kỹ năng và tư duy trong giải phẫu, Chẩn đoán hình ảnh, các nghiệm pháp cơ bản sử dụng cho BN thận –TN, các bước thăm khám và chẩn đoán bệnh lý cơ bản, thường gặp của hệ Thận – TN để áp dụng tốt trên lâm sàng.

38.	Hệ cơ xương khớp	Bệnh học cơ sở hệ Cơ xương khớp, là một học phần quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa… Nó là một môn học vừa mang tính cơ bản của y học cơ bản vừa mang tính lâm sàng của khoa học lâm sàng. Đào tạo theo kiến thức tích hợp giúp người học nhận thức được thấu đáo và toàn diện, tổng quan và cụ thể một vấn đề khoa học y học nhất định như cơ xương khớp. Phần thực hành: *Vị trí/vai trò:* Phần thực hành hệ Cơ xương khớp thuộc học phần module cơ xương khớp đòi hỏi người học có những kĩ năng khám và chẩn đoán bệnh cơ bản trước khi đi lâm sàng, thực hiện 11 chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo. *Mục đích*: Giúp người học vận dụng được kiến thức ở phần lý thuyết trong học phần vận dụng vào lâm sàng. *Nội dung chính yếu*: Sử dụng kỹ năng và tư duy trong giải phẫu, Chẩn đoán hình ảnh, các nghiệm pháp cơ bản sử dụng cho BN Cơ xương khớp, các bước thăm khám và chẩn đoán bệnh lý cơ bản, thường gặp của hệ Cơ xương khớp để áp dụng tốt trên lâm sàng.
39.	Hệ nội tiết chuyển hóa	Bệnh học cơ sở hệ nội tiết, là một học phần quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa, đào tạo bác sĩ chuyên khoa YHCT… Nó là một môn học vừa mang tính cơ bản của y học cơ bản vừa mang tính lâm sàng của khoa học lâm sàng. Đào tạo theo kiến thức tích hợp giúp người học nhận thức được thấu đáo và toàn diện, tổng quan và cụ thể một vấn đề khoa học y học nhất định như nội tiết. Phần thực hành: *Vị trí/vai trò:* Phần thực hành hệ Nội tiết thuộc học phần module nội tiết đòi hỏi người học có những

		kĩ năng khám và chẩn đoán bệnh cơ bản trước khi đi lâm sàng, thực hiện 11 chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo. *Mục đích*: Giúp người học vận dụng được kiến thức ở phần lý thuyết trong học phần vận dụng vào lâm sàng. *Nội dung chính yếu*: Sử dụng kỹ năng và tư duy trong giải phẫu, Chẩn đoán hình ảnh, các nghiệm pháp cơ bản sử dụng cho BN nội tiết, các bước thăm khám và chẩn đoán bệnh lý cơ bản, thường gặp của hệ Nội tiết để áp dụng tốt trên lâm sàng.
40.	Hệ sinh dục, sinh sản và giới tính	Giúp sinh viên có kiến thức tổng hợp, phân tích và vận dụng các kiến thức của YHCT và YHHĐ trong viêc học tập và nghiên cứu về cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, các phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ, đồng thời nghiêm cứu nguyên nhân, biện chứng luận trị , chẩn đoán và pháp phương điều trị các mặt bệnh ngoại khoa theo YHCT kết hợp YHHĐ. Từ đó giúp sinh viên có kỹ năng khám, chẩn đoán, đưa ra pháp phương điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT kết hợp YHHĐ.
41.	Hệ thần kinh và sức khỏe tâm thần	Có vị trí, vai trò quan trọng để hình thành phẩm chất, năng lực của người bác sỹ. Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản của hệ thần kinh: giải phẫu, sinh lý bộ máy thần kinh (trong trạng thái bình thường); kiến thức về sinh lý bệnh, giải phẫu bệnh trong các bệnh lý tâm thần kinh; Các triệu chứng - hội chứng lâm sàng bệnh tâm thần kinh, các thăm dò cận lâm sàng – chẩn đoán hình ảnh ứng dụng trong chẩn đoán bệnh lý tâm thần kinh; kỹ thuật thăm khám lâm sàng bệnh tâm thần kinh; phát hiện được các dấu hiệu bệnh lý tâm thần kinh.

42.	Lâm sàng Nội cơ sở	Phần thực hành/ lâm sàng: *Vị trí/vai trò của phần Thực hành/ seminar*: Học phần bệnh học là học phần rất quan trong, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về triệu chứng học các bệnh lý nội khoa thường gặp. *Mục đích* của phần Học phần: giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng thăm khám nhận định triệu chứng và lập luận chẩn đoán. *Nội dung chính yếu*: Học phần này sẽ tập trung chủ yếu vào thực hành các kỹ năng thăm khám, hỏi bệnh, nhận định ttriệu chứng cơ năng và thực thể một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng từ đó quy về hội chứng bệnh, lập luận chẩn đoán đưa ra chẩn đoán sơ bộ, chỉ định cận lâm sàng và nhận định được kết quả cận lâm sàng.
43.	Lâm sàng Ngoại cơ sở	*Vị trí/vai trò:* Phần lâm sàng Học phần NGOẠI CƠ SỞ Y HỌC HIỆN ĐẠI gồm những kiến thức, kỹ năng cơ bản về thăm khám, các triệu chứng và hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp; kiến thức cơ bản về vô khuẩn và tiệt khuẩn trong ngoại khoa và kiến thức cơ bản về sơ cứu ban đầu của một số cấp cứu ngoại khoa thường gặp. Học phần cũng giúp sinh viên khai thác bệnh sử, tiền sử, khám và phát hiện được các triệu chứng, hội chứng lâm sàng, cận lâm sàng của các bệnh đường tiêu hóa, lồng ngực mạch máu và nhiễm khuẩn tiệt khuẩn trong ngoại khoa. Khai thác bệnh sử, tiền sử, khám và phát hiện được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, các hội chứng của

		các bệnh ngoại thần kinh, chấn thương chỉnh hình, ngoại niệu thường gặp. - Thực hiện được sơ cứu ban đầu trong cấp cứu ngoại khoa - Có phương pháp luận khoa học trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học
44.	Phẫu thuật thực hành	Phẫu thuật thực hành là môn học liên quan chặt chẽ với các môn học lâm sàng, đặc biệt là ngoại khoa. Sinh viên được cung cấp kiến thức cơ bản về phẫu thuật ngoại khoa, nắm được các kỹ thuật trước khi thực tập ngoại khoa tại bệnh viện, kỹ thuật rửa tay mặc áo, mang găng. Nắm được một số kĩ năng ngoại khoa căn bản trong phẫu thuật: kỹ thuật cắt ruột thừa, kỹ thuật đóng mở thành bụng, kỹ thuật khâu nối tiêu hóa, kỹ thuật cầm máu…. Nắm được một số kỹ thuật trong ngoại khoa cấp cứu như: mở khí quản cấp cứu, dẫn lưu màng phổi, xử trí vết thương phần mềm, mở thông bàng quang cấp cứu. Nắm được kiến thức, kỹ thuật cơ bản, những thủ thuật chính trong ngoại khoa nhằm mục đích chẩn đoán và điều trị bệnh.
45.	Nội bệnh lý 1	Học phần bệnh học là học phần rất quan trong, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học các bệnh nội khoa thường gặp, giúp cho người học có cái nhìn khái quát về bệnh, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa thường gặp. Phần thực hành lâm sàng sẽ tập trung chủ yếu vào thăm khám, nhận định các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và đề xuất hướng điều trị cụ thể một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng. Phần thực hành/ lâm sàng:

		Vị trí/vai trò của phần Thực hành/ seminar: Học phần bệnh học là học phần rất quan trong, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học một số bệnh nội khoa thông thường. *Mục đích* của phần Học phần: giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng chẩn đoán và đưa ra hướng điều trị cụ thể cho một số bệnh nội khoa thông thường. *Nội dung chính yếu*: Học phần này sẽ tập trung chủ yếu vào thực hành các kỹ năng thăm khám, hỏi bệnh, nhận định ttriệu chứng cơ năng và thực thể một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng từ đó quy về hội chứng bệnh, lập luận chẩn đoán đưa ra chẩn đoán sơ bộ ,chỉ định cận lâm sàng và nhận định được kết quả cận lâm sàng từ đó lập luận đua ra chẩn đoán xác định và hướng điều trị cụ thể cho một số bệnh nội khoa thường gặp.
46.	Ngoại bệnh lý 1	Sau khi học xong Học phần Ngoại Bệnh lý 1, sinh viên nắm vững được: - Kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý Ngoại khoa - Có phương pháp luận khoa học của YHHĐ trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học - Cách thăm khám phát hiện các triệu chứng lâm sàng thường gặp và các trường hợp cấp cứu thông thường trong Ngoại YHHĐ - Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường - Chẩn đoán được một số bệnh ngoại khoa thông thường

		- Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của ngoại khoa YHHĐ
47.	Nội bệnh lý 2	Học phần bệnh học là học phần rất quan trong, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học các bệnh nội khoa thường gặp, giúp cho người học có cái nhìn khái quát về bệnh, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa thường gặp. Phần thực hành lâm sàng sẽ tập trung chủ yếu vào thăm khám, nhận định các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và đề xuất hướng điều trị cụ thể một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng. Phần thực hành/ lâm sàng: *Vị trí/vai trò của phần Thực hành/ seminar*: Học phần bệnh học là học phần rất quan trong, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học một số bệnh nội khoa thông thường. *Mục đích* của phần Học phần: giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng chẩn đoán và đưa ra hướng điều trị cụ thể cho một số bệnh nội khoa thông thường. *Nội dung chính yếu*: Học phần này sẽ tập trung chủ yếu vào thực hành các kỹ năng thăm khám, hỏi bệnh, nhận định ttriệu chứng cơ năng và thực thể một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng từ đó quy về hội chứng bệnh, lập luận chẩn đoán đưa ra chẩn đoán sơ bộ ,chỉ định cận lâm sàng và nhận định được kết quả cận lâm sàng từ đó lập luận đua ra chẩn đoán xác định và hướng điều trị cụ thể cho một số bệnh nội khoa thường gặp.
48.	Ngoại bệnh lý 2	Sau khi học xong Học phần Ngoại bệnh lý 2, học sinh nắm vững được:

		- Kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý ngoại YHHĐ - Có phương pháp luận khoa học của YHHĐ trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học - Cách thăm khám phát hiện các triệu chứng lâm sàng thường gặp và các trường hợp cấp cứu thông thường trong Ngoại YHHĐ - Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh ngoại khoa thông thường. - Chẩn đoán được một số bệnh ngoại khoa thông thường và tiên lượng điều trị. Thực hiện được một số thủ thuật, tiểu phẫu thuật cơ bản khi điều trị các bệnh lý ngoại khoa.
49.	Phụ sản 1	Sản phụ khoa là môn học về các chứng bệnh của riêng người phụ nữ, bao gồm các bệnh của bộ máy sinh dục nữ và tất cả những gì có liên quan. Nó trang bị cho học sinh kiến thức về đặc điểm sinh lý, bệnh lý, cách khám phát hiện bệnh, cách phòng và điều trị các bệnh phụ khoa, sản khoa. Gồm 2 nội dung cơ bản: - Đặc điểm sinh lý, bệnh lý, nguyên tắc điều trị sản phụ khoa - Phụ khoa: Bệnh lý của bộ phận sinh dục nữ ngoài thời kỳ sinh đẻ - Sản khoa: Là tình trạng thai nghén và các bệnh lý liên quan đến sinh đẻ
50.	Nhi khoa 1	Nội dung gồm những vấn đề chính của chiến lược chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em, các ưu tiên nhi khoa và chương trình quốc gia về lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh.

		Đặc điểm giải phẫu, sinh lý, tâm lý trẻ em. Đánh giá sự phát triển thể chất, tinh thần và vận động trẻ em. Các kiến thức cơ bản về bệnh lý trẻ em: Dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và các nguyên tắc xử trí bệnh. Chẩn đoán và xử trí các bệnh, các cấp cứu nội khoa thường gặp ở trẻ em. Tư vấn giáo dục sức khỏe về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ trẻ em. Phần thực hành: *Vị trí/vai trò:* Phần thực hành Nhi khoa 1 là bộ phận của Học phần Nhi khoa 1, có ý nghĩa quan trọng trong việc đào tạo sinh viên Y khoa đạt các chuẩn đầu ra phù hợp của chương trình đào tạo *Mục đích*: Giúp người học vận dụng được kiến thức ở phần lý thuyết trong học phần vận dụng vào hành nghề thực tế. *Nội dung chính yếu*: bao gồm cách khám và phát hiện các triệu chứng bất thường, các xét nghiệm. Chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp ở trẻ em.
51.	Phụ sản 2	Sản phụ khoa là môn học về các chứng bệnh của riêng người phụ nữ, bao gồm các bệnh của bộ máy sinh dục nữ và tất cả những gì có liên quan. Nó trang bị cho học sinh kiến thức về đặc điểm sinh lý, bệnh lý, cách khám phát hiện bệnh, cách phòng và điều trị các bệnh phụ khoa, sản khoa. Gồm nội dung cơ bản: - Đặc điểm sinh lý, bệnh lý, nguyên tắc điều trị sản phụ khoa - Phụ khoa: Bệnh lý của bộ phận sinh dục nữ ngoài thời kỳ sinh đẻ

		- Sản khoa: Là tình trạng thai nghén và các bệnh lý liên quan đến sinh đẻ
52.	Nhi khoa 2	Học phần Nhi khoa 2 sẽ ôn lại, củng cố và hoàn thiện các kiến thức đã học ở học phần Nhi khoa 1. Học phần này giúp sinh viên hoàn thiện hơn các kỹ năng thăm khám, ra chỉ định xét nghiệm, phân tích kết quả xét nghiệm, chẩn đoán, điều trị các bệnh lý nhi khoa cơ bản đã được học ở học phần Nhi khoa 1, bên cạnh đó bổ sung kiến thức chẩn đoán, điều trị một số bệnh lý cấp cứu Nhi thường gặp và các bệnh lý khác, ít gặp hơn và phức tạp hơn mà các học phần khác chưa được học. Học phần Nhi khoa 2 giúp sinh viên nâng cao tính tích cực, chủ động và chuyên nghiệp, tạo mội trường để sinh viên trở thành bác sĩ tận tâm, có kiến thức và làm việc chuyên nghiệp. Phần thực hành: *Vị trí/vai trò:* Phần thực hành Nhi khoa 2 là bộ phận của Học phần Nhi khoa 2, có ý nghĩa quan trọng trong việc đào tạo sinh viên Y khoa đạt các chuẩn đầu ra phù hợp của chương trình đào tạo *Mục đích*: Giúp người học vận dụng được kiến thức ở phần lý thuyết trong học phần vận dụng vào hành nghề thực tế. *Nội dung chính yếu*: bao gồm cách khám và phát hiện các triệu chứng bất thường, các xét nghiệm. Chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp ở trẻ em
53.	Dược lâm sàng	Dược lâm sàng là một môn học của ngành Dược nhằm tối ưu hóa việc sử dụng thuốc trong điều trị và phòng bệnh trên cơ sở những kiến thức về Dược và Y – Sinh học. Học phần Dược lâm sàng cung cấp kiến thức về các thông số

		dược động học cơ bản, số phận của thuốc trong cơ thể, sự biến đổi các thông số dược động học và hiệu chỉnh liều khi sử dụng thuốc ở bệnh nhân suy giảm chức năng gan thận, tương tác thuốc, dị ứng thuốc, phản ứng bất lợi của thuốc, đường đưa thuốc và cách sử dụng.
54.	Truyền nhiễm	Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về bệnh Truyền Nhiễm: Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, các mức độ biểu hiện lâm sàng, chẩn đoán, dịch tễ cũng như khả năng lây nhiễm của bệnh truyền nhiễm, biết cách phòng bệnh cho bản thân và cộng đồng bị không bị lây nhiễm. Vận dụng kiến thức đã học để xác định chẩn đoán và sàng lọc một số bệnh lý thường gặp ở Việt Nam.
55.	Y học cổ truyền	Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về bệnh Truyền Nhiễm: Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, các mức độ biểu hiện lâm sàng, chẩn đoán, dịch tễ cũng như khả năng lây nhiễm của bệnh truyền nhiễm, biết cách phòng bệnh cho bản thân và cộng đồng bị không bị lây nhiễm. Vận dụng kiến thức đã học để xác định chẩn đoán và sàng lọc một số bệnh lý thường gặp ở Việt Nam.
56.	Lao	Bệnh lao có thể điều trị khỏi trên 90% các trường hợp bị mắc nếu người bệnh kiên trì điều trị đúng nguyên tắc. Phát hiện và điều trị sớm bệnh lao sẽ giảm thiểu được các di chứng nặng nề ảnh hưởng đến sức khoẻ và khả năng lao động của người bệnh. - Điều trị bệnh lao nhằm những mục đích: khỏi bệnh, giảm tỷ lệ tử vong, giảm tỷ lệ kháng thuốc cũng như giảm sự lây truyền trong cộng đồng và cuối cùng là thực hiện ước mơ muôn đời của loài người là thanh toán bệnh lao.

		- Điều trị các bệnh là việc làm hết sức quan trọng và vô cùng phức tạp. Muốn việc điều trị có hiệu quả thì ngay từ đầu bệnh nhân phải được thăm khám lâm sàng tỉ mỉ, chỉ định các xét nghiệm, thăm dò cận lâm sàng phù hợp để đưa ra được chẩn đoán bệnh chính xác và đầy đủ. Từ đó mới có hướng điều trị kịp thời, an toàn mà hiệu quả.
57.	Răng hàm mặt	Môn học Bệnh học và Điều trị RHM hiện đại mô tả về những thay đổi tâm sinh lý và bệnh lý ở RHM theo quan điểm YHHĐ. Từ đó, đưa ra các nguyên tắc điều trị bệnh lý RHM theo YHHĐ. Môn học hướng dẫn học viên cách thức chẩn đoán và điều trị các bệnh RHM thông thường bằng các liệu pháp YHHĐ.
58.	Tai mũi họng	Môn học Tai Mũi Họng bao gồm những bệnh lý Tai Mũi Họng và cấp cứu thường gặp ở mọi độ tuổi trên quan điểm YHHĐ. Môn học hướng dẫn sinh viên cách thức chẩn đoán và điều trị các bệnh Tai Mũi Họng thông thường.
59.	Mắt	Nội dung Mắt gồm: Giải phẫu và sinh lý mắt, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh mắt thông thường. Sơ cứu và điều trị một số bệnh cấp cứu về mắt thường gặp. Vai trò và mối liên quan bệnh mắt và bệnh toàn thân. Sử dụng một số phương tiện khám mắt thông thường. Các biện pháp bảo vệ và phòng chống bệnh mắt.
60.	Da liễu	Là học phần bắt buộc đối với Y đa khoa - Mục đích chính yếu của học phần là cho sinh viên làm quen với chuyên ngành da liễu, có thể chẩn đoán, điều trị, phòng ngừa một số bệnh da liễu thường gặp. - Nội dung chính của học phần là giảng dạy lý thuyết và lâm sàng một số tổn thương cơ bản, chẩn đoán, điều trị và phòng một số bệnh da liễu thường gặp

61.	Phục hồi chức năng	Phục hồi chức năng là các biện pháp y học, xã hội, hướng nghiệp, giáo dục làm hạn chế tối đa giảm chức năng, tạo cho người khuyết tật có cơ hội tham gia các hoạt động để hội nhập, tái hội nhập xã hội, có cơ hội bình đẳng trong cộng đồng xã hội.
62.	Thần kinh	Có vị trí, vai trò quan trọng để hình thành phẩm chất, năng lực của người bác sỹ. Nội dung bao gồm các kiến thức, kỹ năng khám và phát hiện một số triệu chứng thần kinh thường gặp: khám vận động, cảm giác, phản xạ, phối hợp vận động thăng bằng, 12 đôi dây thần kinh sọ não, dấu hiệu (tăng áp lực nội sọ, Kernig, Babinsky, Romberg…). Chẩn đoán và nguyên tắc xử trí một số hội chứng và bệnh thần kinh thường gặp: hội chứng liệt nửa người, hội chứng liệt hai chân, hội chứng thắt lưng hông, liệt mặt, tai biến mạch máu não, …Môn nội thần kinh liên quan đến kiến thức môn nội bệnh lý, ngoại bệnh lý. Để học tốt môn này người học cần phải có kiến thức về giải phẫu và sinh lý thần kinh người. Do sự phát triển của khoa học- kỹ thuật đã có nhiều phương pháp hỗ trợ tốt chẩn đoán bệnh thần kinh: chụp (cộng hưởng từ hạt nhân, cắt lớp PET, SPECT,…), siêu âm Doppler, điện cơ, điện thế khiêu gợi,…đồng thời đã mở ra nhiều phương pháp nghiên cứu mới như dùng tế bào gốc, dược phẩm mới,… Có nhiều công trình nghiên cứu sâu để chữa các bệnh thần kinh khó như: Alzheimer, điếc thần kinh, các chứng đau, Parkinson,…đang hứa hẹn triển vọng tốt.
63.	Tâm thần	Sinh viên có hiểu biết đầy đủ về các chẩn đoán Tâm thần theo danh mục của ICD10, chương F, có tham khảo quyết

		định 2058/ QĐ-BYT ngày 14 tháng năm 2020 về việc lựa chọn các vấn đề bệnh học Tâm thần trong thực tiễn lâm sàng tại Việt Nam; cũng như cách quản lý; điều trị và cách chăm sóc bệnh nhân có rối loạn tâm thần. Sinh viên có hiểu biết về các khía cạnh đạo đức hành nghề và pháp luật trong thực hành lâm sàng Tâm Thần. Học phần lâm sàng có vị trí quan trọng và giữ vai trò quyết định năng lực chuyên môn của bác sỹ. Nội dung bao gồm khám phát hiện các triệu chứng thần kinh (lâm sàng và cận lâm sàng) của các bệnh thần kinh hay gặp từ đó đưa ra chẩn đoán và cách xử trí cụ thể: hội chứng màng não, tiền đình, liệt hai chân, hội chứng thắt lưng hông, liệt mặt, động kinh, tai biến mạch máu não, bệnh nhân hôn mê, tổn thương dây thần kinh sọ não. Sơ bộ biết đọc kết quả từ phim chụp cắt lớp vi tính, cộng hưởng từ (sọ não, tủy sống) điện não, điện cơ, dịch não tủy, cũng như các xn máu, nước tiểu thường qui.
64.	Ung thư	Sinh viên được trang bị kiến thức về dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm sàng lọc, chẩn đoán, loại trừ, nguyên tắc điều trị, lập kế hoạch điều trị và điều trị thực tiễn từ đó có thể tự nhận định, chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc, điều trị và xử trí biến chứng, di chứng bệnh nhân mắc bệnh Ung thư. Dự phòng và phát hiện sớm một số bệnh ung thư thường gặp
65.	Pháp y	Vị trí/vai trò: Pháp y là môn học ứng dụng kiến thức và phương tiện y học, sinh học để bổ trợ cho hoạt động tư pháp đồng thời cho thấy những vấn đề pháp lý trong hoạt đọng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe.

		- Mục đích: Đây là học phần giúp sinh viên nhận thức được vai trò của y học trong pháp luật để có thể giải quyết đúng đắn những vụ việc có quan hệ đến pháp lý trong công tác khám, chẩn đoán và điều trị hàng ngày tại các cơ sở y tế - Nội dung chính yếu: Môn học cung cấp các kiến thức khái quát về pháp y học; các hình thái tổn thương do các nguyên nhân khác nhau; thu giữ, bảo quản và giám định các dấu vết có nguồn gốc từ cơ thể người; trình tự giám định pháp y tử thi. Phần thực hành: *Vị trí/vai trò:* Phần thực hành Pháp y là bộ phận của học phần Pháp y để phân tích và xử trí đúng hình thái tổn thương, bước đầu hình thành ý thức tuân thủ pháp luật trong khi hành nghề y. *Mục đích*: Giúp người học vận dụng được kiến thức ở phần lý thuyết mô tả hình ảnh tổn thương, phát hiện nguyên nhân, thời điểm xảy ra tổn thương từ đó có thể giải quyết đúng đắn những vụ việc có quan hệ đến pháp lý trong công tác khám, chẩn đoán và điều trị hàng ngày tại các cơ sở y tế *Nội dung chính yếu*: Môn học cung cung cấp kiến thức để nhận biết các hình thái tổn thương, rèn luyện kỹ năng quan sát các hình thái tổn thương do các nguyên nhân khác nhau từ đó xác đinh thời điểm, nguyên nhân tổn thương.
66.	Dị ứng	Học phần bắt buộc đối với Y đa khoa - Mục đích chính yếu của học phần là cho sinh viên làm quen với chuyên ngành Dị ứng – Miễn dịch, có thể chẩn đoán, điều trị, phòng ngừa một số bệnh Dị ứng thường gặp.

		- Nội dung chính của học phần là giảng dạy lý thuyết và lâm sàng một số tổn thương cơ bản, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của 1 số bệnh Dị ứng; chẩn đoán, điều trị và phòng một số bệnh Dị ứng thường gặp.
67.	Nghiên cứu khoa học	Học phần nghiên cứu khoa học y hoc cơ bản nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của trình độ đào tạo BS ngành YHCT với thời lượng 2 tín chỉ gồm 13 bài bao gồm cả 4 bài đọc thêm giúp học viên thực hiện được các bước cơ bản của thiết kế nghiên ứu khoa học y học, xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học và có thể tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở dưới sự hướng dẫn giám sát của thày cô Học viện. Nội dung gồm các khái niệm và nguyên lý cơ bản và các thiết kế chiến lược nghiên cứu khoa học y học cơ bản; cách xây dựng bộ công cụ thu thập thông tin; viết đề cương nhiên cứu khoa học
68.	Hồi sức cấp cứu	Học phần bệnh học là học phần rất quan trong, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp, giúp cho người học có cái nhìn khái quát về bệnh, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán và điều một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp. – Phần thực hành/ lâm sàng: *Vị trí/vai trò của phần Thực hành/ seminar*: Học phần bệnh học là học phần rất quan trong, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp. Mô tả Học phần: Học phần này làm nổi bật các CĐR1, CĐR6, CĐR7, CĐR 14

		Học phần này sẽ tập trung chủ yếu vào thực hành các kỹ năng thăm khám, hỏi bệnh, nhận định ttriệu chứng một số bệnh lý hồi sức cấp cứu thường gặp trên lâm sàng từ đó ập luận chẩn đoán đưa ra chẩn đoán sơ bộ ,định hướng xử trí cấp cứu, chỉ định cận lâm sàng và nhận định được kết quả cận lâm sàng từ đó lập luận đưa ra chẩn đoán xác định và hướng điều trị. Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời.
69.	Lão khoa	Hiện nay dân số già trên toàn thế giới đang gia tăng nhanh chóng. Lão khoa là một thử thách rất lớn đối với các bác sỹ bởi vì ở người cao tuổi có đặc điểm đa bệnh lý tiến triển và mạn tính cùng hiện diện như là một nguyên tắc, những bệnh lý đó thường tương tác với nhau tạo nên bệnh cảnh không điển hình và không chuyên biệt làm khó khăn trong chẩn đoán và điều trị. Muốn việc điều trị có hiệu quả thì ngay từ đầu bệnh nhân phải được thăm khám lâm sàng tỉ mỉ, chỉ định các xét nghiệm, thăm dò cận lâm sàng phù hợp để đưa ra được chẩn đoán bệnh chính xác và đầy đủ. Từ đó mới có hướng điều trị kịp thời, an toàn mà hiệu quả. Môn học Lão sẽ giúp sinh viên tiếp cận và biết cách chẩn đoán, điều trị các bệnh lý lão khoa thường gặp.
70.	Y học gia đình	Mỗi bài trong phần này sẽ tập chung đi sâu vào phân tích từng khía cạnh của Y học gia đình như các nguyên lý trong thực hành y học gia đình, sử dụng một số công cụ trong đánh giá gia đình, quản lý được các bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng cũng như khám sàng lọc và tư vấn cho bệnh nhân ngoại trú và đặc biệt biết cách chăm sóc sức khỏe

		theo vòng đời dựa vào các nguyên lý y học gia đình để sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng vận dụng được các khái niệm, nguyên lý, công cụ đánh giá gia đình, quản lý bệnh mạn tính và chăm sóc sức khỏe cho người dân.
71.	Chương trình y tế quốc gia	Nội dung học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các khái niệm và nguyên lý cơ bản, mục tiêu, giải pháp và tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu y tế.
72.	Tổ chức và quản lý y tế	Mô đun Tổ chức và quản lý y tế- chương trình y tế quốc gia nghiên cứu các khái niệm và các thành phần của hệ thống y tế; các nguyên tắc, mô hình hệ thống tổ chức, chức năng nhiệm vụ mạng lưới y tế Việt Nam từ trung ương đến địa phương và mối quan hệ giữa ngành y tế với các ngành liên quan trong chăm sóc sức khoẻ nhân dân. Các nguyên lý cơ bản về quản lý y tế, lập kế hoạch, tổ chức điều hành, theo dõi, giám sát và đánh giá các hoạt động/chương trình y học dự phòng. Các mục tiêu y tế quốc gia và các giải pháp chuyên môn kỹ thuật để hoàn thành mục tiêu trên.
73.	Thực tập cộng đồng	Thời gian thực hiện tại trạm y tế xã và cộng đồng dân cư để giúp sinh viện thực hành kỹ năng xác định vấn đề sức khoẻ, lập và thực hiện kế hoạch tuyên truyền giáo dục, chăm sóc sức khoẻ tại cộng đồng. Nội dung: Làm quen về tổ chức và điều kiện sống của cộng đồng; tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến sức khoẻ cộng đồng bằng cách thu thập thông tin qua điều tra, phỏng vấn, thăm hộ gia đình; phân tích, giải thích kết quả, tìm ra vấn đề sức khoẻ cộng đồng; thực hành giáo dục sức khoẻ;

		chăm sóc và điều trị một số bệnh thông thường, sơ cấp cứu ban đầu. Kết thúc đợt thực tập viết báo cáo về lập kế hoạch can thiệp một vấn đề sức khỏe ưu tiên tại cộng đồng.
74.	Thực tập nghề nghiệp	Đây là học phần giữ vị trí quan trọng cốt lõi về kỹ năng với nội dung giúp sinh viên quan sát, tìm hiểu, phân tích, đánh giá những công việc trong hoạt động thực tế nghề nghiệp, sát với việc làm sau khi tốt nghiệp. + Học phần thực tập nghề nghiệp được thực hiện khi sinh viên đã học xong các học phần khác trong chương trình đào tạo Y khoa. Bao gồm 03 tín chỉ, hoàn thành thực hành trong 08 tuần. + Mỗi sinh viên lựa chọn thực tập tại một trong các chuyên ngành Nội, Ngoại, Sản, Nhi và đi thực tế tại các Bệnh viện. + Sinh viên được hướng dẫn phương pháp học tập, giao chỉ tiêu cùng mức độ cần đạt, các mẫu báo cáo nhóm, mẫu bệnh án trước khi đi thực tập nghề nghiệp. - Thực hành lâm sàng theo lịch vào giờ hành chính tại các khoa của Bệnh viện - Tham gia điều trị, trực đêm và các hoạt động chuyên môn khác theo sự phân công của khoa. - Tự học thực hành, bổ sung kiến thức theo yêu cầu thực tế.
75.	Học phần chuyên môn tổng hợp/Khóa luận	Học phần thực hành nghề nghiệp là một học phần bắt buộc, giúp Sinh viên Y6 Y khoa có khả năng áp dụng các kiến thức đã học thực hiện các kỹ năng: thăm khám lâm sàng, làm bệnh án, lập luận và ra quyết định chỉ định xét nghiệm, lập luận chẩn đoán, thực hiện thủ thuật, điều trị, tiên lượng, phòng bệnh dưới sự giám sát của bác sĩ tại

		Bệnh viện. Đồng thời sinh viên tìm hiểu chức năng, nhiệm vụ của bệnh viện đa khoa nơi thực tập.

8.5. Ma trận đóng góp của các học phần theo yêu cầu năng lực của chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

Bảng 7. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Ghi chú: Chú thích: 3: đáp ứng cao; 2: đáp ứng trung bình; 1: đáp ứng thấp

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1.	Triết học Mác – Lênin	3									2				2	
2.	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2		1												
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3		1											1	
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3													1	
5.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	3		1											2	
6.	Ngoại ngữ	2			2									2	2	3
7.	Tin học đại cương			1					1							3
8.	Nhà nước và pháp luật	3														
9.	Giáo dục thể chất*		1													
10.	Giáo dục quốc phòng và Y học quân sự*	1														
11.	Dân số học	1											1			
12.	Sinh học và di truyền		2													
13.	Lý sinh		1													

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
14.	Hóa học		2													
15.	Tin học ứng dụng			2												3
16.	Xác suất – thống kê y học		2	1										1		
17.	Tâm lý học – Kỹ năng giao tiếp													2	3	
18.	Truyền thông giáo dục sức khỏe												1	3		
19.	Phổ biến pháp luật về hành nghề	3														
20.	Giải phẫu đại cương		2													
21.	Mô phôi		2													
22.	Sinh lý đại cương		2													
23.	Hóa sinh		2		1											
24.	Vi sinh		2		1											
25.	Ký sinh trùng		2		1											
26.	Giải phẫu bệnh đại cương		2		1											
27.	Sinh lý bệnh – Miễn dịch đại cương		2		1											
28.	Dược lý		2					1								
29.	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm		2										1			

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
30.	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp		2											2		
31.	Dịch tễ học		2								3			2		
32.	Điều dưỡng cơ bản		2			1			1							
33.	Hệ miễn dịch huyết học		2		1										1	
34.	Hệ tim mạch		2		1										1	
35.	Hệ hô hấp		2		1										1	
36.	Hệ tiêu hóa		2		1										1	
37.	Hệ thận tiết niệu		2		1										1	
38.	Hệ cơ xương khớp		2		1										1	
39.	Hệ nội tiết chuyển hóa		2		1										1	
40.	Hệ sinh dục, sinh sản và giới tính		2		1										1	
41.	Hệ thần kinh và sức khỏe tâm thần		2		1										1	
42.	Lâm sàng Nội cơ sở		2		2		1								1	
43.	Lâm sàng Ngoại cơ sở		2		2		1								1	
44.	Phẫu thuật thực hành					2										

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
45.	Nội bệnh lý 1		3		3	3	2	3	2			1			1	
46.	Ngoại bệnh lý 1		2		3	2	2	2	2			1			1	
47.	Nội bệnh lý 2		3		3	2	2	2	2			1			1	
48.	Ngoại bệnh lý 2		2		3	2	2	2	2			1			1	
49.	Phụ sản 1		2		3	1	2	2	1			1	2		1	
50.	Nhi khoa 1		2		3	1	2	2	1			1	2		1	
51.	Phụ sản 2		2		3	1	2	2	1			1	2		1	
52.	Nhi khoa 2		2		3	1	2	3	1			1	2		1	
53.	Dược lâm sàng		2					2								
54.	Truyền nhiễm		2		3	1	1	2	1		2				1	
55.	Y học cổ truyền		2		2					3					1	
56.	Lao		2		3	1	1	2	1						1	
57.	Răng hàm mặt		2		3	1	1	2	1						1	
58.	Tai mũi họng		2		3	1	1	2	1						1	
59.	Mắt		2		3	1	1	2	1						1	
60.	Da liễu		2		3	1	1	2	1						1	

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
61.	Phục hồi chức năng		2		3	1	1	2	1						1	
62.	Thần kinh		2		3	1	1	2	1						1	
63.	Tâm thần		2		3	1	1	2	1						1	
64.	Ung thư		2		3	1	1	2	1						1	
65.	Pháp y		2													
66.	Dị ứng		2		3	1	1	2	1						1	
67.	Nghiên cứu khoa học		1	3												2
68.	Hồi sức cấp cứu		2		3	1	3	2	1						1	
69.	Lão khoa		2		3	1	1	2	1						1	
70.	Y học gia đình		2		2		1	2	1				2	1	1	
71.	Chương trình y tế quốc gia	1	2								2	1	1	2		
72.	Tổ chức và quản lý y tế	1	2								2	1	1	2		
73.	Thực tập cộng đồng		2	1							1		3	3	2	
74.	Thực tập nghề nghiệp	1	3		3	3	2	2	3	1	1	3			2	1
75.	Học phần chuyên môn tổng hợp/Khóa luận	1	3		3	3	2	3	3			1			2	

IX. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nhằm phát triển khả năng khám phá kiến thức, khả năng nhận thức và khả năng kiến tạo ra kiến thức mới của người học. Tùy thuộc vào nội dung từng học phần, giảng viên sử dụng các hình thức dạy học và phương pháp dạy học khác nhau.

Cách thiết kế phương pháp dạy học của chương trình đào tạo ngành Y khoa đi theo hướng phát triển năng lực, lấy "Người học là trung tâm". Kết quả học tập dự kiến sẽ đạt được thông qua phương pháp giảng dạy, hoạt động của giảng viên và sinh viên tương thích, phù hợp theo định hướng phát triển năng lực cho người học bằng sự kết hợp cả hoạt động học tập ở Học viện và tự học.

Kết hợp các phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận nhóm, Team Based Learning, viết chuyên đề, làm bài tập lớn, cầm tay chỉ việc, thực hành, …. Tăng cường tính chủ động của sinh viên thông qua việc hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu tài liệu, nâng cao tính chủ động sáng tạo trong quá trình dạy và học.

- Thực tập tiền lâm sàng: Tại các phòng thực tập, thí nghiệm, trung tâm tiền lâm sàng của Học viện;
- Thực hành tại bệnh viện tại các cơ sở thực hành chính của Học viện;
- Thực tập tốt nghiệp tại các bệnh viện các tỉnh thời gian 8 tuần;
- Thực tập cộng đồng: Tại các bệnh viện huyện, trung tâm y tế huyện/ thành phố, các trạm y tế thuộc địa bàn tỉnh.

9.1. Ma trận giữa các học phần và phương pháp dạy học

Bảng 8. Bảng ma trận giữa các học phần và phương pháp dạy học

STT	Tên học phần	Thuyết trình	Động não	Từng cặp /Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm	Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập	**Tổng số PP/1 môn học**
1.	Triết học Mác – Lênin	#	x			x						3
2.	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	x			x	x				x		4
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x			x	x						3
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x			x	x						3
5.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	x	x			x						3
6.	Ngoại ngữ	x	x	x	x	x	x	x	x	x		9
7.	Tin học đại cương	x	x			x					x	4

STT	Tên học phần	Thuyết trình	Động não	Từng cặp /Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm	Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập	Tổng số PP/1 môn học
8.	Nhà nước và pháp luật	x			x	x				x		4
9.	Giáo dục thể chất*	x				x			x		x	4
10.	Giáo dục quốc phòng và Y học quân sự*											
11.	Dân số học	x			x	x				x		4
12.	Sinh học và di truyền	x	x			x						3
13.	Lý sinh	x			x	x					x	4
14.	Hóa học	x	x		x	x					x	5
15.	Tin học ứng dụng	x			x	x					x	4

STT	Tên học phần	Thuyết trình	Động não	Từng cặp /Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm	Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập	**Tổng số PP/1 môn học**
16.	Xác suất – thống kê y học	x			x	x						3
17.	Tâm lý học – Kỹ năng giao tiếp	x					x					2
18.	Truyền thông giáo dục sức khỏe	x					x					2
19.	Phổ biến pháp luật về hành nghề	x			x	x				x		4
20.	Giải phẫu đại cương	x	x			x						3
21.	Mô phôi	x	x		x	x					x	5
22.	Sinh lý đại cương	x			x	x				x	x	6

STT	Tên học phần	Thuyết trình	Động não	Từng cặp /Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm	Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập	**Tổng số PP/1 môn học**
23.	Hóa sinh	x			x	x				x	x	6
24.	Vi sinh	x	x		x	x					x	5
25.	Ký sinh trùng	x	x			x					x	4
26.	Giải phẫu bệnh đại cương	x	x			x						3
27.	Sinh lý bệnh – Miễn dịch đại cương	x	x			x				x		4
28.	Dược lý	x	x			x					x	4
29.	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	x	x			x						3

STT	Tên học phần	Thuyết trình	Động não	Từng cặp /Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm	Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập	**Tổng số PP/1 môn học**
30.	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	x					x					2
31.	Dịch tễ học	x			x	x						3
32.	Điều dưỡng cơ bản	x				x	x			x	x	5
33.	Hệ miễn dịch huyết học	x	x			x	x		x	x		6
34.	Hệ tim mạch	x	x	x	x	x	x		x	x	x	9
35.	Hệ hô hấp	x	x			x			x	x	x	6
36.	Hệ tiêu hóa	x		x		x					x	4
37.	Hệ thận tiết niệu	x	x			x	x		x	x	x	7
38.	Hệ cơ xương khớp	x	x			x	x		x	x	x	7

STT	Tên học phần	Thuyết trình	Động não	Từng cặp /Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm	Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập	**Tổng số PP/1 môn học**
39.	Hệ nội tiết chuyển hóa	x	x			x	x		x	x	x	7
40.	Hệ sinh dục, sinh sản và giới tính	x	x		x	x				x	x	6
41.	Hệ thần kinh và sức khỏe tâm thần	x				x				x	x	4
42.	Lâm sàng Nội cơ sở		x			x				x	x	4
43.	Lâm sàng Ngoại cơ sở	x	x			x				x	x	5
44.	Phẫu thuật thực hành	x	x			x					x	4
45.	Nội bệnh lý 1	x	x			x				x	x	5
46.	Ngoại bệnh lý 1	x	x			x				x	x	5
47.	Nội bệnh lý 2	x	x			x				x	x	5

STT	Tên học phần	Thuyết trình	Động não	Từng cặp /Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm	Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập	Tổng số PP/1 môn học
48.	Ngoại bệnh lý 2	x	x			x				x	x	5
49.	Phụ sản 1	x	x			x				x	x	5
50.	Nhi khoa 1	x	x			x				x	x	5
51.	Phụ sản 2	x	x			x				x	x	5
52.	Nhi khoa 2	x	x			x				x	x	5
53.	Dược lâm sàng	x	x		x	x				x		5
54.	Truyền nhiễm	x	x							x	x	4
55.	Y học cổ truyền	x	x							x	x	4
56.	Lao	x	x			x					x	4
57.	Răng hàm mặt	x	x			x	x			x	x	6
58.	Tai mũi họng	x	x			x				x	x	5
59.	Mắt	x	x			x			x	x	x	6
60.	Da liễu	x				x				x	x	4

STT	Tên học phần	Thuyết trình	Động não	Từng cặp /Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm	Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập	Tổng số PP/1 môn học
61.	Phục hồi chức năng	x	x			x	x			x	x	6
62.	Thần kinh	x				x	x			x	x	5
63.	Tâm thần	x				x				x	x	4
64.	Ung thư	x	x			x	x			x	x	6
65.	Pháp y	x	x			x					x	4
66.	Dị ứng	x				x				x	x	4
67.	Nghiên cứu khoa học	x	x		x	x						4
68.	Hồi sức cấp cứu	x	x			x				x	x	5
69.	Lão khoa	x	x			x					x	4
70.	Y học gia đình	x			x	x				x		4

STT	Tên học phần	Thuyết trình	Động não	Từng cặp /Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm	Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập	Tổng số PP/1 môn học
71.	Chương trình y tế quốc gia	x	x			x						3
72.	Tổ chức và quản lý y tế	x	x			x						3
73.	Thực tập cộng đồng	x			x	x				x		4
74.	Thực tập nghề nghiệp	x	x		x	x			x		x	6
75.	Học phần chuyên môn tổng hợp/Khóa luận		x			x				x	x	4

Các phương pháp dạy và học nói trên giúp sinh viên đạt được PLO

Bảng 9. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLO) và phương pháp dạy-học

Phương pháp dạy-học	**Chuẩn đầu ra (PLO)**														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Động não	x	x		x		x	x	x	x		x	x	x		x
Từng cặp /Chia sẻ		x													x
Học dựa trên vấn đề	x	x		x	x	x	x	x		x		x	x		x
Hoạt động nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Đóng vai		x												x	x
Học dựa vào dự án			x					x							
Mô phỏng		x		x	x	x									
Nghiên cứu tình huống				x	x	x	x	x	x						
Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập		x		x	x	x	x	x	x			x	x		x

9.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm/1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan.

Có nhiều hình thức hỗ trợ sinh viên trong nhiệm vụ rèn luyện đạo đức, tác phong và kỹ năng của một người Bác sĩ.

Hàng năm, bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của giảng viên đặc biệt là giảng viên trẻ để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy nâng cao năng lực giảng viên.

Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của giảng viên.

Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

9.3. Đội ngũ và cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

9.3.1. Đội ngũ cán bộ

Đội ngũ cán bộ giảng dạy cơ hữu đúng chuyên ngành: Đủ số giảng viên cơ hữu theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

9.3.2. Cơ sở vật chất

Hệ thống phòng học lý thuyết với trang thiết bị truyền thống, có trang bị thêm công cụ hỗ trợ giảng dạy.

Mỗi môn học có học phần thực hành phải có ít nhất 01 phòng thực hành được trang bị đầy đủ theo quy định về chuyên môn của Bộ Y tế.

X. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

10.1. Đánh giá chung toàn khoá

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ thông qua các tiêu chí sau:

- Số tín chỉ của các học phần được sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

- Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần (cả đạt và không đạt) do sinh viên đăng ký trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

- Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B^+, B, C^+, C, D^+, D, tính từ đầu khóa học.

- Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B^+, B, C^+, C, D^+, D, mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

10.2. Đánh giá học phần

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên là quá trình ghi chép, lưu giữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan và phân hóa,

thường xuyên liên tục và định kỳ. Yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể được Học viện thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi học.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẽ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người học và nhà quản lý. Từ đó, kịp thời có những điều chỉnh về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng môn học để lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Tùy theo các học phần, ngoài việc đánh giá quá trình học tập trên lớp của sinh viên do giảng viên đánh giá; mỗi học phần đều được đánh giá thông qua các bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc học phần. Hình thức thi và kiểm tra hướng tới đánh giá năng lực người học.

Sử dụng đa dạng các phương pháp đánh giá tích cực phù hợp chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ra như: tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp thực hành.

Bảng 10. Bảng ma trận giữa các học phần và phương pháp đánh giá

STT	Tên học phần	Tự luận	MCQ	Vấn đáp	Thuyết trình/Báo cáo tiểu luận	Chạy trạm (OSCE)	Thực hành (thi trên BN, thi trên công việc thật)	Tổng số phương pháp
1.	Triết học Mác – Lênin		x					1
2.	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		x					1
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học		x					1
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh		x					1
5.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam		x					1
6.	Ngoại ngữ		x					1
7.	Tin học đại cương						x	1
8.	Nhà nước và pháp luật		x					1
9.	Giáo dục thể chất*						x	1
10.	Giáo dục quốc phòng và Y học quân sự*						x	1
11.	Dân số học		x					1

STT	Tên học phần	Tự luận	MCQ	Vấn đáp	Thuyết trình/Báo cáo tiểu luận	Chạy trạm (OSCE)	Thực hành (thi trên BN, thi trên công việc thật)	Tổng số phương pháp
12.	Sinh học và di truyền		x				x	2
13.	Lý sinh		x				x	2
14.	Hóa học		x				x	2
15.	Tin học ứng dụng		x				x	2
16.	Xác suất – thống kê y học		x				x	2
17.	Tâm lý học – Kỹ năng giao tiếp		x					1
18.	Truyền thông giáo dục sức khỏe		x					1
19.	Phổ biến pháp luật về hành nghề		x					1
20.	Giải phẫu đại cương		x			x		2
21.	Mô phôi		x			x		2
22.	Sinh lý đại cương		x			x		2

STT	Tên học phần	Tự luận	MCQ	Vấn đáp	Thuyết trình/Báo cáo tiểu luận	Chạy trạm (OSCE)	Thực hành (thi trên BN, thi trên công việc thật)	Tổng số phương pháp
23.	Hóa sinh		x				x	2
24.	Vi sinh		x			x		2
25.	Ký sinh trùng		x			x		2
26.	Giải phẫu bệnh đại cương		x					1
27.	Sinh lý bệnh – Miễn dịch đại cương		x			x		2
28.	Dược lý		x				x	2
29.	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm		x					1
30.	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp		x					1
31.	Dịch tễ học		x					1
32.	Điều dưỡng cơ bản		x				x	2
33.	Hệ miễn dịch huyết học		x	x	x		x	4

STT	Tên học phần	Tự luận	MCQ	Vấn đáp	Thuyết trình/Báo cáo tiểu luận	Chạy trạm (OSCE)	Thực hành (thi trên BN, thi trên công việc thật)	Tổng số phương pháp
34.	Hệ tim mạch		x	x			x	3
35.	Hệ hô hấp		x	x			x	3
36.	Hệ tiêu hóa		x	x	x		x	4
37.	Hệ thận tiết niệu		x	x	x		x	4
38.	Hệ cơ xương khớp		x			x	x	3
39.	Hệ nội tiết chuyển hóa		x	x	x		x	4
40.	Hệ sinh dục, sinh sản và giới tính		x			x	x	3
41.	Hệ thần kinh và sức khỏe tâm thần		x				x	2
42.	Lâm sàng Nội cơ sở			x			x	2
43.	Lâm sàng Ngoại cơ sở			x			x	2
44.	Phẫu thuật thực hành		x				x	2
45.	Nội bệnh lý 1		x	x			x	3

STT	Tên học phần	Tự luận	MCQ	Vấn đáp	Thuyết trình/Báo cáo tiểu luận	Chạy trạm (OSCE)	Thực hành (thi trên BN, thi trên công việc thật)	Tổng số phương pháp
46.	Ngoại bệnh lý 1		x	x			x	3
47.	Nội bệnh lý 2		x	x			x	3
48.	Ngoại bệnh lý 2		x	x			x	3
49.	Phụ sản 1		x	x			x	3
50.	Nhi khoa 1		x	x			x	3
51.	Phụ sản 2		x	x			x	3
52.	Nhi khoa 2		x	x			x	3
53.	Dược lâm sàng		x					1
54.	Truyền nhiễm		x	x			x	3
55.	Y học cổ truyền		x	x			x	3
56.	Lao		x	x			x	3
57.	Răng hàm mặt		x	x			x	3
58.	Tai mũi họng		x	x			x	3
59.	Mắt		x	x			x	3

STT	Tên học phần	Tự luận	MCQ	Vấn đáp	Thuyết trình/Báo cáo tiểu luận	Chạy trạm (OSCE)	Thực hành (thi trên BN, thi trên công việc thật)	Tổng số phương pháp
60.	Da liễu		x	x			x	3
61.	Phục hồi chức năng		x	x			x	3
62.	Thần kinh		x	x			x	3
63.	Tâm thần		x	x			x	3
64.	Ung thư		x	x			x	3
65.	Pháp y		x				x	2
66.	Dị ứng		x	x			x	3
67.	Nghiên cứu khoa học				x			1
68.	Hồi sức cấp cứu	x	x	x			x	4
69.	Lão khoa		x	x			x	3
70.	Y học gia đình		x					1
71.	Chương trình y tế quốc gia				x			1
72.	Tổ chức và quản lý y tế		x					1
73.	Thực tập cộng đồng			x	x			2

STT	Tên học phần	Tự luận	MCQ	Vấn đáp	Thuyết trình/Báo cáo tiểu luận	Chạy trạm (OSCE)	Thực hành (thi trên BN, thi trên công việc thật)	Tổng số phương pháp
74.	Thực tập nghề nghiệp			x			x	2
75.	Học phần chuyên môn tổng hợp/Khóa luận	x		x			x	3

Bảng 11. Quan hệ giữa phương pháp đánh giá và PLO

Phương pháp đánh giá (Assessment methods)	**Chuẩn đầu ra (PLO)**														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1. Tự luận		x		x											
2. MCQ	x	x	x	x		x	x		x	x	x	x	x	x	x
3. Vấn đáp có cấu trúc				x	x	x	x	x	x	x	x				
4. Thuyết trình/Báo cáo tiểu luận			x					x		x			x		x
5. Chạy trạm (OSCE)		x													
6. Thực hành (thi trên BN/Thi trên công việc thật)		x		x	x	x	x	x	x			x	x	x	x

10.3. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)

Trên cơ sở các phương pháp đánh giá, các bộ môn đã xây dựng các công cụ, tiêu chí cụ thể để thực hiện việc đánh giá sinh viên theo các Rubrics. Tùy theo yêu cầu, mục tiêu và đặc trưng của từng môn học để lựa chọn phương pháp đánh giá cũng như Rubrics đánh giá thích hợp. Cùng một phương pháp đánh giá có thể áp dụng Rubric đánh giá khác nhau cho các học phần khác nhau.

Các Rubrics đánh giá được xây dựng chi tiết tương ứng với phương pháp đánh giá trong Phương pháp đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

10.4. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

10.4.1. Đối với học phần lý thuyết (hoặc lý thuyết có thực hành môn học)

a) Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần phần (gọi tắt là điểm học phần) được căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm đánh giá công việc thực hiện tại nhà; và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có

trọng số không dưới 50%. Điểm tổng kết học phần được tính từ tổng điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng.

b) Đối với mỗi học phần sinh viên được đánh giá qua tối thiểu hai điểm thành phần. Đối với học phần có khối lượng nhỏ hơn 02 tín chỉ, có thể chỉ có 1 điểm đánh giá.

c) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận, thi kết thúc học phần do Bộ môn đề xuất, được Giám đốc phê duyệt và phải được quy định công khai trong đề cương chi tiết của học phần.

10.4.2. Đối với các học phần thực hành:

- Điểm đánh giá bộ phận là điểm đánh giá các bài thực hành trong quá trình giảng dạy, điểm này được làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Số lần đánh giá các bài thực hành: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Sinh viên phải đi học đầy đủ 100% số buổi thực hành, và không còn bài nào bị dưới 4/10 điểm.

- Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận trừ bài thi kết thúc học phần.

GHI CHÚ:

1. Điểm đánh giá bộ phận, điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần, điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng.

3. Cách xếp loại điểm thi kết thúc học phần, điểm học phần như sau:

a) Loại đạt:

A (8,5 - 10)

B^+ (8,0 - 8,4)

B (7,0 - 7,9)

C^+ (6,5 - 6,9)

C (5,5 - 6,4)

D^+ (5,0 - 5,4)

D (4,0 - 4,9)

b) Loại không đạt: F (dưới 4,0)

10.5. Đối với học phần Thực tập nghề nghiệp

- Thực tập nghề nghiệp gồm Lý thuyết/Khoá luận và Lâm sàng thực tập nghề nghiệp

Lâm sàng thực tập nghề nghiệp có thời gian 8 tuần tại các bệnh viện chuyên ngành YHCT, cuối đợt tiến hành thi kết thúc thực tập lâm sàng.

- Nếu sinh viên đủ điểm làm khoá luận, có nguyện vọng đăng ký làm khóa luận tốt nghiệp thì được làm khoá luận. Các sinh viên còn lại học lý thuyết thực hành nghề nghiệp. Việc đánh giá mỗi khóa luận tốt nghiệp được quy định trong văn bản riêng do Giám đốc Học viện ban hành. Điểm của khoá luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm theo quy định tại Thông tư 08/TT-BGDDT năm 2021 về Đào tạo Đại học phần theo hệ thống tín chỉ. Kết quả chấm khoá luận tốt nghiệp được công bố chậm nhất là 2 tuần, kể từ ngày nộp khoá luận tốt nghiệp. Điểm khoá luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích luỹ của toàn khoá học.

Sinh viên có khoá luận tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại khóa luận tốt nghiệp; hoặc phải đăng ký học và thi lý thuyết thực tập nghề nghiệp để thay thế.

XI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Hoạt động dạy-học lý thuyết được tổ chức tại các giảng đường.

- Thực hành các module/học phần y học cơ sở: tại các phòng thực hành chức năng tại phòng thực hành các bộ môn.

- Thực tập tiền lâm sàng tại Trung tâm Tiền lâm sàng.

- Sinh viên đi thực hành Y khoa sớm từ năm 3 tại các bệnh viện trung ương, bệnh viện chuyên ngành, bệnh viện/trung tâm y tế tuyến quận/huyện trong thành phố Hà Nội.

XII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo này được áp dụng từ kỳ tuyển sinh 2023 cho sinh viên ngành Y khoa

Quá trình đào tạo được dựa trên chương trình giảng dạy được thiết kế, mục tiêu đào tạo và đối tượng hướng đến, yêu cầu nguồn nhân lực và những yêu cầu riêng cho đào tạo. Với những mô đun tự chọn, tùy thuộc vào tình hình thực tế của xu thế phát triển, nhu cầu xã hội, khoa sẽ tư vấn cho sinh viên lựa chọn những mô đun thích hợp.

Trưởng khoa chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời, thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết các học phần, kinh phí cho thực hành, thực tập và tăng cường trang thiết bị, máy móc, thiết bị thí nghiệm cho mỗi mô đun và toàn bộ khóa học, trưởng các bộ phận liên quan sẽ phải kiểm tra, đánh giá và trình Giám đốc phê duyệt.

Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật mỗi 2-3 năm, khi có bất kỳ sự cần thiết phải cập nhật để đáp ứng các mục tiêu và tiêu chuẩn mới. Các Khoa sẽ nộp bản báo cáo cho trường để xem xét và giải quyết theo quy định hiện hành.

XIII. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

XIV. PHỤ LỤC

1. Các văn bản pháp lý

- Chỉ thị 296/CT-TTg ngày 27-2-2010 của Thủ tướng Chính phủ,
- Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22-4-2010;
- Quyết định 1982/QĐ-TTg phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Năm 2016
- Thông tư 17/2021/ TT - BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tiếp tục đổi mới quản trị đại học về đào tạo dựa vào cách tiếp cận theo sản phẩm đầu ra;
- Thông tư 08/2021/TT-BGD-ĐT ngày 18/03/2021về Quy chế đào tạo trình độ đại học.
- Quyết định 481/2021 của Hội đồng trường về Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện; điều kiện về vật chất, đội ngũ giảng viên và nhu cầu của học viên để xây dựng CĐR;

2. Khung chương trình các trường đại học khác

- Trường đại học Y Hà Nội
- Trường đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh
- Trường đại học Y Dược Thái Nguyên
- Trường đại học Y Dược Thái Bình

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2021

GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**
HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM	
Nguyễn Quốc Huy	Phạm Thái Thường

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ Y TẾ

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ Y KHOA NĂM 2021

HÀ NỘI - 2021

MỤC LỤC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN. TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN 1
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC LÊNIN 10
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC 17
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 23
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT. HỌC PHẦN: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 30
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN. TIẾNG ANH CƠ BẢN 38
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN. TIẾNG ANH 2 (TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH 1) 51
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN. TIẾNG ANH 3 (TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH 2) 65
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG (PHẦN LÝ THUYẾT) 78
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG (THỰC HÀNH) 88
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT 97
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Lý thuyết). LÝ THUYẾT GDTC 103
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng). VÕ + TDNĐ 112
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng). NGŨ GIA QUYỀN 119
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng). THÁI CỰC QUYỀN 124
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. DÂN SỐ HỌC 130
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN: 137
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng). SINH HỌC VÀ DI TRUYỀN. (THỰC HÀNH) 153
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN. LÝ SINH 166
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (THỰC HÀNH). LÝ SINH 172
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN: HÓA HỌC (THỰC HÀNH) 177
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN: HÓA HỌC 183
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng). Tin học ứng dụng 191
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. XÁC SUẤT- THỐNG KÊ Y HỌC 200
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. TÂM LÝ Y HỌC – ĐẠO ĐỨC Y HỌC – TRUYỀN THÔNG VÀ GIÁO DỤC SỨC KHỎE 209
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. TRUYỀN THÔNG GIÁO DỤC SỨC KHỎE 216
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT VỀ HÀNH NGHỀ 223
ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN. GIẢI PHẪU BỆNH ĐẠI CƯƠNG 229
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN. LÝ THUYẾT MÔ PHÔI THAI HỌC 236
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC HÀNH MÔ HỌC 242

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN. SINH LÝ ĐẠI CƯƠNG 250
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. HOÁ SINH 258
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN. HÓA SINH (PHẦN THỰC HÀNH) 268
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN. VI SINH (PHẦN LÝ THUYẾT).....278
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN. VI SINH (THỰC HÀNH) 288
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MODUL. KÝ SINH TRÙNG (PHẦN LÝ THUYẾT).....294
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN. KÝ SINH TRÙNG (THỰC HÀNH).....306
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN. GIẢI PHẪU ĐẠI CƯƠNG (PHẦN LÝ THUYẾT) 313
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN. GIẢI PHẪU ĐẠI CƯƠNG (PHẦN THỰC HÀNH) 320
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN. SINH LÝ BỆNH - MIỄN DỊCH ĐẠI CƯƠNG (PHẦN LÝ THUYẾT) 326
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. SINH LÝ BỆNH - MIỄN DỊCH ĐẠI CƯƠNG (PHẦN THỰC HÀNH).....336
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN DƯỢC LÝ (LÝ THUYẾT) 342
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. DƯỢC LÝ – THỰC HÀNH 354
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. DINH DƯỠNG VÀ ATTP.....363
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP 370
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. DỊCH TỄ HỌC 378
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN. ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN (LÝ THUYẾT).....388
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN. ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN (THỰC HÀNH) 394
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. MODULE MIỄN DỊCH_ HUYẾT HỌC (PHẦN LÝ THUYẾT) 400
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. MODULE MIỄN DỊCH- HUYẾT HỌC (PHẦN THỰC HÀNH).....407
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN. MODULE TIM MẠCH (PHẦN LÝ THUYẾT) 412
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN. MODULE TIM MẠCH (PHẦN THỰC HÀNH) 418
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. MODULE HÔ HẤP (PHẦN LÝ THUYẾT) ...424
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MODULE HÔ HẤP (Lâm sàng) 433
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN. MODULE TIÊU HÓA (PHẦN LÝ THUYẾT) 439

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN. MODULE TIÊU HÓA (PHẦN THỰC HÀNH) 447
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. MODULE THẬN – TIẾT NIỆU (PHẦN LÝ THUYẾT).....453
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. MODULE THẬN – TIẾT NIỆU (PHẦN THỰC HÀNH).....462
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. MODULE CƠ XƯƠNG KHỚP (PHẦN LÝ THUYẾT).....468
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. MODULE CƠ XƯƠNG KHỚP (PHẦN THỰC HÀNH).....475
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. MODULE NỘI TIẾT - CHUYỂN HÓA (PHẦN LÝ THUYẾT) 481
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. MODULE NỘI TIẾT (PHẦN THỰC HÀNH) 490
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. HỆ SINH DỤC, SINH SẢN VÀ GIỚI TÍNH (PHẦN LÝ THUYẾT) 496
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. HỆ SINH DỤC, SINH SẢN VÀ GIỚI TÍNH (PHẦN LÂM SÀNG).....512
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN. MODULE THẦN KINH – SỨC KHỎE TÂM THẦN.....518
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MODULE (Thực hành).....529
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. LÂM SÀNG NỘI CƠ SỞ 538
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. LÂM SÀNG NGOẠI CƠ SỞ.....546
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN. PHẪU THUẬT THỰC HÀNH (PHẦN LÝ THUYẾT).....552
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. PHẪU THUẬT THỰC HÀNH (PHẦN THỰC HÀNH) 566
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. NỘI BỆNH LÝ 1 (PHẦN LÝ THUYẾT).....580
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. NỘI BỆNH LÝ 1 (PHẦN LÂM SÀNG) 588
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. NGOẠI BỆNH LÝ 1 (PHẦN LÝ THUYẾT) ..595
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. NGOẠI BỆNH LÝ 1 (PHẦN LÂM SÀNG)....604
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. NỘI BỆNH LÝ 2 (PHẦN LÝ THUYẾT).....611
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. NỘI BỆNH LÝ 2 (PHẦN LÂM SÀNG) 620
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. NGOẠI BỆNH LÝ 2 (PHẦN LÝ THUYÊT) ..627
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. NGOẠI BỆNH LÝ 2 (PHẦN LÂM SÀNG)....636
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN. SẢN PHỤ SẢN 1 643

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (Thực hành/lâm sàng). PHỤ SẢN 1 652
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. NHI KHOA Y 1 (PHẦN LÝ THUYẾT).....658
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng). NHI KHOA 1 (THỰC HÀNH) 668
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN. SẢN PHỤ SẢN 2 675
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (Thực hành/lâm sàng). PHỤ SẢN 2 684
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. NHI KHOA Y 1 (PHẦN LÝ THUYẾT).....690
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng). NHI KHOA 2 (THỰC HÀNH) 699
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN. DƯỢC LÂM SÀNG 705
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng). DƯỢC LÂM SÀNG 714
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN 719
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN. MODULE YHCT (PHẦN LÂM SÀNG).....726
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN. MODULE YHCT (PHẦN LÝ THUYẾT) 740
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN. LAO (LT) 752
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN. RĂNG HÀM MẶT.....759
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng). RĂNG HÀM MẶT 765
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TAI MŨI HỌNG 770
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. TAI MŨI HỌNG (Lâm sàng).....777
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. MẮT (PHẦN LÝ THUYẾT) 781
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng). MẮT 788
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DA LIỄU 794
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG 806
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng). PHỤC HỒI CHỨC NĂNG 812
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THẦN KINH 817
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THẦN KINH (lâm sàng) 825
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TAAM THẦN 831
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng). (TÂM THẦN) 838
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. UNG THƯ (PHẦN LÝ THUYẾT) 843
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng). UNG THƯ (THỰC HÀNH) 852
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. PHÁP Y (PHẦN LÝ THUYẾT) 859
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng).PHÁP Y (THỰC HÀNH) 868

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DỊ ỨNG 873
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN.PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC 883
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN.HỒI SỨC CẤP CỨU (PHẦN LÝ THUYẾT)..895
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN.HỒI SỨC CẤP CỨU (PHẦN LÂM SÀNG) 901
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Phần lý thuyết).LÃO KHOA 907
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng) .LÃO KHOA 913
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN.Y HỌC GIA ĐÌNH.....919
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN.CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ QUỐC GIA 929
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN.TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ Y TẾ.....936
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN.THỰC TẾ CỘNG ĐỒNG 945
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng).....954
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN.THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP CỦA KHỐI Y KHOA 958
PHỤ LỤC 2 973
PHỤ LỤC 3 975
ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN. CHUYÊN MÔN TỔNG HỢP.....979

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN
Đối tượng đào tạo: Y khoa trình độ đại học. Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần:
* Tiếng Việt: Triết học Mác - Lênin
* Tiếng Anh: Marxist - Leninist philosophy
- Mã học phần: PLO 1001
- Số tín chỉ: 03 LT
- Đối tượng học (năm thứ): 1
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
[x]	□	□	□	□	□	□

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 117 tiết
  + Lý thuyết: 36 tiết
  + Bài tập: 0 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 08 tiết
  + Kiểm tra: 01 tiết
  + Thời gian tự học: 72 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Lý luận chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Bùi Thị Phương Thúy	0989727656	phuongthuy12883.pt@gmail.com
2	ThS. Vũ Thị Huê	0989525368	vuhue081084@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT1	Vận dụng sáng tạo, khoa học, biện chứng các nguyên lý cơ bản của triết học Mác - Lênin để tham gia xây dựng đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đặc biệt là trong công tác chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe nhân dân.	[CĐR1]	3
	Kỹ năng		
MT2	- Kỹ năng thảo luận nhóm. - Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện.	[CĐR10]	2
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT3	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc.	[CĐR14]	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973

.

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Vận dụng sáng tạo, khoa học, biện chứng các nguyên lý cơ bản của triết học Mác - Lênin để tham gia xây dựng đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đặc biệt là trong công tác chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe nhân dân.	**CLO1**: Vận dụng được tri thức cơ bản về triết học nói chung, triết học Mác - Lênin nói riêng vào việc thiết lập thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật về giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác - Lênin. **CLO 2**: Vận dụng sáng tạo, khoa học, biện chứng những tri thức triết học Mác - Lênin vào hoạt động nhận thức, hoạt động thực tiễn, sự nghiệp đổi mới đất nước và quá trình tu dưỡng bản thân. **CLO3:** Vận dụng sáng tạo, khoa học, biện chứng những tri thức triết học Mác - Lênin để đấu tranh chống lại những luận điểm thù địch, sai trái, củng cố lập trường Mácxít, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Kỹ năng	
MT2: - Kỹ năng thảo luận nhóm. - Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện.	**CLO 4:** Vận dụng các hiểu biết về triết học nói chung, triết học Mác - Lênin nói riêng để thể hiện kỹ năng, cách thức trình bày, báo cáo, thảo luận, phản biện dễ hiểu và truyền cảm và sáng tạo.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc.	**CLO 5**: Có tình thần tự chủ và chịu trách nhiệm trong việc chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)**				
	1	2	3	4	5
Chương 1: Khái luận về triết học và triết học Mác - Lênin	3	3	3	2	2
Chương 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng	3	3	3	2	2
Chương 3. Chủ nghĩa duy vật lịch sử	3	3	3	2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

- Triết học Mác - Lênin là môn học trang bị cho người học thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung các môn học khác, nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác - Lênin. Giúp người học có khả năng vận dụng một cách sáng tạo, khoa học, biện chứng triết học Mác - Lênin trong hoạt động nhận thức, hoạt động thực tiễn cũng như trong sự nghiệp đổi mới đất nước và quá trình tu dưỡng bản thân. Đồng thời giúp người học có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu môn tư tưởng Hồ Chí Minh và môn Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam. Từ đó, người học có niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin và con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta đã lựa chon, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy học**					**Yêu cầu đối với sinh viên**
	Lên lớp (Tiết)				**Tự học (Giờ)**	
	LT	**TH**	**BT/ TL/ KT**	**Tổng cộng**		
Chương 1: Khái luận về triết học và triết học Mác - Lênin. 1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học 1.1. Khái lược về triết học 1.2. Vấn đề cơ bản của triết học 1.3. Biện chứng và siêu hình	10			12		Chuẩn bị bài trước khi đến lớp; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo

2. Triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội. 2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin. 2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin. 2.3. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.			02			mới; chấp hành nội quy học tập của lớp.
Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng 1. Vật chất và ý thức 1.1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất 1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức 1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức 2. Phép biện chứng duy vật 2.1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật 2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật 3. Lý luận nhận thức 3.1. Quan điểm về nhận thức trong lịch sử triết học 3.2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng	16		02	16		Chuẩn bị bài trước khi đến lớp; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp.
Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử. 1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội 1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội. 1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất 1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội. 1.4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên. 2. Giai cấp và dân tộc 2.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp 2.2. Dân tộc 2.3. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại 3. Nhà nước và cách mạng xã hội 3.1. Nhà nước 3.2. Cách mạng xã hội 4. Ý thức xã hội	12		05	17		Chuẩn bị bài trước khi đến lớp; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp.

4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội. 4.2. Khái niệm, kết cấu, tính giai cấp, các hình thái của ý thức xã hội. 4.3. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, tính độc lập tương đối của ý thức xã hội. 5. Triết học về con người 5.1. Con người và bản chất con người 5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người. 5.3. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử. 5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam.						

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình triết học Mác - Lênin* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hinh thức khác	
1	Chương 1: Khái luận về triết học và triết học Mác - Lênin. 1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học 1.1. Khái lược về triết học 1.2. Vấn đề cơ bản của triết học 1.3. Biện chứng và siêu hình 2. Triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội. 2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin. 2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin.	10			02		20

	2.3. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.						
2	Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng 1. Vật chất và ý thức 1.1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất 1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức 1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức 2. Phép biện chứng duy vật 2.1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật 2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật 3. Lý luận nhận thức 3.1. Quan điểm về nhận thức trong lịch sử triết học 3.2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng	14				02	28
3	Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử. 1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội 1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội. 1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất 1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội. 1.4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên. 2. Giai cấp và dân tộc 2.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp 2.2. Dân tộc 2.3. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại 3. Nhà nước và cách mạng xã hội	12				05	24

	3.1. Nhà nước 3.2. Cách mạng xã hội 4. Ý thức xã hội 4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội. 4.2. Khái niệm, kết cấu, tính giai cấp, các hình thái của ý thức xã hội. 4.3. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, tính độc lập tương đối của ý thức xã hội. 5. Triết học về con người 5.1. Con người và bản chất con người 5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người. 5.3. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử. 5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam.						

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình [x] Động não [x] Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projecter, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần	10%		
	Tiểu luận/ Bài kiểm tra	30%		
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính	60%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 3

12.3. Điểm học phần

- Điểm tổng kết đánh giá kết thúc học phần = Điểm thi phần lý thuyết trên máy tính * 0.6 + Điểm kiểm tra quá trình * 0.3 + Điểm chuyên cần * 0.1

Điểm đánh giá kết thúc học phần: Đạt ≥ 4/10

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC LÊNIN
Đối tượng đào tạo: Y KHOA ; Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin
- Tên tiếng anh: Marxist – Leninist political economy
- Mã học phần: POL2002
- Số tín chỉ (*lên lớp/thực hành/tự học*): 02 lý thuyết
- Đối tượng học: Áp dụng cho ngành đào tạo: Nghành Y Khoa (năm thứ hai)
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □X		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □X	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết: Môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin chỉ được học từ sau khi học xong môn Triết học Mác – Lênin. Trình độ đào tạo đại học, cao đẳng khối không chuyên Lý luận chính trị; là môn học thứ hai của chương trình các môn Lý luận chính trị trong trường đại học, cao đẳng.
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết
  + Nghe giảng lý thuyết: 24
  + Làm bài tập trên lớp: 01
  + Thảo luận trên lớp: 04
  + Hoạt động theo nhóm: 0
  + Thời gian tự học: giờ
  + Kiểm tra: 01 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lý luận chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths.Tưởng Thị Thắm	0989055525	tuongtham76@gmail.com
2	Ths.Trần Hồng Thanh	0976365787	thanh.hvyd@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT [3] *	Mức độ [4]
Kiến thức			
MT1	- Hiểu được kiến thức cơ bản của Kinh tế chính trị Mác –	[CĐR1]	2

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT [3] *	Mức độ [4]
	Lênin về tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới vào bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay		
MT2	- Có khả năng vận dụng được một cách sáng tạo, khoa học các kiến thức về kinh tế chính trị Mác – Lênin để hiểu, giải thích được các quan hệ kinh tế, vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế.	[CĐR1]	2
MT3	Xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin về kinh tế trong thời đại mới để phát triển nhân sinh quan cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.	[CĐR1]	2
	Kỹ năng		
MT4	-Hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước - Kỹ năng Thu thập và xử lý thông tin., đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện	[CĐR3]	1
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT5	Rèn luyện tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện ý thức trách nhiệm, xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với sinh viên, phát triển nhân sinh quan cách mạng và tu dưỡng đạo đức con người mới và góp phần xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.	[CĐR15]	1

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần	CĐR của học phần
Kiến thức	
MT1-- Hiểu được kiến thức cơ bản của Kinh tế chính trị Mác – Lênin về tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới vào bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay	- **CĐR1:** Nắm được nội dung cơ bản của Kinh tế chính trị Mác Lênin như Hàng hoá, giá trị, giá trị thặng dư, lợi nhuận, thị trường, các quan hệ và lợi ích kinh tế….

MT2- Có khả năng vận dụng được một cách sáng tạo, khoa học các kiến thức về kinh tế chính trị Mác – Lênin để hiểu, giải thích được các quan hệ kinh tế, vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế.	- **CĐR1:** Phân tích được hiện tượng, bản chất của kinh tế, các vấn đề kinh tế, mối quan hệ và lợi ích kinh tế chính trị trong nước và kinh tế chính trị quốc tế
MT3- Xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin về kinh tế trong thời đại mới để phát triển nhân sinh quan cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.	- **CĐR1.** Vận dụng được các quy luật của kinh tế thị trường trong sự phát triển của bản thân và xã hội
Kỹ năng	
MT4 - Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện - Thu thập và xử lý thông tin.	**CĐR3**. Vận dụng các hiểu biết về các phạm trù, khái niệm, quy luật của kinh tế thị trường liên quan tới lĩnh vực y tế, thể hiên năng lực báo cáo, phản biện, thảo luận dễ hiểu và truyền cảm
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5- Rèn luyện tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện ý thức trách nhiệm, xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với sinh viên, phát triển nhân sinh quan cách mạng và tu dưỡng đạo đức con người mới và góp phần xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.	**CĐR15**: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm với bản thân và xã hội. Chủ động và tích cực học tập, rèn luyện hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình; Mức 3: Cao

Nội dung học phần	**Chuẩn đầu ra học phần**		
	CĐR1	CĐR3	CĐR15
Chương 1. Đối tượng, phương pháp nghiên cưu và chức năng của KTCT MLN	3	1	1
Chương 2. Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường	3	1	1
Chương 3. Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường	3	1	1
Chương 4. Cạnh tranh và động quyền trong nền kinh tế thị trường	3	1	1
Chương 5. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam	3	1	1
Chương 6. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	3	1	1

6. Mô tả học phần (*Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần*)

- Môn Kinh tế chính trị Mác Lênin trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy kinh tế của người học.

- Trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.

- Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với sinh viên

- Xây dựng, phát triển nhân sinh quan cách mạng và tu dưỡng đạo đức con người mới.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học			Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)				
	LT	BT/TL/KT	Tổng cộng		
Chương 1. Đối tượng, phương pháp nghiên cưu và chức năng của KTCT MLN	4		04		*[1] trang 11 - 34*
Chương 2. Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường	4	2	06		*[1] trang 34 – 83*
Chương 3. Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường	6	2	08		*[1] trang 84–123*
Chương 4. Cạnh tranh và động quyền trong nền kinh tế thị trường	3	1	04		*[1] trang 124 – 168*
Chương 5. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam	4		04		*[1] trang 199 - 223*
Chương 6. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	3	1	4		*[1] trang 224 - 386*

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

*** Sách, giáo trình**

- Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giáo trình Kinh tế chính trị Mác –Lênin (dàng cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) - NXB Chính trị Quốc gia, HN, 2021.

*** Tài liệu tham khảo**

- Bộ giáo dục và đào tạo*;* Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015.

- Bộ giáo dục và đào tạo*;* Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần/		Giảng viên lên lớp (giờ)	Sinh viên

buổi		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	tự học, tự nghiên cứu (giờ)
1	Chương 1. Đối tượng, Phương pháp nghiên cứu và chức năng của KTCT MLN 1.Khái quát sự hình thành và phát triển của KTCT MLN 2.Đối tượng, phương pháp nghiê cứu của KTCT MLN 3.Chức năng của KTCT MLN	04					
2	Chương 2. Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường 1.Lý luận của Mác về sản xuất hoàng hoắ và Hàng hoá 2.Thị trường và nền kinh tế thị trường	03			01		
3	Chương 2. Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường 2.Thị trường và nền kinh tế thị trường	01			01		
4	Chương 3. Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường. 1.Lý luận của C. Mác về giá trị thặng dư 2. Tích luỹ tư bản	04					
5	Chương 3. Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường. 3.Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.	02		01	01		
6	Chương 4.Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường [1].Độc quyền giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường [2].Độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường	03			01		

7	Chương 5.Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam 1.Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 2.Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường ở Việt Nam 3.Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế [*]	04					
8	Chương 6. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam 1.Công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam 2.Hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam	03	01				

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình [x] Động não □ Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề [x]

Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống [x] Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR1, CĐR3, CĐR15.
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR1, CĐR3, CĐR15.
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR1, CĐR3, CĐR15
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn CĐR1, CĐR3, CĐR15.

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần

Giảng dạy trực tiếp: phấn bảng, máy chiếu, màn chiếu, loa mic (nếu cần)

Giảng dạy trực tuyến: máy tính có nối mạng Internet, account giảng dạy có bản quyền.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên (nếu có), thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%;

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế (nếu có).

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần	10 %		
	Điểm thành phần	30 %		
2	**Điểm thi kết thúc học phần**			
	- Trắc nghiệm trên máy tính (TH SV thi trực tiếp tại HV)	60 %	Đủ điều kiện dự thi và tham gia thi	CĐR1, CĐR 3, CĐR15,

12.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến, Giáo trình, Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến giáo trình cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Giáo trình, Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC
Đối tượng đào tạo: Y Khoa; Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Chủ nghĩa xã hội khoa học
* Tiếng Việt: Chủ nghĩa xã hội khoa học
* Tiếng Anh: Scientific Socialism
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học (năm thứ): 2
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □X		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc X	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Triết học Mac Lênin, Kinh tế chính trị Mac Lênin
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết
  + Nghe giảng lý thuyết: 25
  + Làm bài tập trên lớp: 00
  + Thảo luận trên lớp: 05
  + Hoạt động theo nhóm: 0
  + Thời gian tự học: giờ
  + Kiểm tra: 01 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lý luận Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Đinh Nguyễn An	0944371111	dinhnguyenan1181@gmail.com
2	TS. Lâm Thị Huệ	0988261862	Miakyanh@gmail.com
3	ThS. Đinh Thị Cẩm Tú	0968946686	Camtuhvyd@gmail.com
4	ThS. Lê Thị Bích Ngọc	0989255939	bichngoc708@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
Kiến thức			
MT1	Hiểu và phân tích được kiến thức cơ bản về về CNXHKH và thực tiễn xây dựng CNXH ở nước ta trong TKQĐ hiện nay	CĐR1	3
Kỹ năng			
MT2	Hình thành và rèn luyện khả năng phân tích, đánh giá những vấn đề lý luận và thực tiễn trong quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam	CĐR3	1
MT3	Hình thành và vận dụng được kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm, làm việc độc lập, giải quyết vấn đề, thuyết trình, giao tiếp	CĐR3	1
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT4	MT4: Có niềm tin khoa học vào hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước; Tin tưởng vào mục tiêu, lý tưởng và sự thành công của công cuộc đổi mới do ĐCSVN khởi xướng và lãnh đạo trong thời kỳ quá độ lên CNXH hiện nay	CĐR14	1

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Nắm vững những vấn đề lý luận về CNXHKH và thực tiễn xây dựng CNXH ở nước ta trong TKQĐ hiện nay	**CLO1**: Hiểu được những vấn đề lý luận về CNXHKH và thực tiễn xây dựng CNXH ở nước ta trong TKQĐ hiện nay
Kỹ năng	
MT2: Hình thành và rèn luyện khả năng phân tích, đánh giá những vấn đề lý luận và thực tiễn trong quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam	**CLO** 2: Hình thành và rèn luyện khả năng phân tích, đánh giá những vấn đề lý luận và thực tiễn trong quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam
MT3: Hình thành và vận dụng được kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm, làm việc độc lập, giải quyết vấn đề, thuyết trình, giao tiếp	

Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT4: Có niềm tin khoa học vào hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước; Tin tưởng vào mục tiêu, lý tưởng và sự thành công của công cuộc đổi mới do ĐCSVN khởi xướng và lãnh đạo trong thời kỳ quá độ lên CNXH hiện nay	**CLO** 3: Có phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng, tin tưởng tuyệt đối vào sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)**		
	1	2	3
Chương mở đầu	1		
Chương 1	3	1	2
Chương 2	3	1	2
Chương 3	3	1	2
Chương 4	3	1	2
Chương 5	3	1	2
Chương 6	3	1	2
Chương 7	3	1	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

CNXHKH là môn học trang bị cho người học những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa; Giúp người học đề cao cảnh giác và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch, những tuyên truyền chống phá của chủ nghĩa đế quốc, bọn phản động đối với Đảng, Nhà nước và chế độ ta; Từ đó góp phần quan trọng trong việc giáo dục niềm tin khoa học cho nhân dân vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy học**						**Yêu cầu đối với sinh viên**
	Lên lớp (Tiết)					**Tự học (Giờ)**	
	LT	**TH**	**BT/TL/KT**	**TL**	**Tổng cộng**		
Chương 1: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học	04	00	00		04		Đọc trước giáo trình [tr.11-50]
Chương 2: Sứ mệnh lịch	04	00	00		04		Đọc trước giáo

sử của giai cấp công nhân							trình [tr.51-85]
Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	04	00	00		04		Đọc trước giáo trình [tr.86-124]
Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa	04	00	00		04		Đọc trước giáo trình [tr.125-164]
Chương 5: Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	04	00			04		Đọc trước giáo trình [tr.165-195]
Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	08	00			08		Đọc trước giáo trình [tr.195-238]
Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	02	00			02		Đọc trước giáo trình [tr.239-269]

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

- Giáo trình học tập:

1 . Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị - Nxb Chính trị quốc gia sự thật.

- Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mac- Lênin, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009

2. *Về chủ nghĩa Mác - Lênin chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	**Chương 1** Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học	4					8
2	**Chương 2** Sứ mệnh lịch sử của giai cấp	4					8

	công nhân						
3	**Chương 3** CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH	4					8
4	**Chương 4** Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN	2			2		8
5	**Chương 5** Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	4			0		8
6	**Chương 6** Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH	6			2		16
7	**Chương 7** Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH	2					4

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình *x* Động não □ Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề *x* Hoạt động nhóm *x* Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt chuẩn [CLO3]

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Giảng dạy trực tiếp: phấn bảng, máy chiếu, màn chiếu, loa mic (nếu cần)

Giảng dạy trực tuyến: máy tính có nối mạng Internet, account giảng dạy có bản quyền

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %;

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần	10 %		
	Điểm thành phần	30 %		CĐR1, CĐR 3, CĐR14
2	**Điểm thi kết thúc học phần**			
	- Trắc nghiệm trên máy tính (TH SV thi trực tiếp tại HV)	60 %	Đủ điều kiện dự thi và tham gia thi	CĐR1, CĐR 3, CĐR14

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
Đối tượng đào tạo: Y Khoa; Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Tư tưởng Hồ Chí Minh
* Tiếng Việt: Tư tưởng Hồ Chí Minh
* Tiếng Anh: Ho Chi Minh's thought
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học (năm thứ): 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương X		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
Bắt buộc X	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	□

- Các học phần tiên quyết/học trước: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết
  + Lý thuyết: 24 tiết
  + Bài tập: 0 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 05 tiết
  + Kiểm tra: 01 tiết
  + Thời gian tự học: 0 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lý luận Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Lê Thị Bích Ngọc	0989255939	bichngoc708gmail.com
2	ThS. GVC. Đinh Thị Cẩm Tú	0968946686	camtuhvyd@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
Kiến thức			
MT1	Trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng, phương pháp	CĐR1	3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập TTHCM		
MT2	Trình bày được cơ sở, quá trình hình thành và phát triển TTHCM	CĐR1	3
MT3	Trình bày được nội dung cơ bản hệ thống quan điểm TTHCM về cách mạng Việt Nam	CĐR1	3
Kỹ năng			
MT4	Kỹ năng thảo luận nhóm, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện; thu thập và xử lý thông tin và kỹ năng báo cáo, trình bày	[CĐR1]; [CĐR3]	1
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT5	Có niềm tin vào con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta đã lựa chon, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội	CĐR14	1

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Trình bày được những kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập TTHCM	CLO 1: Hiểu được nội dung cơ bản quan điểm TTHCM, nắm được quy luật của cách mạng Việt Nam: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội để vận dụng vào công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân nói chung và công tác phát triển ngành y khoa nói riêng.
MT2: Trình bày được cơ sở, quá trình hình thành và phát triển TTHCM	
MT3: Trình bày được nội dung cơ bản hệ thống quan điểm TTHCM về cách mạng Việt Nam	
Kỹ năng	

MT4: Kỹ năng thảo luận nhóm, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện; thu thập và xử lý thông tin và kỹ năng báo cáo, trình bày.	CLO 2: Có kỹ năng vận dụng kiến thức lý luận của môn học để tiếp cận và bước đầu giải quyết vấn đề của các môn khoa học chuyên ngành; thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Có niềm tin vào con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta đã lựa chon, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội	CLO 3: Có phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng, tin tưởng tuyệt đối vào sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)**		
	1	2	3
Chương 1: Khái niệm, Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn TTHCM			1
Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển TTHCM	3	1	3
Chương 3: TTHCM về độc lập dân tộc và CNXH	3	1	3
Chương 4: TTHCM về ĐCSVN và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân	3	1	3
Chương 5: TTHCM về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế	3	1	3
Chương 6: TTHCM về văn hoá, đạo đức, con người	3	1	3

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Học phần TTHCM trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa của việc học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; những kiến thức cơ bản, cốt lõi về hệ thống quan điểm TTHCM về con đường cách mạng Việt Nam. Từ đó, nâng cao nhận thức niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/TL /KT	Tổng cộng		
Chương 1: Khái niệm, Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn TTHCM	01	00	00	01	00	Đọc trước giáo trình [tr.11-31]
Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển TTHCM	06	00	00			Đọc trước giáo trình [tr.32-72] Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Chương 3: TTHCM về độc lập dân tộc và CNXH	06	00	00			Đọc trước giáo trình [tr.73-122] Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Chương 4: TTHCM về ĐCSVN và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân	05	00	00			Đọc trước giáo trình [tr.123-168) Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Chương 5: TTHCM về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế	05	00				Đọc trước giáo trình [tr.169-204] Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Chương 6: TTHCM về văn hoá, đạo đức, con người	07	00				Đọc trước giáo trình [tr.205-265] Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu

						hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

- Giáo trình học tập:

+ Bộ giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội 2021

- Tài liệu tham khảo:

+ Hồ Chí Minh (2011). Toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

+ Hội đồng thi đua - khen thưởng trung ương - ban tư tưởng - văn hóa trung ương (2001), Chân dung anh hùng thời đại Hồ Chí Minh

+ Trần Đình Ba (2010), Cuộc đời sự nghiệp văn thơ và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh – NXB Thanh Niên

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần/Buổi (4 tiết)	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	04					08
2	04					08
3	04					08
4	04					08
5	04					08
6				04		08
7	04					08
8	02					04

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình *x* Động não □ Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề *x* Hoạt động nhóm *x* Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO3].
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO3].

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Giảng dạy trực tiếp: phấn bảng, máy chiếu, màn chiếu, loa mic (nếu cần)

Giảng dạy trực tuyến: máy tính có nối mạng Internet, account giảng dạy có bản quyền.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %;

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần	10 %		
	Điểm thành phần	30 %		CĐR1, CĐR 3, CĐR14
2	**Điểm thi kết thúc học phần**			
	- Trắc nghiệm trên máy tính (TH SV thi trực tiếp tại HV)	60 %	Đủ điều kiện dự thi và tham gia thi	CĐR1, CĐR 3, CĐR14

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✔ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✔ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✔ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Đối tượng đào tạo: Y Khoa; Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

* Tiếng Anh: **History of the Communist Party of Vietnam**

- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 02 LT/0 thực hành
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên đại học Y khoa năm thứ 3
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □X		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □x	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [x]	Tự chọn □	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học,

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết

+ Nghe giảng lý thuyết: 25

+ Làm bài tập trên lớp: 00

+ Thảo luận trên lớp: 05

+ Hoạt động theo nhóm: 0

+ Thời gian tự học: giờ

+ Kiểm tra: 01 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lý luận chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
01	TS.Lâm Thị Huệ	0988261862	Miakyanh@gmail.com
02	ThS. Đinh Thị Cẩm Tú	0968946686	camtuhvyd@gmail.com
03	ThS.Trần Thị Xoa	0974174883	tranthixoa.kt@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT1	Hiểu và phân tích được kiến thức cơ bản về sự ra đời của Đảng; quá trình Đảng lãnh đạo cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	[CĐR1]	3
	Kỹ năng		
MT2	Kỹ năng thảo luận nhóm, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện; thu thập và xử lý thông tin và kỹ năng báo cáo, trình bày	[CĐR1]; [CĐR3]	1
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT3	Có khả năng vận dụng kiến thức lịch sử Đảng vào hoạt động thực tiễn, phê phán quan điểm sai trái, xuyên tạc lịch sử	[CĐR1] [CĐR14]	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Hiểu và phân tích được kiến thức cơ bản về sự ra đời của Đảng; quá trình Đảng lãnh đạo cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	**CLO1**: Trình bày được kiến thức chung về Lịch sử của Đảng cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam
Kỹ năng	
MT2: Kỹ năng thảo luận nhóm, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện; thu thập và xử lý thông tin và kỹ năng báo cáo, trình bày	**CLO 2:** Có kỹ năng vận dụng kiến thức lý luận của môn học để tiếp cận và bước đầu giải quyết vấn đề của các môn chuyên ngành y khoa; thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	

MT3: Có khả năng vận dụng kiến thức lịch sử Đảng vào hoạt động thực tiễn, phê phán quan điểm sai trái, xuyên tạc lịch sử	**CLO 3**: Có phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng, tin tưởng tuyệt đối vào sự nghiệp đổi mới sự lãnh đạo của Đảng trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân và phát triển nghề nghiệp. CLO 4: Thuyết trình, phản biện, bảo vệ quan điểm cá nhân giải quyết được vấn đề cần thảo luận trong học tập.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)**			
	1	2	3	4
Chương nhập môn: ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM			1	
Chương 1: ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)	3	2	3	1
Chương 2: ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG NGOẠI XÂM, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975)	3	2	3	1
Chương 3: ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY)	3	2	3	1

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; những kiến thức cơ bản, cốt lõi, có hệ thống về sự ra đời, phát triển, lãnh đạo, của Đảng qua các thời kỳ cách mạng. Học phần giúp người học có tư duy nghiên cứu, phân tích thấu đáo sự tài tình của Đảng CSVN trong việc lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ khi ra đời đến nay.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy học**					**Yêu cầu đối với sinh viên**
	Lên lớp (Tiết)				**Tự học**	
	LT	**TH**	**BT/**	**Tổng**		

			TL/KT	**cộng**	**(Giờ)**	
Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn LSĐCSVN	1			1		- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung, nghiên cứu tài lieu. - Phần chuẩn bị trên lớp: nghe giảng, ghi chép, thảo luận…
Chương 1 ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945) I. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2/1930) II. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền	9			9		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Chương 2 ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975) I. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) II. Lãnh đạo xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954 - 1975)	10			10		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Chương 3 ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975 - 2018)	10			10		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các

I. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1986) 1. Xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 -1986) II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986 - 2018)						ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), NXB Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Bộ giáo dục và Đào tạo (2009), *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.

[2]. Bộ giáo dục và Đào tạo (2009), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin,* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Tư tưởng Hồ Chí Minh* (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), NXB Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn LSĐCSVN	1					2
2	Chương 1 ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945) II. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên	7			2		18

	của Đảng (tháng 2/1930) II. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền						
	Chương 2 ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975) II. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) II. Lãnh đạo xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954 - 1975)	8			2		20
	Chương 3 ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975 - 2018) I. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1986) 1. Xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1986) II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986 - 2018)	9			1		20

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình [x] Động não [x] Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO3] đến [CLO4].

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Giảng dạy trực tiếp: phấn bảng, máy chiếu, màn chiếu, loa mic (nếu cần)

Giảng dạy trực tuyến: máy tính có nối mạng Internet, account giảng dạy có bản quyền

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %;

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần	10 %		
	Điểm thành phần	30 %		CĐR1, CĐR 3, CĐR14
2	**Điểm thi kết thúc học phần**			
	- Trắc nghiệm trên máy tính (TH SV thi trực tiếp tại HV)	60 %	Đủ điều kiện dự thi và tham gia thi	CĐR1, CĐR 3, CĐR14

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH CƠ BẢN

Trình độ đào tạo: Bác sĩ đa khoa, Ngành: Y khoa

Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần:

* Tiếng Việt: Tiếng Anh cơ bản

* Tiếng Anh: General English

- Mã học phần: ENGL1001

- Số tín chỉ: 03

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 13 tiết

+ Kiểm tra: 02 tiết

+ Thời gian tự học: 105 giờ

- Đối tượng học (năm thứ): Năm thứ nhất

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc √□	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): Không có

+ Học phần học trước (đã học):

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về giảng viên

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	ThS. Doãn Thị Lan Anh	0904368503	anhminh0409@gmail.com
2	ThS. Phạm Ngân Hà	0983894482	phamnganha2703@gmail.com
3	TS. Phí Thị Việt Hà	0902222779	vietha79vatm@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thanh Hoa	0984328968	thanhhoa.nguyen1609@gmail.com
5	ThS. Nguyễn Vân Trang	0977670786	vantrang0609@gmail.com
6	ThS. Nguyễn Thị Thúy	0778489238	nguyenthithuyts.nguyen@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu (Gx) [1]	Nội dung MT HP [2]	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]	Mức độ [4]
MT1 Kiến thức	Kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, chức năng ngôn ngữ và các kỹ năng ngôn ngữ) ở mức độ tiền trung cấp (tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, tương đương B1 theo Khung tham chiếu Châu Âu), kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội.	**CĐR1** **CĐR4**	2
MT2 Kỹ năng	Kỹ năng Nghe, Đọc, Viết ở mức độ tiền trung cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả.	**CĐR13**	2
MT3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm	Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	**CĐR14**	2

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu	CĐR của học phần
	Kiến thức
MT1	CĐR1: Từ vựng - Gọi tên được các danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, mạo từ và giới từ. - Liệt kê được các từ vựng liên quan đến các chủ đề cuộc sống như mối quan hệ gia đình, bạn bè, những kỷ niệm thời học sinh, giáo dục, cơ sở vật chất trường học, nhà ở, nhập cư & di cư, khách sạn, du lịch vũ trụ, thực phẩm, công việc, chương trình truyền hình, thú cưng, máy tính, thể thao, sức khỏe, quần áo, sắm, kinh doanh, thám hiểm, lễ hội, đất nước và ngôn ngữ, các vấn đề toàn cầu; - Gọi tên các danh từ ghép, các dạng động từ, cụm động từ, tính từ đối lập, tính từ và danh từ chỉ tính cách. - Vận dụng các từ có liên quan đến các chủ đề để đặt câu và làm bài tập về từ vựng.
	CĐR2: Ngữ pháp - Phân biệt các dạng câu hỏi với động từ TO BE, trợ động từ thường và các câu hỏi có từ để hỏi HOW & WHAT; - Giải thích được cách sử dụng của cấu trúc USED TO; - Phân biệt cách dùng SOME, MANY & MOST; các danh từ đếm được và không đếm được với SOME, ANY & NO; - Nhận biết các thì ở hiện tại trong tiếng Anh: hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành; các thì quá khứ: quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành; các

	thì tương lai: tương lai đơn, tương lai gần; cách dùng của thì hiện tại dùng trong các mệnh đề tương lai (câu điều kiện loại I); - Phân biệt các thì quá khứ đơn với quá khứ hoàn thành, hiện tại hoàn thành với hiện tại hoàn thành tiếp diễn; - Phân biệt danh từ đếm được và không đếm được; các từ chỉ định lượng; từ/cụm từ bổ nghĩa; - Phân biệt tính từ hậu tố -ED và -ING; - Phân biệt sự khác nhau giữa cách dùng động từ khuyết thiếu will/may/might; maybe/ certainly/definitely/probably để dự đoán khả năng xảy ra của hành động. - Phân biệt cách sử dụng dạng động từ khuyết thiếu chỉ sự bắt buộc (modals of obligation) MUST & HAVE TO dùng trong thì hiện tại và thì quá khứ; - Nhận biết các cụm từ kết hợp với GET; - Nhận biết các loại câu chủ động, bị động; - Nhận biết mệnh đề quan hệ xác định; - Phân biệt các dạng so sánh bằng/không bằng/ hơn/ kém, và so sánh tuyệt đối; - Áp dụng các cấu trúc đã học để đặt câu, viết đoạn văn và làm bài tập.
	CĐR3: Ngôn ngữ chức năng - Nhận biết các cấu trúc thông dụng/cách diễn đạt ngôn ngữ để mở đầu và kết thúc cuộc gọi điện thoại & lời nhắn qua điện thoại, để khai thác thêm thông tin về vấn đề quan tâm, để chỉ đường, kể chuyện, đưa ra lời mời hoặc lời đề nghị, lời yêu cầu và cách thức đáp lại, đưa ra lời khuyên, để hướng dẫn thực hiện thao tác, diễn đạt sự đồng ý hay không đồng ý về vấn đề gì. - Vận dụng các cách diễn đạt đó để thực hành trong các bài tập về đóng vai tình huống.
	CĐR4: Phát âm - Diễn đạt được các hình thức phát âm đối với các câu hỏi, câu hỏi ngắn, các dạng âm yếu, dạng thức của động từ chia ở quá khứ, các dạng yếu và mạnh của động từ khuyết thiếu, các âm bị biến mất, ngữ điệu lên/xuống trong câu, và nhấn âm từ và câu. - Phân biệt giọng điệu Anh-Anh và Anh-Mỹ
Kỹ năng	
MT2	CĐR5: Kỹ năng nghe - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để nghe và làm bài tập về các chủ đề: một gia đình điển hình của Anh, miêu tả bức ảnh, lời nhắn qua điện thoại, kỷ niệm thời học sinh, trường dạy ngôn ngữ, nơi sinh sống, hỏi đường & chỉ đường, miêu tả bộ phim, sắp xếp cuộc đi chơi, chương trình radio về những khách sạn tệ nhất ở Anh, hội thoại tại sân bay, bài phỏng vấn trên đài về chủ đề 'slow food', đặt chỗ tại nhà hàng qua điện thoại, cuộc phỏng vấn tại một cơ quan tuyển dụng, chương trình trò chơi truyền hình Star Quest, cách gửi email trên máy tính, chương trình phát thanh về lĩnh vực giải trí ở London, mua vé xem chương trình biểu diễn tại nhà hát, công việc gây căng thẳng, chương trình trên radio về cuộc thi chạy của các VĐV, cuộc hẹn bác sĩ, độc thoại về đồ vật cá nhân, mua bán quần áo, lễ hội, ngôn ngữ tại một bữa tiệc; - Vận dụng các từ vựng theo chủ đề, các cấu trúc để nghe kỹ hơn nội dung của bài. - Nắm vững các kỹ năng nghe để nghe hiểu được nội dung của đoạn hội thoại hoặc đoạn

	văn. - Kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết.
	CĐR6: Kỹ năng nói - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để nói về các chủ đề và giao tiếp hằng ngày: gia đình, bạn bè, hàng xóm, trao đổi qua điện thoại & gửi lời nhắn; kỷ niệm thời đi học, trường học, tình huống bối rối, sống chung căn hộ, nhập cư & di cư, tình yêu, đám cưới, kể lại câu chuyện trong phim, cuộc sống xã hội của các lứa tuổi, du lịch và dịch vụ du lịch, nhà hàng, thực phẩm, nghề nghiệp và phẩm chất nghề nghiệp, phim khoa học viễn tưởng, trò chơi truyền hình, mua bán trực tuyến, sử dụng máy tính, hình thức giải trí, chương trình truyền hình thực tế, đi đến rạp chiếu phim, thú cưng, sự căng thẳng trong công việc, thể thao và sức khỏe, đồ vật cá nhân, quần áo & ngoại hình, mua sắm, du lịch thám hiểm, lễ hội, đất nước và ngôn ngữ, các vấn đề toàn cầu; - Sử dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để thành lập hội thoại ngắn và thảo luận. - Nắm vững cách phát âm, nhấn trọng âm, cách sử dụng từ loại và cấu trúc câu khi thành lập câu, đoạn. - Phát triển các câu ngắn thành đoạn văn nói về chủ đề được giao trong bài học.
	CĐR7: Kỹ năng đọc - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để đọc và làm bài tập đọc hiểu về các chủ đề: gia đình, người hàng xóm, quảng cáo trên báo chí, hệ thống giáo dục IRELAND, thảo luận trên internet, lịch sử nhập cư của SCOTLAND, thông tin về các thành phố, các kiểu quan hệ, quan điểm về kết hôn, những ảnh hưởng xấu của ngành du lịch đối với thành phố MACHU PICCHU, các hình thức nghỉ dưỡng, chế độ ăn uống của ELVIS PRESLEY, thói quen ăn uống, thói quen uống cà phê, cuộc sống khi thất nghiệp, những lá số tử vi và công việc, chương trình hội thảo về nghiên cứu các vấn đề trong tương lai, một công việc mới, nguồn gốc của chương trình truyền hình thực tế và những vấn đề xung quanh nó, sự đối lập của 2 giải thưởng danh tiếng của điện ảnh thế giới (OSCAR & RASPBERRIES), thái độ của người Mỹ đối với thú cưng, sự căng thẳng trong công việc, sự thành công của một nữ doanh nhân, thám hiểm, nhật ký du lịch, các vấn đề về ngôn ngữ tiếng Anh là ngôn ngữ quốc tế, các vấn đề toàn cầu; - Áp dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc ngữ pháp đã biết để hiểu nội dung của bài đọc. - Nắm vững các kỹ năng đọc để hiểu rõ hơn nội dung bài đọc. - Kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết.
	CĐR8: Kỹ năng viết - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để đặt câu đơn, câu ghép. - Vận dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để thành lập câu. - Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu. - Kết hợp các câu văn để thành lập đoạn văn, bài văn theo chủ đề: tin nhắn cá nhân trên trang web, kể lại câu chuyện, miêu tả về nơi bạn sinh sống, viết email cho người bạn, viết email để sắp xếp một chuyến đi, đánh giá nhận xét về một nhà hàng, viết thư xin việc, ghi chú hướng dẫn, đánh giá nhận xét về một bộ phim, miêu tả về đồ vật sở hữu yêu thích nhất, bài luận trình bày quan điểm cá nhân (đồng ý hay không đồng ý) về một vấn đề/ quan điểm nào đó...
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	

MT3	CĐR9: - Nhận thức được tầm quan trọng của môn học. - Tham gia tích cực vào các hoạt động GV giao trên lớp. - Chia sẻ kiến thức và ý kiến với GV và các SV khác. - Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần								
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9
Lesson 1A: Family life	2	2			2	2	2		2
Lesson 1B: Where are they now?	2	2		2	2	2		2	2
Lesson 1C: Neighbours		2		2		2	2		2
Lesson 1D: Making contact			2		2	2	2		2
Lesson 2A: School days	2	2		2	2	2			2
Lesson 2B: Irish schools	2	2		2		2	2	2	2
Lesson 2C: Red faces		2				2	2		2
Lesson 2D: Which school?	2		2		2	2			2
Lesson 3A: Flatmates	2	2		2	2	2			2
Lesson 3B: Migrants		2				2	2	2	2
Lesson 3C: Hometown	2	2			2	2			2
Lesson 3D: Lost	2		2	2	2	2			2
Lesson 4A: Relationships		2		2		2	2		2
Lesson 4B: Wedding bells	2	2				2	2	2	2
Lesson 4C: At the movies	2		2	2	2	2			2
Lesson 4D: Going out		2	2		2	2			2

Lesson 5A: Tourist trail	2	2				2	2		2
Lesson 5B: A weekend break	2	2			2	2		2	2
Lesson 5C: Holiday heaven	2			2		2	2		2
Lesson 5D: Planes	2		2	2	2	2			2
Lesson 6A: Junk food	2	2		2		2	2		2
Lesson 6B: Slow food	2	2		2	2	2	2	2	2
Lesson 6C: Coffee break		2				2	2		2
Lesson 6D: Class meal	2		2	2	2	2			2
Lesson 7A: Work experience	2	2		2	2	2			2
Lesson 7B: Hard work	2					2	2	2	2
Lesson 7C: Job selection	2	2				2	2		2
Lesson 7D: The recruitment agency	2		2	2	2	2			2
Lesson 8A: The futurological conference		2		2		2	2		2
Lesson 8B: Space tourists	2	2		2	2	2		2	2
Lesson 8C: Great ideas	2	2			2	2	2		2
Lesson 8D: Help!	2		2		2	2			2
Lesson 9A: What’s on		2		2	2	2			2
Lesson 9B: Reality TV	2	2				2	2	2	2
Lesson 9C: OscarTM and raspberries	2	2				2	2		2
Lesson 9D: Box office			2	2	2	2			2

Lesson 10A: Animal lovers		2				2	2		2
Lesson 10B: Stress	2	2				2	2	2	2
Lesson 10C: Marathon men	2	2		2	2	2			2
Lesson 10D: Doctor, doctor	2		2	2	2	2			2
Lesson 11A: Things	2	2	2	2	2	2			2
Lesson 11B: Fashion victim	2	2				2	2	2	2
Lesson 11C: Camden Market		2				2	2		2
Lesson 11D: Looking good	2		2	2	2	2			2
Lesson 12A: Around the world	2	2		2	2	2			2
Lesson 12B: Let’s dance	2	2				2	2	2	2
Lesson 12C: Global English	2			2		2	2		2
Lesson 12D: Global issues	2		2		2	2			2

6. Mô tả học phần

Học phần **Tiếng Anh cơ bản** trang bị kiến thức cho sinh viên về các hiện tượng ngữ pháp cơ bản, từ vựng và thực hành nghe, nói, đọc, viết thông qua các chủ đề bài học và các loại hình bài tập phong phú và đa dạng. Học phần giúp sinh viên củng cố, luyện tập, nâng cao và biết sử dụng tiếng Anh có hiệu quả trong các tình huống giao tiếp và về các chủ điểm thông thường trong cuộc sống hàng ngày. Thông qua hoạt động học tập, sinh viên còn được rèn luyện và phát triển các phẩm chất cần thiết như khả năng tự học, tự tìm hiểu kiến thức, biết chia sẻ thông tin với người khác. Ngoài ra, sinh viên còn được cung cấp những kiến thức về văn hóa của nhiều nước trên thế giới qua các nội dung chủ đề bài học.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	GIỜ LÊN LỚP			Thực tập	Tự học	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
Nội dung 1: Lesson 1A: Family life Lesson 1B: Where are they now? Lesson 1C: Neighbours Lesson 1D: Making contact	02	01	01		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Nội dung 2: Lesson 2A: School days Lesson 2B: Irish schools Lesson 2C: Red faces Lesson 2D: Which school?	02	01			10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Nội dung 3: Lesson 3A: Flatmates Lesson 3B: Migrants Lesson 3C: Hometown Lesson 3D: Lost	02	01	01		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Nội dung 4: Lesson 4A: Relationships Lesson 4B: Wedding bells Lesson 4C: At the movies Lesson 4D: Going out	02	01	01		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Nội dung 5: Lesson 5A: Tourist trail Lesson 5B: A weekend break Lesson 5C: Holiday heaven Lesson 5D: Planes	02	01	01		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.

Nội dung 6: Lesson 6A: Junk food Lesson 6B: Slow food Lesson 6C: Coffee break Lesson 6D: Class meal	01	01			10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Nội dung 7: Lesson 7A: Work experience Lesson 7B: Hard work Lesson 7C: Job selection Lesson 7D: The recruitment agency	02	01			10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Nội dung 8: Lesson 8A: The futurological conference Lesson 8B: Space tourists Lesson 8C: Great ideas Lesson 8D: Help!	01	01	01		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Nội dung 9: Lesson 9A: What's on Lesson 9B: Reality TV Lesson 9C: OscarTM and raspberries Lesson 9D: Box office	02	01			10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Nội dung 10: Lesson 10A: Animal lovers Lesson 10B: Stress Lesson 10C: Marathon men Lesson 10D: Doctor, doctor	02	01	01		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Nội dung 11: Lesson 11A: Things Lesson 11B: Fashion victim Lesson 11C: Camden Market Lesson 11D: Looking good	02	01	01		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo

						hướng dẫn của giảng viên.
Nội dung 12: Lesson 12A: Around the world Lesson 12B: Let's dance Lesson 12C: Global English Lesson 12D: Global issues	02	01	01		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Philip Kerr (2016). *Straightforward* - Pre-intermediate Student's Book. Macmillan Publishers

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Micheal Mc Karthy & Felicity O'Dell. *English Vocabulary in Use (Pre-Intermediate).* Cambridge University Press.

[2]. Malcolm Mann, Steve Taylore-Knowles. *Destination B1-Grammar & Vocabulary with key*. NXB Macmillan.

[3] Webcode của giáo trình Straightforward.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần/ Buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	2		1	1		10
2	2		1	1		10
3	2		1	1		10
4	2		1	1		10
5	2		1	1		10
6	2		1	1		10
7	2	1	1	0		10
8	2		1	1		10
9	2		1	1		10
10	2		1	1		10
11	2		1	1		10
12	0	1	0	0		10
Tổng	**22**	**2**	**11**	**10**		**120**

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình √□	Động não √□	Từng cặp /Chia sẻ √□
Học dựa trên vấn đề √□	Hoạt động nhóm √□	Đóng vai √□
Học dựa vào dự án √□	Mô phỏng √□	Nghiên cứu tình huống √□

Thực hiện luận văn/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR1 đến CĐR9.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR1 đến CĐR9.

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR1 đến CĐR9.

- Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy trực tuyến sử dụng các nền tảng ứng dụng Zoom, Microsoft Team, Google Meeting, Google Forms...

11. Yêu cầu của các giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Yêu cầu chung:

- Giảng viên lên lớp đúng giờ theo quy định về giờ giảng của Học viện.

- Giảng viên thực hiện giảng dạy theo đúng lịch trình và nội dung trong Kế hoạch giảng dạy đã được Bộ môn phê duyệt.

- Giảng viên có trách nhiệm cung cấp giáo trình, tài liệu giảng dạy…theo nội dung bài giảng trong Kế hoạch giảng dạy cho sinh viên trước khi lên lớp 1 ngày.

- Giảng viên lên lớp buổi đầu tiên có trách nhiệm:

+ Gửi cho lớp trưởng/đại diện lớp hai văn bản: (1) Kế hoạch giảng dạy của học phần môn học; (2) Quy định về quản lý lớp học đối với sinh viên.

+ Đảm bảo sinh viên được nhận đủ các thông tin và quy định về môn học.

- Về việc điểm danh sinh viên:

- ✓ Giảng viên có trách nhiệm thực hiện điểm danh sinh viên trong mỗi buổi học theo Thời khóa biểu, triển khai và quản lý lớp học theo đúng nội dung trong hai văn bản nói trên;
- ✓ Giảng viên có trách nhiệm tổng hợp số buổi nghỉ của sinh viên (có phép/không phép) và nộp lại danh sách điểm danh cho giáo vụ/giảng viên phụ trách điểm khối đó sau khi kết thúc buổi giảng cuối cùng theo Lịch trình/Kế hoạch giảng dạy để làm cơ sở xét điều kiện dự thi kết thúc học phần;
- ✓ Giảng viên có trách nhiệm thông báo trước lớp những sinh viên đủ/không đủ điều kiện dự thi trong buổi học cuối cùng của học phần môn học;
- ✓ Các giảng viên tham gia giảng dạy cùng một lớp cần phối hợp với nhau trong việc điểm danh sinh viên (thời gian, số lần điểm danh trong một buổi học…), đảm bảo sự nhất quán trong cách thực hiện.

Yêu cầu đối với hình thức học trực tuyến

- Giảng viên có trách nhiệm thông báo cho lớp trưởng/đại diện lớp những thông tin cần thiết khi tham gia lớp học trực tuyến như: tài khoản đăng nhập, mật khẩu đăng nhập, thời gian đăng nhập…trước buổi học ít nhất 30 phút.

- Các giảng viên tham gia dạy cùng một lớp thống nhất với nhau về việc thông báo cho sinh viên thời gian bắt đầu mở phòng học, đảm bảo giờ học bắt đầu đúng quy định.

- Giảng viên đề nghị lớp trưởng/đại diện lớp cùng phối hợp trong việc điểm danh sinh viên bằng hình thức chụp màn hình và gửi lại cho giảng viên trước khi kết thúc buổi học 15 phút.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầu đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập. Trong trường hợp nghỉ học với lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ minh chứng đầy đủ và hợp lý.

- ✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- ✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định Sinh viên đi muộn 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại (đối với giờ học trực tiếp), máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên; Hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến chuyên ngành nhằm hỗ trợ cho việc học các chuyên ngành bằng tiếng Việt và xác định được khả năng, ưu thế cá nhân để từ đó đề ra được định hướng học tập và việc làm trong tương lai.

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%. Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên, tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

- Trong quá trình học, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Đánh giá chuyên cần	0%	Dự lớp tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần.	
	Bài kiểm tra số 1	15%	- Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học. - Phân biệt từ loại và các cấu trúc ngữ pháp đã học.	CĐR1 đến CĐR9

			- Áp dụng các kiến thức đã học để hoàn thành bài kiểm tra.	
	Bài kiểm tra số 2	15%	- Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học. - Phân biệt từ loại và các cấu trúc ngữ pháp đã học. - Áp dụng các kiến thức đã học để hoàn thành bài kiểm tra.	CĐR1 đến CĐR9
2	**Điểm thi kết thúc học phần**			
	Trác nghiệm trên phần mềm thi test	70%	- Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học. - Phân biệt từ loại và các cấu trúc ngữ pháp đã học. - Áp dụng các kiến thức đã học để hoàn thành bài kiểm tra.	CĐR 1 đến CĐR 9

12.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. Hướng dẫn thực hiện

- Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

- Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

- Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH 2 (TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH 1)
Đối tượng đào tạo: Y khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần:
* Tiếng Việt: Tiếng Anh 2 (Tiếng Anh chuyên ngành 1)
* Tiếng Anh: English 2 (English for Medical Purposes 1)
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học (năm thứ): Năm thứ hai
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc √□	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: học phần Tiếng Anh cơ bản
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 45 tiết
  + Lý thuyết: 48 tiết
  + Bài tập: 14 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 10 tiết
  + Kiểm tra: 3 tiết
  + Thời gian tự học: 150 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về giảng viên

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	ThS. Doãn Thị Lan Anh	0904368503	anhminh0409@gmail.com
2	ThS. Phạm Ngân Hà	0983894482	phamnganha2703@gmail.com
3	TS. Phí Thị Việt Hà	0902222779	vietha79vatm@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thanh Hoa	0984328968	thanhhoa.nguyen1609@gmail.com
5	ThS. Nguyễn Vân Trang	0977670786	vantrang0609@gmail.com
6	ThS. Nguyễn Thị Thúy	0778489238	nguyenthithuyts.nguyen@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT	Mức độ
MT1	+ Kiến thức về ngôn ngữ bao gồm ngữ pháp, từ vựng và phát âm trong chuyên ngành y học ở trình độ trung cấp thông qua các chủ điểm của bài học. + Kiến thức nền về nghề nghiệp và các kỹ năng nghề nghiệp thông qua các bài viết thực tế về công việc chuyên môn trong lĩnh vực y học, các kỹ năng giao tiếp giữa bác sĩ và người bệnh trong bối cảnh lấy người bệnh là trung tâm, kiến thức về văn hóa trong cộng đồng và giao tiếp.	**CĐR1** **CĐR4**	2
MT2	Kỹ năng Nghe, Đọc, Viết ở mức độ trung cấp thông qua việc tiếp cận tình huống giao tiếp, ứng xử cụ thể và xác thực trong môi trường chuyên ngành y khoa; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả.	**CĐR13**	2
MT3	Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	**CĐR14**	2

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra của học phần
Kiến thức	
MT1	CĐR1: Từ vựng - Gọi tên được các danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, mạo từ và giới từ. - Liệt kê được các từ vựng liên quan đến các chủ điểm chuyên ngành như tên gọi chức danh nghề nghiệp, miêu tả mức độ đau, phân biệt và miêu tả triệu trứng và hội chứng bệnh, phân biệt từ thông dụng và từ chuyên môn, từ vựng dùng miêu tả quy trình, giải thích biến chứng gặp phải và động viên người bệnh; - Gọi tên các danh từ ghép, các dạng động từ, cụm động từ, tính từ đối lập, tính từ và danh từ chỉ diện mạo, thái độ, ứng xử và cách thức, các từ và cụm từ liên quan đến "death"... - Vận dụng các từ có liên quan đến các chủ đề để đặt câu và làm bài tập về từ vựng.
	CĐR2: Ngữ pháp - Phân biệt các dạng câu hỏi ngắn YES/NO và câu hỏi có từ để hỏi -WH; câu hỏi mở và đóng. - Nhận biết các thì hiện tại trong tiếng Anh: hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, hiện tại hoàn thành tiếp diễn; các thì quá khứ: quá khứ đơn và quá khứ hoàn thành; thì tương lai với cấu trúc "be going to". - Phân biệt các thì quá khứ đơn với quá khứ hoàn thành, hiện tại hoàn thành với quá khứ

	đơn. - Phân biệt danh từ đếm được và không đếm được; các từ chỉ định lượng; từ/cụm từ bổ nghĩa. - Phân biệt sự khác nhau giữa cách dùng động từ khuyết thiếu can/may để diễn tả khả năng xảy ra của hành động; can/could/may, should/shouldn't/ought/oughtn't trong việc đưa ra lời đề nghị mang tính thăm dò. - Nhận biết các loại câu chủ động, bị động. - Nhận biết mệnh đề quan hệ xác định. - Nhận biết các loại câu điều kiện loại 1, 2 - Nhận biết loại câu cầu ước, các cách diễn đạt sự giả định. - Nhận biết các cách diễn đạt thích/không thích và thích hơn. - Phân biệt các cách diễn đạt khi muốn xin phép, yêu cầu giúp đỡ, đề nghị giúp ai điều gì. - Nhận biết các câu trực tiếp, gián tiếp. - Nhận biết các cấu trúc thông dụng/cách diễn đạt ngôn ngữ để mở đầu và kết thúc mẩu tin nhắn điện thoại, để khai thác thêm thông tin về vấn đề quan tâm, để chỉ đường, kể chuyện, đưa ra lời mời hoặc lời đề nghị, lời yêu cầu và cách thức đáp lại, đưa ra lời khuyên, để hướng dẫn thực hiện thao tác, diễn đạt sự đồng ý hay không đồng ý về vấn đề gì. - Áp dụng các cấu trúc đã học để đặt câu, viết đoạn văn và làm bài tập.
	CĐR3: Phát âm - Diễn đạt được các hình thức phát âm đối với các câu hỏi, câu hỏi ngắn, các dạng âm yếu, dạng thức của động từ chia ở quá khứ, các dạng yếu và mạnh của động từ khuyết thiếu, các âm bị biến mất, ngữ điệu lên/xuống trong câu, nhấn âm từ và câu, phát âm câu dài...
	CĐR4: Kiến thức nền và kỹ năng nghề nghiệp - Nhận diện các kiến thức nền, kỹ năng nghề nghiệp trong thực hành y khoa, các giá trị văn hóa và nhân văn trong giao tiếp của môi trường chuyên ngành y khoa.
Kỹ năng	
	CĐR5: Kỹ năng nghe - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để nghe và làm bài tập về các chủ đề: thông tin cá nhân người bệnh, lời khai bệnh, miêu tả nghề bác sĩ đa khoa, bệnh án, các câu hỏi ngắn dùng để hỏi tiền sử bệnh, chuẩn bị thăm buồng bệnh, đưa ra hướng dẫn, chăm sóc người bệnh, giải thích quy trình thủ thuật, thảo luận biến chứng bệnh, biểu đồ thuốc, tác dụng và phản ứng phụ của thuốc, tiền sử gia đình & xã hội, cảm thông với bệnh nhân, chấn an bệnh nhân, chia sẻ kinh nghiệm, miêu tả người bệnh, nhận biết và ứng phó với các cung bậc cảm xúc của bệnh nhân, thông báo cho người nhà bệnh nhân về tử vong, yêu cầu một đồng nghiệp cao cấp giúp đỡ, cách tránh và trả lời những bình luận thiếu tế nhị; - Vận dụng các từ vựng theo chủ đề, các cấu trúc để nghe kỹ hơn nội dung của bài. - Nắm vững các kỹ năng nghe để nghe hiểu được nội dung của đoạn hội thoại hoặc đoạn văn. - Kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết.
	CĐR6: Kỹ năng nói - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để nói về các chủ đề và giao tiếp hằng ngày trong

MT2	môi trường làm việc chuyên ngành: chẩn đoán & lời khai bệnh, lịch sử bệnh, giải thích các quy trình thủ thuật, ghi nhận các dấu hiệu trực quan, giải thích về công dụng và cách sử dụng thuốc, thực hiện các thay đổi, sự đồng cảm, nhận biết suy nghĩ của bệnh nhân, ứng phó với bệnh nhân muốn giấu bệnh bằng cách đặt câu hỏi mở để thu thập thông tin, thông báo tin xấu, cách ứng phó tình huống, giao tiếp với nhà tư vấn, ngắt lời đồng nghiệp, bảng phỏng vấn, ý thức văn hóa, báo cáo và làm rõ vấn đề, các nhu cầu về tinh thần của người bệnh, ... - Sử dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để thành lập hội thoại ngắn. - Nắm vững cách phát âm, nhấn trọng âm, cách sử dụng từ loại và cấu trúc câu khi thành lập câu, đoạn. - Phát triển các câu ngắn thành đoạn văn nói về chủ đề được giao trong bài học.
	CĐR7: Kỹ năng đọc - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để đọc và làm bài tập đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành về các chủ đề: các nhân tố xã hội trong hành nghề đa khoa, quan sát trực tiếp các kỹ năng quy trình, nội soi dạ dày, sự tuân thủ trong sử dụng thuốc, thừa cân và béo phì, khuyến nghị sử dụng vắc xin MMR, các rào cản của phòng bệnh, khơi gợi tiền sử bệnh, thông báo tin xấu, giáo trình và năng lực chuẩn đầu ra của Chương trình dự bị đại học, một Vương quốc Anh đa văn hóa. - Vận dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để hiểu nội dung của bài đọc. - Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc trong bài đọc. - Phát triển nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết.
	CĐR8: Kỹ năng viết - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để đặt câu đơn, câu ghép. - Sử dụng các từ vựng và cấu trúc để thành lập câu. - Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu. - Kết hợp các câu văn để thành lập các dạng bài viết theo chủ đề trong lĩnh vực chuyên ngành: bài báo cáo ca bệnh, bức thư chuyển viện, ghi chú thông tin, giải thích các biến chứng có thể, báo cáo sự cố lâm sàng, viết bức thư về cách đối phó với sự căng thẳng, phản ánh kinh nghiệm của mình, viết đơn xin việc và xin đi học, viết đoạn miêu tả dựa trên các thông tin ghi chú, ghi chú về các hoạt động bạn làm hoặc các cơ chế bạn sử dụng để giải tỏa tâm trí khỏi những căng thẳng về cảm xúc trong công việc, miêu tả một tình huống điển hình trong thực hành y khoa bằng cách ghi chú các bước thực hiện sử dụng biểu đồ cho sẵn. - Dịch Anh -Việt, Việt - Anh những tài liệu chuyên ngành.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3	CĐR9: - Nhận thức được tầm quan trọng của việc học và ứng dụng tiếng Anh trong chuyên ngành để chủ động nghiên cứu và nâng cao khả năng tự học tiếng Anh. - Tham gia tích cực vào các hoạt động GV giao trên lớp. - Chia sẻ kiến thức và ý kiến với GV và các SV khác. - Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần (CĐR)								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Unit 1. Presenting complaints Listening: Personal details/Presenting complaints Speaking: Diagnosing/presenting complaints Writing: A case report Language spot: Asking short and gentle questions/Tenses in the presenting complaint. Vocabulary: Describing pain Pronunciation: Medical terms: word stress	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Unit 2. Working in general practice Listening: Description of a GP's job Reading: Social factors in general practice Speaking: GP statistics/Case history role -play Writing: A referral letter Language spot: Present Perfect and past simple Vocabulary: Medical jobs/Signs and Symptoms Pronunciation: Medical jobs: main stress/Questions: rising and falling intonation.	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Unit 3. Instructions and Procedures Listening: Preparing for the first ward round/Giving instructions Reading: Direct Observation of Procedural Skills Speaking: Explaining a process/procedure/case presentation Writing: Case notes Language spot: Giving instructions/Explaining procedures/making polite requests Vocabulary: Instructions for a procedure	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Unit 4. Explaining and reassuring Listening: Explaining gastroscopy/discussing complications Reading: Gastroscopy Speaking: Explaining procedures Writing: An explanation of possible complications	2	2	2	2	2	2	2	2	2

Language spot: Explaining procedures with the present passive and going to future Vocabulary: Adjectives to describe procedures Pronunciation: Word stress: Suffixes									
Unit 5. Dealing with medication Listening: Benefit and side effects Reading: Concordance Speaking: A drug chart/explaining medications Writing: Clinical incident reporting Language spot: Phrasal verbs/ explaining side effects with can, may Vocabulary: Abbreviations	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Unit 6. Lifestyle Listening: Family history and social history Reading: Overweight and obesity Speaking: Making changes Writing: An email about dealing with stress Language spot: Encouraging patients and making suggestions Vocabulary: Language for exercise Pronunciation: Word stress in noun phrases	2	2	2	2	2	2	2	2	2

6. Mô tả học phần

Học phần Tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc tiếp theo (sau học phần Tiếng Anh cơ bản) của chương trình đào tạo Tiếng Anh không chuyên dành cho sinh viên của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam. Học phần này được thực hiện trong 3 tín chỉ, tương đương 45 tiết lên lớp, nhằm cung cấp kiến thức từ vựng và các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh: Nghe, Nói, Đọc, Viết trong môi trường chuyên ngành y khoa, đạt mức độ tương đương trung cấp (intermediate).

Học phần Tiếng Anh 2 được xây dựng với 06 bài giảng nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức tiếng Anh học thuật về chuyên ngành y khoa, giúp cho sinh viên có được những kỹ năng ngôn ngữ và vốn từ vựng chuyên ngành cần thiết để có thể vận dụng một cách chính xác vào học tập và các tình huống hàng ngày trong môi trường làm việc, có khả năng đọc hiểu các tài liệu xác thực thuộc chuyên ngành bằng tiếng Anh, nghe hiểu được các cuộc thảo luận, báo cáo và bài giảng chuyên ngành bằng tiếng Anh; có kỹ năng phân tích để hoàn thành một bài báo cáo và một bài thuyết trình sử dụng tiếng Anh trong lĩnh vực chuyên ngành để giải quyết một vấn đề mà sinh viên quan tâm; có khả năng trình bày các kết quả trong một báo cáo và một bài thuyết trình; có khả năng thích nghi trong môi trường làm việc nhóm, có khả năng ứng biến tốt trong các tình huống thuyết trình.

Đồng thời, thông qua học phần Tiếng Anh 2 giúp sinh viên nhận thức tầm quan trọng của việc học và ứng dụng tiếng Anh trong chuyên ngành để chủ động nghiên cứu và nâng cao khả năng tự học tiếng Anh, phục vụ cho công việc chuyên môn.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	GIỜ LÊN LỚP			KTr	Tự học	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
Unit 1. Presenting complaints Listening: Personal details/Presenting complaints Speaking: Diagnosing/presenting complaints Writing: A case report Language spot: Asking short and gentle questions/Tenses in the presenting complaint Vocabulary: Describing pain Pronunciation: Medical terms: word stress	04	01	01		12.5	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Unit 2. Working in general practice Listening: Description of a GP's job Reading: Social factors in general practice Speaking: GP statistics/Case history roleplay Writing: A referral letter Language spot: Present Perfect and past simple Vocabulary: Medical jobs/Signs and Symptoms Pronunciation: Medical jobs: main stress/Questions: rising and falling intonation.	04	01	01		12.5	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Unit 3. Instructions and Procedures Listening: Preparing for the first ward round/Giving instructions Reading: Direct Observation of Procedural Skills	04	01	01		12.5	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài

Speaking: Explaining a process/procedure/case presentation Writing: Case notes Language spot: Giving instructions/Explaining procedures/making polite requests Vocabulary: Instructions for a procedure						theo hướng dẫn của giảng viên.
Unit 4. Explaining and reassuring Listening: Explaining gastroscopy/discussing complications Reading: Gastroscopy Speaking: Explaining procedures Writing: An explanation of possible complications Language spot: Explaining procedures with the present passive and going to future Vocabulary: Adjectives to describe procedures Pronunciation: Word stress: Suffixes	04	01	01		12.5	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Unit 5. Dealing with medication Listening: Benefit and side effects Reading: Concordance Speaking: A drug chart/explaining medications Writing: Clinical incident reporting Language spot: Phrasal verbs/ explaining side effects with can, may Vocabulary: Abbreviations	04	02	01		12.5	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Unit 6. Lifestyle Listening: Family history and social history Reading: Overweight and obesity Speaking: Making changes Writing: An email about dealing with stress Language spot: Encouraging	04	01		01	12.5	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.

patients and making suggestions Vocabulary: Language for exercise Pronunciation: Word stress in noun phrases						
Unit 7. Parents and young children Listening: Talking about oneself/sharing experiences Reading: Recommendations for the use of vaccine Speaking: Empathizing Writing: Reflecting on one's own experiences Language spot: First conditional vs Second conditional Vocabulary: Qualities of a good pediatrician/Signs and symptoms	04	01	01		12.5	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Unit 8. Communication Listening: Acknowledging verbal cues/Appropriate responses Reading: Barriers to prevention Speaking: Considering what the patient thinks Writing: Writing accurately for training or working application Language spot: Open and closed questions Vocabulary: Alcohol Pronunciation: Stress in the sentence	04	02	01		12.5	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Unit 9. Working in psychiatry Listening: Describing patients Reading: Eliciting the history Speaking: Mini-mental state examination Writing: Notes from a mental state examination Language spot: The simple past and past perfect/wishes and consequences in negotiations	04	01	01	01	12.5	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.

Vocabulary: Appearance, behavior and manner Pronunciation: Weak forms						
Unit 10. Terminal illness and dying Listening: Recognizing and dealing with patients' emotions Reading: Breaking bad news Speaking: Breaking bad news Writing: Preferred coping mechanisms Language spot: Expressing likes, dislikes and preferences Vocabulary: Reactions to bad news/ words and phrases related to death	04	01	01		12.5	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Unit 11. Working in a team Listening: Appropriate responses Reading: Syllabus and competences of the foundation programme Speaking: Communicating with a consultant Writing: Describing an example of good practice Language spot: Being polite Vocabulary: Teamwork/describing attitude and behavior	04	01	01		12.5	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Unit 12. Diversity at work Listening: Avoiding and responding to tactless comments Reading: A multicultural UK Speaking: Cultural awareness/Reporting and clarifying Writing: A response to a report Language spot: Reported speech Vocabulary: Awareness of feelings Pronunciation: Saying long sentences	04	01		01	12.5	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Tổng	**48**	**14**	**10**	**03**	**150**	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Sam McCarter. *Oxford English for Careers: Medicine 1* Student's Book. Oxford University Press.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Barbara Janson Cohen (2016). *Medical Terminology: An Illustrated Guide*, 8th Edition. Wolters Kluwer.

[2]. Steve Hart (2015). *Writing in English for the Medical Sciences: A Practical Guide*. CRC Press.

[3]. Barbara A. Gylys (2012). *Medical Terminology Systems: A Body Systems Approach* 7th Edition. F.A. Davis Company.

[4]. Phạm Ngọc Trí (2008). *Từ Điển Y Học Anh Việt*. NXB Y Học.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần/ Buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	3		1	1		6
2	2		1	1		6
3	3		0	1		6
4	2		1	1		6
5	3		1	1		10
6	2	1	0	1		6
7	3		1	0		6
8	2		1	1		6
9	3		0	1		6
10	2		1	0		10
11	3		0	1		6
12	2	1	0	0		6
Tổng	**48**	**3**	**11**	**10**		**120**

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình √□ Động não √□ Từng cặp /Chia sẻ √□

Học dựa trên vấn đề √□ Hoạt động nhóm √□ Đóng vai √□

Học dựa vào dự án √□ Mô phỏng √□ Nghiên cứu tình huống √□

Thực hiện luận văn/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR1 đến CĐR9.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR1 đến CĐR9.

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR1 đến CĐR9.

- Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy trực tuyến sử dụng các nền tảng ứng dụng Zoom, Microsoft Team, Google Meeting, Google Forms...

11. Yêu cầu của các giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Yêu cầu chung:

- Giảng viên lên lớp đúng giờ theo quy định về giờ giảng của Học viện.

- Giảng viên thực hiện giảng dạy theo đúng lịch trình và nội dung trong Kế hoạch giảng dạy đã được Bộ môn phê duyệt.

- Giảng viên có trách nhiệm cung cấp giáo trình, tài liệu giảng dạy…theo nội dung bài giảng trong Kế hoạch giảng dạy cho sinh viên trước khi lên lớp 1 ngày.

- Giảng viên lên lớp buổi đầu tiên có trách nhiệm:

+ Gửi cho lớp trưởng/đại diện lớp hai văn bản: (1) Kế hoạch giảng dạy của học phần môn học; (2) Quy định về quản lý lớp học đối với sinh viên.

+ Đảm bảo sinh viên được nhận đủ các thông tin và quy định về môn học.

- Về việc điểm danh sinh viên:

- ✓ Giảng viên có trách nhiệm thực hiện điểm danh sinh viên trong mỗi buổi học theo Thời khóa biểu, triển khai và quản lý lớp học theo đúng nội dung trong hai văn bản nói trên;
- ✓ Giảng viên có trách nhiệm tổng hợp số buổi nghỉ của sinh viên (có phép/không phép) và nộp lại danh sách điểm danh cho giáo vụ/giảng viên phụ trách điểm khối đó sau khi kết thúc buổi giảng cuối cùng theo Lịch trình/Kế hoạch giảng dạy để làm cơ sở xét điều kiện dự thi kết thúc học phần;
- ✓ Giảng viên có trách nhiệm thông báo trước lớp những sinh viên đủ/không đủ điều kiện dự thi trong buổi học cuối cùng của học phần môn học;
- ✓ Các giảng viên tham gia giảng dạy cùng một lớp cần phối hợp với nhau trong việc điểm danh sinh viên (thời gian, số lần điểm danh trong một buổi học…), đảm bảo sự nhất quán trong cách thực hiện.

Yêu cầu đối với hình thức học trực tuyến

- Giảng viên có trách nhiệm thông báo cho lớp trưởng/đại diện lớp những thông tin cần thiết khi tham gia lớp học trực tuyến như: tài khoản đăng nhập, mật khẩu đăng nhập, thời gian đăng nhập…trước buổi học ít nhất 30 phút.

- Các giảng viên tham gia dạy cùng một lớp thống nhất với nhau về việc thông báo cho sinh viên thời gian bắt đầu mở phòng học, đảm bảo giờ học bắt đầu đúng quy định.

- Giảng viên đề nghị lớp trưởng/đại diện lớp cùng phối hợp trong việc điểm danh sinh viên bằng hình thức chụp màn hình và gửi lại cho giảng viên trước khi kết thúc buổi học 15 phút.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầu đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập. Trong trường hợp nghỉ học với lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ minh chứng đầy đủ và hợp lý.

- ✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- ✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định Sinh viên đi muộn 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại (đối với giờ học trực tiếp), máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên; Hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến chuyên ngành nhằm hỗ trợ cho việc học các chuyên ngành bằng tiếng Việt và xác định được khả năng, ưu thế cá nhân để từ đó đề ra được định hướng học tập và việc làm trong tương lai.

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%. Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên, tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

- Trong quá trình học, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Đánh giá chuyên cần	0%	Dự lớp tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần.	
	Bài kiểm tra số 1	15%	- Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học. - Phân biệt từ loại và các cấu trúc ngữ pháp đã học. - Áp dụng các kiến thức đã học để hoàn thành bài kiểm tra.	CĐR1 đến CĐR9

	Bài kiểm tra số 2	15%	- Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học. - Phân biệt từ loại và các cấu trúc ngữ pháp đã học. - Áp dụng các kiến thức đã học để hoàn thành bài kiểm tra.	CĐR1 đến CĐR9
2	**Điểm thi kết thúc học phần**			
	Trắc nghiệm trên phần mềm thi test	70%	- Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học. - Phân biệt từ loại và các cấu trúc ngữ pháp đã học. - Vận dụng toàn bộ kiến chuyên môn và kiến thức ngôn ngữ đã học để hoàn thành bài thi.	CĐR1 đến CĐR9

12.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. Hướng dẫn thực hiện

- Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH 3 (TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH 2)
Đối tượng đào tạo: Y khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần:
* Tiếng Việt: Tiếng Anh 3 (Tiếng Anh chuyên ngành 2)
* Tiếng Anh: English 3 (English for Medical Purposes 2)
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học (năm thứ): Năm thứ ba
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc √□	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: học phần Tiếng Anh cơ bản, Tiếng Anh 2
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 45 tiết
  + Lý thuyết: 48 tiết
  + Bài tập: 14 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 10 tiết
  + Kiểm tra: 3 tiết
  + Thời gian tự học: 150 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về giảng viên

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	ThS. Doãn Thị Lan Anh	0904368503	anhminh0409@gmail.com
2	ThS. Phạm Ngân Hà	0983894482	phamnganha2703@gmail.com
3	TS. Phí Thị Việt Hà	0902222779	vietha79vatm@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thanh Hoa	0984328968	thanhhoa.nguyen1609@gmail.com
5	ThS. Nguyễn Vân Trang	0977670786	vantrang0609@gmail.com
6	ThS. Nguyễn Thị Thúy	0778489238	nguyenthithuyts.nguyen@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT	Mức độ
MT1	+ Kiến thức về ngôn ngữ bao gồm ngữ pháp, từ vựng và phát âm trong chuyên ngành y học ở trình độ trung cấp thông qua các chủ điểm của bài học. + Kiến thức nền về nghề nghiệp và các kỹ năng nghề nghiệp thông qua các bài viết thực tế về công việc chuyên môn trong lĩnh vực y học, các kỹ năng giao tiếp giữa bác sĩ và người bệnh trong bối cảnh lấy người bệnh là trung tâm, kiến thức về văn hóa trong cộng đồng và giao tiếp.	**CĐR1** **CĐR4**	2
MT2	Kỹ năng Nghe, Đọc, Viết ở mức độ trung cấp thông qua việc tiếp cận tình huống giao tiếp, ứng xử cụ thể và xác thực trong môi trường chuyên ngành y khoa; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả.	**CĐR13**	2
MT3	Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	**CĐR14**	2

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra của học phần
Kiến thức	
	CĐR1: Từ vựng - Gọi tên được các danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, mạo từ và giới từ. - Liệt kê được các từ vựng liên quan đến các chủ điểm chuyên ngành như tên gọi chức danh nghề nghiệp, miêu tả mức độ đau, phân biệt và miêu tả triệu trứng và hội chứng bệnh, phân biệt từ thông dụng và từ chuyên môn, từ vựng dùng miêu tả quy trình, giải thích biến chứng gặp phải và động viên người bệnh; - Gọi tên các danh từ ghép, các dạng động từ, cụm động từ, tính từ đối lập, tính từ và danh từ chỉ diện mạo, thái độ, ứng xử và cách thức, các từ và cụm từ liên quan đến “death”... - Vận dụng các từ có liên quan đến các chủ đề để đặt câu và làm bài tập về từ vựng.
	CĐR2: Ngữ pháp - Phân biệt các dạng câu hỏi ngắn YES/NO và câu hỏi có từ để hỏi -WH; câu hỏi

MT1	mở và đóng. - Nhận biết các thì hiện tại trong tiếng Anh: hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, hiện tại hoàn thành tiếp diễn; các thì quá khứ: quá khứ đơn và quá khứ hoàn thành; thì tương lai với cấu trúc "be going to". - Phân biệt các thì quá khứ đơn với quá khứ hoàn thành, hiện tại hoàn thành với quá khứ đơn. - Phân biệt danh từ đếm được và không đếm được; các từ chỉ định lượng; từ/cụm từ bổ nghĩa. - Phân biệt sự khác nhau giữa cách dùng động từ khuyết thiếu can/may để diễn tả khả năng xảy ra của hành động; can/could/may, should/shouldn't/ought/oughtn't trong việc đưa ra lời đề nghị mang tính thăm dò. - Nhận biết các loại câu chủ động, bị động. - Nhận biết mệnh đề quan hệ xác định. - Nhận biết các loại câu điều kiện loại 1, 2 - Nhận biết loại câu cầu ước, các cách diễn đạt sự giả định. - Nhận biết các cách diễn đạt thích/không thích và thích hơn. - Phân biệt các cách diễn đạt khi muốn xin phép, yêu cầu giúp đỡ, đề nghị giúp ai điều gì. - Nhận biết các câu trực tiếp, gián tiếp. - Nhận biết các cấu trúc thông dụng/cách diễn đạt ngôn ngữ để mở đầu và kết thúc mẩu tin nhắn điện thoại, để khai thác thêm thông tin về vấn đề quan tâm, để chỉ đường, kể chuyện, đưa ra lời mời hoặc lời đề nghị, lời yêu cầu và cách thức đáp lại, đưa ra lời khuyên, để hướng dẫn thực hiện thao tác, diễn đạt sự đồng ý hay không đồng ý về vấn đề gì. - Áp dụng các cấu trúc đã học để đặt câu, viết đoạn văn và làm bài tập.
	CĐR3: Phát âm - Diễn đạt được các hình thức phát âm đối với các câu hỏi, câu hỏi ngắn, các dạng âm yếu, dạng thức của động từ chia ở quá khứ, các dạng yếu và mạnh của động từ khuyết thiếu, các âm bị biến mất, ngữ điệu lên/xuống trong câu, nhấn âm từ và câu, phát âm câu dài...
	CĐR4: Kiến thức nền và kỹ năng nghề nghiệp - Nhận diện các kiến thức nền, kỹ năng nghề nghiệp trong thực hành y khoa, các giá trị văn hóa và nhân văn trong giao tiếp của môi trường chuyên ngành y khoa.
Kỹ năng	
	CĐR5: Kỹ năng nghe - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để nghe và làm bài tập về các chủ đề: thông tin

MT2	cá nhân người bệnh, lời khai bệnh, miêu tả nghề bác sĩ đa khoa, bệnh án, các câu hỏi ngắn dùng để hỏi tiền sử bệnh, chuẩn bị thăm buồng bệnh, đưa ra hướng dẫn, chăm sóc người bệnh, giải thích quy trình thủ thuật, thảo luận biến chứng bệnh, biểu đồ thuốc, tác dụng và phản ứng phụ của thuốc, tiền sử gia đình & xã hội, cảm thông với bệnh nhân, chấn an bệnh nhân, chia sẻ kinh nghiệm, miêu tả người bệnh, nhận biết và ứng phó với các cung bậc cảm xúc của bệnh nhân, thông báo cho người nhà bệnh nhân về tử vong, yêu cầu một đồng nghiệp cao cấp giúp đỡ, cách tránh và trả lời những bình luận thiếu tế nhị; - Vận dụng các từ vựng theo chủ đề, các cấu trúc để nghe kỹ hơn nội dung của bài. - Nắm vững các kỹ năng nghe để nghe hiểu được nội dung của đoạn hội thoại hoặc đoạn văn. - Kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết.
	CĐR6: Kỹ năng nói - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để nói về các chủ đề và giao tiếp hằng ngày trong môi trường làm việc chuyên ngành: chẩn đoán & lời khai bệnh, lịch sử bệnh, giải thích các quy trình thủ thuật, ghi nhận các dấu hiệu trực quan, giải thích về công dụng và cách sử dụng thuốc, thực hiện các thay đổi, sự đồng cảm, nhận biết suy nghĩ của bệnh nhân, ứng phó với bệnh nhân muốn giấu bệnh bằng cách đặt câu hỏi mở để thu thập thông tin, thông báo tin xấu, cách ứng phó tình huống, giao tiếp với nhà tư vấn, ngắt lời đồng nghiệp, bảng phỏng vấn, ý thức văn hóa, báo cáo và làm rõ vấn đề, các nhu cầu về tinh thần của người bệnh, ... - Sử dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để thành lập hội thoại ngắn. - Nắm vững cách phát âm, nhấn trọng âm, cách sử dụng từ loại và cấu trúc câu khi thành lập câu, đoạn. - Phát triển các câu ngắn thành đoạn văn nói về chủ đề được giao trong bài học.
	CĐR7: Kỹ năng đọc - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để đọc và làm bài tập đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành về các chủ đề: các nhân tố xã hội trong hành nghề đa khoa, quan sát trực tiếp các kỹ năng quy trình, nội soi dạ dày, sự tuân thủ trong sử dụng thuốc, thừa cân và béo phì, khuyến nghị sử dụng vắc xin MMR, các rào cản của phòng bệnh, khơi gợi tiền sử bệnh, thông báo tin xấu, giáo trình và năng lực chuẩn đầu ra của Chương trình dự bị đại học, một Vương quốc Anh đa văn hóa. - Vận dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để hiểu nội dung của bài đọc. - Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc trong bài đọc. - Phát triển nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết.
	CĐR8: Kỹ năng viết - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để đặt câu đơn, câu ghép.

	- Sử dụng các từ vựng và cấu trúc để thành lập câu. - Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu. - Kết hợp các câu văn để thành lập các dạng bài viết theo chủ đề trong lĩnh vực chuyên ngành: bài báo cáo ca bệnh, bức thư chuyển viện, ghi chú thông tin, giải thích các biến chứng có thể, báo cáo sự cố lâm sàng, viết bức thư về cách đối phó với sự căng thẳng, phản ánh kinh nghiệm của mình, viết đơn xin việc và xin đi học, viết đoạn miêu tả dựa trên các thông tin ghi chú, ghi chú về các hoạt động bạn làm hoặc các cơ chế bạn sử dụng để giải tỏa tâm trí khỏi những căng thẳng về cảm xúc trong công việc, miêu tả một tình huống điển hình trong thực hành y khoa bằng cách ghi chú các bước thực hiện sử dụng biểu đồ cho sẵn. - Dịch Anh -Việt, Việt - Anh những tài liệu chuyên ngành.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3	CĐR9: - Nhận thức được tầm quan trọng của việc học và ứng dụng tiếng Anh trong chuyên ngành để chủ động nghiên cứu và nâng cao khả năng tự học tiếng Anh. - Tham gia tích cực vào các hoạt động GV giao trên lớp. - Chia sẻ kiến thức và ý kiến với GV và các SV khác. - Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần (CĐR)								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Unit 1. Parents and young children Listening: Talking about oneself/sharing experiences Reading: Recommendations for the use of vaccine Speaking: Empathizing Writing: Reflecting on one's own experiences Language spot: First conditional vs Second conditional Vocabulary: Qualities of a good pediatrician/Signs and symptoms	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Unit 2. Communication Listening: Acknowledging verbal cues/Appropriate responses	2	2	2	2	2	2	2	2	2

Reading: Barriers to prevention Speaking: Considering what the patient thinks Writing: Writing accurately for training or working application Language spot: Open and closed questions Vocabulary: Alcohol Pronunciation: Stress in the sentence									
Unit 3. Working in psychiatry Listening: Describing patients Reading: Eliciting the history Speaking: Mini-mental state examination Writing: Notes from a mental state examination Language spot: The simple past and past perfect/wishes and consequences in negotiations Vocabulary: Appearance, behavior and manner Pronunciation: Weak forms	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Unit 4. Terminal illness and dying Listening: Recognizing and dealing with patients' emotions Reading: Breaking bad news Speaking: Breaking bad news Writing: Preferred coping mechanisms Language spot: Expressing likes, dislikes and preferences Vocabulary: Reactions to bad news/ words and phrases related to death	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Unit 5. Working in a team Listening: Appropriate responses Reading: Syllabus and competences of the foundation programme Speaking: Communicating with a consultant Writing: Describing an example of good practice Language spot: Being polite	2	2	2	2	2	2	2	2	2

Vocabulary: Teamwork/describing attitude and behavior									
Unit 6. Diversity at work Listening: Avoiding and responding to tactless comments Reading: A multicultural UK Speaking: Cultural awareness/Reporting and clarifying Writing: A response to a report Language spot: Reported speech Vocabulary: Awareness of feelings Pronunciation: Saying long sentences	2	2	2	2	2	2	2	2	2

6. Mô tả học phần

Học phần Tiếng Anh 3 là học phần bắt buộc tiếp theo sau học phần Tiếng Anh 2 của chương trình đào tạo Tiếng Anh không chuyên dành cho sinh viên của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam. Học phần này được thực hiện trong 2 tín chỉ, tương đương 30 tiết lên lớp, nhằm tiếp tục cung cấp kiến thức từ vựng và các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh: Nghe, Nói, Đọc, Viết trong môi trường chuyên ngành y khoa, đạt mức độ tương đương trung cấp (intermediate).

Học phần Tiếng Anh 3 được xây dựng với 06 bài giảng nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức tiếng Anh học thuật về chuyên ngành y khoa, giúp cho sinh viên có được những kỹ năng ngôn ngữ và vốn từ vựng chuyên ngành cần thiết để có thể vận dụng một cách chính xác vào học tập và các tình huống hàng ngày trong môi trường làm việc, có khả năng đọc hiểu các tài liệu xác thực thuộc chuyên ngành bằng tiếng Anh, nghe hiểu được các cuộc thảo luận, báo cáo và bài giảng chuyên ngành bằng tiếng Anh; có kỹ năng phân tích để hoàn thành một bài báo cáo và một bài thuyết trình sử dụng tiếng Anh trong lĩnh vực chuyên ngành để giải quyết một vấn đề mà sinh viên quan tâm; có khả năng trình bày các kết quả trong một báo cáo và một bài thuyết trình; có khả năng thích nghi trong môi trường làm việc nhóm, có khả năng ứng biến tốt trong các tình huống thuyết trình.

Đồng thời, cùng với học phần Tiếng Anh 2, học phần Tiếng Anh 3 giúp sinh viên nhận thức tầm quan trọng của việc học và ứng dụng tiếng Anh trong chuyên ngành để chủ động nghiên cứu và nâng cao khả năng tự học tiếng Anh, phục vụ cho công việc chuyên môn.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	GIỜ LÊN LỚP			KTr	Tự học	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
Unit 1. Parents and young children Listening: Talking about oneself/sharing experiences	04	01	01		12.5	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình,

Reading: Recommendations for the use of vaccine Speaking: Empathizing Writing: Reflecting on one's own experiences Language spot: First conditional vs Second conditional Vocabulary: Qualities of a good pediatrician/Signs and symptoms						đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Unit 2. Communication Listening: Acknowledging verbal cues/Appropriate responses Reading: Barriers to prevention Speaking: Considering what the patient thinks Writing: Writing accurately for training or working application Language spot: Open and closed questions Vocabulary: Alcohol Pronunciation: Stress in the sentence	04	02	01		12.5	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Unit 3. Working in psychiatry Listening: Describing patients Reading: Eliciting the history Speaking: Mini-mental state examination Writing: Notes from a mental state examination Language spot: The simple past and past perfect/wishes and consequences in negotiations Vocabulary: Appearance, behavior and manner Pronunciation: Weak forms	04	01	01	01	12.5	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.

Unit 4. Terminal illness and dying Listening: Recognizing and dealing with patients' emotions Reading: Breaking bad news Speaking: Breaking bad news Writing: Preferred coping mechanisms Language spot: Expressing likes, dislikes and preferences Vocabulary: Reactions to bad news/ words and phrases related to death	04	01	01		12.5	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Unit 5. Working in a team Listening: Appropriate responses Reading: Syllabus and competences of the foundation programme Speaking: Communicating with a consultant Writing: Describing an example of good practice Language spot: Being polite Vocabulary: Teamwork/describing attitude and behavior	04	01	01		12.5	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Unit 6. Diversity at work Listening: Avoiding and responding to tactless comments Reading: A multicultural UK Speaking: Cultural awareness/Reporting and clarifying Writing: A response to a report Language spot: Reported speech Vocabulary: Awareness of feelings Pronunciation: Saying long sentences	04	01		01	12.5	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Tổng	**48**	**14**	**10**	**03**	**150**	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Sam McCarter. *Oxford English for Careers: Medicine 1* Student's Book. Oxford University Press.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Barbara Janson Cohen (2016). *Medical Terminology: An Illustrated Guide*, 8th Edition. Wolters Kluwer.

[2]. Steve Hart (2015). *Writing in English for the Medical Sciences: A Practical Guide*. CRC Press.

[3]. Barbara A. Gylys (2012). *Medical Terminology Systems: A Body Systems Approach* 7th Edition. F.A. Davis Company.

[4]. Phạm Ngọc Trí (2008). *Từ Điển Y Học Anh Việt*. NXB Y Học.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần/ Buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	3		1	0		6
2	2		1	0		6
3	3		0	1		10
4	2		1	0		6
5	3		0	1		6
6	2		1	0		6
7	3	1	0	0		10
Tổng	**48**	**3**	**11**	**10**		**120**

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình √□ Động não √□ Từng cặp /Chia sẻ √□

Học dựa trên vấn đề √□ Hoạt động nhóm √□ Đóng vai √□

Học dựa vào dự án √□ Mô phỏng √□ Nghiên cứu tình huống √□

Thực hiện luận văn/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR1 đến CĐR9.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR1 đến CĐR9.

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR1 đến CĐR9.

- Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy trực tuyến sử dụng các nền tảng ứng dụng Zoom, Microsoft Team, Google Meeting, Google Forms...

11. Yêu cầu của các giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Yêu cầu chung:

- Giảng viên lên lớp đúng giờ theo quy định về giờ giảng của Học viện.
- Giảng viên thực hiện giảng dạy theo đúng lịch trình và nội dung trong Kế hoạch giảng dạy đã được Bộ môn phê duyệt.
- Giảng viên có trách nhiệm cung cấp giáo trình, tài liệu giảng dạy…theo nội dung bài giảng trong Kế hoạch giảng dạy cho sinh viên trước khi lên lớp 1 ngày.
- Giảng viên lên lớp buổi đầu tiên có trách nhiệm:

+ Gửi cho lớp trưởng/đại diện lớp hai văn bản: (1) Kế hoạch giảng dạy của học phần môn học; (2) Quy định về quản lý lớp học đối với sinh viên.

+ Đảm bảo sinh viên được nhận đủ các thông tin và quy định về môn học.

- Về việc điểm danh sinh viên:

- ✓ Giảng viên có trách nhiệm thực hiện điểm danh sinh viên trong mỗi buổi học theo Thời khóa biểu, triển khai và quản lý lớp học theo đúng nội dung trong hai văn bản nói trên;
- ✓ Giảng viên có trách nhiệm tổng hợp số buổi nghỉ của sinh viên (có phép/không phép) và nộp lại danh sách điểm danh cho giáo vụ/giảng viên phụ trách điểm khối đó sau khi kết thúc buổi giảng cuối cùng theo Lịch trình/Kế hoạch giảng dạy để làm cơ sở xét điều kiện dự thi kết thúc học phần;
- ✓ Giảng viên có trách nhiệm thông báo trước lớp những sinh viên đủ/không đủ điều kiện dự thi trong buổi học cuối cùng của học phần môn học;
- ✓ Các giảng viên tham gia giảng dạy cùng một lớp cần phối hợp với nhau trong việc điểm danh sinh viên (thời gian, số lần điểm danh trong một buổi học…), đảm bảo sự nhất quán trong cách thực hiện.

Yêu cầu đối với hình thức học trực tuyến

- Giảng viên có trách nhiệm thông báo cho lớp trưởng/đại diện lớp những thông tin cần thiết khi tham gia lớp học trực tuyến như: tài khoản đăng nhập, mật khẩu đăng nhập, thời gian đăng nhập…trước buổi học ít nhất 30 phút.
- Các giảng viên tham gia dạy cùng một lớp thống nhất với nhau về việc thông báo cho sinh viên thời gian bắt đầu mở phòng học, đảm bảo giờ học bắt đầu đúng quy định.
- Giảng viên đề nghị lớp trưởng/đại diện lớp cùng phối hợp trong việc điểm danh sinh viên bằng hình thức chụp màn hình và gửi lại cho giảng viên trước khi kết thúc buổi học 15 phút.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầu đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập. Trong trường hợp nghỉ học với lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ minh chứng đầy đủ và hợp lý.

- ✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

- ✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định Sinh viên đi muộn 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại (đối với giờ học trực tiếp), máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên; Hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến chuyên ngành nhằm hỗ trợ cho việc học các chuyên ngành bằng tiếng Việt và xác định được khả năng, ưu thế cá nhân để từ đó đề ra được định hướng học tập và việc làm trong tương lai.

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%. Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên, tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

- Trong quá trình học, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Đánh giá chuyên cần	0%	Dự lớp tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần.	
	Bài kiểm tra số 1	30%	- Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học. - Phân biệt từ loại và các cấu trúc ngữ pháp đã học. - Áp dụng các kiến thức đã học để hoàn thành bài kiểm tra.	CĐR1 đến CĐR9
2	**Điểm thi kết thúc học phần**			
	Trắc nghiệm trên phần mềm thi test	70%	- Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học. - Phân biệt từ loại và các cấu trúc ngữ pháp đã học.	CĐR1 đến CĐR9

			- Vận dụng toàn bộ kiến chuyên môn và kiến thức ngôn ngữ đã học để hoàn thành bài thi.	

12.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. Hướng dẫn thực hiện

- Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG (PHẦN LÝ THUYẾT)
Đối tượng đào tạo: Bác sĩ Y khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Tin học đại cương
* Tiếng Việt: Tin học đại cương
* Tiếng Anh: General Informatics
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 2(0.5LT/1.5TH)
- Đối tượng học (năm thứ): Năm thứ nhất (I)
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
x	□	□	□	□	□	

- Các học phần tiên quyết/học trước: không có
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
  + Lý thuyết: 7.5 tiết
  + Bài tập: tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
  + Kiểm tra: tiết
  + Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Toán - Tin

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	ThS.Nguyễn Văn Tuyết	0989125443	nguyenvantuyetdt@gmail.com
2.	ThS.Bùi Thi Lan Anh	0986560899	lanem79vatm@gmail.com
3.	ThS.Hoàng Thị Thu Hằng	0966346054	hoangthuhang2183@yahoo.com
4.	ThS.Nguyễn Thị Ngọc Tú	0968250986	nguyentukhaothi@gmail.com
5.	ThS.Nguyễn Thị Tuyết Trinh	0972520152	Trinhnt83@gmail.com
6.	ThS.Nguyễn Minh Hiển	0918356602	hienloveu2101@gmail.com
7.	ThS.Nguyễn Văn Đức	0976925034	nguyenducvatm@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
G1	- **Kiến thức** Có kiến thức cơ bản về cấu trúc chung của máy tính, hệ điều hành Window, các phần mềm ứng dụng, Internet, thư điện tử và các phần mềm ứng dụng cho văn phòng Microsoft office	CĐR15	3
G2	- **Kỹ năng** Có kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin: Cài đặt, thiết lập và khai thác các một số hệ điều hành cơ bản, phần mềm ứng dụng trên máy tính một cách hiệu quả; Khắc phục một số hiện tượng mà máy tính hay gặp lỗi; Thao tác được các dịch vụ trên mạng Internet và các tiện ích có liên quan. Khai thác được các công cụ tìm kiếm trực tuyến và ngoại tuyến. Có kỹ năng cơ bản về các phần mềm tin học văn phòng cơ bản: phần mềm soạn thảo văn bản Word, phần mềm trình chiếu PowerPoint và tính toán trên phần mềm Ecxel.		
		CĐR3, CĐR8	1
		CĐR15	3
G3	- **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** Có thái độ đúng đắn, nghiêm túc trong việc vận dụng tin học vào trong quá trình học tập, công tác, nghiên cứu khoa học và vận dụng vào cuộc sống	CĐR 15	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun(CLO)
Kiến thức	
MT1: Có kiến thức cơ bản về cấu trúc chung của máy tính, hệ điều hành Window, các phần mềm ứng dụng, Internet, thư điện tử và các phần mềm ứng dụng cho văn phòng Microsoft office.	CLO1: Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản, thiết thực về Công nghệ thông tin, hệ điều hành, một số khái niệm quản trị mạng.
	CLO2: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bộ phần mềm ứng dụng văn phòng Office.
Kỹ năng	
MT2: Có kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin: Cài đặt, thiết lập và khai thác các một số hệ điều hành cơ bản, phần mềm ứng dụng trên máy tính một cách hiệu quả; Khắc phục một số hiện tượng mà máy tính hay gặp lỗi; Thao tác được các dịch vụ trên mạng Internet và các tiện ích có liên quan. Khai thác được các công cụ tìm kiếm trực tuyến và ngoại tuyến.	CLO3: Sinh viên có thể thao tác được các kỹ năng cài đặt, sử dụng hệ điều hành, phần mềm ứng dụng; sửa chữa, khắc khục một số lỗi thường gặp của máy tính và khai thác mạng máy tính, Internet để đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.
MT3: Có kỹ năng cơ bản về các phần mềm tin học văn phòng cơ bản: phần mềm soạn thảo văn bản Word, phần mềm trình chiếu PowerPoint và tính toán trên phần mềm Ecxel.	CLO4: Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kĩ năng cơ bản để khai thác, sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word, phần mềm bảng tính điện tử Microsoft Excel, phần mềm trình chiếu Microsoft Power Point để đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT4: Giúp Sinh viên nhận thức được vai trò quan trọng của việc sử dụng tin học ứng dụng trong học tập và thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu.	CLO5: Có nhận thức đúng đắn về vai trò quan trọng của công nghệ thông tin từ đó có thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập, nghiên cứu khoa học và ứng dụng vào cuộc

MT5: Có thái độ đúng đắn, nghiêm túc trong việc vận dụng tin học vào trong quá trình học tập, công tác, nghiên cứu khoa học và vận dụng vào cuộc sống.	sống.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**				
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5
1. Kiến thức chung về CNTT	2		2		2
2. Hệ điều hành Window 7	2		3		2
3. Mạng lan - Internet- Thư điện tử	2		3		3
4. Chương trình Microsoft Word		2		3	3
5. Chương trình Microsoft Powerpoint		2		2	2
6. Chương trình Microsoft Excel		2		2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về tin học, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành. Cụ thể học phần cung cấp cho sinh viên một số kiến thức, kỹ năng cơ bản và thiết thực về Công nghệ thông tin: Mạng máy tính và Internet, phòng và chống virus, tổ chức và quản lý các tài nguyên của máy tính, sử dụng hệ điều hành Windows và xử lý các lỗi thông thường, trình duyệt web, thư điện tử. Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kĩ năng cơ bản để khai thác, sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word, phần mềm bảng tính điện tử Microsoft Excel, phần mềm trình chiếu Microsoft Power Point.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy học**				**Yêu cầu đối với sinh viên**
	Lên lớp (Tiết)			**Tự học (Giờ)**	
	LT	**BT/TL/ KT**	**Tổng cộng**		
Chương 1. Kiến thức chung về CNTT	**0.5 tiết**				
1. Khái niệm 2. Vai trò cntt 3. Cuộc sống số 4. Cách mạng công nghệ 4.0 5. Máy tính và công nghệ thông tin					*Đọc quyển Giáo trình Tin học đại cương, trang5-8.*
Chương 2. Hệ điều hành Window 7	**1**		**1**		

	tiết				
1. Hệ điều hành Windows 7 và các thế hệ điều hành Windows. 2. Các tính năng căn bản của Windows 7 3. Làm việc với tệp tin và thư mục. 4. Một số ứng dụng cơ bản của windows:					*Đọc quyển Giáo trình Tin học đại cương, trang 19-37, Làm BTTH:bài tập 1,2 trang 1 trong sách BTTH*
Chương 3. Mạng lan - Internet- Thư điện tử	**0.5 tiết**		**0.5**		
1. Mạng lan 2. Internet 3. Thư điện tử					*Đọc quyển Giáo trình Tin học đại cương, trang 38-43, Làm BTTH: bài tập trang 2 trong sách BTTH*
Chương 4. Chương trình Microsoft Word	**2 tiết**		**2**		
1. Làm quen một vài điểm mới trong microsoft word 2016. 2. Giới thiệu word 2016 và một vài thao tác căn bản trên word 2016 3. Soạn thảo và hiệu chỉnh văn bản	2				*Đọc quyển Giáo trình Tin học đại cương, trang 44-101, Làm BTTH: bài tập 1-16, trang 3-18 trong sách BTTH*
5. Chương trình Microsoft Powerpoint	**0.5 tiết**		**0.5**		

1. Giới thiệu và những thiết lập cơ bản 2. Thêm Slide mới, chèn hình ảnh, video, audio 3. Chèn Text, công thức toán và các ký tự đặc biệt 4. Sử dụng hình vẽ 5. Sử dụng Slide Master 6. Hiệu ứng chuyển Slide, hiệu ứng các đối tượng trong Slide 7. Thiết lập liên kết và sử dụng Trigger 8. Sử dụng Note trong trình chiếu 9. Một số thao tác trình chiếu PowerPoint 10. Lưu văn bản và in văn bản					*Đọc quyển Giáo trình Tin học đại cương, trang 102-122.*
Chương 6. Chương trình Microsoft Excel	**3 tiết**		**3**		
1. Giới Thiệu Chương Trình Excel 2. Làm việc với excel 3. Làm việc với dữ liệu trong excel 4. Định dạng 5. Tìm và thay thế dữ liệu 6. Sắp xếp và lọc dữ liệu 7. Giới thiệu và sử dụng các hàm 8. Khai thác cơ sở dữ liệu					*Đọc quyển Giáo trình Tin học đại cương, trang 123-171, Làm BTTH: bài tập 1-19, trang 19-37 sách BTTH*
Tổng số	**7.5 tiết**				

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ môn Tin học (2019). *Giáo trình Tin học đại cương*. Học viện Y – dược học cổ truyền VN

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. *Giáo trình IC3 GS4 CCI Learning*(2014), NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Joan Lambert(2017), *Windows 10 Step by Step*, Second Edition, Microsoft Press.

[3]. Joan Lambert(2015), *Microsoft Word 2016 Step by Step*, Microsoft Press

[4]. Curtis Frye(2015), *Microsoft Excel 2016 Step by Step*, Microsoft Press.

[5]. Joan Lambert(2016), *Microsoft PowerPoint 2016 Step by Step*, Microsoft Press.

[6]. Trường đại học dược Hà Nội, Tổ môn tin học, *Tin học cơ sở*, NXB Y học(2015)

[7]. Website: https://www.giaiphapexcel.com

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Buổi 1	**Chương 1. Kiến thức chung về CNTT**	**0.5 tiết**					1
	1. Khái niệm 2. Vai trò cntt 3. Cuộc sống số 4. Cách mạng công nghệ 4.0 5. Máy tính và công nghệ thông tin						
	Chương 2. Hệ điều hành Window 7	**1 tiết**					2
	1. Hệ điều hành Windows 7 và các thế hệ điều hành Windows. 2. Các tính năng căn bản của Windows 7 3. Làm việc với tệp tin và thư mục. 4. Một số ứng dụng cơ bản của windows:						
	Chương 3. Mạng lan - Internet- Thư điện tử	**0.5 tiết**					1
	1. Mạng lan 2. Internet 3. Thư điện tử						
	Chương 4. Chương trình Microsoft Word	**2 tiết**					4
	1. Làm quen một vài điểm mới trong microsoft word 2016. 2. Giới thiệu word 2016 và một vài thao tác căn bản trên word 2016 3. Soạn thảo và hiệu chỉnh văn bản	2					
Buổi 2	**5. Chương trình Microsoft Powerpoint**	**0.5 tiết**					1
	1. Giới thiệu và những thiết lập cơ bản 2. Thêm Slide mới, chèn hình						

	ảnh, video, audio 3. Chèn Text, công thức toán và các ký tự đặc biệt 4. Sử dụng hình vẽ 5. Sử dụng Slide Master 6. Hiệu ứng chuyển Slide, hiệu ứng các đối tượng trong Slide 7. Thiết lập liên kết và sử dụng Trigger 8. Sử dụng Note trong trình chiếu 9. Một số thao tác trình chiếu PowerPoint 0. Lưu văn bản và in văn bản						
	Chương 6. Chương trình Microsoft Excel	**3 tiết**					6
	1. Giới Thiệu Chương Trình Excel 2. Làm việc với excel 3. Làm việc với dữ liệu trong excel 4. Định dạng 5. Tìm và thay thế dữ liệu 6. Sắp xếp và lọc dữ liệu 7. Giới thiệu và sử dụng các hàm 8. Khai thác cơ sở dữ liệu						

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình [x] Động não □ [x] Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □

Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình hu[x]□ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập [x]

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR 1 đến CĐR 5

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR4

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy trực tuyến.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Cơ sở vật chất: Ngoài giảng đường học lý thuyết thì phải cần có phòng thực hành được trang bị máy tính cấu hình phù hợp để bộ phần mềm office16 hoạt động ổn định và phải được kết lối mạng Internet.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Thực hiện nội qui đã được phổ biến và dán trong phòng thực tập Tin học.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

- Bài tập: Chuẩn bị các bài tập theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện 01 bài thi kết thúc học phần thực hành.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết lý thuyết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 100 %; các bài thực hành tại phòng thực tập Tin học phải đạt 80% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần	0		CĐR ...
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn, ...	0		
	Thực hành	0		
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính	1/4	Điểm đạt từ 4/10 trở lên	CĐR1,CĐR2, CĐR3
	Thực hành trên máy tính	3/4	Điểm đạt từ 4/10 trở lên	CĐR3, CĐR4

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết là điểm thi trắc nghiệm.
- Điểm thực hành là điểm thi thực hành trực tiếp trên máy tính
- Điểm học phần = (Điểm thi lý thuyết* 0.5 + Điểm thi Thực hành * 1.5)/2

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20.

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG (THỰC HÀNH)

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ Y khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Tin học đại cương

* Tiếng Việt: Tin học đại cương

* Tiếng Anh: General Informatics

- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 1.5
- Đối tượng học (năm thứ): Năm thứ nhất (I)
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc [x]	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: không có
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Toán - Tin

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
8.	ThS.Nguyễn Văn Tuyết	0989125443	nguyenvantuyetdt@gmail.com
9.	ThS.Bùi Thi Lan Anh	0986560899	lanem79vatm@gmail.com
10.	ThS.Hoàng Thị Thu Hằng	0966346054	hoangthuhang2183@yahoo.com
11.	ThS.Nguyễn Thị Ngọc Tú	0968250986	nguyentukhaothi@gmail.com
12.	ThS.Nguyễn Thị Tuyết Trinh	0972520152	Trinhnt83@gmail.com
13.	ThS.Nguyễn Minh Hiển	0918356602	hienloveu2101@gmail.com
14.	ThS.Nguyễn Văn Đức	0976925034	nguyenducvatm@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
G1	- **Kiến thức** Có kiến thức cơ bản về cấu trúc chung của máy tính, hệ điều hành Window, các phần mềm ứng dụng, Internet, thư điện tử và các phần mềm ứng dụng cho văn phòng Microsoft office	CĐR15	3
G2	- **Kỹ năng** Có kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin: Cài đặt, thiết lập và khai thác các một số hệ điều hành cơ bản, phần mềm ứng dụng trên máy tính một cách hiệu quả; Khắc phục một số hiện tượng mà máy tính hay gặp lỗi; Thao tác được các dịch vụ trên mạng Internet và các tiện ích có liên quan. Khai thác được các công cụ tìm kiếm trực tuyến và ngoại tuyến. Có kỹ năng cơ bản về các phần mềm tin học văn phòng cơ bản: phần mềm soạn thảo văn bản Word, phần mềm trình chiếu PowerPoint và tính toán trên phần mềm Ecxel.	CĐR3, CĐR8	1
		CĐR15	3
G3	- **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** Có thái độ đúng đắn, nghiêm túc trong việc vận dụng tin học vào trong quá trình học tập, công tác, nghiên cứu khoa học và vận dụng vào cuộc sống	CĐR 15	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun(CLO)
Kiến thức	
MT1: Có kiến thức cơ bản về cấu trúc chung của máy tính, hệ điều hành Window, các phần mềm ứng dụng, Internet, thư điện tử và các phần mềm ứng dụng cho văn phòng Microsoft office.	CLO1: Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản, thiết thực về Công nghệ thông tin, hệ điều hành, một số khái niệm quản trị mạng.
	CLO2: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bộ phần mềm ứng dụng văn phòng Office.
Kỹ năng	
MT2: Có kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin: Cài đặt, thiết lập và khai thác các một số hệ điều hành cơ bản, phần mềm ứng dụng trên máy tính một cách hiệu quả; Khắc phục một số hiện tượng mà máy tính hay gặp lỗi; Thao tác được các dịch vụ trên mạng Internet và các tiện ích có liên quan. Khai thác được các công cụ tìm kiếm trực tuyến và ngoại tuyến.	CLO3: Sinh viên có thể thao tác được các kỹ năng cài đặt, sử dụng hệ điều hành, phần mềm ứng dụng; sửa chữa, khắc khục một số lỗi thường gặp của máy tính và khai thác mạng máy tính, Internet để đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.
MT3: Có kỹ năng cơ bản về các phần mềm tin học văn phòng cơ bản: phần mềm soạn thảo văn bản Word, phần mềm trình chiếu PowerPoint và tính toán trên phần mềm Ecxel.	CLO4: Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kĩ năng cơ bản để khai thác, sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word, phần mềm bảng tính điện tử Microsoft Excel, phần mềm trình chiếu Microsoft Power Point để đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT4: Giúp Sinh viên nhận thức được vai trò quan trọng của việc sử dụng tin học ứng dụng trong học tập và thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu	CLO5: Có nhận thức đúng đắn về vai trò quan trọng của công nghệ thông tin từ đó có thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập, nghiên cứu khoa học và ứng dụng vào cuộc sống
MT5: Có thái độ đúng đắn, nghiêm túc trong việc vận dụng tin học vào trong quá trình học tập, công tác, nghiên cứu khoa học và vận dụng vào cuộc sống	

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**				
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5
1. Kiến thức chung về CNTT	2		2		2
2. Hệ điều hành Window 7	2		3		2
3. Mạng lan - Internet- Thư điện tử	2		3		3
4. Chương trình Microsoft Word		2		3	3
5. Chương trình Microsoft Powerpoint		2		2	2
6. Chương trình Microsoft Excel		2		2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về tin học, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành. Cụ thể học phần cung cấp cho sinh viên một số kiến thức, kỹ năng cơ bản và thiết thực về Công nghệ thông tin: Mạng máy tính và Internet, phòng và chống virus, tổ chức và quản lý các tài nguyên của máy tính, sử dụng hệ điều hành Windows và xử lý các lỗi thông thường, trình duyệt web, thư điện tử. Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kĩ năng cơ bản để khai thác, sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word, phần mềm bảng tính điện tử Microsoft Excel, phần mềm trình chiếu Microsoft Power Point.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Thời gian thực hành(tiết)**	**Thời gian tự học (giờ)**	**Yêu cầu đối với sinh viên**
Chương 1. Kiến thức chung về CNTT	**1 tiết**	1	
1. Khái niệm 2. Vai trò cntt 3. Cuộc sống số 4. Cách mạng công nghệ 4.0 5. Máy tính và công nghệ thông tin			*Đọc quyển Giáo trình Tin học đại cương, trang5-8*
Chương 2. Hệ điều hành Window 7	**4 tiết**	4	
1. Hệ điều hành Windows 7 và các thế hệ điều hành Windows. 2. Các tính năng căn bản của Windows 7 3. Làm việc với tệp tin và thư mục. 4. Một số ứng dụng cơ bản của windows:	4		*Đọc quyển Giáo trình Tin học đại cương, trang 19-37,* *Làm BTTH:bài tập 1,2 trang 1 trong sách BTTH*

Chương 3. Mạng lan - Internet- Thư điện tử	**5 tiết**	5	*Đọc quyển Giáo trình Tin học đại cương, trang 38-43,* *Làm BTTH: bài tập trang 2 trong sách BTTH*
1. Mạng lan 2. Internet 3. Thư điện tử	5		
Chương 4. Chương trình Microsoft Word	**12 tiết**		*Đọc quyển Tin học ĐC, trang 44-101,* *Làm BTTH: bài tập 1-16, trang 3-18 trong sách BTTH*
1. Làm quen một vài điểm mới trong microsoft word 2016.	2		
2. Giới thiệu word 2016 và một vài thao tác căn bản trên word 2016	2		
3. Soạn thảo và hiệu chỉnh văn bản	8		
5. Chương trình Microsoft Powerpoint	**5 tiết**	5	
1. Giới thiệu và những thiết lập cơ bản 2. Thêm Slide mới, chèn hình ảnh, video, audio 3. Chèn Text, công thức toán và các ký tự đặc biệt 4. Sử dụng hình vẽ 5. Sử dụng Slide Master 6. Hiệu ứng chuyển Slide, hiệu ứng các đối tượng trong Slide 7. Thiết lập liên kết và sử dụng Trigger 8. Sử dụng Note trong trình chiếu 9. Một số thao tác trình chiếu PowerPoint 10. Lưu văn bản và in văn bản	5		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới;
Chương 6. Chương trình Microsoft Excel	**18 tiết**	18	
1. Giới Thiệu Chương Trình Excel 2. Làm việc với excel 3. Làm việc với dữ liệu trong excel 4. Định dạng 5. Tìm và thay thế dữ liệu 6. Sắp xếp và lọc dữ liệu 8. Khai thác cơ sở dữ liệu	2		*Đọc quyển Giáo trình Tin học đại cương, trang 123-171,* *Làm BTTH: bài tập 1-19, trang 19-37 sách BTTH*
7. Giới thiệu và sử dụng các hàm	14		
8. Khai thác cơ sở dữ liệu	2		

Tổng số	45 tiết		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ môn Tin học (2019). *Giáo trình Tin học đại cương*. Học viện Y – dược học cổ truyền VN

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. *Giáo trình IC3 GS4 CCI Learning*(2014), NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Joan Lambert(2017), *Windows 10 Step by Step*, Second Edition, Microsoft Press.

[3]. Joan Lambert(2015), *Microsoft Word 2016 Step by Step*, Microsoft Press

[4]. Curtis Frye(2015), *Microsoft Excel 2016 Step by Step*, Microsoft Press.

[5]. Joan Lambert(2016), *Microsoft PowerPoint 2016 Step by Step*, Microsoft Press.

[6]. Trường đại học dược Hà Nội, Tổ môn tin học, *Tin học cơ sở*, NXB Y học(2015)

[7]. Website: https://www.giaiphapexcel.com

9. Kế hoạch giảng dạy Thực hành

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Thực hành	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Buổi 1	**Chương 1. Kiến thức chung về CNTT**	**0.5 tiết**					**0.5**
	1. Khái niệm 2. Vai trò cntt 3. Cuộc sống số 4. Cách mạng công nghệ 4.0 5. Máy tính và công nghệ thông tin						
	Chương 2. Hệ điều hành Window 7	**1 tiết**					**1**
	1. Hệ điều hành Windows 7 và các thế hệ điều hành Windows. 2. Các tính năng căn bản của Windows 7 3. Làm việc với tệp tin và thư mục. 4. Một số ứng dụng cơ bản của windows:						
	Chương 3. Mạng lan - Internet- Thư điện tử	**0.5 tiết**					1
	1. Mạng lan 2. Internet						

	3. Thư điện tử						
	Chương 4. Chương trình Microsoft Word	**2 tiết**					2
	1. Làm quen một vài điểm mới trong microsoft word 2016. 2. Giới thiệu word 2016 và một vài thao tác căn bản trên word 2016 3. Soạn thảo và hiệu chỉnh văn bản	2					
Buổi 2	**5. Chương trình Microsoft Powerpoint**	**0.5 tiết**					0.5
	1. Giới thiệu và những thiết lập cơ bản 2. Thêm Slide mới, chèn hình ảnh, video, audio 3. Chèn Text, công thức toán và các ký tự đặc biệt 4. Sử dụng hình vẽ 5. Sử dụng Slide Master 6. Hiệu ứng chuyển Slide, hiệu ứng các đối tượng trong Slide 7. Thiết lập liên kết và sử dụng Trigger 8. Sử dụng Note trong trình chiếu 9. Một số thao tác trình chiếu PowerPoint 10. Lưu văn bản và in văn bản						
	Chương 6. Chương trình Microsoft Excel	**3 tiết**					3
	1. Giới Thiệu Chương Trình Excel 2. Làm việc với excel 3. Làm việc với dữ liệu trong excel 4. Định dạng 5. Tìm và thay thế dữ liệu 6. Sắp xếp và lọc dữ liệu 7. Giới thiệu và sử dụng các hàm 8. Khai thác cơ sở dữ liệu						

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình [x] Động não □ [x] Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □

Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình hu[x] □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập [x]

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR 1 đến CĐR 5

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR4

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy trực tuyến.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Cơ sở vật chất: Ngoài giảng đường học lý thuyết thì phải cần có phòng thực hành được trang bị máy tính cấu hình phù hợp để bộ phần mềm office16 hoạt động ổn định và phải được kết lối mạng Internet.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Thực hiện nội qui đã được phổ biến và dán trong phòng thực tập Tin học.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

- Bài tập: Chuẩn bị các bài tập theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện 01 bài thi kết thúc học phần thực hành.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết lý thuyết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 100 %; các bài thực hành tại phòng thực tập Tin học phải đạt 80% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần	0		CĐR ...
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn,	0		

	.....			
	Thực hành	0		
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính	1/4	Điểm đạt từ 4/10 trở lên	CĐR1,CĐR2, CĐR3
	Thực hành trên máy tính	3/4	Điểm đạt từ 4/10 trở lên	CĐR3, CĐR4

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết là điểm thi trắc nghiệm.
- Điểm thực hành là điểm thi thực hành trực tiếp trên máy tính
- Điểm học phần = (Điểm thi lý thuyết* 0.5 + Điểm thi Thực hành * 1.5)/2

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20.

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ Y khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Nhà nước và Pháp luật
* Tiếng Việt: Nhà nước và Pháp luật
* Tiếng Anh:
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ:1
- Đối tượng học (năm thứ): Học kỳ: năm thứ 2
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc X	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 15 tiết
  + Lý thuyết: 15 tiết
  + Bài tập: 0 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
  + Kiểm tra: tiết
  + Thời gian tự học: 0 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y tế công cộng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Thạc sỹ Đinh Thị Hương	0914.681.139	Dinhhuong512@gmail.com
2	Thạc sỹ Trương Thị Minh Trang	0975778477	truongminhtrang16@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
G1	**Kiến thức** Nắm được tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCNVN	*CĐR2*	4
G2	**Kỹ năng**		4

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	- Vận dụng được các quy định của pháp luật mới hiện hành. -Nắm được các kiến thức căn bản nhất về các lĩnh vực pháp luật: Hiến pháp, Dân sự, Hình sự, Lao động trong hệ thống pháp luật Việt Nam và một số Luật liên quan đến nghề nghiệp.	*CĐR7,* *CĐR8*	
G3	**Năng lực tự chủ và trách nhiệm** - Nâng cao ý thức tự học, tự nghiên cứu; ý thức chủ động tìm hiểu và nâng cao hiểu biết về pháp luật;	*CĐR15,* *CĐR16*	4
G4	Thực hiện vận dụng theo đúng các văn bản của nhà nước về trong cuộc sống		3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Ứng dụng kiến thức pháp luật trong đời sống	*CĐR1*
Kỹ năng	
MT2: Thực hiện quy định của pháp luật trong chuyên môn	*CĐR7, CĐR8*
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3; MT4. -Làm việc độc lập tự chịu trách nhiệm trong công tác trước các hành vi của mình - Có trách nhiệm tự định hướng đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân	*CĐR15,* *CĐR16*

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**			
	CĐR1	CĐR7	CĐR15	CĐR16
Chương I Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật- Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	2	2	2	2
Chương II Một số vấn đề cơ bản về Pháp luật	2	2	2	2
Chương III Luật Hiến pháp -Luật Hành chính -Luật Cán bộ, công chức - Luật Viên chức- Pháp luật về Phòng chống tham nhũng	2	2	2	2
Chương IV Luật Hình sự - Luật Dân sự- Luật Lao động – Luật Giáo dục	2	2	2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Mô đun Nhà nước và pháp luật nghiên cứu các khái niệm cơ bản, các phạm trù chung nhất về Nhà nước và pháp luật dưới góc độ của khoa học pháp lý. Trên cơ sở đó nội dung của môn học nhằm phân tích cấu trúc của bộ máy nhà nước, chức năng và thẩm quyền của các cơ quan nhà nước trong bộ máy Nhà nước việt nam.

Giới thiệu nội dung số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam : Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Cán bộ, công chức viên chức; Luật Hình sự và Luật Dân sự, Luật Lao động, Luật giáo dục; Luật Phòng chống tham nhũng để từ đó người học có thể dễ dàng tiếp cận với các ngành luật khác phát sinh từ các ngành luật chủ yếu này.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy học**						**Yêu cầu đối với sinh viên**
	Lên lớp (Tiết)					**Tự học (Giờ)**	
	LT	**TH**	**BT/TL/KT**		**Tổng cộng**		
Chương I Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật- Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	04	0	0		04		Phân tích được khái niệm đặc trưng của nhà nước
Chương II Một số vấn đề cơ bản về Pháp luật	04	0	0		04		Phân tích được khái niệm đặc trưng của pháp luật
Chương III Luật Hiến pháp -Luật Hành chính - Luật Cán bộ, công chức - Luật Viên chức- Pháp luật về Phòng chống tham nhũng	04	0	0		04		Nắm được quá trình ra đời của Hiến pháp Việt Nam, bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước
Chương IV Luật Hình	03		0		03		Nắm được các quy

sự - Luật Dân sự- Luật Lao động – Luật Giáo dục							định của pháp luật hiện hành về luật dân sự, hình sự, lao động

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nội dung bài giảng Nhà nước và pháp luật do Bộ môn biên soạn
2. Giáo trình Pháp luật đại cương dành cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng không chuyên ngành Luật, Nxb Đại học Sư phạm.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (2005). Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật, Nxb Đại học Quốc gia.
2. Trường Đại học Luật Hà Nội (2005). Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật, Nxb Công an nhân dân.
3. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
4. Bộ luật Hình sự hiện hành.
5. Bộ luật Lao động hiện hành.
6. Luật Hành chính hiện hành.
7. Bộ luật Dân sự hiện hành.
8. Luật Phòng chống tham nhũng hiện hành.
9. Luật Bảo hiểm y tế hiện hành.
10. Luật Dược hiện hành.
11. Luật Khám chữa bệnh hiện hành.
12. Luật Giáo dục.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	04	0	0	0	0	0
1	04	0	0	0	0	0
1	04	0	0	0	0	0
1	03	0	0	0	0	0

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x Động não □ Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề x
Hoạt động nhóm x Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □
Nghiên cứu tình huống x Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR ... đến CĐR ....
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ....

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

✓

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

.....

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80. %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia. Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần	0	số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %;	CĐR1,CĐR7
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn	0		

	Thực hành	0		
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trác nghiệm trên máy tính	100%		CĐR8,CĐR15,CĐR16,

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Lý thuyết)
LÝ THUYẾT GDTC
Đối tượng đào tạo: Y đa khoa. Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Học phần 1
* Tiếng Việt: Lý thuyết GDTC
* Tên tiếng Anh: Theory of Physical education
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ lý thuyết: 1
- Đối tượng học (năm thứ): 1
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc x	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Học phần tiên quyết: Không bắt buộc
- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn GDTC& GDQP

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS.Nguyễn T. Hương Giang	0967968268	huonggiang7467@gmail.com
2	Th.s. Nguyễn Việt Hà	0973764313	hitendra1387@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 **Mục tiêu (Gx)** **[1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
MT1	**Kiến thức:** Biết được các khái niệm, nhiệm vụ, nguyên tắc, phương pháp và các hình thức GDTC trong trường học.	CĐR2 CĐR 9 CĐR 13	*Bloom 2001*
MT2	**Kỹ năng**: - Kỹ năng đọc, tóm tắt thông tin trong bài học - Thu thập và xử lý thông tin - Vận dụng những kiến thức đã học để thường xuyên luyện tập TDTT nhằm nâng cao sức	CĐR2 CĐR 9 CĐR 13	*Dave 1975*

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	khoẻ để học tập và công tác tốt.		
MT3	**Mức độ tự chủ và trách nhiệm**: - Có ý thức tổ chức kỷ luật, phát huy tính tự giác tích cực trong giờ học. - Nâng cao ý thức đoàn kết tập thể, tư tưởng của con người chủ nghĩa xã hội.	CĐR2 CĐR 9 CĐR 13	*Krathwohl 1973*

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
MT1: Biết được các khái niệm, nhiệm vụ, nguyên tắc, phương pháp và các hình thức GDTC trong trường học.	CĐR1: Trang bị kiến thức cơ bản về Giáo dục thể chất.
MT2: - Kỹ năng đọc, tóm tắt thông tin trong bài học - Thu thập và xử lý thông tin - Vận dụng những kiến thức đã học để thường xuyên luyện tập TDTT nhằm nâng cao sức khoẻ để học tập và công tác tốt.	CĐR2: Người học vận dụng các lý thuyết về khái niệm, nhiệm vụ, nguyên tắc, phương pháp và các hình thức GDTC trong thực tiễn nhằm nâng cao sức khỏe để học tập và công tác tốt.
MT3: - Có ý thức tổ chức kỷ luật, phát huy tính tự giác tích cực trong giờ học. - Nâng cao ý thức đoàn kết tập thể, tư tưởng của con người chủ nghĩa xã hội.	CĐR3: Người học nhận thức được giá trị của thể dục thể thao đối với sức khỏe, sự thư giãn, sự thử thách, khả năng thể hiện bản thân và khả năng tương tác xã hội.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun			
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	
Nội dung : Lý thuyết GDTC	2	2	3	

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội.

Phát triển giáo dục và đào tạo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội. Trang bị cho người học kiến thức về Giáo dục thể chất để củng cố và phát triển thể lực góp phần nâng cao sức khỏe toàn diện.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy học**		**Yêu cầu đối với sinh viên**
	Số tiết	**Giờ Tự học**	
Bài 1: Giáo dục thể chất trong trường học ***I.Một số khái niệm*** *1. Khái niệm giáo dục thể chất (GDTC)* *2. Phát triển thể chất* *3. Hoạt thiện thể chất* *4. Học vấn thể chất* *5. Văn hóa thể chất và TT* *5.1. Khái niệm văn hóa thể chất (VHTC)* *5.1.1. Văn hóa thể chất là một hoạt động.* *5.1.2. Văn hóa thể chất là tổng hòa những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra để hoạt động.* *5.1.3. Văn hóa thể chất là kết quả của hoạt động:* *5.2. Khái niện TT* ***II. GDTC trong trường học*** ***III. Nhiệm vụ và yêu cầu học tập môn GDTC trong trường học*** *1. Nhiệm vụ* *2. Yêu cầu* ***IV. Các hình thức GDTC*** ***V. Những điểm cần chú ý khi tập luyện TDTT***	4		Chuẩn bị bài trước khi lên lớp
Bài 2: Lợi ích, tác dụng của TDTT với sức khỏe con người ***I.Khái niệm và vị trí của sức khỏe*** *1.Khái niệm sức khỏe* *2. Vị trí của sức khỏe* ***II.Lợi ích và tác dụng của tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người.*** ***1. Sự ảnh hưởng của tập luyện TDTT đối với hệ vận động*** ***2. Sự ảnh hưởng của tập TDTT đối với hệ thống hô hấp***	4		Chuẩn bị bài trước khi lên lớp

a. Cơ hô hấp được phát triển dần, có lực, có sức bền, có thể chịu đựng với lượng vận động lớn. *b. Dung tích sống tăng lên, tăng cường hấp thụ Oxy và thải CO2.* *c.Tăng cường độ sâu hô hấp* ***3. Sự ảnh hưởng của tập luyện TDTT đối với chức năng của hệ tuần hoàn*** *a. Tăng cường tính vận động của tim.* *b. Tần số mạch giảm và chậm khi yên tĩnh* *c. "Tiết kiệm hóa" trong làm việc của tim* *d. Khi hoạt động kịch liệt, các chức năng của tim có thể đạt tới trình độ cao.* *e. Tăng tính dẫn truyền của huyết quản.* ***4. Sự ảnh hưởng của tập luyện TDTT đối với hệ tiêu hóa.*** ***5. Ảnh hưởng của tập luyện TDTT đối với hệ thống thần kinh*** ***6. Thúc tiến phát triển năng lực của não, nâng cao hiệu xuất học tập, công tác.*** *6.1. Rèn luyện thân thể nâng cao năng lực hoạt động trí lực* *6.2. Tập luyện TDTT nâng cao hiệu quả công tác và học tập*			
Bài 3: Các phương pháp GDTC ***1.Khái niệm phương pháp giáo dục thể chất*** ***2. Phương pháp giáo dục thể chất*** *2.1. Phương pháp tập luyện có định mức chặt chẽ* *2.1.1. Phương pháp tập luyện trong quá trình hoạt động tác.* *2.1.2. Các phương pháp tập luyện định mức LVĐ và quãng nghỉ.* *2.2. Phương pháp trò chơi và phương pháp thi đấu* *2.2.1. Phương pháp trò chơi* **Phương pháp trò chơi trong GDTC có những đặc điểm sau:* • *Nhược điểm:* • *Ý nghĩ tác dụng:* *2.2.2. Phương pháp thi đấu* • *Ý nghĩa tác dụng:* *2.3. Phương pháp sử dụng lời nói và trực quan trong GDTC:* *2.3.1. Phương pháp sử dụng bằng lời nói:* *2.3.2. Phương pháp trực quan*	4		Chuẩn bị bài trước khi lên lớp
Bài 4: Các nguyên tăc về phương pháp GDTC ***I. NGUYÊN TẮC TỰ GIÁC TÍCH CỰC*** *1. Giáo dục thái độ tự giác và hứng thú bền vững đối với mục đích tập luyện chung cũng như các nhiệm vụ cụ thể của buổi tập* *2. Kích thích việc phân tích một cách có ý thức việc kiểm tra và dùng sức hợp lý khi thực hiện các bài tập thể chất* *3. Phải giáo dục tính tự lập, chủ động, sáng tạo của sinh viên* ***II. NGUYÊN TẮC TRỰC QUAN*** *1. Khái niệm và bản chất*	3		Chuẩn bị bài trước khi lên lớp

1.1. Khái niệm *1.2. Bản chất* *2. Cơ sở của nguyên tắc* *3. Trực quan là tiền đề để tiếp thu động tác* *4. Trực quan là điều kiện để hoàn thành động tác* *5. Những yêu cầu đảm bảo tính trực quan* ***III. NGUYÊN TẮC THÍCH HỢP, CÁ BIỆT HÓA*** *1. Bản chất* *2. Cơ sở của nguyên tắc* *3. Các yêu cầu của nguyên tắc* *4. GDTC phụ hợp với các yêu cầu cá nhân* ***IV. NGUYÊN TẮC HỆ THỐNG*** *1. Tính thường xuyên của các buổi tập và luân phiên hợp lý giữa tập luyện và nghỉ ngơi.* *1.1. Tính thường xuyên của các buổi tập.* *1.2. Sự luân phiên giữa tập luyện và nghỉ ngơi.* *2. Sự phối hợp giữa tập luyện lặp lại và tập luyện biến dạng.* *3. Tuần tư các buổi tập và mối liên hệ lẫn nhau giữa các mặt khác nhau trong nội dung các buổi tập..* ***V. NGUYÊN TẮC TĂNG DẦN CÁC YÊU CẦU(Nguyên tắc tăng tiến)*** *1.Sự cần thiết phải tăng LĐV một cách từ từ* *2. Các hình thức tăng LVĐ* *3. Những điều kiện nâng cao LVĐ.*			

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Giáo trình Lý luận và phương pháp TDTT- NXB TDTT

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

Video trên mạng internet

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

TT	Giờ giảng của giảng viên (giờ)			Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Nội dung	Số giờ/buổi	Các hình thức khác	
1	***Bài 1: Giáo dục thể chất trong trường học*** ***I.Một số khái niệm*** *1. Khái niệm giáo dục thể chất (GDTC)* *2. Phát triển thể chất* *3. Hoạt thiện thể chất* *4. Học vấn thể chất* *5. Văn hóa thể chất và TT* *5.1. Khái niệm văn hóa thể chất (VHTC)* *5.1.1. Văn hóa thể chất là một hoạt động.* *5.1.2. Văn hóa thể chất là tổng hòa những giá trị vật chất*	4		8

	và tinh thần do con người sáng tạo ra để hoạt động. *5.1.3. Văn hóa thể chất là kết quả của hoạt động:* *5.2. Khái niện TT* ***II. GDTC trong trường học*** ***III. Nhiệm vụ và yêu cầu học tập môn GDTC trong trường học*** *1. Nhiệm vụ* *2. Yêu cầu* ***IV. Các hình thức GDTC*** ***V. Những điểm cần chú ý khi tập luyện TDTT***			
2	***Bài 2: Lợi ích, tác dụng của TDTT với sức khỏe con người*** ***I.Khái niệm và vị trí của sức khỏe*** *1.Khái niệm sức khỏe* *2. Vị trí của sức khỏe* ***II.Lợi ích và tác dụng của tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người.*** ***1. Sự ảnh hưởng của tập luyện TDTT đối với hệ vận động*** ***2. Sự ảnh hưởng của tập TDTT đối với hệ thống hô hấp*** *a. Cơ hô hấp được phát triển dần, có lực, có sức bền, có thể chịu đựng với lượng vận động lớn.* *b. Dung tích sống tăng lên, tăng cường hấp thụ Oxy và thải CO2.* *c.Tăng cường độ sâu hô hấp* ***3. Sự ảnh hưởng của tập luyện TDTT đối với chức năng của hệ tuần hoàn*** *a. Tăng cường tính vận động của tim.* *b. Tần số mạch giảm và chậm khi yên tĩnh* *c. "Tiết kiệm hóa" trong làm việc của tim* *d. Khi hoạt động kịch liệt, các chức năng của tim có thể đạt tới trình độ cao.* *e. Tăng tính dẫn truyền của huyết quản.* ***4. Sự ảnh hưởng của tập luyện TDTT đối với hệ tiêu hóa.*** ***5. Ảnh hưởng của tập luyện TDTT đối với hệ thống thần kinh*** ***6. Thúc tiến phát triển năng lực của não, nâng cao hiệu xuất học tập, công tác.*** *6.1. Rèn luyện thân thể nâng cao năng lực hoạt động trí lực* *6.2. Tập luyện TDTT nâng cao hiệu quả công tác và học*	4		8

	tập			
3	***Bài 3: Các phương pháp GDTC*** ***1.Khái niệm phương pháp giáo dục thể chất*** ***2. Phương pháp giáo dục thể chất*** *2.1. Phương pháp tập luyện có định mức chặt chẽ* *2.1.1. Phương pháp tập luyện trong quá trình hoạt động tác.* *2.1.2. Các phương pháp tập luyện định mức LVĐ và quãng nghỉ.* *2.2. Phương pháp trò chơi và phương pháp thi đấu* *2.2.1. Phương pháp trò chơi* **Phương pháp trò chơi trong GDTC có những đặc điểm sau:* • *Nhược điểm:* • *Ý nghĩ tác dụng:* *2.2.2. Phương pháp thi đấu* • *Ý nghĩa tác dụng:* *2.3. Phương pháp sử dụng lời nói và trực quan trong GDTC:* *2.3.1. Phương pháp sử dụng bằng lời nói:* *2.3.2. Phương pháp trực quan*	4		8
4	***Bài 4: Các nguyên tăc về phương pháp GDTC*** ***I. NGUYÊN TẮC TỰ GIÁC TÍCH CỰC*** *1. Giáo dục thái độ tự giác và hứng thú bền vững đối với mục đích tập luyện chung cũng như các nhiệm vụ cụ thể của buổi tập* *2. Kích thích việc phân tích một cách có ý thức việc kiểm tra và dùng sức hợp lý khi thực hiện các bài tập thể chất* *3. Phải giáo dục tính tự lập, chủ động, sáng tạo của sinh viên* ***II. NGUYÊN TẮC TRỰC QUAN*** *1. Khái niệm và bản chất* *1.1. Khái niệm* *1.2. Bản chất* *2. Cơ sở của nguyên tắc* *3. Trực quan là tiền đề để tiếp thu động tác* *4. Trực quan là điều kiện để hoàn thành động tác* *5. Những yêu cầu đảm bảo tính trực quan* ***III. NGUYÊN TẮC THÍCH HỢP, CÁ BIỆT HÓA*** *1. Bản chất* *2. Cơ sở của nguyên tắc* *3. Các yêu cầu của nguyên tắc* *4. GDTC phụ hợp với các yêu cầu cá nhân*	3		6

	IV. NGUYÊN TẮC HỆ THỐNG *1. Tính thường xuyên của các buổi tập và luân phiên hợp lý giữa tập luyện và nghỉ ngơi.* *1.1. Tính thường xuyên của các buổi tập.* *1.2. Sự luân phiên giữa tập luyện và nghỉ ngơi.* *2. Sự phối hợp giữa tập luyện lặp lại và tập luyện biến dạng.* *3. Tuần tư các buổi tập và mối liên hệ lẫn nhau giữa các mặt khác nhau trong nội dung các buổi tập..* ***V. NGUYÊN TẮC TĂNG DẦN CÁC YÊU CẦU(Nguyên tắc tăng tiến)*** *1.Sự cần thiết phải tăng LĐV một cách từ từ* *2. Các hình thức tăng LVĐ* *3. Những điều kiện nâng cao LVĐ.*			

10.Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

- Phương pháp trực quan, thuyết trình...
- SV học theo hình thức cả lớp

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Phải có máy chiếu, loa mic

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- SV phải tham dự đầy đủ các buổi học. SV đến muộn 15’ sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học. Không được ăn quà vặt, sử dụng điện thoại trong lớp

-SV phải tự đọc tài liệu trước khi lên lớp.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm thi kết thúc học phần/mô đun**			
	Thi viết bài thu hoạch	100%	Đủ điều kiện dự thi	CĐR1 đến CĐR3

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

GIẢI THÍCH MỘT SỐ KÝ HIỆU

(1) Ký hiệu mục tiêu bằng ký hiệu MT từ 1,2,….;

(2) Ký hiệu chuẩn đầu ra bằng ký hiệu CĐR từ 1,2,….;

(3) Mô tả CĐR theo thang Bloom;

(4) Thang trình độ năng lực:

Trình độ năng lực	Mô tả
0.0 -> 2.0	Nhớ (trình bày, định nghĩa, liệt kê,...)
2.0 -> 3.0	Hiểu (giải thích, mô tả, nhận xét,…)
3.0 -> 3.5	Áp dụng (vận dụng, chỉ ra, minh họa,…)
3.5 -> 4.0	Phân tích (phân biệt, phân tích, khảo sát,…)
4.0 -> 4.5	Đánh giá (đánh giá, so sánh, liên hệ, nhận định,…)
4.5 -> 5.0	Sáng tạo (thiết kế, đề xuất, tổ chức,…)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
VÕ + TDNĐ

Đối tượng đào tạo: Y đa khoa
Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Học phần 1
* Tiếng Việt: Võ + TDNĐ
* Tiếng Anh: Taekwondo + Aerobic
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 1
- Đối tượng học (năm thứ): 1
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc x	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Học phần tiên quyết: Không bắt buộc
- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn GDTC& GDQP

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Th.s. Nguyễn Việt Hà	0973764313	hitendra1387@gmail.com
2	Th.s. Đào Đình Hải	0983740359	daohaigdtc@gmail.com
3	Th.s. Đặng Danh Nam	0946656788	danhnamdang@gmail.com
4	Th.s. Lê Thị Vân Trang	0983562557	minhchinhgiapngo@gmail.com
5	Th.s. Nguyễn Thị Thu Trang	0978897299	tranganh19871984@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 **Mục tiêu (Gx)** **[1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
MT1	**Kiến thức**: - Nhớ và thực hiện các kỹ thuật động tác đã học. - Nâng cao thể lực, phục hồi và tăng cường chức năng vận động của hệ thống khớp, cơ bắp và các cơ quan nội tạng. - Tăng cường phản xa thần kinh, sự linh hoạt, khéo léo, chức năng thăng bằng. - Giải tỏa các ức chế tâm lý, thư giãn thần kinh, tập trung tư tưởng.	CĐR2 CĐR 9 CĐR 13	*Bloom 2001*
MT2	**Kỹ năng**: - Giúp sinh viên hình thành kỹ năng vận động, khả năng định hình và phối hợp thực hiện động tác. - Phối hợp động tác trong bài một cách liên hoàn nhịp nhàng uyển chuyển. - Tăng cường khả năng giao tiếp, làm chủ thần kinh trong ứng sử xã hội và có khả năng tự bảo vệ khi cần thiết. - Nâng cao sức chịu đựng của cơ thể, phát huy nội lực, lòng tự tin và tính sáng tạo. - Nâng cao khả năng hoạt động nhóm - Tăng khả năng phối hợp vận động của cơ thể với nhạc. - Vận dụng những kiến thức đã học để thường xuyên luyện tập TDTT nhằm nâng cao sức khoẻ để học tập và công tác tốt.	CĐR2 CĐR 9 CĐR 13	*Dave 1975*
MT3	**Mức độ tự chủ và trách nhiệm**: - Có ý thức tổ chức kỷ luật, phát huy tính tự giác tích cực trong giờ học cũng như tự luyện tập. - Nâng cao ý thức đoàn kết tập thể, hoàn thiện nhân và tư tưởng của con người chủ nghĩa xã hội.	CĐR2 CĐR 9 CĐR 13	*Krathwohl 1973*

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
MT1: - Nhớ và thực hiện các kỹ thuật động tác đã học. - Nâng cao thể lực, phục hồi và tăng cường chức năng vận động của hệ thống khớp, cơ bắp và các cơ quan nội tạng. - Tăng cường phản xa thần kinh, sự linh hoạt, khéo léo, chức năng thăng bằng. - Giải tỏa các ức chế tâm lý, thư giãn thần kinh, tập trung tư tưởng.	CĐR1: Trang bị kiến thức cơ bản về Giáo dục thể chất, thể dục nhịp điệu (nữ) và Taekwondo (nam).
MT2: Hình thành kỹ năng vận động, khả năng định hình và phối hợp thực hiện động tác.	CĐR2: Hình thành được kỹ năng vận động, rèn luyện khả năng phối hợp vận động nhanh, mạnh, bền, mềm dẻo, khéo léo, phát triển thể lực.
MT3: - Tăng khả năng phối hợp vận động của cơ thể với nhạc. - Nâng cao ý thức đoàn kết tập thể. - Vận dụng những kiến thức đã học để thường xuyên luyện tập TDTT nhằm nâng cao sức khoẻ để học tập và công tác tốt.	CĐR3: Vận dụng được những kiến thức đã học vào tự luyện tập sức khỏe và rèn luyện ý chí trong tập luyện.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; ** Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun			
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	
Nội dung 1: AEROBIC(nữ)	2	3	2	
Nội dung 2: TAEKWONDO (nam)	2	3	2	

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

- AEROBIC là hệ thống các kỹ thuật và bài tập được chọn lọc có hệ thống và khoa học, được du nhập vào Việt nam từ đầu những năm 80 của thế kỷ trước và phát triển rộng khắp trên mọi miền Tổ quốc và ở hầu khắp các cấp học của hệ thống giáo dục. Nhằm mục đích hoàn thiện và phát triển toàn diện cơ thể.

- Môn võ Taekwondo hiện nay là môn thể dục thể thao rất được ưa chuộng ở Việt Nam và trên thế giới. Nó là hệ thống các kỹ thuật và bài tập được chọn lọc có hệ thống và khoa học nhằm mục đích giúp người học phát triển và hoàn thiện các tố chất của cơ thể.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
AEROBIC	**30**		Học trực tiếp trên lớp và tự ôn ở nhà
TAEKWONDO	**30**		Học trực tiếp trên lớp và tự ôn ở nhà

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Nguyễn Văn Chung (1999), *Giáo trình Taekwondo*, NXB Thể Dục Thể Thao, Hà Nội.

[2] Giáo trình Thể dục (tập 1)- NXB TDTT.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

Mạng internet

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành:

9.1. MÔN TAEKWONDO

TT	Giờ giảng của giảng viên (giờ)			Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/ lâm sàng	Số giờ/buổi	Các hình thức khác	
1	**- Giáo án số 1:** + Khái quát môn võ : nguồn gốc,lịch sử phát triển,luật thi đấu… + Tập 1 số khẩu thủ lệnh cơ bản. + Cách nắm đấm,cách đấm: trung đẳng, hạ đẳng, thượng đẳng. + Học các bước tấn cơ bản: tấn ngắn, tấn dài và trung bình tấn.	4		4
2	**- Giáo án số 2:** + Ôn lại các bước tấn đã học. + Đứng trung bình tấn đấm : trung đẳng, hạ đẳng, thượng đẳng + Học kĩ thuật đá tống trước.	4		4
3	**- Giáo án số 3:** + Ôn lại các bước tấn đã học. + Đứng trung bình tấn đấm : trung đẳng,hạ đẳng,thượng đẳng. + Ôn kĩ thuật đá tống trước. + Học các kĩ thuật tay cơ bản : gạt hạ đẳng,đỡ trung đẳng,đỡ thượng đẳng.	4		4
4	**- Giáo án số 4:**	4		4

	+ Ôn các kĩ thuật tay cơ bản. + Ôn kĩ thuật đá tống trước. + Kết hợp các kĩ thuật tay với tấn ngắn. + Kết hợp các kĩ thuật tay với tấn dài.			
5	**- Giáo án số 5:** + Ôn các kĩ thuật tay với tấn ngắn. + Ôn kĩ thuật tay với tấn dài. + Học kĩ thuật đối luyện: chống dao và 4bắt chân đánh ngã. + Tập hướng đi của bài quyền số 2(Taekwondo). + Học bài quyền số 2(taekwondo) 18 động tác,từ động tác số 1- 6.	4		4
6	**- Giáo án số 6:** + Ôn kĩ thuật đối luyện: chống dao và bắt chân đánh ngã. + Ôn hướng đi của bài quyền số 2 (taekwondo). + Ôn bài quyền số 2 từ động tác 1- 6. + Học tiếp bài quyền số 2 từ động tác 7- 18.	4		4
7	**- Giáo án số 7:** + Ôn kĩ thuật đối luyện. + Ôn bài quyền số 2.	4		4
8	**- Giáo án số 8 :** + Tổng ôn tập chuẩn bị thi kết thúc học phần.	2		2

9.2. MÔN AEROBIC.

TT	Giờ giảng của giảng viên (giờ)			Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/ lâm sàng	Số giờ/buổi	Các hình thức khác	
1	**- Giáo án số 1:** + Giới thiệu môn học Thể dục nhịp điệu(TDNĐ) + Phương pháp tự tập luyện môn học. + Tập 1 số khẩu lệnh cơ bản. + Học một số nội dung đội hình đội ngũ. + Học động tác 1 – 3 bài TDNĐ.	4		4
2	- **Giáo án số 2:** + Ôn động tác 1 – 3 bài TDNĐ. + Học động tác 4 – 6 bài TDNĐ. + Luyện tập động tác 1 – 6 bài TDNĐ.	4		4

3	**- Giáo án số 3:** + Ôn đông tác từ 1 – 6 bài TDNĐ. + Học động tác từ 7 – 9 bài TDNĐ. + Luyện tập động tác 1 – 9 bài TDNĐ.	4		4
4	**- Giáo án số 4:** + Ôn đông tác từ 1 – 9 bài TDNĐ. + Làm quen với nhạc tập.	4		4
5	**- Giáo án số 5:** + Ôn đông tác từ 1 – 9 bài TDNĐ. + Học động tác từ 10 – 12 bài TDNĐ. + Luyện tập động tác 1 – 12 bài TDNĐ. + Luyện tập với nhạc.	4		4
6	**- Giáo án số 6:** + Hoàn thiện bài TDNĐ chuẩn bị thi kết thúc học phần. + Luyện tập với nhạc.	4		4
7	**- Giáo án số 7:** + Hoàn thiện bài TDNĐ	4		4
8	**- Giáo án số 8 :** + Tổng ôn tập chuẩn bị thi kết thúc học phần.	2		4

10.Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

- Phương pháp làm mẫu,trực quan, thuyết trình...
- SV học theo hình thức cả lớp hoặc nhóm

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Phải có dung cụ tập luyện, nhạc nền cho bài tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Trang phục TDTT đúng quy định
- SV vắng 20% số tiết sẽ không đủ điều kiện thi kết thúc học phần

(các quy định của học phần (nếu có), ví dụ: sinh viên không nộp bài tập và bài báo cáo đúng thời hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ…).

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Bài thực hành			
2	**Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng**			
	Thực hành trên sân tập	100%	Thi theo nhóm kết hợp với nhạc	CĐR1 đến CĐR 3

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
		Nguyễn Thị Hương Giang

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
NGŨ GIA QUYỀN (tên học phần, mô đun viết hoa)

Đối tượng đào tạo: Y đa khoa
Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Học phần 2
* Tiếng Việt: **NGŨ GIA QUYỀN**
* Tiếng Anh: FIVE FAMILIES KUNG FU
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 1
- Đối tượng học (năm thứ): 1
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc x	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Học phần tiên quyết: Không bắt buộc
- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn GDTC& GDQP

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Th.s. Trương Hữu Hoà	0986438166	hoagdtc.qp@gmail.com
2	Th.s. Nguyễn Việt Hà	0973764313	hitendra1387@gmail.com
3	Th.s. Nguyễn Quang Hưng	0974288588	nguyenhung.vatm@gmail.com
4	Th.s. Đặng Danh Nam	0946656788	danhnamdang@gmail.com
5	Th.s. Trần Thị Tú Quyên	0977958252	trantuquyengdtc@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
MT1	Kiến thức: - Nhớ và thực hiện các kỹ thuật động tác đã học. - Nâng cao thể lực, phục hồi và tăng cường chức năng vận động của hệ thống khớp, cơ bắp và các cơ quan nội tạng. - Tăng cường phản xa thần kinh, sự linh hoạt, khéo léo, chức năng thăng bằng. - Giải tỏa các ức chế tâm lý, thư giãn thần kinh, tập trung tư tưởng.	CĐR2 CĐR 9 CĐR 13	*Bloom 2001*
MT2	Kỹ năng: - Giúp sinh viên hình thành kỹ năng vận động, khả năng định hình và phối hợp thực hiện động tác. - Phối hợp động tác trong bài một cách liên hoàn nhịp nhàng uyển chuyển. - Tăng cường khả năng giao tiếp, làm chủ thần kinh trong ứng sử xã hội và có khả năng tự bảo vệ khi cần thiết. - Nâng cao sức chịu đựng của cơ thể, phát huy nội lực, lòng tự tin và tính sáng tạo. - Nâng cao khả năng hoạt động nhóm - Tăng khả năng phối hợp vận động của cơ thể với nhạc. - Vận dụng những kiến thức đã học để thường xuyên luyện tập TDTT nhằm nâng cao sức khoẻ để học tập và công tác tốt.	CĐR2 CĐR 9 CĐR 13	*Dave 1975*
MT3	Mức độ tự chủ và trách nhiệm; - Có ý thức tổ chức kỷ luật, phát huy tính tự giác tích cực trong giờ học cũng như tự luyện tập. - Nâng cao ý thức đoàn kết tập thể, hoàn thiện nhân và tư tưởng của con người chủ nghĩa xã hội.	CĐR2 CĐR 9 CĐR 13	*Krathwohl 1973*

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
MT1: - Nhớ và thực hiện các kỹ thuật động tác đã học. - Nâng cao thể lực, phục hồi và tăng cường chức năng vận động của hệ thống khớp, cơ bắp và các cơ quan nội tạng. - Tăng cường phản xa thần kinh, sự linh hoạt, khéo léo, chức năng thăng bằng. - Giải tỏa các ức chế tâm lý, thư giãn thần kinh, tập trung tư tưởng.	CĐR1: Trang bị kiến thức cơ bản về Giáo dục thể chất, thể dục dưỡng sinh.
MT2: Hình thành kỹ năng vận động, khả năng định hình và phối hợp thực hiện động tác.	CĐR2: Hình thành được kỹ năng vận động, rèn luyện khả năng phối hợp vận động nhanh, mạnh, bền, mềm dẻo, khéo léo, phát triển thể lực.
MT3: - Tăng khả năng phối hợp vận động của cơ thể với nhạc. - Nâng cao ý thức đoàn kết tập thể. - Vận dụng những kiến thức đã học để thường xuyên luyện tập TDTT nhằm nâng cao sức khoẻ để học tập và công tác tốt.	CĐR3: Vận dụng được những kiến thức đã học vào tự luyện tập sức khỏe và rèn luyện ý chí trong tập luyện.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun			
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	
Nội dung: Ngũ gia quyền	2	3	2	

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Đây là một bài quyền tổng hợp từ các tư thế, chiêu thức của nhiều dòng võ thuật nổi tiếng của Việt Nam và Trung Quốc.

Môn học trang bị cho người học: Những tư thế, chiêu thức được chọn lọc với ý nghĩa vận động tổng hợp của cơ, khớp toàn thân. Động tác ngắn gọn đủ 4 hướng vận dụng liên hoàn cả 2 bên tả và hữu.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
NGŨ GIA QUYỀN	**30**	**30**	Học trực tiếp trên lớp và tự ôn ở nhà

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

….

8.3. Phần mềm:

[…] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành: NGŨ GIA QUYỀN

TT	Giờ giảng của giảng viên (giờ)			Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/ lâm sàng	Số giờ/buổi	Các hình thức khác	
1	**- Giáo án số 1:** + Giới thiệu môn học. + Học bài khởi động. + Học tư thế chào và chuẩn bị. + Học từ thế 1 - 3	4		4
2	- **Giáo án số 2:** + Ôn thế 1 – 3. + Học từ thế 4 – 8. + Luyện tập từ thế 1 – 8.	4		4
3	**- Giáo án số 3:** + Ôn thế 1 – 8. + Học từ thế 8 – 13. + Luyện tập từ thế 1 – 13.	4		4
4	**- Giáo án số 4:** + Ôn thế 1 – 13. + Học từ thế 14 – 18. + Luyện tập từ thế 1 – 18.	4		4
5	- **Giáo án số 5:** + Luyện tập 18 thế. + Tập đi bốn cửa bài quyền	4		4
6	**- Giáo án số 6:** + Hoàn thiện đi bốn cửa bài quyền + Hướng cách thức thi kết thúc học phần.	4		4
7	**- Giáo án số 7:** + Tổng ôn tập chuẩn bị thi kết thúc học phần	4		4
8	**- Giáo án số 8 :** + Tổng ôn tập chuẩn bị thi kết thúc học phần.	2		2

10.Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR1 đến CĐR 3

- Phương pháp làm mẫu, trực quan, thuyết trình...
- SV học theo hình thức cả lớp hoặc nhóm

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Phải có dung cụ tập luyện, nhạc nền cho bài tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Trang phục TDTT đúng quy định
- SV vắng 20% số tiết sẽ không đủ điều kiện thi kết thúc học phần.

(các quy định của học phần (nếu có), ví dụ: sinh viên không nộp bài tập và bài báo cáo đúng thời hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ…).

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Bài thực hành			
2	**Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng**			
	Thực hành trên sân tập.	100%	Thi theo nhóm	CĐR1 đến CĐR3

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Nguyễn Thị Hương Giang

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
THÁI CỰC QUYỀN (tên học phần, mô đun viết hoa)

Đối tượng đào tạo: Y đa khoa. Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Học phần 3

* Tiếng Việt: **THÁI CỰC QUYỀN**

* Tiếng Anh: TAI CHI CHUAN

- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 1
- Đối tượng học (năm thứ): 2
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc x	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Học phần tiên quyết: Không bắt buộc
- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn GDTC& GDQP

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Th.s. Nguyễn Việt Hà	0973764313	hitendra1387@gmail.com
2	Th.s. Nguyễn Quang Hưng	0974288588	nguyenhung.vatm@gmail.com
3	Th.s. Đặng Danh Nam	0946656788	danhnamdang@gmail.com
4	Th.s. Lê Thị Vân Trang	0983562557	minhchinhgiapngo@gmail.com
5	Th.s. Nguyễn Thị Thu Trang	0978897299	tranganh19871984@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
MT1	Kiến thức: - Nhớ và thực hiện các kỹ thuật động tác đã học.	CĐR2 CĐR 9	*Bloom 2001*

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	- Nâng cao thể lực, phục hồi và tăng cường chức năng vận động của hệ thống khớp, cơ bắp và các cơ quan nội tạng. - Tăng cường phản xa thần kinh, sự linh hoạt, khéo léo, chức năng thăng bằng. - Giải tỏa các ức chế tâm lý, thư giãn thần kinh, tập trung tư tưởng.	CĐR 13	
MT2	Kỹ năng: - Giúp sinh viên hình thành kỹ năng vận động, khả năng định hình và phối hợp thực hiện động tác. - Phối hợp động tác trong bài một cách liên hoàn nhịp nhàng uyển chuyển. - Tăng cường khả năng giao tiếp, làm chủ thần kinh trong ứng sử xã hội và có khả năng tự bảo vệ khi cần thiết. - Nâng cao sức chịu đựng của cơ thể, phát huy nội lực, lòng tự tin và tính sáng tạo. - Nâng cao khả năng hoạt động nhóm - Tăng khả năng phối hợp vận động của cơ thể với nhạc. - Vận dụng những kiến thức đã học để thường xuyên luyện tập TDTT nhằm nâng cao sức khoẻ để học tập và công tác tốt.	CĐR2 CĐR 9 CĐR 13	*Dave 1975*
MT3	Mức độ tự chủ và trách nhiệm; - Có ý thức tổ chức kỷ luật, phát huy tính tự giác tích cực trong giờ học cũng như tự luyện tập. - Nâng cao ý thức đoàn kết tập thể, hoàn thiện nhân và tư tưởng của con người chủ nghĩa xã hội.	CĐR2 CĐR 9 CĐR 13	*Krathwohl 1973*

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	**CĐR của học phần/ mô đun**
MT1: - Nhớ và thực hiện các kỹ thuật động tác đã học. - Nâng cao thể lực, phục hồi và tăng cường chức năng vận động của hệ thống khớp, cơ bắp và các cơ quan nội tạng. - Tăng cường phản xa thần kinh, sự linh hoạt, khéo léo, chức năng thăng bằng. - Giải tỏa các ức chế tâm lý, thư giãn thần kinh, tập trung tư	CĐR1: Trang bị kiến thức cơ bản về Giáo dục thể chất, thể dục dưỡng sinh và TCQ.

tưởng.	
MT2: Hình thành kỹ năng vận động, khả năng định hình và phối hợp thực hiện động tác.	CĐR2: Hình thành được kỹ năng vận động, rèn luyện khả năng phối hợp vận động nhanh, mạnh, bền, mềm dẻo, khéo léo, phát triển thể lực.
MT3: - Tăng khả năng phối hợp vận động của cơ thể với nhạc. - Nâng cao ý thức đoàn kết tập thể. - Vận dụng những kiến thức đã học để thường xuyên luyện tập TDTT nhằm nâng cao sức khoẻ để học tập và công tác tốt.	CĐR3: Vận dụng được những kiến thức đã học vào tự luyện tập sức khỏe và rèn luyện ý chí trong tập luyện.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**			
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	
Nội dung : Thái cực quyền	2	3	2	

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Thái Cực Quyền (TCQ) là môn võ thuật bắt nguồn từ Trung Quốc, trong tiến trình phát triển TCQ đã vươn rộng ra khắp thế giới và trở nên gần gũi với nhiều nền văn hòa trong đó có Việt Nam chúng ta. Dưới góc nhìn khoa học hiện đại môn TCQ dưỡng sinh đã được công nhận mang lại nhiều lợi ích tích cực trong việc nâng cao sức khỏe, đẩy lùi bệnh tật và là phương pháp rèn luyện phù hợp với nhiều lứa tuổi, giới tính. Nhiều nơi trên thế giới coi môn TCQ là một môn thể dục dưỡng sinh và là một môn thuộc về " Y học thay thế " nên rất phù hợp để đưa vào giảng dạy cho đối tượng sinh viên ngành Y, Dược.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Thời gian thực tập (tiết)**	**Thời gian tự học (giờ)**	**Yêu cầu đối với sinh viên**
THÁI CỰC QUYỀN	**30**	**30**	Học trực tiếp trên lớp và tự ôn ở nhà

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Giáo trình Thái cực quyền học viện YDHCT Việt Nam

[2] Thái cực quyền dưỡng sinh- NXB Phương Đông

[3] Thái cực quyền dưỡng sinh (24 thức)- NXB trẻ

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

Video trên mạng internet

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành: THÁI CỰC QUYỀN

TT	Giờ giảng của giảng viên (giờ)			Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/ lâm sàng	Số giờ/buổi	Các hình thức khác	
1	**- Giáo án số 1:** + Giới thiệu môn học. + Học bài khởi động. + Học tư thế khởi thức. + Học từ thức 1 – 3	4		4
2	**- Giáo án số 2:** + Ôn từ thức 1 – 3 + Học từ thức 4 – 6	4		4
3	**- Giáo án số 3:** + Ôn từ thức 1 – 6 + Học từ thức 7-9 + Luyện tập với nhạc	4		4
4	**- Giáo án số 4:** + Ôn từ thức 1 – 9 + Học từ thức 10-14 + Luyện tập với nhạc	4		4
5	**- Giáo án số 5:** + Luyện tập 1-14 + Học từ thức 15-19 + Luyện tập với nhạc	4		4
6	**- Giáo án số 6:** + Ôn từ thức 1-19 + Học từ thức 20-24 + Luyện tập với nhạc	4		4
7	**- Giáo án số 7:** + Ôn tập với nhạc	4		4
8	**- Giáo án số 8 :** + Tổng ôn tập chuẩn bị thi kết thúc học phần.	2		2

10.Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR 3

- Phương pháp làm mẫu, trực quan, thuyết trình...
- SV học theo hình thức cả lớp hoặc nhóm

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Phải có dung cụ tập luyện, nhạc nền cho bài tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Trang phục TDTT đúng quy định
- SV vắng 20% số tiết sẽ không đủ điều kiện thi kết thúc học phần.

(các quy định của học phần (nếu có), ví dụ: sinh viên không nộp bài tập và bài báo cáo đúng thời hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ…).

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Bài thực hành			
2	**Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng**			
	Thực hành trên sân tập	100%	Thi theo nhóm kết hợp với nhạc	CĐR1 đến CĐR3

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Nguyễn Thị Hương Giang

GIẢI THÍCH MỘT SỐ KÝ HIỆU

(3) Ký hiệu mục tiêu bằng ký hiệu MT từ 1,2,….;

(4) Ký hiệu chuẩn đầu ra bằng ký hiệu CĐR từ 1,2,….;

(3) Mô tả CĐR theo thang Bloom;

(4) Thang trình độ năng lực:

Trình độ năng lực	Mô tả
0.0 -> 2.0	Nhớ (trình bày, định nghĩa, liệt kê,...)
2.0 -> 3.0	Hiểu (giải thích, mô tả, nhận xét,…)
3.0 -> 3.5	Áp dụng (vận dụng, chỉ ra, minh họa,…)
3.5 -> 4.0	Phân tích (phân biệt, phân tích, khảo sát,…)
4.0 -> 4.5	Đánh giá (đánh giá, so sánh, liên hệ, nhận định,…)
4.5 -> 5.0	Sáng tạo (thiết kế, đề xuất, tổ chức,…)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
DÂN SỐ HỌC

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Dân số học

* Tiếng Việt: Dân số học

* Tiếng Anh: Demography

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 1,5

- Đối tượng học (năm thứ): Học kỳ 1 năm thứ 2.

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc X	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

1. - Các học phần tiên quyết/học trước: Sinh viên phải học xong môn Tổ chức quản lý y tế

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 22,5 tiết

+ Lý thuyết: 22,5 tiết

+ Bài tập: 0 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết

+ Kiểm tra: 0 tiết

+ Thời gian tự học: 24 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y tế công cộng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Thạc sỹ Nguyễn Văn Bình	0916359842	binhytcc2012@gmail.com
2	Thạc sỹ Lương Thị Thu Hà	0974899244	bshaytcc@gmail.com
3	Thạc sỹ Bàng Thị Hoài	0977045888	thuhoaiytcc@gmail.com
4	Thạc sỹ Nguyễn Thanh Nga	0369203688	nguyenthanhnga555@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
G1	Kiến thức: - Trình bày được các nội dung cơ bản về Dân số như dân số học, biến động dân số, các phương pháp đo lường mức sinh, chết và chính sách, chiến lược dân số trong giai đoạn hiện nay. - Phân tích được thực trạng công tác dân số trong giai đoạn hiện nay ở Việt Nam	*CĐR2, CĐR5* *CĐR BSYHCT*	4
G2	**Kỹ năng** : - Biết tính các chỉ số đo lường mức sinh, mức tái sinh sản. - Biết đo lường mức tử vong, mức độ bệnh tật.	*CĐR7, CĐR11* *CĐR BSYHCT*	4
G3	- Nhận thức được tầm quan trọng của công tác Dân số trong giai đoạn hiện nay ở nước ta.	*CĐR14,* *CĐR15,CĐR17* *CĐR BSYHCT*	4

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	**CĐR của học phần/ mô đun**
Kiến thức	
MT1: Xác định được các nội dung cơ bản về Dân số như dân số học, biến động dân số, các phương pháp đo lường mức sinh, chết và chính sách, chiến lược dân số trong giai đoạn hiện nay.	*CĐR2, CĐR5* *CĐR BSYHCT*

Kỹ năng	
MT2: Thực hành tính các chỉ số đo lường mức sinh, mức tái sinh sản, đo lường mức tử vong, mức độ bệnh tật.	*CĐR7, CĐR11* *CĐR BSYHCT*
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3: Nhận thức được tầm quan trọng của công tác Dân số trong giai đoạn hiện nay ở nước ta.	*CĐR14, CĐR15,CĐR17* *CĐR BSYHCT*

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**						
	CĐR2	CĐR5	CĐR7	CĐR11	CĐR14	CĐR15	CĐR17
Bài 1: Nhập môn Dân số học và các quan điểm Dân số	3	3	3	3	3	3	3
Bài 2: Nguồn số liệu dân số	3	3	3	3	3	3	3
Bài 3: Quy mô, phân bố, cơ cấu dân số	3	3	3	3	3	3	3
Bài 4: Đo lường mức sinh và các yếu tố ảnh hưởng đến mức sinh	3	3	3	3	3	3	3
Bài 5: Đo lường mức tử vong và các yếu tố ảnh hưởng đến mức tử vong	3	3	3	3	3	3	3
Bài 6: Di dân và đô thị hóa	3	3	3	3	3	3	3
Bài 7: Dự báo dân số	3	3	3	3	3	3	3
Bài 8: Dân số phát triển Kinh tế	3	3	3	3	3	3	3

Bài 9: Dân số và giáo dục	3	3	3	3	3	3	3
Bài 10: Dân số và Y tế	3	3	3	3	3	3	3
Bài 11: Chính sách dân số	3	3	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Module dân số học sẽ giúp cho sinh viên được trang bị những kiến thức dân số, các yếu tố ảnh hưởng đến sự gia tăng dân số, tổ chức ngành dân số Việt Nam. Sinh viên cũng được học về các chính sách, chiến lược dân số trong giai đoạn hiện nay.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy học**					**Yêu cầu đối với sinh viên**
	Lên lớp (Tiết)				**Tự học (Giờ)**	
	LT	**TH**	**BT/TL/KT**	**Tổng cộng**		
Bài 1: Nhập môn Dân số học và các quan điểm Dân số	2,5	0	0	2,5		Phân tích được khái niệm dân số, lịch sử ngành dân số học và trình bày được các quan điểm dân số qua các thời kỳ.
Bài 2: Nguồn số liệu dân số	0	0	0	0	06	**TỰ ĐỌC** Khai thác được nguồn số liệu về dân số.
Bài 3: Quy mô, phân bố, cơ cấu dân số	0	0	0	0	06	**TỰ ĐỌC** Phân tích được khái niệm quy mô, cơ cấu và phân bố dân số.
Bài 4: Đo lường mức sinh và các yếu tố ảnh hưởng đến mức sinh	04	0	0	04		Thực hiện được cách đo lường mức sinh và phân tích được các yếu tố ảnh hưởng.
Bài 5: Đo lường mức tử vong và các yếu tố ảnh hưởng đến	04	0	0	04		Thực hiện được cách đo lường mức tử và phân tích được các yếu tố ảnh hưởng.

mức tử vong						
Bài 6: Di dân và đô thị hóa	03	0	0	03		Phân tích khái niệm di dân và đô thị hóa.
Bài 7: Dự báo dân số	0	0	0	0	06	**TỰ ĐỌC** Trình được khái niệm về dự báo dân số.
Bài 8: Dân số phát triển Kinh tế	03	0	0	03		Phân tích khái niệm dân số phát triển Kinh tế.
Bài 9: Dân số và giáo dục	0	0	0	0	06	**TỰ ĐỌC** Phân tích khái niệm dân số và giáo dục.
Bài 10: Dân số và Y tế	03	0	0	03		Phân tích khái niệm dân số và Y tế.
Bài 11: Chính sách dân số	03	0	0	03		Phân tích khái niệm chính sách dân số.

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

- Giáo trình học tập chính:

1. Học Viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2017). Tài liệu hướng dẫn học phần Dân số học. Dùng cho đào tạo sinh viên Đại học ngành YHCT và BS Đa khoa. Lưu hành nội bộ.

-Tài liệu tham khảo:

2. Trường Đại học Y Hà Nội - Bộ môn Dân số học (2009), *Dân số học (Sách đào tạo hệ Bác sỹ y học dự phòng)*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
3. Trường Đại học Y tế công cộng (2006), *Giáo trình Dân số và phát triển*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	5,5	0	0	0	0	06
2	07	0	0	0	0	06
3	06	0	0	0	0	06
4	04	0	0	0	0	06

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x Động não □ Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề x Hoạt động nhóm x Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống x Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR ... đến CĐR ....
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ....
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80. %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

✓

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần	0	số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %;	CĐR14,CĐR15,CĐR17
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn, ...	0		
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính	100%		CĐR12,CĐR5,CĐR7, CĐR11

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là *điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:

Sinh học và Di truyền

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Sinh học và Di truyền

* Tiếng Anh: Biology and Genetics

- Mã học phần/ mô đun: BIOL1001

- Số tín chỉ: 2.5 LT/0.5 TH/LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập:142.5 tiết

+ Lý thuyết: 37.5 tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng:15 tiết

+ Bài tập:..... tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: .....tiết

+ Kiểm tra:.....tiết

+ Thời gian tự học: 90 tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Bác sỹ đa khoa năm thứ nhất

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐						
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☒		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu):

+ Học phần học trước (đã học):

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Sinh học và Di truyền

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	Vi Thị Hiếu	0986280525	Bộ môn Sinh học và Di truyền	hieudaotaovatm@gmail.com
2	Đỗ Thị Tố Uyên	0978787666	Bộ môn Sinh học và Di truyền	Dothitouyen76@gmail.com
3	Phạm Thị Thanh Hương	0983896944	Bộ môn Sinh học và Di truyền	Phhuong08@gmail.com
4	Trịnh Thị Hào	0967917956	Bộ môn Sinh học và Di truyền	nhuhaotk@gmail.com
5	Hoàng Thị Thu Phương	0989346833	Bộ môn Sinh học và Di truyền	phuongsinhvatm@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Áp dụng được cơ sở khoa học của tế bào và mối quan hệ giữa các tế bào, mô, hệ cơ quan trong cơ thể để giải thích các vấn đề liên quan đến sức khỏe và bệnh tật.
MT HP2	Giải thích được quy luật di truyền , biến dị và ảnh hưởng của môi trường lên sức khỏe, bệnh tật, hướng phòng bệnh và phát triển nghề nghiệp.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	3	4	5	6
MT HP1		2				
MT HP2		2				

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Vận dụng được các kiến thức cơ sở khoa học của tế bào và mối quan hệ giữa các tế bào, mô, hệ cơ quan trong cơ thể để giải thích các vấn đề liên quan đến sức khỏe và bệnh tật.
CLO2	Thực hiện được các tiêu bản và thí nghiệm

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	10	11	12	13	14	15
CLO 1		3													
CLO 2		3													

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: Không

6.1.3. Thực hành: Tổ chức dạng SEMINAR

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải có giáo trình.

- Sinh viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% bài thi thực hành.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Sinh học gồm 3 tín chỉ (2.5 tín chỉ lý thuyết; 0.5 tín chỉ thực hành). Học phần Sinh học chứa đựng nội dung về tế bào, Sinh học phát triển cá thể, nguyên lý sinh thái, hệ thống sinh giới, đột biến NST, đột biến gen, một số kỹ thuật sinh học ứng dụng trong Y học, di truyền đơn gen, di truyền đa gen đa nhân tố ở người, di truyền nhóm máu, bất thường bẩm sinh và di truyền ung thư và kỹ năng thực hành cơ bản nhất của sinh học ứng dụng trong Y học và chăm sóc sức khỏe.

Học phần giúp người học hiểu, hệ thống hóa các kiến thức về Sinh học và Di truyền để vận dụng vào các hoạt động của cá nhân và tổ chức trong quá trình hành nghề Y.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của Sinh viên**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (2	Các chất vô cơ và hữu cơ I. Các nguyên tố tạo sự sống II. Các hợp chất vô	2/0/4	Vận dụng các kiến thức của bài học để giải thich các	CLO1	1. Thuyết trình	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy	Không

tiết)	cơ trong cơ thể sinh vật III. Các hợp chất hữu cơ IV. Trạng thái lý học của nguyên sinh chất (*)		nguyên tố cấu tạo nên tế bào		2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
Buổi 1 (2 tiết) Buổi 2 (4 tiết)	Sinh học tế bào I. Lược sử hình thành tế bào học và học thuyết tế bào (*) II. Tế bào và hệ thống sinh giới III. Cấu trúc và chức năng của tế bào IV. Sự phân chia tế bào V. Sự chết tế bào có chương trình (Apoptosis)	6/0/12	Vận dụng các kiến thức vào chăm sóc sức khỏe, hồi phục, sinh trưởng, phát triển, sinh sản tế bào. Chống lão hóa tế bào.	CLO1	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
Buổi 3 (4 tiết)	Sinh học phát triển cá thể I. Khái niệm II. Các phương thức sinh sản của sinh vật III. Quá trình phát triển cá thể của động vật IV. Cơ chế điều khiển sự phát triển của phôi(*) V. Một số thực nghiệm về phôi VI. Sự tái sinh(*) VII. Đa phôi	4/0/8	vận dụng các kiến thức vào chăm sóc sức khỏe theo lứa tuổi.	CLO1	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
	Nguyên lý Sinh thái	2/0/4	Phân tích được ảnh	CLO1	1. Thuyết	1. Nghe, ghi	

Buổi 4 (2 tiết)	PhầnI. Hệ thống sinh giới I. Một số khái niệm chung II. Một số vấn đề của sinh cảnh III. Loài người và môi trường ngoại cảnh		hưởng của các nhân tố vô sinh, hữu sinh đến sức khoẻ con người. Vận dụng các kiến thức vào chăm sóc sức khỏe.		trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	Không
Buổi 4 (2 tiết)	Hệ thống Sinh giới I.Phân loại học II. Phân chia sinh giới PHẦN II. ĐA DẠNG SINH HỌC(*) I. Khái niệm II. Tầm quan trọng của việc nghiên cứu đa dạng sinh học. III. Hiện trạng của đa dạng sinh học	2/0/4	Vận dụng các kiến thức để phòng các bệnh do vi khuẩn, virus, động vật nguyên sinh, nấm và những côn trùng, giun sán gây nên.	CLO1	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	Không
Buổi 5 (4 tiết)	Đột biến nhiễm sắc thể và các hội chứng bệnh liên quan đến rối loạn nhiễm sắc thể của người I. Những phương pháp xét nghiệm NST của người I. Vật thể giới tính của	4/0/8	Vận dụng các kiến thức vào tư vấn di truyền, chẩn đoán trước sinh để chăm sóc	CLO1	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy	Không

	người III. Đặc điểm bộ nhiễm sắc thể của người IV. Đột biến nhiễm sắc thể V. Chỉ định xét nghiệm nhiễm sắc thể VI. Giới thiệu một số hội chứng bệnh liên quan đến rối loạn nhiễm sắc thể VII. Đa bội thể ở người		sức khỏe		quyết vấn đề	nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
Buổi 6 (4 tiết)	MỘT SỐ KỸ THUẬT SINH HỌC PHÂN TỬ ỨNG DỤNG TRONG Y HỌC – GIỚI THIỆU BỘ GEN NGƯỜI I. Kỹ thuật tách chiết,điện di ADN II. Enzym giới hạn – phân đoạn ADN III. Phương pháp nhân ADN in vitro (Polymerase Chain Reaction: PCR) IV. Xác định trình tự Nucleotid trong phân tử ADN (Sequencing) V. Lai acid Nucleic VI. RFLP (*)(Restriction Fragment Length Polymorphisms) VII. Dấu ấn ADN (DNA Fingerprinting) VIII. Kỹ thuật chuyển gen	4/0/8	Vận dụng các kiến thức vào xét nghiệm gen và chẩn đoán bệnh di truyền.	CLO1	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	Không

	– liệu pháp gen (*) GIỚI THIỆU BỘ GEN NGƯỜI (*)						
Buổi 7 (4 tiết)	Đột biến gen I. Đột biến gen II. Đột biến gen liên quan đến bất thường của phân tử Protein không phải enzym:bệnh Hemoglobin và rối loạn các yếu tố đông máu *III. Bệnh Hemoglobin do bất thường số lượng chuỗi globin (Thalassemia).* IV. Đột biến gen gây rối loạn các yếu tố đông máu V. Bệnh rối loạn chuyển hóa bẩm sinh (Inborn errors of Metabolism *(*)*	4/0/8	Vận dụng các kiến thức vào xét nghiệm chẩn đoán di truyền phân tử.	CLO1	1. Thuyết trình 2. Động não	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời	Không
Buổi 8 (4 tiết)	Di truyền đơn gen I. Phân loại các nhóm bệnh do rối loạn vật chất di truyền gây nên II. Các tính trạng và rối loạn kiểu Mendel	4/0/8	Vận dụng các kiến thức vào chẩn đoán bệnh do di truyền đơn gen gây nên	CLO1	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	Không
	Di truyền nhóm máu I. Di truyền nhóm máu	2/0/4	Giải thích cơ sở di	CLO1	1. Thuyết	1. Nghe, ghi	Không

Buổi 9 (2 tiết)	II. Cơ sở di truyền đặc tính miễn dịch		truyền các nhóm máu và ứng dụng các kiến thức vào huyết học truyền máu.		trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
Buổi 9 (2 tiết)	Di truyền đa gen I. Các định nghĩa II. Đặc điểm của di truyền đa nhân tố III. Một số bệnh,tính trạng di truyền đa gen ở người VI. Dự báo nguy cơ tái hiện bệnh ở thế hệ sau	2/0/4	Giải thích được các nguyên lý dự báo nguy cơ tái mắc tật, bệnh di truyền đa gen, đa nhân	CLO1	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	Không
Buổi 10(2 tiết)	Bất thường bẩm sinh I. Khái niệm II. Phân loại bất thường bẩm sinh III. Nguyên nhân phát sinh bất thường bẩm sinh IV. Các giai đoạn phát sinh	2/0/4	Vận dụng các kiến thức vào chăm sóc và phòng ngừa bất thường bẩm sinh.	CLO1	1. Thuyết trình 2. Động não	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời	

	bất thương bẩm sinh						
Buổi 10 (2 tiết)	Di truyền ung thư I. Kiểm soát sinh trưởng và biệt hóa tế bào II. Nguyên nhân phát sinh ung thư III. Cơ chế phát sinh ung thư IV. Thuyết nhiều tác động của sự phát sinh ung thư V. Các loại gen ung thư (cancer genes) VI. Ung thư và một số dạng đột biến	2/0/4	Vận dụng các kiến thức vào phòng và điều trị ung thư.	CLO1	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	Không

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Hình thức:

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/ LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	BÀI 1 KÍNH HIỂN VI QUANG HỌC	2/0/4	Quan sát được một số loại tế bào: tủy sống, tiểu não	CLO2	Kính hiển vi, các dụng cụ thực	Dạy học bằng phương pháp mẫu thực hành lại dựa vào bảng kiểm	1. Nghe 2. Trả lời 3. Ghi chép, trao đổi	Kiểm tra đánh giá

Buổi 1 (2 tiết)			bằng kính hiển vi - Làm được tiêu bản biểu bì hành,		hành, mẫu vật là hành củ, và tiêu bản có sẵn	- Luyện tập và thực hành (trực tiếp)	4. Tiến hành thực nghiệm 5. Viết báo cáo	
Buổi 1 (2 tiết)	BÀI 2 HÌNH THỂ VÀ NHÂN TẾ BÀO	2/0/4	Quan sát được một số loại tế bào: máu.., bằng kính hiển vi - Làm được tiêu bản biểu bì cà chua	CLO2	Kính hiển vi, các dụng cụ thực hành, mẫu vật cà chua, và tiêu bản có sẵn.	Dạy học bằng phương pháp mẫu thực hành lại dựa vào bảng kiểm - Luyện tập và thực hành (trực tiếp)	1. Nghe 2. Trả lời 3. Ghi chép, trao đổi 4. Tiến hành thực nghiệm 5. Viết báo cáo	Kiểm tra đánh giá
Buổi 2 (2 tiết) Buổi 2 (2 tiết)	Bài 3. MỘT SỐ BÀO QUAN VÀ THỂ VÙI TRONG TẾ BÀO MỘT SỐ BÀO QUAN VÀ THỂ VÙI TRONG TẾ BÀO	2/0/4	Quan sát được một số loại tế bào: tinh thể oxalat calci trong vỏ củ hành khô bằng kính hiển vi - Làm được tiêu bản tinh bột khoai tây trong thông tư 52/2017/TT-BYT về Kê đơn thuốc	CLO2	Kính hiển vi, các dụng cụ thực hành, mẫu vật tinh bột khoai tây và tiêu bản có sẵn.	Dạy học bằng phương pháp mẫu thực hành lại dựa vào bảng kiểm - Luyện tập và thực hành (trực tiếp)	1. Nghe 2. Trả lời 3. Ghi chép, trao đổi 4. Tiến hành thực nghiệm 5. Viết báo cáo	

Buổi 3 (2 tiết)	BÀI 4 TRAO ĐỔI NƯỚC VÀ CÁC CHẤT HOÀ TAN QUA MÀNG TẾ BÀO	2/0/4	Quan sát và làm được tiêu bản co nguyên sinh và phản co nguyên sinh ở biểu bì lá sò huyết Giải thích hiện tượng co và phản co nguyên sinh ở biểu bì lá sò huyết	*CLO 2*	Kính hiển vi, các dụng cụ thực hành, mẫu vật lá sò huyết	Dạy học bằng phương pháp mẫu thực hành lại dựa vào bảng kiểm - Luyện tập và thực hành (trực tiếp)	1. Nghe 2. Trả lời 3. Ghi chép, trao đổi 4. Tiến hành thực nghiệm 5. Viết báo cáo	Kiểm tra đánh giá
Buổi 3 (2 tiết)	BÀI 5 PHÂN BÀO NGUYÊN NHIỄM	2/0/4	Quan sát được hình thức sinh sản của tế bà: nguyên phân rễ hành ., bằng kính hiển vi	*CLO 2*	Kính hiển vi, các dụng cụ thực hành, tiêu bản nguyên phân rễ hành có sẵn,	Dạy học bằng phương pháp mẫu thực hành lại dựa vào bảng kiểm Luyện tập và thực hành (trực tiếp)	1. Nghe 2. Trả lời 3. Ghi chép, trao đổi 4. Tiến hành thực nghiệm 5. Viết báo cáo	Kiểm tra đánh giá
Buổi 4 (2 tiết)	BÀI 6 MỘT SỐ TẾ BÀO SINH DỤC VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT SINH	2/0/4	Quan sát được tiêu bản hạt phấn hoa đơn kim, hạt phấn hoa ly, tinh hoàn động vật	*CLO 2*		Dạy học bằng phương pháp mẫu thực hành lại dựa vào bảng kiểm Luyện tập và thực hành (trực	1. Nghe 2. Trả lời 3. Ghi chép, trao đổi 4. Tiến hành thực nghiệm 5. Viết	

	TINH TRÙNG		bằng kính hiển vi			tiếp)	báo cáo	
Buổi 4(2 tiết)	Bài 7 PHÂN TÍCH BỘ NHIỄM SẮC THỂ NGƯỜI BÌNH THƯỜNG, BẤT THƯỜNG VÀ XẾP BỘ NHIỄM SẮC THỂ NGƯỜI (LẬP KARYOTYP)	2/0/4	Phân tích bộ NST người bình thường và bất thường	*CLO 2*	Bộ nhiễm sắc thể có sẵn	Dạy học thảo luận nhóm Luyện tập và thực hành (trực tiếp)m	1. Nghe 2. Trả lời 3. Ghi chép, trao đổi 4. Tiến hành thực nghiệm 5. Viết báo cáo	
Buổi 4 (1 tiết)	BÀI 8 NGHIÊN CỨU MỘT SỐ BỆNH DI TRUYỀN ĐƠN GEN BẰNG PHƯƠNG PHÁP PHẢ HỆ	1/0/2	Làm được các bài tgập tình huống có sẵn và phân tích quy luật di truyền	*CLO 2*		Dạy học bằng bài tập tình huống Luyện tập và thực hành (trực tiếp)	1. Nghe 2. Trả lời 3. Ghi chép, trao đổi 4. Tiến hành thực nghiệm 5. Viết báo cáo	
Thi hết thực hành:								Chạy trạm

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Trọng số (%)	8.5 - 10 điểm	6.5 - 8.4 điểm	4.0 - 6.4 điểm	0 - 3.9 điểm
Thái độ tham dự	100	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/ không tham gia
Thời gian tham dự		Nếu nghỉ trên 8 tiết sẽ không được thi			

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

Bảng 9.2.2. Rubric: Đánh giá bài thực hành

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5-10 điểm	Khá 7.0-8.4 điểm	Trung bình 5.5 -6.9 điểm	Yếu 4.0-5.4	Kém 0-3.9 điểm
Kỹ năng làm bài thi thực hành	100	Kỹ năng làm tốt thành thạo, phân tích, đánh giá tốt	Kỹ năng làm thiếu 1-2 bước, phân tích, đánh giá khá tốt	Kỹ năng thiếu nhiều bước, phân tích, đánh giá chưa tốt	Kỹ năng thiếu nhiều bước, phân tích được những không đánh giá được	Không làm được, phân tích đánh giá chưa không phù hợp

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm đánh giá thường xuyên	10%	Điểm chuyên cần/thảo luận/kiểm tra	Thường xuyên	100%	Rubric 1	CLO1	Kế hoạch của BM
Điểm thực hành	30%	Thi thực hành	Bài thi	100%	Rubric 2	CLO2	Thi chạy trạm

Điểm thi kết thúc học phần/mô đun	60%	Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính	Bài thi	100%	Không	CLO1, CLO2	Theo Khế hoạch của HV

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Thời gian: 30 phút, tổng số 60 câu

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	**Trọng số**	**Tổng số câu hỏi**	**Số câu hỏi bậc 1**	**Số câu hỏi bậc 2**	**Số câu hỏi bậc 3**
CLO1	40%	24	9	10	5
CLO2	60%	36	10	18	8
Tổng	100	60	19	28	13

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết và Điểm thực hành theo bảng 9.3.1*

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm.
- Điểm thi kết thúc thực hành là trung bình cộng điểm của các bài thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết kiểm tra phần thực hành * 0.3 + Điểm tổng kết thi phần lý thuyết * 0.6 + Điểm kiểm tra * 0.1

Điểm đánh giá kết thúc học phần được tính theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ cho các chương trình đại học tại Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 975/QĐ-HVYDHCTVN ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1]. Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt nam, Bộ môn Sinh học và Di truyền (2022), *Giáo trình Sinh học đại cương*.

[2] Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt nam, Bộ môn Sinh học và Di truyền (2022), *Giáo trình Di truyền Y học*.

[3] Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt nam (2022), Giáo trình thực hành Sinh học và di truyền

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ Y tế (2008), *Di truyền Y học*, Nhà xuất bản Y học.

[2]. Bộ Y tế (2015), *Sinh học*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

[3] Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ môn Y Sinh học – Di truyền (2005), Thực tập Sinh học

11. Hướng dẫn thực hiện

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)

SINH HỌC VÀ DI TRUYỀN

(THỰC HÀNH)

(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày tháng năm 20…
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ đa khoa, Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Thực hành Sinh học và Di truyền

* Tiếng Anh: Biology and Genetics

- Mã học phần/ mô đun: BIOL1001

- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 0.5

- Đối tượng học (năm thứ): 41

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc x	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc	Tự chọn □	

- Học phần tiên quyết:

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn Sinh học và di truyền

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths. Vi Thị Hiếu	0986280525	hieudaotaovatm@gmail.com
2	Ths. Đỗ Thị Tố Uyên	0978787666	Dothitouyen76@gmail.com
3	Ths. Phạm Thị Thanh Hương	0983896944	Phhuong08@gmail.com
4	Ths. Trịnh Thị Hào	0967917956	nhuhaotk@gmail.com
5	Ths. Hoàng Thị Thu Phương	0989346833	phuongsinhvatm@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT1	Áp dụng được cơ sở khoa học của tế bào và mối quan hệ giữa các tế bào, mô, hệ cơ quan trong cơ thể để giải thích các vấn đề liên quan đến sức khỏe và bệnh tật.	[CĐR2]	3
MT2	Giải thích được quy luật di truyền và ảnh hưởng của môi trường lên sức khỏe, bệnh tật và hướng phòng bệnh.	[CĐR2]	3
	Kỹ năng		
MT3	Sử dụng và làm được các tiêu bản quan sát trên kính hiển vi	[CĐR2]	3
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	[CĐR2]	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: . Hiểu được cơ sở khoa học của tế bào và mối quan hệ giữa các tế bào, mô, hệ cơ quan trong cơ thể để giải thích các vấn đề liên quan đến sức khỏe và bệnh tật. **MT2**: Giải thích được quy luật di truyền và ảnh hưởng của môi trường lên sức khỏe, bệnh tật và hướng phòng bệnh.	**CLO1**: Áp dụng được cơ sở khoa học của tế bào và mối quan hệ giữa các tế bào, mô, hệ cơ quan trong cơ thể để giải thích các vấn đề liên quan đến sức khỏe và bệnh tật. **CLO 2**: Phân tích được quy luật di truyền và ảnh hưởng của môi trường lên sức khỏe, bệnh tật và hướng phòng bệnh
Kỹ năng	
MT3: Sử dụng được kính hiển vi quan sát một số loại tế bào: máu, nơron thần kinh tủy sống, nơron thần kinh tiểu não, tinh hoàn….	**CLO 3:** sử dụng kính hiển vi quan sát một số tiêu bản trên kính hiển vi
MT4.Làm được các tiêu bản: tế bào biểu bì hành, tế bào biểu bì cà chua, tinh thể oxalat calci trong vỏ củ hành khô, tinh bột khoai tây, trao đổi chất qua màng tế bào, hạt phấn hoa...	**CLO 4:** Làm được và sử dụng kính hiển vi quan sát một số tiêu bản trên kính hiển vi
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	**CLO 5**: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)**				
	1	2	3	4	5
Chương 1. Các nguyên tố của sự sống, những hợp chất vô cơ và hữu cơ của tế bào	1				
Chương 2. Sinh học tế bào	2			2	
Chương 3. Sinh học phát triển cá thể		2			
Chương 4. Nguyên lý sinh thái		2			
Chương 5. Hệ thống sinh giới và đa dạng sinh học		2			
Chương 1. Lược sử - nội dung và phương pháp nghiên cứu di truyền y học			2		1
Chương 2. Đột biến nhiễm sắc thể và các hội chứng bệnh liên quan đến rối loạn nhiễm sắc thể của người			2		1
Chương 3. Một số kỹ thuật Sinh học phân tử ứng dụng trong Y học- Giới thiệu Bộ gen người			2		1
Chương 4. Đột biến gen và các bệnh phân tử ở người			2		1
Chương 5. Di truyền đơn gen			2		1
Chương 6. Di truyền các hệ nhóm máu và các đặc tính miễn dịch ở người			2		1
Chương 7. Di truyền đa gen và di			2		1

truyền đa nhân tố ở người					
Chương 8. Bất thường bẩm sinh			2		1
Chương 9. Di truyền ung thư			1		1

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

- Học phần Sinh học và di truyền gồm 3 tín chỉ (2.5 tín chỉ lý thuyết; 0.5 tín chỉ thực hành). Học phần Sinh học chứa đựng nội dung về tế bào, Sinh học phát triển cá thể, nguyên lý sinh thái, hệ thống sinh giới, đột biến NST, đột biến gen, một số kỹ thuật sinh học ứng dụng trong Y học, di truyền đơn gen, di truyền đa gen đa nhân tố ở người, di truyền nhóm máu, bất thường bẩm sinh và di truyền ung thư và kỹ năng thực hành cơ bản nhất của sinh học ứng dụng trong Y học và chăm sóc sức khỏe.

Học phần giúp người học hiểu, hệ thống hóa các kiến thức về Sinh học và Di truyền để vận dụng vào các hoạt động của cá nhân và tổ chức trong quá trình hành nghề Y.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy học**					**Yêu cầu đối với sinh viên**
	Lên lớp (Tiết)				**Tự học (Giờ)**	
	LT	**TH**	**BT/ TL/KT**	**Tổng cộng**		
Các chất vô cơ và hữu cơ I. Các nguyên tố tạo sự sống II. Các hợp chất vô cơ trong cơ thể sinh vật III. Các hợp chất hữu cơ IV. Trạng thái lý học của nguyên sinh chất (*)	2			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Sinh học tế bào I. Lược sử hình thành	6			2		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide

tế bào học và học thuyết tế bào (*) II. Tế bào và hệ thống sinh giới III. Cấu trúc và chức năng của tế bào IV. Sự phân chia tế bào V. Sự chết tế bào có chương trình (Apoptosis)						theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Sinh học phát triển cá thể I. Khái niệm II. Các phương thức sinh sản của sinh vật III. Quá trình phát triển cá thể của động vật IV. Cơ chế điều khiển sự phát triển của phôi(*) V. Một số thực nghiệm về phôi VI. Sự tái sinh(*) VII. Đa phôi	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Nguyên lý Sinh thái PhầnI. Hệ thống sinh giới I. Một số khái niệm chung II. Một số vấn đề của sinh cảnh III. Loài người và môi trường ngoại cảnh	2			2		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

Hệ thống Sinh giới II. Phân loại học II. Phân chia sinh giới PHẦN II. ĐA DẠNG SINH HỌC(*) I. Khái niệm II. Tầm quan trọng của việc nghiên cứu đa dạng sinh học. III. Hiện trạng của đa dạng sinh học	2			2		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Đột biến nhiễm sắc thể và các hội chứng bệnh liên quan đến rối loạn nhiễm sắc thể của người I. Những phương pháp xét nghiệm NST của người I. Vật thể giới tính của người III. Đặc điểm bộ nhiễm sắc thể của người IV. Đột biến nhiễm sắc thể V. Chỉ định xét nghiệm nhiễm sắc thể VI. Giới thiệu một số hội chứng bệnh liên quan đến rối loạn nhiễm sắc thể VII. Đa bội thể ở người	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
MỘT SỐ KỸ THUẬT SINH HỌC PHÂN TỬ ỨNG DỤNG TRONG Y HỌC – GIỚI THIỆU BỘ GEN NGƯỜI	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình

I. Kỹ thuật tách chiết,điện di ADN II. Enzym giới hạn – phân đoạn ADN III. Phương pháp nhân ADN in vitro (Polymerase Chain Reaction: PCR) IV. Xác định trình tự Nucleotid trong phân tử ADN (Sequencing) V. Lai acid Nucleic VI. RFLP (*)(Restriction Fragment Length Polymorphisms) VII. Dấu ấn ADN (DNA Fingerprinting) VIII. Kỹ thuật chuyển gen – liệu pháp gen (*) GIỚI THIỆU BỘ GEN NGƯỜI (*)						bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Đột biến gen I. Đột biến gen II. Đột biến gen liên quan đến bất thường của phân tử Protein không phải enzym:bệnh Hemoglobin và rối loạn các yếu tố đông máu *III. Bệnh Hemoglobin do bất thường số lượng chuỗi*	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

globin (Thalassemia). IV. Đột biến gen gây rối loạn các yếu tố đông máu V. Bệnh rối loạn chuyển hóa bẩm sinh (Inborn errors of Metabolism *(*)*						
Di truyền đơn gen I. Phân loại các nhóm bệnh do rối loạn vật chất di truyền gây nên II. Các tính trạng và rối loạn kiểu Mendel	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Di truyền nhóm máu I. Di truyền nhóm máu II. Cơ sở di truyền đặc tính miễn dịch (*)	2			2		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Di truyền đa gen I. Các định nghĩa II. Đặc điểm của di truyền đa nhân tố III. Một số bệnh,tính trạng di truyền đa gen ở người VI. Dự báo nguy cơ tái hiện bệnh ở thế hệ sau	2			2		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bất thường bẩm sinh I. Khái niệm II. Phân loại bất thường bẩm	2			2		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các

sinh III. Nguyên nhân phát sinh bất thường bẩm sinh IV. Các giai đoạn phát sinh bất thương bẩm sinh						ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Di truyền ung thư II. Kiểm soát sinh trưởng và biệt hóa tế bào II. Nguyên nhân phát sinh ung thư III. Cơ chế phát sinh ung thư IV. Thuyết nhiều tác động của sự phát sinh ung thư V. Các loại gen ung thư (cancer genes) VI. Ung thư và một số dạng đột biến	2			2		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1]. Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt nam, Bộ môn Sinh học và Di truyền (2021), *Giáo trình Sinh học đại cương*.

[2] Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt nam, Bộ môn Sinh học và Di truyền (2021), *Giáo trình Di truyền Y học*.

[3] Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt nam (2021), Giáo trình thực hành Sinh học và di truyền

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ Y tế (2008), *Di truyền Y học*, Nhà xuất bản Y học.

[2]. Bộ Y tế (2015), *Sinh học*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

[3] Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ môn Y Sinh học – Di truyền (2005), Thực tập Sinh học

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	BÀI 1 KÍNH HIỂN VI QUANG HỌC	2					4
2	BÀI 2 HÌNH THỂ VÀ NHÂN TẾ BÀO	2					4
3	BÀI 3 MỘT SỐ BÀO QUAN VÀ THỂ VÙI TRONG TẾ BÀO	2					4
4	BÀI 4 TRAO ĐỔI NƯỚC VÀ CÁC CHẤT HOÀ TAN QUA MÀNG TẾ BÀO	2					4
5	BÀI 5 PHÂN BÀO NGUYÊN NHIỄM	2					4
6	BÀI 6 MỘT SỐ TẾ BÀO SINH DỤC VÀ QUÁ TRÌNH	2					4

	PHÁT SINH TINH TRÙNG						
7	Bài 7 PHÂN TÍCH BỘ NHIỄM SẮC THỂ NGƯỜI BÌNH THƯỜNG, BẤT THƯỜNG VÀ XẾP BỘ NHIỄM SẮC THỂ NGƯỜI (LẬP KARYOTYP)ành chính GPP nhà thuốc	2					4
8	BÀI 8 NGHIÊN CỨU MỘT SỐ BỆNH DI TRUYỀN ĐƠN GEN BẰNG PHƯƠNG PHÁP PHẢ HỆ	1					2

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR CLO1 đến CLO5

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình [x] Động não [x] Phản biện [x] Học dựa trên vấn đề □

Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống [x] Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập [x]

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra và CĐR1 – CLO1

Học tập thảo luận đạt CLO1 và CLO5

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CLO1 đến CLO5

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Giảng viên cung cấp thiết kế bài giảng, nội dung thảo luận và chuyển tại cho sinh viên chuẩn bị báo cáo bài tập, báo cáo slide theo một báo cáo khoa học

- Có máy tính và projecter

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên không được tự ý vắng thảo luận buổi nào, không đến chậm quá 15 phút
- Sinh viên phải có bài báo cáo chuẩn bị nộp trước, chiếu slide theo yêu cầu chỉ định của giảng viên và cho phép phản biện bài của bạn học, trả lời các câu hỏi của giảng viên

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5-10 điểm	Khá 7.0-8.4 điểm	Trung bình 5.5 -6.9 điểm	Yếu 4.0-5.4	Kém 0-3.9 điểm
Kỹ năng làm bài thi thực hành	100	Kỹ năng làm tốt thành thạo, phân tích, đánh giá tốt	Kỹ năng làm thiếu 1-2 bước, phân tích, đánh giá khá tốt	Kỹ năng thiếu nhiều bước, phân tích, đánh giá chưa tốt	Kỹ năng thiếu nhiều bước, phân tích được những không đánh giá được	Không làm được, phân tích đánh giá chưa không phù hợp

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần dược).
- Điểm kết thúc thực hành thực hành là thi thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ SINH
Đối tượng đào tạo: Bác sĩ Đa khoa, Mã số đào tạo: 52720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
* Tiếng Việt: Lý Sinh
* Tiếng Anh: BioPhysics
- Mã học phần/ mô đun: MH04
- Số tín chỉ: 03 TC
- Đối tượng học (năm thứ): Bác sĩ đa khoa - năm thứ nhất
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □ [X]		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [X]	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước:: Không
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 53 tiết
  + Lý thuyết: 38 tiết
  + Thực hành: 15 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm:
  + Kiểm tra:
  + Thời gian tự học:
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y vật lý

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths. Nguyễn Khắc Điền	0969745538	nguyenkhacdien@gmail.com
2	Ths. Chu Anh Tuấn	0983889344	cat07061982@gmail.com
3	Ths. Đào Văn Dinh	0399520963	daovandinh88@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	1. - Phân tích được các quá trình, hiện tượng vật lý cơ bản	2.1.2. Kiến thức cơ sở - vận dụng được kiến thức khoa học tự	

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	xảy ra ở cơ thể sống. 2. Trình bầy được nguyên lý của các ứng dụng kỹ thuật vật lý chính trong chẩn đoán và điều trị. 3. Phân tích được các tác dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể.	nhiên (vật lý, hóa học, sinh học…) để giải thích các hiện tượng bệnh lý có liên quan - Phân tích được các hiện tượng, nguyên lý vận hành, cơ chế hoạt động của các trang thiết bị phục vụ chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh - Tiếp cận được với các kiến thức, kĩ thuật y dược tiên tiến hiện đại	

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Phân tích được các quá trình, hiện tượng vật lý cơ bản xảy ra ở cơ thể sống. MT2: Trình bầy được nguyên lý của các ứng dụng kỹ thuật vật lý chính trong chẩn đoán và điều trị. MT3: Phân tích được các tác dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể.	CĐR1 - Vận dụng được kiến thức cơ bản của môn học để giải thích các hiện tượng bệnh lý có liên quan CĐR 2 - Phân tích được các hiện tượng, nguyên lý vận hành, cơ chế hoạt động của các trang thiết bị phục vụ chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh
Kỹ năng	
MT1: Kỹ năng làm việc độc lập, tích cực, hợp tác và sáng tạo để thực hiện tốt nhiệm vụ cá nhân và của nhóm. MT2: Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để giải bài tập. MT3: Thành thạo trong sử dụng một số dụng cụ đo lường các đại lượng vật lý, biết cách lắp ráp, vận hành một số trang thiết bị đo lường. MT4: Kỹ năng quan sát hiện tượng phản ứng, thu thập thông tin và xử lý thông tin. Viết báo cáo và trình bày báo cáo trước tập thể.	CĐR 3 - Người học có kĩ năng tự học, tự nghiên cứu kiến thức, làm việc theo nhóm để giải quyết nhiệm vụ được giao CĐR 4 - Người học có khả năng sử dụng thành thạo một số dụng cụ đo lường vật lý cơ bản, biết cách lắp ráp, vận hành một số trang thiết bị đo lường
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT1: Rèn luyện ý thức trách nhiệm,tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. MT2: Có ý thức bảo vệ trang thiết bị thí nghiệm, bảo vệ	CĐR 5 - Người học rèn luyện được tính cẩn thận, trung thực, khách quan, tư duy khoa học.

môi trường, xử lý chất thải sau thí nghiệm. MT3: Rèn luyện tính cẩn thận, trung thực, khách quan. MT4: Luôn có ý thức tư duy khoa học, vận dụng sáng kiến vào thực tế.	CĐR 6 - Người học có tinh thần trách nhiệm bảo vệ trang thiết bị thí nghiệm, bảo vệ môi trường

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**						
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	
Sự biến đổi năng lượng trong cơ thể sống.	3	1	3	3	3	3	
Chuyển động trong cơ thể sống	3	3	3	3	3	3	
Dao động và sóng	2	3	3	1	1	1	
Điện và sự sống	3	3	3	1	1	1	
Quang hình học	3	3	3	3	3	3	
Bản chất của ánh sáng	2	3	3	3	3	3	
Tác dụng của ánh sáng lên cơ thể.	3	3	3	3	3	3	
Bức xạ ion hoá	3	3	3	1	1	1	
Một số ứng dụng vật lý trong y học.	3	3	3	2	1	1	

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Phân tích các quá trình, hiện tượng vật lý cơ bản xảy ra ở cơ thể sống. Các nguyên lý của các ứng dụng kỹ thuật vật lý chính trong chẩn đoán và điều trị. Các tác dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể.

Phần Thực hành Lý sinh cung cấp cho sinh viên những kiến thức thực tế về những vấn đề cơ bản của học phần Lý Sinh.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy học**						**Yêu cầu đối với sinh viên**
	Lên lớp (Tiết)					**Tự học (Giờ)**	
	LT	**TH**	**BT/TL/KT**		**Tổng cộng**		
Đơn vị đo lường	1				1		
Sự biến đổi năng lượng trong cơ thể sống.	3	4			7		Đọc trước bài ở nhà.
Chuyển động trong cơ thể sống	6	4			10		Đọc trước bài ở nhà.
Dao động và sóng	4				4		Đọc trước bài ở nhà.

Điện và sự sống	4				4		Đọc trước bài ở nhà.
Quang hình học	4	3			7		Đọc trước bài ở nhà.
Bản chất của ánh sáng	3	4			7		Đọc trước bài ở nhà.
Tác dụng của ánh sáng lên cơ thể.	4				4		Đọc trước bài ở nhà.
Bức xạ ion hoá	6				6		Đọc trước bài ở nhà.
Một số ứng dụng vật lý trong y học.	3				3		Đọc trước bài ở nhà.
Tổng	38	15			53		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ môn Sinh – Lý Sinh (Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam) (2014), *Lý sinh* (*dùng cho đào tạo bác sỹ YHCT*) – Lưu hành nội bộ

2. Bộ môn Sinh – Lý Sinh (Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam) (2014), *Thực tập Lý sinh,* Tài liệu lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. PGS.TS Nguyễn Văn Thiện (2005), Vật lý lý sinh y học, Nhà xuất bản Y học
2. Lương Duyên Bình (2009), *Vật lý đại cương*, Nhà xuất bản Giáo dục
3. PGS. TSKH. Phan Sỹ An (2005), *Lý sinh y học*, Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Bài	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Đơn vị đo lường	1					
Sự biến đổi năng lượng trong cơ thể sống.	3					
Chuyển động trong cơ thể sống	4			1		
Dao động và sóng	2			1		
Điện và sự sống	3			1		
Quang hình học	2			1		
Bản chất của ánh sáng	2		1			
Tác dụng của ánh sáng lên cơ thể.	2			1		

Bức xạ ion hoá	3		1	1		
Một số ứng dụng vật lý trong y học.	2			1		

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình [X] Động não □ Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ ×

Hoạt động nhóm □× Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □ ×

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR 1 đến CĐR 3

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR 3 đến CĐR 4

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR 3

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR 3 đến CĐR 4

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

- Có máy chiếu, phấn, bảng, giảng viên thuyết trình có sự tương tác giữa sinh viên và giảng viên, thảo luận các trường hợp, thảo luận nhóm.
- Có phòng thực hành có đủ các trang thiết bị thực hành, dụng cụ, hóa chất.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu 80%; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

✓

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Thực hành	100/3 %		CĐR 3,4,5,6
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính/	200/3 %		CĐR 1,2,3,5

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

✓

Hà Nội, ngày tháng năm 202…

BAN GIÁM ĐỐC **TRƯỞNG KHOA** **PT. BỘ MÔN**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (THỰC HÀNH)
LÝ SINH
Đối tượng đào tạo: Bác sĩ Đa khoa, Mã số đào tạo: 52720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
* Tiếng Việt: Lý Sinh
* Tiếng Anh: BioPhysics
- Mã học phần/ mô đun: MH04
- Số tín chỉ thực hành: 0.5 TC
- Đối tượng học (năm thứ): Bác sĩ đa khoa - năm thứ nhất
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành [X]		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [X]	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: :
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y vật lý

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths. Nguyễn Khắc Điền	0969745538	nguyenkhacdien@gmail.com
2	Ths. Chu Anh Tuấn	0983889344	cat07061982@gmail.com
3	Ths. Đào Văn Dinh	0399520963	daovandinh88@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]**	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]**	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	1. - Phân tích được các quá trình, hiện tượng vật lý cơ bản xảy ra ở cơ thể sống. 2. Trình bầy được nguyên lý của các ứng dụng kỹ thuật vật lý chính trong chẩn đoán và điều trị. 3. Phân tích được các tác dụng	2.1.2. Kiến thức cơ sở - vận dụng được kiến thức khoa học tự nhiên (vật lý, hóa học, sinh học…) để giải thích các hiện tượng bệnh lý có liên quan - Phân tích được các hiện tượng, nguyên lý vận hành, cơ chế hoạt động của các trang thiết bị phục vụ	

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể.	chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh - Tiếp cận được với các kiến thức, kĩ thuật y dược tiên tiến hiện đại	

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Phân tích được các quá trình, hiện tượng vật lý cơ bản xảy ra ở cơ thể sống. MT2: Trình bầy được nguyên lý của các ứng dụng kỹ thuật vật lý chính trong chẩn đoán và điều trị. MT3: Phân tích được các tác dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể.	CĐR1 - Vận dụng được kiến thức cơ bản của môn học để giải thích các hiện tượng bệnh lý có liên quan CĐR 2 - Phân tích được các hiện tượng, nguyên lý vận hành, cơ chế hoạt động của các trang thiết bị phục vụ chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh
Kỹ năng	
MT1: Kỹ năng làm việc độc lập, tích cực, hợp tác và sáng tạo để thực hiện tốt nhiệm vụ cá nhân và của nhóm. MT2: Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để giải bài tập. MT3: Thành thạo trong sử dụng một số dụng cụ đo lường các đại lượng vật lý, biết cách lắp ráp, vận hành một số trang thiết bị đo lường. MT4: Kỹ năng quan sát hiện tượng phản ứng, thu thập thông tin và xử lý thông tin. Viết báo cáo và trình bày báo cáo trước tập thể.	CĐR 3 - Người học có kĩ năng tự học, tự nghiên cứu kiến thức, làm việc theo nhóm để giải quyết nhiệm vụ được giao CĐR 4 - Người học có khả năng sử dụng thành thạo một số dụng cụ đo lường vật lý cơ bản, biết cách lắp ráp, vận hành một số trang thiết bị đo lường
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT1: Rèn luyện ý thức trách nhiệm,tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. MT2: Có ý thức bảo vệ trang thiết bị thí nghiệm, bảo vệ môi trường, xử lý chất thải sau thí nghiệm. MT3: Rèn luyện tính cẩn thận, trung thực, khách quan.	CĐR 5 - Người học rèn luyện được tính cẩn thận, trung thực, khách quan, tư duy khoa học. CĐR 6 - Người học có tinh thần trách nhiệm bảo vệ trang thiết bị thí nghiệm, bảo vệ môi trường

MT4: Luôn có ý thức tư duy khoa học, vận dụng sáng kiến vào thực tế.	

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**						
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	
Sự biến đổi năng lượng trong cơ thể sống.	3	1	3	3	3	3	
Chuyển động trong cơ thể sống	3	3	3	3	3	3	
Dao động và sóng	2	3	3	1	1	1	
Điện và sự sống	3	3	3	1	1	1	
Quang hình học	3	3	3	3	3	3	
Bản chất của ánh sáng	2	3	3	3	3	3	
Tác dụng của ánh sáng lên cơ thể.	3	3	3	3	3	3	
Bức xạ ion hoá	3	3	3	1	1	1	
Một số ứng dụng vật lý trong y học.	3	3	3	2	1	1	

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành

Phần Thực hành Lý sinh cung cấp cho sinh viên những kiến thức thực tế về những vấn đề cơ bản của học phần Lý Sinh bao gồm: phương pháp đo lường một số đại lượng vật lý cơ bản, xử lý số liệu sai số.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Thời gian thực tập (tiết)**	**Thời gian tự học (giờ)**	**Yêu cầu đối với sinh viên**
Đo độ nhớt dung dịch bằng nhớt kế OSWALD	4		- Trang phục đúng quy định - Đọc bài trước khi tới lớp
Xác định hệ số căng bề mặt của chất lỏng bằng phương pháp đo lực tách vòng	4		- Trang phục đúng quy định - Đọc bài trước khi tới lớp
Đo chiết suất dung dịch bằng khúc xạ kế	4		- Trang phục đúng quy định - Đọc bài trước khi tới lớp
Xác định chiết suất bản thủy tinh bằng kính hiển vi quang học	4		- Trang phục đúng quy định - Đọc bài trước khi tới lớp

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ môn Sinh – Lý Sinh (Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam) (2014), *Lý sinh* (*dùng cho đào tạo bác sỹ YHCT*) – Lưu hành nội bộ

2. Bộ môn Sinh – Lý Sinh (Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam) (2014), *Thực tập Lý sinh,* Tài liệu lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

4. PGS.TS Nguyễn Văn Thiện (2005), Vật lý lý sinh y học, Nhà xuất bản Y học
5. Lương Duyên Bình (2009), *Vật lý đại cương*, Nhà xuất bản Giáo dục
6. PGS. TSKH. Phan Sỹ An (2005), *Lý sinh y học*, Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác		
1	4					
2	4					
3	4					
4	3	1				

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Làm việc nhóm

Thuyết trình [X] Động não □ Từng cặp /Chia sẻ [X] c dựa trên vấn đề □

Hoạt động nhóm [X] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập [X]

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR 1 đến CĐR 3
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR 3 đến CĐR 4

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành:

- Có máy chiếu, phấn, bảng, giảng viên thuyết trình có sự tương tác giữa sinh viên và giảng viên, thảo luận các trường hợp, thảo luận nhóm.
- Có phòng thực hành có đủ các trang thiết bị thực hành, dụng cụ, hóa chất.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn thực hành; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Trang phục: áo blouse theo quy định
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo trước khi tới lớp
- Các bài thực hành tại phòng thí nghiệm phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần	0 %		
2	**Điểm thi kết thúc thực hành**			
	Thi thực hành	100 %		CĐR 3,4,5,6

Hà Nội, ngày tháng năm 20

BAN GIÁM ĐỐC **TRƯỞNG KHOA** **PT. BỘ MÔN**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
HÓA HỌC (THỰC HÀNH)

Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành: Y khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Hóa học

* Tiếng Anh: Chemistry

- Mã học phần/ mô đun: CHEM1001

- Số tín chỉ: 0,5 TC

- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên đại học Bác sỹ ĐK năm thứ 1

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở khối ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc x	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): không

+ Học phần học trước (đã học):

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Hoá học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trần Thị Hoài Vân	0979311819	hoaivantt1@gmail.com
2	TS. Nguyễn Tiến Dũng	0982396848	vnnguyentiendung@gmail.com
3	ThS. Trương Thị Thu Hương	0948949998	Ngoctan31081@gmail.com
4	TS. Ngô Hạnh Thương	0984910368	ngohanhthuong@gmail.com
5	ThS. Đinh Thị Tuyết	0977683717	Dinhtuyet0210@gmail.com
6	TS. Đinh Thị Hồng Minh	0983220909	Minhdh255888@gmail.com
7	ThS. Nguyễn Thị Hà	0989928899	nguyenhahyd@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT1	Thực hiện được một số thao tác cơ bản trong phòng thí nghiệm nói chung, làm quen với các kỹ thuật trong phòng xét nghiệm nói riêng.	[CĐR1], [CĐR2], [CĐR 3]	3
MT2	Vận dụng lý thuyết các phương pháp chuẩn độ để phân tích định lượng các chất; làm các thí nghiệm để so sánh; giải thích tính chất hóa học các hợp chất hữu cơ.	[CĐR8] [CĐR9]	3
	Kỹ năng		
MT3	Thực hiện chính xác các thao tác, sử dụng dụng cụ đúng kỹ thuật, an toàn.	[CĐR8], [CĐR 9] [CĐR10],	3
MT4	Biết cách xử lý số liệu sau phân tích, biết cách giải thích các hiện tượng thí nghiệm dựa trên kiến thức được học và tìm hiểu.	[CĐR11], [CĐR15]	
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT5	Nhận thức được tầm quan trọng của các bải học.	[CĐR15]	3
MT6	Chủ động ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong thực hiện các phản ứng hóa học an toàn và hiệu quả. Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn.	[CĐR15]	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: (CĐR))

Mục tiêu học phần	CĐR của học phần
Kiến thức	
MT1: Thực hiện được một số thao tác cơ bản trong phòng thí nghiệm nói chung, làm quen với các kỹ thuật trong phòng xét nghiệm nói	**CĐR1:** Thực hiện được một số thao tác cơ bản trong phòng thí nghiệm nói chung, làm quen với các kỹ thuật trong phòng xét nghiệm nói riêng.

riêng.	
MT2: Vận dụng lý thuyết các phương pháp chuẩn độ để phân tích định lượng các chất; làm các thí nghiệm để so sánh; giải thích tính chất hóa học các hợp chất hữu cơ.	**CĐR2:** Vận dụng lý thuyết các phương pháp chuẩn độ để phân tích định lượng các chất; làm các thí nghiệm để so sánh; giải thích tính chất hóa học các hợp chất hữu cơ.
Kỹ năng	
MT3: Thực hiện chính xác các thao tác, sử dụng dụng cụ đúng kỹ thuật, an toàn.	**CĐR3:** Thực hiện chính xác các thao tác, sử dụng dụng cụ đúng kỹ thuật, an toàn.
MT4: Biết cách xử lý số liệu sau phân tích, biết cách giải thích các hiện tượng thí nghiệm dựa trên kiến thức được học và tìm hiểu.	**CĐR4:** Biết cách xử lý số liệu sau phân tích, biết cách giải thích các hiện tượng thí nghiệm dựa trên kiến thức được học và tìm hiểu.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Nhận thức được tầm quan trọng của các bải học.	**CĐR5:** Nhận thức được tầm quan trọng của các bải học.
MT6:. Chủ động ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong thực hiện các phản ứng hóa học an toàn và hiệu quả. Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn.	**CĐR6:** Chủ động ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong thực hiện các phản ứng hóa học an toàn và hiệu quả. **CĐR7:** Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần	**Chuẩn đầu ra học phần**						
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7
Nội dung 1: Giới thiệu một số dụng cụ và thao tác trong thực hành Phương pháp chuẩn độ trung hòa	3		3	3	2	2	2
Nội dung 2: Phương pháp chuẩn độ complexon. Phương pháp chuẩn độ oxi hóa - khử	3		3	3	2	2	2
Nội dung 3: Ancol – Aldehit - ceton		3	3	3	2	2	2
Nội dung 4: Acid carboxylic - Carbohydrat		3	3	3	2	2	2

6. Mô tả học phần – Phần thực hành (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Phần thực hành thuộc học phần Hóa học nhằm hướng dẫn thực hiện một số thí nghiệm để bổ sung cho lý thuyết và làm quen với một số thao tác trong phòng thí nghiệm nói chung và phòng xét nghiệm nói riêng.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Giới thiệu một số dụng cụ và thao tác trong thực hành Phương pháp chuẩn độ trung hòa	4		Sinh viên đọc tài liệu, chuẩn bị bảng kiểm trước khi đến lớp
Phương pháp chuẩn độ complexon. Phương pháp chuẩn độ oxi hóa - khử	4		
Ancol – Aldehit - ceton	4		
Acid carboxylic - Carbohydrat	4		

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ môn Hóa - Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam.

Bảng kiểm dạy thực hành hóa học và Bảng kiểm lượng giá thực hành hóa học. Lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

Bộ môn Hoá học (Đại học Y Hà Nội), *Thực tập Hoá học.*

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	Bài 1: Giới thiệu một số dụng cụ và thao tác trong thực hành Phương pháp chuẩn độ trung hòa					4	4
2	Bài 2: Phương pháp chuẩn độ complexon. Phương pháp chuẩn độ oxi hóa - khử					4	4
3	Bài 3: Ancol – Aldehit - ceton					4	4
4	Bài 4; Acid carboxylic - Carbohydrat					3	3

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

- Sử dụng các kiến thức lý thuyết và từ các tài liệu cũng như trên thực tế.
- Phương pháp thảo luận nhóm;
- Sinh viên thực hành dưới sự hướng dẫn của giảng viên và kỹ thuật viên Bộ môn.
- Sau mỗi buổi thực hành, sinh viên báo cáo nội dung thực hành với giảng viên hướng dẫn, thực hiện đánh giá cuối buổi thực hành.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Phòng thực hành được cung cấp đầy đủ nguyên liệu tươi trước khi làm thí nghiệm
- Phòng thực hành được trang bị đầy đủ máy móc, trang thiết bị, dụng cụ, vật tư, dung môi, hóa chất phục vụ sơ chế, chế biến và đánh giá các vị thuốc trong chương trình giảng dạy.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi thực hành. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi thực hành.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các nội dung đánh giá của buổi thực hành và thi kết thúc phần thực hành.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
1.1	Điểm chuyên cần	Điều kiện dự thi kết thúc phần TH	Tham gia dự lớp 100% số tiết học	CĐR5 đến CĐR7

1.2	Kết quả bài thực hành 1,2,3,4	20%	≥ 4 (thang điểm 10)	CĐR 1 đến CĐR 4
2	**Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng**			
	Thi thực hành	80%	≥ 4 (thang điểm 10)	CĐR 1 đến CĐR 4

12.3. Hướng dẫn thực hiện

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
HÓA HỌC
Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành: Y khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Hóa học

* Tiếng Anh: Chemistry

- Mã học phần/ mô đun: CHEM1001

- Số tín chỉ: 2,5 LT/0,5 TH

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết

+ Lý thuyết: 37,5 tiết
+ Thực hành/ Lâm sàng: 15 tiết
+ Kiểm tra, đánh giá: 9 tiết
+ Thời gian tự học: 88,5 tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên đại học Bác sỹ ĐK năm thứ 1

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở khối ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc x	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): không

+ Học phần học trước (đã học):

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Hoá học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trần Thị Hoài Vân	0979311819	hoaivantt1@gmail.com
2	TS. Nguyễn Tiến Dũng	0982396848	vnnguyentiendung@gmail.com
3	ThS. Trương Thị Thu Hương	0948949998	Ngoctan31081@gmail.com
4	TS. Ngô Hạnh Thương	0984910368	ngohanhthuong@gmail.com

5	ThS. Đinh Thị Tuyết	0977683717	Dinhtuyet0210@gmail.com
6	TS. Đinh Thị Hồng Minh	0983220909	Minhdh255888@gmail.com
7	ThS. Nguyễn Thị Hà	0989928899	nguyenhahyd@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT1	Vận dụng được kiến thức cơ bản về hóa học, hóa phân tích, hóa vô cơ và hóa hữu cơ để giải thích được một số quá trình hóa học xảy ra trong cơ thể sống.	[CĐR1], [CĐR2], [CĐR 3]	3
MT2	Hiểu được bản chất, ý nghĩa khoa học, tính thực tiễn và ứng dụng của các chất hóa học trong đời sống, cũng như vai trò và ý nghĩa trong y học của chúng.	[CĐR8] [CĐR9]	3
	Kỹ năng		
MT3	- Kỹ năng thảo luận nhóm. - Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện - Kỹ năng sử dụng các dụng cụ trong PTN - Kỹ năng trong thực hiện các phản ứng hóa học an toàn và hiệu quả - Thu thập và xử lý thông tin. - Kỹ năng báo cáo, thu thập và xử lý thông tin, trình bày	[CĐR8], [CĐR 9] [CĐR10], [CĐR11], [CĐR15]	3
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	[CĐR15]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá

theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: (CĐR))

Mục tiêu học phần	CĐR của học phần
Kiến thức	
MT1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về hóa học, hóa phân tích, hóa vô cơ và hóa hữu cơ. Vận dụng được một số ứng dụng của các quá trình hóa học, các chất hóa học trong đời sống, được một số quá trình hóa học xảy ra trong cơ thể sống cũng như vai trò và ý nghĩa trong y học của chúng.	**CĐR1:** Vận dụng được các kiến thức cơ bản về hóa học, hóa phân tích, hóa vô cơ và hóa hữu cơ. Vận dụng được một số ứng dụng của các quá trình hóa học, các chất hóa học trong đời sống, được một số quá trình hóa học xảy ra trong cơ thể sống cũng như vai trò và ý nghĩa trong y học của chúng.
MT2: Sử dụng được các dụng cụ để tiến hành thí nghiệm tính pH, tính nồng độ, tính độ cứng của nước, xác định tính chất của acol – aldehyd – ceton và carbohydrat.	**CĐR2:** Sử dụng được các dụng cụ để tiến hành thí nghiệm tính pH, tính nồng độ, tính độ cứng của nước, xác định tính chất của acol – aldehyd – ceton và carbohydrat.
MT3: Vận dụng được kiến thức cơ bản của hóa đại cương – vô cơ – hữu cơ để tiến hành các phản ứng hóa học an toàn hiệu quả, ứng dụng trong hóa sinh, hóa dược, dược liệu, ...	**CĐR3:** Vận dụng được kiến thức cơ bản của hóa đại cương – vô cơ – hữu cơ để tiến hành các phản ứng hóa học an toàn hiệu quả, ứng dụng trong hóa sinh, hóa dược, dược liệu, ...
Kỹ năng	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Nhận thức được tầm quan trọng của các đại lượng nồng độ, pH.	**CĐR5:** Nhận thức được tầm quan trọng của các đại lượng nồng độ, pH.
MT6: Chủ động ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong việc vận dụng các phương pháp phân tích hóa học. Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn.	**CĐR6:** Chủ động ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong việc vận dụng các phương pháp phân tích hóa học. **CĐR7:** Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7
Nội dung 1: Cấu tạo nguyên tử	2				2	2	2
Nội dung 2: Liên kết hóa học và cấu tạo phân tử.	2				2	2	2

Nội dung 3: Nhiệt động học hóa học	2				2	2	2
Nội dung 4: Động hóa học		3			2	2	2
Nội dung 5: Đại cương về dung dịch		3			2	2	2
Nội dung 6: Dung dịch các chất điện li			3		2	2	2
Nội dung 7: Dung dịch keo			3		2	2	2
Nội dung 8. Điện hóa học			3		2	2	2
Nội dung 9: Hóa học vô cơ: Các nguyên tố kim loại khối s, p,d			3		2	2	2
Nội dung 10: Hóa học vô cơ: Các nguyên tố phi kim.				3	2	2	2
Nội dung 11. Đại cương về hóa học hữu cơ				3	2	2	2
Nội dung 12: Hydrocacbon				3	2	2	2
Nội dung 13: Alcol-phenol-Thiol- Ether				3	2	2	2
Nội dung 14: Aldehyd -Ceton-Glucid				3	2	2	2
Nội dung 15: Acid carboxylic-Ester và hợp chất tạp chức có nhóm carboxylic				3	2	2	2
Nội dung 16: Amin-amid và hợp chất tạp chức có nhóm amin				3	2	2	2
Nội dung 17: Các hợp chất dị vòng				3	2	2	2

6. Mô tả học phần (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Học phần này có 3 tín chỉ, trong đó có 2,5 tín chỉ lý thuyết và 0,5 tín chỉ thực hành, sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hoá học, hoá phân tích, hóa học hữu cơ, vô cơ; hướng dẫn thực hiện một số thí nghiệm để bổ sung cho lý thuyết và làm quen với một số thao tác trong phòng thí nghiệm nói chung và phòng xét nghiệm nói riêng.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/TL/KT	Tổng cộng		
1. Cấu tạo nguyên tử	2			2	4	Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
2. Liên kết hóa học và cấu tạo phân tử.	2			2	4	
3. Nhiệt động học hóa học	1		1	2	5	
4. Động hóa học	1,5		0,5	2	5	
5. Đại cương về dung dịch	1		1	2	5	
6. Dung dịch các chất điện li	4		1	5	10	
7. Dung dịch keo	1			1	4	
8. Điện hóa học	1,5		0,5	2	4	
9. Hóa học vô cơ: Các nguyên tố kim loại khối s, p,d	3			3	6	Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
10. Hóa học vô cơ: Các nguyên tố phi kim.	1			1	2	
11. Đại cương về hóa học hữu cơ	3,5		0,5	4	10	
12. Hydrocacbon	1,5		0,5	2	5	
13. Alcol-phenol-Thiol- Ether	1,5		0,5	2	5	
14. Aldehyd -Ceton-Glucid	1,5		0,5	2	5	
15. Acid carboxylic- Ester và hợp chất tạp chức có nhóm carboxylic	1,5		0,5	2	5	
16. Amin-amid và hợp chất tạp chức có nhóm amin	1,5		0,5	2	5	
17. Các hợp chất dị vòng	1,5			1,5	4,5	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Lý thuyết: Bộ môn Hóa - Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam.

Giáo trình Hóa học. Lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ môn Hoá- Hoá sinh (Đại học Y Hà Nội), *Lý thuyết Hoá học.* NXB Đại học Quốc Gia Hà Nôi, 2005
2. Bộ môn Hoá học (Học viện Quân Y), *Bài giảng Hoá phân tích*, 2005
3. Nguyễn Tinh Dung. *Hóa học phân tích I, II, III.* NXB Giáo dục, 2007.
4. Trần Tích, *Bài giảng Hóa phân tích*, bản thảo 2008.
5. PGS.TSKH. Phan An. *Bài giảng Hóa học vô cơ và hữu cơ*. Trường ĐH Y Hà nội, 2005.
6. Phan Tống Sơn, Trần Quốc Sơn, Đặng Như Tại (1980). *Cơ sở Hoá học hữu cơ tập 1, 2*. Nhà xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
7. Trần Quốc Sơn (chủ biên), Trần Thị Tửu (2003). *Danh pháp hợp chất hữu cơ.* Nhà xuất bản giáo dục.
8. GS.TS. Trần Mạnh Bình, PGS.TS. Nguyễn Quang Đạt (2007). *Hóa học hữu cơ tập I,II.* NXB Y học.

9. **Kế hoạch giảng dạy lý thuyết**

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Cấu tạo nguyên tử Liên kết hóa học và cấu tạo phân tử.	2 2					4 4
2	Nhiệt động học hóa học Động hóa học Đại cương về dung dịch	1 1,5 1		1 0,5 1			4 4 4
3	Dung dịch các chất điện li	4		1			10
4	Dung dịch keo Điện hóa học	1 1,5		0 0,5			
5	Hóa học vô cơ: Các nguyên tố kim loại khối s, p,d Hóa học vô cơ: Các nguyên tố phi kim.	3 1					
6	Đại cương về hóa học hữu cơ	3,5		0,5			
7	Hydrocacbon Alcol-phenol-Thiol- Ether	0,5 0,5		0,5 0,5			
8	Aldehyd -Ceton-Glucid Acid carboxylic- Ester và hợp chất tạp chức có nhóm carboxylic	0,5 0,5		0,5 0,5			
9	Amin-amid và hợp chất tạp chức có nhóm amin Các hợp chất dị vòng	1,5 2		0,5 0			

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình [x] Động não [x] Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề [x]

Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập [x]

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR 1 đến CĐR4

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR4

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR4.

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR5 đến CĐR7

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Giảng dạy trực tiếp: phấn bảng, máy chiếu, màn chiếu, loa mic (nếu cần)

Giảng dạy trực tuyến: máy tính có nối mạng Internet, account giảng dạy có bản quyền.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành	33,3%		
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	66,7%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 4

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)

Tin học ứng dụng

Đối tượng đào tạo: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Tin học ứng dụng – Xác suất thống kê y học

* Tiếng Việt: Tin học ứng dụng

* Tiếng Anh: Applied Informatics

- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 01
- Đối tượng học (năm thứ): Năm thứ 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [x]	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	□

- Học phần tiên quyết: Tin học đại cương
- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn Toán – Tin

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	ThS.Nguyễn Văn Tuyết	0989125443	nguyenvantuyetdt@gmail.com
2.	ThS.Bùi Thi Lan Anh	0986560899	lanem79vatm@gmail.com
3.	ThS.Hoàng Thị Thu Hằng	0966346054	hoangthuhang2183@yahoo.com
4.	ThS.Nguyễn Thị Ngọc Tú	0968250986	nguyentukhaothi@gmail.com
5.	ThS.Nguyễn Thị Tuyết Trinh	0972520152	Trinhnt83@gmail.com
6.	ThS.Nguyễn Minh Hiển	0918356602	hienloveu2101@gmail.com
7.	ThS.Nguyễn Văn Đức	0976925034	nguyenducvatm@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
G1	- Kiến thức Có kiến thức cơ bản về tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến, chương trình trích dẫn tài liệu tham khảo Endnote và kiến thức cơ sở về xác suất thống kê y học.	CĐR3, CĐR15	2
G2	- Kỹ năng Tìm kiếm được tài liệu tham khảo, chèn tài liệu tham khảo vào luận văn, luận án. Nhận diện dữ liệu trên bảng hỏi, tạo biến chứa dữ liệu trên SPSS, đưa phương pháp phân tích phù hợp, và thao tác chạy các bảng phân tích trên máy	CĐR 3	2
		CĐR15	3
G3	- Mức độ tự chủ và trách nhiệm Có thái độ đúng đắn, nghiêm túc trong việc vận dụng tin học vào trong quá trình học tập, công tác, nghiên cứu khoa hoc và vận dụng vào cuộc sống	CĐR15	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun(CLO)
Kiến thức	
MT1: Có kiến thức cơ bản về tìm kiếm tài liệu tham khảo, nhập dữ liệu tham khảo và chèn tài liệu tham khảo vào luận văn, đề tài nghiên cứu khoa học. Phân tích được bản chất dữ liệu, phân loại dữ liệu, đưa ra phương pháp phân tích dữ liệu phù hợp	CLO1: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tìm kiếm thông tin qua Google, trang wed nổi tiếng về y học từ đó biết cách nhập liệu vào đề tài nghiên cứu khoa học qua chương trình Endnote và phân tích được bản chất dữ liệu, phân loại dữ liệu, đưa ra phương pháp phân tích dữ liệu phù hợp qua chương trình SPSS
Kỹ năng	
MT2: Tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến trên Google, các Wedside uy tín của Việt Nam và nước ngoài, khai thác 1 số tính năng chuyên sâu của Google như trao đổi thông tin online thông	CLO2: cung cấp cho sinh viên kỹ năng cơ bản về tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến tuyến trên Google, các Wedside uy tín của Việt Nam và nước ngoài, khai thác 1 số tính năng chuyên sâu

qua google doc, google sheet, google slide, google form…	của Google drive
MT3: Cài đặt phần mềm Endnote, biết quản lý tài liệu tham khảo; áp dụng được phần mềm Endnote giúp tự động hóa việc trích dẫn và lập danh mục tài liệu tham khảo.	CLO3: Giúp sinh viên trích dẫn, quản lý được tài liệu tham khảo vào chương trình Word.
MT4: Cài đặt phần mềm SPSS, tạo ra mối liên kết dữ liệu từ Excel đến SPSS; nhận diện dữ liệu trên bảng hỏi, tạo biến chứa dữ liệu trên SPSS, đưa phương pháp phân tích phù hợp và thao tác chạy các bảng phân tích trên máy.	CLO4: Sử dụng được phần mềm SPSS để nhập, mã hóa dữ liệu; chuyển file dữ liệu sang dạng Excel, thực hiên phân tích và giải thích được các thống kê suy luận: kiểm định giá trị trung bình, tỷ lệ, tương quan và hồi quy. Từ đó ứng dụng phần mềm vào việc làm báo cáo luận văn, nghiên cứu và một số báo cáo thực tế tại bệnh viện.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: giúp sinh viên nhận thức được vai trò quan trọng của việc sử dụng tin học ứng dụng trong học tập và thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học.	CLO 5: có nhận thức đúng đắn về vai trò quan trọng của công nghệ thông tin từ đó có thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập, nghiên cứu khoa học và ứng dụng vào cuộc sống
MT6: có thái độ **đúng đắn khi sử dụng các kết quả phân tích dữ liệu trong việc kiểm định các giả thuyết nghiên cứu y dược học.**	

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**				
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5
1. Hệ thống mạng lan & internet	3	3			3
2. Tìm kiếm và sử dụng thông tin	2	3			3
3. Phần mềm quản lý tài liệu tham khảo Endnote	2		2		2
4. Phần mềm phân tích và xử lý dữ liệu SPSS	2			2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Tin học ứng dụng vào chuyên ngành dược. Cụ thể học phần sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản về tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến trên Google, các Wedside uy tín của Việt Nam và nước ngoài, khai thác 1 số tính năng chuyên sâu của Google như trao đổi thông tin online thông qua google doc, google sheet, google slide, google form…, áp dụng phần mềm quản lý trích dẫn tài liệu tham khảo Endnote để giúp tự động hóa việc trích dẫn, lập danh mục quản lý và chèn tài liệu tham khảo vào đề tài nghiên cứu khoa học, luận văn. Ứng dụng Google Drive, trong đó có Google form để tạo ra mối liên kết dữ liệu từ Excel đến SPSS. Sử dụng thành thạo phần mềm SPSS nhằm mục đích quản lý, phân tích, xử lý thống kê dữ liệu trong nghiên cứu y học.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
1. Hệ thống mạng lan & internet	**3 tiết**		
1.1. Hệ thống mạng Lan - Kiểm tra địa chỉ Ip và tên máy - Chia sẻ thư mục - Chia sẻ máy in trên mạng Lan - Ngắt chia sẻ thư mục và máy in			*Đọc quyển giáo trình Tin học ứng dụng, trang trang3-37.*
1.2. Hệ thống mạng Internet - Thư điện tử - Tìm kiếm thông tin trên google - Tìm kiếm trên Book Google - Một số ứng dụng văn phòng trên Internet			
2. Tìm kiếm và sử dụng thông tin	**4 tiết**		
2.1. Các loại OPACs.			*Đọc quyển giáo trình Tin học ứng dụng, trang 39-49. BTTH: bài tập 1-9, trang 118 trong sách BTTH*
2.2. Tìm kiếm bài báo toàn văn miễn phí			
2.3. Thông tin y học trực tuyến - Tìm kiếm các bài báo y dược học toàn văn miễn phí qua HINARI - Y học dựa trên bằng chứng (Evidence-base edicine - EBM) - Thông tin về bệnh tật - Giới thiệu một số website về sinh sản, SKBMTE, dinh dưỡng			
2.4. Thông tin trực tuyến về các khu vực và quốc gia			

3. Phần mềm quản lý tài liệu tham khảo Endnote	**7 tiết**		
3.1. Giới thiệu phần mềm			*Đọc quyển giáo trình Tin học ứng dụng, trang 50-71, BTTH: bài tập 1-4, trang 119,120 trong sách BTTH*
3.2. Cài đặt và khởi động Endnote			
3.3. Tạo một thư viện EndNote mới - Nhập thông tin cho một tài liệu tham khảo mới - Nhập tài liệu tham khảo từ file tài liệu đã có trong máy			
3.4. Ứng dụng Endnote trích dẫn tài liệu tham khảo trong Word - Trích dẫn trong khi viết (MS Word 2010) - Chỉnh sửa các loại tài liệu - Sửa đổi các kiểu danh mục tài liệu tham khảo			
3.5. Quản lý file EndNote (sắp xếp, tìm kiếm và tạo các nhóm tài liệu)			
3.6. Sử dụng mẫu bản thảo của EndNote trong Word			
3.7.Tìm kiếm trợ giúp trong EndNote			
4. Phần mềm phân tích và xử lý dữ liệu SPSS	**14 tiết**		
4.1. Xử lí dữ liệu trên SPSS - Giới thiệu và cài đặt phần mềm SPSS - Đọc dữ liệu từ những file có sẵn trong SPSS - Lọc dữ liệu - Mã hóa dữ liệu - Làm sạch dữ liệu			*Đọc quyển giáo trình Tin học ứng dụng, trang 72-117, BTTH: Bài tập 1-5, trang 121-126 trong sách BTTH*
4.2. Lập bảng tần số và tính các đại lượng thống kê mô tả - Tóm tắt dữ liệu bằng bảng tần số - Lập bảng tổng hợp nhiều biến - Tính các đại lượng thống kê mô tả			
4.3. Biểu đồ - Một số loại biểu đồ - Biểu đồ thanh - Biểu đồ gấp khúc, diện tích - Biểu đồ tần số - Biểu đồ hộp và râu			
4.4. Kiểm định mối quan hệ giữa hai biến			
4.5. Kiểm định về trung bình - Kiểm định về trung bình một tổng thể			

- Kiểm định về sự khác nhau của hai trung bình của hai tổng thể khi mẫu độc lập			
4.6. Phân tích phương sai (ANOVA)			
Tổng số	**30 tiết**		

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ môn Tin học, *Tin học ứng dụng*, Học viện y – dược học cổ truyền Việt Nam, (Lưu hành nội bộ).

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Hà Xuân Bộ & Đỗ Đức Lâm*, Hướng dẫn sử dụng phần mềm endnote trong quản lý và trích dẫn tài liệu tham khảo,* Học viện Nông nghiệp Hà Nội(2019).

[2]. Bộ quốc phòng Học viện quân Y, *Giáo trình xử lý số liệu thống kê y học bằng SPSS*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân Hà Nội(2022)

[3]. Bộ môn Toán - Tin, *Lý thuyết SPSS và ứng dụng trong Y –sinh học*, Đại học Y Dược Hà Nội(2016).

[4]. Bộ môn Toán - Tin, *Thực hành SPSS và ứng dụng trong Y –sinh học*, Đại học Y Dược Hà Nội(2016).

[5]. Bộ Y tế, *Tin học và ứng dụng trong y - sinh học*, NXB Giáo dục(2008)

8.3. Phần mềm:

[…] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần	**Nội dung**	**Giờ giảng của giảng viên (giờ)**					**Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)**
		Thực hành/ lâm sàng	**Kiểm tra**	**Bài tập**	**Các hình thức khác**	**Thảo luận**	
Buổi 1	**1. Hệ thống mạng lan & internet**	**3 tiết**					3
	1.1. Hệ thống mạng Lan 1.2. Hệ thống mạng Internet						
Buổi 2	**2. Tìm kiếm và sử dụng thông tin**	**4 tiết**					4

	2.1. Các loại OPACs. 2.2. Tìm kiếm bài báo toàn văn miễn phí 2.3. Thông tin y học trực tuyến 2.4. Thông tin trực tuyến về các khu vực và quốc gia						
	3. Phần mềm quản lý tài liệu tham khảo Endnote	**7 tiết**					7
Buổi 3	3.1. Giới thiệu phần mềm	4					
	3.2. Cài đặt và khởi động Endnote						
	3.3. Tạo một thư viện EndNote mới						
	3.4. Ứng dụng Endnote trích dẫn tài liệu tham khảo trong Word						
Buổi 4	3.5. Quản lý file EndNote (sắp xếp, tìm kiếm và tạo các nhóm tài liệu)	3					
	3.6. Sử dụng mẫu bản thảo của EndNote trong Word						
	3.7.Tìm kiếm trợ giúp trong EndNote						
	4. Phần mềm phân tích và xử lý dữ liệu SPSS	**14 tiết**					14
Buổi 5	4.1. Xử lí dữ liệu trên SPSS 4.2. Lập bảng tần số và tính các đại lượng thống kê mô tả 4.3. Biểu đồ	**4**					
Buổi 6	4.4. Kiểm định mối quan hệ giữa hai biến	**4**					
Buổi 7	4.5. Kiểm định về trung bình	**4**					
Buổi 8	4.6. Phân tích phương sai (ANOVA)	**2**					
	Tổng số	**30 tiết**					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình [x] Động não □ [x] Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □

Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập [x]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

Cơ sở vật chất: phải cần có phòng thực hành được trang bị máy tính cấu hình phù hợp để phần mềm Entnote, SPSS hoạt động ổn định và phải được kết lối mạng Internet.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Thực hiện nội qui đã được phổ biến và dán trong phòng thực tập Tin học.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

- Bài tập: chuẩn bị tất cả các bài tập thực hành theo yêu cầu của giảng viên.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện 01 bài thi kết thúc học phần thực hành.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: các buổi thực hành tại phòng thực tập Tin học phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Bài thực hành			
2	**Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng**			
	Thực hành trên máy tính	100%	Điểm đạt từ 4/10 trở lên	CĐR1 đến CĐR5

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm thi thực hành trực tiếp trên máy tính

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
		Phí Văn Phương

GIẢI THÍCH MỘT SỐ KÝ HIỆU

(5) Ký hiệu mục tiêu bằng ký hiệu MT từ 1,2,….;

(6) Ký hiệu chuẩn đầu ra bằng ký hiệu CĐR từ 1,2,….;

(3) Mô tả CĐR theo thang Bloom;

(4) Thang trình độ năng lực:

Trình độ năng lực	Mô tả
0.0 -> 2.0	Nhớ (trình bày, định nghĩa, liệt kê,...)
2.0 -> 3.0	Hiểu (giải thích, mô tả, nhận xét,…)
3.0 -> 3.5	Áp dụng (vận dụng, chỉ ra, minh họa,…)
3.5 -> 4.0	Phân tích (phân biệt, phân tích, khảo sát,…)
4.0 -> 4.5	Đánh giá (đánh giá, so sánh, liên hệ, nhận định,…)
4.5 -> 5.0	Sáng tạo (thiết kế, đề xuất, tổ chức,…)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
XÁC SUẤT- THỐNG KÊ Y HỌC
Đối tượng đào tạo: Bác sỹ đa khoa trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
* Tiếng Việt: Xác suất thống kê y học
* Tiếng Anh: Probability of medical statistics
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ lý thuyết: 2.0
- Đối tượng học (năm thứ): 3
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành [x]		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [x]	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
  + Lý thuyết: 30 tiết
  + Bài tập: 9 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
  + Kiểm tra: 1 tiết
  + Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Toán-Tin

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Phí Văn Phương	0904387179	vnphivanphuong@gmail.com
2	TS. Nguyễn Ngọc Quỳnh	0988900957	ngocquynh37@gmail.com
3	ThS. Đỗ Thị Thanh Xuân	0945112963	dothanh1810@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Thùy Trang	0904336196	thuytrang198210@gmail.com
5	TS. Trần Thị Vân	0983109980	tranvanem68@yahoo.com.vn
6	ThS. Hoàng Minh Phương	0936936916	nguyenngoctrang18@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT1	Áp dụng các kiến thức thức cơ bản về xác suất và thống kê để tính xác suất, lựa chọn được kiểm định phù hợp với mục tiêu nghiên cứu và thực hiện được các loại kiểm định giả thuyết thống kê	CĐR 2, CĐR 3	1
	Kỹ năng		
MT2	- Tính được tham số mẫu và hiểu được ý nghĩa của chúng. - Giải được các bài toán cơ bản về xác suất có nội dung y sinh học và thực tiễn. - Lựa chọn được kiểm định phù hợp với mục tiêu nghiên cứu.	CĐR 2 CĐR 3	2 1
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT3	Có thái độ tích cực trong việc vận dụng kiến thức được học vào quá trình nghiên cứu KH và các môn học khác… để giúp ích bản thân, công việc và xã hội	13	1

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Áp dụng các kiến thức thức cơ bản về xác suất và thống kê để tính xác suất, lựa chọn được kiểm định phù hợp với mục tiêu nghiên cứu và thực hiện được các loại kiểm định giả thuyết thống kê	**CLO1**: Vận dụng được các công thức, tính chất của xác suất, thống kê và tham số mẫu; ước lượng khoảng tin cậy để giải một số bài toán xác suất và kiểm định giả thuyết thống kê liên quan lĩnh vực Y học **CLO 2**: Biết cách lựa chọn kiểm định phù hợp với mục tiêu nghiên cứu, áp dụng kiến thức xác suất, thống kê vào phân tích số liệu trong nghiên cứu y dược.
Kỹ năng	
MT2: Tính được tham số mẫu và hiểu được ý nghĩa của chúng; giải được các bài toán cơ bản về xác suất có nội dung y sinh học và thực tiễn;lựa chọn được kiểm định phù hợp với mục tiêu nghiên cứu	**CLO3**: Sinh viên có kỹ năng tính được các tham số mẫu và hiểu ý nghĩa của chúng **CLO4**: Sinh viên hiểu, biết cách lựa chọn kiểm định phù hợp với mục tiêu nghiên cứu và trình bày được các bước của bài toán kiểm định giả thuyết thống kê.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3: Có thái độ tích cực trong việc vận dụng kiến thức được học vào quá trình nghiên cứu KH và các môn học khác… để giúp ích bản thân, công việc và xã hội	**CLO 5**: Sinh viên có thái độ đúng đắn, nghiêm túc và có trách nhiệm trong học tập cũng như công việc.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)**				
	1	2	3	4	5
Bài 1: Xác suất	2				1
Bài 2: Quy luật xác suất của đại lượng ngẫu nhiên liên tục	2				1
Bài 3: Quy luật xác suất của đại lượng ngẫu nhiên rời rạc	2				1
Bài 4: Tham số mẫu.	1		2		1
Bài 5: Kiểm định giả thuyết thống kê	1	2		2	1
Bài 6: Kiểm định giá trị trung bình lý thuyết		2		2	1
Bài 7: So sánh phương sai, so sánh trung bình của hai biến chuẩn		2		2	1
Bài 8: Kiểm định giá trị của xác suất		2		2	1
Bài 9: So sánh các tỷ lệ và kiểm định tính độc lập		2		2	1

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Vị trí/vai trò: Học phần Xác suất - thống kê y học là trang bị các khái niệm cơ bản về xác suất thống kê, đặc trưng của thống kê mô tả, mẫu và phân bố mẫu, ước lượng khoảng, kiểm định giả thuyết thống kê, so sánh các mẫu quan sát và bước đầu xử lý số liệu thống kê trong các nghiên cứu về y, dược.

Mục đích: Giúp người học tham gia nghiên cứu khoa học, thực hiện các báo cáo, dự trù …trong lĩnh vực y dược.

Nội dung chính yếu: + Xác suất: Định nghĩa, công thức, bài toán liên quan

+ Quy Luật: Quy luật liên tục, quy luật rời rạc.

+ Ước lượng khoảng

+Kiểm định: Các dạng so sánh trung bình, các dạng so sánh phương sai

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
Bài 1: ***Xác suất*** 1. Định nghĩa xác suất 2. Công thức tính xác suất -Công thức cộng -Công thức nhân -Công thức xác suất toàn phần -Công thức Bayes -Bài toán phản ứng xét nghiệm	5			5		- Tìm hiểu vấn đề liên quan đến nội dung bài học để trả lời các câu hỏi của giảng viên. -Làm bài tập về nhà đầy đủ
Bài 2: ***Quy luật xác suất của đại lượng ngẫu nhiên liên tục*** 1.Khái niệm đại lượng ngẫu nhiên (liên tục, rời rạc) 2.Hàm mật độ và phân phối xác suất 3.Các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên: -Trung bình -Phương sai và độ lệch chuẩn 4. Quy luật chuẩn: định nghĩa, các đặc trưng. 5.Quy luật khi bình phương, quy luật Student, quy luật Fisher-Snedecor 6.Giá trị tới hạn 7. Tra ngược	3			3		- Tìm hiểu vấn đề liên quan đến nội dung bài học để trả lời các câu hỏi của giảng viên. -Làm bài tập về nhà đầy đủ
Bài 3: ***Quy luật xác suất của đại lượng ngẫu nhiên rời rạc*** 1.Quy luật nhị thức 2.Quy luật Poisson 3.Quy luật siêu bội 4.Quy luật đa thức	4			4		- Tìm hiểu vấn đề liên quan đến nội dung bài học để trả lời các câu hỏi của giảng viên. -Làm bài tập về nhà đầy đủ
Bài 4: ***Tham số mẫu.*** 1.Giá trị trung tâm:	3			3		- Tìm hiểu vấn đề liên quan đến

Trung bình. Trung vị Số mod 2.Giá trị biến thiên: -Khoảng -Phương sai - độ lệch chuẩn -Bách phân vị, tứ phân vị, khoảng phân vị -Hệ số biến thiên						nội dung bài học để trả lời các câu hỏi của giảng viên. -Làm bài tập về nhà đầy đủ
Bài 5: ***Kiểm định giả thuyết thống kê*** 1.Các bước bài toán kiểm định 2.Các xác suất của bài toán kiểm định 3. Thực hiện ước lượng khoảng	3			3		- Tìm hiểu vấn đề liên quan đến nội dung bài học để trả lời các câu hỏi của giảng viên. -Làm bài tập về nhà đầy đủ
Bài 6***: Kiểm định giá trị trung bình lý thuyết*** Thực hiện 4 bước của bài toán kiểm định giá trị trung bình lý thuyết	2			2		- Tìm hiểu vấn đề liên quan đến nội dung bài học để trả lời các câu hỏi của giảng viên. -Làm bài tập về nhà đầy đủ
Bài 7: ***So sánh phương sai, so sánh trung bình của hai biến chuẩn*** 1.Thực hiện 4 bước của bài toán so sánh phương sai 2.Thực hiện 4 bước của bài toán so sánh trung bình của hai biến chuẩn cho các trường hợp khác nhau của phương sai	4			4		- Tìm hiểu vấn đề liên quan đến nội dung bài học để trả lời các câu hỏi của giảng viên. -Làm bài tập về nhà đầy đủ
Bài 8: ***Kiểm định giá trị của xác suất*** Thực hiện 4 bước của bài toán kiểm định giá trị giá trị của xác suất	2			2		- Tìm hiểu vấn đề liên quan đến nội dung bài học để trả lời các câu hỏi của giảng viên. -Làm bài tập về

						nhà đầy đủ
Bài 9: ***So sánh các tỷ lệ và kiểm định tính độc lập*** Thực hiện 4 bước của bài toán so sánh các tỷ lệ và kiểm định tính độc lập	4			4		- Tìm hiểu vấn đề liên quan đến nội dung bài học để trả lời các câu hỏi của giảng viên. -Làm bài tập về nhà đầy đủ

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ môn toán Tin. *Bài giảng Thống kê y tế* (Lưu hành nội bộ). Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

[2] Đặng Đức Hậu (2008), *Xác suất thống kê*, Nhà xuất bản Giáo dục.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Đại học Y tế Công cộng (2005), *Giáo trình thống kê y tế công cộng (Phần 1 Thống kê cơ bản)*, Nhà xuất bản Y học.

[2] Đại học Y tế Công cộng (2005), *Giáo trình thống kê y tế công cộng (Phần 2 Phân tích số liệu)*, Nhà xuất bản Y học.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	**Bài 1:** ***Xác suất*** 1. Định nghĩa xác suất 2. Công thức tính xác suất -Công thức cộng -Công thức nhân -Công thức xác suất toàn phần -Công thức Bayes -Bài toán phản ứng xét nghiệm	5		1			10
2	**Bài 2:** ***Quy luật xác suất của đại lượng ngẫu nhiên liên tục*** 1.Khái niệm đại lượng ngẫu nhiên (liên tục, rời rạc) 2.Hàm mật độ và phân phối xác suất 3.Các đặc trưng của đại lượng ngẫu	3					6

	nhiên: -Trung bình -Phương sai và độ lệch chuẩn 4. Quy luật chuẩn: định nghĩa, các đặc trưng. 5.Quy luật khi bình phương, quy luật Student, quy luật Fisher-Snedecor 6.Giá trị tới hạn 7. Tra ngược			1			
3	**Bài 3:** ***Quy luật xác suất của đại lượng ngẫu nhiên rời rạc*** 1.Quy luật nhị thức 2.Quy luật Poisson 3.Quy luật siêu bội 4.Quy luật đa thức	4		1			8
4	**Bài 4:** ***Tham số mẫu.*** 1.Giá trị trung tâm: Trung bình. Trung vị Số mod 2.Giá trị biến thiên: -Khoảng -Phương sai - độ lệch chuẩn -Bách phân vị, tứ phân vị, khoảng phân vị -Hệ số biến thiên	3		1			6
5	**Bài 5:** ***Kiểm định giả thuyết thống kê*** 1.Các bước bài toán kiểm định 2.Các xác suất của bài toán kiểm định 3. Thực hiện ước lượng khoảng	3		1			6
6	**Bài 6*****: Kiểm định giá trị trung bình lý thuyết*** Thực hiện 4 bước của bài toán kiểm định giá trị trung bình lý thuyết	2		1			4
7	**Bài 7:** ***So sánh phương sai, so sánh trung bình của hai biến chuẩn*** 1.Thực hiện 4 bước của bài toán so sánh phương sai 2.Thực hiện 4 bước của bài toán so sánh trung bình của hai biến chuẩn cho các trường hợp khác nhau của phương sai	4	1				8

8	**Bài 8:** ***Kiểm định giá trị của xác suất*** Thực hiện 4 bước của bài toán kiểm định giá trị giá trị của xác suất	2	1				4
9	**Bài 9:** ***So sánh các tỷ lệ và kiểm định tính độc lập*** Thực hiện 4 bước của bài toán so sánh các tỷ lệ và kiểm định tính độc lập	4	1				8

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình [x] Động não □ Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề [x] Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO5].
- Học dựa trên vấn đề: Múc đích giúp sinh viên dùng kiến thức môn học giải quyết một vấn đề trong thực tế từ [CLO3] đến [CLO5].
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projecter, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần			
	Điểm kiểm tra	20%		**CLO1**
	Thực hành			
2	**Điểm thi kết thúc lý thuyết**			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	80%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	**CLO1** đến **CLO5**

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm lý thuyết*8 + Điểm kiểm tra *2)/10

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
TÂM LÝ Y HỌC – ĐẠO ĐỨC Y HỌC –
TRUYỀN THÔNG VÀ GIÁO DỤC SỨC KHỎE

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ đa khoa . Mã số đào tạo: 7702101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Tâm lý y học – Đạo đức y học – Truyền thông và giáo dục sức khỏe

* Tiếng Việt: Tâm lý y học – Đạo đức y học – Truyền thông và giáo dục sức khỏe

* Tiếng Anh:

- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 1
- Đối tượng học (năm thứ): HK1 năm 2
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: không
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 22,5 tiết
  + Lý thuyết: 22,5 tiết
  + Bài tập: 0 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
  + Kiểm tra: 0 tiết
  + Thời gian tự học: 0 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y tế công cộng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Thạc sỹ Lương Thị Thu Hà	0974899244	bshaytcc@gmail.com
2	Thạc sỹ Mai Thị Hương	0354382678	maihuongytcc@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*

G1	**Kiến thức**		
	G1.1: Nắm được những kiến thức cơ bản về: những diễn biến tâm lý của người bệnh trong điều kiện bình thường và khi có bệnh G1.2: Những nguyên tắc về đạo đức trong nghiên cứu y học	*CĐR2, CĐR5 CĐR BSYHCT*	4
G2	**Kỹ năng**		
	G2.1: Xây dựng kỹ năng lắng nghe, chia sẻ, thương lượng và giải quyết những băn khoăn, lo lắng của người bệnh và thân nhân người bệnh. G2.2: Chẩn đoán, xử trí, theo dõi và dự phòng đúng một số bệnh thường gặp tại phòng khám ngoại trú. Thực hành tốt kỹ năng giao tiếp, tư vấn cho bệnh nhân và gia đình.	*CĐR7, CĐR11 CĐR BSYHCT*	4
G3	**Mức độ tự chủ và trách nhiệm:**		
	- Tận tâm phục vụ người bệnh. - Phối hợp tốt với nhân viên y tế, người bệnh, gia đình người bệnh và cộng đồng. - Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại bệnh viện và cộng đồng. - Giữ bí mật tình trạng người bệnh, những thông tin mà người bệnh đã cung cấp và hồ sơ bệnh án. - Tuân thủ các quy định nghề nghiệp trong chăm sóc người bệnh. - Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại bệnh viện và cộng đồng. - Hướng dẫn, giám sát và đánh giá được các sinh viên lớp dưới triển khai các hoạt động học tập tại bệnh viện.	*CĐR14, CĐR15,CĐR17 CĐR BSYHCT*	4

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Trình bày được cấu trúc, chức năng và sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần con người qua các giai đoạn phát triển trong mối tương tác với môi trường tự nhiên và xã hội	CĐR1: G1.1: *CĐR2, CĐR5 CĐR BSYHCT*
Phân tích được những diễn biến tâm lý của người bệnh trong điều kiện bình thường và khi có bệnh.	CĐR2: G1.2: *CĐR7, CĐR11 CĐR BSYHCT*
Kỹ năng	

MT2: G2 G2.1: Áp dụng được những nguyên tắc và phương pháp tâm lý để tạo sự đồng thuận và hợp tác của người bệnh và người nhà đối với các quyết định chẩn đoán và điều trị. G2.2: Xác định được những phương pháp quản lý phù hợp với người bệnh có những vấn đề về tâm lý G2.3: Tạo dựng được mối quan hệ thân thiện,hợp tác, tin tưởng với người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng; Cộng tác có hiệu quả với đồng nghiệp và đối tác. Giao tiếp hiệu quả	*CĐR7, CĐR11 CĐR BSYHCT*
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3: G3 G3.1: Chịu trách nhiệm cá nhân đối với việc ra quyết định và can thiệp chăm sóc sức khỏe người bệnh, cộng đồng. G3.2: Luôn đặt sự an toàn , quyền lợi của người bệnh làm trung tâm. Nhận biết các nguy cơ ảnh hưởng đến sự an toàn	*CĐR14, CĐR15,CĐR17 CĐR BSYHCT*

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**						
	CĐR2	CĐR5	CĐR7	CĐR11	CĐR14	CĐR15	CĐR17
Học phần 1. Tâm lý học y học Bài 1: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của Tâm lý Y học	3	3	3	3	3	3	3
Bài 2: Tâm lý người bệnh	3	3	3	3	3	3	3
Bài 3: Stress tâm lý	3	3	3	3	3	3	3
Bài 4: Chẩn đoán tâm lý lâm sàng	3	3	3	3	3	3	3
Bài 5: Liệu pháp tâm lý	3	3	3	3	3	3	3
Học phần 2. Đạo đức y học Bài 1: Giới thiệu lịch sử đạo đức y học	3	3	3	3	3	3	3
Bài 2: Lý tưởng đạo đức nghề y thông qua các lời thề y học	3	3	3	3	3	3	3
Bài 3: Nguyên lý cơ bản của đạo đức y học	3	3	3	3	3	3	3
Bài 4: Một số mối quan hệ giữa thầy	3	3	3	3	3	3	3

thuốc với bệnh nhân, đồng nghiệp, xã hội và cộng đồng							
Học phần 3. Kỹ năng giao tiếp. Bài 1: Giao tiếp giữa thầy thuốc và người bệnh	3	3	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Nội dung học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của Tâm lý Y học, giúp sinh viên nắm được kiến thức về tâm lý người bệnh, stress tâm lý, chẩn đoán tâm lý lâm sàng, liệu pháp tâm lý; những nội dung cơ bản về đạo đức trong y học và những kỹ năng giao tiếp cơ bản của người thầy thuốc.Từ đó vận dụng kiến thức để rèn luyện kỹ năng và thái độ giao tiếp chuẩn mực trong học tập và chăm sóc bệnh nhân.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy học**						**Yêu cầu đối với sinh viên**
	Lên lớp (Tiết)					**Tự học (Giờ)**	
	LT	**TH**	**BT/TL/KT**		**Tổng cộng**		
Học phần 1. Tâm lý học y học Bài 1: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của Tâm lý Y học	2	0	0		2		
Bài 2: Tâm lý người bệnh	3,5	0	0		4		
Bài 3: Stress tâm lý	2	0	0		2		
Bài 4: Chẩn đoán tâm lý lâm sàng	2	0	0		2		
Bài 5: Liệu pháp tâm lý	2	0	0		2		
Học phần 2. Đạo đức y học Bài 1: Giới thiệu lịch sử đạo đức y học	2	0	0		2		
Bài 2: Lý tưởng đạo đức nghề y thông qua các lời thề y học	2	0	0		2		
Bài 3: Nguyên lý cơ bản của đạo đức y học	1	0	0		2		
Bài 4: Một số mối quan hệ giữa thầy thuốc với bệnh nhân, đồng nghiệp, xã hội và cộng đồng	0				1		
Học phần 3. Kỹ năng giao tiếp. Bài 1: Giao tiếp giữa thầy thuốc và người bệnh	4	0	0		4		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Hướng dẫn học phần Tâm lý y học – Kỹ năng giao tiếp (tài liệu lưu hành nội bộ)

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1, Trường Đại học Y Hà Nội – Bộ môn Y đức và Y xã hội học (2012), **Tâm lý Y học**, NXB Y học

2, Trường Đại học Y Hà Nội (2011), **Đạo đức Y học**, NXB Y học

3, Trường đại học y khoa Thái Nguyên - Bộ môn y xã hội học (2008**), Bài giảng môn Tâm lý học – y đức** , Chủ biên Ths. GVC. Đàm Thị Tuyết

4, Nguyễn Quang Uẩn (2003), **Tâm lý học đại cương** , NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội

5, PGS.TS. Nguyễn Văn Nhận (2006), **Tâm lý học Y học,** NXB Y học

6, Nguyễn Huỳnh Ngọc (2010), **Tâm lý học y học – y đức,** NXB Giáo dục Việt Nam

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	8	0	0	0		
2	8	0	0	0		
3	8	0	0	0		2

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x Động não □ Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm □ Đóng vai x Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐRG1 đến CĐRG3

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐRG1 đến CĐRG3

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐRG1 đến CĐRG3

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐRG1 đến CĐRG3

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun: Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần	0	số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %	
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn, ...	0		
	Thực hành	0		
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trác nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...	10/10		CĐR 1 đến CĐR3

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày ….. tháng ….. năm 202…..

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
TRUYỀN THÔNG GIÁO DỤC SỨC KHỎE
Đối tượng đào tạo: bác sỹ đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Truyền thông giáo dục sức khỏe
* Tiếng Việt: Truyền thông giáo dục sức khỏe
* Tiếng Anh:
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ:1,5
- Đối tượng học (năm thứ): Học kỳ: năm thứ 3
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc X	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 22,5 tiết
  + Lý thuyết: 22,5 tiết
  + Bài tập: 0 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
  + Kiểm tra: tiết
  + Thời gian tự học: 0 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y tế công cộng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Thạc sỹ Nguyễn Văn Bình	0916359842	binhytcc2012@gmail.com
2	Thạc sỹ Lương Thị Thu Hà	0974899244	bshaytcc@gmail.com
3	Thạc sỹ Bàng Thị Hoài	0977045888	thuhoaiytcc@gmail.com
4	Thạc sỹ Nguyễn Thanh Nga	0369203688	nguyenthanhnga555@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
G1	**Kiến thức**	*Tiêu chí 1,2,3 - tiêu*	4

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	- Trình bày được các kiến thức cơ bản về truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe. - Phân tích được vị trí vai trò của truyền thông giáo dục sức khỏe trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. - Trình bày được các nguyên tắc cơ bản trong chỉ đạo hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe. - Phân tích được hành vi sức khỏe, các yếu tố tác động đến hành vi sức khỏe và các bước của quá trình thay đổi hành vi . - Trình bày được các nội dung cơ bản của các vấn đề sức khỏe, bệnh tật chính cần truyền thông. - Trình bày được các phương tiện và phương pháp và kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe	*chuẩn 16- lĩnh vực 3- CNLCBBSĐK*	
G2	**Kỹ năng** - Lập được kế hoạch truyền thông - Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe để chăm sóc sức khỏe cộng đồng. - Vận dụng được các nguyên tắc truyền thông - Giáo dục sức khỏe vào trong công tác truyền thông - Giáo dục sức khỏe của mình. - Thực hiện được các phương pháp TT - GDSK: nói chuyện sức khoẻ, thảo luận nhóm để GDSK, tư vấn giáo dục sức khỏe.	*Tiêu chí 2 - tiêu chuẩn 16- lĩnh vực 3- CNLCBBSĐK*	4
G3	- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm** Nhận thức được tầm quan trọng của khoa học hành vi trong TT - GDSK. - Nhận thức được tầm quan trọng của TT - GDSK trong công tác CSSK cộng đồng	*Tiêu chí 3 - tiêu chuẩn 16- lĩnh vực 3- CNLCBBSĐK*	4

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Xác định những nhu cầu và những nội dung cần hướng dẫn giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và các nhóm cộng đồng	*Tiêu chí 1- tiêu chuẩn 16- lĩnh vực 3- CNLCBBSĐK*
Kỹ năng	
MT2: Thực hiện tư vấn, truyền thông giáo dục nâng cao sức khỏe, thực hiện lối sống lạnh mạnh, hành vi có lợi sức khỏe, phòng bệnh	*Tiêu chí 2 - tiêu chuẩn 16- lĩnh vực 3- CNLCBBSĐK*
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3: Sử dụng công cụ đa truyền thông hỗ trợ chuyển tài các thông tin, kỹ năng thuyết trình, viết báo cáo...	*Tiêu chí 3 - tiêu chuẩn 16- lĩnh vực 3- CNLCBBSĐK*

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**		
	CĐR1	CĐR2	CĐR3
Bài1: Khái niệm về truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe	3	3	3
Bài 2: Nguyên tắc truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao giáo dục sức khỏe	3	3	3
Bài 3: Hành vi sức khỏe, quá trình thay đổi hành vi	3	3	3
Bài 4: Nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe	3	3	3
Bài 5: Phương tiện và phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe	3	3	3
Bài 6: Lập kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe và quản lý hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe	3	3	3
Bài 7: Kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Mỗi bài trong phần này sẽ tập chung đi sâu vào phân tích từng khía cạnh của Y học gia đình như các nguyên lý trong thực hành y học gia đình, sử dụng một số công cụ trong đánh giá gia đình, quản lý được các bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng cũng như khám sàng lọc và tư vấn cho bệnh nhân ngoại trú và đặc biệt biết cách chăm sóc sức khỏe theo vòng đời dựa vào các nguyên lý y học gia đình để sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng vận dụng được các khái niệm, nguyên lý, công cụ đánh giá gia đình, quản lý bệnh mạn tính và chăm sóc sức khỏe cho người dân.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy học**						**Yêu cầu đối với sinh viên**
	Lên lớp (Tiết)					**Tự học (Giờ)**	
	LT	**TH**	**BT/TL/KT**		**Tổng cộng**		
Bài1: Khái niệm về truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe	03	0	0		03		Phân tích được khái niệm và vai trò của truyền thông
Bài 2: Nguyên tắc truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao giáo dục sức khỏe	03	0	0		3		Phân tích nguyên tắc cơ truyền thông
Bài 3: Hành vi sức khỏe, quá trình thay đổi hành vi	03	0	0		04		Hiểu về quá trình thay đổi hành vi
Bài 4: Nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe	03		0		04		Xác định đối tượng truyền thông và xay dựng nội dung truyền thông
Bài 5: Phương tiện và phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe	03	0	0		03		Sử dụng và ứng dựng phương tiện truyền thông trong TTGDSK
Bài 6: Lập kế hoạch truyền thông giáo	04	0	0		04		Xây dựng kế hoạch truyền thông GDSK

dục sức khỏe và quản lý hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe							
Bài 7: Kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe	3,5	-	0		04		Có kỹ năng truyền thông GDSK

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Giáo trình truyền thông- giáo dục sức khỏe (Học viện YDHCTVN -2017, Nhà xuất bản Y học)

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ Y tế. Giáo dục và nâng cao sức khỏe (2013), nhà xuất bản Y học. Hà Nội
2. Trường đại học Y Dược Thái Nguyên -Bộ môn Y học cộng đồng. Giáo trình truyền thông giáo dục sức khỏe. Nhà xuất bản Y học. 2006.
3. Baltasar Gracian. 300 điều nên tránh trong giao tiếp, Nhà xuất bản Văn hóa – Thông tin, 270 (trang 2002).
4. David J. Anspaugh, Mark B.Dignan, Suán L.Aspaugh. Health promotion program, McGraw-Hill Companiees (2000), 219 pg.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	03	0	0	0	0	0
1	3	0	0	0	0	0
1	04	0	0	0	0	0
1	04	0	0	0	0	0
2	03	0	0	0	0	0
2	04	0	0	0	0	0
2	04	0	0	0	0	0

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x Động não □ Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề x Hoạt động nhóm x Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống x Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR ... đến CĐR ....

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ....
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có đầy đủ thiết bị giảng dạy như: phấn, bảng, máy chiếu, loa, mic

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80. %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần	0	số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80	CĐR ...

			%;	
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn, ...	0		
	Thực hành	0		
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trác nghiệm trên máy tính	100%		CĐR1 đến CĐR 3

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày ….. tháng …. năm 202….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT VỀ HÀNH NGHỀ

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ Y khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Phổ biến Pháp luật về hành nghề
* Tiếng Việt: Phổ biến Pháp luật về hành nghề
* Tiếng Anh:
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ:1
- Đối tượng học (năm thứ): Học kỳ : năm thứ 6
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc X	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 15 tiết
  + Lý thuyết: 15 tiết
  + Bài tập: 0 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
  + Kiểm tra: tiết
  + Thời gian tự học: 0 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y tế công cộng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Thạc sỹ Đinh Thị Hương	0914.681.139	Dinhhuong512@gmail.com
2	Thạc sỹ Trương Thị Minh Trang	0975778477	truongminhtrang16@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
G1	Nắm được các văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước về hành nghề khám chữa bệnh	*CĐR1*	4
G2	Cập nhật các kiến thức mới về hành nghề Nâng cao ý thức tự học, tự nghiên cứu; ý thức chủ động tìm hiểu và nâng cao hiểu biết về	*CĐR7, CĐR8*	4

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	pháp luật;		
G3	Thực hiện vận dụng theo đúng các văn bản của nhà nước về hướng dẫn hành nghề	*CĐR15, CĐR 16*	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
Ứng dụng kiến thức pháp luật về hành nghề trong khám bệnh chữa bệnh	*CĐR1*
Kỹ năng	
Thực hiện quy định của pháp luật về hành nghề khám bệnh chữa bệnh	*CĐR7, CĐR 8*
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
-Làm việc độc lập tự chịu trách nhiệm trong công tác hành nghề khám chữa bệnh. -Có trách nhiệm tự định hướng đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân	*CĐR 15* *CĐR 16*

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun				
	CĐR1	CĐR7	CĐR8	CĐR15	CĐR16
Chương I. Các vấn đề chung về luật Khám bệnh chữa bệnh	2	2	2	2	2
Chương II. Luật Bảo hiểm y tế và văn bản hướng dẫn	2	2	2	2	2
Chương III. Luật Dược, văn bản hướng dẫn	2	2	2	2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Phổ biến pháp luật về hành nghề nghiên cứu các vấn đề liên quan đến hành nghề khám chữa bệnh, các vấn đề liên quan đến luật bảo hiểm xã hội, luật dược, một số các vấn đề liên quan đến

hành nghề. Các quyền và nghĩa vụ của người hành nghề. Các quy định của Nhà nước về hành nghề khám bệnh chữa bệnh

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/ TL/KT		Tổng cộng		
Chương I. Các vấn đề chung về luật Khám bệnh chữa bệnh	06	0	0		06		Nắm ró được các quy định của pháp luật về hành nghê (luật khám bệnh chữa bệnh, văn bản hướng dẫn của nhà nước)
Chương II. Luật Bảo hiểm y tế và văn bản hướng dẫn	04	0	0		04		Nắm ró được các quy định của pháp luật về Luật Bảo hiểm y tế và văn bản hướng dẫn
Chương III. Luật Dược, văn bản hướng dẫn	05	0	0		05		Hiểu và nắm được các quy định của Luật Dược, văn bản hướng dẫn

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Nội dung bài giảng Phổ biến hành nghề do bộ môn biên soạn.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;

- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

- Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế Hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

-Luật Bảo hiểm y tế số: 25/2008/QH12, *ngày 14 tháng 11 năm 2008;*

- *Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm Y tế số*46/2014/QH13 *ngày 13 tháng 06 năm 2014;*

- Thông tư 41/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ Y Tế sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 41/2011/TT-BYT;

-Luật dược số: 105/2016/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 06/4/2016. Ngày 19/4/2016, Chủ tịch nước ký Lệnh số 05/2016/L-CTN về việc công bố Luật dược. Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở KBCB;

- Nghị định số 54/2017//NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ Quy định chi tiêt một số điều và biện pháp thi hành một số điều của luật Dược;

- Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ Quy định chi tiêt và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của luật bảo hiểm y tế;

- Thông tư 07/2018/TT-BYT ngày 12/04/2018 của Bộ Y Tế quy định chi tiết một số điều về kinh doanh dược của luật Dược và nghị định số 54/2017//NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ Quy định chi tiêt một số điều và biện pháp thi hành một số điều của luật Dược;

- Công văn 4018/BYT-YDCT ngày 28 tháng 7 năm 2020 Về việc bổ sung phạm vi chuyên môn cho bác sĩ y học cổ truyền

-*Thông tư* Số: 21/2020/TT-BYT *ngày 30 tháng 11 năm 2020* Hướng dẫn thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đa khoa đối với bác sỹ y khoa

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	06	0	0	0	0	0
1	04	0	0	0	0	0
1	05	0	0	0	0	0

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x Động não □ Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề x Hoạt động nhóm x Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống x Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR ... đến CĐR ....

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ....

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

.....

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80. %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

✓

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần	0	số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %;	CĐR1,CĐR7
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn, ...	0		
	Thực hành	0		
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trác nghiệm trên máy tính	100%		CĐR8, CĐR15, CĐR16,

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
GIẢI PHẪU BỆNH ĐẠI CƯƠNG
Đối tượng đào tạo: Bác sỹ Y khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Giải phẫu bệnh đại cương
* Tiếng Việt: Giải phẫu bệnh đại cương
* Tiếng Anh: Basic pathology
- Mã học phần/ mô đun: MEDI2005
- Số tín chỉ: 0.5
- Đối tượng học (năm thứ): 2
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành [x]		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [x]	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Mô học
- Số tiết đối với các hoạt động học tập:
+ Lý thuyết: 8 tiết
+ Bài tập: tiết
+ Thảo luận, hoạt động nhóm:
+ Kiểm tra: tiết
+ Thời gian tự học:
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Giải phẫu bệnh

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Chu Văn Đức	0945925078	Chuduc78@yahoo.com.vn
2	Ths. Bùi Thị Quỳnh	0962535484	Bsquynh89@gmail.com
3	Ths. Nguyễn Thị Như Quỳnh	0374542394	Nguyenquynhgpb@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
Kiến thức			

MT1	Có kiến thức về nguyên nhân, khái niệm đặc điểm mô bệnh học của những tổn thương cơ bản của bệnh	[CĐR 2]	2
Kỹ năng			
MT2	Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận và liên hệ với biểu hiện sinh lý, bệnh lý của cơ thể	[CĐR 2]	4
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT3	Rèn luyện sự tự tin và tinh thần tự học, tự hệ thống kiến thức và hợp tác, tuân thủ nội quy trong học tập.	[CĐR15]	4

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Có kiến thức về nguyên nhân, khái niệm đặc điểm mô bệnh học của những tổn thương cơ bản của bệnh	CLO1: Trình bày được nguyên nhân, khái niệm, đặc điểm mô bệnh học của những tổn thương cơ bản của bệnh
Kỹ năng	
MT2: Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận và liên hệ với biểu hiện sinh lý, bệnh lý của cơ thể	CLO2: Đối chiếu hình ảnh tổn thương với biểu hiện trên sinh lý, bệnh lý của cơ thể
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3: Rèn luyện sự tự tin và tinh thần tự học, tự hệ thống và hợp tác trong học tập.	CLO 3: Có trách nhiệm tự định hướng, bảo vệ quan điểm cá nhân và có tinh thần làm việc độc lập và hợp tác làm việc nhóm trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5.Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun		
	1	2	1
Tổn thương cơ bản tế bào và mô	3	2	1
Rối loạn tuần hoàn	3	2	1

Viêm	3	2	1
U- ung thư	3	1	1

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

- Vị trí/ vai trò: là học phần cơ sở ngành y về vai trò của Giải phẫu bệnh trong bệnh học lâm sàng.
- Mục đích: Học phần Giải phẫu bệnh cung cấp kiến thức cơ bản về tổn thương từ mức độ tế bào, mô, cơ quan trong cơ thể, giải thích mối quan hệ giữa hình thái và chức năng, là cơ sở cho các triệu chứng, chẩn đoán lâm sàng.
- Nội dung: Các nguyên nhân, khái niệm, đặc điểm mô bệnh học của các tổn thương cơ bản: nở to tế bào, teo đét tế bào, quá sản mô, rối loạn tuần hoàn, viêm, u ung thư.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy học**						**Yêu cầu đối với sinh viên**
	Lên lớp (Tiết)					**Tự học (Giờ)**	
	LT	**TH**	**TL**		**Tổng cộng**		
Bài 1: Tổn thương cơ bản tế bào và mô 1. Nguyên nhân, cơ chế 2. Nở to 3. Teo đét 4. Thoái hóa 5. Hoại tử 6. Chết tế bào 7. Quá sản 8. Dị sản 9. Loạn sản	2.0				2.0		Đọc trước tài liệu, tóm tắt ý chính của bài học và đặt ra câu hỏi về những vấn đề chưa hiểu. Các câu hỏi sẽ được thảo luận trong buổi học
Bài 2: Rối loạn tuần hoàn 1. Phù 2. Sung huyết 3. Xuất huyết 4. Huyết khối 5. Huyết tắc 6. Nhồi máu 7. Sốc	2.0				2.0		
Bài 3:Đại cương viêm 1. Định nghĩa 2. Ý nghĩa 3. Các giai đoạn của viêm	2.0				2.0		
Bài 4: Đại cương u - ung thư 1. Định nghĩa u, ung thư 2. Nguồn gốc u	2.0				2.0		

3. Đặc điểm u, ung thư 4. Cấu tạo u, ung thư 5. Tiến triển u, ung thư 6. Chẩn đoán, phát hiện sớm u, ung thư						

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC):

[1].Bộ môn Giải phẫu bệnh (2019), Giáo trình Giải phẫu bệnh đại cương, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK):

[1]. Đại học Y Hà Nội (2016), Giải phẫu bệnh học, Nhà xuất bản Hà Nội

[2]. Lê Đình Roanh (2001), Bệnh học các khối u, Nhà xuất bản Y học.

[3].Bộ môn Giải phẫu bệnh (2006), Học viện Quân Y, Giải phẫu bệnh đại cương, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân Việt Nam

[4]. Bộ Y tế (2009), Ung thư học đại cương, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Bài 1: Tổn thương cơ bản tế bào và mô 1. Nguyên nhân, cơ chế 2. Nở to 3. Teo đét 4. Thoái hóa 5. Hoại tử 6. Chết tế bào 7. Quá sản 8. Dị sản 9. Loạn sản	2					4
	Bài 2: Rối loạn tuần hoàn 1. Phù 2. Sung huyết 3. Xuất huyết 4. Huyết khối 5. Huyết tắc 6. Nhồi máu 7. Sốc	2					4
2	Bài 3:Đại cương viêm	2					4

	1. Định nghĩa 2. Ý nghĩa 3. Các giai đoạn của viêm						
	Bài 4: Đại cương u - ung thư 1. Định nghĩa u, ung thư 2. Nguồn gốc u 3. Đặc điểm u, ung thư 4. Cấu tạo u, ung thư 5. Tiến triển u, ung thư 6. Chẩn đoán, phát hiện sớm u, ung thư	2					4

7. Hình thức tổ chức dạy – học

(Đây là nội dung rất quan trọng đối với giáo viên, sinh viên và người quản lí. Mỗi nội dung kiến thức đều được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu… Giáo viên phải cập nhật nội dung này hàng năm. Mỗi nội dung trong lịch trình dạy-học, phải xác định được ***số giờ tín chỉ*** *sẽ thực hiện ở từng hình thức trên)*

Lịch trình dạy-học *(thiết kế cho cả tiến trình)*

Giảng dạy lý thuyết

Thứ tự	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực tập	Tự học		
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
1	Bài 1: Tổn thương cơ bản tế bào và mô	3		1			Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo và chuẩn bị câu hỏi cho nội dung dạy để thảo luận tương tác	
2	Bài 2: Rối loạn tuần hoàn	2		1				

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x Động não x Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □

Hoạt động nhóm x Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO2].
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng tóm tắt, xử lý thông tin, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO3].

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO3

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Giảng đường: có bộ máy chiếu có đầu chuyển đổi HDMI, màn hình led, có loa mic

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi muộn quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%
- Sinh viên phải hoàn thành các bài tập, các yêu cầu thảo luận trên lớp của giảng viên.
- Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần	0	Hoàn thành 80% số tiết	
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trác nghiệm trên máy tính/ Tự luận/Báo cáo tiểu luận...	100%	Đạt từ điểm 4	CĐR1 đến CĐR2

12.3. Điểm học phần/mô đun

Điểm học phần là điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ)

TK = Thi.

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT MÔ PHÔI THAI HỌC

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ y khoa, Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Mô phôi thai học

* Tiếng Anh: Histology and Embryology

- Mã học phần/ mô đun: MEDI 1002

- Số tín chỉ: 2 tín chỉ

- Đối tượng học (năm thứ): năm thứ 1

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành ☑		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Sinh học tế bào

- Số tiết : 30 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Mô học - Phôi thai học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số ĐT	Email	Ghi chú
1	Ts. Quách Thị Yến	0912661423	Quachthiyen888@gmail.com	
2	Ths. Cù Thị Bích Thủy	0987467088	Bichthuymp1905@gmail.com	
3	Ths. Nguyễn Huyền Trang	0947152902	Trangnh1215@gmail.com	
4	TS. Võ Đình Vinh	0913237239	vodinhvinh@gmail.com	Thỉnh giảng

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
MT1	- Mô tả được cấu tạo hình thái (vi thể, siêu vi thể) của: tế bào, các mô, các cơ quan người bình thường - Giải thích được mối liên quan giữa cấu tạo và chức năng của các thành phần cấu tạo các mô và các cơ quan.	CĐR 2	3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	- Trình bày được sự hình thành và phát triển của phôi thai người bình thường và một số dị dạng bẩm sinh thường gặp.		
MT2	- Nhận biết được đúng các loại: tế bào, mô, cấu trúc của các cơ quan khi quan sát các tiêu bản dưới KHVQH. Vẽ và chú thích được cấu tạo vi thể một số mô, cơ quan		3
MT3	- Nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức mô học và vị trí của môn học trong hệ thống kiến thức Y học. - Làm việc được độc lập và làm việc nhóm	CĐR15	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
- Mô tả được cấu tạo hình thái (vi thể, siêu vi thể) của: tế bào, các mô, các cơ quan người bình thường - Giải thích được mối liên quan giữa cấu tạo và chức năng của các thành phần cấu tạo các mô và các cơ quan. - Trình bày được sự hình thành và phát triển của phôi thai người bình thường và một số dị dạng bẩm sinh thường gặp.	CĐR 1: Nhận biết được cấu trúc mô học cơ quan người bình thường CĐR 2: Giải thích mối liên quan giữa cấu tạo và chức năng của tế bào và mô CĐR 3: Hiểu được đại cương sự hình thành và phát triển phôi thai người bình thường CĐR 4: Giải thích được một số dị dạng bẩm sinh thường gặp
Kỹ năng	
Nhận biết được đúng các loại: tế bào, mô, cấu trúc của các cơ quan khi quan sát các tiêu bản dưới KHVQH. Vẽ được sơ đồ cấu tạo vi thể một số mô, cơ quan	CĐR 5: Nhận biết mô cơ quan, tế bào người bình thường khi quan sát dưới KHVQH

Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
- Nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức mô học và vị trí của môn học trong hệ thống kiến thức Y học. - Làm việc được độc lập và làm việc nhóm	CĐR 6: Tự giác trong học tập và nghiên cứu

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**						
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR…
Biểu mô	2	2			2	1	
Mô liên kết	2	2			2	1	
Mô cơ	3	2			3	1	
Mô thần kinh – hệ thần kinh	3	2			3	1	
Hệ hô hấp	3	3			3	2	
Hệ tuần hoàn	3	3			3	2	
Da và phụ thuộc da	3	3			3	2	
Hệ bạch huyết miễn dịch	3	3			3	2	
Hệ tiêu hóa	3	3			3	2	
Hệ tiết niệu	3	3			3	2	
Hệ sinh dục	3	3			3	2	
Hệ nội tiết	3	3			3	2	
Phôi thai học đại cương	3	3	3	3	3	2	
Dị tật bẩm sinh	3	3	3	3	3	2	

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Mô phôi thai học gồm 2 nội dung: mô học và phôi thai học

- Mô phôi thai học là môn y học cơ sở, là môn học tiên quyết cho môn Giải phẫu bệnh.
- Mô học là môn học nghiên cứu về hình thái ở mức độ vi thể và siêu vi thể của tế bào, mô và các cơ quan người bình thường. Nghiên cứu cấu trúc mô học người bình thường là điều kiện để học tốt môn giải phẫu bệnh.
- Phôi thai học: nghiên cứu sự hình thành và phát triển của phôi thai người bình thường và một số dị dạng bẩm sinh thường gặp.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Số tiết**	**Yêu cầu đối với sinh viên**
Giới thiệu môn học	0,5	
Biểu mô	1,5	Đọc tài liệu Làm việc nhóm
Mô liên kết	3,0	

Mô cơ	1,0	Xây dựng ppt Thuyết trình
Mô thần kinh – hệ thần kinh	2,5	
Hệ tuần tuần hoàn	1,0	
Hệ hô hấp	1,5	
Da bộ phận phụ thuộc da	1,0	
Hệ bạch huyết miễn dịch	3,0	
Hệ tiêu hóa	3,0	
Hệ tiết niệu	1,0	
Hệ nội tiết	1,0	
Hệ sinh dục nam	1,0	
Hệ sinh dục nữ	1,0	
Phôi thai học đại cương	6,0	
Dị tật bẩm sinh	2,0	
Tổng	**30**	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

1. Trịnh Bình (2007), *Mô – phôi,* NXB Y học, Hà Nội

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

1. Bộ môn Mô học và phôi thai học -Trường Đại học Y Hà Nội (2004), *Mô học*, NXB Y học, Hà Nội.
2. Bộ môn Mô học và phôi thai học -Trường Đại học Y Hà Nội (2001), *Mô phôi thai học người*, NXB Y học, Hà Nội
3. Nguyễn Đình Tảo (2018), *Mô phôi ứng dụng trong hỗ trợ sinh sản*, NXB Y học, Hà Nội.
4. Đỗ Kính (2015), Phôi thai học- Thực nghiệm và ứng dụng lâm sàng, NXB Y học, Hà Nội
5. WHO laboratory manual for the examination and procession of human semen 5th Edition 2010.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Số tiết	Ghi chú
1	Bải mở đầu	0,5	
	Biểu mô	1,5	
	Mô thần kinh, hệ TK 1	2,0	
2	mô liên kết	3,0	
	Da và phụ thuộc da	1,0	
3	Mô thần kinh, hệ TK	0,5	
	Mô cơ	1,0	
	Hệ hô hấp	1,5	

	Hệ tuần hoàn	1,0	
4	Hệ bạch huyết miễn dịch	3,0	
	Hệ nội tiết	1,0	
5	Hệ tiêu hóa	3,0	
	Hệ tiết niệu	1,0	
6	Hệ sinh dục nam	1,0	
	Hệ sinh dục nữ	1,0	
7	Phôi thai học ĐC 1	6	
8	Phôi thai học ĐC 2	2	
	Di tật bẩm sinh	1,5	
	Tổng	**30**	

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x Động não x Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề x Hoạt động nhóm x Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR1 đến CĐR4
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR1 đến CĐR5
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR1 đến CĐR6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

- Kế hoạch bài giảng chi tiết
- Bài giảng ppt
- projector, phấn bảng, mic, laptop

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần lý thuyết

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá học phần lý thuyết được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết**			
	Trắc nghiệm trên máy tính	100%	Đạt từ 4 điểm	CĐR1 đến CĐR 4

13. Điểm học phần mô phôi

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm thi lý thuyết kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ, hệ số 2) và *Điểm thi thực hành kết thúc học phần (hệ số 1),* sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành. Cụ thể:

Điểm KTHP = (LT*2 + TH)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC HÀNH MÔ HỌC

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ đa khoa; Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Mô phôi thai học

* Tiếng Anh: Histology and Embryology

- Mã học phần/ mô đun: MEDI 1002

- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 01

- Đối tượng học (năm thứ): 1

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo: y học cơ sở

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc X	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Học phần tiên quyết: Sinh học di truyền

- Số tiết 30 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Mô học - Phôi thai học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ts. Quách Thị Yến	0978461278	Quachthiyen888@gmail.com
2	Ths. Cù Thị Bích Thủy	0987467088	Bichthuymp1905@gmail.com
3	Ths. Nguyễn Huyền Trang	0947152902	Trangnh1215@gmail.com
4	CN. Phạm Thị Thúy An		
5	CN. Ngô Thị Hồng Thái		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
MT1	Mô tả được cấu trúc vi thể của các cơ quan người bình thường	CĐR2	3
MT2	Nhận biết được đúng các loại: tế bào, mô, cấu trúc của các cơ quan khi quan sát các tiêu bản dưới KHVQH. Vẽ	CĐR2	3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	được cấu tạo vi thể một số mô, cơ quan		
MT3	- Nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức mô học, và vị trí của môn học trong hệ thống kiến thức Y học. - Làm được việc độc lập và làm việc theo nhóm	CĐR15	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Mô tả được cấu trúc vi thể của các mô, cơ quan người bình thường	CĐR1: Vận dụng được cấu trúc mô học của các cơ quan người bình thường để chẩn đoán mô bệnh.
Nhận biết được đúng các loại: tế bào, mô, cấu trúc của các cơ quan khi quan sát các tiêu bản dưới KHVQH. Vẽ được sơ đồ cấu tạo vi thể một số mô, cơ quan	CĐR2: Nhận đúng mô, cơ quan người bình thường khi quan sát dưới KHVQH.
- Nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức mô học, và vị trí của môn học trong hệ thống kiến thức Y học. - Làm được việc độc lập và làm việc theo nhóm	CĐR3: Tự giác trong học tập và nghiên cứu

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra môn học/module		
	CĐR1	CĐR2	CĐR3
Hướng dẫn nội quy **Bài 1: Biểu mô – Mô liên kết- Mô cơ** - Mô liên kết viêm mãn tính (tương bào, lympho bào, bạch cầu, mao mạch máu) - Xương Havers đặc - Xương Havers xốp - Cơ tim - Cơ vân - Cơ trơn	3	2	2

Bài 2: Thần kinh+ Da và các tuyến phụ thuộc + Hệ tuần hoàn + Hệ hô hấp - Tiểu não - Tủy sống - Khí quản - Phổi - Da - Tuyến phụ thuộc	3	2	2
Bài 3: Hệ tiêu hóa (tiếp) - BM lát tầng không sừng hóa – Thực quản - Biểu mô trụ đơn – đáy vị – Dạ dày - Biểu mô trụ đơn – Tá tràng - Hỗng tràng - Ruột thừa	3	2	2
Bài 4: Hệ tiêu hóa + hệ bạch huyết miễn dịch - Gan - Tuyến nước bọt - Tụy - Hạch bạch huyết - Lách	3	2	2
Bài 5: Hệ nội tiếp + Hệ sinh dục - Tuyến thượng thận - Biểu mô vuông đơn – Tuyến giáp - Thận - Tinh hoàn - Biểu mô vuông đơn – Buồng trứng	3	2	2
Bài 6. Ôn tập các tiêu bản bài 1, 2, 3	3	2	2
Bài 7. Ôn tập các tiêu bản bài 4, 5	3	2	2
Bài 8. Thi thực hành		3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

- Thực hành mô học là học phần thuộc môn học Mô phôi thai học và là môn y học cơ sở, là môn học tiên quyết cho môn Giải phẫu bệnh.
- Mô học là môn học nghiên cứu về hình thái ở mức độ vi thể và siêu vi thể của tế bào, mô và các cơ quan người bình thường. Nghiên cứu cấu trúc mô học người bình thường là điều kiện để học tốt môn giải phẫu bệnh.

7. Nội dung chi tiết học phần thực hành

Nội dung	Thời gian TH/TL/KT (tiết)	Yêu cầu đối với sinh viên
Hướng dẫn nội quy **Bài 1: Biểu mô – Mô liên kết- Mô cơ** - Mô liên kết viêm mãn tính (tương bào, lympho	4	Làm việc nhóm

bào, bạch cầu, mao mạch máu) - Xương Havers đặc - Xương Havers xốp - Cơ tim - Cơ vân - Cơ trơn		
Bài 2: Thần kinh+ Da và các tuyến phụ thuộc + Hệ tuần hoàn + Hệ hô hấp - Tiểu não - Tủy sống - Khí quản - Phổi - Da - Tuyến phụ thuộc	4	Làm việc nhóm
Bài 3: Hệ tiêu hóa (tiếp) - BM lát tầng không sừng hóa – Thực quản - Biểu mô trụ đơn – đáy vị – Dạ dày - Biểu mô trụ đơn – Tá tràng - Hỗng tràng - Ruột thừa	4	Làm việc nhóm
Bài 4: Hệ tiêu hóa + hệ bạch huyết miễn dịch - Gan - Tuyến nước bọt - Tụy - Hạch bạch huyết - Lách	4	Làm việc nhóm
Bài 5: Hệ nội tiếp + Hệ sinh dục - Tuyến thượng thận - Biểu mô vuông đơn – Tuyến giáp - Thận - Tinh hoàn - Biểu mô vuông đơn – Buồng trứng	4	Làm việc nhóm
Bài 6. Ôn tập các tiêu bản bài 1, 2, 3	4	Làm việc nhóm
Bài 7. Ôn tập các tiêu bản bài 4, 5	4	Làm việc nhóm
Bài 8. Thi thực hành	2	Nghiêm túc
Tổng	**30**	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

1. Bộ mô Mô phôi thai học – Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam (2020), *Thực hành mô học (*Lưu hành nội bộ)

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

1. Bộ môn Mô học và phôi thai học -Trường Đại học Y Hà Nội (2018), *Thực tập Mô học*, NXB Y học, Hà Nội.
2. Bộ môn Mô học và phôi thai học -Trường Đại học Y Hà Nội (2018), *Mô học*, NXB Y học, Hà Nội.

8.3. Phần mềm:

[…] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần	Nội dung	Số tiết	Ghi chú
1	Hướng dẫn nội quy **Bài 1: Biểu mô – Mô liên kết- Mô cơ** - Mô liên kết viêm mãn tính (tương bào, lympho bào, bạch cầu, mao mạch máu) - Xương Havers đặc - Xương Havers xốp - Cơ tim - Cơ vân - Cơ trơn	4	
2	**Bài 2: Thần kinh+ Da và các tuyến phụ thuộc + Hệ tuần hoàn + Hệ hô hấp** - Tiểu não - Tủy sống - Khí quản - Phổi - Da - Tuyến phụ thuộc	**4**	
3	**Bài 3: Hệ tiêu hóa (tiếp)** - BM lát tầng không sừng hóa – Thực quản - Biểu mô trụ đơn – đáy vị – Dạ dày - Biểu mô trụ đơn – Tá tràng - Hỗng tràng - Ruột thừa	**4**	
4	**Bài 4: Hệ tiêu hóa + hệ**	**4**	

	bạch huyết miễn dịch - Gan - Tuyến nước bọt - Tụy - Hạch bạch huyết - Lách		
5	**Bài 5: Hệ nội tiếp + Hệ sinh dục** - Tuyến thượng thận - Biểu mô vuông đơn – Tuyến giáp - Thận - Tinh hoàn - Biểu mô vuông đơn – Buồng trứng	**4**	
6	Bài 6. Ôn tập các tiêu bản bài 1, 2, 3	4	
7	Bài 7. Ôn tập các tiêu bản bài 4, 5	4	
8	Bài 8. Thi thực hành	2	
	Tổng	**30**	

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành đạt các chuẩn từ CĐR1 đến CĐR3

Thuyết trình; thảo luận nhóm, tình huống

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

Có kế hoạch bài giảng

Có projector, phấn, bảng, kính hiển vi kết nối, kinh hiển vi quang học

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

Tham gia 100% các buổi thực hành.

Thực hiện đúng nội quy học tập của môn học

Đọc bài trước khi đến lớp

Tác phong, thái độ học tập nghiêm túc

Trang phục đúng quy định: áo blue

Vẽ hình chú thích sau mỗi buổi học

12. Phương pháp đánh giá học phần thực hành

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá học phần thực hành được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần	10%	Đúng giờ	CĐR3
	Điểm vẽ hình	10%	Vẽ đúng, đẹp	CĐR1,2
2	**Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng**			
	Thực hành chạy trạm	80%	Nhận đúng tiêu chí và mô cơ quan	CĐR1,2

12.3. Cách tính điểm thực hành:

Điểm TH = CC*0,1 + Vẽ* 0,1 + Thi TH* 0,8

Điểm thực hành đạt: từ 4 điểm trở lên

Ghi chú: Trong trường hợp dịch, hình thực thi có thể chuyển sang online sử dụng ảnh

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

GIẢI THÍCH MỘT SỐ KÝ HIỆU

(7) Ký hiệu mục tiêu bằng ký hiệu MT từ 1,2,….;

(8) Ký hiệu chuẩn đầu ra bằng ký hiệu CĐR từ 1,2,….;

(3) Mô tả CĐR theo thang Bloom;

(4) Thang trình độ năng lực:

Trình độ năng lực	Mô tả
0.0 -> 2.0	Nhớ (trình bày, định nghĩa, liệt kê,...)
2.0 -> 3.0	Hiểu (giải thích, mô tả, nhận xét,…)
3.0 -> 3.5	Áp dụng (vận dụng, chỉ ra, minh họa,…)
3.5 -> 4.0	Phân tích (phân biệt, phân tích, khảo sát,…)
4.0 -> 4.5	Đánh giá (đánh giá, so sánh, liên hệ, nhận định,…)
4.5 -> 5.0	Sáng tạo (thiết kế, đề xuất, tổ chức,…)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
SINH LÝ ĐẠI CƯƠNG
Đối tượng đào tạo: ĐH Y đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần:
* Tiếng Việt: *Sinh lý đại cương*
* Tiếng Anh: General Physiology
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 01 LT (15 tiết)
- Đối tượng học (năm thứ): năm thứ 1
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc X	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: *Sinh học, vật lý, hóa học, lý sinh, giải phẫu*
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 45 tiết
  + Lý thuyết: 15 tiết
  + Bài tập: 0 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
  + Kiểm tra: 0 tiết
  + Thời gian tự học: 30 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Sinh lý

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Ths. Vũ Thị Lan Anh	0912537951	vtlanh@gmail.com
2	Ths. Đỗ Thị Hường	0366000368	dohuong1406@gmail.com
3	Ths. Đặng Ánh Ngọc	0353233786	danganhngoc.hd@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức:		
MT1	- Trình bày được chức năng và hoạt động chức năng của từng tế bào, từng cơ quan và hệ th ống cơ quan của cơ thể sống.	[CĐR1]	1.0
MT2	- So sánh, liên hệ về những chức năng trong cơ thể thống nhất và đặt chúng trong - Trình bày được chức năng và hoạt động chức năng của từng tế bào, từng cơ quan và hệ thống cơ quan của cơ thể sống.	[CĐR1]	1.0
MT3	- So sánh, liên hệ về những chức năng trong cơ thể thống nhất và đặt chúng trong mối liên quan giữa cơ thể với môi trường		
	Kỹ năng :		
MT4	- Áp dụng để giải thích một số hiện tượng , triệu chứng lâm sàng. - Kỹ năng thảo luận nhóm. - Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện. - Kỹ năng báo cáo, thu thập và xử lý thông tin, trình bày.	[CĐR1] [CĐR9] [CĐR10]	3.0
MT5	**Mức độ tự chủ và trách nhiệm :** - Nhận thức được tầm quan trong của môn Sinh lý học. - Sẵn sàng thực hiện các kỹ năng đã học trong Sinh lý học. - Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập.	[CĐR1] [CĐR11]	3.0

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần	CĐR của học phần (CLO)
Kiến thức	
MT1: Trình bày được chức năng và hoạt động chức năng của từng tế bào, từng cơ quan và hệ thống cơ quan của cơ thể sống.	CLO1 : Trình bày được chức năng và hoạt động chức năng hệ thố.ng cơ quan của cơ thể sống
MT2: So sánh, liên hệ về những chức năng trong cơ thể thống nhất và đặt chúng trong mối liên quan giữa cơ thể với môi trường từng cơ quan và hệ thống cơ quan của cơ thể sống.	CLO2: So sánh, liên hệ về những chức năng trong cơ thể thống nhất.
MT3: So sánh, liên hệ về những chức năng trong cơ thể thống nhất và đặt chúng trong mối liên quan giữa cơ thể với môi trường	CLO3: Đặt chức năng trong mối liên quan giữa cơ thể với môi trường từng cơ quan và hệ thống cơ quan của cơ thể sống.
Kỹ năng	
MT4: Áp dụng để giải thích một số hiện tượng, triệu chứng lâm sàng; Kỹ năng thảo luận nhóm, kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện; kỹ năng báo cáo, thu thập và xử lý thông tin, trình bày.	CLO4: Ứng dụng các chức năng để trong chẩn đoán và điều trị.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Nhận thức được tầm quan trọng của môn Sinh lý học. Sẵn sàng thực hiện các kỹ năng đã học trong Sinh lý học.	CLO5: Nhận thức được tầm quan trọng của môn Sinh lý học, thực hiện các kỹ năng đã học để áp dụng vào giải thích các triệu chứng lâm sàng.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần	**Chuẩn đầu ra học phần (CLO)**				
	1	2	3	4	5
Chương 1. Đại cương cơ thể người	1	3	1	1	2
Chương 2. Các dịch cơ thể	3	3	2	2	2
Chương 3. Trao đổi chất qua màng tế bào	2	3	2	1	2
Chương 4. Điện thế nghỉ, điện thế hoạt động	3	3	2	2	2
Chương 5. Chuyển hóa chất và năng lượng	1	3	2	2	2
Chương 6. Điều nhiệt	1	3	1	1	2

6. Mô tả học phần (*Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần*)

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan và điều hòa chức năng trong mối liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau, giữa cơ thể và môi trường. Vận dụng những kiến thức cơ bản sinh lý học để giải thích một số rối loạn chức năng và ứng dụng vào học tập các môn lâm sàng

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy học**					**Yêu cầu đối với sinh viên**
	Lên lớp (Tiết)				**Tự học (Giờ)**	
	LT	**TH**	**BT/ TL/KT**	**Tổng cộng**		
Chương 1. Đại cương về cơ thể sống và hằng tính nội môi: - Trình bày được vai trò của hằng tính nội môi và các cơ chế điều hòa.	3	0	0	3	6	
Chương 2. Sinh lý các dịch của cơ thể: - Trình bày được chức năng các loại dịch trong cơ thể	2	0	0	2	4	- Chuẩn bị bài trước cả về báo
Chương 3. Sinh lý tế bào	2	0	0	2	4	

và trao đổi chất qua màng tế bào: - Trình bày được các hình thức vận chuyển vật chất qua màng tế bào.						cáo slide theo nhóm. - Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới. - Chấp hành nội quy học tập của lớp.
Chương 4. Sinh lý điện thế màng, điện thế hoạt động. - Trình bày được các nguyên nhân của điện thế nghỉ và các giai đoạn của điện thế hoạt động.	3	0	0	3	6	
Chương 5: Sinh lý chuyển hóa chất và chuyển hóa năng lượng: - Trình bày được nhu cầu, vai trò , điều hòa của glucid, lipid, protid - Trình bày được các dạng năng lượng và nguyên nhân tiêu hao năng lượng của cơ thể	3	0	0	3	6	
Chương 6: Sinh lý điều nhiệt: - Trình bày được các nguyên nhân sinh nhiệt, phương thức thải nhiệt, cơ chế chống nóng và chống lạnh.	2	0	0	2	4	
Tổng	**15**	**0**	**0**	**15**	**30**	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1.GS.TS. Phạm Thị Minh Đức (2011), "*Đại cương về cơ thể sống và hằng tính nội môi*", Sinh lý học, nhà xuất bản Y học, 24.

2. GS.TS. Phạm Thị Minh Đức (2011), "*Sinh lý tế bào – Trao đổi chất qua màng tế bào*", Sinh lý học, nhà xuất bản Y học, 36.

3.GS.TS. Phạm Thị Minh Đức (2011), "*Sinh lý điện thế màng và điện thế hoạt động*", Sinh lý học, nhà xuất bản Y học, 53.

4. GS.TS. Phạm Thị Minh Đức (2011), "*Sinh lý chuyển hóa chất, năng lượng*", Sinh lý học, nhà xuất bản Y học, 65.
5. GS.TS. Phạm Thị Minh Đức (2011), "*Sinh lý điều nhiệt*", Sinh lý học, nhà xuất bản Y học, 88.
6. GS.TS. Phạm Thị Minh Đức (2011), "*Sinh lý các dịch của cơ thể*", Sinh lý học, nhà xuất bản Y học, 137.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Phạm Thị Minh Đức, Sinh lý học, Nhà xuất bản Y học, 2007.
2. A.C.Guyton and J.E.Hall. Textbook of Medical Physiology. W.B. Saunders

Các nguồn tài liệu tham khảo trực tuyến miễn phí:

3. Bùi Mỹ Hạnh, Nguyễn Văn Huy, Quách Tuấn Ngọc (2010) yhoctructuyen.com, Atlas điện tử giải phẫu, mô học, và bộ bài giảng điện tử sinh lý học multimedia.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Bài 1: Đại cương về cơ thể sống và hằng tính nội môi	3					6
2	Bài 2: Sinh lý các dịch của cơ thể	2					4
3	Bài 3: Sinh lý tế bào và trao đổi chất qua màng tế bào	2					4
4	Bài 4: Sinh lý điện thế màng, điện thế hoạt động	3					6
5	Bài 5: Sinh lý chuyển hóa chất và chuyển hóa năng lượng.	3					6
6	Bài 6: Sinh lý điều nhiệt	2					4
	TỔNG	15					30

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x Động não □ Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □

Hoạt động nhóm □ Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR1 đến CĐR6

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR1 đến CĐR6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Giảng đường: có bộ máy chiếu có đầu chuyển đổi HDMI, màn hình led, có loa mic.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 75 %

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	**Điểm thi kết thúc học phần**			
	Trác nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...	100%	Đạt từ điểm 4.0	CĐR1 –CĐR6

12.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ), sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	P. BỘ MÔN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
	Vũ Thị Lan Anh	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
HOÁ SINH

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ Đa khoa Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
* Tiếng Việt: Hoá sinh
* Tiếng Anh: Biochemistry
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: (2.5LT, 0.5TH)
- Đối tượng học (năm thứ): 1
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành [x]		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [X]	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
  + Lý thuyết: 38 tiết
  + Bài tập: tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
  + Kiểm tra: tiết
  + Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Hoá sinh

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Ths.Phùng Bá Dương	0989898217	Phungbaduong78@gmail.com
2	Ths. Đỗ Thị Hương Lan	0323133189	Dohuongaln79@gmail.com
3	Bs.Trịnh Minh Trí (Tập sự)	0909016390	Minhtri2021@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT1	Trình bày được cấu tạo, chức năng các chất , quá trình hô hấp tế bào , các quá trình chuyển hoá Glucid, Lipid, Acid Amin, Acid Nucleic, Protein và các rối loạn chuyển hoá của chúng	CĐR2, CĐR 3	3
MT2	Hiểu được cơ chế sinh bệnh, các chỉ số xét nghiệm và ứng dụng được các kiến thức hóa sinh để học tốt các môn các môn chuyên ngành	CĐR2 , CĐR3	3
	Kỹ năng		
MT3	-Làm việc nhóm - Đọc và tóm tắt tổng hợp kiến thức -Tạo lập được từng bước tác phong làm việc chính xác, cẩn thận .Tự học, tự hệ thống được các kiến thức của môn học và kiến thức liên quan đến môn học	CĐR2, CĐR 8	3
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT4	Thể hiện nhận thức đúng về vai trò quan trọng của môn Hoá sinh trong chương trình đào tạo Bác sỹ bằng việc luôn học tập nghiêm túc, liên hệ với thực tế và ứng dụng các kiến thức đã học để lý giải các hiện tượng gặp trên lâm sàng	CĐR4, CĐR11	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 **.**

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Hiểu biết được thành phần, cấu tạo , vai trò , các yếu tố ảnh hưởng đến cấu tạo và chức năng	CLO1: Hiểu được thành phần , cấu tạo và vai trò cơ chế tác dụng các chất , các yếu tố ảnh hưởng đến cấu tạo và chức năng sinh học .
MT2.Hiểu biết được quá trình hô hấp tế bào , các quá trình chuyển hoá Glucid, Lipid, Acid Amin, Acid Nucleic, Protein và các rối loạn chuyển hoá của chúng	CLO2: Giải thích được các chỉ số liên quan đến các chỉ số Hoá sinh trong các bệnh lý
MT3: Ứng dụng được các kiến thức Hóa sinh để học tốt các môn các môn chuyên ngành	CLO3: Ứng dụng để học tốt các môn các môn chuyên ngành
Kỹ năng	
MT4: Tạo lập được từng bước tác phong làm việc chính xác, cẩn thận .Tự học, tự hệ thống được các kiến thức của môn học và kiến thức liên quan đến môn học	CLO4: Tự học, tự hệ thống được các kiến thức của môn học và kiến thức liên quan đến môn học
MT5.Biện luận kết quả các chỉ số sinh hoá xét nghiệm	CLO5: Nhận định được kết quả các chỉ số xét nghiệm sinh hoá
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT6: Thể hiện nhận thức đúng về vai trò quan trọng của môn Hoá sinh trong chương trình đào tạo Bác sỹ bằng việc luôn học tập nghiêm túc, liên hệ với thực tế và ứng dụng các kiến thức đã học để lý giải các hiện tượng gặp trên lâm sàng	CLO6: Liên hệ với thực tế và ứng dụng các kiến thức đã học để lý giải các hiện tượng gặp trên lâm sàng

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)**					
	CLO1	CLO2	ClO3	CLO4	CLO5	CLO6
Phần 1: Hoá học Glucid	1	2	1	1	2	2
Hoá học Lipid	2	2	2	1	2	2
Hoá học Acid Nucleic -Hemogolbin	2	2	2	2	2	2
Enzym	1	2	2	2	2	2
Phần 2: Oxi hoá khử Sinh học	1	2	1	1	2	2
Chuyển hoá Glucid	2	2	2	1	2	2
Chuyển hoá Lipid	2	2	2	2	2	2
Chuyển hoá acid Amin	1	2	2	2	2	2
Chuyển hoá Hemoglobin	1	2	1	1	2	2
Chuyển hoá acid Nucleic	2	2	2	1	2	2
Sinh tổng hợp Protein	3	2	2	2	2	2
Hormon	1	2	2	2	2	2
Phần 3: Hoá sinh mô cơ quan: Trao đổi muối nước	1	2	1	1	2	2
Hoá sinh thận nước tiểu	2	2	2	1	2	2
Thăng bằng acid base	2	2	2	1	2	2
Hoá sinh gan	1	2	2	1	2	2
Hoá sinh máu	1	2	1	2	2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun 2đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Hoá sinh học là hoá học của sự sống. Trình bày được cấu tạo chức năng và vai trò sinh học của các chất trong tế bào bào – cơ quan, nồng độ các chất đó trong mỗi tế bào , mỗi dịch dinh vật , cơ chế tạo thành và quá trình vận chuyển các chất , quá trình thoái hóa vận chuyển các chất và tổng hợp các chất , trao đổi năng lượng để duy trì sự sống

-Giải thích được các biểu hiện rối loạn chuyển hóa của tế bào trong trạng thái bệnh lý của một số bệnh

-Ứng dụng được các kiến thức về Hóa sinh để giúp người học đưa ra các chẩn đoán và điều trị bệnh.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/TL/KT		Tổng cộng		
Hoá học Glucid	02					4	Đọc trước tài liệu, tóm tắt ý chính của bài học và đưa ra những câu hỏi về những vấn đề chưa hiểu. Các câu hỏi sẽ được thảo luận trong buổi học
Hoá học Lipid	02					4	
Hoá học Acid Nucleic - Hemogolbin	02					4	
Enzym	02					4	
Phần 2: Oxi hoá khử Sinh học	03					6	
Chuyển hoá Glucid	03					6	
Chuyển hoá Lipid	03					6	
Chuyển hoá acid Amin	03					6	
Chuyển hoá acid Nucleic	02					4	
Sinh tổng hợp Protein	02					4	
Hormon	03					6	
Phần 3: Hoá sinh mô cơ quan: Trao đổi muối nước	03					6	
Hoá sinh thận nước tiểu	03					6	
Thăng bằng acid base	03					6	
Hoá sinh gan	02					4	
Hoá sinh máu	02					4	
Tổng	38					72	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1.**Tài liệu chính (TLC)**

[1] Bộ Y tế (2022). Hóa sinh Tạ Thành Văn, Nhà xuất bản Y học.

[2].Trường đại học Y Hà Nội (2003). Thực tập Hóa sinh, Nhà xuất bản Y học.

8.2 **Tài liệu tham khảo (TLTK)**

[1]. Bộ y tế (2005). Hóa sinh học, Nhà xuất bản Y học.

[2].Bộ y tế (2007). Hóa sinh, Nhà xuất bản Y học.

[3]. Bộ y tế (2007). Hóa sinh học, Nhà xuất bản Y học.

[4].Bộ y tế, Vụ khoa học và đào tạo (2002). Hóa sinh lâm sàng, Nhà xuất bản Y học.

[5].Bộ y tế (2007). Hóa sinh y học , Nhà xuất bản Y học.

[6].Trường Đại học Dược Hà Nội (2004).Hóa sinh học, Nhà xuất bản Y học.

[7].Bộ y tế (2008). Hóa sinh học, Nhà xuất bản Y học

[8].Bộ y tế (2009). Hóa sinh học, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam .

[9]. Bộ y tế (2021).Hóa sinh lâm sàng Tạ Thành Văn, Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Bài	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1.	Bài 1:Hoá học Glucid Bài 2 :Hoá học Lipid	2 2					4 4
2	Bài 3. Hoá học Acid Nucleic -Hemogolbin Bài 4. Enzym	2 2					4 4
3	Bài 5.	3					6

	Oxi hoá khử Sinh học Bài 6. Chuyển hoá Glucid	3					6
4	Bài 7. Chuyển hoá Lipid Bài 8. Chuyển hoá acid Amin	3 3					6 6
5	Bài 9. Chuyển hoá acid Nucleic	2					4
6	Bài 10. Sinh tổng hợp Protein Bài 11 Hormon	2 2					4 9
7	Bài 12. Hoá sinh mô cơ quan: Trao đổi muối nước	3					6
8	Bài 13. Thăng bằng	3					6

	acid base						
9	Bài 14. Hoá sinh gan	3					6
10	Bài 15. Hoá sinh máu	2					4
11	Bài 16.Hoá sinh thận nước tiểu	2					4
12	Tổng	38					72

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình X Động não □ Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề X

Hoạt động nhóm X Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống X Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR1 đến CĐR3
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR 2 đến CĐR3
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR4 đến CĐR6
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR5 đến CĐR8, CĐR11
- Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online, ZOOM

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Giảng đường: có bộ máy chiếu có đầu chuyển đổi HDMI, màn hình led, có loa mic

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học.Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%
- Sinh viên phải hoàn thành các bài tập, các yêu cầu thảo luận trên lớp của giảng viên.
- Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
1	Thực hành	33,33%	Đạt từ điểm 4	CĐR2 đến CĐR6
2	Trác nghiệm trên máy tính/ Tự luận/Báo cáo tiểu luận...	66,67%%	Đạt từ điểm 4	CĐR1 đến CĐR6

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *TH* và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ). LTx2 + THx1/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
		Phùng Bá Dương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

HÓA SINH (PHẦN THỰC HÀNH)

Đối tượng đào tạo: BS Đa khoa Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Hóa sinh

* Tiếng Anh: Biochemistry

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 0.5TC

- Đối tượng học (năm thứ): 1

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

<table>
<tr><td colspan="2" rowspan="2">Kiến thức giáo dục đại cương □</td><td colspan="4">Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □</td><td rowspan="3">Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □</td></tr>
<tr><td colspan="2">Kiến thức cơ sở ngành
x</td><td colspan="2">Kiến thức ngành
□</td></tr>
<tr><td>Bắt buộc
□</td><td>Tự chọn
□</td><td>Bắt buộc
</td><td>Tự chọn
□</td><td>Bắt buộc
□</td><td>Tự chọn
□</td></tr>
</table>

- Học phần tiên quyết:

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn Hóa sinh

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Thạc sĩ Phùng Bá Dương	0989898217	Phungbaduong78@gmail.com
2	Thạc sĩ Đỗ Thị Hương Lan	0363133189	Dohuonglan79@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

. 2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
1	**Kiến thức:** - MT1: Trình bày ý nghĩa của một số hoạt chất hóa sinh trong cơ thể, chuyển hóa bình thường của các chất qua đó trình bày được hoạt động chức năng và điều hòa chức năng của các tế bào – cơ quan – hệ thống cơ quan của cơ thể bình thường trong mối liên hệ giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường MT2; Giải thích được các biểu hiện rối loạn chức năng của các cơ quan và cơ thể trong trạng thái bệnh lý của một số bệnh/hội chứng thường gặp thể hiện qua sự thay đổi nồng độ các chất sinh hóa trong xét nghiệm	CĐR2 CĐR3	2.0
2	**Kỹ năng:** MT3: Áp dụng các kiến thức để biện luận giải thích các cơ bệnh lý gặp trong lâm sàng MT4: Có kỹ năng làm việc nhóm , phát huy được tinh thần độc lập sáng tạo , tự chủ	CĐR4, CĐR8	2.0
3	**Mức độ tự chủ và trách nhiệm:** MT5: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học thực hành sinh hóa MT6: Ứng dụng được các kiến thức trong thực hành sinh hóa để học tốt các môn các môn chuyên ngành và biện luận các kết quả xét nghiệm	CĐR11	2.0

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Hiểu được nguyên lý của phương pháp đo quang ứng dụng trong định lượng hóa sinh	CĐR1:Trình bày được hoạt động chức năng và điều hòa chức năng cơ quan của cơ thể bình thường.
MT2: Hiểu được nguyên lý định lượng và định tính các chất glucose,	CĐR2:Trình bày được các biểu hiện bệnh lý

protein trong huyết thanh	của một số bệnh/hội chứng thường gặp thông qua sự thay đổi nồng độ của các chất hóa sinh trong xét nghiệm
MT3: Hiểu được nguyên lý định lượng và định tính các chất glucose, protein trong huyết thanh	CĐR3: Hiểu được nguyên lý định lượng và định tính các chất glucose, protein trong huyết thanh
MT4: Hiểu được nguyên lý định lượng và định tính các chất cholesterol, triglycerid trong huyết thanh	CĐR4: Trình bày được nguyên lý định lượng và định tính các chất cholesterol, triglycerid trong huyết thanh
MT5: Hiểu được nguyên lý định lượng và định tính các chất AST, ALT, Biririubil trong huyết thanh	CĐR5: Trình bày được nguyên lý định lượng và định tính các chất AST, ALT, Biririubil trong huyết thanh
MT6: Hiểu được nguyên lý định lượng và định tính một số chất hóa sinh trong huyết thanh creatinin và 10 thông số nước tiểu	CĐR6: Trình bày được nguyên lý định lượng và định tính một số chất hóa sinh trong huyết thanh creatinin và 10 thông số nước tiểu
Kỹ năng	
MT7: Tạo lập được từng bước tác phong làm việc thận trọng, tỉ mỉ và chia sẻ hợp tác với bạn trong quá trình học tập; Tự học, tự hệ thống được các kiến thức của môn học và kiến thức liên quan đến môn học	CĐR7: Tự học, tự hệ thống được các kiến thức của môn học và kiến thức liên quan đến môn học
MT8: Nhận định được kết quả một số xét nghiệm cơ bản dụng trên lâm sàng	CĐR8: Nhận định được kết quả một số xét nghiệm cơ bản sử dụng trên lâm sàng
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT9: Thể hiện nhận thức đúng về vai trò quan trọng của môn Hóa sinh trong chương trình đào tạo BS đa khoa bằng việc luôn học tập nghiêm túc. MT10: Liên hệ với thực tế và ứng dụng các kiến thức đã học để lý giải các hiện tượng gặp trên lâm sàng	CĐR9: Thể hiện nhận thức đúng về vai trò quan trọng của môn Hóa sinh CĐR10: Liên hệ với thực tế và ứng dụng các kiến thức đã học để lý giải các hiện tượng gặp trên lâm sàng

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**									
	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR10
Cách sử dụng Pipet thủy tinh, Pipet tự động, cách lấy máu làm TN, Phương pháp đo quang	1	3	2	1	3	2	3	2	2	2
Định lượng Glucosse máu	1	3	3	1	3	2	3	2	2	2
Định lượng Protein máu	1	3	3	1	3	2	3	2	2	2
Định lượng Cholessterol TP máu	1	3	3	1	3	2	3	2	2	2
Định lượng Tryglycerid máu	1	3	3	1	3	2	3	2	2	2
Đinh lượng Bilirubil TP máu	1	3	3	1	3	2	3	2	2	2
Đo hoạt độ AST/ALT máu	1	3	3	1	3	2	3	2	2	2
Định lượng Ure, Creatinin máu	1	3	3	1	3	2	3	2	2	2
Định tính Glucose máu	1	3	3	1	3	2	3	2	2	2
Định tính Protein máu	1	3	3	1	3	2	3	2	2	2

Tổng phân tích 10 thông số nước tiểu	1	3	3	1	3	2	3	2	2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về các chất sinh hóa trong cơ thể và chuyển hóa của chúng; chức năng, hoạt động sinh hóa của một số cơ quan, hệ thống cơ quan và điều hòa chức năng trong mối liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau, giữa cơ thể và môi trường. Vận dụng những kiến thức cơ bản hóa sinh để giải thích một số rối loạn chức năng, Nhận định được kết quả một số xét nghiệm cơ bản và thăm dò chức năng thường sử dụng trên lâm sàng và liên hệ với thực tế và ứng dụng các kiến thức đã học để lý giải các hiện tượng gặp trên lâm sàng.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung học phần	**Thời gian lên lớp**	**Thời gian tự học**	**Yêu cầu đối với sinh viên**
Cách sử dụng Pipet thủy tinh, Pipet tự động, cách lấy máu làm TN, Phương pháp đo quang	2		Làm thao tác , hiểu nguyên tăc đo quang
Định lượng Glucosse máu	2		Làm thao tác, đọc hiểu được kết quả
Định lượng Protein máu	1		Làm thao tác, đọc hiểu được kết quả
Định lượng Cholessterol TP máu	1		Làm thao tác, đọc hiểu được kết quả
Định lượng Tryglycerid máu	1		Làm thao tác, đọc hiểu được kết quả
Đinh lượng Bilirubil TP máu	1		Làm thao tác, đọc hiểu được kết quả
Đo hoạt độ AST/ALT máu	2		Làm thao tác, đọc hiểu được kết quả

Định lượng Ure, Creatinin máu	1		Làm thao tác, đọc hiểu được kết quả
Định tính Glucose máu	2		Làm thao tác, đọc hiểu được kết quả
Định tính Protein máu	1		Làm thao tác, đọc hiểu được kết quả
Tổng phân tích 10 thông số nước tiểu	2		Làm thao tác, đọc hiểu được kết quả
Tổng	15		

8. Tài liệu học tập

8.1. **Tài liệu chính (TLC)**

[1]. GS TS Tạ Thành Văn (2007) PGS BS Đặng Thị Ngọc Dung 2022. Hoá sinh học, Nhà xuất bản Y học

8.2 **Tài liệu tham khảo (TLTK)**

[1]. Bộ Y tế (2005). Hóa sinh, Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác		
1	Cách sử dụng pipet-cách lấy máu làm TN Phương pháp đo quang Định lượng Glucose máu Định lượng Protein máu	4					
2	Định lượng Cholesterol TP máu Định Lượng Tryglycerid máu	3					

	Đo hoạt độ AST, ALT máu						
3	Định lượng ure máu Định lượng creatinin máu Định lượng Bilirrubil TP máu	4					
4	Định tính Glucose nước tiểu Định tính Protein nước tiểu Tổng phân tích 10 thông số nước tiểu	4					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR 10

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình X Động não X Từng cặp /Chia sẻ X Học dựa trên vấn đề: X

Hoạt động nhóm X

Nghiên cứu tình huống X Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập X

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR2 đến CĐR6

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR 7

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR8 đến CĐR10

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR1 đến CĐR7

- Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online, ZOOM, quay video hướng dẫn thao tác.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

Phòng thực hành đủ trang thiết bị , máy móc, dụng cụ hóa chất, vật tư tiêu hao liên quan thực hành đặc trưng của môn Hóa sinh và chỗ ngồi cho ít nhất 30 sinh viên.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học.Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp đạt 100%

- Sinh viên phải hoàn thành báo cáo thực hành, các bài tập, các yêu cầu thảo luận trên lớp của giảng viên.

- Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
2	**Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng**			
	Thực hành, lâm sàng	100%	Thi test và thao tác.	CĐR 1 đến CĐR 10

Hà Nội, ngày tháng năm 20

BAN GIÁM ĐỐC **TRƯỞNG KHOA** **BỘ MÔN/MÔ ĐUN**

(Ký, ghi rõ họ tên) *(Ký, ghi rõ họ tên)*

GIẢI THÍCH MỘT SỐ KÝ HIỆU

(9) Ký hiệu mục tiêu bằng ký hiệu MT từ 1,2,….;
(10) Ký hiệu chuẩn đầu ra bằng ký hiệu CĐR từ 1,2,….;
(3) Mô tả CĐR theo thang Bloom;
(4) Thang trình độ năng lực:

Trình độ năng lực	Mô tả
0.0 -> 2.0	Nhớ (trình bày, định nghĩa, liệt kê,...)
2.0 -> 3.0	Hiểu (giải thích, mô tả, nhận xét,…)
3.0 -> 3.5	Áp dụng (vận dụng, chỉ ra, minh họa,…)
3.5 -> 4.0	Phân tích (phân biệt, phân tích, khảo sát,…)
4.0 -> 4.5	Đánh giá (đánh giá, so sánh, liên hệ, nhận định,…)
4.5 -> 5.0	Sáng tạo (thiết kế, đề xuất, tổ chức,…)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
VI SINH (PHẦN LÝ THUYẾT)
Đối tượng đào tạo: Bác sỹ Y khoa trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/mô đun: Vi sinh
* Tiếng Việt: Vi sinh
* Tiếng Anh: Microbiology
- Mã học phần/ mô đun: MEDI 2007
- Số tín chỉ: 2.0 LT 1.0 TH
- Đối tượng học (năm thứ): 2
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				
		Kiến thức cơ sở ngành [X]		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc [X]	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
  + Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): Không
  + Học phần học trước (đã học): Sinh học và di truyền
  + Học phần song hành: Không
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 90 tiết
  + Lý thuyết: 30 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Vi sinh - KST

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Lê Thị Việt Hà	0982761889	halevisinh@gmail.com
2	ThS. Lê Văn Dũng	0977258636	ledungvnn@gmail.com
3	ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng	0988792286	thuhangnguyen.th@gmail.com
4	ThS. Đỗ Lan Phương	0912393168	phuongvisinh@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*

		trình đào tạo)	
MT1	-Trình bày được đặc điểm hình thái, cấu trúc, chức năng, sự phát triển, sinh sản của vi sinh vật - Trình bày được khái niệm nhiễm trùng và các yếu tố độc lực của vi sinh vật, kháng nguyên vi sinh vật, cơ chế tác dụng của thuốc kháng sinh và sự đề kháng kháng sinh, các biện pháp hạn chế sự đề kháng kháng sinh, nguyên lý và nguyên tắc dùng vacxin và huyết thanh miễn dịch. - Trình bày được đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh của một số vi sinh vật gây bệnh thường gặp; phương pháp chẩn đoán, biện pháp phòng, điều trị một số bệnh nhiễm trùng thường gặp.	CĐR 1,2,3,4,6,7	2
MT2	- Chẩn đoán định hướng một số bệnh do vi sinh vật. - Chỉ định và phân tích được các xét nghiệm chẩn đoán bệnh do vi sinh vật - Lấy, bảo quản đúng nguyên tắc một số bệnh phẩm thông thường. - Thực hiện một số kỹ thuật xét nghiệm cơ bản sử dụng trong phòng xét nghiệm vi sinh lâm sàng. - Tư vấn cho cá nhân và cộng đồng phòng chống được bệnh nhiễm trùng một cách chủ động.	CĐR 1,2,3,4,6,7	2
MT3	- Ý thức được vai trò và ảnh hưởng của các vi sinh vật trong quá trình hình thành bệnh nhiễm trùng – truyền nhiễm. - Xác định được tầm quan trọng các xét nghiệm vi sinh trong công tác phát hiện và điều trị các bệnh nhiễm trùng – truyền nhiễm. - Ý thức và đề xuất các giải pháp phòng bệnh cho cộng đồng.	CĐR 1,2,3,4,6,7	2
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	CĐR 14, 15	1

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: -Trình bày được đặc điểm hình thái, cấu trúc, chức năng, sự phát triển, sinh sản của vi sinh vật - Trình bày cơ chế tác dụng của thuốc kháng sinh và sự đề kháng kháng sinh, các biện pháp hạn chế sự đề kháng kháng sinh, nguyên lý và nguyên tắc dùng vacxin và huyết thanh miễn dịch. - Trình bày được đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh của một số vi sinh vật gây bệnh thường gặp; phương pháp chẩn đoán, biện pháp phòng, điều trị một số bệnh nhiễm trùng thường gặp.	**CLO1**: Trình bày được hình thể, cấu trúc của vi khuẩn và virus gây bệnh, chức năng của từng phần cấu trúc **CLO2**: Giải thích được cơ chế thuốc kháng sinh tác dụng lên vi khuẩn và sự đề kháng kháng sinh, nguyên lý và nguyên tắc dùng vacxin và huyết thanh miễn dịch **CLO3:** Trình bày được đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh, phương pháp chẩn đoán, nguyên tắc phòng và điều trị các bệnh nhiễm khuẩn. **CLO4:** Trình bày được đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh, phương pháp chẩn đoán, nguyên tắc phòng và điều trị các bệnh do virus gây ra.
Kỹ năng	
MT 2: - Chẩn đoán định hướng một số bệnh do vi sinh vật. - Chỉ định và phân tích được các xét nghiệm chẩn đoán bệnh do vi sinh vật - Lấy, bảo quản đúng nguyên tắc một số bệnh phẩm thông thường. - Thực hiện một số kỹ thuật xét nghiệm cơ bản sử dụng trong phòng xét nghiệm vi sinh lâm sàng. - Tư vấn cho cá nhân và cộng đồng phòng chống được bệnh nhiễm trùng một cách chủ động. **MT 3:** - Ý thức được vai trò và ảnh hưởng của các vi sinh vật trong quá trình hình thành bệnh nhiễm trùng – truyền nhiễm. - Xác định được tầm quan trọng các xét nghiệm vi sinh trong công tác phát hiện và điều trị các bệnh nhiễm trùng – truyền nhiễm. - Ý thức và đề xuất các giải pháp phòng bệnh cho cộng đồng.	**CLO 5:** Chẩn đoán định hướng, chỉ định và xét nghiệm được các bệnh nghi ngờ do vi sinh vật. **CLO6**: Tư vấn được cho cá nhân và cộng đồng phòng chống được bệnh nhiễm trùng một cách chủ động

Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc.	**CLO7:** Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần						
	1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**
Phần 1: Đại cương vi sinh vật	3	3			2	2	1
Phần 2: Các vi khuẩn gây bệnh thường gặp			3		2	2	1
Phần 3: Các virus gây bệnh thường gặp				3	2	2	1

6. Mô tả học phần/ mô đun

Học phần vi sinh cung cấp cho sinh viên kiến thức về vi sinh vật, vi khuẩn, vi rút gây bệnh; các phương phát phát hiện, xét nghiệm vi sinh vật; các biện pháp phòng, chống vi sinh vật gây bệnh. Học phần giúp sinh viên ý thức được sự nguy hiểm của vi sinh vật gây bệnh đến sức khỏe cá nhân và cộng đồng để tư vấn các biện pháp phòng chống chúng.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung		Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
		Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
		LT	**TH**	**BT/TL/KT**	**Tổng**		
Phần 1	Đại cương vi sinh vật Đại cương vi khuẩn	2.0					Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
	Đại cương virus	2.0					Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm;
	Kháng sinh với vi	1.0					

	khuẩn và sự kháng kháng sinh						Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
	Các phản ứng kháng nguyên – kháng thể sử dụng trong vi sinh y học	2.0					
	Nhiễm trùng và các yếu tố độc lực của vi sinh vật	1.0					
	Vacxin và huyết thanh miễn dịch	1.0					
Phần 2	Các cầu khuẩn gây bệnh, Haemophilus influenzae	3.0					
	Một số vi khuẩn gây bệnh đường tiêu hóa	2.0					
	Nhóm vi khuẩn sinh ngoại độc tố	2.5					
	Vi khuẩn dịch hạch	0.5					
	Nhóm vi khuẩn kháng cồn, acid: Lao, Phong	1.0					
	Họ *Pseudomonadaceae*	1.0					
	Giang mai, *H.pylori*, *Leptospira*	1.0					
	Chlamydia,	1.0					

	Mycoplasma						
	Myxovirus: virus cúm, á cúm, quai bị, sởi	1.5					
Phần 3	Virus rubella, SARS, SARS COV2	1.5					
	Virus bại liệt, Coxsackie virus , Rota virus	1.0					Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
	Virus viêm não Nhật Bản, virus Dengue	1.0					
	Virus Viêm gan	1.0					
	Virus Herpesvirus, virus thủy đậu	1.0					
	Virus gây hội chứng suy giảm miễn dịch ở người HIV	1.0					
	Các virus gây ung bướu	1.0					

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] *Giáo trình Vi sinh y học*, Bộ môn Vi sinh – Ký sinh trùng, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2020)

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Bộ Y tế (2009), *Vi sinh vật*. Nhà xuất bản Y học

[2] Bộ Y tế (2012), *Giáo trình Vi sinh vật y học*. Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Đại cương vi sinh vật, Đại cương vi khuẩn	1.5			0.5		
1	Đại cương virus	1.5			0.5		
1	Kháng sinh với vi khuẩn và sự kháng kháng sinh	0.75			0.25		
1	Các phản ứng kháng nguyên – kháng thể sử dụng trong vi sinh y học	1.5			0.5		
1	Nhiễm trùng và các yếu tố độc lực của vi sinh vật	0.75			0.25		
2	Vacxin và huyết thanh miễn dịch	0.75			0.25		
2	Các cầu khuẩn gây bệnh, Haemophilus influenzae	2.25			0.75		
2	Một số vi khuẩn gây bệnh đường tiêu hóa	1.5			0.5		
2	Nhóm vi khuẩn sinh ngoại độc tố	2.0			0.5		
3	Vi khuẩn dịch hạch	0.25			0.25		
3	Nhóm vi khuẩn kháng cồn, acid: Lao, Phong	0.75			0.25		
3	Họ *Pseudomonadaceae*	0.75			0.25		
3	Giang mai, *H.pylori*,	0.75			0.25		

	Leptospira						
3	*Chlamydia, Mycoplasma*	0.75			0.25		
3	Myxovirus: virus cúm, á cúm, quai bị, sởi	1.25			0.25		
3	Virus rubella, SARS, SARS COV2	1.0			0.5		
4	Virus bại liệt, Coxsackie virus , Rota virus	0.75			0.25		
4	Virus viêm não Nhật Bản, virus Dengue	0.75			0.25		
4	Virus Viêm gan	0.75			0.25		
4	Virus Herpesvirus, virus thủy đậu	0.75			0.25		
4	Virus gây hội chứng suy giảm miễn dịch ở người HIV	0.75			0.25		
4	Các virus gây ung bướu	0.75			0.25		

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x Động não x Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề x Hoạt động nhóm x Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO7].

- Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online, ZOOM…

.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

- Kế hoạch bài giảng chi tiết
- Bài giảng ppt
- Projector, phấn bảng, mic, laptop

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần lý thuyết

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Thực hành	33,3%		CLO 5 đến CLO 6

2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	66,7%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CLO 1 đến CLO 4

12.3. Điểm học phần vi sinh

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần dược).
- Điểm thực hành thực hành là điểm bài thi thực hành (lý thuyết phần thực hành và kĩ thuật thực hành)
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

12.4. Hướng dẫn thực hiện

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20

BAN GIÁM ĐỐC **TRƯỞNG KHOA** **BỘ MÔN VI SINH KST**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
VI SINH (THỰC HÀNH)
Trình độ đào tạo: Bác sỹ Y khoa trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Vi sinh.
* Tiếng Việt: Vi sinh
* Tiếng Anh: Microbiology
- Mã học phần/ mô đun: MEDI 2007
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 1.0
- Đối tượng học (năm thứ): 2
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo: Y học cơ sở

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành x		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc x	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Học phần tiên quyết:
  + Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): Không
  + Học phần học trước (đã học): Sinh học và di truyền
  + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Vi sinh - KST

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Lê Thị Việt Hà	0982761889	halevisinh@gmail.com
2	ThS. Lê Văn Dũng	0977258636	ledungvnn@gmail.com
3	ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng	0988792286	thuhangnguyen.th@gmail.com
4	ThS. Đỗ Lan Phương	0912393168	phuongvisinh@gmail.com
5	ThS. Trần Thị Thương	0977891601	tranthithuong210384@gmail.com
6	CN. Trần Thị Na	0983261078	na.vskst@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ… của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ… của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
Kiến thức			
MT1	- Trình bày được các phương pháp chẩn đoán vi sinh vật gây bệnh - Trình bày được kỹ thuật lấy mẫu bệnh phẩm. - Trình bày được cấu tạo và cách sử dụng được kính hiển vi vật kính dầu, xác định hình thể vi khuẩn - Trình bày được các thao tác vô trùng trong xét nghiệm - Trình bày được quy trình nhuộm đơn, nhuộm Gram các mẫu bệnh phẩm - Trình bày được quy trình điều chế được môi trường nuôi cấy vi sinh vật - Trình bày được quy trình thực hiện kháng sinh đồ - Trình bày được quy trình xét nghiệm phân, máu	CĐR1,2,3,4,6	2
Kỹ năng			
MT2	- Sử dụng được kính hiển vi vật kính dầu xác định hình thể vi khuẩn - Thực hiện các thao tác xét nghiệm đảm bảo vô trùng. - Thực hiện nhuộm đơn, nhuộm Gram các mẫu bệnh phẩm - Điều chế được môi trường nuôi cấy vi sinh vật - Thực hiện được kháng sinh đồ - Thực hiện xét nghiệm phân, máu	CĐR1,2,3,4,6	2
MT3	- Nhận thức được tầm quan trọng của xét nghiệm vi sinh, tính chính xác và nhanh chóng để cung cấp kết quả cho lâm sàng. - Làm được việc độc lập và làm việc theo nhóm	CĐR14	2
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	[CĐR15]	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
- Trình bày được các phương pháp chẩn đoán vi sinh vật gây bệnh - Trình bày được kỹ thuật lấy mẫu bệnh phẩm.	**CLO1**: Trình bày được quy trình chẩn đoán xét

- Trình bày được cấu tạo và cách sử dụng được kính hiển vi vật kính dầu, xác định hình thể vi khuẩn - Trình bày được các thao tác vô trùng trong xét nghiệm - Trình bày được quy trình nhuộm đơn, nhuộm Gram các mẫu bệnh phẩm - Trình bày được quy trình điều chế được môi trường nuôi cấy vi sinh vật - Trình bày được quy trình thực hiện kháng sinh đồ - Trình bày được quy trình xét nghiệm phân, máu	nghiệm, cách lấy bệnh phẩm để xét nghiệm vi sinh, các kỹ thuật xét nghiệm
- Sử dụng được kính hiển vi vật kính dầu xác định hình thể vi khuẩn - Thực hiện các thao tác xét nghiệm đảm bảo vô trùng. - Thực hiện nhuộm đơn, nhuộm Gram các mẫu bệnh phẩm - Điều chế được môi trường nuôi cấy vi sinh vật - Thực hiện được kháng sinh đồ - Thực hiện xét nghiệm phân, máu	**CLO2**: Thực hiện tốt các thao tác, kỹ thuật xét nghiệm
- Nhận thức được tầm quan trọng của xét nghiệm vi sinh, tính chính xác và nhanh chóng để cung cấp kết quả cho lâm sàng. - Làm được việc độc lập và làm việc theo nhóm	**CLO3**: Tự nhận thức, tự giác trong học tập và nghiên cứu

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra môn học/module (CLO)**		
	1	2	3
Bài 1: - Phương pháp chẩn đoán visinh vật gây bệnh - Kỹ thuật lấy mẫu bệnh phẩm nghi nhiễm SARS-CoV-2, bảo quản vận chuyển.	3	3	1
Bài 2: - Sử dụng kính hiển vi vật kính dầu - Xác định hình thể vi khuẩn	3	3	1
Bài 3: - Kỹ thuật mang khẩu trang, mặc cởi TPPHCN, an toàn sinh học trong việc lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển bệnh phẩm nghi nhiễm SARS-CoV-2 - Xác định hình thể vi khuẩn	3	3	1
Bài 4: - Kỹ thuật nhuộm đơn, nhuộm Gram	3	3	1
Bài 5: - Môi trường nuôi cấy	3	3	1
Bài 6: - Kháng sinh đồ	3	3	1
Bài 7. - Xét nghiệm phân - Xét nghiệm máu	3	3	1

Bài 8. Hình thể vi khuẩn	3	3	1

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Vị trí/ vai trò: Thực hành vi sinh vật học là học phần thuộc môn học Vi sinh vật y học và là môn y học cơ sở.

Mục đích: Giúp người học vận dụng được kiến thức ở phần lý thuyết trong học phần vận dụng vào hành nghề thực tế.

Nội dung chính yếu: học phần thực hành giúp sinh viên y khoa hiểu và thực hiện được chẩn đoán vi sinh vật học cũng như ý thức được tầm quan trọng của vi sinh trong chẩn đoán nguyên nhân gây bệnh nhiễm trùng và giúp bác sỹ lâm sàng điều trị chính xác.

7. Nội dung chi tiết học phần thực hành

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Bài 1: - Phương pháp chẩn đoán visinh vật gây bệnh - Kỹ thuật lấy mẫu bệnh phẩm nghi nhiễm SARS-CoV-2, bảo quản vận chuyển.	4	4	- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp. - Làm bài tập lượng giá phía sau sách thực hành cuối mỗi bài thực hành - Làm việc nhóm - Thấu hiểu và phản ứng nhanh khi vấn đáp - Ưu tiên phản biện, tính sáng tạo
Bài 2: - Sử dụng kính hiển vi vật kính dầu - Xác định hình thể vi khuẩn	4	4	
Bài 3: - Kỹ thuật mang khẩu trang, mặc cởi TPPHCN, anh toàn sinh học trong việc lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển bệnh phẩm nghi nhiễm SARS-CoV-2 - Xác định hình thể vi khuẩn	4	4	
Bài 4: - Kỹ thuật nhuộm đơn, nhuộm Gram	4	4	
Bài 5: - Môi trường nuôi cấy	4	4	
Bài 6: - Kháng sinh đồ	4	4	
Bài 7. - Xét nghiệm phân - Xét nghiệm máu	4	4	
Bài 8. - Quy trình xét nghiệm, hình thể vi khuẩn	2	2	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- *Giáo trình thực tập Vi sinh y học*, Bộ môn Vi sinh – Ký sinh trùng, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2020).

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Kỹ thuật xét nghiệm vi sinh lâm sàng, Nhà xuất bản y học (2016)

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)			Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Thực hành	Thảo luận	Bài tập	
1	**Bài 1:** - Phương pháp chẩn đoán visinh vật gây bệnh - Kỹ thuật lấy mẫu bệnh phẩm nghi nhiễm SARS-CoV-2, bảo quản vận chuyển.	3	1		4
2	**Bài 2:** - Sử dụng kính hiển vi vật kính dầu - Xác định hình thể vi khuẩn	3	1		4
3	**Bài 3:** - Kỹ thuật mang khẩu trang, mặc cởi TPPHCN, anh toàn sinh học trong việc lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển bệnh phẩm nghi nhiễm SARS-CoV-2 - Xác định hình thể vi khuẩn	3	1		4
4	**Bài 4:** - Kỹ thuật nhuộm đơn, nhuộm Gram	3	1		4
5	**Bài 5:** - Môi trường nuôi cấy	3	1		4
6	**Bài 6**: - Kháng sinh đồ	3	1		4
7	**Bài 7.** - Xét nghiệm phân - Xét nghiệm máu	3	1		4
8	**Bài 8.** - Quy trình xét nghiệm, hình thể vi khuẩn	1	1		2

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành đạt các chuẩn từ CĐR1 đến CĐR3

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình [x] Động não [x] Phản biện [x] Học dựa trên vấn đề □

Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống [x] Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập [x]

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CLO1 đến CLO3

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Có kế hoạch bài giảng
- Có projector, phấn, bảng, kính hiển vi kết nối, kinh hiển vi quang học
- Giảng viên cung cấp nội dung thảo luận, nội dung bài giảng cho sinh viên chuẩn bị báo cáo bài tập, chuẩn bị bài trước khi đến lớp

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

Tham gia 100% các buổi thực hành, không đến chậm quá 10 phút

Thực hiện đúng nội quy học tập của môn học

Đọc bài trước khi đến lớp

Tác phong, thái độ học tập nghiêm túc

Trang phục đúng quy định: áo blue

Vẽ hình chú thích sau mỗi buổi học và làm bài tập về nhà sau mỗi buổi học.

12. Phương pháp đánh giá học phần thực hành

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng:** Là điểm bài thi thực hành sau khi sinh viên đã tham gia 100% các buổi thực hành trên lớp Bài thi thực hành gồm 2 thành tố: Lý thuyết thực hành (40%) + Kỹ thuật thực hành (60%)			
1.1	Thực hành chạy trạm	60%	Nhận đúng hình thể vi sinh vật, tự thực hiện sử dụng tiêu bản	CLO 1 CLO 2
1.2	Vấn đáp	40%	Trình bày được các nội dung đã học	CLO 1 CLO 2 CLO 3

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần dược).
- Điểm kết thúc thực hành thực hành là trung bình cộng điểm của các bài thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3.

Hà Nội, ngày tháng năm 20

BAN GIÁM ĐỐC **TRƯỞNG KHOA** **BỘ MÔN VI SINH KST**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MODUL
KÝ SINH TRÙNG (PHẦN LÝ THUYẾT)
Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Ký sinh trùng
* Tiếng Việt: Ký sinh trùng
* Tiếng Anh: Parasites
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 2,0 LT/1,0 TH
- Đối tượng học (năm thứ): 3
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành ☑		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
  + Lý thuyết: 30 tiết
  + Bài tập: tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
  + Kiểm tra: tiết
  + Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Vi sinh - KST

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Lê Thị Việt Hà	0982761889	halevisinh@gmail.com
2	Ths. Lê Văn Dũng	0977258636	ledungvnn@gmail.com
3	Ths. Nguyễn Thị Hương	0974038830	huongnguyen172@gmail.com
4	Ths. Nguyễn Thị Giang	0963039785	visinhkysinhydhct@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
MT1	- Mô tả được đặc điểm sinh học, hình thể, sinh lý,		

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	sinh thái và chu kỳ phát triển của ký sinh trùng chủ yếu ở Việt Nam. - Trình bày đặc điểm dịch tễ học các bệnh ký sinh trùng ở Việt Nam. - Lý giải được đặc điểm bệnh học và tác hại do KST gây ra. - Trình bày các phương pháp chẩn đoán bệnh KST. - Trình bày được quy trình xét nghiệm máu, xét nghiệm phân và xét nghiệm nấm trực tiếp. - Trình bày các nguyên tắc điều trị cá thể, điều trị cộng đồng và kể tên một số thuốc thường dùng trong điều trị bệnh KST. - Trình bày các nguyên tắc và biện pháp phòng chống.	[CĐR1] [CĐR2] [CĐR5] [CĐR6] [CĐR7]	2
MT2	- Chẩn đoán định hướng một số bệnh KST. - Chỉ định và phân tích được các xét nghiệm chẩn đoán bệnh KST. - Lấy , bảo quản đúng nguyên tắc một số bệnh phẩm thông thường. - Làm được một số xét nghiệm thường quy chẩn đoán bệnh KST. - Tư vấn cho cá nhân và cộng đồng phòng chống bệnh KST.	[CĐR1] [CĐR2] [CĐR5] [CĐR6] [CĐR7]	2
MT3	- Ý thức được tầm quan trọng của KST đối với sức khỏe con người. - Tham gia tích cực chương trình phòng chống bệnh KST và lồng ghép với các chương trình khác. - Tích cực học tập, nắm nội dung cơ bản của môn học.	[CĐR1] [CĐR2] [CĐR5] [CĐR6] [CĐR7]	2
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	[CĐR7]	1

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của

CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Mô tả được đặc điểm sinh học, hình thể, sinh lý, sinh thái và chu kỳ phát triển của ký sinh trùng chủ yếu ở Việt Nam. Trình bày đặc điểm dịch tễ học các bệnh ký sinh trùng ở Việt Nam và lý giải được đặc điểm bệnh học và tác hại do KST gây ra. **MT2**: Trình bày các phương pháp chẩn đoán bệnh KST, các quy trình xét nghiệm máu, xét nghiệm phân và xét nghiệm nấm trực tiếp. Trình bày các nguyên tắc điều trị cá thể, điều trị cộng đồng và kể tên một số thuốc thường dùng trong điều trị bệnh KST, các nguyên tắc và biện pháp phòng chống.	**CLO1**: Nhận biết được đặc điểm của từng loại ký sinh trùng **CLO2**: Giải thích mối liên quan giữa sựu phân bố bệnh KST với các yếu tố dịch tễ **CLO3**: Lý giải được đặc điểm bệnh học và tác hại do KST gây ra. **CLO4**: Hiểu được các nguyên tắc điều trị và một số thuốc điều trị bệnh ký sinh trùng **CLO5**: Hiểu và tư vấn được các biện pháp phòng chống bệnh ký sinh trùng
Kỹ năng	
MT3: Chẩn đoán định hướng một số bệnh KST. Chỉ định và phân tích được các xét nghiệm chẩn đoán bệnh KST. Lấy , bảo quản đúng nguyên tắc một số bệnh phẩm thông thường. Làm được một số xét nghiệm thường quy chẩn đoán bệnh KST. Tư vấn cho cá nhân và cộng đồng phòng chống bệnh KST.	**CLO6:** Nhận biết được hình thể của Ký sinh trùng khi quan sát dưới KHVQH . Lấy và bảo quản được bệnh phẩm, cũng như làm được một số kỹ thuật xét nghiệm phát hiện Ký sinh trùng trong bệnh phẩm.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT4: Ý thức được tầm quan trọng của KST đối với sức khỏe con người. Tham gia tích cực chương trình phòng chống bệnh KST và lồng ghép với các chương trình khác. Tích cực học tập, nắm nội dung cơ bản của môn học.	**CLO7:** Tự giác trong học tập và nghiên cứu

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần**						
	1	2	3	4	5	6	7
Đại cương KST	3	3			2	2	1
Giun ký sinh			3		2	2	1
Sán ký sinh			3		2	2	1
Đơn bào ký sinh			3		2	2	1
Ký sinh trùng sốt rét				3	2	2	1
Vi nấm y học				3	2	2	1
Tiết túc ý học				3	2	2	1

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Học phần Ký sinh trùng gồm các kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh học, hình thể, cấu tạo, đặc điểm sinh lý, sinh thái, chu kỳ phát triển, đặc điểm dịch tễ của các loại ký sinh trùng (KST) chủ yếu ở Việt Nam; đặc điểm bệnh học và tác hại của ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng; mối liên quan giữa vấn đề ký sinh trùng và sức khỏe cộng đồng; một số phương pháp chẩn đoán bệnh ký sinh trùng và nguyên tắc điều trị cá thể, điều trị cộng đồng; các nguyên tắc và biện pháp phòng chống ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thường gặp ở Việt Nam.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy học**					**Yêu cầu đối với sinh viên**
	Lên lớp (Tiết)				**Tự học (Giờ)**	
	LT	**TH**	**BT/ TL/KT**	**Tổng cộng**		
Đại cương KST 1. Các khái niệm cơ bản về: ký sinh trùng, vật chủ và chu kỳ. 2. Đặc điểm của KST, phân loại khái quát, cách viết danh pháp ký sinh trùng theo quy ước quốc tế. 3. Ảnh hưởng qua lại giữa ký sinh trùng và vật chủ 4. Đặc điểm của bệnh ký sinh trùng. 5. Các hội chứng bệnh ký sinh trùng. 6. Dịch tễ học ký sinh trùng ở Việt Nam và thế giới .	03			03		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

7. Chẩn đoán và điều trị các bệnh KST. 8. Phòng chống bệnh ký sinh trùng.						
Giun ký sinh (Giun đũa *A. lumbricoides*, giun tóc *T. trichiura*, giun móc *A. duodenale/ N. americanus*, giun kim *E. vermicularis*, giun chỉ *W. Bancroffti/ B. malayi*) 1. Hình thể 2. Chu kỳ 3. Dịch tễ 4. Tác hại và biến chứng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng bệnh	06			06		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Sán ký sinh Sán lá gan nhỏ (*C.sinensis*), sán lá ruột lớn (*F. buski*), sán lá phổi (*P. westermani*), sán dây lợn/bò (*Taenia solium/ Taenia saginata*) 1. Hình thể 2. Chu kỳ 3. Dịch tễ 4. Tác hại và biến chứng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng bệnh	06			06		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Đơn bào ký sinh **(***E. histolytica, G. lamblia, B. coli, T. vaginalis***)** 1. Hình thể 2. Chu kỳ 3. Dịch tễ 4. Tác hại và biến chứng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng bệnh	04			04		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Ký sinh trùng sốt rét **(***P. falciparum, P.vivax, P. ovale và P. malariae***)**	06			06		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo

1. Hình thể KST SR 2. Chu kỳ 3. Dịch tễ 4. Sinh bệnh học sốt rét 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng bệnh						nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Vi nấm y học 1. Khái niệm 2. Hình thể chung 3. Đặc điểm chung của nấm 4. Đặc điểm nuôi cấy 5. Chẩn đoán bệnh nấm 6. Điều trị 7. Phòng bệnh 8. Đặc điểm hình thể, vai trò trong y học, phòng và điều trị bệnh do nấm *Candida, Aspergillus*	03			03		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Tiết túc ý học 1. Đặc điểm về hình thể, chu kỳ chung và phân loại tiết túc. 2. Phương thức truyền bệnh của tiết túc. 3. Nguyên tắc và biện pháp phòng chống tiết túc. 4. Đặc điểm về hình thể của ghẻ *Sarcoptes scabiei*, chấy rận *Anoplura*, bọ chét *Aphaniptera*, ruồi nhà *Musca domestica* và muỗi *Culicidae*. 5. Chu kỳ và vai trò của ghẻ *Sarcoptes scabiei*, chấy rận *Anoplura*, bọ chét *Aphaniptera*, ruồi nhà *Musca domestica* và muỗi *Culicidae*. 6. Chu kỳ tiêu sinh của muỗi *Culicidae*. 7. Một số đặc điểm về hình thể, sinh thái, vai trò truyền bệnh của một số giống muỗi ở Việt Nam.	02			02		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Giáo trình Ký sinh trùng y học – Bộ môn Vi sinh – Ký sinh trùng – Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam (2020)

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ môn Ký sinh trùng Đại học Y Dược- thành phố Hồ Chí Minh; Ký sinh trùng Y học (giáo trình đại học). Nhà xuất bản Y học; năm 2010.
2. Bộ môn Ký sinh trùng Đại học Y Hà Nội; Ký sinh trùng Y học; Nhà xuất bản Y học, năm 2001.
3. Bộ môn Sốt rét, Ký sinh trùng, Côn trùng Học viện Quân y; Ký sinh trùng & Côn trùng Y học nhiệt đới (giáo trình giảng dạy đại học). Nhà xuất bản quân đội nhân dân, năm 2008.
4. Bộ môn Ký sinh trùng trường Đại y khoa Thái Bình; Ký sinh trùng & Côn trùng Y học nhiệt đới (giáo trình đại học). Nhà xuất bản Y học, năm 2007.
5. Dự án quốc gia phòng chống sốt rét - Bộ Y tế (2000). Bệnh sốt rét: bệnh học lâm sàng và điều trị.Nhà xuất bản Y học, Hà nội, 2000.
6. Nguyễn Thị Lê, Nguyễn Ngọc Châu và CTV (2000).Giun sán học đại cương. Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật. Hà Nội, 2000.
7. Nguyễn Ngọc Thuỵ, Lê Trần Anh (2004). Bệnh Nấm Y Học. Nhà xuất bản Quân đội nhân dân - Hà Nội 2004.

8. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)							Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	Nội dung	
1	**Đại cương KST** 1. Các khái niệm cơ bản về: ký sinh trùng, vật chủ và chu kỳ. 2. Đặc điểm của KST, phân loại khái quát, cách viết danh pháp ký sinh trùng theo quy ước quốc tế. 3. Ảnh hưởng qua lại giữa ký sinh trùng và vật chủ 4. Đặc điểm của bệnh ký sinh trùng. 5. Các hội chứng bệnh ký sinh trùng. 6. Dịch tễ học ký sinh trùng ở Việt Nam và thế	03						06

	giới . 7. Chẩn đoán và điều trị các bệnh KST. 8. Phòng chống bệnh ký sinh trùng.							
	Giun ký sinh (Giun đũa *A. lumbricoides*, giun tóc *T. trichiura*, giun móc *A. duodenale/ N. americanus*, giun kim *E. vermicularis*, giun chỉ *W. Bancroffti/ B. malayi*) 1. Hình thể 2. Chu kỳ 3. Dịch tễ 4. Tác hại và biến chứng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng bệnh	06						12
2	**Sán ký sinh** Sán lá gan nhỏ (*C.sinensis*), sán lá ruột lớn (*F. buski*), sán lá phổi (*P. westermani*), sán dây lợn/bò (*Taenia solium/ Taenia saginata*) 1. Hình thể 2. Chu kỳ 3. Dịch tễ 4. Tác hại và biến chứng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng bệnh	06						12
	Đơn bào ký sinh **(***E. histolytica, G. lamblia, B. coli, T. vaginalis***)** 1. Hình thể 2. Chu kỳ 3. Dịch tễ 4. Tác hại và biến chứng	04						08

	5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng bệnh							
3	**Ký sinh trùng sốt rét (***P. falciparum, P.vivax, P. ovale và P. malariae***)** 1. Hình thể KST SR 2. Chu kỳ 3. Dịch tễ 4. Sinh bệnh học sốt rét 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng bệnh	06						12
	Vi nấm y học 1. Khái niệm 2. Hình thể chung 3. Đặc điểm chung của nấm 4. Đặc điểm nuôi cấy 5. Chẩn đoán bệnh nấm 6. Điều trị 7. Phòng bệnh 8. Đặc điểm hình thể, vai trò trong y học, phòng và điều trị bệnh do nấm *Candida, Aspergillus*	03						06

4	**Tiết túc ý học** 1. Đặc điểm về hình thể, chu kỳ chung và phân loại tiết túc. 2. Phương thức truyền bệnh của tiết túc. 3. Nguyên tắc và biện pháp phòng chống tiết túc. 4. Đặc điểm về hình thể của ghẻ *Sarcoptes scabiei*, chấy rận *Anoplura*, bọ chét *Aphaniptera*, ruồi nhà *Musca domestica* và muỗi *Culicidae*. 5. Chu kỳ và vai trò của ghẻ *Sarcoptes scabiei*, chấy rận *Anoplura*, bọ chét *Aphaniptera*, ruồi nhà *Musca domestica* và muỗi *Culicidae*. 6. Chu kỳ tiêu sinh của muỗi *Culicidae*. 7. Một số đặc điểm về hình thể, sinh thái, vai trò truyền bệnh của một số giống muỗi ở Việt Nam.	02						04

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình [x] Động não [x] Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO5].
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO6].
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR 15
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO6 đến CLO7

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projecter, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Thực hành	33,3%		CLO 5 đến CLO 6
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	66,7%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CLO 1 đến CLO 4

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm.
- Điểm kiểm tra kết thúc thực hành thực hành là điểm kiểm tra thi thực hành tại phòng thực hành.

- Điểm kết thúc học phần = Điểm kiểm tra phần thực hành * 30% + Điểm thi phần lý thuyết * 60% + Điểm đánh giá thường xuyên * 10%

Điểm đánh giá kết thúc học phần được tính theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ cho các chương trình đại học tại Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 975/QĐ-HVYDHCTVN ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN
KÝ SINH TRÙNG (THỰC HÀNH)
Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Ký sinh trùng
* Tiếng Việt: Ký sinh trùng
* Tiếng Anh: Parasites
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 1.0
- Đối tượng học (năm thứ): 2
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành ☑		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

Các học phần tiên quyết/học trước: Sinh học và di truyền, Sinh lý, Giải phẫu, Mô phôi
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Vi sinh – KST

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Lê Thị Việt Hà	0982761889	halevisinh@gmail.com
2	ThS. Lê Văn Dũng	0977258636	ledungvnn@gmail.com
3	ThS. Nguyễn Thị Hương	0974038830	huongnguyen172@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Giang	0963039785	visinhkysinhydhct@gmail.com
5	ThS. Đỗ Lan Phương	0912393168	phuongvisinh@gmail.com
6	ThS. Trần Thị Thương	0977891601	tranthithuong21031984@gmail.com
7	CN. Trần Thị Na	0983261078	na.vskst@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT1	Mô tả được hình thể một số loài giun,	[CĐR1]	2

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	sán thường gặp ở nước ta		
	Kỹ năng		
MT2	- Thực hiện đúng thao tác sử dụng kính hiển vi tìm các loại giun sán thường gặp - Nhận dạng và phân biệt được các loại giun, sán trưởng thành - Nhận biết được hình thể các loại trứng giun sán và ấu trùng giun chỉ dưới kính hiển vi - Phân biệt được hình thể trứng giun sán với những thể hữu hình thường gặp	[CĐR1] [CĐR6]	2
MT3	- Xác định đúng vai trò của thực hành hỗ trợ lý thuyết - Nghiêm túc thực hiện các kỹ thuật theo hướng dẫn của giảng viên và kỹ thuật viên.	[CĐR15]	2
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	[CĐR15]	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Mô tả được hình thể một số loài giun, sán thường gặp ở nước ta	**CLO1**: Nhận biết được đặc điểm của từng loại ký sinh trùng để chẩn đoán bệnh KST
Thực hiện đúng thao tác sử dụng kính hiển vi tìm các loại giun sán thường gặp. Nhận dạng và phân	**CLO2**: Nhận đúng hình thể của ký sinh trùng khi quan sát dưới KHVQH.

biệt được các loại giun, sán trưởng thành, hình thể các loại trứng giun sán và ấu trùng giun chỉ dưới kính hiển vi. Phân biệt được hình thể trứng giun sán với những thể hữu hình thường gặp	
Nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức Ký sinh trùng, và vị trí của môn học trong hệ thống kiến thức Y học. Làm được việc độc lập và làm việc theo nhóm	**CLO3**: Tự giác trong học tập và nghiên cứu

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra môn học/module (CLO)		
	1	2	3
Hướng dẫn nội quy Bài 1: Hình thể các loài giun, sán thường gặp	3	3	1
Bài 2: Hình thể đơn bào	3	3	1
Bài 3: Xét nghiệm phân	3	3	1
Bài 4: Xét nghiệm máu	3	3	1
Bài 5: Hình thể ký sinh trùng sốt rét	3	3	1
Bài 6: Hình thể ký sinh trùng sốt rét (Tiếp)	3	3	1
Bài 7: Xét nghiệm nấm	3	3	1
Bài 8: Hình thể nấm	3	3	1

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Vị trí/vai trò: Thực hành ký sinh trùng là học phần thuộc môn học Ký sinh trùng y học và là môn y học cơ sở, đòi hỏi người học muốn hiểu về hình thể ký sinh trùng và làm một số kỹ thuật xét nghiệm trong ký sinh trùng vận dụng vào thực tế, thực hiện 11 chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo.

Mục đích: Giúp người học vận dụng được kiến thức ở phần lý thuyết trong học phần vận dụng vào thực tế.

Nội dung chính yếu: Sử dụng kỹ năng và tư duy trong xác định hình thể ký sinh trùng và làm một số kỹ thuật xét nghiệm trong ký sinh trùng

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thảo luận (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Hướng dẫn nội quy Bài 1: Hình thể các loài giun, sán thường gặp - Các loại giun: giun đũa, giun tóc, giun móc/ mỏ, giun kim, giun chỉ - Sán lá: sán lá gan nhỏ, sán lá phổi, sán lá ruột lớn - Sán dây lợn/ bò	04	04	Làm việc nhóm
Bài 2: Hình thể đơn bào - *E. histolytica* - *G. lamblia,* - *B. coli,* - *T. vaginalis*	04	04	Làm việc nhóm
Bài 3: Xét nghiệm phân - Kỹ thuật xét nghiệm phân bằng nước muối sinh lý 0.9% và Lugol - Kỹ thuật Willis	04	04	Làm việc nhóm
Bài 4: Xét nghiệm máu - Kỹ thuật lấy máu tìm KST Sốt rét và giun chỉ - Tiêu bản máu đàn - Tiêu bản giọt đặc	04	04	Làm việc nhóm
Bài 5: Hình thể ký sinh trùng sốt rét - Thể tư dưỡng *Plasmodium falciparum* - Thể phân liệt *Plasmodium falciparum* - Thể giao bào *Plasmodium falciparum*	04	04	Làm việc nhóm
Bài 6: Hình thể ký sinh trùng sốt rét (Tiếp) - Thể tư dưỡng *Plasmodium vivax* - Thể phân liệt *Plasmodium vivax* - Thể giao bào *Plasmodium vivax*	04	04	Làm việc nhóm
Bài 7: Xét nghiệm nấm Kỹ thuật xét nghiệm nấm trực tiếp	04	04	Làm việc nhóm
Bài 8: Hình thể nấm - Hình thể nấm men - Hình thể nấm sợi	02	02	Làm việc nhóm

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Tài liệu thực tập Ký sinh trùng – Bộ môn Vi sinh – Ký sinh trùng – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2020)

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Nguyễn Văn Đề, Ký sinh trùng trong thực hành lâm sàng, Nhà xuất bản Y học, 2013

[2] Bộ môn sốt rét - ký sinh trùng và côn trùng, Học viện Quân y, Thực hành ký sinh trùng và côn trùng y học, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.

[3] Trường Đại học Dược Hà Nội, Thực tập vi sinh ký sinh, Nhà xuất bản Hà Nội, 2005

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ cứu (giờ)
		Thực hành	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	Bài 1: Hình thể các loài giun, sán thường gặp 1. Các loại giun: giun đũa, giun tóc, giun móc/ mỏ, giun kim 2. Sán lá: sán lá gan nhỏ, sán lá phổi, sán lá ruột lớn Sán dây lợn/ bò	04					04
	Bài 2: Hình thể đơn bào - *E. histolytica* - *G. lamblia,* - *B. coli,* - *T. vaginalis*	04					04
2	Bài 3: Xét nghiệm phân - Kỹ thuật xét nghiệm phân bằng nước muối sinh lý 0.9% và Lugol - Kỹ thuật Willis	04					04
	Bài 4: Xét nghiệm máu - Kỹ thuật lấy máu tìm KST Sốt rét và giun chỉ - Tiêu bản máu đàn - Tiêu bản giọt đặc	04					04
3	Bài 5: Hình thể ký sinh trùng sốt rét - Thể tư dưỡng *Plasmodium falciparum* - Thể phân liệt *Plasmodium*	04					04

	falciparum - Thể giao bào *Plasmodium falciparum*						
	Bài 6: Hình thể ký sinh trùng sốt rét (Tiếp) - Thể tư dưỡng *Plasmodium vivax* - Thể phân liệt *Plasmodium vivax* - Thể giao bào *Plasmodium vivax*	04					04
4	Bài 7: Xét nghiệm nấm Kỹ thuật xét nghiệm nấm trực tiếp	04					04
	Bài 8: Hình thể nấm - Hình thể nấm men - Hình thể nấm sợi	02					02

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR CLO1 đến CLO3

Thuyết trình; thảo luận nhóm, tình huống

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra và CLO1 – CLO3

Học tập thảo luận đạt CLO1 và CLO3

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CLO1 đến CLO3

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Giảng viên kế hoạch bài giảng
- Có projector, phấn, bảng, kính hiển vi kết nối, kinh hiển vi quang học
- Có máy tính và projecter

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Tham gia 100% các buổi thực hành.
- Thực hiện đúng nội quy học tập của môn học
- Đọc bài trước khi đến lớp
- Tác phong, thái độ học tập nghiêm túc
- Trang phục đúng quy định: áo blue
- Vẽ hình chú thích sau mỗi buổi học

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh học phần thực hành được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng:** Là điểm bài thi thực hành sau khi sinh viên đã tham gia 100% các buổi thực hành trên lớp			

	Bài thi thực hành gồm 2 thành tố: Lý thuyết thực hành (40%) + Kỹ thuật thực hành (60%)			
1.1	Thực hành chạy trạm	60%	Nhận đúng hình thể vi sinh vật, tự thực hiện sử dụng tiêu bản	CLO 1 CLO 2
1.2	Vấn đáp	40%	Trình bày được các nội dung đã học	CLO 1 CLO 2 CLO 3

12.3. Cách tính điểm thực hành:

Điểm TH = Thi TH

Điểm thực hành đạt: từ 4.0 điểm trở lên

Hà Nội, ngày tháng năm 20

BAN GIÁM ĐỐC **TRƯỞNG KHOA** **BỘ MÔN/MÔ ĐUN**

(Ký, ghi rõ họ tên) *(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN

GIẢI PHẪU ĐẠI CƯƠNG (PHẦN LÝ THUYẾT)

Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Giải phẫu đại cương

* Tiếng Việt: Giải phẫu đại cương

* Tiếng Anh: General Human Anatomy

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 1.0 tín chỉ

- Đối tượng học (năm thứ): năm thứ 1

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành ☑		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước:

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 32 tiết

+ Lý thuyết: 16 tiết

+ Thời gian tự học: 16 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Giải phẫu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1	Ths. Nguyễn Thị Sinh	0979343896	sinhnguyen.gp@gmail.com	Thỉnh giảng
2	ThS. Nguyễn Trung Hưng	0913317480	nguyentrunghunghvqy@gmail.com	Thỉnh giảng
3	Ths. Bùi Văn Thăng	0924017894	bmgiaiphauvatm@gmail.com	
4	Ths. Nguyễn Thái Hà Dương	0979713973	duongnth.ump@vnu.edu.vn	Thỉnh giảng

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
MT1	Mô tả được cấu trúc giải phẫu của từng hệ cơ quan trên người bình thường	CĐR2	3.5
MT2	Vận dụng được các kiến thức đã học về giải phẫu vào trong học tập, nghiên cứu.	CĐR2	3.5
MT3	Tự giác học tập và nghiên cứu, nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức giải phẫu, và vị trí của môn học trong hệ thống kiến thức Y học. Trung thực và có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm	CĐR15	1.0

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	**CĐR của học phần/ mô đun**
Kiến thức	
- Mô tả được cấu trúc giải phẫu của từng hệ cơ quan người bình thường. - Vận dụng được các kiến thức đã học về giải phẫu vào trong học tập, nghiên cứu.	CĐR 1: Mô tả được vị trí, hình thể, liên quan của các hệ cơ quan trọng cơ thể CĐR 2: Giải thích mối liên quan giữa cấu tạo và chức năng CĐR 3: ứng dụng các kiến thức giải phẫu làm cơ sở phân tích, lý luận cho các môn chuyên ngành.
Kỹ năng	

Nhận biết được đúng các chi tiết giải phẫu của hệ thống cơ quan trong cơ thể người bình thường	CĐR 4: Chỉ đúng các thành phần chính trên hình vẽ đã học. CĐR5: Chỉ được các chi tiết giải phẫu chính của các cơ quan trên cơ thể người bình thường.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
- Nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức giải phẫu, và vị trí của môn học trong hệ thống kiến thức Y học. - Trung thực và có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.	CĐR 6 : Tự giác trong học tập và nghiên cứu; Phát triển năng lực tự học, khả năng đọc hiểu ngoại ngữ và sử dụng công nghệ thông tin.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun		**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**				
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6
Hệ xương	2	2	2	2	1	2
Hệ khớp	2	2	2	2	1	2
Hệ cơ	2	2	2	2	1	2
Hệ thần kinh	2	2	2	2	1	2
Hệ tuần hoàn	2	2	2	2	1	2
Hệ hô hấp	2	2	2	2	1	2
Hệ tiêu hóa	2	2	2	2	1	2
Hệ tiết niệu	2	2	2	2	1	2
Hệ sinh dục	2	2	2	2	1	2
Hệ nội tiết	2	2	2			2

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Giải phẫu học người là ngành khoa học nghiên cứu cấu trúc cơ thể con người, là môn cơ sở của các môn cơ sở cũng như các môn lâm sàng của y học. Giải phẫu người nghiên cứu vị trí, đặc điểm cấu trúc của các cơ quan, bộ phận trên cơ thể người bình thường. Người học có kiến thức chuyên sâu về giải phẫu, sẽ làm nền tảng phục vụ cho các môn học khác như Sinh lý, Mô

học, Sinh lý bệnh, Giải phẫu bệnh; giúp người học hoàn thiện kiến thức tổng thể tiến tới xử lý thông tin cho Triệu chứng học và Bệnh học, điều trị. Các hệ cơ quan trong cơ thể là: hệ xương, hệ khớp, hệ cơ, hệ tiêu hoá, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiết niệu, sinh dục, hệ nội tiết và hệ thần kinh.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	Thảo luận	Tổng cộng		
Hệ xương	1.0		0.5	1.5	1.5	Đọc trước tài liệu, làm việc nhóm
Hệ khớp	1.0			1.0	1.0	
Hệ cơ	1.0		0.5	1.5	1.5	
Hệ thần kinh	2.0		0.5	3.0	3.0	
Hệ tuần hoàn	1.5		0.5	2.0	2.0	
Hệ hô hấp	1.5		0.5	2.0	2.0	
Hệ tiêu hóa	1.5		0.5	2.0	2.0	
Hệ tiết niệu	1.0			1.0	1.0	
Hệ sinh dục	1.0			1.0	1.0	
Hệ nội tiết	1.0		0.5	1.25	1.25	
Tổng	**12.5**		**3.5**	**16**	**16**	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Bộ môn Giải phẫu – Trường Đại học Y Hà Nội (2004). *Bài giảng giải phẫu học.* Nhà xuất bản Y học. Hà Nội

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Nguyễn Quang Quyền (2018). *Bài giảng giải phẫu học*. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội
- Nguyễn Hoàng Vũ và cs (2018). *Câu hỏi trắc nghiệm giải phẫu học*. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội
- Putz R., Pabst R. (2017). Sobotta's Atlas Giải phẫu người (bản dịch tiếng việt). Nhà xuất bản Nhân Trí, Hà Nội
- Hoàng Văn Cúc(2020) Giải phẫu người. NXB Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Giải phẫu hệ cơ xương khớp	3.0	1.0		4.0
2	Giải phẫu hệ tiêu hóa + hô hấp	3.0	1.0		4.0
3	Giải phẫu tuần hoàn + tiết niệu + sinh dục	3.5	0.5		4.0
4	Giải phẫu hệ thần kinh + nội tiết	3.0	1.0		4.0

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x Động não x Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề x Hoạt động nhóm x Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR1 đến CĐR4

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR1 đến CĐR6

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR1 đến CĐR6

- Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

- Kế hoạch bài giảng chi tiết
- Phòng học, projector, loa, mic, phấn, bảng, phần mềm giải phẫu 3D, tranh giải phẫu, mô hình giải phẫu

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá lý thuyết**			
	Trắc nghiệm trên máy tính	100%	Đạt từ điểm 4	

12.3. Điểm học phần/mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình của điểm thi kết thúc học phần lý thuyết và điểm thi thực hành (tính theo trọng số) và làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành

Điểm học phần = (LT x 2.0 + TH x 1.0)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
		Quách Thị Yến

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN
GIẢI PHẪU ĐẠI CƯƠNG (PHẦN THỰC HÀNH)

Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Giải phẫu đại cương

* Tiếng Việt: Giải phẫu đại cương

* Tiếng Anh: General Human Anatomy

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 0.5 tín chỉ

- Đối tượng học (năm thứ): năm thứ 1

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành ☑		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước:

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết

+ Thực hành: 15 tiết

+ Thời gian tự học: 15 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Giải phẫu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ts. Hoàng Cao Hiếu	0943338586	hoangcaohieu@gmail.com
2	Ths. Nguyễn Huyền Trang	0947152902	trangnh1215@gmail.com
3	Bs. Đào Thúy Hằng	0812002636	daothuyhang1512@gmail.com
4	CN. Nguyễn Ngọc Hân	0986370083	ngochangpm@gmail.com
5	CN. Lê Thị Liễu	0987493897	lieuquang1992@gmail.com
6	CN. Phạm Thị Thu Hà	0949383313	hapttlda@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
MT1	Nhận biết được đúng cấu trúc giải phẫu các cơ quan trên mô hình và trên cơ thể người bình thường	CĐR2	3.5
MT2	Tự giác học tập và nghiên cứu, nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức giải phẫu, và vị trí của môn học trong hệ thống kiến thức Y học. Trung thực và có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm	CĐR15	1.0

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	**CĐR của học phần/ mô đun**
Kiến thức	
- Mô tả được cấu trúc giải phẫu của từng hệ cơ quan người bình thường.	CĐR 1: Mô tả được vị trí, hình thể, liên quan của các hệ cơ quan trọng cơ thể
Kỹ năng	
Nhận biết được đúng các chi tiết giải phẫu của hệ thống cơ quan trong cơ thể người bình thường	CĐR 2: Chỉ đúng các thành phần chính trên hình vẽ, mô hình giải phẫu đã học. CĐR3: Chỉ được các chi tiết giải phẫu chính của các cơ quan trên cơ thể người bình thường.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
- Nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức giải phẫu, và vị trí của môn học trong hệ thống kiến thức Y	CĐR 4 : Tự giác trong học tập và nghiên cứu; Phát triển năng lực tự học, khả năng đọc hiểu ngoại ngữ và sử dụng công nghệ thông tin.

học. - Trung thực và có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.	

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun		**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**		
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4
Hệ xương	2	2	2	1
Hệ khớp	2	2	2	1
Hệ cơ	2	2	2	1
Hệ thần kinh	2	2	2	1
Hệ tuần hoàn	2	2	2	1
Hệ hô hấp	2	2	2	1
Hệ tiêu hóa	2	2	2	1
Hệ tiết niệu	2	2	2	1
Hệ sinh dục	2	2	2	1

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Giải phẫu học người là ngành khoa học nghiên cứu cấu trúc cơ thể con người, là môn cơ sở của các môn cơ sở cũng như các môn lâm sàng của y học. Giải phẫu người nghiên cứu vị trí, đặc điểm cấu trúc của các cơ quan, bộ phận trên cơ thể người bình thường. Người học có kiến thức chuyên sâu về giải phẫu, sẽ làm nền tảng phục vụ cho các môn học khác như Sinh lý, Mô học, Sinh lý bệnh, Giải phẫu bệnh; giúp người học hoàn thiện kiến thức tổng thể tiến tới xử lý thông tin cho Triệu chứng học và Bệnh học, điều trị. Các hệ cơ quan trong cơ thể là: hệ xương, hệ khớp, hệ cơ, hệ tiêu hoá, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiết niệu, sinh dục, hệ nội tiết và hệ thần kinh.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy học**					**Yêu cầu đối với sinh viên**
	Lên lớp (Tiết)				**Tự học (Giờ)**	
	LT	**TH**	**Thảo luận**	**Tổng cộng**		
Hệ xương		1.0	0.5	1.5	1.5	Đọc trước tài

Hệ khớp		0.5		0.5	0.5	liệu, làm việc nhóm
Hệ cơ		1.5	0.5	2.0	2.0	
Hệ thần kinh		3.0	1.0	4.0	4.0	
Hệ tuần hoàn		1.0	0.5	1.5	1.5	
Hệ hô hấp		1.5	0.5	2.0	2.0	
Hệ tiêu hóa		1.5	0.5	2.0	2.0	
Hệ tiết niệu		1.0	0.25	1.25	1.25	
Hệ sinh dục		1.0	0.25	1.25	1.25	
Tổng		**12.0**	**4.0**	**16.0**	**16.0**	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Bộ môn Giải phẫu – Trường Đại học Y Hà Nội (2004). *Bài giảng giải phẫu học.* Nhà xuất bản Y học. Hà Nội

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Nguyễn Quang Quyền (2018). *Bài giảng giải phẫu học*. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội
- Nguyễn Hoàng Vũ và cs (2018). *Câu hỏi trắc nghiệm giải phẫu học*. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội
- Putz R., Pabst R. (2017). Sobotta's Atlas Giải phẫu người (bản dịch tiếng việt). Nhà xuất bản Nhân Trí, Hà Nội
- Hoàng Văn Cúc(2020) Giải phẫu người. NXB Y học

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Nội dung	Thực hành	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Hệ cơ xương khớp	3.0	1.0		4.0
2	Hệ tiêu hóa, hệ hô hấp	3.0	1.0		4.0
3	Hệ tuần hoàn, hệ tiết niệu, sinh dục	3.0	1.0		4.0
4	Hệ thần kinh	3.0	1.0		4.0

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x Động não x Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề x Hoạt động nhóm x Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR1 đến CĐR4

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR1 đến CĐR6

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR1 đến CĐR4

- Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

- Kế hoạch bài giảng chi tiết

- Phòng học, projector, loa, mic, phấn, bảng, phần mềm giải phẫu 3D, tranh giải phẫu, mô hình giải phẫu

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá thực hành**			
	Thực hành: thi chạy trạm trên mô hình (Trong tình hình dịch bệnh: thi trực tuyến)	100%	Đạt từ điểm 4	CĐR 1 – CĐR3

12.3. Điểm học phần/mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình của điểm thi kết thúc học phần lý thuyết và điểm thi thực hành (tính theo trọng số) và làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành

Điểm học phần = (LT x 2.0 + TH x 1.0)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA** *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN** *(Ký, ghi rõ họ tên)*
		Quách Thị Yến

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN
SINH LÝ BỆNH - MIỄN DỊCH ĐẠI CƯƠNG (PHẦN LÝ THUYẾT)
Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: *Sinh lý bệnh - Miễn dịch đại cương*
* Tiếng Việt: *Sinh lý bệnh - Miễn dịch đại cương*
* Tiếng Anh: *Basic Pathophysiology and Immunology*
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 1.5LT, 0,5TH
- Đối tượng học: Năm thứ 2
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành [x]		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [x]	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: *Sinh học, vật lý, hóa học, lý sinh, giải phẫu, sinh lý*
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 84 tiết
  + Lý thuyết: 23 tiết
  + Bài tập: 0 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm:
  + Kiểm tra: 1 tiết
  + Thời gian tự học: 60 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Sinh lý bệnh-miễn dịch

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths. Vương Thị Mai Linh	0912016669	vmlinh1012@gmail.com
2	Ths. Vũ Thị Thơm	0915642865	drthomvu@gmail.com
3	Ths. Nguyễn Anh Thư	0934533988	nguyenanhthu3003@gmail.com
4	Ths. Vũ Phương Thảo	0915679668	phuongthao2487@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
1	**Kiến thức:** Áp dụng kiến thức về Miễn dịch cơ bản, Sinh lý bệnh đại cương để nhận định kết quả thí nghiệm, giải thích được cơ chế bệnh sinh các rối loạn cơ bản, liên hệ với thực tiễn lâm sàng phục vụ cho chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh dựa trên bằng chứng y học đảm bảo an toàn, hiệu quả.	[CĐR 2]	3
2	**Kỹ năng :** - Chỉ định và phân tích được một số kỹ thuật xét nghiệm, kỹ thuật y khoa cơ bản phục vụ chẩn đoán và điều trị.	[CĐR 2]	3
3	**Mức độ tự chủ và trách nhiệm :** - Nhận thức được tầm quan trong của môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch. - Sẵn sàng thực hiện các kỹ năng đã học trong Sinh lý bệnh - Miễn dịch để áp dụng vào giải thích các triệu chứng lâm sàng.	[CĐR 2]	3

*[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .***4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)**

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
	Kiến thức
MT1: Áp dụng kiến thức về Miễn dịch cơ bản, Sinh lý bệnh đại cương để nhận định kết quả thí nghiệm, giải thích được cơ chế bệnh sinh các rối loạn cơ bản.	**CLO1:** Trình bày khái quát hệ thống miễn dịch của cơ thể. **CLO2:** Trình bày các yếu tố tham gia vào hệ thống miễn dịch và đáp ứng của các yếu tố này trong hoạt động miễn dịch của cơ thể **CLO3:** Trình bày được những rối loạn hoạt động chủ yếu của hệ thống miễn dịch trong cơ thể. **CLO4:** Vận dụng kiến thức vào việc học tập các môn học khác và chăm sóc, theo dõi người bệnh. **CLO5:** Trình bày được những khái niệm cơ bản về quá trình bệnh lý. **CLO6:** Trình bày được những rối loạn cơ bản của sinh lý bệnh.

Kỹ năng	
MT2: Áp dụng kiến thức để giải thích một số hiện tượng , triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, liên hệ với thực tiễn lâm sàng phục vụ cho chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh dựa trên bằng chứng y học đảm bảo an toàn, hiệu quả.	**CLO7:** Ứng dụng kiến thức giải thích một số hiện tượng, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng phục vụ trong chẩn đoán và điều trị.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3: Tác phong hành nghề chuyên nghiệp, tôn trọng, chân thành, có ý thức học tập để phát triển nghề nghiệp suốt đời. Sẵn sàng thực hiện các kỹ năng đã học trong Miễn dịch, Sinh lý bệnh để áp dụng vào làm và giải thích các xét nghiệm miễn dịch và triệu chứng lâm sàng.	**CLO8:** Kỹ năng làm việc nhóm
	CLO9: Nhận thức được tầm quan trọng của môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch đại cương
	CLO10: Thực hiện các kỹ năng đã học để chỉ định, phân tích được một số kỹ thuật xét nghiệm y khoa cơ bản.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**									
	CLO 1	CLO 2	CLO 3	CLO 4	CLO 5	CLO 6	CLO 7	CLO 8	CLO 9	CLO1 0
ĐẠI CƯƠNG HỆ THỐNG MIỄN DỊCH	3	1	1	2		2	2	2	2	2
KHÁNG NGUYÊN	1	3	2	2		2	2	2	2	2
LYMPHO T, MD TẾ BÀO	1	3	2	2		2	2	2	2	2
BỔ THỂ	1	3	2	2		2	2	2	2	2
LYMPHO B, MD DỊCH THỂ, KHÁNG THỂ	1	3	2	2		2	2	2	2	2
QUÁ MẪN	1	1	3	2		2	2	2	2	2

THIẾU NĂNG MIỄN DỊCH	1	1	3	2		2	2	2	2	2
TỰ MIỄN	1	1	3	2		2	2	2	2	2
ĐẠI CƯƠNG SINH LÝ BỆNH				2	3	2	2	2	2	2
RỐI LOẠN CHUYỂN HÓA NƯỚC - ĐIỆN GIẢI				2		3	2	2	2	2
RỐI LOẠN CHUYỂN HÓA ACID - BASE				2		3	2	2	2	2
SLB SỐT - ĐIỀU HÒA THÂN NHIỆT				2		3	2	2	2	2
VI TUẦN HOÀN				2		3	2	2	2	2
VIÊM						3	2	2	2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về miễn dịch, sinh lý bệnh đại cương. Sau khi học xong sinh viên sẽ có những hiểu biết cơ bản về hệ thống miễn dịch của cơ thể, các kỹ thuật miễn dịch ứng dụng trong chẩn đoán, phòng bệnh. Đồng thời sinh viên phân tích được những rối loạn cơ bản, thay đổi của cơ thể khi có bệnh lý. Với kiến thức nền tảng này, sinh viên có thể tiếp cận những kỹ thuật và kiến thức chuyên sâu ở các môn chuyên ngành. Rèn luyện kỹ năng tư duy tổng hợp, vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn để chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh. Xây dựng thái độ học tập nghiêm túc, chuyên cần; xây dựng tác phong khoa học.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy học**						**Yêu cầu đối với sinh viên**
	Lên lớp (Tiết)					**Tự học (Giờ)**	
	LT	**TH**	**BT/**		**Tổng**		

			TL/KT		**cộng**		
ĐẠI CƯƠNG HỆ THỐNG MIỄN DỊCH 1. Trình bày được thế nào là đáp ứng miễn dịch không đặc hiệu;đáp ứng miễn dịch đặc hiệu. 2.Trình bày được các thành phần của hệ thống miễn dịch.	2	0	0		2	4	Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, trả lời câu hỏi; chấp hành nội quy học tập của lớp.
KHÁNG NGUYÊN 1. Trình bày được kháng nguyên;Phân biệt được tính KN và tính sinh miễn dịch; các yếu tố ảnh hưởng đến tính sinh miễn dịch của kháng nguyên. 2. Trình bày được về Quyết định Kháng nguyên. 3.Biết 1 số loại KN: KN nhóm máu, KN của vi sinh vật.	2	0			2	4	Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, trả lời câu hỏi; chấp hành nội quy học tập của lớp.
LYMPHO T, MD TẾ BÀO 1. Trình bày được nguồn gốc, quá trình biệt hóa và đặc điểm của lympho T. 2. Trình bày được quá trình nhận biết và hoạt hoá của lympho T. 3. Trình bày được vai trò của đáp ứng miễn dịch qua trung gian tế bào. 4. Trình bày được qúa trình hình thành CMI.	2				2	4	Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, trả lời câu hỏi; chấp hành nội quy học tập của lớp.
BỔ THỂ 1. Trình bày được khái niệm, thành phần và một số quy ước về hệ thống bổ thể. 2. Trình bày được khái quát các con đường hoạt hoá bổ thể. 3. Trình bày được sự hoạt hóa bổ thể theo con đường cổ điển.	1				1	2	Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, trả lời câu hỏi; chấp hành nội quy học tập của lớp.
LYMPHO B, MD DỊCH THỂ KHÁNG THỂ 1. Trình bày được quá trình tăng sinh, biệt hóa của tế bào lymphoB 2. Trình bày được đáp ứng miễn	2	0			2	4	Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, trả lời câu hỏi; chấp hành

dịch dịch thể với kháng nguyên phụ thuộc tuyến ức, kháng nguyên không phụ thuộc tuyến ức 3. Trình bày được các lớp Kháng thể, đáp ứng tạo Kháng thể lần 1 và lần 2.							nội quy học tập của lớp.
QUÁ MẪN 1. Nêu được khái niệm và các loại của quá mẫn. 2. Trình bày được quá mẫn typ I, II,III.	1				1	2	Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, trả lời câu hỏi; chấp hành nội quy học tập của lớp.
THIẾU NĂNG MIỄN DỊCH 1. Trình bày được khái niệm, phân loại của thiểu năng miễn dịch. 2. Trình bày được thiểu năng miễn dịch bẩm sinh. 3. Hiểu được nguyên nhân, cơ chế gây bệnh ở một số bệnh thiểu năng miễn dịch bẩm sinh. 4. Trình bày thiểu năng miễn dịch mắc phải. 5. Phân tích mối liên quan giữa thiếu hụt miễn dịch, nhiễm khuẩn và suy dinh dưỡng	1				1	2	Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, trả lời câu hỏi; chấp hành nội quy học tập của lớp.
CÁC BỆNH TỰ MIỄN 1. Trình bày được cơ chế phát sinh bệnh tự miễn. 2. Trình bày được cơ chế tổn thương trong bệnh tự miễn. 3. Phân biệt bệnh tự miễn cơ quan và bệnh tự miễn hệ thống. 4. Trình bày được cơ chế gây bệnh ở một số bệnh tự miễn phổ biến.	1				1	2	Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, trả lời câu hỏi; chấp hành nội quy học tập của lớp.
ĐẠI CƯƠNG SINH LÝ BỆNH 1.Trình bày được định nghĩa môn học, vị trí, nội dung chương trình môn học; khái niệm bệnh nguyên, quy luật nhân quả giữa nguyên nhân và bệnh.	2	0	0		2	4	Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, trả lời câu hỏi; chấp hành nội quy học tập

							của lớp.
RỐI LOẠN CHUYỂN HÓA NƯỚC – ĐIỆN GIẢI 1. Nêu được vai trò và sự trao đổi nước điện giải trong cơ thể. 2. Phân loại được mất nước, nêu được sự mất nước ảnh hưởng đến cơ thể. 3. Phân tích được các yếu tố gây phù. 4. Phân tích và tìm được các yếu tố chính gây phù trong suy tim, xơ gan, bệnh thận hư, viêm cầu thận cấp, viêm.	2	0			2	4	Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, trả lời câu hỏi; chấp hành nội quy học tập của lớp.
RỐI LOẠN CHUYỂN HÓA ACID – BASE 1. Trình bày được vai trò điều hoà pH máu của hệ đệm, phổi, thận. 2. Phân loại được nhiễm acid, nhiễm base; cơ chế, những biểu hiện lâm sàng đặc trưng của nhiễm acid cố định bệnh lý; Nhiễm base bệnh lý.	2				1	2	Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, trả lời câu hỏi; chấp hành nội quy học tập của lớp.
SINH LÝ BỆNH SỐT – ĐIỀU HÒA THÂN NHIỆT 1. Trình bày được nguyên nhân, biểu hiện của say nóng, say nắng, nhiễm lạnh. 2. Nêu được định nghĩa sốt, yếu tố gây sốt; các giai đoạn sốt, rối loạn chuyển hoá và chức năng các cơ quan trong sốt; Nêu được các ý nghĩa của sốt và nguyên tắc xử trí.	2				2	4	Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, trả lời câu hỏi; chấp hành nội quy học tập của lớp.
VI TUẦN HOÀN 1. Trình bày được cơ chế các rối loạn cơ bản vi tuần hoàn. 2. Trình bày được cơ chế và hậu quả các rối loạn vi tuần hoàn cục bộ; các hội chứng rối loạn vi tuần hoàn toàn thân.	1				1	2	Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, trả lời câu hỏi; chấp hành nội quy học tập của lớp.
VIÊM 1. Nêu được khái niệm về viêm;	2	0			2	4	Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản

rối loạn vận mạch trong viêm 2. Trình bày được phản ứng tế bào trong viêm 3. Nêu được mối quan hệ giữa phản ứng viêm và cơ thể; xử trí ổ viêm.							biện, trình bày quan điểm, trả lời câu hỏi; chấp hành nội quy học tập của lớp.

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

- Giáo trình học tập:

Bài giảng Sinh lý bệnh Miễn dịch - Lưu hành nội bộ

- Tài liệu tham khảo:

1. Trường đại học Y Hà Nội, Bộ môn Sinh lý bệnh - miễn dịch (2007), "Sinh lý bệnh và miễn dịch", Nhà xuất bản Y học.
2. Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ môn Miễn dịch-Sinh lý bệnh (2012), "Sinh lý bệnh", nhà xuất bản Y học.
3. Phan Thị Phi Phi (2010), "Miễn dịch học đại cương", nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần/ Buổi	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					SV tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Buổi 1	Đại cương hệ thống miễn dịch Kháng nguyên	4					8
Buổi 2	Lympho T, Miễn dịch Tế bào Lympho B, Miễn dịch dịch thể, Kháng thể	4					8
Buổi 3	Bổ thể Quá mẫn Thiểu năng miễn dịch Các bệnh Tự Miễn	4					8
Buổi 4	Đại cương sinh lý bệnh Rối loạn chuyển hóa nước – điện giải RL cân bằng acid-bazo	4					8
Buổi 5	Rối loạn chuyển hóa Glucid Sinh lý bệnh Sốt – điều hòa thân nhiệt	4					8
Buổi 6	Vi tuần hoàn Viêm	3					6

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Thuyết trình [x] Động não [x] Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình, Động não: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CLO1 đến CLO6.
- Tổ chức hoạt động nhóm: Học thực hành theo nhóm, mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO10].
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projecter, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần			
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn			
	Thực hành	33,3%		CĐR 1 đến CĐR 10
2	**Điểm thi kết thúc học phần**			
	Trác nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...	66,7%	Đạt từ điểm 4	CĐR1, 2, 3, 4, 5, 6, 10

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm.
- Điểm kết thúc thực hành là điểm bài thi chạy trạm.
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	PT. BỘ MÔN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
		Vương Thị Mai Linh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
SINH LÝ BỆNH - MIỄN DỊCH ĐẠI CƯƠNG (PHẦN THỰC HÀNH)
Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: *Sinh lý bệnh - Miễn dịch đại cương*
* Tiếng Việt: *Sinh lý bệnh Miễn dịch đại cương*
* Tiếng Anh: *Basic Pathophysiology and Immunology*
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 0,5 TH
- Đối tượng học: Năm thứ 2
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành [x]		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [x]	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: *Sinh lý*
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Sinh lý bệnh-miễn dịch

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
Giảng viên			
1.	Ths. Vương Thị Mai Linh	0912016669	vmlinh1012@gmail.com
2	Ths. Vũ Thị Thơm	0915642865	drthomvu@gmail.com
3	Ths. Nguyễn Anh Thư	0934533988	nguyenanhthu3003@gmail.com
4	Ths. Vũ Phương Thảo	0915679668	phuongthao2487@gmail.com
KTV			
1	Vũ Thị Hằng	0383799668	vuhang171287@gmail.com
2	Lê Thị Thanh Hương	0963900290	

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
1	**Kiến thức:** Áp dụng kiến thức về Sinh lý bệnh Miễn dịch đại cương để nhận định kết quả thí nghiệm, giải thích được cơ chế bệnh sinh rối loạn cơ bản, liên hệ với thực tiễn lâm sàng phục vụ cho chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh dựa trên bằng chứng y học đảm bảo an toàn, hiệu quả.	CĐR2	3
2	**Kỹ năng :** - Chỉ định và phân tích được một số kỹ thuật xét nghiệm, kỹ thuật y khoa cơ bản phục vụ chẩn đoán và điều trị.	CĐR5	3
3	**Năng lực tự chủ và trách nhiệm :** - Sẵn sàng thực hiện các kỹ năng đã học trong Miễn dịch Sinh lý bệnh để áp dụng vào làm và giải thích các xét nghiệm miễn dịch và triệu chứng lâm sàng. - Tác phong hành nghề chuyên nghiệp, tôn trọng, chân thành, có ý thức học tập để phát triển nghề nghiệp suốt đời.	CĐR2, CĐR5, CĐR14	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
MT1: Áp dụng kiến thức về Sinh lý bệnh Miễn dịch đại cương để nhận định kết quả thí nghiệm, giải thích được cơ chế bệnh sinh rối loạn cơ bản, liên hệ với thực tiễn lâm sàng phục vụ cho chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh dựa trên bằng chứng y học đảm bảo an toàn, hiệu quả.	**CLO1:** Đọc và giải thích được phản ứng ngưng kết kháng nguyên - kháng thể nhóm máu. **CLO2:** Đọc và giải thích được kết quả mẫu huyết thanh người có HbsAg. **CLO3:** Mô tả, giải thích được các rối loạn vận mạch trong viêm
MT2: Chỉ định và phân tích được một số kỹ thuật xét nghiệm, kỹ thuật y khoa cơ bản phục vụ chẩn	**CLO4:** Làm được các kỹ thuật xét nghiệm

đoán và điều trị.	
MT3: Sẵn sàng thực hiện các kỹ năng đã học trong Miễn dịch Sinh lý bệnh để áp dụng vào làm và giải thích các xét nghiệm miễn dịch và triệu chứng lâm sàng. Tác phong hành nghề chuyên nghiệp, tôn trọng, chân thành, có ý thức học tập để phát triển nghề nghiệp suốt đời.	**CLO5:** Kỹ năng làm việc nhóm và tiếp xúc người bệnh.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thực tập bài 1: Miễn dịch đặc hiệu và không đặc hiệu Kỹ thuật xét nghiệm nhóm máu ABO, hệ Rh	3			3	3
Thực tập bài 2: Miễn dịch đặc hiệu và không đặc hiệu Kỹ thuật phát hiện HbsAg trong huyêt thanh	3			3	3
Thực tập bài 3: Rối loạn tuần hoàn tại ổ viêm Gây viêm màng treo ruột ếch		3		3	3
Thực tập bài 4: Rối loạn tuần hoàn tại ổ viêm Garo chi ếch			3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Vị trí/vai trò: Phần thực hành Sinh lý bệnh Miễn dịch đại cương đòi hỏi người học phải thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm, kỹ thuật y khoa cơ bản, nhận định được kết quả thí nghiệm, giải thích được cơ chế bệnh sinh một số rối loạn cơ bản, liên hệ với thực tiễn lâm sàng.

Mục đích: Giúp người học vận dụng được kiến thức ở phần lý thuyết trong học phần vận dụng vào hành nghề thực tế, phục vụ cho chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh dựa trên bằng chứng y học đảm bảo an toàn, hiệu quả.

Nội dung chính yếu: Thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm, kỹ thuật y khoa cơ bản, nhận định được kết quả thí nghiệm, giải thích được cơ chế bệnh sinh một số rối loạn cơ bản, liên hệ với thực tiễn lâm sàng. Người học biết vận dụng những kiến thức Sinh lý bệnh Miễn dịch đại cương để giải thích một số rối loạn chức năng và ứng dụng vào học tập các môn lâm sàng phục vụ cho chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh dựa trên bằng chứng y học đảm bảo an toàn, hiệu quả.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thảo luận (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Thực tập bài 1: Miễn dịch đặc hiệu và không đặc hiệu Kỹ thuật xét nghiệm nhóm máu ABO, hệ	4	4	Chuẩn bị bài. Làm được các thí nghiệm. Quan sát được hiện tượng bệnh lý.

Rh			Báo cáo kết quả thí nghiệm, giải thích hiện tượng, liên hệ lâm sàng. Thấu hiểu và phản ứng nhanh khi vấn đáp. Ưu tiên phản biện, tính sáng tạo.
Thực tập bài 2: Miễn dịch đặc hiệu và không đặc hiệu Kỹ thuật phát hiện HbsAg trong huyết thanh	4	4	
Thực tập bài 3: Rối loạn tuần hoàn tại ổ viêm Gây viêm màng treo ruột ếch	4	4	
Thực tập bài 4: Rối loạn tuần hoàn tại ổ viêm Garo chi ếch	3	3	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

- Giáo trình học tập:

Thực tập Sinh lý bệnh Miễn dịch - Lưu hành nội bộ

- Tài liệu tham khảo:

4. Trường đại học Y Hà Nội, Bộ môn Sinh lý bệnh - miễn dịch (2007), "Sinh lý bênh và miễn dịch", Nhà xuất bản Y học.
5. Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ môn Miễn dịch-Sinh lý bệnh (2012), "Sinh lý bệnh", nhà xuất bản Y học.
6. Phan Thị Phi Phi (2010), "Miễn dịch học đại cương", nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Buổi 1	Kỹ thuật xác định nhóm máu A,B,O Kỹ thuật xác định nhóm máu hệ Rh					4	4
Buổi 2	Kỹ thuật phát hiện HbsAg trong huyết thanh					4	4
Buổi 3	Thí nghiệm gây viêm mạc treo ruột ếch					4	4
Buổi 4	Thí nghiệm garo chi ếch.					3	3

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO5

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình [x] Động não [x] Phản biện [x] Học dựa trên vấn đề □

Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống [x] Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra và CĐR1 – CLO3

Học tập thảo luận đạt CLO1 và CLO5

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CLO1 đến CLO5

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

- Giảng viên cung cấp thiết kế bài giảng, nội dung thảo luận và chuyển tại cho sinh viên chuẩn bị thực hành, báo cáo kết quả thí nghiệm.
- Có máy tính và projecter

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 75 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

✓

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Chạy trạm hoặc viết báo cáo thực tập (Chạy trạm hoặc viết báo báo thực thành (tuỳ thuộc tình hình diễn biến của dịch covid 19)

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
2	**Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng**			
	Thi chạy trạm/ Viết báo cáo thực tập	100%	Đạt điểm từ 4	CLO1 đến 5

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm.
- Điểm kết thúc thực hành là bài thi chạy trạm/ Viết báo cáo thực hành.
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3.

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN
DƯỢC LÝ (LÝ THUYẾT)
Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần: Dược lý
* Tiếng Việt: Dược lý (phần lý thuyết)
* Tiếng Anh: Pharmacology (*theoretical part*)
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 3
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên ngành Y Đa khoa, năm thứ 3.
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp x				
		Kiến thức cơ sở ngành x		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc x	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập:
  + Lý thuyết: 45 tiết
  + Bài tập: 0 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
  + Kiểm tra: 0 tiết
  + Thời gian tự học: 105 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Dược lý.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Minh Thu	0912750167	minhthunimpe@gmail.com
2	ThS. Tô Lê Hồng	0904469316	tolehong512@gmail.com
3	ThS. Tống Thị Mai Vân	0945248815	tongmaivan@gmail.com
4	ThS. Phạm Phương Liên	0904646695	phamphuonglien22339@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
Kiến thức			
MT1	Trình bày được kiến thức đại cương về dược lực học, dược động học của thuốc.	CĐR 2	3.0 – 3.5
MT2	Trình bày và giải thích được cơ chế tác dụng; tác dụng; tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, liều dùng và tương tác thuốc của các nhóm thuốc trong chương trình (*)	CĐR 2, CĐR 7	3.0 – 3.5
MT3	Phân tích được các nguyên tắc xử lý ngộ độc thuốc và một số thuốc điều trị ngộ độc đặc hiệu.	CĐR 2, CĐR 7	3.0 – 3.5
Kỹ năng			
MT4	Vận dụng được các kiến thức đã học về dược lý của thuốc trong việc kê đơn thuốc và hướng dẫn cách dùng cho người bệnh theo tình huống bệnh cụ thể.	CĐR7, CĐR 13	3.5-4.0
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT5	Có năng lực tự học nâng cao hiệu quả hoạt động chuyên môn, năng lực giải quyết vấn đề độc lập trong lĩnh vực kê đơn thuốc trong điều trị.	CĐR 13, CĐR 14	3.0-3.5

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	**CĐR của học phần/ mô đun**
Kiến thức	
MT1: Trình bày được các kiến thức đại cương về dược lực học, dược động học của thuốc.	CĐR1: Trình bày được quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hóa, thải trừ thuốc.
	CĐR2: Giải thích được được các cách tác dụng của thuốc và các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc.

MT2: Trình bày và giải thích được cơ chế tác dụng; tác dụng; tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, liều dùng và tương tác thuốc của các nhóm thuốc trong chương trình.	CĐR3: Phân tích được cơ chế tác dụng; tác dụng; tác dụng không mong muốn của các nhóm thuốc trong chương trình.
	CĐR4: Trình bày và giải thích được chỉ định, chống chỉ định, liều lượng và tương tác thuốc của các nhóm thuốc trong chương trình.
MT3. Phân tích được các nguyên tắc xử lý ngộ độc thuốc và một số thuốc đặc hiệu dùng trong nhiễm độc.	CĐR5: Phân tích được các nguyên tắc xử lý ngộ độc thuốc.
	CĐR6: Liệt kê được một số thuốc đặc hiệu dùng trong điều trị ngộ độc.
Kỹ năng	
MT4: Vận dụng được các kiến thức đã học về dược lý của thuốc trong việc kê đơn thuốc và hướng dẫn cách dùng cho người bệnh theo tình huống bệnh cụ thể.	CĐR7: Vận dụng được các kiến thức dược lý học trong việc kê đơn theo tình huống bệnh cụ thể và hướng dẫn được cách dùng thuốc cho người bệnh.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT6: Có năng lực tự học nâng cao hiệu quả hoạt động chuyên môn, năng lực giải quyết vấn đề độc lập trong lĩnh vực kê đơn thuốc trong điều trị.	CĐR8: Có năng lực tự học, cải thiện chất lượng hoạt động chuyên môn, năng lực tự giải quyết vấn đề độc lập trong lĩnh vực kê đơn thuốc, quyết định chỉ định dùng thuốc phù hợp và hướng dẫn cách dùng thuốc cho người bệnh theo tình huống bệnh cụ thể.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**							
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8
1. Dược lý đại cương 1.1. Hấp thu, phân bố, chuyển hóa, thải trừ và dược động học cơ bản 1.2. Tác dụng của thuốc	3	3	2	3	3	2	3	3
2. Thuốc tác dụng lên hệ thần kinh thực vật 2.1. Đại cương 2.2. Thuốc kích thích hệ	3	2	3	2	3	2	3	2

adrenergic 2.3. Thuốc ức chế hệ adrenergic 2.4. Thuốc kích thích hệ cholinergic 2.5. Thuốc ức chế hệ cholinergic								
3. Thuốc gây tê 3.1. Đại cương 3.2. Thuốc gây tê có cấu trúc ester 3.3. Thuốc gây tê có cấu trúc amid 3.4. Thuốc gây tê có cấu trúc khác	2	3	2	3	2	3	3	2
4. Thuốc ngủ và rượu 4.1. Đại cương 4.2. Thuốc ngủ 4.3. Rượu	3	2	3	2	3	2	3	3
5. Thuốc an thần, bình thần 5.1. Đại cương 5.2. Các thuốc an thần, bình thần	2	3	3	3	2	2	3	2
6. Thuốc chống động kinh 6.1. Đại cương 6.2. Các thuốc chống động kinh	3	3	2	2	3	2	3	3
7. Thuốc giảm đau trung ương 7.1. Đại cương 7.2. Thuốc chủ vận trên receptor opioid 7.3. Thuốc chủ vận – đối kháng hỗn hợp và chủ vận từng phần 7.4. Thuốc đối kháng đơn thuần trên receptor opioid	2	3	2	2	3	3	3	2
8. Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm (NSAID) 8.1. Đại cương 8.2. Các thuốc hạ sốt,	3	2	3	2	3	2	3	3

giảm đau, chống viêm								
9. Histamin và thuốc kháng histamin H1 9.1. Đại cương 9.2. Thuốc kháng histamin H1	3	2	3	2	3	2	3	2
10. Kháng sinh 10.1. Định nghĩa, phân loại; 10.2. Nguyên tắc sử dụng kháng sinh 10.3. Cơ chế tác dụng và cơ chế kháng kháng sinh; 10.4. Các nhóm thuốc kháng sinh	2	2	3	3	2	3	2	3
11. Thuốc chống nấm 11.1. Đại cương 11.2. Các thuốc chống nấm	2	3	3	3	2	2	3	3
12. Thuốc điều trị lao, phong 12.1 Đại cương 12.2. Thuốc điều trị lao 12.3. Thuốc điều trị phong	3	3	3	3	2	2	3	2
13. Thuốc điều trị sốt rét 13.1. Đại cương 13.2. Thuốc điều trị sốt rét	2	3	3	3	2	2	3	3
14. Ngộ độc cấp và điều trị ngộ độc cấp 14.1. Một số tác nhân gây ngộ độc 14.2. Điều trị ngộ độc cấp	2	3	3	3	3	3	3	2

15. Hormon 15.1. Đại cương 15.2. Hormon tuyến yên 15.3. Hormon vỏ tuyến thượng thận 15.4. Hormon tuyến tụy và thuốc hạ đường huyết 15.5. Hormon tuyến giáp và thuốc kháng giáp 15.6. Hormon tuyến cận giáp 15.7. Hormon dục và thuốc tránh thai	2	2	2	3	3	3	2	2
16. Thuốc điều trị rối loạn tiêu hóa 16.1. Thuốc chữa viêm loét dạ dày 16.2. Thuốc gây nôn và chống nôn 16.3. Thuốc lợi mật và thông mật 16.4.Thuốc nhuận tràng và tẩy tràng 16.5. Thuốc điều hoà chức năng vận động đường tiêu hoá 16.6. Thuốc chống co thắt và làm giảm nhu động ruột 16.7.Thuốc chống tiêu chảy	3	3	3	3	3	3	3	3
17. Thuốc trị lỵ amip và trùng roi 17.1. Đại cương 17.2. Các thuốc điều trị	3	3	3	3	3	3	3	3
18. Thuốc trị giun sán 18.1. Đại cương 18.2. Thuốc trị giun 18.3. Thuốc trị sán	3	3	3	3	3	3	3	3

19. Thuốc điều trị tăng huyết áp 19.1. Đại cương 19.2. Các thuốc điều trị tăng huyết áp 19.3. Phối hợp thuốc	3	3	3	3	3	3	3	3
20. Thuốc trị suy tim 20.1. Đại cương 20.2. Glycosid trợ tim 20.2. Thuốc làm tăng co bóp cơ tim do tăng AMPv 20.3. Các thuốc điều trị suy tim khác	3	3	3	3	3	3	3	3
21. Thuốc chống đau thắt ngực 21.1. Loại chống cơn: nitrat và nitrit 21.2. Loại điều trị củng cố 21.3. Thuốc khác	3	3	3	3	3	3	3	3
22. Thuốc lợi tiểu 22.1. Đại cương 22.2. Thuốc lợi tiểu giảm K+ máu 22.3. Thuốc lợi tiểu giữ K+ máu 22.4. Các thuốc lợi tiểu khác	3	3	3	3	2	2	3	2
23. Các chất điện giải chính và dịch truyền 23.1. Đại cương 23.2. Các chất điện giải và dịch truyền	2	3	3	2	3	2	3	3
24. Thuốc tác dụng trên quá trình đông máu và tiêu fibrin 24.1. Đại cương 24.2. Các thuốc 24.2.1. Thuốc làm đông máu 24.2.2. Các thuốc chống đông máu 24.2.3. Các thuốc làm tiêu fibrin	3	2	3	3	3	2	3	3

25. Thuốc chống thiếu máu 25.1. Đại cương 25.2. Các thuốc điều trị thiếu máu 25.2.1. Sắt 25.2.2. Vitamin B12 25.2.3. Acid folic 25.2.4. Các thuốc chống thiếu máu khác	2	3	3	3	2	2	3	3
26. Thuốc điều trị rối loạn lipid 26.1. Đại cương 26.2. Các thuốc 26.2.1. Các resin chelat hóa 26.2.2. Các dẫn xuất statin 26.2.3. Các dẫn xuất của acid fibric 26.2.4. Các thuốc khác	2	3	3	3	3	3	2	2
27. Vitamin 27.1. Đại cương 27.2. Vitamin tan trong dầu 27.3. Vitamin tan trong nước	2	3	3	3	3	2	2	3
28. Thuốc trị ho 28.1. Đại cương 28.2. Các thuốc trị lao	3	3	3	3	3	2	2	3
29. Thuốc trị hen 29.1. Đại cương 29.2. Các thuốc trị lao	2	3	3	3	3	2	2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Học phần Dược lý (phần lý thuyết) cung cấp các kiến thức cơ bản về dược lý học: Số phận của thuốc trong cơ thể, các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc, cơ chế tác dụng, các cách tác dụng và tác dụng không mong muốn khi sử dụng thuốc. Ngoài ra, còn cung cấp kiến thức về dược lý (tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, tác dụng không mong muốn, tương tác thuốc và liều dùng) của các nhóm thuốc cụ thể, ngộ độc thuốc và cách điều trị ngộ độc.

Các kiến thức này giúp sinh viên phân loại được các thuốc theo nhóm bệnh, từ đó dễ dàng vận dụng các kiến thức đã học trong việc kê đơn thuốc và hướng dẫn cách dùng thuốc cho

người bệnh trong tình huống bệnh cụ thể. Ngoài ra, sinh viên có khả năng tự chủ, tự giải quyết vấn đề và quyết định dùng thuốc trong điều trị cho phù hợp và hiệu quả.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/TL/KT	Tổng cộng		
I. Dược lý đại cương	4		0	4	10	Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, thảo luận, tham gia làm bài tập và ghi chép
II. Thuốc tác dụng trên hệ thần kinh thực vật	4		0	4	10	
III.1. Thuốc gây tê	4		0	4	10	
III.2. Thuốc ngủ và rượu						
III.3. Thuốc an thần, bình thần						
III.4. Thuốc chống động kinh						
IV.1. Thuốc giảm đau trung ương	4		0	4	10	
IV.2. Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm (NSAID)						
IV.3. Histamin và thuốc kháng histamin H1						
V. Kháng sinh	4		0	4	10	
VI.1. Thuốc chống nấm	4		0	4	10	
VI.2. Thuốc điều trị lao, phong						
VI.3. Thuốc điều trị sốt rét						
VI.4. Ngộ độc cấp và điều trị ngộ độc cấp						
VII. Hormon	4		0	4	10	
VIII.1. Thuốc điều trị rối loạn tiêu hóa	4		0	4	10	
VIII.2. Thuốc trị lỵ amip và trùng roi						
VIII.3. Thuốc trị giun sán						
IX.1. Thuốc điều trị tăng huyết áp	4		0	4	10	
IX.2. Thuốc trị suy tim						
IX.3. Thuốc chống đau thắt						

ngực **- Loại chống cơn: nitrat và nitrit** **- Loại điều trị củng cố** **- Thuốc khác**						
X.1. Thuốc lợi tiểu	4		0	4	10	
X.2. Các chất điện giải chính và dịch truyền						
X.3. Thuốc tác dụng trên quá trình đông máu và tiêu fibrin						
X.4. Thuốc chống thiếu máu						
XI.1. Thuốc hạ lipid máu	3		0	3	3	
XI.2. Vitamin						
XII.1. Thuốc trị ho	2		0	2	2	
XII.2. Thuốc trị hen						

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đào Văn Phan (2013), *Dược lý học* (Dùng cho đào tạo bác sĩ đa khoa), Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Mai Tất Tố, Vũ Thị Trâm (2012), *Dược lý học*, Tập 1, Sách đào tạo Dược sĩ Đại học, Nhà xuất bản Y học.
2. Mai Tất Tố, Vũ Thị Trâm (2012), *Dược lý học*, Tập 2, Sách đào tạo Dược sĩ Đại học, Nhà xuất bản Y học.
3. Bộ Y tế (2017), *Dược thư Quốc gia Việt Nam dùng cho tuyến y tế cơ sở, Lần xuất bản thứ hai,* Nhà xuất bản Y học.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Thực hành	
Tuần 1	8					20
Tuần 2	8					20
Tuần 3	8					20
Tuần 4	8					20
Tuần 5	8					20
Tuần 6	5					5
Tổng	**45**					**105**

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình ngắn có minh họa, Phát vấn, thảo luận nhóm, động não.

Thuyết trình x Động não x Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm x Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống x Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình ngắn có minh họa: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR1 đến CĐR8.
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR1 đến CĐR8.
- Động não, phát vấn: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR1 đến CĐR8.
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR7 đến CĐR8.

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng TEAMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Bố trí phòng học đủ các phương tiện dạy học: máy vi tính, bàn ghế, bảng; bóng điện; quạt, điều hòa, màn chiếu, máy chiếu, bảng, phấn, giấy A0, bút dạ...

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%.
- Sinh viên phải hoàn thành các bài tập, các yêu cầu thảo luận trên lớp của giảng viên.
- Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần	0	Tham gia từ 80% số buổi học trở lên.	CĐR 1 đến CĐR 8
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn, ...	0	Hoàn thành các bài tập, thảo luận nhóm được giao theo hướng dẫn của giảng viên.	CĐR 1 đến CĐR 8
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính	100%	Số câu hỏi SV trả lời đúng	CĐR 1 đến CĐR 8

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm phần lý thuyết Dược lý là điểm thi kết thúc học phần. Điểm học phần Dược lý là (điểm phần lý thuyết x 2 + điểm thực hành x 1): 3.

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Nguyễn Thị Minh Thu

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
DƯỢC LÝ – THỰC HÀNH

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

Tên học phần: Dược lý

* Tiếng Việt: Dược lý (phần thực hành)

* Tiếng Anh: Pharmacology (*practical part*)

- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 1
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên ngành Y đa khoa, năm thứ 3.
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành x		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc X	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập:
  + Lý thuyết: tiết
  + Bài tập: 0 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
  + Kiểm tra: 0 tiết
  + Thực hành: 30 tiết
  + Thời gian tự học: 20 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn Dược lý.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Minh Thu	0912750167	minhthunimpe@gmail.com
2	ThS. Tô Lê Hồng	0904469316	tolehong512@gmail.com
3	ThS. Tống Thị Mai Vân	0945248815	tongmaivan@gmail.com
4	ThS. Phạm Phương Liên	0904646695	phamphuonglien22339@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
Kiến thức			
MT1	Trình bày được Quy chế kê đơn (Bộ Y tế) và cách kê đơn thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả (theo khuyến cáo của WHO).	CĐR 2, CĐR 7, CĐR 13	2,5 -> 3,0
MT2	Giải thích được các thông tin ghi trên nhãn thuốc, trình bày được tác dụng dược lý của một số thuốc thông thường lưu hành trên thị trường.	CĐR 2, CĐR 7, CĐR 13	3,0->3,5
Kỹ năng			
MT3	Kê được các đơn thuốc gây nghiện, đơn thuốc hướng thần, đơn thuốc thường để điều trị một số bệnh thường gặp.	CĐR 7, CĐR 13	3,0 -> 3,5
MT4	Nhận thức và trình bày được một số thuốc điển hình theo tác dụng dược lý	CĐR 7, CĐR 13	3,0 -> 3,5
MT5	Thực hiện được thao tác thí nghiệm trên động vật thí nghiệm (ĐVTN).	CĐR 3	3,0 -> 3,5
MT6	Phân tích được một số đơn thuốc đã kê.	CĐR 7, CĐR 10, CĐR 13	3,5 -> 4,0
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT7	Có ý thức về vai trò của người thầy thuốc trong hoạt động kê đơn thuốc, có khả năng tư vấn, hướng dẫn và dặn dò người bệnh dùng thuốc trong đơn kê, có khả năng giải quyết vấn đề một cách độc lập và chịu trách nhiệm trong kê đơn thuốc và nghiên cứu khoa học.	CĐR 14, CĐR 15	3,5 -> 4,0

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
MT1: Trình bày được Quy chế kê đơn (Bộ Y tế) và cách kê đơn thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả (theo khuyến cáo của WHO).	CĐR1: Trình bày và phân tích được các nội dung của Quy chế kê đơn thuốc điều trị ngoại trú (Bộ Y tế ban hành); quy chế đơn và cách kê đơn thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả (theo khuyến cáo của WHO).
MT2: Giải thích được các thông tin ghi trên nhãn thuốc, phân loại được và trình	CĐR2: Trình vày và giải thích được các thông tin ghi trên nhãn thuốc; phân loại được nhóm tác dụng dược lý

bày được tác dụng dược lý của một số thuốc thông thường lưu hành trên thị trường.	và liệt kê được tác dụng và chỉ định của các thuốc thông thường đang lưu hành trên thị trường.
MT3: Kê được các đơn thuốc gây nghiện, đơn thuốc hướng thần, đơn thuốc thường để điều trị một số bệnh thường gặp.	CĐR3: Kê được đơn thuốc gây nghiện, đơn thuốc hướng tâm thần, đơn thuốc thường theo đúng quy định từ các tình huống ca bệnh cho trước theo đúng quy định.
MT4: Nhận thức và trình bày được một số thuốc điển hình theo tác dụng dược lý.	CĐR4: Phân tích được các thông tin của một số thuốc điển hình theo nhóm tác dụng được lý và trình bày được ứng dụng của thuốc trong điều trị.
MT5: Thực hiện được thao tác thí nghiệm trên động vật thí nghiệm (ĐVTN).	CĐR5: Thao tác được một số các kỹ thuật cần thiết trong nghiên cứu dược lý và phân tích được kết quả 1 số thí nghiệm đánh giá tác dụng của thuốc trên động vật.
MT6: Phân tích được một số đơn thuốc đã kê.	CĐR6: Vận dụng được những kiến thức đã học để phân tích đơn thuốc đã kê.
MT7: Có ý thức về vai trò của người thầy thuốc trong hoạt động kê đơn thuốc, có khả năng tư vấn, hướng dẫn và dặn dò người bệnh dùng thuốc trong đơn kê, có khả năng giải quyết vấn đề một cách độc lập và chịu trách nhiệm trong kê đơn thuốc và nghiên cứu khoa học.	CĐR7: Ý thức được vai trò quan trọng của người thầy thuốc khi kê đơn; hướng dẫn được và dặn dò người bệnh sau khi kê đơn; có khả năng giải quyết vấn đề một cách độc lập và chịu trách nhiệm trong kê đơn thuốc và nghiên cứu khoa học.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**						
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7
1.1. Cách kê đơn thuốc 1.2. Kê đơn hợp lý an toàn (theo WHO) 1.3. Cách nhận thức thuốc; 1.4. Bài tập tình huống: Kê đơn.	3	3	3	2	1	3	3
2.1. Thực hành kê đơn thuốc 2.2. Tác dụng của adrenalin trên mạch 2.3. Tác dụng của adrenalin, acetylcholin, nicotin và atropin trên huyết áp chó 2.4. Nhận thức các dạng bào chế thuốc và một số nhóm thuốc tác dụng lên hệ TKTV, thuốc ức chế TKTW 2.5. Bài tập kê đơn.	3	2	3	3	3	2	2

3.1. Thực hành kê đơn thuốc 3.2. Kỹ thuật bắt giữ động vật thí nghiệm 3.3. Kỹ thuật cho động vật uống thuốc. 3.4. Nhận thức các thuốc nhóm thuốc chống động kinh, thuốc gây tê, gây mê, thuốc giảm đau trung ương. 3.5. Bài tập kê đơn.	3	3	3	3	3	3	2
4.1. Thực hành kê đơn thuốc. 4.2. Kỹ thuật tiêm thuốc cho chuột. 4.3. Kỹ thuật tiêm thuốc cho thỏ. 4.4. Nhận thức các thuốc nhóm thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm phi steroid, thuốc trị gout, thuốc kháng histamin H1. 4.5. Bài tập kê đơn.	3	2	3	3	3	3	3
5.1. Thực hành kê đơn thuốc. 5.2. Tác dụng chống co giật của phenobarbital 5.3. Tác dụng của atropine và pilocarpin trên hệ phó giao cảm. 5.4. Nhận thức các thuốc nhóm kháng sinh, kháng nấm, thuốc trị lao, phong. 5.5. Bài tập kê đơn.	2	3	3	3	3	3	3
6.1. Thực hành kê đơn thuốc. 6.2. Tác dụng của magnesi sulfat trên nhu động ruột. 6.3. Tác dụng đối lập của magnesi sulfat và calci clorid trên thần kinh trung ương. 6.4. Nhận thức các thuốc hormon, thuốc trị ký sinh trùng (giun sán, amip, sốt rét), thuốc trị rối loạn tiêu hóa. 6.5. Bài tập kê đơn.	3	2	3	2	3	3	3

7.1. Thực hành kê đơn thuốc. 7.2. Tác dụng của heparin trên quá trình đông máu 7.3. Tác dụng của insulin lên nồng độ đường huyết. 7.4. Nhận thức các thuốc nhóm trị bệnh tăng huyết áp, lợi tiểu, trị bệnh tim, dịch truyền, trị rối loạn lipid máu. 7.5. Bài tập kê đơn.	3	2	3	3	3	3	3
8.1. Thực hành kê đơn thuốc. 8.2. Thử định khu tác dụng của strychnin; 8.3. Tác dụng của vitamin K trên quá trình đông máu. 8.4. Phân tích một số đơn thuốc . 8.5 Nhận thức các thuốc vitamin, thuốc chống thiếu máu, thuốc tác dụng trên quá trình đông máu, thuốc trị rối loạn hô hấp.	2	2	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Phần thực hành Dược lý cung cấp cho sinh viên kiến thức về cách kê đơn thuốc theo quy định của Bộ Y tế và Tổ chức Y tế thế giới. Thêm nữa, sinh viên còn được nhận thức các nhóm thuốc theo tác dụng dược lý, thực hành tác dụng của một số thuốc trên ĐVTN và phân tích được một số đơn thuốc. Đặc biệt, sinh viên có khả năng kê được các đơn thuốc gây nghiện, đơn thuốc hướng tâm thần và đơn thuốc thông thường theo tình huống bệnh cụ thể.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
1.1. Cách kê đơn thuốc 1.2. Kê đơn hợp lý an toàn (theo WHO) 1.3. Cách nhận thức thuốc; 1.4. Bài tập tình huống: Kê đơn.	4		- Đọc quyển *Dược lý học* (Dùng cho đào tạo bác sĩ đa khoa), Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. - Đọc tài liệu *Thực hành Dược lý* (Dùng cho đào tạo bác sĩ đa khoa), Bộ
2.1. Thực hành kê đơn thuốc 2.2. Tác dụng của adrenalin trên mạch 2.3. Tác dụng của adrenalin, acetylcholin, nicotin và atropin trên huyết áp chó 2.4. Nhận thức các dạng bào chế thuốc và một số nhóm thuốc tác dụng lên hệ TKTV, thuốc ức chế TKTW 2.5. Bài tập kê đơn.	4		

3.1. Thực hành kê đơn thuốc 3.2. Kỹ thuật bắt giữ động vật thí nghiệm 3.3. Kỹ thuật cho động vật uống thuốc. 3.4. Nhận thức các thuốc nhóm thuốc chống động kinh, thuốc gây tê, gây mê, thuốc giảm đau trung ương. 3.5. Bài tập kê đơn.	4		môn Dược lý - Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, thảo luận, tham gia làm bài tập kê đơn, phân tích đơn thuốc, thao tác thực hành, ghi chép và làm báo cáo.
4.1. Thực hành kê đơn thuốc. 4.2. Kỹ thuật tiêm thuốc cho chuột. 4.3. Kỹ thuật tiêm thuốc cho thỏ. 4.4. Nhận thức các thuốc nhóm thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm phi steroid, thuốc trị gout, thuốc kháng histamin H1. 4.5. Bài tập kê đơn.	4		
5.1. Thực hành kê đơn thuốc. 5.2. Tác dụng chống co giật của phenobarbital; 5.3. Tác dụng của atropine và pilocarpin trên hệ phó giao cảm. 5.4. Nhận thức các thuốc nhóm kháng sinh, kháng nấm, thuốc trị lao, phong. 5.5. Bài tập kê đơn.	4		
6.1. Thực hành kê đơn thuốc. 6.2. Tác dụng của magnesi sulfat trên nhu động ruột. 6.3. Tác dụng đối lập của magnesi sulfat và calci clorid trên thần kinh trung ương. 6.4. Nhận thức các thuốc hormon, thuốc trị ký sinh trùng (giun sán, amip, sốt rét), thuốc trị rối loạn tiêu hóa. 6.5. Bài tập kê đơn.	4		
7.1. Thực hành kê đơn thuốc. 7.2. Tác dụng của heparin trên quá trình đông máu 7.3. Tác dụng của insulin lên nồng độ đường huyết. 7.4. Nhận thức các thuốc nhóm trị bệnh tăng huyết áp, lợi tiểu, trị bệnh tim, dịch truyền, trị rối loạn lipid máu. 7.5. Bài tập kê đơn.	4		
8.1. Thực hành kê đơn thuốc. 8.2. Thử định khu tác dụng của strychnin; 8.3. Tác dụng của vitamin K trên quá trình đông máu. 8.4. Phân tích một số đơn thuốc . 8.5 Nhận thức các thuốc vitamin, thuốc chống thiếu	2		

máu, thuốc tác dụng trên quá trình đông máu, thuốc trị rối loạn hô hấp.			

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ môn Dược lý (2020), *Thực tập dược lý học* (Dùng cho đào tạo bác sĩ YHCT).
2. Đào Văn Phan (2013), *Dược lý học* (Dùng cho đào tạo bác sĩ đa khoa), Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Mai Tất Tố, Vũ Thị Trâm (2012), *Dược lý học*, Tập 1, Sách đào tạo Dược sĩ Đại học, Nhà xuất bản Y học.
2. Mai Tất Tố, Vũ Thị Trâm (2012), *Dược lý học*, Tập 2, Sách đào tạo Dược sĩ Đại học, Nhà xuất bản Y học.
3. Bộ Y tế (2017), *Dược thư Quốc gia Việt Nam dùng cho tuyến y tế cơ sở, Lần xuất bản thứ hai,* Nhà xuất bản Y học.

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác		
1	4					3
2	4					3
3	4					3
4	4					3
5	4					2
6	4					2
7	3					2
8	3					2
Tổng	**30**					**20**

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR1 đến CĐR7

- Thuyết trình ngắn có minh họa: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR1 đến CĐR7.
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR1 đến CĐR7.
- Nghiên cứu tình huống, phát vấn, động não: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR1 đến CĐR7.
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR1 đến CĐR7.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng

Bố trí phòng thí nghiệm có đầy đủ: dụng cụ; hóa chất; động vật thí nghiệm; các sản phẩm thuốc theo nội dung của từng bài học, máy vi tính, màn chiếu, bảng, phấn,...

- Động vật thí nghiệm: Thỏ, ếch, chuột nhắt trắng;
- Thiết bị: Máy tính hoặc laptop, máy chiếu, cân động vật;
- Dụng cụ: Đồng hồ bấm giờ, kéo-panh phẫu thuật, kẹp, kim phá tủy ếch, bơm kim tiêm 5 ml, 1 ml, cốc thủy tinh 250 ml, 500 ml, chỉ, kim,…
- Hóa chất thí nghiệm: Pilocarpin *(nhỏ mắt)* và atropin *(nhỏ mắt)*, $MgSO_4$, $CaCl_2$, acid acetic *(dung dịch),* .... tùy theo bài thực hành;
- Thuốc: Gồm các thuốc theo danh mục thuốc nhận thức ở trên.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên cần đọc tài liệu các nội dung liên quan đến mỗi buổi thực hành trước khi đến lớp
- Điều kiện để được dự thi thực hành:

+ Sinh viên cần tham gia 100% các buổi thực hành. Các trường hợp không tham gia được vì lý do bất khả kháng cần viết giấy xin phép và bố trí đi thực tập bù cùng với tổ khác

+ Sinh viên cần nộp đầy đủ báo cáo sau mỗi buổi thực hành

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần	0	Hoàn thành 100% số tiết	Từ CĐR1 đến CĐR7
	Điểm quá trình thực hành	0	Hoàn thành các bài tập, thảo luận nhóm được giao theo hướng dẫn của giảng viên	Từ CĐR1 đến CĐR7
2	**Điểm thi (phần thực hành)**			
	Vấn đáp + Báo cáo kê đơn và nhận thức thuốc	100%	Sinh viên kê được đơn thuốc, nhận thức được các thông tin ghi trên nhãn thuốc và trình bày được các nội dung của thuốc theo yêu cầu. Đạt từ điểm 4.	Từ CĐR1 đến CĐR7.

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm phần thực hành được tính 1/3 trọng số điểm học phần. Điểm thi lý thuyết Dược lý là điểm thi kết thúc học phần. Điểm học phần Dược lý là (điểm phần lý thuyết x 2 + điểm thực hành x 1): 3.

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt

.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
DINH DƯỠNG VÀ ATTP
Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Dinh dưỡng và ATTP
* Tiếng Việt: Dinh dưỡng và ATTP
* Tiếng Anh: Nutrition and food safety
- Mã học phần/ mô đun: MEDI 5012
- Số tín chỉ: 1.5
- Đối tượng học (năm thứ): 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [x]	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Học xong học phần Hóa sinh, vi sinh, sinh lý bệnh học, nội cơ sở 1, ngoại cơ sở 1
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
  + Lý thuyết: 22 tiết
  + Bài tập: tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
  + Kiểm tra: tiết
  + Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Dinh dưỡng và ATTP

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1.	TS.BS Nguyễn Trọng Hưng	0912187523	DD&ATTP	nguyentronghung9602@yahoo.com
2.	ThS Bùi Thị Mai Hương	0916602816	DD&ATTP	buimaihuong_73@yahoo.com
3.	ThS Phạm Thị Miền	0973507360	DD&ATTP	Phammien89@gmail.com
4.	TS Đỗ Thị Phương Hà	0912474550	DD&ATTP	*dothiphuongha@gmail.com*

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT1	Ghi nhớ và vận dụng kiến thức về dinh dưỡng, ăn uống với sức khỏe và bệnh tật, áp dụng để khám, phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý dinh dưỡng	[CĐR6], [CĐR 7]	3
MT2	Giao tiếp hiệu quả với cộng đồng, người bệnh dựa trên các tiếp cận về văn hóa, tập quán ăn uống, học vấn, điều kiện kinh tế-xã hội trong quá trình thực hiện các nghiên cứu và can thiệp cải thiện dinh dưỡng, an toàn thực phẩm. +Sử dụng thành thạo các phần mềm đánh giá tình trạng dinh dưỡng và xây dựng thực đơn +Có khả năng tự tra cứu, tham khảo tài liệu về dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, có khả năng tự học và học tập liên tục	[CĐR5] [CĐR7] [CĐR9]	3
	Kỹ năng		
MT3	- Kỹ năng thảo luận nhóm. - Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện - Thu thập và xử lý thông tin. - Kỹ năng báo cáo, thu thập và xử lý thông tin, trình bày	[CĐR9] [CĐR10] [CĐR11]	3
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	[CĐR11]	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	**CĐR của học phần/ mô đun (CLO)**
Kiến thức	

MT1: Hiểu biết về dinh dưỡng, ăn uống với sức khỏe và bệnh tật, áp dụng để khám, phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý dinh dưỡng **MT2**: Giao tiếp hiệu quả với cộng đồng, người bệnh dựa trên các tiếp cận về văn hóa, tập quán ăn uống, học vấn, điều kiện kinh tế-xã hội trong quá trình thực hiện các nghiên cứu và can thiệp cải thiện dinh dưỡng, an toàn thực phẩm. +Sử dụng thành thạo các phần mềm đánh giá tình trạng dinh dưỡng và xây dựng thực đơn +Có khả năng tự tra cứu, tham khảo tài liệu về dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, có khả năng tự học và học tập liên tục	**CLO1**: Nhận thức rõ tầm quan trọng về vai trò của công tác dinh dưỡng và ATTP trong thực hành y khoa. **CLO 2**: Có kiến thức cơ bản về Dinh dưỡng & ATTP chăm sóc người bệnh và con người nói chung. **CLO3:** Ứng dụng được kiến thức Dinh dưỡng & ATTP cơ bản vào thực hành điều trị và chăm sóc trên người bệnh. **CLO4:** Thực hiện được các kỹ thuật và xây dựng được khẩu phần và chế độ dinh dưỡng cho các đối tượng trên cộng đồng và người bệnh. **CLO5:** Theo dõi, đánh giá, phát hiện sớm và xử trí kịp thời, quản lý đảm bảo an toàn thực phẩm cho bếp ăn tập thể **CLO6:**Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm cao và luôn phấn đấu học hỏi không ngừng để nâng cao trình độ chuyên môn.
Kỹ năng	
MT3: Kỹ năng thảo luận nhóm, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện; thu thập và xử lý thông tin và kỹ năng báo cáo, trình bày	**CLO 7:** Vận dụng các hiểu biết về văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới lĩnh vực dược, thể hiện kỹ năng chuẩn bị các bản báo cáo khoa học, cách thức trình bày, báo cáo, thảo luận, phản biện dễ hiểu và truyền cảm và sáng tạo.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	**CLO 8**: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)**							
	1	2	3	4	5	6	7	8
Chương 1. Dinh dưỡng cơ bản	2	2	1	1	1	1	2	2

Chương 2. Dinh dưỡng cộng đồng	1	2	2	2	1	3	3	2
Chương 3. Dinh dưỡng Lâm sàng	3	2	2	1	2	2	1	3
Chương 4: An toàn thực phẩm	2	2	2	2	1	1	3	1

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Dinh dưỡng & ATTP là môn học cung cấp những kiến thức dinh dưỡng từ cơ bản đến chuyên sâu bao gồm dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng lâm sàng, dinh dưỡng tế bào…. từ đó giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của dinh dưỡng đối với sức khỏe; nghiên cứu và lập ra những kế hoạch để can thiệp đối với những người đã và đang gặp các vấn đề về dinh dưỡng. Từ đó đưa ra giải pháp hiệu quả để khắc phục tình trạng mất cân bằng dinh dưỡng ở người bệnh, xây dựng nên chế độ ăn uống hợp lý, lành mạnh để đảm bảo sức khỏe tốt cho người bệnh.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy học**					**Yêu cầu đối với sinh viên**
	Lên lớp (Tiết)				**Tự học (Giờ)**	
	LT	**TH**	**BT/ TL/KT**	**Tổng cộng**		
Chương 1. Dinh dưỡng cơ bản 1. Dinh dưỡng, ăn uống sức khoẻ và bệnh tật 2. Vai trò và nhu cầu của các chất dinh dưỡng 3. Giá trị dinh dưỡng của các nhóm thực phẩm và xây dựng chế độ ăn dựa vào Tháp dinh dưỡng hợp lý cho các nhóm đối tượng.	4					Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Chương 2. Dinh dưỡng cộng đồng 1.Các phương pháp đánh giá dinh dưỡng ở cộng đồng 2.Các vấn đề dinh dưỡng cộng đồng: Suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng và thừa cân/béo phì 3.Các vấn đề dinh dưỡng cộng đồng: một số bệnh không lây liên quan tới dinh dưỡng	6					Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Chương 3. Dinh dưỡng Lâm sàng 1. Nguyên tắc xây dựng khẩu phần,	8					Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide

thực đơn theo chế độ tiết chế dinh dưỡng cho người bệnh 2. Chế độ ăn điều trị một số bệnh: suy dinh dưỡng nặng, đái tháo đường, tăng huyết áp, ung thư 3. Các nguyên tắc dinh dưỡng điều trị, quy trình can thiệp, chăm sóc dinh dưỡng ở bệnh viện. 4. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng người bệnh.						theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Chương 4: An toàn thực phẩm 1. Các bệnh do thực phẩm gây ra, ngộ độc thực phẩm và cách phòng chống. 2. Nguyên tắc và phương pháp quản lý an toàn thực phẩm của bếp ăn tập thể (bệnh viện, trường học, nơi làm việc)	4					Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Y tế (2010)**. *Dinh Dưỡng và An toàn thực phẩm*** (Dùng cho đào tạo bác sĩ đa khoa), Nhà xuất bản Giáo dục.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ Y tế (2010)**. *Dinh Dưỡng và An toàn thực phẩm*** (Dùng cho đào tạo bác sĩ đa khoa), Nhà xuất bản Giáo dục.

2. Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ môn Dinh Dưỡng – An toàn thực phẩm (2012), Dinh Dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm, Nhà xuất bản Y học.

3. Bộ Y tế - Viện Dinh dưỡng (2016). Nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam. Nhà xuất bản Y học.

4. Viện Dinh dưỡng (2016). Bảng thành phần thực phẩm Việt Nam. Nhà xuất bản Y học.

5. Viện Dinh dưỡng (2004). Chế độ ăn, dinh dưỡng và dự phòng bệnh mạn tính.

6. Viện Dinh dưỡng (2019). Dinh dưỡng lâm sàng. Nhà xuất bản Y học.

7. Hướng dẫn chế độ ăn trong bệnh viện (2016). Nhà xuất bản Y học.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	

							(giờ)
1	Chương 1. Dinh dưỡng cơ bản	4					
2	Chương 2. Dinh dưỡng cộng đồng	6					
3	Chương 3. Dinh dưỡng Lâm sàng	8					
4	Chương 4: An toàn thực phẩm	4					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình [x] Động não [x] Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projecter, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %;

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành			
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 4

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm tổng kết phần lý thuyết

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP
Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Sức khỏe môi trường- Sức khỏe nghề nghiệp
* Tiếng Việt: Sức khỏe môi trường- Sức khỏe nghề nghiệp
* Tiếng Anh: Environmental health - Occupational health
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 1,5
- Đối tượng học (năm thứ):
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc X	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: không
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 67,5 tiết
  + Lý thuyết: 67,5 tiết
  + Bài tập: 0 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
  + Kiểm tra: 0 tiết
  + Thời gian tự học: 45 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y tế công cộng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Thạc sỹ Nguyễn Văn Bình	0916359842	binhytcc2012@gmail.com
2	Thạc sỹ Lương Thị Thu Hà	0974899244	bshaytcc@gmail.com
3	Thạc sỹ Bàng Thị Hoài	0977045888	thuhoaiytcc@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
MT1	Nội dung SKMT bám sát được những	CĐR1	3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	kiến thức cơ bản, chính xác, khoa học, cập nhật về thực tiễn Việt Nam nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về SKMT	*CĐR2, CĐR5 CĐR7, CĐR11*	
MT2	Nội dung SKNN nhằm giúp sinh viên hiểu và phân biệt giữa bệnh nghề nghiệp và các bệnh khác không do nghề nghiệp gây nên	*CĐR7, CĐR11*	3
MT3	Ứng dụng được những kiến thức đã học để giúp cộng đồng nâng cao được nhận thức về SKMT cũng như sức khỏe người lao động	*CĐR14, CĐR15,CĐR17*	3
MT4	Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường	CĐR1 *CĐR2, CĐR5 CĐR7, CĐR11*	3
MT5	Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể, đánh giá và cải thiện các hoạt động chuyên môn ở mức trung bình	*CĐR7, CĐR11*	3
MT6	Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao	*CĐR17*	3
MT7	Có khả năng tự định hướng, tự học tập, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.	*CĐR17*	3

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
MT1: Nội dung SKMT bám sát được những kiến thức cơ bản, chính xác, khoa học, cập nhật về thực tiễn Việt Nam nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về SKMT	CLO1: kiến thức cơ bản, chính xác, khoa học, cập nhật về thực tiễn Việt Nam nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về SKMT
MT2: Nội dung SKNN nhằm giúp sinh viên hiểu và phân biệt giữa bệnh nghề nghiệp và các bệnh khác không do nghề nghiệp gây nên	CLO2: kiến thức cơ bản, chính xác, khoa học, cập nhật về thực tiễn Việt Nam nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về SKMT

MT3: Ứng dụng được những kiến thức đã học để giúp cộng đồng nâng cao được nhận thức về SKMT cũng như sức khỏe người lao động	CLO3: Ứng dụng được những kiến thức đã học để giúp cộng đồng nâng cao được nhận thức về SKMT cũng như sức khỏe người lao động
MT4: Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường	CLO4: đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường
MT5: Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể, đánh giá và cải thiện các hoạt động chuyên môn ở mức trung bình	CLO5: lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể, đánh giá và cải thiện các hoạt động chuyên môn ở mức trung bình
MT6: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao	CLO6: có khả năng đề xuất được sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao
MT7: Có khả năng tự định hướng, tự học tập, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.	CLO7: thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)**						
	1	2	3	4	5	6	7
Bài 1: Nhập môn Sức khỏe môi trường	3	3	3	3	3	3	3
Bài 2: Cơ sở sinh thái học của sức khỏe và bệnh tật	3	3	3	3	3	3	3
Bài 3: Vệ sinh môi trường không khí và ô nhiễm không khí	3	3	3	3	3	3	3
Bài 4: Quản lý chất thải rắn và chất thải y tế	3	3	3	3	3	3	3
Bài 5: Nước và vệ sinh nước	3	3	3	3	3	3	3
Bài 6: Đại cương về vệ sinh lao động và bệnh nghề nghiệp Các yếu tố nguy cơ của bệnh nghề nghiệp Sinh lý lao động và mệt mỏi trong lao động	3	3	3	3	3	3	3

Vấn đề tư thế và điều kiện lao động hợp lý							

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Học phần nghiên cứu khoa học y hoc cơ bản nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của trình độ đào tạo BS ngành y khoa với thời lượng 1,5 tín chỉ gồm 13 bài bao gồm cả 4 bài đọc thêm giúp học viên thực hiện được các bước cơ bản của thiết kế nghiên ứu khoa học y học, xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học và có thể tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở dưới sự hướng dẫn giám sát của thày cô Học viện.

Nội dung gồm các khái niệm và nguyên lý cơ bản và các thiết kế chiến lược nghiên cứu khoa học y học cơ bản; cách xây dựng bộ công cụ thu thập thông tin; viết đề cương nhiên cứu khoa học

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy học**						**Yêu cầu đối với sinh viên**
	Lên lớp (Tiết)					**Tự học (Giờ)**	
	LT	**TH**	**BT/TL/ KT**		**Tổng cộng**		
Bài 1: Nhập môn Sức khỏe môi trường	4	0	0		4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 2: Cơ sở sinh thái học của sức khỏe và bệnh tật	4	0	0		4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 3: Vệ sinh môi trường không khí và ô nhiễm không khí	4	0	0		4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 4:	3	0	0		3		Chuẩn bị bài trước cả về

Quản lý chất thải rắn và chất thải y tế							báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 5: Nước và vệ sinh nước	4	0	0		4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng 4tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 6: Đại cương về vệ sinh lao động và bệnh nghề nghiệp Các yếu tố nguy cơ của bệnh nghề nghiệp Sinh lý lao động và mệt mỏi trong lao động Vấn đề tư thế và điều kiện lao động hợp lý	4				4		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Giáo trình học tập chính:

Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp, Học Viện Y dược học cổ truyền Việt Nam. Lưu hành nội bộ

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Lê Huy Bá, Lâm Minh Triết, Sinh thái Môi trường học cơ bản, NXB Đại học Quốc gia Tp.Hồ Chí Minh, 2006.

2. ThS. Nguyễn Hữu Nghị- Giáo trình Môi trường và sức khỏe con người- Đại học Huế - Năm 2006

3.Bộ Y tế (2006), Điều tra môi trường nông thôn Việt Nam, Nhà xuất bản Y học, 2006

4. Bộ Y tế – Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế số 3733/2002/QĐ-YT ngày 10/10/2002

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường. Bảo tồn và phát triển bền vững đất ngập nước Việt Nam. IUCN, Hà Nội, 2003

6. UNICEF (2001), Báo cáo hiện trạng môi trường Việt Nam, 2001

Trường Đại Học Y Hà Nội (2013). Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng. Nhà xuất bản Y học. Hà Nội 2013

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Bài 1: Nhập môn Sức khỏe môi trường	4	0	0	0		
2	Bài 2: Cơ sở sinh thái học của sức khỏe và bệnh tật	4	0	0	0		
3	Bài 3: Vệ sinh môi trường không khí và ô nhiễm không khí	4	0	0	0		
4	Bài 4: Quản lý chất thải rắn và chất thải y tế	3	0	0	0		
	Bài 5: Nước và vệ sinh nước	4					
	Bài 6: Đại cương về vệ sinh lao động và bệnh nghề nghiệp Các yếu tố nguy cơ của bệnh nghề nghiệp Sinh lý lao động và mệt mỏi trong lao động Vấn đề tư thế và điều kiện lao động hợp lý	4					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x Động não □ Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm □ Đóng vai x Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐRG1 đến CĐRG3

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐRG1 đến CĐRG3
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐRG1 đến CĐRG3
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐRG1 đến CĐRG3

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projecter, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần	0	số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %	
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn, ...	0		
	Thực hành	0		
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...	10/10		CĐR 1 đến CĐR 7

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là *điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 202..

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
DỊCH TỄ HỌC
Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Dịch tễ học
* Tiếng Việt: Dịch tễ học
* Tiếng Anh: Epidemiology
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 02(2.0 LT, 0.0 TH)
- Đối tượng học (năm thứ): Học kỳ: 1 năm thứ 3
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc X	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Xác suất - thống kê y học
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết
  + Lý thuyết: 30 tiết
  + Bài tập: 0 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
  + Kiểm tra: tiết
  + Thời gian tự học: 0 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y tế công cộng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Thạc sỹ Nguyễn Văn Bình	0916359842	binhytcc2012@gmail.com
2	Ths. Đỗ Văn Pha	0918498755	dopha2005@gmail.com
3	Thạc sỹ Lương Thị Thu Hà	0974899244	bshaytcc@gmail.com
4	Thạc sỹ Bàng Thị Hoài	0977045888	thuhoaiytcc@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
MT1	**Kiến thức** : Cung cấp những kiến thức cơ bản về: Các phương pháp mô tả tình hình sức khỏe cộng đồng, xác định các yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh; nắm được các nguyên lý và phương pháp cơ bản của dịch tễ học.	CĐR2; CĐR10	3
MT2	**Kỹ năng** : Xác định các yếu tố nguy cơ và đánh giá hiệu quả của các can thiệp kiểm soát và dự phòng các vấn đề sức khỏe phổ biến ở Việt Nam.	CĐR10, CĐR13	3
MT3	**Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Nhận thức được ý nghĩa và vai trò của dịch tễ học trong công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Coi trọng việc phát hiện sớm dịch bệnh để có biện pháp đáp ứng phòng chống kịp thời và hiệu quả.	CĐR14	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Trình bày được các phương pháp mô tả tình hình sức khỏe cộng đồng; Xác định được các yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh.	CLO1:Vận dụng được những kiến về y tế công cộng trong cung cấp dịch vụ y tế cho cá nhân, gia đình và cộng đồng dựa trên bằng chứng y học trên bằng chứng y học
Phân tích được các nguyên lý dịch tễ học và các nguyên tắc dự phòng những bệnh phổ biến ở cộng đồng, bao gồm các bệnh lây và không lây . Phân tích được dịch tễ học dịch vụ y tế, chính sách y tế và sức khỏe người di cư.	CLO2: Vận dụng được kiến thức dịch tễ học trong công tác dự phòng và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.
Kỹ năng	

MT2: Tính toán được các chỉ số đo lường bệnh trạng, chẩn đoán sức khỏe cộng đồng, sàng tuyển phát hiện sớm, xử lý, phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu dịch tễ học.	*CLO3*: Thực hiện được kỹ năng truyền thông- giáo dục sức khỏe để bảo vệ nâng cao sức khỏe nhân dân. Xác định được vấn đề sức khỏe cộng đồng và lựa chọn được vấn đề ưu tiên. Phát hiện sớm dịch bệnh, đề xuất sớm các biện pháp xửu lý thích hợp nhằm chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cá nhân, gia đình và cộng đồng
Thực hiện được công tác giám sát điều tra dịch, tiêm chủng mở rộng, khống chế côn trùng Y học; Đưa ra được thiết kế nghiên cứu phù hợp để giải đáp một số câu hỏi cụ thể về nguyên nhân, tiên lượng bệnh, phòng ngừa và đánh giá điều trị bệnh.	CLO4: Vận dụng được kiến thức dịch tễ học trong công tác dự phòng và chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Phát hiện được dịch bệnh thông thường và đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp nhằm chóc sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho cá nhân, gia đình, cộng đồng
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	CLO5: Giao tiếp có hiệu quả với cá nhân, gia đình, cộng đồng. Phối hợp tốt với đồng nghiệp và cộng đồng để triển khai tốt hoạt động nghề nghiệp

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun(CLO)**				
	1	2	3	4	5
Bài1:Định nghĩa, mục tiêu, nội dung và cách đề cập dịch tễ học	3	3	3	3	3
Bài 2: Đo lường trong dịch tễ học	3	3	3	3	3
Bài 3: Phương pháp nghiên cứu mô tả	3	3	3	3	3
Bài 4: Phương pháp nghiên cứu bệnh chứng	3	3	3	3	3
Bài 5: Phương pháp nghiên cứu thuần tập	3	3	3	3	3
Bài 6: Phương pháp nghiên cứu can thiệp					
Bài 7: Sai số và nhiễu	3	3	3	3	3

Bài 8: Phân tích mối quan hệ nhân quả	3	3	3	3	3
Bài 9: Các khái niệm về dịch tễ học nhiễm trùng	3	3	3	3	3
Bài 10: Quá trình dịch	3	3	3	3	3
Bài 11: Giám sát dịch tễ học	3	3	3	3	3
Bài 12: Điều tra xử lý dịch	3	3	3	3	3
Bài 13: Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường tiêu hóa	3	3	3	3	3
Bài 14: Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường hô hấp	3	3	3	3	3
Bài 15: Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường máu	3	3	3	3	3
Bài 16: Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường da và niêm mạc	3	3	3	3	3
Bài 17: Dịch tễ học một số bệnh không lây phổ biến	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Nội dung gồm các khái niệm và nguyên lý cơ bản của dịch tễ học; các chỉ số sức khoẻ chủ yếu của cộng đồng; cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh; các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học; các sai số và khống chế sai số trong nghiên cứu dịch tễ học.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy học**						**Yêu cầu đối với sinh viên**
	Lên lớp (Tiết)					**Tự học (Giờ)**	
	LT	**TH**	**BT/TL/KT**		**Tổng cộng**		
Bài1: Định nghĩa, mục tiêu, nội dung và cách đề cập dịch tễ học	3	0	0		3		Phân tích được khái niệm và nguyên lý cơ bản của dịch tễ học, yếu tố nguy cơ, mối liên quan giữa yếu tố nguy cơ và bệnh ,dịch

Bài 2: Đo lường trong dịch tễ học	-	-	-				Phân tích được khái niệm và nguyên lý cơ của các chỉ số sức khỏe chủ yếu
Bài 3: Phương pháp nghiên cứu mô tả	2	0	0		2		Tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức trong nghiên cứu Y học; Đánh giá được hiệu quả can thiệp y tế dựa trên bằng chứng khoa học
Bài 4: Phương pháp nghiên cứu bệnh chứng	03	0	0		3		Tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức trong nghiên cứu Y học; Đánh giá được hiệu quả can thiệp y tế dựa trên bằng chứng khoa học
Bài 5: Phương pháp nghiên cứu thuần tập	03	0	0		3		Tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức trong nghiên cứu Y học; Đánh giá được hiệu quả can thiệp y tế dựa trên bằng chứng khoa học
Bài 6: Phương pháp nghiên cứu can thiệp	03	0	0		3		Tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức trong nghiên cứu Y học; Đánh giá được hiệu quả can thiệp y tế dựa trên bằng chứng khoa học
Bài 7: Sai số và nhiễu	-	-	0				
Bài 8: Phân tích mối quan hệ nhân quả	-	-	0				
Bài 9: Các khái niệm về dịch tễ học nhiễm trùng	1.5	0	0		1.5		Nhận định được các loại nhiễm khuẩn chính và các tác nhân sinh học phổ biến gây bệnh đòi hỏi sự chăm sóc y tế
Bài 10: Quá trình dịch	1.5	0	0		1.5		Phân tích được khái niệm và nguyên lý của dịch tễ học, yếu tố nguy cơ, mối liên quan giữa yếu tố nguy cơ,dịch bệnh
Bài 11: Giám sát dịch tễ học	1.5	0	0		1.5	0	Tuân thủ các nguyên tắc quy trình về phòng ngừa, cách ly, kiểm soát nhiễm

							khuẩn
Bài 12: Điều tra xử lý dịch	1.5	0	0		1.5	0	Giải thích được các nguyên tắc và ứng dụng trong dự phòng cấp 1, 2, 3; chiến lược dự phòng mức cá nhân, tiếp cận dự phòng dựa vào cộng đồng và tiếp cận dựa vào yếu tố nguy cơ cao trong phòng ngừa và nâng cao sức khỏe
Bài 13: Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường tiêu hóa	1.5	0	0		1.5	0	Nhận định được các loại nhiễm khuẩn chính và các tác nhân sinh học phổ biến gây bệnh đòi hỏi sự chăm sóc y tế; Nhận định được các con đường lây nhiễm có nguồn lây nhiễm để có biện pháp xử lý phù hợp
Bài 14: Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường hô hấp	1.5	0	0		1.5	0	Nhận định được các loại nhiễm khuẩn chính và các tác nhân sinh học phổ biến gây bệnh đòi hỏi sự chăm sóc y tế; Nhận định được các con đường lây nhiễm có nguồn lây nhiễm để có biện pháp xử lý phù hợp
Bài 15: Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường máu	1.5	0	0		1.5	0	Nhận định được các loại nhiễm khuẩn chính và các tác nhân sinh học phổ biến gây bệnh đòi hỏi sự chăm sóc y tế; Nhận định được các con đường lây nhiễm có nguồn lây nhiễm để có biện pháp xử lý phù hợp
Bài 16: Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường da và niêm mạc	1.5	0	0		1.5	0	Nhận định được các loại nhiễm khuẩn chính và các tác nhân sinh học phổ biến gây bệnh đòi hỏi sự chăm sóc y tế; Nhận định được các con đường lây nhiễm có nguồn lây nhiễm để có biện pháp xử lý phù hợp
Bài 17: Dịch tễ học một số bệnh không lây phổ biến	3	0	0		3		Giải thích được các nguyên tắc và ứng dụng trong dự phòng cấp 1, 2, 3; chiến lược dự phòng mức cá nhân, tiếp cận dự phòng dựa vào cộng đồng và tiếp cận dựa vào yếu tố nguy cơ

							cao trong phòng ngừa và nâng cao sức khỏe
Bài 18: Số đo mắc bệnh tử vong	-	-	0				
Bài 19: Sàng tuyển phát hiện bệnh	-	-	0				
Bài 20: Chẩn đoán sức khỏe cộng đồng	-	-	0				
Bài 21: Tiêm chủng mở rộng	-	-	0				
Bài 22: Côn trùng Y học và cách khống chế							

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Tài liệu tổng hợp hướng dẫn lý thuyết dịch tễ học (tài liệu lưu hành nội bộ)

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

5. Trường Đại học Y Hà Nội ,Viện đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng, Bộ môn dịch tễ học, *Giáo trình lý thuyết Dịch tễ học (2013).*
6. Trường Đại học Y Hà Nội ,Viện đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng, Bộ môn dịch tễ học, *Giáo trình thực hành Dịch tễ học (2013)..*

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Bài1: Định nghĩa, mục tiêu, nội dung và cách đề cập dịch tễ học	3	0	0	0	-	-
1	Bài 2: Đo lường trong dịch tễ học	-	-	-	-	-	-

1	Bài 3: Phương pháp nghiên cứu mô tả	2	-	0	-	-	
1	Bài 4: Phương pháp nghiên cứu bệnh chứng	3	0	0	0	-	-
1	Bài 5: Phương pháp nghiên cứu thuần tập	3	0	0	0	-	-
1	Bài 6: Phương pháp nghiên cứu can thiệp	3	0	0	0	-	-
1	Bài 7: Sai số và nhiễu	-					
1	Bài 8: Phân tích mối quan hệ nhân quả	-					
2	Bài 9: Các khái niệm về dịch tễ học nhiễm trùng	1.5	0	0	0	-	-
2	Bài 10: Quá trình dịch	1.5	0	0	0	-	-
2	Bài 11: Giám sát dịch tễ học	1.5	0	0	0	-	-
2	Bài 12: Điều tra xử lý dịch	1.5	0	0	0	-	-
2	Bài 13: Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường tiêu hóa	1.5	0	0	0	-	-
2	Bài 14: Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường hô hấp	1.5	0	0	0	-	-
2	Bài 15: Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường máu	1.5	0	0	0	-	-
2	Bài 16: Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường da và niêm mạc	1.5	0	0	0	-	-
2	Bài 17: Dịch tễ học một số	3	0	0	0	-	-

	bệnh không lây phổ biến						

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x Động não □ Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề x Hoạt động nhóm x Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống x Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR ... đến CĐR ....
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ....
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projecter, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần	0	số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %;	CĐR14
	Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	Theo câu hỏi, bài tập bộ môn	CĐR3, CĐR 10, CĐR 13
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính	70%	Bộ câu hỏi của bộ môn	CĐR3, CĐR 10, CĐR 13

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN
ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN (LÝ THUYẾT)
Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: Điều dưỡng cơ bản

* Tiếng Việt: Điều dưỡng cơ bản

* Tiếng Anh: Fundamental of nursing

- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 1
- Đối tượng học (năm thứ): 2
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Giải phẫu, sinh lý, vi sinh
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 90 tiết
  + Lý thuyết: 15 tiết
  + Bài tập: 0 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
  + Kiểm tra: 0 tiết
  + Thời gian tự học: 15 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Điều dưỡng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Mai Thuý Mai	0917549549	maithuymai.vutm@gmail.com
2	ThS. Vũ Thị Thơ	0984947994	vutho.vatm@gmail.com
3	ThS. Phạm Thị Nga	0904890660	**ngafam.tlm@gmail.com**

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*

MT1	Trình bày được các nội dung kiểm soát nhiễm khuẩn trong chăm sóc sức khoẻ.	CĐR1	4
MT2	Trình bày được mục đích, chỉ định, chống chỉ định và tai biến của các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản.	CĐR1	4

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.)

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần	CĐR của học phần
Kiến thức	
MT1: Trình bày được các nội dung kiểm soát nhiễm khuẩn trong chăm sóc sức khoẻ.	CĐR1: Nhận thức rõ tầm quan trọng về vai trò của công tác điều dưỡng và kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành y khoa.
MT2: Trình bày được mục đích, chỉ định, chống chỉ định và tai biến của các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản.	CĐR2. Có kiến thức cơ bản về mục đích, chỉ định, chống chỉ định, các tai biến có thể xảy ra khi tiến hành các kỹ thuật chăm sóc người bệnh cơ bản.
	CĐR3: Ứng dụng được kiến thức điều dưỡng cơ bản vào thực hành chăm sóc trên người bệnh.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần**					
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6
1. Khử khuẩn, tiệt khuẩn	2		2			2
3. Dấu hiệu sinh tồn		3	2	3	2	2
4. Kỹ thuật Tiêm thuốc		2	2	2	2	2
5. Truyền dịch - Truyền máu		2	2	1	2	2
6. Liệu pháp oxy		2	2	2	2	2
8. Thay băng, cắt chỉ vết thương		2	2	2	2	2
9. Các phương pháp cầm máu tạm thời		2	1	1	1	2
10. Kỹ thuật đặt sonde dạ dày		2	1	1	1	2

11. Rửa dạ dày		2	1	1	1	2
12. Thụt tháo- Thụt giữ		2	1	1	1	2
13. Thông tiểu, dẫn lưu nước tiểu, rửa bàng quang		2	1	1	1	2
14. Hút đờm dãi		2	2	1	1	2
16. Cấp cứu ngừng tuần hoàn		2	1	2	1	2
17. Sơ cứu gãy xương		2	1	2	1	2

6. Mô tả học phần (*Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần*)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản nhằm phát triển kỹ năng trong chăm sóc người bệnh. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ có cơ hội áp dụng kiến thức đã học vào thực hành và vào việc thực hiện công tác điều trị, chăm sóc bệnh nhân tại bệnh viện. Rèn luyện ý thức, thái độ, tác phong và trách nhiệm cho sinh viên khi tham gia công tác chăm sóc sức khoẻ người bệnh.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy học**				**Yêu cầu đối với sinh viên**
	Lên lớp (Tiết)			**Tự học (Giờ)**	
	LT	**BT/TL/ KT**	**Tổng cộng**		
1. Khử khuẩn, tiệt khuẩn	1	0	1	1	*Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi*
3. Dấu hiệu sinh tồn	1	0	5	1	*Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi*
4. Kỹ thuật Tiêm thuốc	2	0	6	2	*Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi*
5. Truyền dịch - Truyền máu	1	0	3	1	*Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi*
6. Liệu pháp oxy	1	0	2	1	*Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi*
8. Thay băng, cắt chỉ vết thương	1	0	3	1	*Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi*
9. Các phương pháp cầm máu tạm thời	1	0	1	1	*Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi*
10. Kỹ thuật đặt sonde dạ dày	1	0	3	1	*Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi*
11. Rửa dạ dày	1	0	2	1	*Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi*

12. Thụt tháo- Thụt giữ	1	0	2	1	*Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi*
13. Thông tiểu, dẫn lưu nước tiểu, rửa bàng quang	1	0	5	1	*Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi*
14. Hút đờm dãi	1	0	2	1	*Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi*
16. Cấp cứu ngừng tuần hoàn	1	0	3	1	*Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi*
17. Sơ cứu gãy xương	1	0	3	1	*Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi*

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ môn Điều dưỡng (2021). *Điều dưỡng cơ bản*. Tài liệu lưu hành nội bộ.

2. Bộ môn Điều dưỡng (2021). *Bảng kiểm thực hành Điều dưỡng cơ bản*. Tài liệu lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ Y tế (2020). *Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới, Tập 1*. Hà Nội: NXB Y học.

2. Bộ Y tế (2020). *Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới, Tập 2*. Hà Nội: NXB Y học.

3. Bộ Y tế (2014). *Điều dưỡng cơ bản, Tập 1*. Hà Nội: NXB Y học.

4. Bộ Y tế (2014). *Điều dưỡng cơ bản, Tập 2*. Hà Nội: NXB Y học.

5. Bộ Y tế (2012). *Kỹ năng thực hành điều dưỡng*. Hà Nội: NXB Y học.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	
1	4	0	0	0	3
2	4	0	0	0	3
3	4	0	0	0	3
4	3	0	0	0	3
5	0	4	0	0	3

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

✓ Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình ☒ Động não □ Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □

Hoạt động nhóm ☒ Đóng vai ☒ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng ☒

Nghiên cứu tình huống ☒ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập ☒

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR1 đến CĐR3.
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR1 đến CĐR3.
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR1 đến CĐR3.

✓ Cách thức giảng dạy: Phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng phần mềm ZOOM, Google Meet.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

- Lý thuyết: Sinh viên học tập trung tại Giảng đường hoặc Online qua phần mềm Zoom, Google Meet.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiềuh hình thức khác nhau.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%;

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính	50%	Số câu trả lời đúng/ Tổng số câu trắc nghiệm.	CĐR1 đến CĐR3

12.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC **TRƯỞNG KHOA** **BỘ MÔN**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN
ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN (THỰC HÀNH)

Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: Điều dưỡng cơ bản

* Tiếng Việt: Điều dưỡng cơ bản

* Tiếng Anh: Fundamental of nursing

- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 1
- Đối tượng học (năm thứ): 2
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Giải phẫu, sinh lý, vi sinh
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 90 tiết
  + Thực hành: 30 tiết
  + Bài tập: 0 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
  + Kiểm tra: 0 tiết
  + Thời gian tự học: 30 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Điều dưỡng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Mai Thuý Mai	0917549549	maithuymai.vutm@gmail.com
2	ThS. Vũ Thị Thơ	0984947994	vutho.vatm@gmail.com
3	ThS. Phạm Thị Nga	0904890660	**ngafam.tlm@gmail.com**

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
MT3	Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc người bệnh cơ bản theo đúng quy trình.	CĐR6	3
MT4	Phát hiện và xử trí được một số tai biến xảy ra trong và sau khi làm thủ thuật.	CĐR6	3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
MT5	Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn trong việc thực hiện các nhiệm vụ điều dưỡng khi chăm sóc và theo dõi người bệnh.	CĐR15	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.)

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần	CĐR của học phần
Kỹ năng	
MT3: Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc người bệnh cơ bản theo đúng quy trình.	CĐR4: Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc người bệnh cơ bản đúng quy trình.
MT4: Phát hiện và xử trí được một số tai biến xảy ra trong và sau khi làm thủ thuật.	CĐR5: Theo dõi, phát hiện sớm và xử trí kịp thời những tình huống có thể xảy ra đối với người bệnh.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn trong việc thực hiện các nhiệm vụ điều dưỡng khi chăm sóc và theo dõi người bệnh.	CĐR6: Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm cao và luôn phấn đấu học hỏi không ngừng để nâng cao trình độ chuyên môn.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần					
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6
2. Rửa tay, mặc áo choàng, mang găng vô khuẩn	2		2			2
3. Dấu hiệu sinh tồn		3	2	3	2	2
4. Kỹ thuật Tiêm thuốc		2	2	2	2	2
5. Truyền dịch - Truyền máu		2	2	1	2	2
6. Liệu pháp oxy		2	2	2	2	2
7. Băng bó vết thương		2	2	2	1	2

8. Thay băng, cắt chỉ vết thương		2	2	2	2	2
10. Kỹ thuật đặt sonde dạ dày		2	1	1	1	2
11. Rửa dạ dày		2	1	1	1	2
12. Thụt tháo- Thụt giữ		2	1	1	1	2
13. Thông tiểu, dẫn lưu nước tiểu, rửa bàng quang		2	1	1	1	2
14. Hút đờm dãi		2	2	1	1	2
15. Các phương pháp vận chuyển bệnh nhân		2	2	2	2	2
16. Cấp cứu ngừng tuần hoàn		2	1	2	1	2
17. Sơ cứu gãy xương		2	1	2	1	2

6. Mô tả học phần (*Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần*)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kỹ năng về các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản nhằm phát triển kỹ năng trong chăm sóc người bệnh. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ có cơ hội áp dụng kiến thức đã học vào thực hành và vào việc thực hiện công tác điều trị, chăm sóc bệnh nhân tại bệnh viện. Rèn luyện ý thức, thái độ, tác phong và trách nhiệm cho sinh viên khi tham gia công tác chăm sóc sức khoẻ người bệnh.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy học**				**Yêu cầu đối với sinh viên**
	Lên lớp (Tiết)			**Tự học (Giờ)**	
	TH	**BT/TL/ KT**	**Tổng cộng**		
2. Rửa tay, mặc áo choàng, mang găng vô khuẩn	1	0	1	2	*Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi*
3. Dấu hiệu sinh tồn	4	0	5	4	*Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi*
4. Kỹ thuật Tiêm thuốc	4	0	6	4	*Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi*
5. Truyền dịch - Truyền máu	2	0	3	2	*Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi*
6. Liệu pháp oxy	1	0	2	1	*Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi*
7. Băng bó vết thương	2	0	2	2	*Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi*
8. Thay băng, cắt chỉ vết thương	2	0	3	2	*Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi*

10. Kỹ thuật đặt sonde dạ dày	2	0	3	1	*Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi*
11. Rửa dạ dày	1	0	2	1	*Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi*
12. Thụt tháo- Thụt giữ	1	0	2	1	*Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi*
13. Thông tiểu, dẫn lưu nước tiểu, rửa bàng quang	4	0	5	2	*Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi*
14. Hút đờm dãi	1	0	2	2	*Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi*
15. Các phương pháp vận chuyển bệnh nhân	1	0	1	2	*Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi*
16. Cấp cứu ngừng tuần hoàn	2	0	3	2	*Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi*
17. Sơ cứu gãy xương	2	0	3	2	*Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi*

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

3. Bộ môn Điều dưỡng (2021). *Điều dưỡng cơ bản*. Tài liệu lưu hành nội bộ.

4. Bộ môn Điều dưỡng (2021). *Bảng kiểm thực hành Điều dưỡng cơ bản*. Tài liệu lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ Y tế (2020). *Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới, Tập 1*. Hà Nội: NXB Y học.

2. Bộ Y tế (2020). *Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới, Tập 2*. Hà Nội: NXB Y học.

3. Bộ Y tế (2014). *Điều dưỡng cơ bản, Tập 1*. Hà Nội: NXB Y học.

4. Bộ Y tế (2014). *Điều dưỡng cơ bản, Tập 2*. Hà Nội: NXB Y học.

5. Bộ Y tế (2012). *Kỹ năng thực hành điều dưỡng*. Hà Nội: NXB Y học.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Thực hành	
1	0	0	0	0	6
2	0	0	0	8	6
3	0	0	0	8	6
4	0	0	0	8	6
5	4	0	0	2	6

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

✓ Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình □ Động não □ Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □

Hoạt động nhóm ☒ Đóng vai ☒ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng ☒
Nghiên cứu tình huống ☒ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập ☒
- Thực hành: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để thực hiện các thao tác kỹ thuật trên mô hình và bệnh nhân giả định để đạt các chuẩn từ CĐR4 đến CĐR6.
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng giao tiếp, thực hành, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR4 đến CĐR 5.
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR4 đến CĐR6.

✓ Cách thức giảng dạy: Phương pháp giảng dạy trực tiếp

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

- Thực hành: Sinh viên học tập trung theo tổ tại phòng Thực hành 100% số buổi

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiềuh hình thức khác nhau.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài thi thực hành, thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: các bài thực hành tại phòng thực hành phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	**Điểm đánh giá học phần**			
	Thực hành chạy trạm OSPE	50%	Sinh viên thực hiện được đầy đủ các bước theo đúng thứ tự trong quy trình kỹ thuật.	CĐR4, CĐR5

12.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC **TRƯỞNG KHOA** **BỘ MÔN**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
MODULE MIỄN DỊCH_ HUYẾT HỌC (PHẦN LÝ THUYẾT)
Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Hệ miễn dịch- Huyết học
* Tiếng Việt: module Miễn dịch- Huyết học
* Tiếng Anh:
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ lý thuyết: 2.5 TC
- Đối tượng học (năm thứ): 2
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: sinh lý đại cương, giải phẫu đại cương, giải phẫu bệnh đại cương, sinh lý bệnh đại cương.
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 37.5 tiết
  + Lý thuyết: 37.5 tiết
  + Bài tập: 00 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 00 tiết
  + Kiểm tra: 00 tiết
  + Thời gian tự học: 71 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: module thận- tiết niệu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Đậu Xuân Cảnh	0913492216	xuancanhvh@gmail.com
2	Ths. Trần Hải Yến	0983290394	Tranhaiyen1703@gmail.com
3	Ths. Vũ Thị Lan Anh	0912537951	vtlanh@gmail.com
4	Ths. Vương Thị Mai Linh	0912016669	vmlinh1012@gmail.com
5	TS. Chu Văn Đức Ths Vũ Thi Quỳnh	0945925078	bschuduc@yahoo.com
6	Ths. Phạm Hà Ly	0984231285	phamhaly2012@gmail.com
7	BSCKII.Phạm Văn Thương	0904196111	bsthuongtc@gmail.com
8	TS. Phạm Thái Hưng	0984231285	
9	Ths. Nguyễn Thị Huyền	0983023404	Nguyenhuyen.yhcthn@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT1	Cung cấp các kiến thức về giải phẫu, giải phẫu bệnh, sinh lí thường, sinh lí bệnh hệ miễn dịch- huyết học; một số triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, hội chứng bệnh thường gặp trong bệnh lý miễn dịch và huyết học; một số phương pháp thăm dò, xét nghiệm cận lâm sàng giúp chẩn đoán các bệnh lý miễn dịch và huyết học	[CĐR2]	3
	Kỹ năng		
MT2	Khám và phát hiện được các triệu chứng lâm sàng của hệ miễn dịch- huyết học. Từ đó ra chỉ định cận lâm sàng và chẩn đoán được một số hội chứng và bệnh của hệ miễn dịch- huyết học thường gặp.	[CĐR4] [CĐR5]	4
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT3	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc.	[CĐR14]	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	**CĐR của học phần/ mô đun (CLO)**
Kiến thức	
MT1: Cung cấp các kiến thức về giải phẫu, giải phẫu bệnh, sinh lí thường, sinh lí bệnh hệ miễn dịch- huyết học; một số triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, hội chứng bệnh thường gặp trong bệnh lý miễn dịch và huyết học; một số phương pháp thăm dò, xét nghiệm cận lâm sàng giúp chẩn đoán các bệnh lý miễn dịch và huyết học	**CLO1:** Nắm được các kiến thức cơ bản về hệ miễn dịch- huyết học: giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh, giải phẫu bệnh. **CLO 2:** Trình bày được các triệu chứng cơ năng và thực thể, hội chứng bệnh của hệ miễn dịch- huyết học..
Kỹ năng	
MT2: Khám và phát hiện được các triệu chứng	**CLO 3:** Khai thác triệu chứng, bệnh sử,

lâm sàng của hệ miễn dịch- huyết học. Từ đó ra chỉ định cận lâm sàng và chẩn đoán được một số hội chứng và bệnh của hệ miễn dịch- huyết học thường gặp.	tiền sử của bệnh nhân. Đánh giá được các chỉ định cận lâm sàng cho một số bệnh lý hệ miễn dịch- huyết học thường gặp. Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được một số bệnh miễn dịch và huyết học thường gặp
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	**CLO 4**: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)**			
	1	2	3	4
Sinh lý	3			
Sinh lý bệnh	3			
Giải phẫu bệnh	3			
Nội	2	3	3	
Ngoại	2	3	3	
Sản	2	3	3	
Nhi	2	3	3	
Chẩn đoán hình ảnh		3		

6. Mô tả học phần/ mô đun

Bệnh học cơ sở hệ Miễn dịch- Huyết học, là một học phần quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa, đào tạo bác sĩ chuyên khoa YHCT… Nó là một môn học vừa mang tính cơ bản của y học cơ bản vừa mang tính lâm sàng của khoa học lâm sàng. Đào tạo theo kiến thức tích hợp giúp người học nhận thức được thấu đáo và toàn diện, tổng quan và cụ thể một vấn đề khoa học y học nhất định như miễn dịch và huyết học.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
Sinh lý	3.5		0.5	4		1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
Giải phẫu bệnh	2.0			2.0		1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
Sinh lý bệnh	3.5		0.5	4		1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
Nội	7		1	8		1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
Ngoại	2.0			2.0		1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
Nhi	3.5		0.5	4		1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
Sản	10.5		1.5	12		1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
Chẩn đoán hình ảnh	2.0			2.0		1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình học tập:

[1] Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2021), *Triệu chứng học module Miễn dịch-Huyết học*, tài liệu lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1] **TS. Nguyễn Văn Huy, TS. Lê Hữu Hưng** (2004), *Bài giảng Giải phẫu học*, Hà Nội.

[2]. **TS. Nguyễn Văn Huy** (2005), *Giải phẫu người* (Sách dùng cho sinh viên hệ Bác sĩ Đa khoa), NXB Y học, Hà Nội

[3] **Bộ Y Tế** (2007), *Sinh lý học,* Nhà xuất bản y học, Hà Nội.

[4] **Bộ Y Tế** (2007), *Sinh lý bệnh và miễn dịch*¸ Nhà xuất bản y học, Hà Nội.

[5] **Bộ Y Tế** (2009), *Giải phẫu bệnh học*, Nhà xuất bản giáo dục.

[6] **Trường đại học y Hà Nội** (2011), *Nội khoa cơ sở tập 1,2*, Nhà xuất bản y học, Hà Nội.

[7] **Bộ môn Nội, Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh (**2009), *Triệu chứng học nội khoa,* Nhà xuất bản y học, Hà Nội.

[8] **Đặng Hanh Đệ và CS** (2006), *Triệu chứng học ngoại khoa*, Nhà xuất bản y học, Hà Nội.

[9] **Bộ môn ngoại, Trường Đại học y Hà Nội** (2013), *Bài giảng triệu chứng học ngoại khoa*, Nhà xuất bản y học, Hà Nội.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	**Sinh lý** - Những chức năng chung của máu. - Những đặc tính của máu. - Chức năng, sinh lý bình thường của Hồng cầu, Bạch cầu,Tiểu cầu.	4					8
2	**Giải phẫu bệnh** U lympho Hodgkin Viêm hạch	2					4
3	**Sinh lý bệnh** Sinh lý bệnh tạo máu	4					8
4	**Nội** Hạch to Lách to Hội chứng tắc mạch	8					16
5	**Ngoại** Hội chứng chảy máu trong	2					4
6	**Nhi** Hội chứng thiếu máu Hội chứng xuất huyết	4					8
7	**Sản** Chảy máu 3 tháng đầu - Dọa sảy thai, sảy thai	12					24

	- Chửa trứng Chảy máu 3 tháng cuối - Rau bong non - Vỡ tử cung - Rau tiền đạo Chảy máu trong phụ khoa - U nang buồng trứng lành tính - U xơ tử cung						
8	**Chẩn đoán hình ảnh** Siêu âm chẩn đoán lách to, hạch to	2					4

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình [x] Động não [x] Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt chuẩn [CLO3,CLO4]
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt chuẩn CLO4
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO4

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projecter, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thực hành và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm thực hành**			
	Điểm thi thực hành giải phẫu, TLS, CĐHA	29%		CĐR 2
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	71%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 2, CĐR 4, CĐR5

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận.
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm lý thuyết x 2.5 + (Điểm TH1 +TH2+ TH3)/3 x 0.5)/3

Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm theo thông báo số 410/HVYDHCTVN-ĐTĐH ngày 16/7/2019.

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
MODULE MIỄN DỊCH- HUYẾT HỌC (PHẦN THỰC HÀNH)

Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Hệ Miễn dịch- Huyết học

* Tiếng Việt: Mô đun Miễn dịch- Huyết học

* Tiếng Anh:

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 0.5

- Đối tượng học (năm thứ): 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [x]	Tự chọn □	

- Học phần tiên quyết: sinh lý đại cương, giải phẫu đại cương, giải phẫu bệnh đại cương, sinh lý bệnh đại cương.

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: module Miễn dịch- Huyết học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths. Lan Anh	0943338586	Bộ môn Sinh lý
2	Ths. Thơ	0983023404	Bộ môn Sinh lý bệnh
3	Ths. Quỳnh		Bộ môn GPB
4	Ths. Yến	0984947994	Nội
5	Ths. Ly	0904196111	Nhi

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT1	Cung cấp các kiến thức về giải phẫu, giải phẫu bệnh, sinh lí thường, sinh lí bệnh hệ Miễn dịch- Huyết học; một số triệu chứng	[CĐR2]	3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	lâm sàng, cận lâm sàng, hội chứng bệnh thường gặp trong bệnh lý Miễn dịch- Huyết học; một số phương pháp thăm dò, xét nghiệm cận lâm sàng giúp chẩn đoán các bệnh lý Miễn dịch- Huyết học		
	Kỹ năng		
MT2	Khám và phát hiện được các triệu chứng lâm sàng của hệ Miễn dịch- Huyết học. Từ đó ra chỉ định cận lâm sàng và chẩn đoán được một số hội chứng và bệnh của hệ Miễn dịch- Huyết học thường gặp.	[CĐR4] [CĐR5]	4
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT3	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc.	[CĐR14]	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Cung cấp các kiến thức về giải phẫu, giải phẫu bệnh, sinh lí thường, sinh lí bệnh hệ Miễn dịch- Huyết học; một số triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, hội chứng bệnh thường gặp trong bệnh lý Miễn dịch- Huyết học; một số phương pháp thăm dò, xét nghiệm cận lâm sàng giúp chẩn đoán các bệnh lý Miễn dịch- Huyết học	**CLO1:** Nắm được các kiến thức cơ bản về hệ Miễn dịch- Huyết học: giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh, giải phẫu bệnh. **CLO 2:** Trình bày được các triệu chứng cơ năng và thực thể, hội chứng bệnh của hệ Miễn dịch- Huyết học..
Kỹ năng	
MT2: Khám và phát hiện được các triệu chứng lâm sàng của hệ Miễn dịch- Huyết học. Từ đó ra chỉ định cận lâm sàng và chẩn đoán được một	**CLO 3:** Khai thác triệu chứng, bệnh sử, tiền sử của bệnh nhân. Đánh giá được các chỉ định cận lâm sàng cho một số bệnh lý hệ Miễn dịch- Huyết học thường gặp. Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được

số hội chứng và bệnh của hệ Miễn dịch- Huyết học thường gặp.	một số bệnh Miễn dịch- Huyết học thường gặp
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	**CLO 4**: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)**			
	1	2	3	4
Sinh lý máu		3	3	2
Sinh lý bệnh tạo máu		3	3	2
Giải phẫu bệnh	3			
Nội		3	3	3
Nhi		3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Vị trí/vai trò: Phần thực hành hệ Miễn dịch- Huyết học thuộc học phần module Miễn dịch- Huyết học đòi hỏi người học có những kĩ năng khám và chẩn đoán bệnh cơ bản trước khi đi lâm sàng, thực hiện 11 chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo.

Mục đích: Giúp người học vận dụng được kiến thức ở phần lý thuyết trong học phần vận dụng vào lâm sàng.

Nội dung chính yếu: Sử dụng kỹ năng và tư duy trong giải phẫu, Chẩn đoán hình ảnh, các nghiệm pháp cơ bản sử dụng cho BN Miễn dịch- Huyết học, các bước thăm khám và chẩn đoán bệnh lý cơ bản, thường gặp của hệ Miễn dịch- Huyết học để áp dụng tốt trên lâm sàng.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Thời gian thực hành**	**Thời gian tự học (giờ)**	**Yêu cầu đối với sinh viên**
Sinh lý máu	4	4	Đọc lại các kiến thức lý thuyết trước khi học bài thực hành
Sinh lý bệnh tạo máu	4	4	
Giải phẫu bệnh	2	2	
Nội	4	4	
Nhi	4	4	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2021), *Triệu chứng học module Miễn dịch- Huyết học*, tài liệu lưu hành nội bộ.

[2] TS. Nguyễn Văn Huy, Đồng chủ biên: TS. Lê Hữu Hưng (2004)**, Bài giảng Giải phẫu học** – Chương 7: Hệ Huyết học, NXB Y học.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] TS. Nguyễn Văn Huy (2005), **Giải phẫu người** (Sách dùng cho sinh viên hệ Bác sĩ Đa khoa) –, Bài 27: Thận và niệu quản, Bài 28: Bàng quang, niệu đạo và hệ sinh dục nam, NXB Y học

[2] Bộ Y tế (2012), **Kiến thức- thái độ- kỹ năng cần đạt khi tốt nghiệp bác sĩ đa khoa**, NXB Y học.

[3] Trường Đại học Y Hà Nội (2013), **Kỹ năng y khoa** , Nhà xuất bản y học.

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	- Định thời gian chảy máu - Định thời gian đông máu - Định tốc độ lắng máu - Xác định nhóm máu ABO - Định lượng huyết sắc tố - Xác định thể tích khối hồng cầu - Định công thức bạch cầu.	4					4
2	Tiêu bản máu bệnh lý	4					4
3	U lympho Hodgkin thể hỗn hợp tế bào	2					2
4	Khám hạch to, lách to	4					4
5	Khám thiếu máu, xuất huyết	4					4

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR CLO1 đến CLO4

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình [x] Động não [x] Phản biện□ Học dựa trên vấn đề □

Hoạt động nhóm [x] Đóng vai [x] Học dựa vào dự án □ Mô phỏng [x]

Nghiên cứu tình huống [x] Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra và CLO1 – CLO4

Học tập thảo luận đạt CLO1 và CLO4

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CLO1 đến CLO4

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Giảng viên cung cấp thiết kế bài giảng, nội dung thảo luận và chuyển tại cho sinh viên chuẩn bị báo cáo bài tập, báo cáo slide theo một báo cáo khoa học

- Có máy tính và projecter

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên không được tự ý vắng buổi thực hành, không đến chậm quá 15 phút

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình: (hệ 10 điểm)** Mỗi bài đều được đánh giá chấm điểm kết hợp 3 thành tố: Bài tập (40%) + báo cáo slide (30%) + trả lời vấn đáp, phản biện (30%)			
	Bài 1:	33%	≥ 4	CLO 1 đến CLO4
	Bài 2,3:	33%	≥ 4	
	Bài 4,5:	33%	≥ 4	
2	**Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng (hệ 10 điểm)**			
	Trung bình cộng điểm các bài thực hành	100%	≥ 4	CLO1 – CLO4

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận.
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm lý thuyết x 2.5 + (Điểm TH1 +TH2+ TH3)/3 x 0.5)/3

Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm theo thông báo số 410/HVYDHCTVN-ĐTĐH ngày 16/7/2019.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN
MODULE TIM MẠCH (PHẦN LÝ THUYẾT)
Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin chung về Học phần/ Module

- Tên Học phần/ Module: Hệ Tim mạch
* Tiếng Việt: Module Tim mạch
* Tiếng Anh: Cardiology

- Mã Học phần/ Module: MEDI2102
- Số tín chỉ: 03 tín
- Đối tượng học: sinh viên Y2 đại học chính quy ngành Y đa khoa và YHCT
- Vị trí của Học phần/ Module trong chương trình đào tạo: Học kỳ 4 (kỳ 2 năm thứ 2)

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành ☑		Kiến thức ngành ☑		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc ☑	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: đã học xong các học phần: Giải phẫu đại cương, Sinh lý đại cương, Giải phẫu bệnh đại cương, Sinh lý bệnh đại cương, Hóa sinh, Mô học.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 56 tiết.
* Lý thuyết: 40 tiết
* Thực hành: 16 tiết
* Bài tập: 02 tiết
* Thảo luận, hoạt động nhóm: 10 tiết
* Kiểm tra: 0,75 tiết
- Thời gian tự học: 00 giờ
- Bộ môn/Module phụ trách Học phần/Module: Module tim mạch - Bộ môn Nội YHHĐ

2. Mục tiêu của Học phần/ Module

Sau khi kết thúc Học phần/ Module, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- **Về kiến thức**:

- Giải phẫu học bộ máy tim mạch: Mô tả được cấu trúc của từng cơ quan thuộc hệ tim mạch: Cơ tim, các màng tim, van tim, thần kinh tim, mạch máu,…
- Sinh lý học hệ tim mạch: Trình bày được hoạt động sinh lý của hệ tim mạch.
- Sinh lý bệnh tim mạch: Giải thích được cơ chế bệnh sinh của những rối loạn trong bệnh lý tim mạch.
- Giải phẫu bệnh lý một số bệnh tim mạch: Trình bày được đặc điểm tổn thương đại thể và vi thể của cơ quan tim mạch.
- Nội - Ngoại - Sản - Nhi tim mạch:

+ Trình bày được triệu chứng cơ năng, triệu chứng thực thể bệnh lý tim mạch;
+ Trình bày được các hội chứng lâm sàng tim mạch;

+ Trình bày được các xét nghiệm, kỹ thuật thăm dò cận lâm sàng ứng dụng trong chẩn đoán bệnh lý tim mạch;
+ Nhận định được giá trị của một số kết quả xét nghiệm đã chỉ định.
- Trình bày được các kỹ thuật CĐHA trong chẩn đoán bệnh tim mạch.

- **Về kỹ năng**:

- Nhận biết, định hướng, mô tả được các cấu trúc giải phẫu trên mô hình: Cơ tim, các màng tim, van tim, thần kinh tim, mạch máu,…
- Vận dụng kiến thức đã học để chẩn đoán đúng mô bệnh học một số bệnh tim mạch thường gặp ở Việt Nam: Nhồi máu cơ tim, Viêm màng ngoài tim, Viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn,… và đối chiếu với triệu chứng trên lâm sàng.
- Thực hiện được kỹ năng hỏi và thăm khám lâm sàng, phát hiện được triệu chứng thực thể bệnh tim mạch.
- Chỉ định các xét nghiệm và thăm dò CLS trong chẩn đoán bệnh lý tim mạch
- Nhận định được kết quả các kỹ thuật CĐHA trong bệnh tim mạch

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**:

- Nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức giải phẫu, sinh lý hệ tim mạch và liên quan giữa kiến thức sinh lý – giải phẫu tim mạch.
- Nhận thức được vai trò của sinh lý bệnh, giải phẫu bệnh trong lập luận chẩn đoán và điều trị các bệnh tim mạch thường gặp.
- Có thái độ ứng xử và hành vi phù hợp với từng bệnh nhân

*** Ma trận mục tiêu học phần/module với Chuẩn đầu ra của CTĐT**

Mục tiêu		**Mô tả** **(Sau khi học xong nội dung này, người học có thể):**	**Chuẩn đầu ra chương trình ĐT**
G1	G1.1	- Mô tả được cấu trúc của từng cơ quan thuộc hệ tim mạch: Cơ tim, các màng tim, van tim, thần kinh tim, mạch máu,…	Đạt
	G1.2	Trình bày được hoạt động sinh lý của hệ tim mạch.	Đạt
	G1.3	Trình bày được sinh lý bệnh tim mạch: Giải thích được cơ chế bệnh sinh của những rối loạn trong bệnh lý tim mạch	Đạt
	G1.4	Trình bày được đặc điểm tổn thương đại thể và vi thể của cơ quan tim mạch	Đạt
	G1.5	- Trình bày được triệu chứng cơ năng, triệu chứng thực thể bệnh lý tim mạch; - Trình bày được các hội chứng lâm sàng tim mạch; - Trình bày được các xét nghiệm, kỹ thuật thăm dò cận lâm sàng ứng dụng trong chẩn đoán bệnh lý tim mạch; - Nhận định được giá trị của một số kết quả xét nghiệm đã chỉ định.	Đạt
	G1.6	Trình bày được các kỹ thuật CĐHA trong chẩn đoán bệnh tim mạch.	Đạt
	G2.1	Nhận biết, mô tả được các cấu trúc giải phẫu trên mô hình.	Đạt

G2	G2.2	- Vận dụng kiến thức đã học để chẩn đoán đúng mô bệnh học một số bệnh tim mạch thường gặp ở Việt Nam: thấp tim, các bệnh lý van tim thường gặp, bệnh tim bẩm sinh,..và đối chiếu với triệu chứng trên lâm sàng.	Đạt
	G2.3	- Khai thác được triệu chứng cơ năng bệnh lý tim mạch khi tiếp xúc với bệnh nhân. - Thực hiện được kỹ năng thăm khám lâm sàng, phát hiện được triệu chứng thực thể bệnh tim mạch. - Chỉ định các xét nghiệm và thăm dò CLS trong chẩn đoán bệnh lý tim mạch.	Đạt
	G2.4	Nhận định được kết quả các kỹ thuật CĐHA trong bệnh tim mạch.	Đạt
G3		- Nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức giải phẫu, sinh lý hệ tim mạch và liên quan giữa kiến thức sinh lý - giải phẫu tim mạch. - Nhận thức được vai trò của sinh lý bệnh, giải phẫu bệnh trong lập luận chẩn đoán và điều trị các bệnh tim mạch thường gặp. - Có thái độ ứng xử và hành vi phù hợp với từng bệnh nhân	Đạt

3. Tóm tắt nội dung Học phần/ Module

Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản của hệ tim mạch: giải phẫu, sinh lý bộ máy tim mạch (trong trạng thái bình thường); kiến thức về sinh lý bệnh, giải phẫu bệnh trong các bệnh lý tim mạch; Các triệu chứng - hội chứng lâm sàng bệnh tim mạch, các thăm dò cận lâm sàng - chẩn đoán hình ảnh ứng dụng trong chẩn đoán bệnh lý tim mạch; kỹ thuật thăm khám lâm sàng bệnh tim mạch; phát hiện được các dấu hiệu bệnh lý tim mạch.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

Giáo trình module tim mạch (2018), Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

4.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bài giảng Giải phẫu học (2004) Chủ biên: TS. Nguyễn Văn Huy, Đồng chủ biên: TS. Lê Hữu Hưng), Nhà xuất bản y học.
2. Đặng Tiến Hoạt (2013),"Bài giảng Giải phẫu bệnh" , Hà Nội.
3. Giải phẫu người (2005), Sách dùng cho sinh viên hệ Bác sĩ Đa khoa, NXB Y học.
4. Nguyễn Vượng (2007) "Giải phẫu bệnh học" . Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
5. Bài giảng lý thuyết Giải phẫu bệnh (2011) , " Bệnh học tim mạch", Đại học Y Phạm Ngọc Thạch.
6. Sinh lý học - Trường Đại học Y Hà Nội (2012), NXB Y học, Hà Nội.
7. Bộ môn Sinh lý học (2001), Mô – phôi học, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
8. Sinh lý học y khoa (2011), Bộ môn Sinh lý học, Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh, NXB Y học, Thành phố Hồ Chí Minh.
9. Bộ môn Sinh lý Bệnh Miễn dịch, Trường Đại học Y Hà Nội (2011), Sinh lý bệnh trạng thái đói, Sinh lý bệnh học, (tr 122-137)
10. Bộ môn Sinh lý Bệnh Miễn dịch, Trường Đại học Y Hà Nội (2011), Sinh lý bệnh chức năng tim mạch, Sinh lý bệnh học (tr 290-316)
11. Nội khoa cơ sở, tập II (2011), Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.

12. Kỹ năng y khoa (2013), Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
13. Sinh lý học (2012), Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
14. Giải phẫu người (2006), Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
15. Kiến thức - thái độ - kỹ năng cần đạt khi tốt nghiệp bác sĩ đa khoa (2012), Bộ y tế, Nhà xuất bản y học.
16. Bệnh viện nhi Trung ương (2006), Hướng dẫn chẩn đoán điều trị bệnh trẻ em.
17. Bệnh viện nhi đồng 2 TPHCM, Đại học y dược TPHCM (2006), Phác đồ điều trị cấp cứu nhi.
18. Bộ môn nhi, Đại học Y Hà Nội (2006), Bài giảng nhi khoa.
19. Bộ môn nhi - Đại học Y dược TP Hồ Chí Minh (2007)
20. Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà (2010), Thực hành cấp cứu nhi khoa.
21. Nguyễn Công Khanh (2005), Tiếp cận chẩn đoán nhi khoa.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho Học phần/ Module

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình ☑ Động não ☑ Từng cặp /Chia sẻ ☑ Học dựa trên vấn đề ☑

Hoạt động nhóm ☑ Đóng vai ☑ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng ☑

Nghiên cứu tình huống ☑ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập ☑

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Thực hành/ lâm sàng: Nhận định và thực hành các kỹ năng khám theo hướng dẫn học
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập của Học phần/ Module

8.1. Điểm đánh giá quá trình:

Hình thức đánh giá:

Tự luận □ Trắc nghiệm ☑ Thảo luận nhóm ☑ Bài tập lớn ☑

Thực hành ☑ Khác ☑

8.2. Điểm thi kết thúc Học phần/ Module:

- Lý thuyết: Thi theo hình thức thi trắc nghiệm khách quan.
- Thực hành: Nhận định, mô tả trên mô hình và hình ảnh
  Hỏi bệnh và thăm khám trên bệnh nhân đóng vai và trên mô hình

Phương pháp tính điểm môn học:

Điểm TKMH = (Điểm LT*3 + Điểm TBTH)/4

9. Nội dung chi tiết Học phần/ Module

TT	Lý thuyết		Thực hành		Giảng viên, BM phụ trách
	Nội dung	Số tiết	Nội dung	Số tiết	
1	Đại cương module	2		0	Trưởng/Phó module
2	Giải phẫu hệ tim mạch	4	Cấu trúc giải phẫu bộ máy tim mạch trên mô hình	8	BS Hiếu/ Bm Giải phẫu
3	Sinh lý hệ tim mạch	4		0	Ths Lan Anh/ Bm Sinh lý
4	Sinh lý bệnh tim mạch	4		0	Ths Mai Linh/Bm Sinh lý bệnh MD
5	Giải phẫu bệnh tim mạch	2		0	TS Đức/ Bm GPB
6	- Triệu chứng lâm sàng bệnh lý tim mạch. - Thăm dò CLS trong chẩn đoán bệnh lý tim mạch - Các HC LS tim mạch: HC van tim, HC suy tim,..	8	- Kỹ năng khám tim. - Nhận định một số dấu hiệu bệnh lý trên mô hình gắn chip điện tử.	4	Ths Sinh, BS Quân Bm Nội YHHĐ
7	Khám chấn thương và vết thương máu ngoại vi, Khám chấn thương và vết thương tim.	4		0	TS Hưng Ngoại YHHĐ
8	Thấp tim, tim bẩm sinh	4		0	Ths Thu/ BM Nhi
9	Các thăm dò Chẩn đoán hình ảnh trong chẩn đoán bệnh tim mạch	4	Nhận định kết quả trong các thăm dò CĐHA chẩn đoán bệnh lý tim mạch.	4	BSCKII Thương/ BM Chẩn đoán hình ảnh
10	Tiền sản giật, sản giật	4		0	TS Thủy/Bm Sản
Tổng số		***40***		***16***	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

10. Thông tin về giảng viên

STT	BỘ MÔN	GIẢNG VIÊN	ĐIỆN THOẠI	MAIL
1	Giải phẫu	BS Hoàng Cao Hiếu	0943338586	Hoangcaohieu@gmail.com
2	Sinh lý	ThS Đỗ Thị Hường	0936454635	dohuong1406@gmail.com

		ThS Vũ Thị Lan Anh	0912537951	
3	Giải phẫu bệnh	TS Chu Văn Đức Ths Vũ Thị Quỳnh	0945925078	bschuduc@yahoo.com.vn
4	Sinh lý bệnh	ThS Vương Thị Mai Linh	0912016669	
5	Nội YHHĐ	ThS Đặng Việt Sinh BS Hoàng Trọng Quân	09150114180 985121195	drsinh2015@gmail.com trongquanhvyd@gmail.com
6	Ngoại YHHĐ	TS Phạm Thái Hưng	0982714599	phamthaihung73@gmail.com
7	Sản YHHĐ	TS Nguyễn Thị Thủy ThS Nguyễn Thị Thanh Huyền	0912424455 0932695158	
8	Nhi YHHĐ	ThS Bùi Thị Thu	0973257839	thubuinhi@gmail.com
9	CĐHA	BSCKII Phạm Văn Thương	0904196111	bsthuongtc@gmail.com

BAN GIÁM ĐỐC **TRƯỞNG KHOA** **BỘ MÔN/MODULE**

(Ký, ghi rõ họ tên) *(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN

MODULE TIM MẠCH (PHẦN THỰC HÀNH)

Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin chung về Học phần/ Module

- Tên Học phần/ Module: Hệ Tim mạch

* Tiếng Việt: Module Tim mạch

* Tiếng Anh: Cardiology

- Mã Học phần/ Module: MEDI2102

- Số tín chỉ: 03 tín

- Đối tượng học: sinh viên Y2 đại học chính quy ngành Y đa khoa và YHCT

- Vị trí của Học phần/ Module trong chương trình đào tạo: Học kỳ 4 (kỳ 2 năm thứ 2)

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành ☑		Kiến thức ngành ☑		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc ☑	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: đã học xong các học phần: Giải phẫu đại cương, Sinh lý đại cương, Giải phẫu bệnh đại cương, Sinh lý bệnh đại cương, Hóa sinh, Mô học.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 56 tiết.

* Lý thuyết: 40 tiết

* Thực hành: 16 tiết

* Bài tập: 02 tiết

* Thảo luận, hoạt động nhóm: 10 tiết

* Kiểm tra: 0,75 tiết

- Thời gian tự học: 00 giờ

- Bộ môn/Module phụ trách Học phần/Module: Module tim mạch - Bộ môn Nội YHHĐ

2. Mục tiêu của Học phần/ Module

Sau khi kết thúc Học phần/ Module, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- **Về kiến thức**:
  - Giải phẫu học bộ máy tim mạch: Mô tả được cấu trúc của từng cơ quan thuộc hệ tim mạch: Cơ tim, các màng tim, van tim, thần kinh tim, mạch máu,…
  - Sinh lý học hệ tim mạch: Trình bày được hoạt động sinh lý của hệ tim mạch.
  - Sinh lý bệnh tim mạch: Giải thích được cơ chế bệnh sinh của những rối loạn trong bệnh lý tim mạch.
  - Giải phẫu bệnh lý một số bệnh tim mạch: Trình bày được đặc điểm tổn thương đại thể và vi thể của cơ quan tim mạch.
  - Nội - Ngoại - Sản - Nhi tim mạch:

+ Trình bày được triệu chứng cơ năng, triệu chứng thực thể bệnh lý tim mạch;

+ Trình bày được các hội chứng lâm sàng tim mạch;

+ Trình bày được các xét nghiệm, kỹ thuật thăm dò cận lâm sàng ứng dụng trong chẩn đoán bệnh lý tim mạch;

+ Nhận định được giá trị của một số kết quả xét nghiệm đã chỉ định.

- Trình bày được các kỹ thuật CĐHA trong chẩn đoán bệnh tim mạch.

- **Về kỹ năng**:
  - Nhận biết, định hướng, mô tả được các cấu trúc giải phẫu trên mô hình: Cơ tim, các màng tim, van tim, thần kinh tim, mạch máu,…
  - Vận dụng kiến thức đã học để chẩn đoán đúng mô bệnh học một số bệnh tim mạch thường gặp ở Việt Nam: Nhồi máu cơ tim, Viêm màng ngoài tim, Viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn,… và đối chiếu với triệu chứng trên lâm sàng.
  - Thực hiện được kỹ năng hỏi và thăm khám lâm sàng, phát hiện được triệu chứng thực thể bệnh tim mạch.
  - Chỉ định các xét nghiệm và thăm dò CLS trong chẩn đoán bệnh lý tim mạch
  - Nhận định được kết quả các kỹ thuật CĐHA trong bệnh tim mạch
- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**:
  - Nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức giải phẫu, sinh lý hệ tim mạch và liên quan giữa kiến thức sinh lý – giải phẫu tim mạch.
  - Nhận thức được vai trò của sinh lý bệnh, giải phẫu bệnh trong lập luận chẩn đoán và điều trị các bệnh tim mạch thường gặp.
  - Có thái độ ứng xử và hành vi phù hợp với từng bệnh nhân

*** Ma trận mục tiêu học phần/module với Chuẩn đầu ra của CTĐT**

Mục tiêu		**Mô tả** **(Sau khi học xong nội dung này, người học có thể):**	**Chuẩn đầu ra chương trình ĐT**
G1	G1.1	- Mô tả được cấu trúc của từng cơ quan thuộc hệ tim mạch: Cơ tim, các màng tim, van tim, thần kinh tim, mạch máu,…	Đạt
	G1.2	Trình bày được hoạt động sinh lý của hệ tim mạch.	Đạt
	G1.3	Trình bày được sinh lý bệnh tim mạch: Giải thích được cơ chế bệnh sinh của những rối loạn trong bệnh lý tim mạch	Đạt
	G1.4	Trình bày được đặc điểm tổn thương đại thể và vi thể của cơ quan tim mạch	Đạt
	G1.5	- Trình bày được triệu chứng cơ năng, triệu chứng thực thể bệnh lý tim mạch; - Trình bày được các hội chứng lâm sàng tim mạch; - Trình bày được các xét nghiệm, kỹ thuật thăm dò cận lâm sàng ứng dụng trong chẩn đoán bệnh lý tim mạch;	Đạt

		- Nhận định được giá trị của một số kết quả xét nghiệm đã chỉ định.	
	G1.6	Trình bày được các kỹ thuật CĐHA trong chẩn đoán bệnh tim mạch.	Đạt
G2	G2.1	Nhận biết, mô tả được các cấu trúc giải phẫu trên mô hình.	Đạt
	G2.2	- Vận dụng kiến thức đã học để chẩn đoán đúng mô bệnh học một số bệnh tim mạch thường gặp ở Việt Nam: thấp tim, các bệnh lý van tim thường gặp, bệnh tim bẩm sinh,..và đối chiếu với triệu chứng trên lâm sàng.	Đạt
	G2.3	- Khai thác được triệu chứng cơ năng bệnh lý tim mạch khi tiếp xúc với bệnh nhân. - Thực hiện được kỹ năng thăm khám lâm sàng, phát hiện được triệu chứng thực thể bệnh tim mạch. - Chỉ định các xét nghiệm và thăm dò CLS trong chẩn đoán bệnh lý tim mạch.	Đạt
	G2.4	Nhận định được kết quả các kỹ thuật CĐHA trong bệnh tim mạch.	Đạt
G3		- Nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức giải phẫu, sinh lý hệ tim mạch và liên quan giữa kiến thức sinh lý - giải phẫu tim mạch. - Nhận thức được vai trò của sinh lý bệnh, giải phẫu bệnh trong lập luận chẩn đoán và điều trị các bệnh tim mạch thường gặp. - Có thái độ ứng xử và hành vi phù hợp với từng bệnh nhân	Đạt

3. Tóm tắt nội dung Học phần/ Module

Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản của hệ tim mạch: giải phẫu, sinh lý bộ máy tim mạch (trong trạng thái bình thường); kiến thức về sinh lý bệnh, giải phẫu bệnh trong các bệnh lý tim mạch; Các triệu chứng - hội chứng lâm sàng bệnh tim mạch, các thăm dò cận lâm sàng - chẩn đoán hình ảnh ứng dụng trong chẩn đoán bệnh lý tim mạch; kỹ thuật thăm khám lâm sàng bệnh tim mạch; phát hiện được các dấu hiệu bệnh lý tim mạch.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

Giáo trình module tim mạch (2018), Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

4.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bài giảng Giải phẫu học (2004) Chủ biên: TS. Nguyễn Văn Huy, Đồng chủ biên: TS. Lê Hữu Hưng), Nhà xuất bản y học.
2. Đặng Tiến Hoạt (2013),"Bài giảng Giải phẫu bệnh" , Hà Nội.
3. Giải phẫu người (2005), Sách dùng cho sinh viên hệ Bác sĩ Đa khoa, NXB Y học.
4. Nguyễn Vượng (2007) "Giải phẫu bệnh học" . Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

5. Bài giảng lý thuyết Giải phẫu bệnh (2011) , " Bệnh học tim mạch", Đại học Y Phạm Ngọc Thạch.
6. Sinh lý học - Trường Đại học Y Hà Nội (2012), NXB Y học, Hà Nội.
7. Bộ môn Sinh lý học (2001), Mô – phôi học, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
8. Sinh lý học y khoa (2011), Bộ môn Sinh lý học, Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh, NXB Y học, Thành phố Hồ Chí Minh.
9. Bộ môn Sinh lý Bệnh Miễn dịch, Trường Đại học Y Hà Nội (2011), Sinh lý bệnh trạng thái đói, Sinh lý bệnh học, (tr 122-137)
10. Bộ môn Sinh lý Bệnh Miễn dịch, Trường Đại học Y Hà Nội (2011), Sinh lý bệnh chức năng tim mạch, Sinh lý bệnh học (tr 290-316)
11. Nội khoa cơ sở, tập II (2011), Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
12. Kỹ năng y khoa (2013), Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
13. Sinh lý học (2012), Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
14. Giải phẫu người (2006), Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
15. Kiến thức - thái độ - kỹ năng cần đạt khi tốt nghiệp bác sĩ đa khoa (2012), Bộ y tế, Nhà xuất bản y học.
16. Bệnh viện nhi Trung ương (2006), Hướng dẫn chẩn đoán điều trị bệnh trẻ em.
17. Bệnh viện nhi đồng 2 TPHCM, Đại học y dược TPHCM (2006), Phác đồ điều trị cấp cứu nhi.
18. Bộ môn nhi, Đại học Y Hà Nội (2006), Bài giảng nhi khoa.
19. Bộ môn nhi - Đại học Y dược TP Hồ Chí Minh (2007)
20. Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà (2010), Thực hành cấp cứu nhi khoa.
21. Nguyễn Công Khanh (2005), Tiếp cận chẩn đoán nhi khoa.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho Học phần/ Module

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình ☑ Động não ☑ Từng cặp /Chia sẻ ☑ Học dựa trên vấn đề ☑

Hoạt động nhóm ☑ Đóng vai ☑ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng ☑

Nghiên cứu tình huống ☑ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập ☑

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Thực hành/ lâm sàng: Nhận định và thực hành các kỹ năng khám theo hướng dẫn học
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập của Học phần/ Module

8.1. Điểm đánh giá quá trình:

Hình thức đánh giá:

Tự luận □ Trắc nghiệm ☑ Thảo luận nhóm ☑ Bài tập lớn ☑

Thực hành ☑ Khác ☑

8.2. Điểm thi kết thúc Học phần/ Module:

- Lý thuyết: Thi theo hình thức thi trắc nghiệm khách quan.
- Thực hành: Nhận định, mô tả trên mô hình và hình ảnh
  Hỏi bệnh và thăm khám trên bệnh nhân đóng vai và trên mô hình

Phương pháp tính điểm môn học:

Điểm TKMH = (Điểm LT*3 + Điểm TBTH)/4

10. Nội dung chi tiết Học phần/ Module

TT	Lý thuyết		Thực hành		Giảng viên, BM phụ trách
	Nội dung	Số tiết	Nội dung	Số tiết	
1	Đại cương module	2		0	Trưởng/Phó module
2	Giải phẫu hệ tim mạch	4	Cấu trúc giải phẫu bộ máy tim mạch trên mô hình	8	BS Hiếu/ Bm Giải phẫu
3	Sinh lý hệ tim mạch	4		0	Ths Lan Anh/ Bm Sinh lý
4	Sinh lý bệnh tim mạch	4		0	Ths Mai Linh/Bm Sinh lý bệnh MD
5	Giải phẫu bệnh tim mạch	2		0	TS Đức/ Bm GPB
6	- Triệu chứng lâm sàng bệnh lý tim mạch. - Thăm dò CLS trong chẩn đoán bệnh lý tim mạch - Các HC LS tim mạch: HC van tim, HC suy tim,..	8	- Kỹ năng khám tim. - Nhận định một số dấu hiệu bệnh lý trên mô hình gắn chip điện tử.	4	Ths Sinh, BS Quân Bm Nội YHHĐ
7	Khám chấn thương và vết thương máu ngoại vi, Khám chấn thương và vết thương tim.	4		0	TS Hưng Ngoại YHHĐ
8	Thấp tim, tim bẩm sinh	4		0	Ths Thu/ BM Nhi

9	Các thăm dò Chẩn đoán hình ảnh trong chẩn đoán bệnh tim mạch	4	Nhận định kết quả trong các thăm dò CĐHA chẩn đoán bệnh lý tim mạch.	4	BSCKII Thương/ BM Chẩn đoán hình ảnh
10	Tiền sản giật, sản giật	4		0	TS Thủy/Bm Sản
Tổng số		***40***		***16***	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

10. Thông tin về giảng viên

STT	BỘ MÔN	GIẢNG VIÊN	ĐIỆN THOẠI	MAIL
1	Giải phẫu	BS Hoàng Cao Hiếu	0943338586	Hoangcaohieu@gmail.com
2	Sinh lý	ThS Đỗ Thị Hường ThS Vũ Thị Lan Anh	0936454635 0912537951	dohuong1406@gmail.com
3	Giải phẫu bệnh	TS Chu Văn Đức Ths Vũ Thị Quỳnh	0945925078	bschuduc@yahoo.com.vn
4	Sinh lý bệnh	ThS Vương Thị Mai Linh	0912016669	
5	Nội YHHĐ	ThS Đặng Việt Sinh BS Hoàng Trọng Quân	09150114180 985121195	drsinh2015@gmail.com trongquanhvyd@gmail.com
6	Ngoại YHHĐ	TS Phạm Thái Hưng	0982714599	phamthaihung73@gmail.com
7	Sản YHHĐ	TS Nguyễn Thị Thủy ThS Nguyễn Thị Thanh Huyền	0912424455 0932695158	
8	Nhi YHHĐ	ThS Bùi Thị Thu	0973257839	thubuinhi@gmail.com
9	CĐHA	BSCKII Phạm Văn Thương	0904196111	bsthuongtc@gmail.com

BAN GIÁM ĐỐC **TRƯỞNG KHOA** **BỘ MÔN/MODULE**

(Ký, ghi rõ họ tên) *(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
MODULE HÔ HẤP (PHẦN LÝ THUYẾT)
Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin chung về Học phần/ Module

- Tên Học phần/ Module: Hệ Hô hấp
* Tiếng Việt: Module hô hấp
* Tiếng Anh: Respiratory
- Mã Module: MEDI2103
- Số tín chỉ: 03 tín (2,5 tín lý thuyết và 0,5 tín thực hành)
- Đối tượng học: sinh viên Y2 đại học chính quy ngành Y Đa khoa
- Vị trí của Học phần/ Module trong chương trình đào tạo: Học kỳ 4 (kỳ 2 năm thứ 2)

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành ☑		Kiến thức ngành ☑		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc ☑	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đã học xong các học phần: Giải phẫu đại cương, Sinh lý đại cương, Giải phẫu bệnh đại cương, Sinh lý bệnh đại cương, Hóa sinh, Mô học
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 56 tiết
* Lý thuyết: 40 tiết
* Thực hành: 16 tiết
* Bài tập: 02 tiết
* Thảo luận, hoạt động nhóm: 10 tiết
* Kiểm tra: 0,75 tiết
- Thời gian tự học: 00 giờ
- Bộ môn/Module phụ trách Module: Module hô hấp - Bộ môn Nội YHHĐ

2. Thông tin về giảng viên

STT	BỘ MÔN	GIẢNG VIÊN	ĐIỆN THOẠI	MAIL
1	Giải phẫu	GV Mời giảng BS Hoàng Cao Hiếu	0943338586	Daothuyhang1512@gmail.com
2	Sinh lý	ThS Đỗ Thị Hường	0936454635	dohuong1406@gmail.com
3	Giải phẫu bệnh bệnh	TS Chu Văn Đức Ths Vũ Thi Quỳnh	0945925078	bschuduc@yahoo.com.vn
4	Sinh lý bệnh	ThS Nguyễn Anh Thư	0934533988	Nguyenanhthu3003@gmail.com

5	Nội YHHĐ	ThS.BSCK2 Trần Thị Kim Thư BS Bùi Thị Tâm	0982463479 0899975577	bstrankimthu@gmail.com
6	Ngoại YHHĐ	TS Phạm Thái Hưng	0982714599	phamthaihung73@gmail.com
7	Nhi YHHĐ	Ths Nguyễn Văn Khiêm	0968998333	
8	CĐHA	BSCKII Phạm Văn Thương	0904196111	bsthuongtc@gmail.com

3. Mục tiêu của Module

Sau khi học xong Module hô hấp, sinh viên có khả năng sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT	Mức độ theo
MT1	Trình bày, nhận biết và mô tả được cấu trúc giải phẫu của bộ máy hô hấp	CĐR [1]	Bloom 2001 Bậc 2
MT2	Trình bày được hoạt động sinh lý của hệ hô hấp	CĐR [1]	Bloom 2001 Bậc 2
MT3	Giải thích được cơ chế bệnh sinh của những rối loạn trong bệnh lý hô hấp.	CĐR [1]	Bloom 2001 Bậc 2
MT4	Trình bày được đặc điểm tổn thương đại thể và vi thể của cơ quan hô hấp	CĐR [1]	
MT5	Vận dụng kiến thức đã học để chẩn đoán đúng mô bệnh học một số bệnh hô hấp thường gặp ở Việt Nam: viêm phổi thùy, viêm phế quản phổi, ung thư phổi và đối chiếu với triệu chứng trên lâm sàng	CĐR [1] CĐR [6]	Dave 1975 bậc 2
MT6	Trình bày được triệu chứng cơ năng, triệu chứng thực thể bệnh lý hô hấp; các hội chứng lâm sàng hô hấp.	CĐR [1] CĐR [6]	Dave 1975 bậc 2
MT7	Trình bày được các xét nghiệm, kỹ thuật thăm dò chức năng và chẩn đoán hình ảnh ứng dụng trong chẩn đoán bệnh lý hô hấp và nhận định được kết quả	CĐR [1]	Dave 1975 bậc 2
MT8	Trình bày được các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của một số chấn thương lồng ngực.	CĐR [1]	Dave 1975 bậc 2
MT9	Thực hiện được các bước khám lâm sàng hô hấp đúng trình tự và đúng phương pháp trên bệnh nhân đóng thế.	CĐR [1]	Dave 1975 bậc 2
MT10	Nhận định được các dấu hiệu bệnh lý hô hấp trên mô hình gắn chíp điện tử.	CĐR [1]	Dave 1975 bậc 2
MT11	Nhận thức được tầm quan trọng của kiến thức y học cơ	CĐR [1]	Krathwohl bậc

	sở và lâm sàng bệnh lý hô hấp lồng ngực. Thể hiện được thái độ chuẩn mực khi giao tiếp với người bệnh.	CĐR [14]	2

4. Chuẩn đầu ra của Modun

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra của Modun
MT1. Trình bày, nhận biết và mô tả được cấu trúc giải phẫu của bộ máy hô hấp	**CĐR1**: Có kiến thức về giải phẫu, Sinh lý bộ máy hô hấp. Vận dụng kiến thức giải thích được cơ chế bệnh sinh và nhận định được các tổn thương giải phẫu bệnh các bệnh hô hấp thường gặp.
MT2. Trình bày được hoạt động sinh lý của hệ hô hấp	
MT3. Giải thích được cơ chế bệnh sinh của những rối loạn trong bệnh lý hô hấp.	
MT4. Trình bày được đặc điểm tổn thương đại thể và vi thể của cơ quan hô hấp	
MT5. Vận dụng kiến thức đã học để chẩn đoán đúng mô bệnh học một số bệnh hô hấp thường gặp ở Việt Nam: viêm phổi thùy, viêm phế quản phổi, ung thư phổi và đối chiếu với triệu chứng trên lâm sàng	
	CĐR2: Có kiến thức về triệu chứng bệnh lý hô hấp và lồng ngực. Vận dụng được kiến thức vào khai thác triệu chứng cơ năng và thực hiện kỹ năng thăm khám lâm sàng hô hấp, qui vào vào các hội chứng bệnh hô hấp trên lâm sàng; Từ đó đưa ra chỉ định các xét nghiệm, thăm dò cận lâm sàng và nhận định được kết quả.
MT6. Trình bày được triệu chứng cơ năng, triệu chứng thực thể bệnh lý hô hấp; các hội chứng lâm sàng hô hấp.	
MT7. Trình bày được các xét nghiệm, kỹ thuật thăm dò chức năng và chẩn đoán hình ảnh ứng dụng trong chẩn đoán bệnh lý hô hấp và nhận định được kết quả	
MT8. Trình bày được các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của một số chấn thương lồng ngực.	
MT9. Thực hiện được các bước khám lâm sàng hô hấp đúng trình tự và đúng phương pháp trên bệnh nhân đóng thế.	
MT10. Nhận định được các dấu hiệu bệnh lý hô hấp trên mô hình gắn chíp điện tử.	
MT11. Nhận thức được tầm quan trọng của kiến thức y học cơ sở và lâm sàng bệnh lý hô hấp lồng ngực. Thể hiện được thái độ chuẩn mực khi giao tiếp với người bệnh.	**CĐR3:** Nhận thức được vai trò của modun hô hấp; giao tiếp hiệu quả với người bệnh.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của Modun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun (theo chương/bài)	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun					
	CĐR 2	CĐR ….	CĐR 6	CĐR …	CĐR 14	CĐR…

1. Đại cương module	2				2	
2. Giải phẫu hệ hô hấp	2				2	
3. Thực hành GP hệ hô hấp	2				2	
4. Sinh lý hô hấp	2				2	
5. Sinh lý bệnh hô hấp	2				2	
6. Giải phẫu bệnh hô hấp	2				2	
7. Thực hành giải phẫu bệnh hô hấp	2				2	
8.Triệu chứng lâm sàng bệnh lý hô hấp	2		2		2	
9. Thăm dò CLS trong chẩn đoán bệnh lý hô hấp	2		2		2	
10. Các HC LS hô hấp	2		2		2	
11. Khám chẩn đoán khó thở	2		2		2	
12.Thực hành kỹ năng khám hệ hô hấp.	2		2		2	
13. Thực hành nhận định một số dấu hiệu bệnh lý trên mô hình gắn chip điện tử	2		2		2	
14. Khám chấn thương lồng ngực.	2		2		2	
15.Một số tổn thương chấn thương lồng ngực	2		2		2	
16. Đánh giá phân loại bệnh hô hấp nhi khoa.	2		2		2	
17. Các thăm dò Chẩn đoán hình ảnh trong chẩn đoán bệnh hô hấp	2		2		2	

6. Tóm tắt nội dung Học phần/ Module

Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản của hệ hô hấp: giải phẫu, sinh lý bộ máy hô hấp (trong trạng thái bình thường); kiến thức về sinh lý bệnh, giải phẫu bệnh trong các bệnh lý hô hấp; Các triệu chứng - hội chứng lâm sàng bệnh hô hấp, các thăm dò cận lâm sàng – chẩn đoán hình ảnh ứng dụng trong chẩn đoán bệnh lý hô hấp; kỹ thuật thăm khám lâm sàng bệnh hô hấp; phát hiện được các dấu hiệu bệnh lý hô hấp.

7. Nội dung chi tiết Học phần/ Module

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy học**				**Yêu cầu đối với sinh viên**
	Lên lớp (Tiết)			**Tự học**	
	LT	**TH**	**Tổng cộng**		
Đại cương module	2	0	2	0	Trình bày được đại cương hệ hô hấp
Giải phẫu hệ hô hấp	4	0	4	0	Trình bày và mô tả được cấu trúc giải phẫu hệ hô hấp từ mũi, họng, thanh quản, khí quản, phế quản, phổi.

Thực hành GP hệ hô hấp	0	4	4	0	Mô tả được cấu trúc giải phẫu trên mô hình.
Sinh lý hô hấp	4	0	4	0	Trình bày được đặc điểm sinh lý của hệ hô hấp
Sinh lý bệnh hô hấp	4	0	4	0	Trình bày được đặc điểm sinh lý bệnh của một số bệnh thường gặp
Giải phẫu bệnh hô hấp	4	0	4	0	Trình bày được giải phẫu bệnh trong hệ hô hấp của một số bệnh thường gặp
Thực hành giải phẫu bệnh hô hấp	0	4	4	0	Nhận biết và mô tả được hình ảnh giải phẫu bệnh một số bệnh thường gặp
- Triệu chứng lâm sàng bệnh lý hô hấp - Thăm dò CLS trong chẩn đoán bệnh lý hô hấp - Các HC LS hô hấp - Khám chẩn đoán khó thở	8	0	8	0	Trình bày được triệu chứng lâm sàng và các thăm dò cận lâm sàng trong các lý hô hấp; Trinh bày được các hội chứng lâm sàng hô hấp; Khám và nhận định được được nhân khó thở
- Thực hành kỹ năng khám hệ hô hấp. - Thực hành nhận định một số dấu hiệu bệnh lý trên mô hình gắn chip điện tử	0	4	4	0	Thực hiện được kỹ năng hỏi và thăm khám hệ hô hấp trên lâm sàng; Nhận định được một số dấu hiệu bệnh lý trên mô hình gắn chip điện tử
- Khám chấn thương lồng ngực. - Một số tổn thương chấn thương lồng ngực.	4	0	4	0	Trình bày được các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của một số chấn thương lồng ngực.
Đánh giá phân loại bệnh hô hấp nhi khoa.	4	0	4	0	Nhận biết, đánh giá và phân loại được một số bệnh hô hấp ở Nhi Khoa
Các thăm dò Chẩn đoán hình ảnh trong chẩn đoán bệnh hô hấp	4	0	4	0	Trình bày được các thăm dò cận lâm sàng và nhận định được kết quả các thăm dò CLS của hệ hô hấp
Tổng số	*40*	*16*	*56*	*0*	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Bài giảng module hô hấp (2018), Học viện Y Dược học CT Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bài giảng Giải phẫu học (2004) Chủ biên: TS. Nguyễn Văn Huy, Đồng chủ biên: TS. Lê Hữu Hưng), Nhà xuất bản y học.
2. Đặng Tiến Hoạt (2013),"Bài giảng Giải phẫu bệnh", Hà Nội.

3. Giải phẫu người (2005), Sách dùng cho sinh viên hệ Bác sĩ Đa khoa, NXB Y học.
4. Nguyễn Vượng (2007) "Giải phẫu bệnh học" . Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
5. Nguyễn Bá Đức (2006), "Phòng và phát hiện sớm bệnh ung thư". Nhà xuất bản Hà Nội.
6. Bài giảng lý thuyết Giải phẫu bệnh (2011) , " Bệnh học hô hấp", Đại học Y Phạm Ngọc Thạch.
7. Sinh lý học - Trường Đại học Y Hà Nội (2012), NXB Y học, Hà Nội.
8. Bộ môn Sinh lý học (2001), Mô – phôi học, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
9. Sinh lý học y khoa (2011), Bộ môn Sinh lý học, Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh, NXB Y học, Thành phố Hồ Chí Minh.
10. Bộ môn Sinh lý Bệnh Miễn dịch, Trường Đại học Y Hà Nội (2011), Sinh lý bệnh trạng thái đói, Sinh lý bệnh học, (tr 122-137)
11. Bộ môn Sinh lý Bệnh Miễn dịch, Trường Đại học Y Hà Nội (2011), Sinh lý bệnh chức năng hô hấp, Sinh lý bệnh học (tr 290-316)
12. Triệu chứng học Nội khoa (2021), Tập 1, Trường đại học Y Hà nội, Các bộ môn Nội, Nhà xuất bản y học.
13. Kỹ năng y khoa (2013), Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
14. Sinh lý học (2012), Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
15. Giải phẫu người (2006), Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
16. Kiến thức - thái độ - kỹ năng cần đạt khi tốt nghiệp bác sĩ đa khoa (2012), Bộ y tế, Nhà xuất bản y học.
17. Bệnh viện Bạch Mai (2002) tài liệu tập huấn chuyên ngành nhi.
18. Bệnh viện nhi Trung ương (2006), Hướng dẫn chẩn đoán điều trị bệnh trẻ em.
19. Bệnh viện nhi đồng 2 TPHCM, Đại học y dược TPHCM (2006), Phác đồ điều trị cấp cứu nhi.
20. Bộ môn nhi, Đại học Y Hà Nội (2006), Bài giảng nhi khoa.
21. Bộ môn nhi - Đại học Y dược TP Hồ Chí Minh (2007)
22. Bộ y tế: chương trình ARI – nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính ở trẻ em.
23. Bộ y tế: Các văn bản hướng dẫn chẩn đoán điều trị, phòng bệnh các dịch bệnh, lây nhiễm.
24. Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà (2010), Thực hành cấp cứu nhi khoa.
25. Nguyễn Công Khanh (2005), Tiếp cận chẩn đoán nhi khoa.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Nội dung chính	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1.	1. Đại cương module	2					2
2.	2. Giải phẫu hệ hô hấp	4					4
3.	3. Thực hành GP hệ hô hấp						4
4.	4. Sinh lý hô hấp	4					4
5.	5. Sinh lý bệnh hô hấp	4					4
6.	6. Giải phẫu bệnh hô hấp	4					4
7.	7. Thực hành giải phẫu bệnh hô hấp	4					4
8.	8.Triệu chứng lâm sàng bệnh lý hô hấp	2					2
	9. Thăm dò CLS trong chẩn đoán bệnh lý hô hấp	2					2
9.	10. Các HC LS hô hấp	2					2
	11. Khám chẩn đoán khó thở	2					2
10.	12.Thực hành kỹ năng khám hệ hô hấp.	2					2
11.	13. Thực hành nhận định một số dấu hiệu bệnh lý trên mô hình gắn chip điện tử	2					2
12.	14. Khám chấn thương lồng ngực.	4					4
13.	15.Một số tổn thương chấn thương lồng ngực	4					4
14.	16. Đánh giá phân loại bệnh hô hấp nhi khoa.	4					4
15.	17. Các thăm dò Chẩn đoán hình ảnh trong chẩn đoán bệnh hô hấp	4					4

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho Module

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x Động não x Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm x Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng x

Nghiên cứu tình huống x Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR 1 đến CĐR 4
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR 11
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR 11
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR 11
- Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Nhiệm vụ của sinh viên

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projecter, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
  - Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần
  - Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
  - Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

(đánh giá chuyên cần, kiểm tra giữa kỳ bỏ trống nếu là sinh viên năm thứ 2 trở lên)

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần	0%	Tham gia học lý thuyết 100%	CĐR 1
2	**Điểm thực hành**			
	Hỏi thi vấn đáp trên bệnh nhân đóng vai và mô hình	0,25%	Sinh viên qua môn: đạt từ 4/10 điểm	CĐR 1; CĐR 6
3	**Điểm thi lý thuyết**			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	0,75%	Sinh viên qua môn: đạt từ 4/10 điểm	CĐR 1; CĐR 6

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm TKMH =(Điểm TK Lý thuyết * 2,5 + Điểm TK thực hành*0.5)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MODULE
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
	Phạm Thái Hưng	**Trần Thị Kim Thư**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MODULE HÔ HẤP (Lâm sàng)

Đối tượng đào tạo: Sinh viên Y2 đại học chính quy ngành Y Đa khoa

Mã số đào tạo: 7720101

Năm thứ: Năm 2, học kỳ 4(kỳ 2 năm thứ 2)

1. Thông tin chung về Học phần/ Module

- Tên Học phần/ Module: Hô hấp

* Tiếng Việt: Module hô hấp

* Tiếng Anh: Respiratory

- Mã Module: MEDI2103

- Số tín chỉ: 03 tín (2,5 tín lý thuyết và 0,5 tín thực hành)

- Đối tượng học: sinh viên Y2 đại học chính quy ngành Y Đa khoa

- Vị trí của Học phần/ Module trong chương trình đào tạo: Học kỳ 4 (kỳ 2 năm thứ 2)

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành ☑		Kiến thức ngành ☑		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc ☑	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đã học xong các học phần: Giải phẫu đại cương, Sinh lý đại cương, Giải phẫu bệnh đại cương, Sinh lý bệnh đại cương, Hóa sinh, Mô học

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 56 tiết

* Lý thuyết: 40 tiết

* Thực hành: 16 tiết

* Bài tập: 02 tiết

* Thảo luận, hoạt động nhóm: 10 tiết

* Kiểm tra: 0,75 tiết

- Thời gian tự học: 00 giờ

- Bộ môn/Module phụ trách Module: Module hô hấp - Bộ môn Nội YHHĐ

2. Thông tin về giảng viên

STT	BỘ MÔN	GIẢNG VIÊN	ĐIỆN THOẠI	MAIL
1	Giải phẫu	**BS Hoàng Cao Hiếu**	**0943338586**	Daothuyhang1512@gmail.com
2	Giải phẫu bệnh bệnh	**TS Chu Văn Đức** Ths Vu Thi Quỳnh	**0945925078**	bschuduc@yahoo.com.vn
3	Nội YHHĐ	**ThS.BSCK2 Trần Thị Kim Thư** **BS Bùi Thị Tâm**	**0982463479** **0899975577**	bstrankimthu@gmail.com

4	CĐHA	**BSCKII Phạm Văn Thương**	**0904196111**	bsthuongtc@gmail.com

3. Mục tiêu của Module

Sau khi kết thúc Module, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT	Mức độ theo
MT1	Mô tả và nhận biết được cấu trúc giải phẫu của từng cơ quan thuộc hệ hô hấp: mũi, hầu, thanh quản, khí quản và phổi;	CĐR [1]	Bloom 2001 Bậc 2
MT2	Nhận biết và mô tả được hình ảnh giải phẫu bệnh một số bệnh lý hô hấp	CĐR [1]	Bloom 2001 Bậc 2
MT3	Khai thác được triệu chứng cơ năng và thực hiện được kỹ năng khám lâm sàng của hệ hô hấp;	CĐR [1] CĐR [6]	Dave 1975 bậc 2
MT4	Trình bày được các kỹ thuật và nhận định được kết quả các kỹ thuật CĐHA trong bệnh hô hấp	CĐR [1]	Dave 1975 bậc 2

4. Chuẩn đầu ra của Modun

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu (Sau khi học xong nội dung này, người học có thể):	Chuẩn đầu ra chương trình ĐT
MT1	Mô tả và nhận biết được cấu trúc giải phẫu của từng cơ quan thuộc hệ hô hấp: mũi, hầu, thanh quản, khí quản và phổi	CĐR1: Nắm vững được cấu trúc giải phẫu hệ hô hấp
MT2	Nhận biết và mô tả được hình ảnh giải phẫu bệnh một số bệnh lý hô hấp	CĐR2: Nhận định và mô tả được các tổn thương bệnh lý hô hấp
MT3	Khai thác được triệu chứng cơ năng và thực hiện được kỹ năng khám lâm sàng của hệ hô hấp	CĐR 3: Thực hiện được cách khai thác và thăm khám hô hấp
MT4	Trình bày được các kỹ thuật và nhận định được kết quả các kỹ thuật CĐHA trong bệnh hô hấp	CĐR 4: Năm vững các kỹ thuật và nhận định được kết quả các kỹ thuật CĐHA trong bệnh hô hấp

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của Modun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun (theo chương/bài)	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun					
	CĐR2	CĐR6	CĐR14	CĐR …	CĐR…	CĐR…
1. Thực hành giải phẫu hệ hô hấp	2		2			
2. Thực hành giải phẫu bệnh hô hấp	2		2			
3.Thực hành kỹ năng khám hệ hô hấp.	2	2	2			
4. Thực hành nhận định một số dấu hiệu bệnh lý trên mô hình gắn chip điện tử	2	2	2			
5. Thực hành các thăm dò Chẩn đoán hình ảnh trong chẩn đoán bệnh hô hấp	2	2	2			

6. Tóm tắt nội dung Học phần/ Module

Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản của hệ hô hấp: giải phẫu, sinh lý bộ máy hô hấp (trong trạng thái bình thường); kiến thức về sinh lý bệnh, giải phẫu bệnh trong các bệnh lý hô hấp; Các triệu chứng - hội chứng lâm sàng bệnh hô hấp, các thăm dò cận lâm sàng – chẩn đoán hình ảnh ứng dụng trong chẩn đoán bệnh lý hô hấp; kỹ thuật thăm khám lâm sàng bệnh hô hấp; phát hiện được các dấu hiệu bệnh lý hô hấp.

7. Nội dung chi tiết Học phần/ Module

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học		Yêu cầu đối với sinh viên
	Thực hành	**Tự học**	
Thực hành GP hệ hô hấp	4	4	Mô tả được cấu trúc giải phẫu trên mô hình.
Thực hành giải phẫu bệnh hô hấp	4	4	Nhận biết và mô tả được hình ảnh giải phẫu bệnh một số bệnh thường gặp
Thực hành kỹ năng khám hệ hô hấp. Thực hành nhận định một số dấu hiệu bệnh lý trên mô hình gắn chip điện tử	4	4	Thực hiện được kỹ năng hỏi và thăm khám hệ hô hấp trên lâm sàng; Nhận định được một số dấu hiệu bệnh lý trên mô hình gắn chip điện tử
Các thăm dò Chẩn đoán hình ảnh trong chẩn đoán bệnh hô hấp	4	4	Trình bày được các thăm dò cận lâm sàng và nhận định được kết quả các thăm dò CLS của hệ hô hấp
Tổng số	*16*	*16*	

8. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

Giáo trình module hô hấp (2018), Học viện Y Dược học CT Việt Nam.

4.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bài giảng Giải phẫu học (2004) Chủ biên: TS. Nguyễn Văn Huy, Đồng chủ biên: TS. Lê Hữu Hưng), Nhà xuất bản y học.
2. Đặng Tiến Hoạt (2013),"Bài giảng Giải phẫu bệnh", Hà Nội.
3. Giải phẫu người (2005), Sách dùng cho sinh viên hệ Bác sĩ Đa khoa, NXB Y học.
4. Nguyễn Vượng (2007) "Giải phẫu bệnh học" . Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
5. Nguyễn Bá Đức (2006), "Phòng và phát hiện sớm bệnh ung thư". Nhà xuất bản Hà Nội.
6. Bài giảng lý thuyết Giải phẫu bệnh (2011) , " Bệnh học hô hấp", Đại học Y Phạm Ngọc Thạch.
7. Sinh lý học - Trường Đại học Y Hà Nội (2012), NXB Y học, Hà Nội.
8. Bộ môn Sinh lý học (2001), Mô – phôi học, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
9. Sinh lý học y khoa (2011), Bộ môn Sinh lý học, Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh, NXB Y học, Thành phố Hồ Chí Minh.
10. Bộ môn Sinh lý Bệnh Miễn dịch, Trường Đại học Y Hà Nội (2011), Sinh lý bệnh trạng thái đói, Sinh lý bệnh học, (tr 122-137)
11. Bộ môn Sinh lý Bệnh Miễn dịch, Trường Đại học Y Hà Nội (2011), Sinh lý bệnh chức năng hô hấp, Sinh lý bệnh học (tr 290-316)
12. Triệu chứng học Nội khoa (2021), Tập 1, Trường đại học Y Hà nội, Các bộ môn Nội, Nhà xuất bản y học.
13. Kỹ năng y khoa (2013), Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
14. Sinh lý học (2012), Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
15. Giải phẫu người (2006), Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
16. Kiến thức - thái độ - kỹ năng cần đạt khi tốt nghiệp bác sĩ đa khoa (2012), Bộ y tế, Nhà xuất bản y học.
17. Bệnh viện Bạch Mai (2002) tài liệu tập huấn chuyên ngành nhi.
18. Bệnh viện nhi Trung ương (2006), Hướng dẫn chẩn đoán điều trị bệnh trẻ em.
19. Bệnh viện nhi đồng 2 TPHCM, Đại học y dược TPHCM (2006), Phác đồ điều trị cấp cứu nhi.
20. Bộ môn nhi, Đại học Y Hà Nội (2006), Bài giảng nhi khoa.
21. Bộ môn nhi - Đại học Y dược TP Hồ Chí Minh (2007)
22. Bộ y tế: chương trình ARI – nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính ở trẻ em.
23. Bộ y tế: Các văn bản hướng dẫn chẩn đoán điều trị, phòng bệnh các dịch bệnh, lây nhiễm.
24. Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà (2010), Thực hành cấp cứu nhi khoa.
25. Nguyễn Công Khanh (2005), Tiếp cận chẩn đoán nhi khoa.

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành

		Giảng viên lên lớp (giờ)	Sinh

Tuần /buổi	Nội dung chính	Thực hành	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
1	Thực hành GP hệ hô hấp	4					4
2	Thực hành giải phẫu bệnh hô hấp	4					4
3	Thực hành kỹ năng khám hệ hô hấp.	2					2
	Thực hành nhận định một số dấu hiệu bệnh lý trên mô hình gắn chip điện tử	2					2
4	Các thăm dò Chẩn đoán hình ảnh trong chẩn đoán bệnh hô hấp	4					4

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

10.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành:

SV được học phòng thực hành và phòng tiền lâm sàng có đầy đủ trang thiết bị cần thiết.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc thực hành: số tiết học thực hành đạt 100%.

11. Phương pháp đánh giá học phần

11.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

(đánh giá chuyên cần, kiểm tra giữa kỳ bỏ trống nếu là sinh viên năm thứ 2 trở lên)

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần	0%	Tham gia học lý thuyết 100%	CĐR 1
2	**Điểm thực hành**			
	Hỏi thi vấn đáp trên bệnh	0,25%	Sinh viên qua môn:	CĐR 1; CĐR 6

	nhân đóng vai và mô hình		đạt từ 4/10 điểm	
3	**Điểm thi lý thuyết**			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	0,75%	Sinh viên qua môn: đạt từ 4/10 điểm	CĐR 1; CĐR 6

11.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm TKMH =(Điểm TK Lý thuyết * 2,5 + Điểm TK thực hành*0,5)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MODULE**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
		Trần Thị Kim Thư

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN
MODULE TIÊU HÓA (PHẦN LÝ THUYẾT)
Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/mô đun: Hệ Tiêu Hóa
* Tiếng Việt: Hệ Tiêu Hóa
* Tiếng Anh: Digestive system
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 3 LT/1 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 106 tiết
+ Lý thuyết: 48 tiết
+ Thực hành/ Lâm sàng: 20 tiết
+ Bài tập: 2 tiết
+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 8 tiết
+ Kiểm tra: 8 tiết
+ Thời gian tự học: 20 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): 3
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☑						Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☑		Kiến thức cơ sở ngành ☑		Kiến thức ngành ☑		
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	

- Điều kiện tham gia học phần:
+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): Giải phẫu đại cương, Sinh lý đại cương, Giải phẫu bệnh đại cương, Sinh lý bệnh đại cương, Hóa sinh, Mô học.
+ Học phần học trước (đã học): Các môn khoa học cơ bản.
+ Học phần song hành: Nội cơ sở YHHĐ, Ngoại cơ sở YHHĐ, Sản YHHĐ, Nhi YHHĐ.
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nội

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	Thạc sỹ- Bác sỹ Nguyễn Thị Ngọc (Phó module)	0977119094	Nội	ngoc2788@gmail.com
2	Thạc sỹ- Bác sỹ Tạ Thị Nga (Giáo vụ module)	0342187673	Nội	Drngata994@gmail.com

3	Bác sỹ Chuyên khoa II - Phạm văn thương	0904196111	CĐHA	
4	Thạc sỹ- Bác sỹ Quang ngọc khuê	0989432828	CĐHA	
5	Thạc sỹ- Bác sỹ Đỗ Thị Hường		Sinh Lý	
6	Thạc sỹ- Bác sỹ Vũ Thị Thơm		Sinh lý bệnh – Miễn dịch	
7	Thạc sỹ - Bác sỹ Nguyễn Văn Khiêm		Nhi	
8	Tiến sỹ Chu Văn Đức		Giải phẫu bệnh	
9	Thạc sỹ Bùi Văn Thăng		Giải phẫu	
10	Tiến sỹ Hoàng Cao Hiếu	0943338586	Giải phẫu	
11	Thạc sỹ Nguyễn Huyền Trang		Giải phẫu	
12	Tiến sỹ Phạm Thái Hưng		Ngoại	

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần

Sau khi học xong sinh viên có khả năng:

3.1.1. Về kiến thức

- Nắm được rõ mục tiêu kiến thức của từng học phần (giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh, giải phẫu bệnh, chẩn đoán hình ảnh, nội cơ sở, ngoại cơ sở, nhi)

3.1.2. Kĩ năng:

- Kỹ năng thảo luận nhóm.
- Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện
- Thu thập thông tin và xử lý thông tin.

3.1.3. Thái độ:

Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập.

3.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần

**** Lý thuyết***

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Mục tiêu từng học phần	Nội dung MT HP
Giải phẫu	Giải phẫu học hệ tiêu hóa: trình bày được đại cương về cấu trúc hệ tiêu hóa, ý niệm về phúc mạc, mô tả được các cấu trúc của ống tiêu hóa Mô tả được cấu trúc của ống tiêu hóa
Sinh lý	Sinh lý học hệ tiêu hóa: mô tả được các hiện tượng cơ học của ống tiêu hóa, trình bày được tính chất, thành phần, tác dụng và điều hòa bài tiết các dịch ở các đoạn của ống tiêu hóa. Trình bày được sự hấp thu các chất ở các đoạn cảu ống tiêu hóa. Trình bày được các chức năng của gan.
Sinh lý bệnh miễn dịch	Sinh lý bệnh – Miễn dịch : trình bày được cơ chế và rối loạn co bóp, tiết dịch tại dạ dày, trình bày cơ chế, yếu tố nguy cơ gây loét dạ dày tá tràng, trình bày nguyên nhân, cơ chế hậu quả của tắc ruột, rối loạn hấp thu. Giải thích cơ chế bệnh sinh của tiêu chảy
Giải phẫu bệnh	Giải phẫu bệnh: trình bày được tổn thương đại thể và vi thể chung của một số bệnh tiêu hóa. Vận dụng kiến thức đã học để chẩn đoán đúng mô bệnh học xác định chẩn đoán và tìm hiểu nguyên nhân một số bệnh tiêu hóa thường gặp ở Việt nam.
Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh: biết được những kĩ thuật chẩn đoán hình ảnh được sử dụng trong chẩn đoán các bệnh lý tiêu hóa.
Nội cơ sở	Trình bày được các triệu chứng hội chứng thường gặp trong các bệnh lý nội khoa tiêu hóa
Ngoại cơ sở	Trình bày được các triệu chứng hội chứng thường gặp trong các bệnh lý ngoại khoa tiêu hóa
Nhi	Trình bày được các triệu chứng hội chứng thường gặp trong các bệnh lý nhi khoa tiêu hóa

**** Thực hành***

Mục tiêu từng học phần	Nội dung MT HP
Giải phẫu	Mô tả được cấu trúc của ống tiêu hóa
Giải phẫu bệnh	Vận dụng kiến thức đã học để chẩn đoán đúng mô bệnh học xác định chẩn đoán và tìm hiểu nguyên nhân một số bệnh tiêu hóa thường gặp ở Việt nam.
Chẩn đoán hình ảnh	Nhận biết được một số hình ảnh bình thường và bệnh lý trên phim XQ (thực quản, dạ dày, đại tràng, ruột non). Nhận biết được một số hình ảnh bình

	thường và bệnh lý trên siêu âm các cơ quan tiêu hóa (gan, mật, tụy). Một số hình ảnh cấp cứu của bệnh lý tiêu hóa.
Nội cơ sở	Tành thục các kĩ năng khám lâm sàng cơ quan tiêu hóa

4. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Module Tiêu Hoá gồm những môn học: giải phẫu, sinh lý, giải phẫu bệnh, sinh lý bệnh, chẩn đoán hình ảnh, nội cơ sở. Bao gồm các kiến thức về hoạt động sinh lý của cơ quan tiêu hóa: ống tiêu hóa, tuyến tiêu hóa. Các cơ chế bệnh lý tại dạ dày, rối loạn bài tiết dịch và rối loạn co bóp, giải thích cơ chế một số hiện tượng bệnh lý của cơ quan tiêu hóa. Bao gồm kiến thức giải phẫu về đại thể và vi thể của cơ quan tiêu hóa, giúp học viên hiểu được nguyên nhân, cơ chế các bệnh lý hệ thống tiêu hóa. Kiến thức về kĩ thuật chẩn đoán hình ảnh dùng trong chẩn đoán bệnh lý cơ quan tiêu hóa, hình ảnh bình thường bệnh lý của cơ quan tiêu hóa thể hiện trên cận lâm sàng và bao gồm các kiến thức nội khoa cơ bản của cơ quan tiêu hóa

5. Nội dung chi tiết học phần

(Liệt kê nội dung chi tiết của học phần theo từng chương, mục, tiểu mục hoặc theo các vấn đề chính của học phần)

Chương /Phần	Nội dung chi tiết	Số tiết (giờ)	Mục tiêu cụ thể	Hình thức dạy-học	Giảng viên phụ trách
HP 1: Giải phẫu hệ tiêu hóa	Giải phẫu cấu trúc ống tiêu hóa (miệng, thực quản,dạ dày, ruột non, ruột già, mạch máu thần kinh ống tiêu hóa), tuyến tiêu hóa	08	1. Trình bày được đại cương về cấu trúc hệ tiêu hóa, ý niệm về phúc mạc 2. Trình bày được các cấu trúc ống tiêu hóa 3. Trình bày được các cấu trúc tuyến tiêu hóa	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	Thạc sỹ Bùi Văn Thăng
HP 2: Sinh lý hệ tiêu hóa	Sinh lý hoạt động tiêu hóa ở miệng, thực quản, dạ dày, ruột non, ruột già,	04	1. Mô tả được các hiện tượng cơ học ở ống tiêu hóa 2. Trình bày được tính chất, thành phần, tác dụng và điều hòa bài tiết các dịch ở các đoạn của ống tiêu hóa. Trình bày được sự hấp thụ các chất ở các	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	Thạc sỹ Đỗ Thị Hường

			đoạn của ống tiêu hóa. Trình bày được chức năng gan		
HP 3: Sinh lý bệnh hệ tiêu hóa	Rối loạn co bóp dạ dày, rối loạn chức năng tiết dịch, cơ chế bệnh sinh trong loét dạ dày và rối loạn tiêu hóa, rối loạn hấp thu và rối loạn co bóp	04	1. Trình bày cơ chế và biểu hiện rối loạn co bóp tiết dịch ở dạ dày. Trình bày cơ chế, yếu tố nguy cơ gây loét dạ dày tá tràng. Trình bày nguyên nhân cơ chế hậu quả tắc ruột, rối loạn hấp thu, giải thích cơ chế bệnh sinh tiêu chảy	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	Thạc sỹ Vũ Thị Thơm
HP 4: giải phẫu bệnh hệ tiêu hóa	Giải phẫu bệnh loét dạ dày, ung thư dạ dày, ung thư gan, viêm loét dạ dày	08	1. Trình bày được tổn thương đại thể và vi thể chung của một số bệnh tiêu hóa	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	TS Chu Văn Đức
HP 5: Chẩn đoán hình ảnh	Tổng quan về chẩn đoán hình ảnh và XQuang trong một số bệnh tiêu hóa, siêu âm chẩn đoán trong bệnh tiêu hóa, hình ảnh cấp cứu trong bệnh lý hệ tiêu hóa	08	1. Biết được những kĩ thuật chẩn đoán hình ảnh được sử dụng trong chẩn đoán các bệnh lý tiêu hóa 2. nhận biết được hình ảnh bình thường và bệnh lý trên phim XQuang	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	BS.CKII.Phạm Văn Thương
HP 6: Nội cơ sở	Trình bày được triệu chứng, hội chứng thường gặp trong các bệnh lý nội khoa	20	Trình bày được triệu chứng, hội chứng thường gặp trong các bệnh lý nội khoa tiêu hóa	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy,	ThS Nguyễn Thị Ngọc

				thảo luận	
HP 7:	Trình bày được triệu chứng, hội chứng thường gặp trong các bệnh lý ngoại khoa	12	Trình bày được triệu chứng, hội chứng thường gặp trong các bệnh lý nội khoa tiêu hóa	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	TS Phạm Thái Hưng
HP 8	Trình bày được triệu chứng, hội chứng thường gặp trong các bệnh lý nhi khoa tiêu hóa	4	Trình bày được triệu chứng, hội chứng thường gặp trong các bệnh lý nhi khoa tiêu hóa	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	ThS.Nguyễn Văn Khiêm

6. Học liệu

6.1. Giáo trình học tập:

[1]. Module Tiêu Hóa, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam .

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Bài giảng giải phẫu học – trường đại học Y Hà Nội, NXB Y Học 2004, trang 197.
2. Sách giáo khoa Sinh lý học, nhà xuất bản Y học, bộ y tế, 2007.
3. Sinh lý lâm sàng cơ sở, nhà xuất bản Y học, 1996
4. Sách sinh lý bệnh học – Bộ môn Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Trường Đại học Y Hà Nội, xuất bản năm 2007.

7. Hình thức tổ chức dạy – học

Lịch trình dạy-học *(thiết kế cho cả tiến trình)*

Giảng dạy lý thuyết

Thứ tự	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực tập	Tự học		
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
1	Giải phẫu cấu trúc ống tiêu hóa (miệng, thực quản,dạ dày, ruột non, ruột già, mạch máu thần kinh ống	04			Thảo luận (0 T)		*Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, trang website và chuẩn bị câu hỏi cho*	

	tiêu hóa), tuyến tiêu hóa						*nội dung dạy để thảo luận tương tác*	
2	Sinh lý hoạt động tiêu hóa ở miệng, thực quản, dạ dày, ruột non, ruột già,	04			Thảo luận (01T)			
3	Rối loạn co bóp dạ dày, rối loạn chức năng tiết dịch, cơ chế bệnh sinh trong loét dạ dày và rối loạn tiêu hóa, rối loạn hấp thu và rối loạn co bóp	04			Thảo luận (0 T)			
4	Giải phẫu bệnh loét dạ dày, ung thư dạ dày, ung thư gan, viêm loét dạ dày	04			Thảo luận (03 T)			
5	Tổng quan về chẩn đoán hình ảnh và XQuang trong một số bệnh tiêu hóa, siêu âm chẩn đoán trong bệnh tiêu hóa, hình ảnh cấp cứu trong bệnh lý hệ tiêu hóa	04			Thảo luận (0T)			
6	Trình bày được triệu chứng, hội chứng thường gặp trong các bệnh lý nội khoa	12	Bài tập 02 tiết		Thảo luận (04T)			
7	Trình bày được triệu chứng, hội chứng thường gặp trong các bệnh lý ngoại khoa	12						
8	Trình bày được triệu chứng, hội	4						

	chứng thường gặp trong các bệnh lý nhi khoa				Thảo luận (0 tiết)			

Giảng dạy thực hành

TT	Tên chủ đề/ bài học	Số tiết	Giảng viên/điện thoại	Ghi chú
1	Giải phẫu bệnh hệ tiêu hóa	4	TS Chu Văn Đức	
2	Giải phẫu hệ tiêu hóa	4	ThS.Bùi Văn Thăng	TS. Hoàng Cao Hiếu
3	Chẩn đoán hình ảnh hệ tiêu hóa	4	BS.CKII.Phạm Văn Thương	ThS.Quang Ngọc Khuê
4	Tiền lâm sàng Nội hệ tiêu hóa	8	ThS.Tạ Thị Nga	

8. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của Giảng viên

- Cách thức đánh giá: Thi trắc nghiệm hoặc tư luận tùy theo yêu cầu thực tiễn của thi lý thuyết. Ưu tiên thi trắc nghiệm lý thuyết
- Điểm đạt: 4/10 theo tín chỉ hoặc 5/10 tính theo niên chế
- Yêu cầu sự hiện diện trên lớp: Tối thiểu 80%
- Quy định về thời hạn: Sinh viên phải tự chuẩn bị bài bằng slide được giảng viên phân công trước theo mỗi nhóm 15 người. Việc nhiều nhóm làm slide khác nhau rồi tự chuyển cho nhau trong lớp. Sinh viên phải đọc bài và slide để chuẩn bị lên lớp, tự trao đổi trước với nhau. Trên lớp giảng viên chỉ định bất cứ sinh viên nào lên trình bày và bất cứ ai giải trình slide đang trình bày để làm rõ các vấn đề của bài học

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

Áp dụng thang điểm 10, sau đó quy về thang điểm 4; mỗi bài được chấm điểm luôn bao gồm các phân điểm sau: Chuẩn bị bài (30%) + Kết quả bài tập (40%) + Kỹ năng báo cáo, trình bày, vấn đáp (30%).

Điểm thực hành (seminar) = trung bình cộng điểm của từng bài

Thi cuối kỳ: Kết quả đạt là không dưới 4/10 điểm (1/4 điểm là trọng số điểm thực hành và 3/4 điểm là trọng số điểm lý thuyết).

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC **TRƯỞNG KHOA** **BỘ MÔN/MODULE**

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN
MODULE TIÊU HÓA (PHẦN THỰC HÀNH)
Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/mô đun: Hệ Tiêu Hóa
* Tiếng Việt: Hệ Tiêu Hóa
* Tiếng Anh: Digestive system
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 1 TH
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 106 tiết
+ Thực hành/ Lâm sàng: 20 tiết
+ Bài tập: 2 tiết
+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 8 tiết
+ Kiểm tra: 8 tiết
+ Thời gian tự học: 20 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): 3
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☑						Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☑		Kiến thức cơ sở ngành ☑		Kiến thức ngành ☑		
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	

- Điều kiện tham gia học phần:
+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): Giải phẫu đại cương, Sinh lý đại cương, Giải phẫu bệnh đại cương, Sinh lý bệnh đại cương, Hóa sinh, Mô học.
+ Học phần học trước (đã học): Các môn khoa học cơ bản.
+ Học phần song hành: Nội cơ sở YHHĐ, Ngoại cơ sở YHHĐ, Sản YHHĐ, Nhi YHHĐ.
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nội

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	Thạc sỹ- Bác sỹ Nguyễn Thị Ngọc (Phó module)	0977119094	Nội	ngoc2788@gmail.com
2	Thạc sỹ- Bác sỹ Tạ Thị Nga (Giáo vụ module)	0342187673	Nội	Drngata994@gmail.com
3	Bác sỹ Chuyên khoa II - Phạm văn thương	0904196111	CĐHA	
4	Thạc sỹ- Bác sỹ Quang ngọc khuê	0989432828	CĐHA	
5	Thạc sỹ- Bác sỹ Đỗ Thị Hường		Sinh Lý	

6	Thạc sỹ- Bác sỹ Vũ Thị Thơm		Sinh lý bệnh – Miễn dịch	
7	Thạc sỹ - Bác sỹ Nguyễn Văn Khiêm		Nhi	
8	Tiến sỹ Chu Văn Đức		Giải phẫu bệnh	
9	Thạc sỹ Bùi Văn Thăng		Giải phẫu	
10	Tiến sỹ Hoàng Cao Hiếu	0943338586	Giải phẫu	
11	Thạc sỹ Nguyễn Huyền Trang		Giải phẫu	
12	Tiến sỹ Phạm Thái Hưng		Ngoại	

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần

Sau khi học xong sinh viên có khả năng:

3.1.1. Về kiến thức

- Nắm được rõ mục tiêu kiến thức của từng học phần (giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh, giải phẫu bệnh, chẩn đoán hình ảnh, nội cơ sở, ngoại cơ sở, nhi)

3.1.2. Kĩ năng:

- Kỹ năng thảo luận nhóm.
- Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện
- Thu thập thông tin và xử lý thông tin.

3.1.3. Thái độ:

Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập.

3.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần

**** Lý thuyết***

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Mục tiêu từng học phần	Nội dung MT HP
Giải phẫu	Giải phẫu học hệ tiêu hóa: trình bày được đại cương về cấu trúc hệ tiêu hóa, ý niệm về phúc mạc, mô tả được các cấu trúc của ống tiêu hóa Mô tả được cấu trúc của ống tiêu hóa
Sinh lý	Sinh lý học hệ tiêu hóa: mô tả được các hiện tượng cơ học của ống tiêu hóa, trình bày được tính chất, thành phần, tác dụng và điều hòa bài tiết các dịch ở các đoạn của ống tiêu hóa. Trình bày được sự hấp thu các chất ở các đoạn cảu ống tiêu hóa. Trình bày được các chức năng của gan.
Sinh lý bệnh miễn dịch	Sinh lý bệnh – Miễn dịch : trình bày được cơ chế và rối loạn co bóp, tiết dịch tại dạ dày, trình bày cơ chế, yếu tố nguy cơ gây loét dạ dày tá tràng, trình bày nguyên nhân, cơ chế hậu quả của tắc ruột, rối loạn hấp thu. Giải thích cơ chế bệnh sinh của tiêu chảy

Giải phẫu bệnh	Giải phẫu bệnh: trình bày được tổn thương đại thể và vi thể chung của một số bệnh tiêu hóa. Vận dụng kiến thức đã học để chẩn đoán đúng mô bệnh học xác định chẩn đoán và tìm hiểu nguyên nhân một số bệnh tiêu hóa thường gặp ở Việt nam.
Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh: biết được những kĩ thuật chẩn đoán hình ảnh được sử dụng trong chẩn đoán các bệnh lý tiêu hóa.
Nội cơ sở	Trình bày được các triệu chứng hội chứng thường gặp trong các bệnh lý nội khoa tiêu hóa
Ngoại cơ sở	Trình bày được các triệu chứng hội chứng thường gặp trong các bệnh lý ngoại khoa tiêu hóa
Nhi	Trình bày được các triệu chứng hội chứng thường gặp trong các bệnh lý nhi khoa tiêu hóa

**** Thực hành***

Mục tiêu từng học phần	**Nội dung MT HP**
Giải phẫu	Mô tả được cấu trúc của ống tiêu hóa
Giải phẫu bệnh	Vận dụng kiến thức đã học để chẩn đoán đúng mô bệnh học xác định chẩn đoán và tìm hiểu nguyên nhân một số bệnh tiêu hóa thường gặp ở Việt nam.
Chẩn đoán hình ảnh	Nhận biết được một số hình ảnh bình thường và bệnh lý trên phim XQ (thực quản, dạ dày, đại tràng, ruột non). Nhận biết được một số hình ảnh bình thường và bệnh lý trên siêu âm các cơ quan tiêu hóa (gan, mật, tụy). Một số hình ảnh cấp cứu của bệnh lý tiêu hóa.
Nội cơ sở	Tành thục các kĩ năng khám lâm sàng cơ quan tiêu hóa

4. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Module Tiêu Hoá gồm những môn học: giải phẫu, sinh lý, giải phẫu bệnh, sinh lý bệnh, chẩn đoán hình ảnh, nội cơ sở. Bao gồm các kiến thức về hoạt động sinh lý của cơ quan tiêu hóa: ống tiêu hóa, tuyến tiêu hóa. Các cơ chế bệnh lý tại dạ dày, rối loạn bài tiết dịch và rối loạn co bóp, giải thích cơ chế một số hiện tượng bệnh lý của cơ quan tiêu hóa. Bao gồm kiến thức giải phẫu về đại thể và vi thể của cơ quan tiêu hóa, giúp học viên hiểu được nguyên nhân, cơ chế các bệnh lý hệ thống tiêu hóa. Kiến thức về kĩ thuật chẩn đoán hình ảnh dùng trong chẩn đoán bệnh lý cơ quan tiêu hóa, hình ảnh bình thường bệnh lý của cơ quan tiêu hóa thể hiện trên cận lâm sàng và bao gồm các kiến thức nội khoa cơ bản của cơ quan tiêu hóa

5. Nội dung chi tiết học phần

(Liệt kê nội dung chi tiết của học phần theo từng chương, mục, tiểu mục hoặc theo các vấn đề chính của học phần)

Chương /Phần	Nội dung chi tiết	Số tiết (giờ)	Mục tiêu cụ thể	Hình thức dạy-học	Giảng viên phụ trách
HP 1: Giải phẫu hệ tiêu hóa	Giải phẫu cấu trúc ống tiêu hóa (miệng, thực quản,dạ dày, ruột non, ruột già, mạch máu thần kinh ống tiêu hóa), tuyến tiêu hóa	08	1. Trình bày được đại cương về cấu trúc hệ tiêu hóa, ý niệm về phúc mạc 2. Trình bày được các cấu trúc ống tiêu hóa 3. Trình bày được các cấu trúc tuyến tiêu hóa	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	Thạc sỹ Bùi Văn Thăng
HP 2: Sinh lý hệ tiêu hóa	Sinh lý hoạt động tiêu hóa ở miệng, thực quản, dạ dày, ruột non, ruột già,	04	1. Mô tả được các hiện tượng cơ học ở ống tiêu hóa 2. Trình bày được tính chất, thành phần, tác dụng và điều hòa bài tiết các dịch ở các đoạn của ống tiêu hóa. Trình bày được sự hấp thụ các chất ở các đoạn của ống tiêu hóa. Trình bày được chức năng gan	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	Thạc sỹ Đỗ Thị Hường
HP 3: Sinh lý bệnh hệ tiêu hóa	Rối loạn co bóp dạ dày, rối loạn chức năng tiết dịch, cơ chế bệnh sinh trong loét dạ dày và rối loạn tiêu hóa, rối loạn hấp thu và rối loạn co bóp	04	1. Trình bày cơ chế và biểu hiện rối loạn co bóp tiết dịch ở dạ dày. Trình bày cơ chế, yếu tố nguy cơ gây loét dạ dày tá tràng. Trình bày nguyên nhân cơ chế hậu quả tắc ruột, rối loạn hấp thu, giải thích cơ chế bệnh sinh tiêu chảy	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	Thạc sỹ Vũ Thị Thơm

HP 4: giải phẫu bệnh hệ tiêu hóa	Giải phẫu bệnh loét dạ dày, ung thư dạ dày, ung thư gan, viêm loét dạ dày	08	1. Trình bày được tổn thương đại thể và vi thể chung của một số bệnh tiêu hóa	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	TS Chu Văn Đức
HP 5: Chẩn đoán hình ảnh	Tổng quan về chẩn đoán hình ảnh và XQuang trong một số bệnh tiêu hóa, siêu âm chẩn đoán trong bệnh tiêu hóa, hình ảnh cấp cứu trong bệnh lý hệ tiêu hóa	08	1. Biết được những kĩ thuật chẩn đoán hình ảnh được sử dụng trong chẩn đoán các bệnh lý tiêu hóa 2. nhận biết được hình ảnh bình thường và bệnh lý trên phim XQuang	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	BS.CKII.Phạm Văn Thương
HP 6: Nội cơ sở	Trình bày được triệu chứng, hội chứng thường gặp trong các bệnh lý nội khoa	20	Trình bày được triệu chứng, hội chứng thường gặp trong các bệnh lý nội khoa tiêu hóa	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	ThS Nguyễn Thị Ngọc
HP 7:	Trình bày được triệu chứng, hội chứng thường gặp trong các bệnh lý ngoại khoa	12	Trình bày được triệu chứng, hội chứng thường gặp trong các bệnh lý nội khoa tiêu hóa	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	TS Phạm Thái Hưng
HP 8	Trình bày được triệu chứng, hội chứng thường gặp trong các bệnh lý nhi khoa tiêu hóa	4	Trình bày được triệu chứng, hội chứng thường gặp trong các bệnh lý nhi khoa tiêu hóa	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	ThS.Nguyễn Văn Khiêm

6. Học liệu

6.1. Giáo trình học tập:

[1]. Module Tiêu Hóa, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam .

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Bài giảng giải phẫu học – trường đại học Y Hà Nội, NXB Y Học 2004, trang 197.

2. Sách giáo khoa Sinh lý học, nhà xuất bản Y học, bộ y tế, 2007.

3. Sinh lý lâm sàng cơ sở, nhà xuất bản Y học, 1996

4. Sách sinh lý bệnh học – Bộ môn Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Trường Đại học Y Hà Nội, xuất bản năm 2007.

7. Hình thức tổ chức dạy – học

Lịch trình dạy-học *(thiết kế cho cả tiến trình)*

Giảng dạy thực hành

TT	Tên chủ đề/ bài học	Số tiết	Giảng viên/điện thoại	Ghi chú
1	Giải phẫu bệnh hệ tiêu hóa	4	TS Chu Văn Đức	
2	Giải phẫu hệ tiêu hóa	4	ThS.Bùi Văn Thăng	TS. Hoàng Cao Hiếu
3	Chẩn đoán hình ảnh hệ tiêu hóa	4	BS.CKII.Phạm Văn Thương	ThS.Quang Ngọc Khuê
4	Tiền lâm sàng Nội hệ tiêu hóa	8	ThS.Tạ Thị Nga	

8. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của Giảng viên

- Cách thức đánh giá: Thi trắc nghiệm hoặc tư luận tùy theo yêu cầu thực tiễn của thi lý thuyết. Ưu tiên thi trắc nghiệm lý thuyết
- Điểm đạt: 4/10 theo tín chỉ hoặc 5/10 tính theo niên chế
- Yêu cầu sự hiện diện trên lớp: Tối thiểu 80%
- Quy định về thời hạn: Sinh viên phải tự chuẩn bị bài bằng slide được giảng viên phân công trước theo mỗi nhóm 15 người. Việc nhiều nhóm làm slide khác nhau rồi tự chuyển cho nhau trong lớp. Sinh viên phải đọc bài và slide để chuẩn bị lên lớp, tự trao đổi trước với nhau. Trên lớp giảng viên chỉ định bất cứ sinh viên nào lên trình bày và bất cứ ai giải trình slide đang trình bày để làm rõ các vấn đề của bài học

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

Áp dụng thang điểm 10, sau đó quy về thang điểm 4; mỗi bài được chấm điểm luôn bao gồm các phân điểm sau: Chuẩn bị bài (30%) + Kết quả bài tập (40%) + Kỹ năng báo cáo, trình bày, vấn đáp (30%).

Điểm thực hành (seminar) = trung bình cộng điểm của từng bài

Thi cuối kỳ: Kết quả đạt là không dưới 4/10 điểm (1/4 điểm là trọng số điểm thực hành và 3/4 điểm là trọng số điểm lý thuyết).

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC DUYỆT	**PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
MODULE THẬN – TIẾT NIỆU (PHẦN LÝ THUYẾT)
Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Hệ thận – tiết niệu
* Tiếng Việt: module thận – tiết niệu
* Tiếng Anh: Pathology of the urinary system
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ lý thuyết: 2.5 TC
- Đối tượng học (năm thứ): 3
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: sinh lý đại cương, giải phẫu đại cương, giải phẫu bệnh đại cương, sinh lý bệnh đại cương.
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 37.5 tiết
  + Lý thuyết: 37.5 tiết
  + Bài tập: 00 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 00 tiết
  + Kiểm tra: 00 tiết
  + Thời gian tự học: 71 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: module thận- tiết niệu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Phan Thế Cường	0904160368	phancuongmed@gmail.com
2	Ths. Trần Thị Thu Hương	0983290394	Tranthithuhuong0710@gmail.com
3	Ths. Bùi Văn Thăng	0904253274	
4	Ths. Vũ Thị Lan Anh	0912537951	vtlanh@gmail.com
5	Ths. Vương Thị Mai Linh	0912016669	vmlinh1012@gmail.com
6	TS. Chu Văn Đức	0945925078	bschuduc@yahoo.com
7	Ths. Phạm Hà Ly	0984231285	phamhaly2012@gmail.com
8	BSCKII.Phạm Văn Thương	0904196111	bsthuongtc@gmail.com
9	TS. Phạm Thái Hưng	0984231285	

10	Ths. Nguyễn Thị Huyền	0983023404	Nguyenhuyen.yhcthn@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT1	Cung cấp các kiến thức về giải phẫu, giải phẫu bệnh, sinh lí thường, sinh lí bệnh hệ thận- tiết niệu; một số triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, hội chứng bệnh thường gặp trong bệnh lý thận và đường tiết niệu; một số phương pháp thăm dò, xét nghiệm cận lâm sàng giúp chẩn đoán các bệnh lý thận và đường tiết niệu	[CĐR2]	3
	Kỹ năng		
MT2	Khám và phát hiện được các triệu chứng lâm sàng của hệ thận tiết niệu. Từ đó ra chỉ định cận lâm sàng và chẩn đoán được một số hội chứng và bệnh của hệ thận-TN thường gặp.	[CĐR4] [CĐR5]	4
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT3	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Ren luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc.	[CĐR14]	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	**CĐR của học phần/ mô đun (CLO)**
Kiến thức	
MT1: Cung cấp các kiến thức về giải phẫu, giải phẫu bệnh, sinh lí thường, sinh lí bệnh hệ thận- tiết niệu; một số triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, hội chứng bệnh thường gặp trong bệnh lý thận và đường tiết niệu; một số phương pháp thăm dò, xét nghiệm cận lâm sàng giúp chẩn đoán các bệnh lý thận và	**CLO1:** Nắm được các kiến thức cơ bản về hệ thận-TN: giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh, giải phẫu bệnh. **CLO 2:** Trình bày được các triệu chứng cơ năng và thực thể, hội chứng bệnh của hệ thận tiết niệu..

đường tiết niệu	
Kỹ năng	
MT2: Khám và phát hiện được các triệu chứng lâm sàng của hệ thận tiết niệu. Từ đó ra chỉ định cận lâm sàng và chẩn đoán được một số hội chứng và bệnh của hệ thận-TN thường gặp.	**CLO 3:** Khai thác triệu chứng, bệnh sử, tiền sử của bệnh nhân. Đánh giá được các chỉ định cận lâm sàng cho một số bệnh lý hệ thận tiết niệu thường gặp. Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được một số bệnh thận tiết niệu thường gặp
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	**CLO 4**: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)**			
	1	2	3	4
Bài mở đầu	1			
Giải phẫu hệ thận-TN	3			
Sinh lý	3			
Sinh lý bệnh	3			
Giải phẫu bệnh	3			
Nội thận - TN	2	3	3	
Ngoại thận - TN	2	3	3	
Nhi	2	3	3	
Chẩn đoán hình ảnh		3		

6. Mô tả học phần/ mô đun

Bệnh học cơ sở hệ thận tiết niệu, là một học phần quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa, đào tạo bác sĩ chuyên khoa YHCT… Nó là một môn học vừa mang tính cơ bản của y học cơ bản vừa mang tính lâm sàng của khoa học lâm sàng. Đào tạo theo kiến thức tích hợp giúp người học nhận thức được thấu đáo và toàn diện, tổng quan và cụ thể một vấn đề khoa học y học nhất định như thận- tiết niệu.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
Bài mở đầu Giới thiệu tổng quát về nội dung, phương pháp học, vị trí học thuật của module	2			0		1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
Giải phẫu 1. Hình thể ngoài, vị trí, kích thước, liên quan, hình thể trong, mạch và thần kinh chi phối thận 2. Vị trí, kích thước, cấu tạo, phân đoạn, mạch và thần kinh chi phối niệu quản 3. Vị trí, dung tích, hình thể ngoài và liên quan, hình thể trong và cấu tạo, mạch và thần kinh chi phối bàng quang 4. Đường đi, phân đoạn và liên quan, hình thể trong, cấu tạo, mạch và thần kinh chi phối niệu đạo nam và niệu đạo nữ	4			8		1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
Sinh lý 1. Quá trình lọc ở cầu thận. 2. Hiện tượng tái hấp thu và bài tiết ở từng phần ống thận. 3. Yếu tố ảnh hưởng đến sự tạo thành nước tiểu. 4. Nguyên tắc, ý nghĩa của một số phương pháp thăm dò chức năng thận.	4			8		1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
Giải phẫu bệnh 1. Định nghĩa, tổn thương giải phẫu bệnh của Viêm cầu thận cấp 2. Định nghĩa, tổn thương giải phẫu bệnh của Viêm cầu thận mạn	3.5			7		1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe

						ghi chép
Sinh lý bệnh 1. Đại cương về cấu trúc và chức năng thận 2. Những cơ chế thay đổi về số lượng nước tiểu và máu trong một số bệnh lý. 3. Thăm dò chức năng thận 4. Một số bệnh lý cầu thận và ống thận	4			8		1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
Nội thận-TN 1. Rối loạn CN hệ thống thận – TN 2. Khám LS hệ thống thận – TN 3. Chẩn đoán bệnh lý thận: thận to, đái máu, rối loạn tiểu tiện… 4. Những phương pháp khám CLS thăm dò CN thận	12			24		1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
Ngoại thận-TN 1. HC tắc nghẽn đường TN 2. HC khúc nối bể thận-TN 3. Vô niệu do sỏi TN	4			8		1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
Nhi 1. Triệu chứng cơ năng, thực thể của các bệnh lý thận – tiết niệu. 2. Triệu chứng cận lâm sàng trong bệnh lý hệ thận – tiết niệu. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng một số bệnh lý: Viêm cầu thận cấp, hội chứng thận hư, viêm đường tiết niệu.	2			4		1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
Chẩn đoán hình ảnh 1. Nhắc lại về giải phẫu hệ thận-TN liên quan đến CĐHA 2. Các chỉ định CĐHA dùng để thăm khám Thận – TN	2			4		1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình học tập:

[1] Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2021), *Triệu chứng học module thận – TN,* tài liệu lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1] **TS. Nguyễn Văn Huy, TS. Lê Hữu Hưng** (2004), *Bài giảng Giải phẫu học*, Hà Nội.

[2]. **TS. Nguyễn Văn Huy** (2005), *Giải phẫu người* (Sách dùng cho sinh viên hệ Bác sĩ Đa khoa), NXB Y học, Hà Nội

[3] **Bộ Y Tế** (2007), *Sinh lý học,* Nhà xuất bản y học, Hà Nội.

[4] **Bộ Y Tế** (2007), *Sinh lý bệnh và miễn dịch*¸ Nhà xuất bản y học, Hà Nội.

[5] **Bộ Y Tế** (2009), *Giải phẫu bệnh học*, Nhà xuất bản giáo dục.

[6] **Trường đại học y Hà Nội** (2011), *Nội khoa cơ sở tập 1,2*, Nhà xuất bản y học, Hà Nội.

[7] **Bộ môn Nội, Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh (**2009), *Triệu chứng học nội khoa,* Nhà xuất bản y học, Hà Nội.

[8] **Đặng Hanh Đệ và CS** (2006), *Triệu chứng học ngoại khoa*, Nhà xuất bản y học, Hà Nội.

[9] **Bộ môn ngoại, Trường Đại học y Hà Nội** (2013), *Bài giảng triệu chứng học ngoại khoa*, Nhà xuất bản y học, Hà Nội.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	**Bài mở đầu** Giới thiệu tổng quát về nội dung, phương pháp học, vị trí học thuật của module	2					0
2	**Giải phẫu** 1. Thận 2. Niệu quản 3. Bàng quang 4. Niệu đạo nam và niệu đạo nữ	4					8
3	**Sinh lý** 1. Quá trình lọc ở cầu thận. 2. Hiện tượng tái hấp thu và bài tiết ở từng phần ống thận. 3. Yếu tố ảnh hưởng đến sự tạo thành nước tiểu. 4. Nguyên tắc, ý nghĩa của một số phương pháp thăm dò chức năng thận.	4					8
4	**Giải phẫu bệnh** 1. Viêm cầu thận cấp 2. Viêm cầu thận mạn	3.5					7

5	**Sinh lý bệnh** 1. Đại cương về cấu trúc và chức năng thận 2. Những cơ chế thay đổi về số lượng nước tiểu và máu trong một số bệnh lý. 3. Thăm dò chức năng thận 4. Một số bệnh lý cầu thận và ống thận	4					8
6	**Nội thận-TN** 1. Rối loạn CN hệ thống thận – TN 2. Khám LS hệ thống thận – TN 3. Chẩn đoán bệnh lý thận: thận to, đái máu, rối loạn tiểu tiện… 4. Những phương pháp khám CLS thăm dò CN thận	12					24
7	**Ngoại thận-TN** 1. HC tắc nghẽn đường TN 2. HC khúc nối bể thận-TN 3. Vô niệu do sỏi TN	4					8
8	**Nhi** 1. Triệu chứng cơ năng, thực thể của các bệnh lý thận – tiết niệu. 2. Triệu chứng cận lâm sàng trong bệnh lý hệ thận – tiết niệu. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng một số bệnh lý: Viêm cầu thận cấp, hội chứng thận hư, viêm đường tiết niệu.	2					4
9	**Chẩn đoán hình ảnh** 1. Nhắc lại về giải phẫu hệ thận-TN liên quan đến CĐHA 2. Các chỉ định CĐHA dùng để thăm khám Thận – TN	2					4

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình [x] Động não [x] Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt chuẩn [CLO3,CLO4]
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt chuẩn CLO4
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO4
Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projecter, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thực hành và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.
Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm thực hành**			
	Điểm thi thực hành giải phẫu, TLS, CĐHA	29%		CĐR 2

2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	71%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 2, CĐR 4, CĐR5

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận.
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm lý thuyết x 15 + (Điểm TH1 +TH2+ TH3) x 6)/21

Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm theo thông báo số 410/HVYDHCTVN-ĐTĐH ngày 16/7/2019.

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
MODULE THẬN – TIẾT NIỆU (PHẦN THỰC HÀNH)
Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Module thận – Tiết niệu

* Tiếng Việt: Module thận – Tiết niệu

* Tiếng Anh: Pathology of the urinary system

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 1.0

- Đối tượng học (năm thứ): 3

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [x]	Tự chọn □	

- Học phần tiên quyết: sinh lý đại cương, giải phẫu đại cương, giải phẫu bệnh đại cương, sinh lý bệnh đại cương.

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: module thận - TN

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths. Hoàng Cao Hiếu	0943338586	hoangcaohieu@gmail.com
2	Ths. Nguyễn Thị Huyền	0983023404	Nguyenhuyen.yhcthn@gmail.com
3	Ths. Vũ Thị Thơ	0984947994	
4	BSCKII.Phạm Văn Thương	0904196111	bsthuongtc@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
MT1	Cung cấp các kiến thức về giải phẫu, giải phẫu bệnh, sinh lí thường, sinh lí bệnh hệ thận- tiết niệu; một số triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, hội chứng bệnh thường gặp trong bệnh lý thận và đường tiết niệu; một số phương pháp thăm dò, xét nghiệm cận lâm sàng giúp chẩn đoán các bệnh lý thận và đường tiết niệu	[CĐR2]	3
	Kỹ năng		
MT2	Khám và phát hiện được các triệu chứng lâm sàng của hệ thận tiết niệu. Từ đó ra chỉ định cận lâm sàng và chẩn đoán được một số hội chứng và bệnh của hệ thận-TN thường gặp.	[CĐR4] [CĐR5]	4
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT3	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Ren luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc.	[CĐR14]	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	**CĐR của học phần/ mô đun (CLO)**
Kiến thức	

MT1: Cung cấp các kiến thức về giải phẫu, giải phẫu bệnh, sinh lí thường, sinh lí bệnh hệ thận- tiết niệu; một số triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, hội chứng bệnh thường gặp trong bệnh lý thận và đường tiết niệu; một số phương pháp thăm dò, xét nghiệm cận lâm sàng giúp chẩn đoán các bệnh lý thận và đường tiết niệu	**CLO1:** Nắm được các kiến thức cơ bản về hệ thận-TN: giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh, giải phẫu bệnh. **CLO 2:** Trình bày được các triệu chứng cơ năng và thực thể, hội chứng bệnh của hệ thận tiết niệu..
Kỹ năng	
MT2: Khám và phát hiện được các triệu chứng lâm sàng của hệ thận tiết niệu. Từ đó ra chỉ định cận lâm sàng và chẩn đoán được một số hội chứng và bệnh của hệ thận-TN thường gặp.	**CLO 3:** Khai thác triệu chứng, bệnh sử, tiền sử của bệnh nhân. Đánh giá được các chỉ định cận lâm sàng cho một số bệnh lý hệ thận tiết niệu thường gặp. Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được một số bệnh thận tiết niệu thường gặp
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	**CLO 4**: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)**			
	1	2	3	4
Giải phẫu hệ thống thận - TN	3			
Tiếp cận BN và khám, chẩn đoán bệnh thận- tiết niệu.		3	3	3
Đo nước tiểu 24h, Đặt sonde bàng quang, Nghiệm pháp 3 cốc, Rửa bàng quang		3	3	2
Chẩn đoán hình ảnh		3	3	2

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Vị trí/vai trò: Phần thực hành hệ Thận – TN thuộc học phần module thận - TN đòi hỏi người học có những kĩ năng khám và chẩn đoán bệnh cơ bản trước khi đi lâm sàng, thực hiện 11 chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo.

Mục đích: Giúp người học vận dụng được kiến thức ở phần lý thuyết trong học phần vận dụng vào lâm sàng.

Nội dung chính yếu: Sử dụng kỹ năng và tư duy trong giải phẫu, Chẩn đoán hình ảnh, các nghiệm pháp cơ bản sử dụng cho BN thận –TN, các bước thăm khám và chẩn đoán bệnh lý cơ bản, thường gặp của hệ Thận – TN để áp dụng tốt trên lâm sàng.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực hành	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Giải phẫu hệ thận -TN	8	8	Đọc lại các kiến thức lý thuyết trước khi học bài thực hành
Tiền lâm sàng hệ Thận - TN	8	8	
Đo nước tiểu 24h, Đặt sonde bàng quang, Nghiệm pháp 3 cốc, Rửa bàng quang	8	8	
Chẩn đoán hình ảnh	8	8	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2021), *Triệu chứng học module thận – TN,* tài liệu lưu hành nội bộ.

[2] TS. Nguyễn Văn Huy, Đồng chủ biên: TS. Lê Hữu Hưng (2004)**, Bài giảng Giải phẫu học** – Chương 8: Hệ Tiết niệu, NXB Y học.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] TS. Nguyễn Văn Huy (2005), **Giải phẫu người** (Sách dùng cho sinh viên hệ Bác sĩ Đa khoa) –, Bài 27: Thận và niệu quản, Bài 28: Bàng quang, niệu đạo và hệ sinh dục nam, NXB Y học

[2] Bộ Y tế (2012), **Kiến thức- thái độ- kỹ năng cần đạt khi tốt nghiệp bác sĩ đa khoa**, NXB Y học.

[3] Trường Đại học Y Hà Nội (2013), **Kỹ năng y khoa** , Nhà xuất bản y học.

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	Giải phẫu hệ thận - TN	8					8
2	Tiền lâm sàng hệ Thận - TN	8					8
3	Đo nước tiểu 24h, Đặt sonde bàng quang, Nghiệm pháp 3 cốc, Rửa bàng quang	8					8
4	Chẩn đoán hình ảnh	8					8

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR CLO1 đến CLO4

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình [x] Động não [x] Phản biện□ Học dựa trên vấn đề □

Hoạt động nhóm [x] Đóng vai [x] Học dựa vào dự án □ Mô phỏng [x]

Nghiên cứu tình huống [x] Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra và CLO1 – CLO4

Học tập thảo luận đạt CLO1 và CLO4

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CLO1 đến CLO4

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Giảng viên cung cấp thiết kế bài giảng, nội dung thảo luận và chuyển tại cho sinh viên chuẩn bị báo cáo bài tập, báo cáo slide theo một báo cáo khoa học
- Có máy tính và projecter

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên không được tự ý vắng buổi thực hành, không đến chậm quá 15 phút

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình: (hệ 10 điểm)** Mỗi bài đều được đánh giá chấm điểm kết hợp 3 thành tố: Bài tập (40%) + báo cáo slide (30%) + trả lời vấn đáp, phản biện (30%)			
	Bài 1:	33%	≥ 4	CLO 1 đến CLO4
	Bài 2,3	33%	≥ 4	
	Bài 4	33%	≥ 4	
2	**Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng (hệ 10 điểm)**			
	Trung bình cộng điểm các bài thực hành	100%	≥ 4	CLO1 – CLO4

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận.
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm lý thuyết x 15 + (Điểm TH1 +TH2+ TH3) x 6)/21

Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm theo thông báo số 410/HVYDHCTVN-ĐTĐH ngày 16/7/2019.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
MODULE CƠ XƯƠNG KHỚP (PHẦN LÝ THUYẾT)
Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Mô đun Cơ Xương Khớp
* Tiếng Việt: Mô đun cơ xương khớp
* Tiếng Anh: Musculoskeletal module
- Mã học phần/ mô đun: MEDI3106
- Số tín chỉ lý thuyết: 4 TC
- Đối tượng học (năm thứ): 3
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành ☑		Kiến thức ngành ☑		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc ☑	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: sinh lý đại cương, giải phẫu đại cương, giải phẫu bệnh đại cương, sinh lý bệnh đại cương, hóa sinh, mô học.
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 45 tiết
  + Lý thuyết: 45 tiết
  + Bài tập: 00 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 5 tiết
  + Kiểm tra: 02 tiết
  + Thời gian tự học: 85 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Module Cơ xương khớp

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	GV Mời giảng Ts Hoàng Cao Hiếu	0943338586	Hoangcaohieu@gmail.com
2	ThS Vũ Thị Lan Anh	0912537951	DiembmsinhlyhocHv@gmail.com
3	ThS Nguyễn Anh Thư	0934533988	Nguyenanhthu3003@gmail.com
4	TS Nguyễn Tiến Chung Ths Nguyễn Ngọc Đăng BSNT Bùi Thị Tâm	0989304689 0961365838 0899975577	Nguyentienchung89@gmail.com Bsdang1988@gmail.com bacsytam.yhct@gmail.com
5	TS Phạm Thái Hưng	0982714599	phamthaihung73@gmail.com
6	BSCKII Phạm Văn Thương Ths Quang Ngọc Khuê	0904196111 0989432828	bsthuongtc@gmail.com Quangngockhue@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT1	Cung cấp các kiến thức về giải phẫu, sinh lí thường, sinh lí bệnh hệ cơ xương khớp; một số triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, hội chứng bệnh thường gặp trong bệnh lý cơ xương khớp; một số phương pháp thăm dò, xét nghiệm cận lâm sàng giúp chẩn đoán các bệnh lý cơ xương khớp.	[CĐR2]	3
	Kỹ năng		
MT2	Khám và phát hiện được các triệu chứng lâm sàng của hệ cơ xương khớp. Từ đó ra chỉ định cận lâm sàng và chẩn đoán được một số hội chứng và bệnh của hệ cơ xương khớp thường gặp.	[CĐR4] [CĐR5]	4
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT3	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc.	[CĐR14]	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	**CĐR của học phần/ mô đun (CLO)**
Kiến thức	
MT1: Cung cấp các kiến thức về giải phẫu, sinh lí thường, sinh lí bệnh hệ hệ cơ xương khớp; một số triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, hội chứng bệnh thường gặp trong bệnh lý hệ cơ xương khớp; một số phương pháp thăm dò, xét nghiệm cận lâm sàng giúp chẩn đoán các bệnh lý hệ cơ xương khớp.	**CLO1:** Nắm được các kiến thức cơ bản về hệ cơ xương khớp: giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh. **CLO 2:** Trình bày được các triệu chứng cơ năng và thực thể, hội chứng bệnh của hệ cơ xương khớp
Kỹ năng	
MT2: Khám và phát hiện được các	**CLO 3:** Khai thác triệu chứng, bệnh sử, tiền sử của

triệu chứng lâm sàng của hệ hệ cơ xương khớp. Từ đó ra chỉ định cận lâm sàng và chẩn đoán được một số hội chứng và bệnh của hệ cơ xương khớp thường gặp.	bệnh nhân. Đánh giá được các chỉ định cận lâm sàng cho một số bệnh lý hệ cơ xương khớp thường gặp. Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được một số bệnh cơ xương khớp thường gặp
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	**CLO 4**: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)**			
	1	2	3	4
Đại cương module	1			
Giải phẫu hệ Cơ xương khớp	3			
Sinh lý Cơ xương khớp	3			
Sinh lý bệnh Cơ xương khớp	3			
Nội Cơ xương khớp	2	3	3	
Ngoại Cơ xương khớp	2	3	3	
Chẩn đoán hình ảnh Cơ xương khớp		3		

6. Mô tả học phần/ mô đun

Bệnh học cơ sở hệ Cơ xương khớp, là một học phần quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa… Nó là một môn học vừa mang tính cơ bản của y học cơ bản vừa mang tính lâm sàng của khoa học lâm sàng. Đào tạo theo kiến thức tích hợp giúp người học nhận thức được thấu đáo và toàn diện, tổng quan và cụ thể một vấn đề khoa học y học nhất định như cơ xương khớp.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy học**					**Yêu cầu đối với sinh viên**
	Lên lớp (Tiết)				**Tự học (Giờ)**	
	LT	**TH**	**BT/ TL/KT**	**Tổng cộng**		
Đại cương module Giới thiệu tổng quát về nội dung, phương pháp học, vị trí học thuật của module	2	0	0	2	0	1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
Giải phẫu Mô tả cấu trúc giải phẫu hệ	12	0	0	12	24	1. Nghiên cứu trước tài liệu.

Cơ xương khớp						2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
Sinh lý Đặc điểm sinh lý của hệ Cơ xương khớp	4	0	0	4	8	1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
Sinh lý bệnh Đặc điểm sinh lý bệnh của một số bệnh thường gặp	4	0	0	4	8	1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
Nội Cơ xương khớp 1. Triệu chứng lâm sàng bệnh lý Cơ xương khớp. 2. Thăm dò CLS trong chẩn đoán bệnh lý Cơ xương khớp	8	0	0	8	16	1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
Ngoại Cơ xương khớp 1. Khám gãy xương 2. Một số tổn thương chi và xương chậu	4	0	0	4	8	1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
Chẩn đoán hình ảnh Các thăm dò cận lâm sàng và nhận định được kết quả các thăm dò CLS của hệ Cơ xương khớp	8	0	0	8	16	1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình học tập:

Bài giảng module Cơ xương khớp (2018), Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Bài giảng Giải phẫu học (2004) Chủ biên: TS. Nguyễn Văn Huy, Đồng chủ biên: TS. Lê Hữu Hưng), Nhà xuất bản y học.

2. Đặng Tiến Hoạt (2013),"Bài giảng Giải phẫu bệnh", Hà Nội.
3. Giải phẫu người (2005), Sách dùng cho sinh viên hệ Bác sĩ Đa khoa, NXB Y học.
4. Nguyễn Vượng (2007) "Giải phẫu bệnh học" . Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
5. Nguyễn Bá Đức (2006), "Phòng và phát hiện sớm bệnh ung thư". Nhà xuất bản Hà Nội.
6. Bài giảng lý thuyết Giải phẫu bệnh (2011) , " Bệnh học cơ xương khớp", Đại học Y Phạm Ngọc Thạch.
7. Sinh lý học - Trường Đại học Y Hà Nội (2012), NXB Y học, Hà Nội.
8. Bộ môn Sinh lý học (2001), Mô – phôi học, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
9. Sinh lý học y khoa (2011), Bộ môn Sinh lý học, Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh, NXB Y học, Thành phố Hồ Chí Minh.
10. Bộ môn Sinh lý Bệnh Miễn dịch, Trường Đại học Y Hà Nội (2011), Sinh lý bệnh trạng thái đói, Sinh lý bệnh học, (tr 122-137)
11. Bộ môn Sinh lý Bệnh Miễn dịch, Trường Đại học Y Hà Nội (2011), Sinh lý bệnh chức năng cơ xương khớp, Sinh lý bệnh học (tr 290-316)
12. Triệu chứng học Nội khoa (2021), Tập 1, Trường đại học Y Hà nội, Các bộ môn Nội, Nhà xuất bản y học.
13. Kỹ năng y khoa (2013), Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
14. Sinh lý học (2012), Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
15. Giải phẫu người (2006), Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
16. Kiến thức - thái độ - kỹ năng cần đạt khi tốt nghiệp bác sĩ đa khoa (2012), Bộ y tế

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	**Đại cương Module** Giới thiệu tổng quát về nội dung, phương pháp học, vị trí học thuật của module	2					0
2	**Giải phẫu hệ Cơ xương khớp**	12					24
3	**Sinh lý hệ Cơ xương khớp**	4					8
5	**Sinh lý bệnh hệ Cơ xương khớp**	4					8
6	**Nội Cơ xương khớp** 1. Triệu chứng lâm sàng bệnh lý Cơ xương khớp. 2. Thăm dò CLS trong chẩn đoán bệnh lý Cơ xương khớp	8					16
7	**Ngoại Cơ xương khớp** 1. Khám gãy xương	4					8

	2. Một số tổn thương chi và xương chậu						
9	**Chẩn đoán hình ảnh** Các thăm dò cận lâm sàng và nhận định được kết quả các thăm dò CLS của hệ Cơ xương khớp	8					16

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình [x] Động não [x] Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt chuẩn [CLO3,CLO4]
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt chuẩn CLO4
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO4

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projecter, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thực hành và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.
Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm thực hành**			
	Điểm thi thực hành giải phẫu, TLS, CĐHA	25%	Sinh viên qua môn: đạt từ 4/10 điểm	CĐR 2
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	75%	Sinh viên qua môn: đạt từ 4/10 điểm	CĐR 2, CĐR 4, CĐR5

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận.
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm TK Lý thuyết * 3 + Điểm TK thực hành*1)/4

Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm theo thông báo số 410/HVYDHCTVN-ĐTĐH ngày 16/7/2019.

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
MODULE CƠ XƯƠNG KHỚP (PHẦN THỰC HÀNH)
Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Mô đun Cơ Xương Khớp

* Tiếng Việt: Mô đun Cơ Xương Khớp

* Tiếng Anh: Musculoskeletal module

- Mã học phần/ mô đun: MEDI3106

- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 1.0

- Đối tượng học (năm thứ): 3

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành ☑		Kiến thức ngành ☑		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc ☑	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	

- Học phần tiên quyết: sinh lý đại cương, giải phẫu đại cương, giải phẫu bệnh đại cương, sinh lý bệnh đại cương.

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Module Cơ xương khớp

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ts. Hoàng Cao Hiếu	0943338586	hoangcaohieu@gmail.com
2	Ths Nguyễn Ngọc Đăng	0961365838	Bsdang1988@gmail.com
3	BSCKII Phạm Văn Thương Ths Quang Ngọc Khuê	0904196111 0989432828	bsthuongtc@gmail.com Quangngockhue@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT1	Cung cấp các kiến thức về giải phẫu, sinh lí thường, sinh lí bệnh hệ cơ xương khớp; một số triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, hội chứng bệnh thường gặp trong bệnh lý cơ xương khớp; một số phương pháp thăm dò, xét nghiệm cận lâm sàng giúp chẩn đoán các bệnh lý cơ xương khớp.	[CĐR2]	3
	Kỹ năng		
MT2	Khám và phát hiện được các triệu chứng lâm sàng của hệ cơ xương khớp. Từ đó ra chỉ định cận lâm sàng và chẩn đoán được một số hội chứng và bệnh của hệ cơ xương khớp thường gặp.	[CĐR4] [CĐR5]	4
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT3	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc.	[CĐR14]	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	**CĐR của học phần/ mô đun (CLO)**
Kiến thức	

MT1: Cung cấp các kiến thức về giải phẫu, giải phẫu bệnh, sinh lí thường, sinh lí bệnh hệ cơ xương khớp; một số triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, hội chứng bệnh thường gặp trong bệnh lý cơ xương khớp; một số phương pháp thăm dò, xét nghiệm cận lâm sàng giúp chẩn đoán các bệnh lý cơ xương khớp	**CLO1:** Nắm được các kiến thức cơ bản về hệ cơ xương khớp: giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh. **CLO 2:** Trình bày được các triệu chứng cơ năng và thực thể, hội chứng bệnh của hệ cơ xương khớp
Kỹ năng	
MT2: Khám và phát hiện được các triệu chứng lâm sàng của hệ thận tiết niệu. Từ đó ra chỉ định cận lâm sàng và chẩn đoán được một số hội chứng và bệnh của hệ cơ xương khớp thường gặp.	**CLO 3:** Khai thác triệu chứng, bệnh sử, tiền sử của bệnh nhân. Đánh giá được các chỉ định cận lâm sàng cho một số bệnh lý hệ cơ xương khớp thường gặp. Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được một số bệnh cơ xương khớp thường gặp.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	**CLO 4**: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)**			
	1	2	3	4
Mô tả được cấu trúc giải phẫu trên mô hình.	3			
Thực hiện được kỹ năng hỏi và thăm khám hệ Cơ xương khớp trên lâm sàng.		3	3	3
Trình bày được các thăm dò cận lâm sàng và nhận định được kết quả các thăm dò CLS của hệ Cơ xương khớp.		3	3	2

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Vị trí/vai trò: Phần thực hành hệ Cơ xương khớp thuộc học phần module cơ xương khớp đòi hỏi người học có những kĩ năng khám và chẩn đoán bệnh cơ bản trước khi đi lâm sàng, thực hiện 11 chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo.

Mục đích: Giúp người học vận dụng được kiến thức ở phần lý thuyết trong học phần vận dụng vào lâm sàng.

Nội dung chính yếu: Sử dụng kỹ năng và tư duy trong giải phẫu, Chẩn đoán hình ảnh, các nghiệm pháp cơ bản sử dụng cho BN Cơ xương khớp, các bước thăm khám và chẩn đoán bệnh lý cơ bản, thường gặp của hệ Cơ xương khớp để áp dụng tốt trên lâm sàng.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực hành	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Thực hành GP hệ Cơ xương khớp	12	12	Đọc lại các kiến thức lý thuyết trước khi học bài thực hành
Thực hành kỹ năng khám hệ Cơ xương khớp.	8	8	
Các thăm dò Chẩn đoán hình ảnh trong chẩn đoán bệnh Cơ xương khớp	4	4	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Bài giảng module Cơ xương khớp (2018), Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bài giảng Giải phẫu học (2004) Chủ biên: TS. Nguyễn Văn Huy, Đồng chủ biên: TS. Lê Hữu Hưng), Nhà xuất bản y học.
2. Đặng Tiến Hoạt (2013),"Bài giảng Giải phẫu bệnh", Hà Nội.
3. Giải phẫu người (2005), Sách dùng cho sinh viên hệ Bác sĩ Đa khoa, NXB Y học.
4. Nguyễn Vượng (2007) "Giải phẫu bệnh học" . Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
5. Nguyễn Bá Đức (2006), "Phòng và phát hiện sớm bệnh ung thư". Nhà xuất bản Hà Nội.
6. Bài giảng lý thuyết Giải phẫu bệnh (2011) , " Bệnh học cơ xương khớp", Đại học Y Phạm Ngọc Thạch.
7. Sinh lý học - Trường Đại học Y Hà Nội (2012), NXB Y học, Hà Nội.
8. Bộ môn Sinh lý học (2001), Mô – phôi học, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
9. Sinh lý học y khoa (2011), Bộ môn Sinh lý học, Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh, NXB Y học, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Bộ môn Sinh lý Bệnh Miễn dịch, Trường Đại học Y Hà Nội (2011), Sinh lý bệnh trạng thái đói, Sinh lý bệnh học, (tr 122-137)

11. Bộ môn Sinh lý Bệnh Miễn dịch, Trường Đại học Y Hà Nội (2011), Sinh lý bệnh chức năng cơ xương khớp, Sinh lý bệnh học (tr 290-316)

12. Triệu chứng học Nội khoa (2021), Tập 1, Trường đại học Y Hà nội, Các bộ môn Nội, Nhà xuất bản y học.

13. Kỹ năng y khoa (2013), Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.

14. Sinh lý học (2012), Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.

15. Giải phẫu người (2006), Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.

16. Kiến thức - thái độ - kỹ năng cần đạt khi tốt nghiệp bác sĩ đa khoa (2012), Bộ y tế,

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	Thực hành GP hệ Cơ xương khớp	12					12
2	Thực hành kỹ năng khám hệ Cơ xương khớp	8					8
3	Các thăm dò Chẩn đoán hình ảnh trong chẩn đoán bệnh Cơ xương khớp	4					4

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR CLO1 đến CLO4

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình [x] Động não [x] Phản biện□ Học dựa trên vấn đề □

Hoạt động nhóm [x] Đóng vai [x] Học dựa vào dự án □ Mô phỏng [x]

Nghiên cứu tình huống [x] Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra và CLO1 – CLO4

Học tập thảo luận đạt CLO1 và CLO4

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CLO1 đến CLO4

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Giảng viên cung cấp thiết kế bài giảng, nội dung thảo luận và chuyển tại cho sinh viên chuẩn bị báo cáo bài tập, báo cáo slide theo một báo cáo khoa học
- Có máy tính và projecter

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên không được tự ý vắng buổi thực hành, không đến chậm quá 15 phút

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình: (hệ 10 điểm)** Đánh giá bài thi thực hành tại phòng thực hành			
	Thực hành giải phẫu	33%	≥ 4	CLO 1 đến CLO4
	Thực hành tiền lâm sàng nội	33%	≥ 4	
	Thực hành chẩn đoán hình ảnh	33%	≥ 4	
2	**Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng (hệ 10 điểm)**			
	Trung bình cộng điểm các bài thực hành	100%	≥ 4	CLO1 – CLO4

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận.
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm TK Lý thuyết * 3 + Điểm TK thực hành*1)/4

Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm theo thông báo số 410/HVYDHCTVN-ĐTĐH ngày 16/7/2019.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
		Nguyễn Tiến Chung

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
MODULE NỘI TIẾT - CHUYỂN HÓA (PHẦN LÝ THUYẾT)
Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Hệ Nội tiết
* Tiếng Việt: module Nội tiết
* Tiếng Anh: Endocrinology
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ lý thuyết: 2.0 TC
- Đối tượng học (năm thứ): 3
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: sinh lý đại cương, giải phẫu bệnh đại cương, sinh lý bệnh đại cương.
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết
  + Lý thuyết: 30 tiết
  + Bài tập: 00 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 00 tiết
  + Kiểm tra: 00 tiết
  + Thời gian tự học: 60 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: module Nội tiết

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	BSCKII. ThS Nguyễn Thị Hồng Loan	0983937809	hongloanbibi@gmail.com
2	Ths. Nguyễn Anh Thư	0934533988	nguyenanhthu3003@gmail.com
4	Ths. Đặng Ánh Ngọc		
5	ThS Bùi Thị Quỳnh	0962535484	Bsquynh89@gmail.com
7	Ths. Phạm Hà Ly	0984231285	phamhaly2012@gmail.com
8	ThS Quang Ngọc Khuê		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT1	Cung cấp các kiến thức về giải phẫu, giải phẫu bệnh, sinh lí thường, sinh lí bệnh hệ Nội tiết; một số triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, hội chứng bệnh thường gặp trong bệnh lý Nội tiết- chuyển hóa; một số phương pháp thăm dò, xét nghiệm cận lâm sàng giúp chẩn đoán các bệnh lý Nội tiết- chuyển hóa	[CĐR2]	3
	Kỹ năng		
MT2	Khám và phát hiện được các triệu chứng lâm sàng của bệnh Nội tiết. Từ đó ra chỉ định cận lâm sàng và chẩn đoán được một số hội chứng và bệnh của hệ nội tiết thường gặp.	[CĐR4] [CĐR5]	4
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT3	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Ren luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc.	[CĐR14]	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Cung cấp các kiến thức về giải phẫu, giải phẫu bệnh, sinh lí thường, sinh lí bệnh hệ Nội tiết; một số triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, hội chứng bệnh thường gặp trong bệnh lý nội tiết; một số phương pháp thăm dò, xét nghiệm cận lâm sàng giúp chẩn đoán các bệnh lý Nội tiết	**CLO1:** Nắm được các kiến thức cơ bản về hệ thận-TN: giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh, giải phẫu bệnh. **CLO 2:** Trình bày được các triệu chứng cơ năng và thực thể, hội chứng bệnh của hệ nội tiết.
Kỹ năng	
MT2: Khám và phát hiện được các triệu chứng lâm sàng của hệ Nội tiết. Từ đó ra chỉ định cận lâm sàng và chẩn đoán được một số hội chứng và bệnh của hệ nội tiết thường gặp.	**CLO 3:** Khai thác triệu chứng, bệnh sử, tiền sử của bệnh nhân. Đánh giá được các chỉ định cận lâm sàng cho một số bệnh lý hệ nội tiết thường gặp. Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được một số bệnh nội tiết thường gặp

Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	**CLO 4**: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)			
	1	2	3	4
Bài mở đầu	1			
Sinh lý	4			
Sinh lý bệnh	4			
Giải phẫu bệnh	4			
Nội tiết- chuyển hóa	2	3	3	
Nhi	2	3	3	
Chẩn đoán hình ảnh		3		

6. Mô tả học phần/ mô đun

Bệnh học cơ sở hệ nội tiết, là một học phần quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa, đào tạo bác sĩ chuyên khoa YHCT… Nó là một môn học vừa mang tính cơ bản của y học cơ bản vừa mang tính lâm sàng của khoa học lâm sàng. Đào tạo theo kiến thức tích hợp giúp người học nhận thức được thấu đáo và toàn diện, tổng quan và cụ thể một vấn đề khoa học y học nhất định như nội tiết.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
Bài mở đầu Giới thiệu tổng quát về nội dung, phương pháp học, vị trí học thuật của module	2			4		1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
Sinh lý 1. Đại cương hệ nội tiết. 2. Sinh lý vùng dưới đồi 3. Sinh lý tuyến yên 4. Sinh lý tuyến giáp 5. Sinh lý tuyến tụy 6. Sinh lý tuyến thượng thận 7. Sinh lý tuyến sinh dục	4			8		1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
Giải phẫu bệnh 1. Định nghĩa, tổn thương giải phẫu bệnh của Bướu giáp keo 2. Định nghĩa, tổn thương giải phẫu bệnh của bướu Basedow 3. Định nghĩa, tổn thương giải phẫu bệnh úng thư biểu mô nhú tuyến giáp	2			8		1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
Sinh lý bệnh Sinh lý bệnh Nội tiết 1. Đại cương chức năng hệ nội tiết và hormon 2. Vùng dưới đồi 3. Tuyến yên 4. Tuyến giáp 5. Tuyến cận giáp 6. Tuyến thượng thận 7. Tuyến tuỵ nội tiết 8. Các hormon	4			8		1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
Nội tiết- chuyển hóa 1. Khám lâm sàng bệnh nhân nội tiết 2. Triệu chứng học tuyến giáp 3. Triệu chứng học bệnh Đái	12			24		1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận.

tháo đường 4. Triệu chứng học tuyến thượng thận						3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
Nhi 1. Triệu chứng cơ năng, thực thể của bệnh suy giáp trạng bẩm sinh 2. Triệu chứng cận lâm sàng trong bệnh suy giáp trạng bẩm sinh	2			4		1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
Chẩn đoán hình ảnh 1. Nhắc lại về giải phẫu hệ nội tiết liên quan đến CĐHA 2. Các chỉ định CĐHA dùng để thăm khám hệ nội tiết	4			8		1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình học tập:

1. Bài giảng Giải phẫu học (2004) Chủ biên: TS. Nguyễn Văn Huy, Đồng chủ biên: TS. Lê Hữu Hưng), Nhà xuất bản y học.
2. Đặng Tiến Hoạt (2013),*"Bài giảng Giải phẫu bệnh"* , Hà Nội.
3. Giải phẫu người (2005), Sách dùng cho sinh viên hệ Bác sĩ Đa khoa, NXB Y học.
4. Nguyễn Vượng (2007) *"Giải phẫu bệnh học"* . Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
5. Nguyễn Bá Đức (2006), *"Phòng và phát hiện sớm bệnh ung thư"*. Nhà xuất bản Hà Nội.
6. Bài giảng lý thuyết Giải phẫu bệnh (2011) , " Bệnh học Nội tiết", Đại học Y Phạm Ngọc Thạch.
7. Sinh lý học - Trường Đại học Y Hà Nội (2012), NXB Y học, Hà Nội.
8. Bộ môn Sinh lý học (2001), *Mô – phôi học*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
9. Sinh lý học y khoa (2011), Bộ môn Sinh lý học, Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh, NXB Y học, Thành phố Hồ Chí Minh.
10. Bộ môn Sinh lý Bệnh Miễn dịch, Trường Đại học Y Hà Nội (2011), Sinh lý bệnh trạng thái đói, Sinh lý bệnh học, (tr 122-137)
11. Bộ môn Sinh lý Bệnh Miễn dịch, Trường Đại học Y Hà Nội (2011), Sinh lý bệnh chức năng hô hấp, Sinh lý bệnh học (tr 290-316)
12. Nội khoa cơ sở, tập II (2011), Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
13. Kỹ năng y khoa (2013), Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
14. Sinh lý học (2012), Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
15. Giải phẫu người (2006), Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
16. Kiến thức - thái độ - kỹ năng cần đạt khi tốt nghiệp bác sĩ đa khoa (2012), Bộ y tế, Nhà xuất bản y học.
17. Bệnh viện Bạch Mai (2002) tài liệu tập huấn chuyên ngành nhi.

18. Bệnh viện nhi Trung ương (2006), Hướng dẫn chẩn đoán điều trị bệnh trẻ em.
19. Bệnh viện nhi đồng 2 TPHCM, Đại học y dược TPHCM (2006), Phác đồ điều trị cấp cứu nhi.
20. Bộ môn nhi, Đại học Y Hà Nội (2006), Bài giảng nhi khoa.
21. Bộ môn nhi - Đại học Y dược TP Hồ Chí Minh (2007)
22. Bộ y tế: Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị Bệnh Nội tiết- chuyển hóa (2017)

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	**Bài mở đầu** Giới thiệu tổng quát về nội dung, phương pháp học, vị trí học thuật của module	2					4
3	**Sinh lý** 1. Đại cương hệ nội tiết. 2. Sinh lý vùng dưới đồi 3. Sinh lý tuyến yên 4. Sinh lý tuyến giáp 5. Sinh lý tuyến tụy 6. Sinh lý tuyến thượng thận 7. Sinh lý tuyến sinh dục	4					8
4	**Giải phẫu bệnh** 1. Định nghĩa, tổn thương giải phẫu bệnh của Bướu giáp keo 2. Định nghĩa, tổn thương giải phẫu bệnh của bướu Basedow 3. Định nghĩa, tổn thương giải phẫu bệnh úng thư biểu mô nhú tuyến giáp	2					4
5	**Sinh lý bệnh** 1. Đại cương chức năng hệ nội tiết và hormon 2. Vùng dưới đồi 3. Tuyến yên 4. Tuyến giáp 5. Tuyến cận giáp 6. Tuyến thượng thận 7. Tuyến tuỵ nội tiết 8. Các hormon	4					8

6	**Nội tiết- chuyển hóa** 1. Khám lâm sàng bệnh nhân nội tiết 2. Triệu chứng học tuyến giáp 3. Triệu chứng học bệnh Đái tháo đường 4. Triệu chứng học tuyến thượng thận	12					24
8	**Nhi** 1. Triệu chứng cơ năng, thực thể của bệnh suy giáp trạng bẩm sinh 2. Triệu chứng cận lâm sàng trong bệnh suy giáp trạng bẩm sinh	2					4
9	**Chẩn đoán hình ảnh** 1. Nhắc lại về giải phẫu hệ nội tiết liên quan đến CĐHA 2. Các chỉ định CĐHA dùng để thăm khám nội tiết	4					8

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình [x] Động não [x] Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt chuẩn [CLO3,CLO4]
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt chuẩn CLO4
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO4

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projecter, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thực hành và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm thực hành**			
	Điểm thi thực hành giải phẫu, TLS,	29%		CĐR 2
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	71%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 2, CĐR 4, CĐR5

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận.
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm lý thuyết x 8 + (Điểm TH1 +TH2)/10

Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm theo thông báo số 410/HVYDHCTVN-ĐTĐH ngày 16/7/2019.

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày 1 tháng 9 năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
MODULE NỘI TIẾT (PHẦN THỰC HÀNH)
Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Mô đun Nội Tiết
* Tiếng Việt: Mô đun Nội Tiết
* Tiếng Anh: Enocrinology
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 0,5
- Đối tượng học (năm thứ): 3
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [x]	Tự chọn □	

- Học phần tiên quyết: sinh lý đại cương, giải phẫu đại cương, giải phẫu bệnh đại cương, sinh lý bệnh đại cương.
- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: module thận - TN

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	BSCKII Nguyễn Thị Hồng Loan	0983937809	hongloanbibi@gmail.com
2	Ths. Trần Thu Phương	0972520018	Phuongtran3438@gmail.com
3	Ths Bùi Thị Quỳnh	0962535484	Bsquynh89@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT1	Cung cấp các kiến thức về giải phẫu, giải phẫu bệnh, sinh lí thường, sinh lí bệnh hệ	[CĐR2]	3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	thận- tiết niệu; một số triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, hội chứng bệnh thường gặp trong bệnh lý nội tiết; một số phương pháp thăm dò, xét nghiệm cận lâm sàng giúp chẩn đoán các bệnh lý nội tiết		
	Kỹ năng		
MT2	Khám và phát hiện được các triệu chứng lâm sàng của hệ Nội tiết. Từ đó ra chỉ định cận lâm sàng và chẩn đoán được một số hội chứng và bệnh của hệ nội tiết thường gặp.	[CĐR4] [CĐR5]	4
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT3	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Ren luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc.	[CĐR14]	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Cung cấp các kiến thức về giải phẫu, giải phẫu bệnh, sinh lí thường, sinh lí bệnh hệ nội tiết; một số triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, hội chứng bệnh thường gặp trong bệnh lý nội tiết; một số phương pháp thăm dò,	**CLO1:** Nắm được các kiến thức cơ bản về hệ nội tiết: giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh, giải phẫu bệnh. **CLO 2:** Trình bày được các triệu chứng cơ năng và thực thể, hội chứng bệnh của hệ nội tiết.

xét nghiệm cận lâm sàng giúp chẩn đoán các bệnh lý nội tiết	
Kỹ năng	
MT2: Khám và phát hiện được các triệu chứng lâm sàng của hệ nội tiết. Từ đó ra chỉ định cận lâm sàng và chẩn đoán được một số hội chứng và bệnh của hệ nội tiết thường gặp.	**CLO 3:** Khai thác triệu chứng, bệnh sử, tiền sử của bệnh nhân. Đánh giá được các chỉ định cận lâm sàng cho một số bệnh lý hệ nội tiết thường gặp. Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được một số bệnh nội tiết thường gặp
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	**CLO 4**: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)**			
	1	2	3	4
Tiếp cận BN và khám, chẩn đoán bệnh nội tiết.		3	3	3
Khám lâm sàng tuyến giáp		3	3	2
Giải phẫu bệnh		3	3	2

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Vị trí/vai trò: Phần thực hành hệ Nội tiết thuộc học phần module nội tiết đòi hỏi người học có những kĩ năng khám và chẩn đoán bệnh cơ bản trước khi đi lâm sàng, thực hiện 11 chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo.

Mục đích: Giúp người học vận dụng được kiến thức ở phần lý thuyết trong học phần vận dụng vào lâm sàng.

Nội dung chính yếu: Sử dụng kỹ năng và tư duy trong giải phẫu, Chẩn đoán hình ảnh, các nghiệm pháp cơ bản sử dụng cho BN nội tiết, các bước thăm khám và chẩn đoán bệnh lý cơ bản, thường gặp của hệ Nội tiết để áp dụng tốt trên lâm sàng.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực hành	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Giải phẫu bệnh hệ Nội tiết	8	8	Đọc lại các kiến thức lý thuyết trước khi học bài thực hành
Tiền lâm sàng hệ Nội tiết	8	8	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

23. Bài giảng Giải phẫu học (2004) Chủ biên: TS. Nguyễn Văn Huy, Đồng chủ biên: TS. Lê Hữu Hưng), Nhà xuất bản y học.
24. Đặng Tiến Hoạt (2013),*"Bài giảng Giải phẫu bệnh"* , Hà Nội.
25. Giải phẫu người (2005), Sách dùng cho sinh viên hệ Bác sĩ Đa khoa, NXB Y học.
26. Nguyễn Vượng (2007) *"Giải phẫu bệnh học"* . Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
27. Nguyễn Bá Đức (2006), *"Phòng và phát hiện sớm bệnh ung thư"*. Nhà xuất bản Hà Nội.
28. Bài giảng lý thuyết Giải phẫu bệnh (2011) , " Bệnh học Nội tiết", Đại học Y Phạm Ngọc Thạch.
29. Sinh lý học - Trường Đại học Y Hà Nội (2012), NXB Y học, Hà Nội.
30. Bộ môn Sinh lý học (2001), *Mô – phôi học*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
31. Sinh lý học y khoa (2011), Bộ môn Sinh lý học, Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh, NXB Y học, Thành phố Hồ Chí Minh.
32. Bộ môn Sinh lý Bệnh Miễn dịch, Trường Đại học Y Hà Nội (2011), Sinh lý bệnh trạng thái đói, Sinh lý bệnh học, (tr 122-137)
33. Bộ môn Sinh lý Bệnh Miễn dịch, Trường Đại học Y Hà Nội (2011), Sinh lý bệnh chức năng hô hấp, Sinh lý bệnh học (tr 290-316)
34. Nội khoa cơ sở, tập II (2011), Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
35. Kỹ năng y khoa (2013), Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
36. Sinh lý học (2012), Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
37. Giải phẫu người (2006), Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
38. Kiến thức - thái độ - kỹ năng cần đạt khi tốt nghiệp bác sĩ đa khoa (2012), Bộ y tế, Nhà xuất bản y học.
39. Bệnh viện Bạch Mai (2002) tài liệu tập huấn chuyên ngành nhi.
40. Bệnh viện nhi Trung ương (2006), Hướng dẫn chẩn đoán điều trị bệnh trẻ em.
41. Bệnh viện nhi đồng 2 TPHCM, Đại học y dược TPHCM (2006), Phác đồ điều trị cấp cứu nhi.
42. Bộ môn nhi, Đại học Y Hà Nội (2006), Bài giảng nhi khoa.
43. Bộ môn nhi - Đại học Y dược TP Hồ Chí Minh (2007)
44. Bộ y tế: Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị Bệnh Nội tiết- chuyển hóa (2017)

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	Giải phẫu bệnh hệ Nội tiết	4					2
2	Tiền lâm sàng hệ Nội tiết Chuyển hóa	12					12

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR CLO1 đến CLO4

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình [x] Động não [x] Phản biện□ Học dựa trên vấn đề □

Hoạt động nhóm [x] Đóng vai [x] Học dựa vào dự án □ Mô phỏng [x]

Nghiên cứu tình huống [x] Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra và CLO1 – CLO4

Học tập thảo luận đạt CLO1 và CLO4

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CLO1 đến CLO4

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Giảng viên cung cấp thiết kế bài giảng, nội dung thảo luận và chuyển tại cho sinh viên chuẩn bị báo cáo bài tập, báo cáo slide theo một báo cáo khoa học
- Có máy tính và projecter

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên không được tự ý vắng buổi thực hành, không đến chậm quá 15 phút

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình: (hệ 10 điểm)** Mỗi bài đều được đánh giá chấm điểm kết hợp 3 thành tố: Bài tập (40%) + báo cáo			

	slide (30%) + trả lời vấn đáp, phản biện (30%)			
	Bài 1:	33%	≥ 4	CLO 1 đến CLO4
	Bài 2,3	33%	≥ 4	
	Bài 4	33%	≥ 4	
2	**Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng (hệ 10 điểm)**			
	Trung bình cộng điểm các bài thực hành	100%	≥ 4	CLO1 – CLO4

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận.
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm lý thuyết x 8 + (Điểm TH1 +TH2)/10

Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm theo thông báo số 410/HVYDHCTVN-ĐTĐH ngày 16/7/2019.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
HỆ SINH DỤC, SINH SẢN VÀ GIỚI TÍNH (PHẦN LÝ THUYẾT)
Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Hệ sinh dục, sinh sản và giới tính
* Tiếng Việt: Hệ sinh dục, sinh sản và giới tính
* Tiếng Anh: Reproductive system
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: (3.0 LT, 0.5 LS)
- Đối tượng học (năm thứ): 3
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [x]	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: giải phẫu, di truyền y học, mô phôi thai học, giải phẫu bệnh lý, sinh lý, sinh lý bệnh – miễn dịch
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
  + Lý thuyết: 45 tiết
  + Bài tập: tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
  + Kiểm tra: tiết
  + Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun:

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy	0912933156	doanminhthuyvn@yahoo.com
2	TS Chu Văn Đức	0912564943	chuvanduc@gmail.com
3	TS. Quách Thị Yến	0983785449	Quachthiyen@gmail.com
4	TS. Phan Thị Hoa	0966511289	phanthihoahvydh@gmail.com
5	BSCKII. Phạm Văn Thương	0904196111	thuongtc@gmail.com
6	ThS.Bs.Quang Ngọc Khuê	0989432828	quangngockhue@gmail.com
7	ThS. Phạm Anh Thư	0964786553	phamanhthu@gmail.com
8	ThS. Nguyễn Thị Quỳnh	0987445776	nguyenthiquynh@gmail.com
9	ThS. Trần Thu Hiền	0954788356	tranthuhien@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT1	Có kiến thức cơ bản về GP, SL để hiểu và giải thích được các triệu chứng (LS& CLS), hội chứng thường gặp của một số bệnh lý thuộc hệ sinh dục, mang thai, chuyển dạ, hỗ trợ sinh sản	CĐR1, CĐR2, CĐR3,	3
	Kỹ năng		
MT2	Hướng dẫn các bước thăm khám cơ quan sinh dục nam, nữ trên mô hình để phát hiện các triệu chứng, hội chứng thường gặp (khai thác bệnh sử, kỹ thuật khám và đánh giá kết quả)	CĐR6, CĐR8, CĐR10, CĐR11, CĐR12,	3
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT3	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ , tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị các bệnh lý hệ sinh dục, hỗ trợ sinh sản.	CĐR14, CDDR15, CĐR16	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	**CĐR của học phần/ mô đun (CLO)**
Kiến thức	
MT1: Có kiến thức cơ bản về GP, SL để hiểu và giải thích được các triệu chứng (LS& CLS), hội chứng thường gặp của một số bệnh lý thuộc hệ sinh dục, mang thai, chuyển dạ, hỗ trợ sinh sản	**CLO1**: Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng các bệnh lý hệ sinh dục, sinh sản **CLO 2**: Giải thích đúng lý do chẩn đoán, chỉ định phương pháp điều trị các bệnh lý. **CLO3:** Giải thích được nguyên nhân, biện chứng, chẩn đoán và pháp phương điều trị

Kỹ năng	
MT2: Hướng dẫn các bước thăm khám cơ quan sinh dục nam, nữ trên mô hình để phát hiện các triệu chứng, hội chứng thường gặp (khai thác bệnh sử, kỹ thuật khám và đánh giá kết quả)	**CLO 4 :** Đưa ra được chẩn đoán chính xác các bệnh lý hệ sinh dục.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3: Hướng dẫn thái độ thái độ phù hợp với bệnh nhân trong việc thăm khám và chăm sóc, điều trị	**CLO 5**: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao. **CLO6:** Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị các bệnh lý

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)**						
	1	2	3	4	5	6	7
GIẢI PHẪU HỆ SINH DỤC	3	3	3	3	3	3	3
SINH LÝ HỆ SINH DỤC, SINH SẢN	3	3	3	3	3	3	3
Sinh Lý Bệnh – Miễn Dịch	3	3	3	3	3	3	3
Giải Phẫu Bệnh Hệ Sinh Dục	3	3	3	3	3	3	3
Chẩn Đoán Hình Ảnh	3	3	3	3	3	3	3
Bệnh Lý Sti	3	3	3	3	3	3	3
Triệu Chứng Bệnh Lý Nam Khoa	3	3	3	3	3	3	3
Yếu Tố Quyết Định Giới Tính Người	3	3	3	3	3	3	3
Suy Sinh Dục Nam Khởi Phát Muộn + Rối Loạn Cương Dương	3	3	3	3	3	3	3
Thay Đổi Giải Phẫu – Sinh Lý Của Người Phụ Nữ Khi Có Thai	3	3	3	3	3	3	3
Khám Thai Và Quản Lý Thai Nghén	3	3	3	3	3	3	3
Quá Trình Chuyển Dạ Và Hậu Sản Thường	3	3	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Giúp sinh viên có kiến thức tổng hợp, phân tích và vận dụng các kiến thức của YHCT và YHHĐ trong viêc học tập và nghiên cứu về cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, triệu chứng lâm

sàng và cận lâm sàng, các phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ, đồng thời nghiêm cứu nguyên nhân, biện chứng luận trị , chẩn đoán và pháp phương điều trị các mặt bệnh ngoại khoa theo YHCT kết hợp YHHĐ. Từ đó giúp sinh viên có kỹ năng khám, chẩn đoán, đưa ra pháp phương điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT kết hợp YHHĐ.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
GIẢI PHẪU - Mô tả được hình thể ngoài và cấu tạo của tinh hoàn, mào tinh và ống dẫn tinh. - Mô tả được hình thể ngoài và cấu tạo của túi tinh và ống phóng tinh. - Mô tả được hình thể ngoài và cấu tạo của tuyến tiền liệt và tuyến hành niệu đạo. - Mô tả được hình thể ngoài và cấu tạo của dương vật. - Mô tả được hình thể ngoài và cấu tạo của bìu. - Mô tả được hình thể ngoài và cấu tạo của buồng trứng. - Mô tả được hình thể ngoài và cấu tạo của vòi tử cung. - Mô tả được hình thể ngoài và cấu tạo của âm đạo. - Mô tả được hình thể ngoài và cấu tạo của âm hộ, âm vật và tuyến tiền đình lớn. - Mô tả được hình thể ngoài và cấu tạo của tuyến vú.	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
1. SINH LÝ SINH DỤC SINH SẢN NAM 1.1. Nhắc lại cấu trúc cơ quan sinh dục nam 1.2. Chức năng của tinh hoàn 1.2.1. Chức năng ngoại tiết (chức năng sản sinh tinh trùng) 1.2.2. Chức năng nội tiết của tinh	4			4		

hoàn 1.2.2.1. Đại cương androgen 1.2.2.2. Hormon Testosteron 1.2.2.3. Hormon Inhibin 1.3. Chức năng của túi tinh và tuyến tiền liệt 1.4. Tinh dịch 1.5. Giao hợp và xuất tinh 1.6. Dậy thì và đặc điểm hoạt động tình dục nam 2. SINH LÝ SINH DỤC SINH SẢN NỮ 2.1. Nhắc lại cấu trúc cơ quan sinh dục nữ 2.1.1. Buồng trứng 2.1.2. Tử cung 2.2. Các hormon của buồng trứng 2.2.1. Estrogen 2.2.2. Progesteron 2.3. Chu kỳ kinh nguyệt 2.3.1. Định nghĩa 2.3.2. Các giai đoạn của chu kỳ kinh nguyệt 2.4. Dậy thì và mãn kinh 2.4.1. Những biến đổi cơ thể khi dậy thì 2.4.1. Mãn kinh 2.5. Đặc điểm hoạt động tình dục nữ 2.6. Thụ thai và mang thai *2.6.1. Nhắc lại quá trình thụ tinh* *2.6.2. Chức năng của nhau thai* 2.7. Nguyên lý chẩn đoán thai 2.8. Các biện pháp phòng tránh thai 2.8.1. Các biện pháp tránh thai tạm thời 2.8.2. Các biện pháp tránh thai vĩnh viễn						
MỞ ĐẦU - Nhắc lại kiến thức về trục Hạ đồi - Tuyến yên - Tinh hoàn, Hạ đồi - Tuyến yên - Buồng trứng. - Rối loạn chức năng nội tiết tuyến sinh dục biểu hiện dưới 3 dạng bệnh	4			4		

lý 1. RỐI LOẠN SINH DỤC SINH SẢN NAM 1.1. Suy sinh dục nam 1.1.1. Suy sinh dục nam hoàn toàn 1.2. Vú to nam giới 2. RỐI LOẠN SINH DỤC SINH SẢN NỮ 2.1. Cường năng buồng trứng trứng 2.1.2. Tăng estrogen 2.1.3. Tăng progesteron 2.2. Suy buồng trứng 2.2.1. Suy buồng trứng hoàn toàn 2.2.2. Suy buồng trứng không hoàn toàn						
GIẢI PHẪU BỆNH HỆ SINH DỤC **I. UNG THƯ VÚ** 1. Đại cương 2. Phân loại mô học ung thư biểu mô tuyến vú 3. Phân độ mô học ung thư biểu mô tuyến vú 4. Giải phẫu bệnh một số ung thư vú hay gặp 5. Bệnh Paget núm vú 6. Ung thư vú nam giới 7. Chẩn đoán tế bào học trong ung thư vú 8. Liên hệ với triệu chứng lâm sàng **II. UNG THƯ CỔ TỬ CUNG** 1. Định nghĩa 2. Dịch tễ học 3. Phân loại 4. Giải phẫu bệnh ung thư cổ tử cung 5. Tiến triển 6. Kết luận 7. Các u thứ phát 8. Liên hệ với triệu chứng lâm	4			4		

sàng **III. BỆNH NGUYÊN BÀO NUÔI** 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Dịch tễ 1.3. Phân loại 2. Hình thái giải phẫu bệnh 2.1. Chửa trứng không xâm nhập 2.2. Chửa trứng xâm nhập 2.3. Ung thư biểu mô màng đệm 3. Tiến triển 4. Liên hệ với triệu chứng lâm sàng **IV. GIẢI PHẪU BỆNH HỆ SINH DỤC NAM** 1. Đại cương 2. Tăng sản tuyến tiền liệt lành tính 3. U tinh hoàn Liên hệ với triệu chứng lâm sàng						
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH Vai trò của siêu âm sản phụ khoa, siêu âm tuyến vú, siêu âm bìu, tinh hoàn, tiền liệt tuyến. Nắm được các đường siêu âm cơ bản. Chỉ định và chống chỉ định trong siêu âm sản phụ khoa, siêu âm tuyến vú, siêu âm bìu, tinh hoàn, siêu âm tiền liệt tuyến. Những hình ảnh bình thường và 1 số hình ảnh bất thường trong siêu âm sản phụ khoa, siêu âm tuyến vú, siêu âm bìu, tinh hoàn, tiền liệt tuyến. Thực hành thao tác siêu âm trên bệnh nhân được	4			4		
STI 1. Nguyên nhân gây bệnh 2. Triệu chứng lâm sàng: Tổn thương cơ bản: những tổn thương cơ bản Vị trí tổn thương Triệu cơ năng	2			2		

3. Triệu chứng cận lâm sàng Giới thiệu một số bệnh lây truyền qua đường tình dục thường gặp						
TRIỆU CHỨNG BỆNH LÝ NAM KHOA 1. Mở đầu 2. Cơ quan sinh dục nam bình thường Nhắc lại hình thái học cơ quan sinh dục ngoài và trong Các triệu chứng cơ năng Một số bộ câu hỏi dùng trong nam khoa Các triệu chứng thực thể Một số nghiệm pháp Một số hội chứng bệnh lý của các bệnh nam khoa thường gặp 3. Cận lâm sàng thường dùng trong nam khoa Tinh dịch đồ Nội tiết sinh dục Vi sinh Di truyền Chẩn đoán hình ảnh	4			4		
YẾU TỐ QUYẾT ĐỊNH GIỚI TÍNH NGƯỜI 1. Quá trình biệt hóa của cơ quan sinh dục 1.1. Những yếu tố quyết định sự biệt hóa của các tuyến sinh dục 1.1.1. Ở phôi có giới tính di truyền là nam 1.1.1. Ở phôi có giới tính di truyền là nữ 1.2. Những yếu tố quyết định sự biệt hóa của đường sinh dục và các cơ quan sinh dục ngoài 1.2.1. Ở phôi có giới tính di truyền là nam 1.2.1. Ở phôi có giới tính di truyền là nữ 1.3. Giới tính sinh học bình thường 2. Một số phát triển giới tính sinh học	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

bất thường 2.1. Giảm sản buồng trứng 2.2. Loạn sản tuyến sinh dục đơn giản 2.3. Tinh hoàn nữ tính hóa 2.4. Suy tuyến sinh dục 2.4.1. Suy sinh tuyến dục nguyên phát 2.4.1.1. Ở nam 2.4.1.2. Ở nữ 2.4.2. Suy tuyến sinh dục thứ phát 2.5. Lưỡng giới 2.5.1. Lưỡng giới giả 2.5.1.1. Lưỡng giới giả nam 2.5.1.2. Lưỡng giới giả nữ 2.5.2. Lưỡng giới thật 3. Sự đa dạng về giới và khuynh hướng tính dục 3.1. Giới tính sinh học 3.2. Bản dạng giới 3.3. Thể hiện giới 3.4. Khuynh hướng tính dục Bài tập tình huống (video về Putin) Lượng giá sau buổi học						
SUY SINH DỤC NAM KHỞI PHÁT MUỘN: 1. Một số thuật ngữ Định nghĩa 2. Phân loại suy sinh dục **2.1. Phân loại cổ điển** 2.2. Hệ thống phân loại mới 3. Nhắc lại chức năng sinh lý testosterone và sinh lý bệnh học testosterone Chức năng sinh lý của testosterone Sinh lý bệnh học do suy giảm testosteron 4. Nhắc lại chức năng sinh lý testosterone và sinh lý bệnh học testosterone Chức năng sinh lý của testosterone Sinh lý bệnh học do suy giảm testosteron	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

5. Triệu chứng **5.1. Triệu chứng về tình dục sinh sản** 5.2. Triệu chứng toàn thân Thang điểm ADAM 5.3. Xét nghiệm cận lâm sàng 6. Chẩn đoán suy sinh dục khởi phát muộn RỐI LOẠN CƯƠNG DƯƠNG Giải phẫu và sinh lý cương Nguyên nhân rối loạn cương dương **Chẩn đoán rối loạn cương dương** 1.1. Lí do đến khám 1.2. Bảng điểm quốc tế về chức năng cương dương 1.3. Thang điểm 04 mức độ 1.4. Triệu chứng thực thể 1.5. Triệu chứng toàn thân Xét nghiệm cận lâm sàng						
THAY ĐỔI GIẢI PHẪU – SINH LÝ CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ KHI CÓ THAI **1.Nhắc lại cấu trúc cơ quan sinh dục nữ và tầng sinh môn** **Nội tiết học của quá trình thai nghén** 1.1. Các hormon do nhau thai bài tiết 1.2. Các hormon do thai bài tiết 1.3. Các tuyến nội tiết khác **2. Những thay đổi ở cơ quan sinh dục** ***2.1. Sinh dục ngoài*** 2.1.1. Thay đổi ở vú 2.1.2. Thay đổi ở âm hộ, tầng sinh môn ***2.2. Sinh dục trong*** 2.2.1. Thay đổi ở âm đạo 2.2.2. Thay đổi ở cổ tử cung 2.2.3. Thay đổi ở thân tử cung - Trọng lượng	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

- Mật độ - Khả năng co rút và co bóp - Hình thể - Vị trí - Cấu tạo (kiến trúc) 2.2.4. Thay đổi ở eo tử cung (đoạn dưới tử cung) 2.2.5. Thay đổi ở buồng trứng và ống dẫn trứng **3. Những thay đổi ở các cơ quan khác** 3.1. Thay đổi ở da, cân, cơ và xương khớp 3.2. Thay đổi ở bộ máy tuần hoàn 3.3. Thay đổi ở bộ máy hô hấp 3.4. Thay đổi ở bộ máy tiết niệu 3.5. Thay đổi ở bộ máy tiêu hoá 3.6. Thay đổi ở bộ máy thần kinh 3.7. Thay đổi tâm lý **4. Thay đổi toàn thân** 4.1. Phù sinh lý 4.2. Tăng chuyển hóa và thay đổi một số hằng số sinh lý						
KHÁM THAI VÀ QUẢN LÝ THAI NGHÉN ĐẠI CƯƠNG 1.1. Hỏi 1.2. **Thăm khám** Xét nghiệm thăm dò CÁCH KHÁM THAI (09 bước) 1.1. Hỏi 1.2. Nhìn 1.3. Đo chiều cao tử cung vòng bụng 1.4. Sờ nắn 1.5. Nghe tim thai 1.6. Tính tuổi thai	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
QUÁ TRÌNH CHUYỂN DẠ VÀ HẬU SẢN THƯỜNG **1. CHUYỂN DẠ** 1.1. Nguyên nhân phát sinh chuyển dạ đẻ	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện,

1.2. **Cơn co tử cung** 1.2.1. Đo áp lực gây ra cơn cơ tử cung có thai bằng cách đo áp lực buồng ối 1.2.2. Sự lan tỏa của cơn co tử cung trên tử cung có thai 1.2.3. Cơn co tử cung và cơn co thành bụng trong giai đoạn sổ thai 1.2.4. Chức năng của cơn co tử cung trong khi chuyển dạ 1.3. Chẩn đoán chuyển dạ 1.3.1. Định nghĩa 1.3.2. Triệu chứng lâm sàng của chuyển dạ Thời gian chuyển dạ đẻ **2. HẬU SẢN THƯỜNG** 2.1. Những hiện tượng giải phẫu - Sinh lý 2.1.1. Thay đổi ở tử cung 2.1.2. Thay đổi ở phần phụ, âm đạo, âm hộ 2.1.3. Thay đổi ở vú 2.2. Những hiện tượng lâm sàng 2.2.1. Sự co hồi tử cung 2.2.2. Sản dịch 2.2.3. Sự xuống sữa 2.2.4. Các hiện tượng khác Chăm sóc trong hậu sản thường						trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8..1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2016), *Giáo trình hệ sinh dục*, tài liệu lưu hành nội bộ.

[2]. Tài liệu phát tay.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Giải phẫu người (Sách dùng cho sinh viên hệ Bác sĩ Đa khoa) – NXB Y học 2005.
2. Phạm Thị Minh Đức (2007), Sinh lý học, Nhà xuất bản Y học
3. Guyton A.C and Hall J.E. Textbook of Medical Physiology.
4. Nguyễn Vượng, 2007, "Giải phẫu bệnh học" . Nhà xuất bản Y học. Hà Nội
5. Lê Đình Roanh và Đặng Tiến Hoạt, 2004, "Bệnh học ung thư vú". Nhà xuất bản y học. Hà Nội

6. Nguyễn Bá Đức, 2006, "Phòng và phát hiện sớm bệnh ung thư". Nhà xuất bản Hà Nội. Hà Nội.
7. Bài giảng lý thuyết Giải phẫu bệnh, 2011, Đại học Y Phạm Ngọc Thạch
8. Pathophysiology, Lee Ellen C. Copstead, Jacquelyn L. Banasik (624 -688)
9. Bệnh học giới tính nam, rần Quán Anh, Nguyễn Bửu Triều, NXB Y học (2009)
10. Sản khoa hình minh họa, Dương Thị Cương, NXB Y học, 2006
11. Bài giảng sản phụ khoa, Nguyễn Đức Vy, NXB Y học, 2012
12. Bộ môn Da liễu- Trường Đại học Y Hà nội. (2019), Bệnh học Da liễu, *Nhà xuất bản Y học Hà nội*
13. Bộ môn Da liễu - Học viện Quân Y. (2008), Bệnh học Da liễu, *nhà xuất bản Quân đội.*
14. Bộ môn Da liễu - Đại học Y Dược thành phố Hồ CHí Minh. **(2005),**
15. Bài giảng bệnh Da liễu, *Nhà xuất bản Y học chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh*
16. Siêu âm bụng tổng quát: Nguyễn Phước Bảo Quân
17. Siêu âm phụ khoa thực hành: Đỗ Danh Toàn – Nhà XB Y học.
18. Bài giảng chẩn đoán hình ảnh: BMCĐHA Đại hoạc Y Hà Nội
19. Giáo trình học tập: Bệnh học cơ sở hệ sinh dục nam (Tài liệu lưu hành nội bộ)
20. https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pubmedhealth/PMHT0025040/ Reproductive System

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	GP hệ SD nam – nữ: cơ quan sinh dục trong và ngoài	4					2
2	- chức năng nội, ngoại tiết của buồng trứng - Sinh lý CKKN - Sinh lý thụ tinh - sinh lý hậu sản - Các biện pháp tránh thai - chức năng nội, ngoại tiết của tinh hoàn -Chức năng các tuyến sinh dục phụ	4					2
3	-Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của một số bệnh sinh dục, sinh sản nam và nữ -Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh bệnh giới tính	4					2

4	Ung thư vú Ung thư CTC Bệnh nguyên bào nuôi	4					2
5	Lậu Giang mai	2					1
6	Chỉ định, các phương pháp siêu âm trong sản khoa và nam khoa	4					2
7	- Cách khám hệ sinh dục nam - Yếu tố quyết định giới tính người - Suy sinh dục - Rối loạn cương dương	12					6
8	Thay đổi GP, SL cơ quan sinh dục khi mang thai, chuyển dạ và sau đẻ. Ứng dụng trong sản khoa Cách khám cơ quan sinh dục nữ	12					6

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình [x] Động não [x] Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projecter, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

* Điều kiện dự thi:

+ Theo quy định chung của nhà trường.

+ Thái độ học tập chăm chỉ, nghiêm túc. Bên cạnh việc bắt buộc phải tham gia học trên lớp >=80% thời gian cho quy định học phần lý thuyết, khi nghỉ học < 20% sinh viên phải có đơn xin phép gửi về bộ môn muộn nhất 07 ngày sau khi nghỉ.

Khi có đơn xin phép nghỉ học với lí do chính đáng, sinh viên được giảng viên bộ môn cung cấp các chủ đề cemina, sinh viên tự chuẩn bị và trả bài bằng cách báo cáo trực tiếp hoặc bằng bài viết, bài cemina được tính theo thang điểm 10, bài được coi là đạt khi đạt từ 05 điểm trở lên.

- LS: Sinh viên làm bệnh án, hỏi thi tại phòng bệnh

Điều kiện dự thi: Học lâm sàng và tham gia trực đầy đủ.

- Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần			
	Tiểu luận			
	Lâm sàng	33,3%		CĐR6,CĐR8,CĐR10,CĐR11,CĐR12,
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	76,7%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR1, CĐR2, CĐR3

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận.
- Điểm kết thúc lâm sàng là điểm thi lâm sàng

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
HỆ SINH DỤC, SINH SẢN VÀ GIỚI TÍNH (PHẦN LÂM SÀNG)
Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Hệ sinh dục, sinh sản và giới tính
* Tiếng Việt: Hệ sinh dục, sinh sản và giới tính
* Tiếng Anh: Reproductive system
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 0.5
- Đối tượng học (năm thứ): 3
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [x]	Tự chọn □	

- Học phần tiên quyết: giải phẫu, di truyền y học, mô phôi thai học, giải phẫu bệnh lý, sinh lý, sinh lý bệnh – miễn dịch
- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun:

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy	0912933156	doanminhthuyvn@yahoo.com
2	TS Chu Văn Đức	0912564943	chuvanduc@gmail.com
3	TS. Quách Thị Yến	0983785449	Quachthiyen@gmail.com
4	TS. Phan Thị Hoa	0966511289	phanthihoahvydh@gmail.com
5	BSCKII. Phạm Văn Thương	0904196111	thuongtc@gmail.com
6	ThS.Bs.Quang Ngọc Khuê	0989432828	quangngockhue@gmail.com
7	ThS. Phạm Anh Thư	0964786553	phamanhthu@gmail.com
8	ThS. Nguyễn Thị Quỳnh	0987445776	nguyenthiquynh@gmail.com
9	ThS. Trần Thu Hiền	0954788356	tranthuhien@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT1	Có kiến thức cơ bản về GP, SL để hiểu và giải thích được các triệu chứng (LS& CLS), hội chứng thường gặp của một số bệnh lý thuộc hệ sinh dục, mang thai, chuyển dạ, hỗ trợ sinh sản	CĐR1, CĐR2, CĐR3, CĐR5	3
	Kỹ năng		
MT2	Hướng dẫn các bước thăm khám cơ quan sinh dục nam, nữ trên mô hình để phát hiện các triệu chứng, hội chứng thường gặp (khai thác bệnh sử, kỹ thuật khám và đánh giá kết quả)	CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR10, CĐR11, CĐR12,	3
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT3	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ , tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị các bệnh lý hệ sinh dục, hỗ trợ sinh sản.	CĐR14, CDDR15, CĐR16	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: - Có kiến thức cơ bản về GP, SL để hiểu và giải thích được các triệu chứng (LS& CLS), hội chứng thường gặp của một số bệnh lý thuộc hệ sinh dục, mang thai, chuyển dạ, hỗ trợ sinh sản	**CLO1**: Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng các bệnh lý hệ sinh dục, sinh sản **CLO 2**: Giải thích đúng lý do chẩn đoán, chỉ định phương pháp điều trị các bệnh lý. **CLO3:** Giải thích được nguyên nhân, biện chứng, chẩn đoán và pháp phương điều trị
Kỹ năng	
MT2: Hướng dẫn các bước thăm khám cơ quan sinh dục nam, nữ trên mô hình	**CLO 4 :** Đưa ra được chẩn đoán chính xác các bệnh lý hệ sinh dục.

để phát hiện các triệu chứng, hội chứng thường gặp (khai thác bệnh sử, kỹ thuật khám và đánh giá kết quả)	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ , tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị các bệnh lý hệ sinh dục, hỗ trợ sinh sản.	**CLO 5**: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/l5p trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao. **CLO 6:** Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị các bệnh lý

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)**						
	1	2	3	4	5	6	7
Giải Phẫu Hệ Sinh Dục	3	3	3	3	3	3	3
Sinh Lý Hệ Sinh Dục, Sinh Sản	3	3	3	3	3	3	3
Sinh Lý Bệnh – Miễn Dịch	3	3	3	3	3	3	3
Giải Phẫu Bệnh Hệ Sinh Dục	3	3	3	3	3	3	3
Chẩn Đoán Hình Ảnh	3	3	3	3	3	3	3
Bệnh Lý Sti	3	3	3	3	3	3	3
Triệu Chứng Bệnh Lý Nam Khoa	3	3	3	3	3	3	3
Yếu Tố Quyết Định Giới Tính Người	3	3	3	3	3	3	3
Suy Sinh Dục Nam Khởi Phát Muộn + Rối Loạn Cương Dương	3	3	3	3	3	3	3
Thay Đổi Giải Phẫu – Sinh Lý Của Người Phụ Nữ Khi Có Thai	3	3	3	3	3	3	3
Khám Thai Và Quản Lý Thai Nghén	3	3	3	3	3	3	3
Quá Trình Chuyển Dạ Và Hậu Sản Thường	3	3	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Giúp sinh viên vận dụng các kiến thức của YHCT và YHHĐ về cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, để đưa ra chẩn đoán và phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ, đồng thời nghiêm cứu nguyên nhân, biện chứng luận trị , chẩn đoán và pháp phương điều trị các mặt bệnh ngoại khoa theo YHCT kết hợp YHHĐ. Từ đó giúp sinh

viên có kỹ năng khám, chẩn đoán, đưa ra pháp phương điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT kết hợp YHHĐ.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thảo luận (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Thực hành Sinh lý Trình bày được các hoạt động sinh lý của hệ sinh dục trên mô hình	4	4	- Có kỹ năng thăm khám, hỏi bệnh đưa ra chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị một số bệnh lý hệ sinh dục,… - Hiểu về cơ chế sinh lý, giải phẫu, cơ chế bệnh sinh của các bệnh lý - Ưu tiên phản biện tính sáng tạo, hội chẩn làm việc tập thể
Thực hành giải phẫu Chỉ được các cơ quan, chi tiết giải phẫu sinh dục trên mô hình tại phòng thực hành.	4	4	
Thực hành chẩn đoán hình ảnh Nhận biết được các hình ảnh bình thường và các hình ảnh bất thường trong siêu âm phụ khoa và sản khoa cơ bản	**4**	**4**	
Tiền lâm sàng sinh dục nam - Thực hiện phần khám cơ quan sinh dục nam trong quy trình khám tổng quát, khám chuyên khoa. - Khám cơ quan sinh dục nam gồm cơ quan vùng sinh dục ngoài (vùng bẹn, vùng tầng sinh môn, dương vật, bìu, thừng tinh, ống dẫn tinh) và cơ quan sinh dục trong (tuyến tiền liệt và túi tinh). - Kết hợp khám toàn thân	**4**	**4**	
Tiền lâm sàng sinh dục nữ Khám cơ quan sinh dục nữ, phụ khoa, khám thai…	**4**	**4**	

8. Tài liệu học tập

8..1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2016), *Giáo trình hệ sinh dục*, tài liệu lưu hành nội bộ.

[2]. Tài liệu phát tay.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

21. Giải phẫu người (Sách dùng cho sinh viên hệ Bác sĩ Đa khoa) – NXB Y học 2005.
22. Phạm Thị Minh Đức (2007), Sinh lý học, Nhà xuất bản Y học
23. Guyton A.C and Hall J.E. Textbook of Medical Physiology.
24. Nguyễn Vượng, 2007, "Giải phẫu bệnh học" . Nhà xuất bản Y học. Hà Nội
25. Lê Đình Roanh và Đặng Tiến Hoạt, 2004, "Bệnh học ung thư vú". Nhà xuất bản y học. Hà Nội
26. Nguyễn Bá Đức, 2006, "Phòng và phát hiện sớm bệnh ung thư". Nhà xuất bản Hà Nội. Hà Nội.
27. Bài giảng lý thuyết Giải phẫu bệnh, 2011, Đại học Y Phạm Ngọc Thạch

28. Pathophysiology, Lee Ellen C. Copstead, Jacquelyn L. Banasik (624 -688)
29. Bệnh học giới tính nam, rần Quán Anh, Nguyễn Bửu Triều, NXB Y học (2009)
30. Sản khoa hình minh họa, Dương Thị Cương, NXB Y học, 2006
31. Bài giảng sản phụ khoa, Nguyễn Đức Vy, NXB Y học, 2012
32. Bộ môn Da liễu- Trường Đại học Y Hà nội. (2019), Bệnh học Da liễu, *Nhà xuất bản Y học Hà nội*
33. Bộ môn Da liễu - Học viện Quân Y. (2008), Bệnh học Da liễu, *nhà xuất bản Quân đội.*
34. Bộ môn Da liễu - Đại học Y Dược thành phố Hồ CHí Minh. **(2005),**
35. Bài giảng bệnh Da liễu, *Nhà xuất bản Y học chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh*
36. Siêu âm bụng tổng quát: Nguyễn Phước Bảo Quân
37. Siêu âm phụ khoa thực hành: Đỗ Danh Toàn – Nhà XB Y học.
38. Bài giảng chẩn đoán hình ảnh: BMCĐHA Đại hoạc Y Hà Nội
39. Giáo trình học tập: Bệnh học cơ sở hệ sinh dục nam (Tài liệu lưu hành nội bộ)
40. https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pubmedhealth/PMHT0025040/ Reproductive System

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	*Nội dung*	*Giờ giảng của giảng viên (giờ)*					*Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)*
		Thực hành/ lâm sàng	*Kiểm tra*	*Bài tập*	*Các hình thức khác*	*Thảo luận*	
1	Thực hành Sinh lý	2		1		2	4
2	Thực hành giải phẫu	2		1		2	4
3	Thực hành chẩn đoán hình ảnh	**2**		1		**2**	**4**
4	Tiền lâm sàng sinh dục nam	**4**		1		**4**	**4**
5	Tiền lâm sàng sinh dục nữ	**4**		1		**4**	**4**

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR CLO1 đến CLO6

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình [x] Động não [x] Phản biện [x] Học dựa trên vấn đề x

Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống [x] Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập [x]

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra và CLO1 – CLO4

Học tập thảo luận đạt CLO1 và CLO6

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CLO1 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Giảng viên cung cấp thiết kế bài giảng, nội dung và chuyển lại cho sinh viên chuẩn bị bệnh nhân, chuẩn bị bệnh án.
- Có máy tính và projecter

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên không được vắng buổi lâm sàng nào, Phải đến giao ban khoa.
- Sinh viên phải chuẩn bị bệnh nhân, bệnh án gửi thầy(cô) giáo trước khi giảng.
- Sinh viên nghỉ lâm sàng 1 buổi coi như nghỉ thi.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình: (hệ 10 điểm)**Làm bài thi viết/ chạy trạm			
	Bài 1:	25%	≥ 4	CLO 1 đến CLO6
	Bài 2:	25%	≥ 4	
	Bài 3	25%	≥ 4	
	Bài 4	25%	≥ 4	
	Bài 5:	25%	≥ 4	
2	**Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng (hệ 10 điểm)** Sinh viên thi tại phòng thực hành và phòng tiền lâm sàng.			
	Bài thi viết/ chạy trạm	100%	≥ 4	CLO1 - CLO6

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận ().
- Điểm kết thúc thực hành là điểm bài thi viết/ chạy trạm
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN
MODULE THẦN KINH – SỨC KHỎE TÂM THẦN
Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về module

- Tên module: Hệ thần kinh và sức khỏe tâm thần
* Tiếng Việt: Hệ thần kinh và sức khỏe tâm thần
* Tiếng Anh: Nervous System and Psychiatry
- Mã module:
- Số tín chỉ: 3.5 (LT:2.5/ TH:1)
- Đối tượng học (năm thứ): 3
- Vị trí của module trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành ☑		Kiến thức ngành ☑		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc ☑	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Giải phẫu đại cương, Sinh lý đại cương, Giải phẫu bệnh đại cương, Sinh lý bệnh đại cương, Hóa sinh, Mô học.
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 74 tiết
  + Lý thuyết: 40 tiết
  + Thực hành: 16 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 6 tiết
  + Kiểm tra: 4 tiết
  + Thời gian tự học: 8 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Tổ YHHĐ- BM NỘI

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Thạc sỹ- Bác sỹ Nguyễn Du (Trưởng module)	0912337842	Bsnguyendu65@gmail.com
2	Thạc sỹ- Bác sỹ Đỗ Thị Thúy Anh (Phó module)	0912440699	dothithuyanh73@gmail.com

3. Mục tiêu của module (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức: 1. Giải phẫu học hệ thần kinh: Mô tả cấu tạo và sự phân chia của hệ thần kinh; vị trí và kích thước, hình thể trong và ngoài của tủy sống, thân não và tiểu não. 2. Sinh lý học hệ thần kinh: Mô tả sinh lý neuron, sinh lý thần kinh cảm giác, sinh lý thần kinh vận động, sinh lý thần kinh thực vật. 3. Sinh lý bệnh – Miễn dịch : Trình bày được nguyên nhân gây rối loạn thần kinh, sinh lý bệnh tế bào thần kinh, sinh lý bệnh tổ chức mất liên hệ thần kinh, các rối loạn cảm giác, vận động, thần kinh cao cấp bệnh loạn thần. 4. Nội- Ngoại- Sản- Nhi Tâm Thần kinh: + Trình bày được đại cương về tâm lý học, sự hình thành và phát triển tâm lý. + Trình bày được khái niệm cảm giác, tri giác, cảm xúc, khí sắc. + Mô tả triệu chứng cơ năng, triệu chứng thực thể bệnh lý tâm thần kinh. + Mô tả các hội chứng lâm sàng thần kinh. + Hiểu các xét nghiệm, kỹ thuật thăm dò cận lâm sàng ứng dụng trong chẩn đoán bệnh lý thần kinh.	CĐR 1,2	2
	Kỹ năng 5. Nhận biết, định hướng, mô tả được các cấu trúc giải phẫu trên mô hình. 6. Khai thác được triệu chứng cơ năng bệnh lý tâm thần kinh khi tiếp xúc với bệnh nhân. 7. Thực hiện được kỹ năng thăm khám lâm sàng, phát hiện được triệu chứng thực thể bệnh lý tâm thần kinh. 8. Phân tích các xét nghiệm và thăm dò CLS trong chẩn đoán bệnh lý thần kinh.	CĐR 6	2
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm 9. Nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức giải phẫu, sinh lý hệ thần kinh và liên quan giữa kiến thức sinh lý – giải phẫu thần kinh.	CĐR 14	2

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	10. Nhận thức được vai trò của sinh lý bệnh, giải phẫu bệnh trong lập luận chẩn đoán và điều trị các bệnh thần kinh thường gặp. 11. Hướng dẫn cách tiếp xúc bệnh nhân để họ yên tâm điều trị và phối hợp cùng thầy thuốc trong quá trình điều trị.		

4. Chuẩn đầu ra của module (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu module	CĐR của module
	Kiến thức
MT1:	CĐR1: - Trình bày cấu tạo và sự phân chia của hệ thần kinh. - Trình bày vị trí và kích thước, hình thể trong và ngoài của tủy sống, thân não và tiểu não - Mô tả não thất IV và sự lưu thông của nước não tủy - Mô tả các cấu trúc của gian não - Mô tả hình thể trong và ngoài của đại não - Trình bày cấu trúc não thất bên? - Trình bày các đường dẫn truyền thần kinh - Trình bày các màng não – tủy - Trình bày các mạch máu não - Trình bày cấu tạo của các đám rối cổ, đám rối cánh tay, đám rối thắt lưng, đám rối cùng, đám rối cụt và nguyên ủy, đường đi, phân nhánh, chi phối của các dây thần kinh xuất phát từ các đám rối trên - Trình bày nguyên ủy, đường đi, phân nhánh, chi phối của 12 đôi dây thần kinh sọ - Trình bày cơ chế hoạt động của phần tự chủ thuộc hệ thần kinh ngoại vi
MT2:	CĐR2: - Mô tả đặc điểm của quá trình dẫn truyền xung động trên sợi trục và qua synap. - Mô tả đặc điểm của các loại cảm giác. - Trình bày được các phản xạ của tủy sống, chức năng vận động của tiểu não, thân não, vỏ não. - Hiểu được chức năng của hệ giao cảm và phó giao cảm.
MT3:	CĐR3: - Trình bày nguyên nhân gây rối loạn thần kinh

	- Trình bày sinh lý bệnh tế bào thần kinh: +Rối loạn quá trình hưng phấn trong tế bào thần kinh. +Rối loạn dẫn truyền dọc theo Axon. +Rối loạn dẫn truyền hưng phấn từ neuron này tới neuron khác: *Rối loạn dẫn truyền hưng phấn trong xinap tiết adrenalin *Rối loạn dẫn truyền hưng phấn trong xinap tiết axetylcholin *Rối loạn chức năng xinap ức chế -Trình bày SLB tổ chức mất liên hệ thần kinh +Quy luật thoái hóa của bản thân tế bào thần kinh +Quy luật thoái hóa thần kinh cơ vân +Quy luật không thoái hóa của thần kinh thực vật +Quy luật tăng mẫn cảm khi mất liên hệ thần kinh +Quy luật tăng tính tự động cơ bản do mất sự kiểm tra từ trên - Mô tả rối loạn cảm giác: + Cảm giác giảm hoặc mất +Cảm giác tăng +Dị cảm +Cảm giác đau - Mô tả rối loạn vận động: +Chức năng vận động giảm, liệt. +Rối loạn hiệp điều vận động - Mô tả rối loạn thần kinh thực vật +Tổn thương vùng dưới thị +Tổn thương hệ giao cảm +Tổn thương hệ phó giao cảm - Mô tả rối loạn thần kinh cao cấp bệnh loạn thần.
MT4:	CĐR4: - Nội + Phân biệt : độ liệt, trương lực cơ, rối loạn cảm giác; phản xạ: tăng, giảm, mất, p.xạ Hoffmann, Babinski (+) hay (-).. + Phát hiện có: tổn thương dây tk sọ não nào không; h/c màng não (+) hay (-), có tổn thương tiểu não không; các t/c của h/c cs và h/c rễ tk; rối loạn: TK thực vật, dinh dưỡng, cơ tròn không, bệnh nhân có hôn mê không? Glasgow mấy điểm - Ngoại + Phân tích được mức độ đáp ứng của bệnh nhân trên lâm sàng qua thang điểm Glasgow. + Phát hiện được các dấu hiệu máu tụ nội sọ trên lâm sàng. + Biết cách theo dõi bệnh nhân CTSN trong 24 giờ đầu và những ngày sau. + Đọc được Xquang bình thường và một số chấn thương thường gặp của cột sống. +Biết sơ cứu đúng cách một trường hợp chấn thương cột sống. - Sản + Phát hiện được các triệu chứng của tiền sản giật và sản giật để chẩn đoán đúng

	và có thái độ xử trí phù hợp + Biết cách dự phòng sản giật - Nhi + Phân tích được mức độ đáp ứng theo AVPU + Phân tích được các triệu chứng liên quan đến bệnh lý não, màng não, dấu hiệu về thóp của trẻ dưới 18 tháng + Phân tích được các bất thường về hình thể ngoài liên quan đến bệnh lý thần kinh, các tật nứt đốt sống, thoát vị màng não tủy... + Phân tích được sự phát triển tâm thần, vận động của trẻ có phù hợp với lứa tuổi không? - Trình bày được đại cương về tâm lý học, sự hình thành và phát triển của tâm lý, ý thức - Hiểu được cảm giác, tri giác, động cơ, thúc đẩy, cảm xúc, khí sắc - Phân tích các rối loạn hành vi, tri giác, tư duy, cảm xúc, nhận thức, ý thức
Kỹ năng	
MT5:	CĐR5: Nhận biết, định hướng, mô tả được các cấu trúc giải phẫu trên mô hình.
MT6:	CĐR6: Khai thác được triệu chứng cơ năng bệnh lý tâm thần kinh khi tiếp xúc với bệnh nhân.
MT7:	CĐR7: Thực hiện được kỹ năng thăm khám lâm sàng, phát hiện được triệu chứng thực thể bệnh lý tâm thần kinh
MT8:	CĐR8: Phân tích được các xét nghiệm và CLS trong chẩn đoán bệnh lý thần kinh và sơ bộ đọc được các kết quả đó
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT9:	CĐR9: Nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức giải phẫu, sinh lý hệ thần kinh và liên quan giữa kiến thức sinh lý – giải phẫu thần kinh.
MT10:	CĐR10: Nhận thức được vai trò của sinh lý bệnh, giải phẫu bệnh trong lập luận chẩn đoán và điều trị các bệnh thần kinh thường gặp.
MT11:	CĐR11: Hướng dẫn cách tiếp xúc bệnh nhân để họ yên tâm điều trị và phối hợp cùng thầy thuốc trong quá trình điều trị.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**										
	CĐR1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Nội dung 1	3				3				3		

Nội dung 2		3			3					3	
Nội dung 3		3			3				3	3	
Nội dung 4				3		3	2	2			2
Nội dung 5	3				3						
Nội dung 6				3			3	2			2
Nội dung 7				3			3	3			3
Nội dung 8				3			3	3			
Nội dung 9									3		
Nội duung 10										3	
Nội dung 11											3

6. Mô tả học phần (*Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần*)

Có vị trí , vai trò quan trọng để hình thành phẩm chất, năng lực của người bác sỹ . Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản của hệ thần kinh: giải phẫu, sinh lý bộ máy thần kinh (trong trạng thái bình thường); kiến thức về sinh lý bệnh, giải phẫu bệnh trong các bệnh lý tâm thần kinh; Các triệu chứng - hội chứng lâm sàng bệnh tâm thần kinh, các thăm dò cận lâm sàng – chẩn đoán hình ảnh ứng dụng trong chẩn đoán bệnh lý tâm thần kinh; kỹ thuật thăm khám lâm sàng bệnh tâm thần kinh; phát hiện được các dấu hiệu bệnh lý tâm thần kinh.

7. Nội dung chi tiết module

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy học**						**Yêu cầu đối với sinh viên**
	Lên lớp (Tiết)					**Tự học (Giờ)**	
	LT	**TH**	**BT/TL/KT**		**Tổng cộng**		
Giải phẫu hệ thần kinh	7	8	1		16	8	Nghe, ghi chép, thảo luận nhóm
Sinh lý hệ thần kinh	2	0	0		2	4	Nghe, ghi chép, thảo luận nhóm
Sinh lý bệnh hệ thần kinh	2	0	0		2	4	Nghe, ghi chép, thảo luận nhóm
Nội Thần kinh: Khám Ls nội TK phát hiện triệu chứng bệnh TK: -Khám vận động: sức cơ, trương lực cơ -Khám cảm giác: nông, sâu. -Khám phản xạ: gân xương, da, niêm mạc, bệnh lý bó tháp -Khám 12 đôi dây tk sọ não	5,5	8	0,5		14	6	Nghe, ghi chép, thảo luận nhóm

-Khám hội chứng màng não -Khám phối hợp vận động, thăng bằng. -Khám h/c TLH: h/c cột sống, h/c rễ tk -Khám thực vật, dinh dưỡng, cơ tròn - Khám bệnh nhân hôn mê theo thang điểm glasgow							
Ngoại - Phân tích được mức độ đáp ứng của bệnh nhân trên lâm sàng qua thang điểm Glasgow. - Phát hiện được các dấu hiệu máu tụ nội sọ trên lâm sàng. - Biết cách theo dõi bệnh nhân CTSN trong 24 giờ đầu và những ngày sau. - Đọc được Xquang bình thường và một số chấn thương thường gặp của cột sống. +Biết sơ cứu đúng cách một trường hợp chấn thương cột sống	2	0	0		2	4	Nghe, ghi chép, thảo luận nhóm
Sản: Tiền sản giật và sản giật - Phát hiện được các triệu chứng của tiền sản giật và sản giật để chẩn đoán đúng và có thái độ xử trí phù hợp. - Biết cách dự phòng sản giật	2	0	0		2	4	Nghe, ghi chép, thảo luận nhóm
Nhi: khám phát hiện triệu chứng bệnh TK: + Khám tri giác trẻ em theo thang điểm AVPU + Khám các dấu hiệu não, màng não, thóp phồng + Khám sọ, cột sống, phát	2	0	0		2	4	Nghe, ghi chép, thảo luận nhóm

hiện các bất thường hình thể ngoài + Khám triệu chứng lâm sàng về vận động, ý thức, phối hợp và đánh giá sự phù hợp của triệu chứng so với lứa tuổi của trẻ em.							
SK Tâm thần: - Đại cương về tâm lý học - Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức - Ý thức- Chú ý - Nhận thức- Trí nhớ - Cảm giác và tri giác - Tư duy - Học tập - Ngôn ngữ - Nhân cách - Động cơ, thúc đẩy - Cảm xúc, khí sắc - Xã hội tính - Tâm lý phát triển -Cơ sở sinh học di truyền- giải phẫu- sinh lý - Rối loạn hành vi - Rối loạn tri giác -Rối loạn tư duy - Rối loạn cảm xúc -Rối loạn nhận thức, ý thức	16	8	2		24	16	Nghe, ghi chép, thảo luận nhóm

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Sức khỏe tâm thần (2021), Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

Tiếng việt

1. Bộ môn Dược lý; *Dược lý học*, Trường đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học. 2001

2. Bộ môn Giải phẫu., *Giải phẫu người*, tập I, Trường đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học. 2001

3. Bộ môn Giải phẫu Học viện Quân y (2002), *Giải phẫu đầu mặt cổ- thần kinh*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.

4. Bộ môn Nội Thần kinh Học viện Quân y, *Bệnh học thần kinh "giáo trình giảng dạy sau đại học"*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà nội. 2003.
5. Bộ môn Sinh lý bệnh., *Miễn dịch học*, Trường đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học. 2001.
6. Bộ môn Sinh lý học., *Sinh lý học* tập II, Trường đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học. 2005.
7. Nguyễn Văn Chương (chủ biên), *Thần kinh học toàn tập*, Nhà xuất bản Y học, Hà nội. 2016
8. . Nguyễn Văn Chương (chủ biên) (2004, 2005, 2006), *Thực hành lâm sàng thần kinh học*- Tập I, II, III, Nhà xuất bản Y học, Hà nội.
9. Lê Quang Cường (chủ biên) (2008), *Triệu chứng học thần kinh*, Nhà xuất bản Y học, Hà nội.
10. Trương D, Lê Đức Hinh, Nguyễn Thi Hùng., *Thần kinh học lâm sàng*, Nhà xuất bản Y học. 2004.
11. Hồ Hữu Lương (2006), *Chẩn đoán định khu thương tổn hệ thần kinh*, Nhà xuất bản Y học.
12. Trường đại học y Hà nội (2001), *Bài giảng thần kinh dành cho cao học, chuyên khoa một, nội trú*.

Tiếng nước ngoài

1. Goetz C G, Papert E J., *Textbook of Clinical Neurology*. 2nd. WB. Saunder Company. 2003.
2. Greenberg D A, Aminoff M J, Simon R P., *Clinical Neurology*. McGraw- Hill. 5th Edition. 2002.
3. Harrison′s., *Principles of Internal Medicines*. 16th edition. McGraw Hill. 2004.
4. Merritt′s., *Texbook of Neurology*. 2000.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	10	0,5	0,5	1		12
2	10	0,5	0,5	1		12
3	10	0,5	0,5	1		12
4	3	0,5	0	0,5		8

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x Động não □ Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm x Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống x Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR 1 đến CĐR 4
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR 11

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR 11

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR 11

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Có phòng giảng đủ chỗ cho sinh viên ngồi, có phấn bảng, máy chiếu, mạng wifi.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá

- Lý thuyết: Thi theo hình thức thi trắc nghiệm khách quan.

- Thực hành: Đánh giá theo bảng kiểm.

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
		Nguyễn Du

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MODULE (Thực hành)

(Ban hành kèm theo Quyết định số:976 ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Y3 bác sỹ đa khoa

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên module:

* Tiếng Việt: Hệ thần kinh và sức khỏe tâm thần

* Tiếng Anh: Nervous System and Psychiatry

- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 3.5 (LT:2.5/ TH:1)
- Đối tượng học (năm thứ): 3
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành ☑		Kiến thức ngành ☑		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc ☑	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Giải phẫu đại cương, Sinh lý đại cương, Giải phẫu bệnh đại cương, Sinh lý bệnh đại cương, Hóa sinh, Mô học.
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 74 tiết
  + Lý thuyết: 40 tiết
  + Thực hành: 16 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 6 tiết
  + Kiểm tra: 4 tiết
  + Thời gian tự học: 8 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Tổ YHHĐ- BM NỘI

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Thạc sỹ- Bác sỹ Nguyễn Du (Trưởng module)	0912337842	Bsnguyendu65@gmail.com
2	Thạc sỹ- Bác sỹ Đỗ Thị Thúy Anh (Phó module)	0912440699	dothithuyanh73@gmail.com

3. Mục tiêu của module (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức: 1. Giải phẫu học hệ thần kinh: Mô tả cấu tạo và sự phân chia của hệ thần kinh; vị trí và kích thước, hình thể trong và ngoài của tủy sống, thân não và tiểu não. 2. Sinh lý học hệ thần kinh: Mô tả sinh lý neuron, sinh lý thần kinh cảm giác, sinh lý thần kinh vận động, sinh lý thần kinh thực vật. 3. Sinh lý bệnh – Miễn dịch : Trình bày được nguyên nhân gây rối loạn thần kinh, sinh lý bệnh tế bào thần kinh, sinh lý bệnh tổ chức mất liên hệ thần kinh, các rối loạn cảm giác, vận động, thần kinh cao cấp bệnh loạn thần. 4. Nội- Ngoại- Sản- Nhi Tâm Thần kinh: + Trình bày được đại cương về tâm lý học, sự hình thành và phát triển tâm lý. + Trình bày được khái niệm cảm giác, tri giác, cảm xúc, khí sắc. + Mô tả triệu chứng cơ năng, triệu chứng thực thể bệnh lý tâm thần kinh. + Mô tả các hội chứng lâm sàng thần kinh + Hiểu các xét nghiệm, kỹ thuật thăm dò cận lâm sàng ứng dụng trong chẩn đoán bệnh lý thần kinh	CĐR 1,2	2
	Kỹ năng 5. Nhận biết, định hướng, mô tả được các cấu trúc giải phẫu trên mô hình. 6. Khai thác được triệu chứng cơ năng bệnh lý tâm thần kinh khi tiếp xúc với bệnh nhân. 7. Thực hiện được kỹ năng thăm khám lâm sàng, phát hiện được triệu chứng thực thể bệnh lý tâm thần kinh. 8. Phân tích các xét nghiệm và thăm dò CLS trong chẩn đoán bệnh lý thần kinh	CĐR 6	2
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm	CĐR 14	2

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	9. Nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức giải phẫu, sinh lý hệ thần kinh và liên quan giữa kiến thức sinh lý – giải phẫu thần kinh. 10. Nhận thức được vai trò của sinh lý bệnh, giải phẫu bệnh trong lập luận chẩn đoán và điều trị các bệnh thần kinh thường gặp. 11. Hướng dẫn cách tiếp xúc bệnh nhân để họ yên tâm điều trị và phối hợp cùng thầy thuốc trong quá trình điều trị.		

4. Chuẩn đầu ra của module (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu module	CĐR của module
	Kiến thức
MT1:	CĐR1: - Trình bày cấu tạo và sự phân chia của hệ thần kinh. - Trình bày vị trí và kích thước, hình thể trong và ngoài của tủy sống, thân não và tiểu não - Mô tả não thất IV và sự lưu thông của nước não tủy - Mô tả các cấu trúc của gian não - Mô tả hình thể trong và ngoài của đại não - Trình bày cấu trúc não thất bên? - Trình bày các đường dẫn truyền thần kinh - Trình bày các màng não – tủy - Trình bày các mạch máu não - Trình bày cấu tạo của các đám rối cổ, đám rối cánh tay, đám rối thắt lưng, đám rối cùng, đám rối cụt và nguyên ủy, đường đi, phân nhánh, chi phối của các dây thần kinh xuất phát từ các đám rối trên - Trình bày nguyên ủy, đường đi, phân nhánh, chi phối của 12 đôi dây thần kinh sọ - Trình bày cơ chế hoạt động của phần tự chủ thuộc hệ thần kinh ngoại vi
MT2:	CĐR2: - Mô tả đặc điểm của quá trình dẫn truyền xung động trên sợi trục và qua synap. - Mô tả đặc điểm của các loại cảm giác.

	- Trình bày được các phản xạ của tủy sống, chức năng vận động của tiểu não, thân não, vỏ não. - Hiểu được chức năng của hệ giao cảm và phó giao cảm.
MT3:	CĐR3: - Trình bày nguyên nhân gây rối loạn thần kinh - Trình bày sinh lý bệnh tế bào thần kinh: +Rối loạn quá trình hưng phấn trong tế bào thần kinh. +Rối loạn dẫn truyền dọc theo Axon. +Rối loạn dẫn truyền hưng phấn từ neuron này tới neuron khác: *Rối loạn dẫn truyền hưng phấn trong xinap tiết adrenalin *Rối loạn dẫn truyền hưng phấn trong xinap tiết axetylcholin *Rối loạn chức năng xinap ức chế -Trình bày SLB tổ chức mất liên hệ thần kinh +Quy luật thoái hóa của bản thân tế bào thần kinh +Quy luật thoái hóa thần kinh cơ vân +Quy luật không thoái hóa của thần kinh thực vật +Quy luật tăng mẫn cảm khi mất liên hệ thần kinh +Quy luật tăng tính tự động cơ bản do mất sự kiểm tra từ trên - Mô tả rối loạn cảm giác: + Cảm giác giảm hoặc mất +Cảm giác tăng +Dị cảm +Cảm giác đau - Mô tả rối loạn vận động: +Chức năng vận động giảm, liệt. +Rối loạn hiệp điều vận động - Mô tả rối loạn thần kinh thực vật +Tổn thương vùng dưới thị +Tổn thương hệ giao cảm +Tổn thương hệ phó giao cảm - Mô tả rối loạn thần kinh cao cấp bệnh loạn thần.
MT4:	CĐR4: - Nội + Phân biệt : độ liệt, trương lực cơ, rối loạn cảm giác; phản xạ: tăng, giảm, mất, p.xạ Hoffmann, Babinski (+) hay (-).. + Phát hiện có: tổn thương dây tk sọ não nào không; h/c màng não (+) hay (-), có tổn thương tiểu não không; các t/c của h/c cs và h/c rễ tk; rối loạn: TK thực vật, dinh dưỡng, cơ tròn không, bệnh nhân có hôn mê không? Glasgow mấy điểm - Ngoại + Phân tích được mức độ đáp ứng của bệnh nhân trên lâm sàng qua thang điểm Glasgow. + Phát hiện được các dấu hiệu máu tụ nội sọ trên lâm sàng. + Biết cách theo dõi bệnh nhân CTSN trong 24 giờ đầu và những ngày sau.

	+ Đọc được Xquang bình thường và một số chấn thương thường gặp của cột sống. +Biết sơ cứu đúng cách một trường hợp chấn thương cột sống. - Sản + Phát hiện được các triệu chứng của tiền sản giật và sản giật để chẩn đoán đúng và có thái độ xử trí phù hợp + Biết cách dự phòng sản giật - Nhi + Phân tích được mức độ đáp ứng theo AVPU + Phân tích được các triệu chứng liên quan đến bệnh lý não, màng não, dấu hiệu về thóp của trẻ dưới 18 tháng + Phân tích được các bất thường về hình thể ngoài liên quan đến bệnh lý thần kinh, các tật nứt đốt sống, thoát vị màng não tủy... + Phân tích được sự phát triển tâm thần, vận động của trẻ có phù hợp với lứa tuổi không? - Trình bày được đại cương về tâm lý học, sự hình thành và phát triển của tâm lý, ý thức - Hiểu được cảm giác, tri giác, động cơ, thúc đẩy, cảm xúc, khí sắc - Phân tích các rối loạn hành vi, tri giác, tư duy, cảm xúc, nhận thức, ý thức
Kỹ năng	
MT5:	CĐR5: Nhận biết, định hướng, mô tả được các cấu trúc giải phẫu trên mô hình.
MT6:	CĐR6: Khai thác được triệu chứng cơ năng bệnh lý tâm thần kinh khi tiếp xúc với bệnh nhân.
MT7:	CĐR7: Thực hiện được kỹ năng thăm khám lâm sàng, phát hiện được triệu chứng thực thể bệnh lý tâm thần kinh
MT8:	CĐR8: Phân tích được các xét nghiệm và CLS trong chẩn đoán bệnh lý thần kinh và sơ bộ đọc được các kết quả đó
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT9:	CĐR9: Nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức giải phẫu, sinh lý hệ thần kinh và liên quan giữa kiến thức sinh lý – giải phẫu thần kinh.
MT10:	CĐR10: Nhận thức được vai trò của sinh lý bệnh, giải phẫu bệnh trong lập luận chẩn đoán và điều trị các bệnh thần kinh thường gặp.
MT11:	CĐR11: Hướng dẫn cách tiếp xúc bệnh nhân để họ yên tâm điều trị và phối hợp cùng thầy thuốc trong quá trình điều trị.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun										
	CĐR1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Nội dung 1	3				3				3		
Nội dung 2		3			3					3	
Nội dung 3		3			3				3	3	
Nội dung 4				3		3	2	2			2
Nội dung 5	3				3						
Nội dung 6				3			3	2			2
Nội dung 7				3			3	3			3
Nội dung 8				3			3	3			
Nội dung 9									3		
Nội duung 10										3	
Nội dung 11											3

6. Mô tả học phần thực hành (*Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần*)

Thực hành có vị trí quan trọng và giữ vai trò quyết định năng lực chuyên môn của bác sỹ.

Muốn việc chẩn đoán và điều trị bệnh cho bệnh nhân có hiệu quả thì ngay từ đầu bệnh nhân phải được thăm khám lâm sàng tỉ mỉ, chỉ định các xét nghiệm, thăm dò cận lâm sàng phù hợp để đưa ra được chẩn đoán bệnh chính xác và đầy đủ. Module Thần kinh và Sức khỏe tâm thần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản của hệ thần kinh: giải phẫu, sinh lý bộ máy thần kinh (trong trạng thái bình thường); kiến thức về sinh lý bệnh, giải phẫu bệnh trong các bệnh lý tâm thần kinh; Các triệu chứng - hội chứng lâm sàng bệnh tâm thần kinh, các thăm dò cận lâm sàng – chẩn đoán hình ảnh ứng dụng trong chẩn đoán bệnh lý tâm thần kinh; kỹ thuật thăm khám lâm sàng bệnh tâm thần kinh; phát hiện được các dấu hiệu bệnh lý tâm thần kinh.

7. Nội dung chi tiết module

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Khám Ls nội TK: -Hướng dẫn cách tiếp xúc Bn để khai thác bệnh sử, động viên họ yên tâm điều trị và phối hợp với thầy thuốc trong quá trình đ.trị. -Khám vận động: sức cơ, trương lực cơ -Khám cảm giác: nông, sâu. -Khám phản xạ: gân xương, da, niêm mạc, bệnh lý bó tháp -Khám 12 đôi dây tk sọ não	**4**	**4**	Quan sát gv khám mẫu rồi tập khám lại, riêng lẻ và theo nhóm

-Khám hội chứng màng não -Khám phối hợp vận động, thăng bằng. -Khám h/c TLH: h/c cột sống, h/c rễ tk -Khám thực vật, dinh dưỡng, cơ tròn -Khám bệnh nhân hôn mê theo thang điểm Glasgow			
Kỹ năng y khoa: -Kỹ năng giao tiếp. -Kỹ năng khám bệnh. -Kỹ năng làm thủ thuật	**4**	**4**	Quan sát gv khám mẫu rồi tập khám lại, riêng lẻ và theo nhóm
Giải phẫu: - Mô tả cấu tạo và sự phân chia của hệ thần kinh. -Mô tả vị trí và kích thước, hình thể trong và ngoài của tủy sống, thân não và tiểu não - Mô tả não thất IV và sự lưu thông của nước não tủy - Mô tả các cấu trúc của gian não - Mô tả hình thể trong và ngoài của đại não - Mô tả cấu trúc não thất bên - Mô tả cấu tạo của các đám rối cổ, đám rối cánh tay, đám rối thắt lưng, đám rối cùng, đám rồi cụt và nguyên ủy, đường đi, phân nhánh, chi phối của các dây thần kinh xuất phát từ các đám rối trên	**8**	**8**	Quan sát gv giảng trên mô hình rồi tập xác định lại, riêng lẻ và theo nhóm
Sức khỏe tâm thần: -Thảo luận các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp qua các bài : Stress và ứng phó, Giao tiếp cơ bản, Xã hội tính của con người	**4**	**4**	Thảo luận theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giảng viên
-Lập kế hoạch giao tiếp trong các tình huống giao tiếp điển hình -Tập đóng vai trong các tình huống giao tiếp điển hình	**4**	**4**	Làm việc nhóm dưới sự hướng dẫn của giảng viên

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Sức khỏe tâm thần (2021), Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

Tiếng việt

1. Bộ môn Dược lý; *Dược lý học*, Trường đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học. 2001

2. Bộ môn Giải phẫu., *Giải phẫu người*, tập I, Trường đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học. 2001

3. Bộ môn Giải phẫu Học viện Quân y (2002), *Giải phẫu đầu mặt cổ- thần kinh*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.

4. Bộ môn Nội Thần kinh Học viện Quân y, *Bệnh học thần kinh "giáo trình giảng dạy sau đại học"*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà nội. 2003.

5. Bộ môn Sinh lý bệnh., *Miễn dịch học*, Trường đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học. 2001.

6. Bộ môn Sinh lý học., *Sinh lý học* tập II, Trường đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học. 2005.

7. Nguyễn Văn Chương (chủ biên), *Thần kinh học toàn tập*, Nhà xuất bản Y học, Hà nội. 2016

8. . Nguyễn Văn Chương (chủ biên) (2004, 2005, 2006), *Thực hành lâm sàng thần kinh học*- Tập I, II, III, Nhà xuất bản Y học, Hà nội.

9. Lê Quang Cường (chủ biên) (2008), *Triệu chứng học thần kinh*, Nhà xuất bản Y học, Hà nội.

10. Trương D, Lê Đức Hinh, Nguyễn Thi Hùng., *Thần kinh học lâm sàng*, Nhà xuất bản Y học. 2004.

11. Hồ Hữu Lương (2006), *Chẩn đoán định khu thương tổn hệ thần kinh*, Nhà xuất bản Y học.

12. Trường đại học y Hà nội (2001), *Bài giảng thần kinh dành cho cao học, chuyên khoa một, nội trú*.

Tiếng nước ngoài

1. Goetz C G, Papert E J., *Textbook of Clinical Neurology*. 2nd. WB. Saunder Company. 2003.

2. Greenberg D A, Aminoff M J, Simon R P., *Clinical Neurology*. McGraw- Hill. 5th Edition. 2002.

3. Harrison′s., *Principles of Internal Medicines*. 16th edition. McGraw Hill. 2004.

4. Merritt′s., *Texbook of Neurology*. 2000.

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác		
1	8	2	2			12
2	8	2	2			12
3	8	2	2			12
4	8	2	2			12

10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

10.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành:

SV được học phòng thực hành và phòng tiền lâm sàng có đầy đủ trang thiết bị cần thiết.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc thực hành: số tiết học thực hành đạt 100%.

11. Phương pháp đánh giá thực hành

Đánh giá theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

* Chỉ tiêu đánh giá: Đánh giá thực hành theo bảng kiểm.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
		Nguyễn Du

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
LÂM SÀNG NỘI CƠ SỞ
Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Lâm sàng Nội cơ sở
* Tiếng Việt: Lâm sàng Nội cơ sở
* Tiếng Anh: Clinical Internal Medicine
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 2.0 (0/2.0)
- Đối tượng học (năm thứ): 3
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [x]	Tự chọn □	

- Học phần tiên quyết: Học viên đã học xong các học phần: Giải phẫu, Sinh lý, Hóa sinh, Giải phẫu bệnh, Sinh lý bệnh.
- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun:

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Trần Thị Kim Thư	0982463479	bstrankimthu@gmail.com
2.	Đặng Việt Sinh	0915011418	bssinh2016@gmail.com
3.	Nguyễn Thị Hồng Loan	0983937809	honglaonbibi@gmail.com
4.	Trần Thị Thu Hương	0983290394	huonggvbve@gmail.com
5.	Trần Thị Minh	09060050918	bstranminh8178@gmail.com
6.	Trần Thị Hải Yến	0932371045	bstranhaiyen1307@gmail.com
7.	Các giảng viên thỉnh giảng tại các bệnh viện thực hành: Bệnh viện 19.8 BCA; Bệnh viện E Trung ương; Bệnh viện Nội tiết Trung ương; Bệnh viện Thanh Nhàn; Bệnh viện Đa khoa Hà Đông; bệnh viện Saint Paul.		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
MT1	Thực hiện được kỹ năng hỏi bệnh, khai	CĐR 2,4, 5,6,7,8	5

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	thác triệu chứng cơ năng, bệnh sử, tiền sử người bệnh; thăm khám, phát hiện được các dấu hiệu bênh lý nội khoa thông thường; có thái độ ân cần, hòa nhã và đúng mực khi tiếp xúc và thăm khám ngời bệnh.		
MT2	Làm được bệnh án nội khoa., biết ập luận chẩn đoán sơ bộ, chỉ định và nhận đinh được kết quả cận lâm sàng một số bệnh lý nội khoa thông thường.	CĐR 2,4, 5,6,7,8	4

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Thực hiện được kỹ năng hỏi bệnh, khai thác triệu chứng cơ năng, bệnh sử, tiền sử người bệnh; thăm khám, phát hiện được các dấu hiệu bênh lý nội khoa thông thường; có thái độ ân cần, hòa nhã và đúng mực khi tiếp xúc và thăm khám ngời bệnh.	Phát hiện được triệu chứng cơ năng, khai thác được quá trình bệnh và tiền sử bệnh; thực hiện được kỹ năng thăm khám và nhận định được triệu chứng thực thể của của một số bệnh lý nội khoa thông thường; Có thái độ đúng mực với người bệnh khi tiếp xúc và thăm khám bệnh nhân
Làm được bệnh án nội khoa; biết ập luận chẩn đoán sơ bộ, chỉ định và nhận đinh được kết quả cận lâm sàng một số bệnh lý nội khoa thông thường.	Làm được bệnh án nội khoa hoàn chỉnh; biết ập luận chẩn đoán sơ bộ, chỉ định và nhận đinh được kết quả cận lâm sàng một số bệnh lý nội khoa thông thường.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**						
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR …	CĐR14
Khám lâm sàng bệnh nhân suy tim		2		3			2
Khám bệnh nhân đau ngực – Bệnh mạch vành		2		3			2
Giảng lâm sàng bệnh nhân tăng huyết áp		2		3			2
Khám bệnh nhân tràn dịch màng phổi/ tràn khí màng phôi/bệnh nhân khó thở		2		3			2
Khám lâm sàng bệnh nhân viêm phổi/ viêm phế quản cấp		2		3			2
Khám lâm sàng bệnh nhân hen phế quản/COPD		2		3			2
Khám lâm sàng bệnh nhân xơ gan – cổ trướng/vàng da		2		3			2
Giảng lâm sàng bệnh nhâ loét dạ dày – hành tá tràng/ Hội chứng trào ngược thực quản dạ dày.		2		3			2
Giảng lâm sàng bệnh nhân xuất huyết tiêu hóa cao		2		3			2
Khám lâm sàngbệnh nhân phù/bệnh nhân Hội chứng thận hư		2		3			2
Giảng lâm sàng bệnh nhân nhiễm khuẩn tiết niệu		2		3			2
Khám lâm sàng bệnh nhân bệnh thận mạn		2		3			2
Khám lâm sàng bệnh nhân viêm khớp dạng thấp		2		3			2
Khám cột sống – Khám bệnh nhân đau lưng		2		3			2
Khám bệnh nhân Goute		2		3			2
Khám lâm sàng bệnh nhân đái tháo đường.		2		3			2
Khám lâm sàng bệnh nhân bệnh		2		3			2

lý tuyến giáp							
Giảng lâm sàng bệnh nhân Cushing		2		3			2
Khám lâm sàng bệnh nhân thiếu máu		2		3			2
Khám lâm sàng và chẩn đoán hội chứng xuất huyết		2		3			2
Khám bệnh nhân lách to/hạch to/ leucemia		2		3			2

6. Mô tả học phần/ mô đun

– Phần thực hành/ lâm sàng :

Vị trí/vai trò của phần Thực hành/ seminar: Học phần bệnh học là học phần rất quan trong, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về triệu chứng học các bệnh lý nội khoa thường gặp.

Mục đích của phần Học phần: giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng thăm khám nhận định triệu chứng và lập luận chẩn đoán.

Nội dung chính yếu: Học phần này sẽ tập trung chủ yếu vào thực hành các kỹ năng thăm khám, hỏi bệnh, nhận định ttriệu chứng cơ năng và thực thể một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng từ đó quy về hội chứng bệnh, lập luận chẩn đoán đưa ra chẩn đoán sơ bộ ,chỉ định cận lâm sàng và nhận định được kết quả cận lâm sàng.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Thời gian thực tập (tiết)**	**Thời gian tự học (giờ)**	**Yêu cầu đối với sinh viên**
Khám lâm sàng bệnh nhân suy tim	**04**	**04**	Chuẩn bị bài: Sinh viên thăm khám bệnh nhân và hoàn thành bệnh án trước buổi giảng.
Khám bệnh nhân đau ngực – Bệnh mạch vành	04	04	
Giảng lâm sàng bệnh nhân tăng huyết áp	04	04	
Khám bệnh nhân tràn dịch màng phổi/ tràn khí màng phôi/bệnh nhân khó thở	04	04	
Khám lâm sàng bệnh nhân viêm phổi/ viêm phế quản cấp	04	04	
Khám lâm sàng bệnh nhân hen phế quản/COPD	04	04	
Khám lâm sàng bệnh nhân xơ gan – cổ trướng/vàng da	04	04	
Giảng lâm sàng bệnh nhà loét dạ dày – hành tá tràng/ Hội chứng trào ngược thực quản dạ dày.	04	04	
Giảng lâm sàng bệnh nhân xuất huyết tiêu hóa cao	04	04	
Khám lâm sàngbệnh nhân phù/bệnh nhân Hội chứng thận hư	04	04	
Giảng lâm sàng bệnh nhân nhiễm khuẩn tiết niệu	04	04	
Khám lâm sàng bệnh nhân bệnh thận mạn	04	04	
Khám lâm sàng bệnh nhân viêm khớp dạng thấp	04	04	
Khám cột sống – Khám bệnh nhân đau lưng	04	04	

Khám bệnh nhân Goute	04	04	
Khám lâm sàng bệnh nhân đái tháo đường.	04	04	
Khám lâm sàng bệnh nhân bệnh lý tuyến giáp	04	04	
Giảng lâm sàng bệnh nhân Cushing	04	04	
Khám lâm sàng bệnh nhân thiếu máu	04	04	
Khám lâm sàng và chẩn đoán hội chứng xuất huyết	04	04	
Khám bệnh nhân lách to/hạch to/ leucemia	04	04	

8. Tài liệu học tập ***(ví dụ về tài liệu tham khảo như dưới đây)***

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Giáo trình học tập: Giáo trình Nội cơ sở (2015), Học viện YDHCT Việt Nam (Tài liệu lưu hành nội bộ);

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Nội cơ sở tập 1 (2018), Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
- Nội cơ sở tập 2 (2018), Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Báo cáo/ Seminar	
Thứ tự giảng tùy thuộc vào lịch luân khoa tại bệnh viện thực hành	Khám lâm sàng bệnh nhân suy tim	02				02	04
	Khám bệnh nhân đau ngực – Bệnh mạch vành	02				02	04
	Giảng lâm sàng bệnh nhân tăng huyết áp	02				02	04
	Khám bệnh nhân tràn dịch màng phổi/ tràn khí màng phôi/bệnh nhân khó thở	02				02	04
	Khám lâm sàng bệnh nhân viêm phổi/ viêm phế quản cấp	02				02	04
	Khám lâm sàng bệnh nhân hen phế quản/COPD	02				02	04
	Khám lâm sàng bệnh nhân xơ gan	02				02	04

	– cổ trướng/vàng da						
	Giảng lâm sàng bệnh nhâ loét dạ dày – hành tá tràng/ Hội chứng trào ngược thực quản dạ dày.	02				02	04
	Giảng lâm sàng bệnh nhân xuất huyết tiêu hóa cao	02				02	04
	Khám lâm sàngbệnh nhân phù/bệnh nhân Hội chứng thận hư	02				02	04
	Giảng lâm sàng bệnh nhân nhiễm khuẩn tiết niệu	02				02	04
	Khám lâm sàng bệnh nhân bệnh thận mạn	02				02	04
	Khám lâm sàng bệnh nhân viêm khớp dạng thấp	02				02	04
	Khám cột sống – Khám bệnh nhân đau lưng	02				02	04
	Khám bệnh nhân Goute	02				02	04
	Khám lâm sàng bệnh nhân đái tháo đường.	02				02	04
	Khám lâm sàng bệnh nhân bệnh lý tuyến giáp	02				02	04
	Giảng lâm sàng bệnh nhân Cushing	02				02	04
	Khám lâm sàng bệnh nhân thiếu máu	02				02	04
	Khám lâm sàng và chẩn đoán hội chứng xuất huyết	02				02	04
	Khám bệnh nhân	02				02	04

	lách to/hạch to/ leucemia						

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR 2, CĐR 4, CĐR 14

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình□ Động não [x] Phản biện [x] Học dựa trên vấn đề □

Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống [x] Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập [x]

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra CĐR2 và CĐR 4

Học tập thảo luận và thực hành lâm sàng đạt CĐR 2, CĐR 4, CĐR 14

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: CĐR 2, CĐR 4, CĐR 14

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Sinh viên thăm khám bệnh nhân và làm bệnh án trước buổi giảng. Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách thức tham khám bệnh và nhận định triệu chứng lâm sàng, thảo luận phân tích chẩn đoán và chỉ định cận lâm sàng.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Tuân thủ thời gian thực hành lâm sàng: 7h30 – 11h30, trong thời gian đi lâm sàng tại các bệnh viện, khám bệnh nhân, làm bệnh án, theo dõi bệnh nhân, chép sổ giao ban và báo cáo giao ban, phụ giúp BS và y tá trực trong điều trị, chăm sóc và cấp cứu Bn, tiếp cận bệnh nhân thăm khám và nhận định triệu chứng từ đó lập luận đưa ra định hướng chẩn đoán, chỉ định cận lâm sàng, dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng.
- Mỗi sinh viên làm 01 bệnh án/tuần.
- Tham gia trực tại khoa học lâm sàng:

+ Ngày thường: Nhận trực muộn nhất là **18h** hôm trước, trực đến **07h30'** ngày hôm sau và tham gia học lâm sàng bình thường. Sinh viên trực khoa nào có thể tham gia giao ban buổi sáng tại Khoa đó (tùy theo thực tế tại BV lâm sàng)

+ Thứ 7, CN và ngày nghỉ Lễ: Tua 1: **7h00'** đến **18h00'**; Tua 2: từ **18h00'** đến **8h00'** ngày hôm sau (phải có sự bàn giao trực giữa các tua).

+ Nhiệm vụ của SV trong tua trực: SV phải có mặt tại vị trí trực đúng giờ, khám Bn, làm bệnh án, theo dõi bệnh nhân, chép sổ giao ban và báo cáo giao ban, phụ giúp BS và y tá trực trong điều trị, chăm sóc và cấp cứu BN

+ Mỗi nhóm sinh viên có một ***Sổ theo dõi trực lâm sàng***. Sau mỗi buổi trực phải có ký nhận của bác sĩ trong tua trực

- Chấp hành đầy đủ các nội quy của Bệnh viện, Khoa, Phòng.
- Thi kết thúc học phần

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Thực hiện đúng nội qui, chế chế học lâm sàng, tham gia đầy đủ thời gian học lâm sàng, tham gia trực nghiêm túc, làm đủ bệnh án.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm (tùy bộ môn)

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình:** Hình thức đánh giá: Xét điều kiện được thi			
2	**Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng**			
	Hình thức thi Lâm sàng: học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh	100%	≥ 4	CĐR2, CĐR 4, CĐR 14.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
LÂM SÀNG NGOẠI CƠ SỞ
Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Lâm sàng Ngoại cơ sở
* Tiếng Việt: Lâm sàng Ngoại cơ sở
* Tiếng Anh: Basic surgical clinic
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 2.0
- Đối tượng học (năm thứ): 3
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [x]	Tự chọn □	

- Học phần tiên quyết: Giải phẫu 1,2; Sinh lý; Sinh lý bệnh miễn dịch
- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn Ngoại

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Phạm Thái Hưng	0982714599	Phamthaihung73@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Văn Trường		
3	BSCKI. Phạm Việt Dương	0902110224	Duongpv1104@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT2	Có kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, hội chứng về bệnh lý ngoại khoa thường gặp và các trường hợp cấp cứu ngoại khoa thông thường.	CĐR1	3
MT3	Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh ngoại khoa thông thường.	CĐR1	3
MT4	Sơ cứu bước đầu một số cấp cứu ngoại thường gặp	CĐR1	3
	Kỹ năng		

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
MT1	Làm được bệnh án ngoại khoa	CĐR8	3
MT6	Giao tiếp được với người nhà, người bệnh và trao đổi, thảo luận chuyên môn	CĐR9 CĐR10	3
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT5	Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý ngoại khoa	CĐR14 CĐR15 CĐR16 CĐR17	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT2: Có kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, hội chứng về bệnh lý ngoại khoa thường gặp và các trường hợp cấp cứu ngoại khoa thông thường. **MT3:** Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh ngoại khoa thông thường. **MT4:** Sơ cứu bước đầu một số cấp cứu ngoại thường gặp	**CLO 2**: Có kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và xử trí về bệnh lý ngoại khoa. **CLO3:** Cách thăm khám phát hiện các triệu chứng lâm sàng thường gặp và các trường hợp cấp cứu ngoại khoa thông thường. Áp dụng kiến thức đã học để đưa ra chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh ngoại khoa thông thường **CLO4:** Cấp cứu ban đầu bệnh nhân
Kỹ năng	
MT1: Làm được bệnh án ngoại khoa **MT6:** Giao tiếp được với người nhà, người bệnh và trao đổi, thảo luận chuyên môn	**CLO 1:** Làm hoàn chỉnh được bệnh án ngoại khoa **CLO 6:** Giao tiếp được với người nhà, người bệnh và trao đổi, thảo luận chuyên môn
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý ngoại khoa	**CLO 5**: Có thái độ tỉ mỉ, cẩn trọng, tính chuyên nghiệp khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)**					
	1	2	3	4	5	6
Mẫu bệnh án ngoại khoa	2	2	2	1	2	2
Khám lâm sàng bụng ngoại khoa	1	2	2	2	2	2
Khám lâm sàng lâm sàng chấn thương ngực	1	2	2	2	2	2
Khám vết thương mạch máu ngoại vi	1	2	2	2	2	2
Lâm sàng hội chứng chảy máu trong	1	2	2	2	2	2
Lâm sàng hội chứng vàng da, tắc mật	1	2	2	2	2	2
Khám lâm sàng hậu môn trực tràng	1	2	2	2	2	2
Lâm sàng hội chứng tắc ruột	1	2	2	2	2	2
Khám lâm sàng chấn thương sọ não	1	2	2	2	2	2
Khám lâm sàng chi – cột sống – xương chậu	1	2	2	2	2	2
Đại cương gãy xương	1	2	2	2	2	2
Lâm sàng gãy xương hở	1	2	2	2	2	2
Triệu chứng nhọt, hậu bối, abces	1	2	2	2	2	2
Lồng ruột cấp tính ở trẻ còn bú	1	2	2	2	2	2
Khám lâm sàng hệ tiết niệu- sinh dục	1	2	2	2	2	2
Lâm sàng đứt niệu đạo	1	2	2	2	2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Vị trí/vai trò: Phần lâm sàng Học phần NGOẠI CƠ SỞ Y HỌC HIỆN ĐẠI gồm những kiến thức, kỹ năng cơ bản về thăm khám, các triệu chứng và hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp; kiến thức cơ bản về vô khuẩn và tiệt khuẩn trong ngoại khoa và kiến thức cơ bản về sơ cứu ban đầu của một số cấp cứu ngoại khoa thường gặp.

Học phần cũng giúp sinh viên khai thác bệnh sử, tiền sử, khám và phát hiện được các triệu chứng, hội chứng lâm sàng, cận lâm sàng của các bệnh đường tiêu hóa, lồng ngực mạch máu và nhiễm khuẩn tiệt khuẩn trong ngoại khoa.

Khai thác bệnh sử, tiền sử, khám và phát hiện được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, các hội chứng của các bệnh ngoại thần kinh, chấn thương chỉnh hình, ngoại niệu thường gặp.

- Thực hiện được sơ cứu ban đầu trong cấp cứu ngoại khoa
- Có phương pháp luận khoa học trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Thời gian thảo luận (tiết)**	**Thời gian tự học (giờ)**	**Yêu cầu đối với sinh viên**
Mẫu bệnh án ngoại khoa	02		Chuẩn bị bài, làm và viết bệnh án - Chuẩn bị báo
Khám lâm sàng bụng ngoại khoa	02		
Khám lâm sàng lâm sàng chấn thương ngực	02		

Khám vết thương mạch máu ngoại vi	02		cáo Slide theo nhóm - Thấu hiểu và phản ứng nhanh khi vấn đáp - Ưu tiên phản biện, tính sáng tạo
Lâm sàng hội chứng chảy máu trong	02		
Lâm sàng hội chứng vàng da, tắc mật	02		
Khám lâm sàng hậu môn trực tràng	02		
Lâm sàng hội chứng tắc ruột	02		
Khám lâm sàng chấn thương sọ não	02		
Khám lâm sàng chi – cột sống – xương chậu	02		
Đại cương gãy xương	02		
Lâm sàng gãy xương hở	02		
Triệu chứng nhọt, hậu bối, abces	02		
Lồng ruột cấp tính ở trẻ còn bú	02		
Khám lâm sàng hệ tiết niệu- sinh dục	02		
Lâm sàng đứt niệu đạo	02		
Hỏi thi lâm sàng/ đợt	04		

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ môn Ngoại 2021. *Ngoại cơ sở*. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam: TL nội bộ

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Triệu chứng học ngoại khoa (1990), Trường ĐH Y Hà Nội, NXB Y học

[2] Triệu chứng học ngoại khoa (2004), Đặng Hanh Đệ, NXB Y học

[3] Ngoại khoa cơ sở (2003), Bộ Y tế, NXB Y học

[4] Bài giảng triệu chứng học ngoại khoa (2013), Trường ĐH Y Hà Nội, NXB Y học

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	Mẫu bệnh án ngoại khoa	02					
2	Khám lâm sàng bụng ngoại khoa	02					
3	Khám lâm sàng lâm sàng chấn thương ngực	02					
4	Khám vết thương mạch máu ngoại vi	02					
5	Lâm sàng hội chứng chảy máu trong	02					
6	Lâm sàng hội chứng vàng da,	02					

	tắc mật						
7	Khám lâm sàng hậu môn trực tràng	02					
8	Lâm sàng hội chứng tắc ruột	02					
9	Khám lâm sàng chấn thương sọ não	02					
10	Khám lâm sàng chi – cột sống – xương chậu	02					
11	Đại cương gãy xương	02					
12	Lâm sàng gãy xương hở	02					
13	Triệu chứng nhọt, hậu bối, abces	02					
14	Lồng ruột cấp tính ở trẻ còn bú	02					
15	Khám lâm sàng hệ tiết niệu-sinh dục	02					
16	Lâm sàng đứt niệu đạo	02					
17	Hỏi thi lâm sàng/ đợt	04					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR CLO1 đến CLO6

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình [x] Động não [x] Phản biện [x] Học dựa trên vấn đề □

Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống [x] Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập [x]

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra và CĐR1 – CLO4

Học tập thảo luận đạt CLO1 và CLO6

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CLO1 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Giảng viên cung cấp thiết kế bài giảng, nội dung thảo luận và chuyển tại cho sinh viên chuẩn bị báo cáo bài tập, báo cáo slide theo một báo cáo khoa học
- Hướng dẫn tại buồng, đi buồng phòng hướng dẫn khám bệnh, chữa bệnh án học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên không được tự ý vắng buổi học lâm sàng, tuyệt đối không bỏ trực viện, khoa
- Sinh viên phải có bài báo cáo, bệnh án chuẩn bị trước giờ giảng, chiếu slide theo yêu cầu chỉ định của giảng viên và cho phép phản biện bài của bạn học, trả lời các câu hỏi của giảng viên

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng (hệ 10 điểm)**			
	Điểm thi lâm sàng	100%	≥ 4	CLO1 - CLO6

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm kết thúc thực hành thực hành là điêm thi lâm sàng
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm tổng kết phần lâm sàng

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN

PHẪU THUẬT THỰC HÀNH (PHẦN LÝ THUYẾT)

Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Phẫu thuật thực hành.

* Tiếng Việt: Phẫu thuật thực hành.

* Tiếng Anh: Practical surgery

- Mã học phần/ mô đun: MEDI4114
- Số tín chỉ: (1 LT, 1 LS)
- Đối tượng học (năm thứ): 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [x]	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Giải phẫu 1,2; Sinh lý; Sinh lý bệnh miễn dịch; Ngoại cơ sở Y học hiện đại, Nội cơ sở Y học hiện đại
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
  + Lý thuyết: 15 tiết
  + Bài tập: 04 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 04 tiết
  + Kiểm tra: 01 tiết
  + Thời gian tự học: 10 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Ngoại

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Phạm Thái Hưng	0982714599	Phamthaihung73@gmail.com
2	BS. Phạm Quang Khải	0394596999	quangkhaipham@gmail.com
3	BSCKI. Phạm Việt Dương	0902110224	Duongpv1104@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT1	Nắm được kiến thức, kỹ thuật cơ bản, những thủ thuật chính trong ngoại khoa nhằm mục đích chẩn đoán và điều trị bệnh.	CĐR1	3
MT2	Nắm được các kỹ thuật trước khi thực tập ngoại khoa tại bệnh viện, kỹ thuật rửa tay mặc áo, mang găng.	CĐR1	3
MT3	Nắm được một số kỹ thuật trong ngoại khoa cấp cứu như: mở khí quản cấp cứu, dẫn lưu màng phổi, xử trí vết thương phần mềm, mở thông bàng quang cấp cứu.	CĐR1 CĐR2	3
MT4	Nắm được một số kĩ năng ngoại khoa căn bản trong phẫu thuật: kỹ thuật cắt ruột thừa, kỹ thuật đóng mở thành bụng, kỹ thuật khâu nối tiêu hóa, kỹ thuật cầm máu….	CĐR2 CĐR6	3
	Kỹ năng		
MT5	Thao tác được kỹ thuật cắt ruột thừa, kỹ thuật đóng mở thành bụng, kỹ thuật khâu nối tiêu hóa, kỹ thuật cầm máu….	CĐR8	3
MT6	Thực hiện được kỹ thuật rửa tay mặc áo, mang găng.	CĐR9 CĐR10	3
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT7	Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các thao tác ký thuật trong phẫu thuật ngoại khoa	CĐR14 CĐR15 CĐR16 CĐR17	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá

theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

Bảng 3.2. Mối liên hệ mục tiêu học phần đến mục tiêu của CTĐT

MT CTĐT	**MT2 CTĐT**	**MT3 CTĐT**
MT HP1	2	2
MT HP2	2	2
MT HP3	2	2
MT HP4	2	2

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu CĐR	**Nội dung CĐR HP (CLO)**
CLO1	Nắm được kiến thức, kỹ thuật cơ bản, những thủ thuật chính trong ngoại khoa nhằm mục đích chẩn đoán và điều trị bệnh.
CLO2	Nắm được các kỹ thuật trước khi thực tập ngoại khoa tại bệnh viện, kỹ thuật rửa tay mặc áo, mang găng.
CLO3	Nắm được một số kỹ thuật trong ngoại khoa cấp cứu như: mở khí quản cấp cứu, dẫn lưu màng phổi, xử trí vết thương phần mềm, mở thông bàng quang cấp cứu, kỹ thuật mở thông dạ dày ra da.
CLO4	Nắm được một số kĩ năng ngoại khoa căn bản trong phẫu thuật: kỹ thuật khâu cơ bản , kỹ thuật đóng mở thành bụng, kỹ thuật khâu nối tiêu hóa, kỹ thuật cầm máu….

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

1 – CLO có đóng góp ít vào PLO

2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO

3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(2) hay mức thuần thục (3)

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	*PLO2*	*PLO3*	*PLO4*	*PLO5*	*PLO6*	*PLO9*	*PLO14*
CLO 1	*1*	*1*	*2*	*2*	*2*	*1*	*1*
CLO 2	*1*	*1*	*2*	*2*	*2*	*1*	*1*
CLO 3	*1*	*1*	*2*	*2*	*2*	*1*	*1*
CLO 4	*1*	*1*	*2*	*2*	*2*	*1*	*1*

6. Yêu cầu của học phần

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần:

6.1.1. Lý thuyết: Máy tính, máy chiếu, loa, mic, tranh ảnh.

6.1.2. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	**Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành**
1	Mô hình giải phẫu, tranh ảnh
2	Dụng cụ phẫu thuật ngoại khoa và các dụng cụ liên quan khác phục vụ cho thực tập Phẫu thuật
3	Động vật thực nghiệm. mô hình, thiết bị mô phỏng

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng, động não, tư duy, thảo luận, đặt câu hỏi và nghe hướng dẫn học tập...
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên cần tham gia học đủ:

+ Tối thiểu 80% tiết học lý thuyết

+ 100% số tiết thực hành.

7. Mô tả Học phần

Phẫu thuật thực hành là môn học liên quan chặt chẽ với các môn học lâm sàng, đặc biệt là ngoại khoa. Sinh viên được cung cấp kiến thức cơ bản về phẫu thuật ngoại khoa, nắm được các kỹ thuật trước khi thực tập ngoại khoa tại bệnh viện, kỹ thuật rửa tay mặc áo, mang găng. Nắm được một số kĩ năng ngoại khoa căn bản trong phẫu thuật: kỹ thuật cắt ruột thừa, kỹ thuật đóng mở thành bụng, kỹ thuật khâu nối tiêu hóa, kỹ thuật cầm máu…. Nắm được một số kỹ thuật trong ngoại khoa cấp cứu như: mở khí quản cấp cứu, dẫn lưu màng phổi, xử trí vết thương phần mềm, mở thông bàng quang cấp cứu. Nắm được kiến thức, kỹ thuật cơ bản, những thủ thuật chính trong ngoại khoa nhằm mục đích chẩn đoán và điều trị bệnh.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Buổi	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
16.	Đại cương về phẫu thuật thực hành	2/0/2	- Sơ lược về lịch sử ngành Ngoại khoa - Công tác tổ chức đảm bảo phẫu thuật và vai trò của phẫu thuật viên. - Phân loại phẫu thuật: + Phẫu thuật kinh điển	CLO1 CLO2	Thuyết trình, thảo luận nhóm	Thuyết trình, thảo luận nhóm, tranh luận, động não...	Đại cương về phẫu thuật thực hành

			+ Phẫu thuật nội soi + Phẫu thuật laser, phẫu thuật robot, vi phẫu thuật				
17.	Kỹ thuật đóng và mở thành bụng	2/0/2	- Trình bày được các tiêu chuẩn của một đường mở bụng tốt . - Trình bày được kĩ thuật chung về mở và đóng thành bụng . - Mô tả được một số đường mở bụng thường gặp .	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình, thảo luận nhóm	Thuyết trình, thảo luận nhóm, tranh luận, động não...	Kỹ thuật đóng mở thành bụng
18.	Kỹ thuật khâu nối tiêu hóa cơ bản	2/0/2	- Trình bày được các yếu tố giải phẫu và sinh lý ảnh hưởng tới khâu ống tiêu hóa - Trình bày được nguyên tắc của khâu ống tiêu hóa - Mô tả các kỹ thuật khâu nối ống tiêu hóa 1 và 2 lớp ; các	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình, thảo luận nhóm	Thuyết trình, thảo luận nhóm, tranh luận, động não...	Kỹ thuật khâu nối tiêu hóa

			ưu nhược điểm của nó.				
19.	Chỉ khâu và kỹ thuật khâu cơ bản	1/0/1	- Mô tả các bước khâu mũi đơn và mũi vắt - Nắm được nguyên tắc khâu và các sử dụng các mũi khâu với từng vết thương	CLO1 CLO4	Thuyết trình, thảo luận nhóm	Thuyết trình, thảo luận nhóm, tranh luận, động não...	Kỹ thuật cắt ruột thừa
20.	Kỹ thuật mở khí quản	2/0/2	- Trình bày được chỉ định mở khí quản - Trình bày được kỹ thuật mở khí quản - Biết cách chăm sóc sau mở khí quản	CLO1 CLO3	Thuyết trình, thảo luận nhóm	Thuyết trình, thảo luận nhóm, tranh luận, động não...	Kỹ thuật mở khí quản
21.	Kỹ thuật dẫn lưu màng phổi	2/0/2	- Trình bày được chỉ định của dẫn lưu màng phổi. - Trình bày được kỹ thuật dẫn lưu màng phổi. - Biết cách chăm sóc sau dẫn lưu màng phổi	CLO2 CLO3	Thuyết trình, thảo luận nhóm	Thuyết trình, thảo luận nhóm, tranh luận, động não...	Kỹ thuật dẫn lưu màng phổi
22.	Kỹ thuật mở thông bàng quang	2/0/2	- Trình bày được giải phẫu và liên quan của bàng quang với các tạng xung quanh. - Trình bày	CLO2 CLO3	Thuyết trình, thảo luận	Thuyết trình, thảo luận nhóm, tranh luận, động não...	Kỹ thuật mở thông bàng quang

			được chỉ định của mở thông bàng quang - Mô tả được kĩ thuật mở thông bàng quang. - Biết cách chăm sóc sau mở thông bàng quang.		nhóm		
23.	Kỹ thuật mở dạ dày ra da	2/0/2	- Trình bày các giải phẫu liên quan vùng dạ dày. - Trình bày được các bước tiến hành mở dạ dày ra da. - Biết cách chăm sóc sau mở thông dạ dày.	CLO1 CLO3	Thuyết trình, thảo luận nhóm	Thuyết trình, thảo luận nhóm, tranh luận, động não...	Kỹ thuật xử trí vết thương phần mềm

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần / Buổi	**Các nội dung cơ bản của bài TH**	**Số tiết (TH/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH**	**Liên quan đến CLO ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**

1	Kỹ thuật đi găng, mặc áo vô khuẩn	2/0/1	- Sơ lược về nguyên tắc vô khuẩn trong phòng mổ - Kỹ thuật đi găng vô khuẩn - Kỹ thuật mặc áo vô khuẩn	CLO1 CLO2	-Áo mổ - Găng vô khuẩn	Cầm tay chỉ việc, thuyết trình, dạy trực tiếp trên mô hình..	Thực hành, động não, tư duy, tranh luận, thảo luận..	Thực hành cơ bản về kỹ thuật đi găng, mặc áo vô khuẩn
2	Kỹ thuật đóng mở thành bụng	4/0/2	- Trình bày được các tiêu chuẩn của một đường mở bụng tốt - Trình bày được kĩ thuật chung về mở và đóng thành bụng - Mô tả được một số đường mở bụng thường gặp	CLO1 CLO4	Mô hình giải phẫu, máy tính, máy chiếu, bộ dụng cụ cơ bản trong phẫu thuật	Cầm tay chỉ việc, thuyết trình, dạy trực tiếp trên mô hình..	Thực hành, động não, tư duy, tranh luận, thảo luận..	Thực hành kĩ thuật đóng mở thành bụng
3	Kỹ thuật khâu nối tiêu hóa	4/0/2	- Trình bày được các yếu tố giải phẫu và	CLO1 CLO2 CLO4	Mô hình giải phẫu,	Cầm tay chỉ	Thực hành, động	Thực hành kĩ thuật

			sinh lý ảnh hưởng tới khâu ống tiêu hóa - Trình bày được nguyên tắc của khâu ống tiêu hóa - Thực hiện các kỹ thuật khâu nối ống tiêu hóa 1 và 2 lớp		máy tính, máy chiếu, bộ dụng cụ cơ bản trong phẫu thuật	việc, thuyết trình, dạy trực tiếp trên mô hình..	não, tư duy, tranh luận, thảo luận..	khâu nối ống tiêu hóa
4	Chỉ khâu và kỹ thuật khâu cơ bản	4/0/2	- Thực hiện được trình tự, thao tác trong khâu mũi đơn và mũi vắt - Có kỹ năng về sử dụng dụng cụ ngoại khoa	CLO1 CLO4	Mô hình giải phẫu, máy tính, máy chiếu, bộ dụng cụ cơ bản trong phẫu thuật	Cầm tay chỉ việc, thuyết trình, dạy trực tiếp trên mô hình..	Thực hành, động não, tư duy, tranh luận, thảo luận..	Thực hành kĩ thuật cắt ruột thừa
5	Kỹ thuật mở khí quản	4/0/2	- Trình bày được chỉ định mở khí quản - Thực hiện được kỹ thuật mở khí quản - Biết cách chăm sóc sau mở khí quản	CLO1 CLO3	Mô hình giải phẫu, máy tính, máy chiếu, bộ dụng cụ cơ bản trong phẫu thuật	Cầm tay chỉ việc, thuyết trình, dạy trực tiếp trên mô hình..	Thực hành, động não, tư duy, tranh luận, thảo luận..	Thực hành kĩ thuật mở khí quản

6	Kỹ thuật dẫn lưu màng phổi	4/0/2	- Trình bày được chỉ định của dẫn lưu màng phổi. - Thực hiện được kỹ thuật dẫn lưu màng phổi. - Biết cách chăm sóc sau dẫn lưu màng phổi	CLO1 CLO3	Mô hình giải phẫu, máy tính, máy chiếu, bộ dụng cụ cơ bản trong phẫu thuật	Cầm tay chỉ việc, thuyết trình, dạy trực tiếp trên mô hình..	Thực hành, động não, tư duy, tranh luận, thảo luận..	Thực hành kĩ thuật dẫn lưu màng phổi
7	Kỹ thuật mở thông bàng quang	2/0/2	- Nhận biết và mô tả được hình ảnh giải phẫu và liên quan của bàng quang với các tạng xung quanh - Thực hiện được kĩ thuật mở thông bàng quang - Biết cách chăm sóc sau mở thông bàng quang	CLO2 CLO3	Mô hình giải phẫu, máy tính, máy chiếu, bộ dụng cụ cơ bản trong phẫu thuật	Cầm tay chỉ việc, thuyết trình, dạy trực tiếp trên mô hình..	Thực hành, động não, tư duy, tranh luận, thảo luận..	Thực hành kĩ thuật mở thông bàng quang
8	Kỹ thuật mở thông dạ dày ra da	4/0/2	- Thực hiện được các bước của mở thông dạ dày - Năm được	CLO1 CLO2 CLO3	Mô hình giải phẫu, máy tính,	Cầm tay chỉ việc, thuyết	Thực hành, động não, tư	Thực hành kĩ thuật xử trí vết

			nguyên tắc an toàn và cách chăm sóc sau mở thông		máy chiếu, bộ dụng cụ cơ bản trong phẫu thuật	trình, dạy trực tiếp trên mô hình..	duy, tranh luận, thảo luận..	thương phần mềm

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

9.2.3. Rubric đánh giá bài thi lý thuyết:

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1 Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	**Hình thức**	**Trọng số điểm**	**Tiêu chí đánh giá**	**CĐR của học phần**
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	10%	Tham gia học lý thuyết 100%	CLO3
2	Điểm thực hành			
	Hỏi thi trực tiếp sinh viên và thực hiện kỹ thuật thực hành trên mô hình	30%	Sinh viên qua môn: đạt từ 4/10 điểm	CLO1, CLO3
3	Điểm thi lý thuyết			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	60%	Sinh viên qua môn: đạt từ 4/10 điểm	CLO1, CLO3, CLO3

Điểm học phần:

Điểm TKMH = Điểm lý thuyết *0,6 + Điểm thực hành*0,3+ Điểm chuyên cần*0,1

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

- Thi lý thuyết :Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận theo ngân hàng đề

- Thi thực hành: theo mẫu

PHIẾU CHẤM THI THỰC HÀNH

Lớp : Mã số: Bàn số: Giảng viên hỏi thi:

1.Thông tin chung

Họ và tên sinh viên:……

Thời gian thi: Ngày tháng năm

Bài thi thực hành: ……

2. Nội dung thi:

STT	Nội dung thi	HS	Thang điểm					Ghi chú (Những điểm sai của sinh viên)
			1	**0,75**	**0,5**	**0,25**	**0**	
Chuẩn bị		2						
1	Trang phục : áo, mũ, khẩu trang……							
2								
Kĩ thuật		5						
3								
4								
5								
6								
7								
Giám thị hỏi		3						
8								
9								
10								
Tổng điểm		**10**						

Điểm số: Điểm chữ:

Đánh giá

1điểm: Chuẩn bị đầy đủ, trang bị, dụng cụ.. đầy đủ, kỹ thuật chính xác, trả lời đúng
0,75 điểm.
0,5 điểm
0.25 điểm
0 điểm.

9.5. Điểm học phần

Điểm TKMH = Điểm chuyên cần*0,1+ Điểm thực hành*0,3+ Điểm lý thuyết *0,6

10. Tài liệu học tập

1. *Phẫu thuật thực hành* , Nguyễn Hồng Ri, Đại học Y dược TP Hồ Chí Minh

2. *Phẫu thuật thực hành*, Đặng Hanh Đệ, Đại học Y Hà Nội
4. *Phẫu thuật thực hành,* Bộ Y tế

11. Hướng dẫn thực hiện

- Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN

PHẪU THUẬT THỰC HÀNH (PHẦN THỰC HÀNH)

Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Phẫu thuật thực hành

* Tiếng Việt: Phẫu thuật thực hành.

* Tiếng Anh: Practical surgery

- Mã học phần/ mô đun: MEDI4114

- Số tín chỉ: (1 LT, 1 LS)

- Đối tượng học (năm thứ): 4

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [x]	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Giải phẫu 1,2; Sinh lý; Sinh lý bệnh miễn dịch; Ngoại cơ sở Y học hiện đại, Nội cơ sở Y học hiện đại

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Bài tập: 04 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 04 tiết

+ Kiểm tra: 01 tiết

+ Thời gian tự học: 10 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Ngoại

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Phạm Thái Hưng	0982714599	Phamthaihung73@gmail.com
2	BS. Phạm Quang Khải	0394596999	quangkhaipham@gmail.com
3	BSCKI. Phạm Việt Dương	0902110224	Duongpv1104@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT1	Nắm được kiến thức, kỹ thuật cơ bản, những thủ thuật chính trong ngoại khoa nhằm mục đích chẩn đoán và điều trị bệnh.	CĐR1	3
MT2	Nắm được các kỹ thuật trước khi thực tập ngoại khoa tại bệnh viện, kỹ thuật rửa tay mặc áo, mang găng.	CĐR1	3
MT3	Nắm được một số kỹ thuật trong ngoại khoa cấp cứu như: mở khí quản cấp cứu, dẫn lưu màng phổi, xử trí vết thương phần mềm, mở thông bàng quang cấp cứu.	CĐR1 CĐR2	3
MT4	Nắm được một số kĩ năng ngoại khoa căn bản trong phẫu thuật: kỹ thuật cắt ruột thừa, kỹ thuật đóng mở thành bụng, kỹ thuật khâu nối tiêu hóa, kỹ thuật cầm máu….	CĐR2 CĐR6	3
	Kỹ năng		
MT5	Thao tác được kỹ thuật cắt ruột thừa, kỹ thuật đóng mở thành bụng, kỹ thuật khâu nối tiêu hóa, kỹ thuật cầm máu….	CĐR8	3
MT6	Thực hiện được kỹ thuật rửa tay mặc áo, mang găng.	CĐR9 CĐR10	3
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT7	Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các thao tác ký thuật trong phẫu thuật ngoại khoa	CĐR14 CĐR15 CĐR16 CĐR17	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá

theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

Bảng 3.2. Mối liên hệ mục tiêu học phần đến mục tiêu của CTĐT

MT CTĐT	**MT2 CTĐT**	**MT3 CTĐT**
MT HP1	2	2
MT HP2	2	2
MT HP3	2	2
MT HP4	2	2

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu CĐR	**Nội dung CĐR HP (CLO)**
CLO1	Nắm được kiến thức, kỹ thuật cơ bản, những thủ thuật chính trong ngoại khoa nhằm mục đích chẩn đoán và điều trị bệnh.
CLO2	Nắm được các kỹ thuật trước khi thực tập ngoại khoa tại bệnh viện, kỹ thuật rửa tay mặc áo, mang găng.
CLO3	Nắm được một số kỹ thuật trong ngoại khoa cấp cứu như: mở khí quản cấp cứu, dẫn lưu màng phổi, xử trí vết thương phần mềm, mở thông bàng quang cấp cứu, kỹ thuật mở thông dạ dày ra da.
CLO4	Nắm được một số kĩ năng ngoại khoa căn bản trong phẫu thuật: kỹ thuật khâu cơ bản , kỹ thuật đóng mở thành bụng, kỹ thuật khâu nối tiêu hóa, kỹ thuật cầm máu….

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

1 – CLO có đóng góp ít vào PLO

2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO

3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…(2) hay mức thuần thục (3)

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	*PLO2*	*PLO3*	*PLO4*	*PLO5*	*PLO6*	*PLO9*	*PLO14*
CLO 1	*1*	*1*	*2*	*2*	*2*	*1*	*1*
CLO 2	*1*	*1*	*2*	*2*	*2*	*1*	*1*
CLO 3	*1*	*1*	*2*	*2*	*2*	*1*	*1*
CLO 4	*1*	*1*	*2*	*2*	*2*	*1*	*1*

6. Yêu cầu của học phần

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần:

6.1.1. Lý thuyết: Máy tính, máy chiếu, loa, mic, tranh ảnh.

6.1.2. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	**Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành**
1	Mô hình giải phẫu, tranh ảnh
2	Dụng cụ phẫu thuật ngoại khoa và các dụng cụ liên quan khác phục vụ cho thực tập Phẫu thuật
3	Động vật thực nghiệm. mô hình, thiết bị mô phỏng

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng, động não, tư duy, thảo luận, đặt câu hỏi và nghe hướng dẫn học tập...
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên cần tham gia học đủ:

+ Tối thiểu 80% tiết học lý thuyết

+ 100% số tiết thực hành.

7. Mô tả Học phần

Phẫu thuật thực hành là môn học liên quan chặt chẽ với các môn học lâm sàng, đặc biệt là ngoại khoa. Sinh viên được cung cấp kiến thức cơ bản về phẫu thuật ngoại khoa, nắm được các kỹ thuật trước khi thực tập ngoại khoa tại bệnh viện, kỹ thuật rửa tay mặc áo, mang găng. Nắm được một số kĩ năng ngoại khoa căn bản trong phẫu thuật: kỹ thuật cắt ruột thừa, kỹ thuật đóng mở thành bụng, kỹ thuật khâu nối tiêu hóa, kỹ thuật cầm máu…. Nắm được một số kỹ thuật trong ngoại khoa cấp cứu như: mở khí quản cấp cứu, dẫn lưu màng phổi, xử trí vết thương phần mềm, mở thông bàng quang cấp cứu. Nắm được kiến thức, kỹ thuật cơ bản, những thủ thuật chính trong ngoại khoa nhằm mục đích chẩn đoán và điều trị bệnh.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Buổi	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
24.	Đại cương về phẫu thuật thực hành	2/0/2	- Sơ lược về lịch sử ngành Ngoại khoa - Công tác tổ chức đảm bảo phẫu thuật và vai trò của phẫu thuật viên. - Phân loại phẫu thuật:	CLO1 CLO2	Thuyết trình, thảo luận nhóm	Thuyết trình, thảo luận nhóm, tranh luận, động não...	Đại cương về phẫu thuật thực hành

			+ Phẫu thuật kinh điển + Phẫu thuật nội soi + Phẫu thuật laser, phẫu thuật robot, vi phẫu thuật				
25.	Kỹ thuật đóng và mở thành bụng	2/0/2	- Trình bày được các tiêu chuẩn của một đường mở bụng tốt . - Trình bày được kĩ thuật chung về mở và đóng thành bụng . - Mô tả được một số đường mở bụng thường gặp .	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình, thảo luận nhóm	Thuyết trình, thảo luận nhóm, tranh luận, động não...	Kỹ thuật đóng mở thành bụng
26.	Kỹ thuật khâu nối tiêu hóa cơ bản	2/0/2	- Trình bày được các yếu tố giải phẫu và sinh lý ảnh hưởng tới khâu ống tiêu hóa - Trình bày được nguyên tắc của khâu ống tiêu hóa - Mô tả các kỹ thuật khâu nối	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình, thảo luận nhóm	Thuyết trình, thảo luận nhóm, tranh luận, động não...	Kỹ thuật khâu nối tiêu hóa

			ống tiêu hóa 1 và 2 lớp ; các ưu nhược điểm của nó.				
27.	Chỉ khâu và kỹ thuật khâu cơ bản	1/0/1	- Mô tả các bước khâu mũi đơn và mũi vắt - Nắm được nguyên tắc khâu và các sử dụng các mũi khâu với từng vết thương	CLO1 CLO4	Thuyết trình, thảo luận nhóm	Thuyết trình, thảo luận nhóm, tranh luận, động não...	Kỹ thuật cắt ruột thừa
28.	Kỹ thuật mở khí quản	2/0/2	- Trình bày được chỉ định mở khí quản - Trình bày được kỹ thuật mở khí quản - Biết cách chăm sóc sau mở khí quản	CLO1 CLO3	Thuyết trình, thảo luận nhóm	Thuyết trình, thảo luận nhóm, tranh luận, động não...	Kỹ thuật mở khí quản
29.	Kỹ thuật dẫn lưu màng phổi	2/0/2	- Trình bày được chỉ định của dẫn lưu màng phổi. - Trình bày được kỹ thuật dẫn lưu màng phổi. - Biết cách chăm sóc sau dẫn lưu màng phổi	CLO2 CLO3	Thuyết trình, thảo luận nhóm	Thuyết trình, thảo luận nhóm, tranh luận, động não...	Kỹ thuật dẫn lưu màng phổi
30.	Kỹ thuật mở thông	2/0/2	- Trình bày được giải phẫu và liên quan của bàng quang	CLO2 CLO3	Thuyết trình,	Thuyết trình, thảo	Kỹ thuật mở thông bàng

	bàng quang		với các tạng xung quanh. - Trình bày được chỉ định của mở thông bàng quang - Mô tả được kĩ thuật mở thông bàng quang. - Biết cách chăm sóc sau mở thông bàng quang.		thảo luận nhóm	luận nhóm, tranh luận, động não...	quang
31.	Kỹ thuật mở dạ dày ra da	2/0/2	- Trình bày các giải phẫu liên quan vùng dạ dày. - Trình bày được các bước tiến hành mở dạ dày ra da. - Biết cách chăm sóc sau mở thông dạ dày.	CLO1 CLO3	Thuyết trình, thảo luận nhóm	Thuyết trình, thảo luận nhóm, tranh luận, động não...	Kỹ thuật xử trí vết thương phần mềm

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần / Buổi	**Các nội dung cơ bản của bài TH**	**Số tiết (TH/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH**	**Liên quan đến CLO ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**

1	Kỹ thuật đi găng, mặc áo vô khuẩn	2/0/1	- Sơ lược về nguyên tắc vô khuẩn trong phòng mổ - Kỹ thuật đi găng vô khuẩn - Kỹ thuật mặc áo vô khuẩn	CLO1 CLO2	-Áo mổ - Găng vô khuẩn	Cầm tay chỉ việc, thuyết trình, dạy trực tiếp trên mô hình..	Thực hành, động não, tư duy, tranh luận, thảo luận..	Thực hành cơ bản về kỹ thuật đi găng, mặc áo vô khuẩn
2	Kỹ thuật đóng mở thành bụng	4/0/2	- Trình bày được các tiêu chuẩn của một đường mở bụng tốt - Trình bày được kĩ thuật chung về mở và đóng thành bụng - Mô tả được một số đường mở bụng thường gặp	CLO1 CLO4	Mô hình giải phẫu, máy tính, máy chiếu, bộ dụng cụ cơ bản trong phẫu thuật	Cầm tay chỉ việc, thuyết trình, dạy trực tiếp trên mô hình..	Thực hành, động não, tư duy, tranh luận, thảo luận..	Thực hành kĩ thuật đóng mở thành bụng
3	Kỹ thuật khâu nối tiêu hóa	4/0/2	- Trình bày được các yếu tố giải phẫu và	CLO1 CLO2 CLO4	Mô hình giải phẫu,	Cầm tay chỉ	Thực hành, động	Thực hành kĩ thuật

			sinh lý ảnh hưởng tới khâu ống tiêu hóa - Trình bày được nguyên tắc của khâu ống tiêu hóa - Thực hiện các kỹ thuật khâu nối ống tiêu hóa 1 và 2 lớp		máy tính, máy chiếu, bộ dụng cụ cơ bản trong phẫu thuật	việc, thuyết trình, dạy trực tiếp trên mô hình..	não, tư duy, tranh luận, thảo luận..	khâu nối ống tiêu hóa
4	Chỉ khâu và kỹ thuật khâu cơ bản	4/0/2	- Thực hiện được trình tự, thao tác trong khâu mũi đơn và mũi vắt - Có kỹ năng về sử dụng dụng cụ ngoại khoa	CLO1 CLO4	Mô hình giải phẫu, máy tính, máy chiếu, bộ dụng cụ cơ bản trong phẫu thuật	Cầm tay chỉ việc, thuyết trình, dạy trực tiếp trên mô hình..	Thực hành, động não, tư duy, tranh luận, thảo luận..	Thực hành kĩ thuật cắt ruột thừa
5	Kỹ thuật mở khí quản	4/0/2	- Trình bày được chỉ định mở khí quản - Thực hiện được kỹ thuật mở khí quản - Biết cách chăm sóc sau mở khí quản	CLO1 CLO3	Mô hình giải phẫu, máy tính, máy chiếu, bộ dụng cụ cơ bản trong phẫu thuật	Cầm tay chỉ việc, thuyết trình, dạy trực tiếp trên mô hình..	Thực hành, động não, tư duy, tranh luận, thảo luận..	Thực hành kĩ thuật mở khí quản

6	Kỹ thuật dẫn lưu màng phổi	4/0/2	- Trình bày được chỉ định của dẫn lưu màng phổi. - Thực hiện được kỹ thuật dẫn lưu màng phổi. - Biết cách chăm sóc sau dẫn lưu màng phổi	CLO1 CLO3	Mô hình giải phẫu, máy tính, máy chiếu, bộ dụng cụ cơ bản trong phẫu thuật	Cầm tay chỉ việc, thuyết trình, dạy trực tiếp trên mô hình..	Thực hành, động não, tư duy, tranh luận, thảo luận..	Thực hành kĩ thuật dẫn lưu màng phổi
7	Kỹ thuật mở thông bàng quang	2/0/2	- Nhận biết và mô tả được hình ảnh giải phẫu và liên quan của bàng quang với các tạng xung quanh - Thực hiện được kĩ thuật mở thông bàng quang - Biết cách chăm sóc sau mở thông bàng quang	CLO2 CLO3	Mô hình giải phẫu, máy tính, máy chiếu, bộ dụng cụ cơ bản trong phẫu thuật	Cầm tay chỉ việc, thuyết trình, dạy trực tiếp trên mô hình..	Thực hành, động não, tư duy, tranh luận, thảo luận..	Thực hành kĩ thuật mở thông bàng quang
8	Kỹ thuật mở thông dạ dày ra da	4/0/2	- Thực hiện được các bước của mở thông dạ dày - Năm được	CLO1 CLO2 CLO3	Mô hình giải phẫu, máy tính,	Cầm tay chỉ việc, thuyết	Thực hành, động não, tư	Thực hành kĩ thuật xử trí vết

			nguyên tắc an toàn và cách chăm sóc sau mở thông		máy chiếu, bộ dụng cụ cơ bản trong phẫu thuật	trình, dạy trực tiếp trên mô hình..	duy, tranh luận, thảo luận..	thương phần mềm

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

9.2.3. Rubric đánh giá bài thi lý thuyết:

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1 Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	**Hình thức**	**Trọng số điểm**	**Tiêu chí đánh giá**	**CĐR của học phần**
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	10%	Tham gia học lý thuyết 100%	CLO3
2	Điểm thực hành			
	Hỏi thi trực tiếp sinh viên và thực hiện kỹ thuật thực hành trên mô hình	30%	Sinh viên qua môn: đạt từ 4/10 điểm	CLO1, CLO3
3	Điểm thi lý thuyết			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	60%	Sinh viên qua môn: đạt từ 4/10 điểm	CLO1, CLO3, CLO3

Điểm học phần:

Điểm TKMH = Điểm lý thuyết *0,6 + Điểm thực hành*0,3+ Điểm chuyên cần*0,1

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

- Thi lý thuyết :Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận theo ngân hàng đề

- Thi thực hành: theo mẫu

PHIẾU CHẤM THI THỰC HÀNH

Lớp : Mã số: Bàn số: Giảng viên hỏi thi:

1.Thông tin chung

Họ và tên sinh viên:……

Thời gian thi: Ngày tháng năm

Bài thi thực hành: ……

2. Nội dung thi:

STT	Nội dung thi	HS	Thang điểm					Ghi chú (Những điểm sai của sinh viên)
			1	**0,75**	**0,5**	**0,25**	**0**	
Chuẩn bị		2						
1	Trang phục : áo, mũ, khẩu trang……							
2								
Kĩ thuật		5						
3								
4								
5								
6								
7								
Giám thị hỏi		3						
8								
9								
10								
Tổng điểm		**10**						

Điểm số: Điểm chữ:

Đánh giá

1điểm: Chuẩn bị đầy đủ, trang bị, dụng cụ.. đầy đủ, kỹ thuật chính xác, trả lời đúng
0,75 điểm.
0,5 điểm
0.25 điểm
0 điểm.

9.5. Điểm học phần

Điểm TKMH = Điểm chuyên cần*0,1+ Điểm thực hành*0,3+ Điểm lý thuyết *0,6

10. Tài liệu học tập

1. *Phẫu thuật thực hành* , Nguyễn Hồng Ri, Đại học Y dược TP Hồ Chí Minh
2. *Phẫu thuật thực hành*, Đặng Hanh Đệ, Đại học Y Hà Nội
4. *Phẫu thuật thực hành,* Bộ Y tế

11. Hướng dẫn thực hiện

- Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
NỘI BỆNH LÝ 1 (PHẦN LÝ THUYẾT)
Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Nội bệnh lý 1
* Tiếng Việt: Nội bệnh lý 1
* Tiếng Anh: : Internal pathology I
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 03 (3.0 LT, 2.0 LS)
- Đối tượng học (năm thứ): sinh viên Y khoa năm thứ 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành x□		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	**Bắt buộc** x□	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 135 tiết
  + Lý thuyết: 45 iết
  + Bài tập: tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
  + Kiểm tra: tiết
  + Thời gian tự học: 90 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nội – Tổ YHHĐ

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
8.	Trần Thị Kim Thư	0982463479	bstrankimthu@gmail.com
9.	Đặng Việt Sinh	0915011418	bssinh2016@gmail.com
10.	Nguyễn Thị Hồng Loan	0983937809	honglaonbibi@gmail.com
11.	Trần Thị Thu Hương	0983290394	huonggvbve@gmail.com
12.	Trần Thị Minh	09060050918	bstranminh8178@gmail.com
13.	Trần Thị Hải Yến	0932371045	bstranhaiyen1307@gmail.com
14.	Hoàng Thanh Tuyền	0903211254	twyenht@gmail.com
15.	Lê Quang Toàn	0904464680	letoan.endo@gmail.com
16.	Nguyễn Minh Tuấn	0982150672	bstuan76bve@gmail.com
17.	Phạm Văn Đức	0356654398	bsntphamvanduc@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
MT1	Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh một số bệnh nội khoa thường gặp.	CĐR 2, CĐR 4, CĐR 6, CĐR 7, CĐR 8	5
MT2	Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng một số bệnh nội khoa thường gặp.	CĐR 2, CĐR 4, CĐR 6, CĐR 7, CĐR 8	5
MT3	Trình bày được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp.	CĐR 2, CĐR 4, CĐR 6, CĐR 7, CĐR 8	5
MT4	Vận dụng kiến thức bệnh học chẩn đoán và đề xuất điều trị được một số bệnh nội khoa thường gặp.	CĐR 2,CĐR 4, CĐR 6, CĐR 7, CĐR 8	5
Mức độ tự chủ và trách nhiệm: người học có cái nhìn khái quát về bệnh, tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn và hiệu quả trong một số bệnh lý thông thường thường gặp			

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	**CĐR của học phần/ mô đun**
MT1: Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh một số bệnh nội khoa thường gặp.	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh một số bệnh nội khoa thường gặp
MT2: Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng một số bệnh nội khoa thường gặp.	Nắm được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng một số bệnh nội khoa thường gặp.
MT3: Trình bày được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp.	Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp.
MT4: Vận dụng kiến thức bệnh học chẩn đoán và đề xuất điều trị được một số bệnh nội khoa thường gặp.	Chẩn đoán và đề xuất điều trị được một số bệnh nội khoa thường gặp.

4. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun (theo chương/bài)	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**					
	CĐR2	CĐR 4..	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR…
Tăng huyết áp (THA)	3	3	2	2	2	
Cơn đau thắt ngực – Nhồi máu cơ tim	3	3	2	2	2	
Bệnh van hai lá	3	3	2	2	2	
Bệnh van động mạch chủ	3	3	2	2	2	
Suy tim	3	3	2	2	2	
Viêm phế quản cấp	3	3	2	2	2	
Viêm phổi	3	3	2	2	2	
Hen phế quản	3	3	2	2	2	
Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD)	3	3	2	2	2	
Tràn dịch màng phổi	3	3	2	2	2	
Tràn khí màng phổi	3	3	2	2	2	
Loét dạ dày tá tràng	3	3	2	2	2	
Xuất huyết tiêu hóa cao	3	3	2	2	2	
Xơ gan	3	3	2	2	2	
Viêm gan mạn	3	3	2	2	2	
Viêm tụy cấp	3	3	2	2	2	
HC ruột kích thích	3	3	2	2	2	
Bệnh lý cầu thận: Một số bệnh cầu thận thường gặp	3	3	2	2	2	
Hội chứng thận hư	3	3	2	2	2	
Bệnh thận mạn	3	3	2	2	2	
Sỏi thận – tiết niệu	3	3	2	2	2	
Nhiễm khuẩn tiết niệu	3	3	2	2	2	
Viêm khớp dạng thấp (VKDT)	3	3	2	2	2	
Viêm cột sống dính khớp (VCSDK)	3	3	2	2	2	
Gout	3	3	2	2	2	
Thoái hóa khớp	3	3	2	2	2	
Đái tháo đường (ĐTĐ)	3	3	2	2	2	
Basedow	3	3	2	2	2	
HC Cushing	3	3	2	2	2	
Bướu cổ đơn thuần	3	3	2	2	2	
Chẩn đoán và điều trị thiếu máu	3	3	2	2	2	
Xuất huyết giảm tiểu cầu miễn dịch	3	3	2	2	2	
Lơ xơ mi cấp	3	3	2	2	2	

6. Mô tả học phần/ mô đun

Học phần bệnh học là học phần rất quan trong, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học các bệnh nội khoa thường gặp, giúp cho người học có cái nhìn khái quát về

bệnh,nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa thường gặp. Phần thực hành lâm sàng sẽ tập trung chủ yếu vào thăm khám, nhận định các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và đề xuất hướng điều trị cụ thể một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng.

18. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Chương/ phần	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
		Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
		LT	TH	BT/TL/KT		Tổng cộng		
1. Tim mạch	1.Tăng huyết áp	02				02	04	Chuẩn bài báo cáo slide theo các tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [2]- [5]
	2.Cơn đau thắt ngực – Nhồi máu cơ tim	01				01	02	
	3.Bệnh van hai lá	01				01	02	
	4. Bệnh van động mạch	01				01	02	
	5.Suy tim	02				02	04	
2. Hô hấp	1. Viêm phế quản cấp	01				01	02	Chuẩn bài báo cáo slide theo các tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [2]- [5]
	1. Viêm phổi	01				01	02	
	2. Hen phế quản	02				02	04	
	3. COPD	02				02	04	
	4. Tràn dịch màng phổi	01				01	02	Chuẩn bài báo cáo slide theo các tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [2]- [5]
	5. Tràn khí màng phổi	01				01	02	
3. Tiêu hóa	1. Loét dạ dày tá tràng	01				01	02	
	2. Xuất huyết tiêu hóa cao	02				02	04	
	3. Xơ gan	01				01	02	Chuẩn bài báo cáo slide theo các tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [2]- [5]
	4. Viêm gan mạn	01				01	02	
	5. Viêm tụy cấp	01				01	02	
	6. HC ruột kích thích	01				01	02	
4. Thận tiết niệu	1. Bệnh lý cầu thận: Một số bệnh cầu thận thường gặp	02				02	04	
	2. Hội chứng thận hư	01				01	02	Chuẩn bài báo cáo slide theo

	3. Bệnh thận mạn	02				02	04	các tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [2]- [5]
	4. Sỏi thận – tiết niệu	01				01	02	
	5.Nhiễm khuẩn tiết niệu	02				02	04	Chuẩn bài báo cáo slide theo các tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [2]- [5]
5. Cơ xương khớp	1. Viêm khớp dạng thấp	02				02	04	
	2. Viêm cột sống dính khớp	01				01	02	
	3. Gout	01				01	02	
	4. Thoái hóa khớp	01				01	02	Chuẩn bài báo cáo slide theo các tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [2]- [5]
6. Nội tiết	1. Đái tháo đường	02				02	04	
	2. Basedow	02				02	04	
	3. HC Cushing	01				01	02	
	4. Bướu cổ đơn thuần	01				01	02	Chuẩn bài báo cáo slide theo các tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [2]- [5]
7. Huyết học	1. Chẩn đoán và điều trị thiếu máu	02				02	04	
	2. Xuất huyết giảm tiểu cầu miễn dịch	01				01	02	
	3.Lơ xơ mi cấp	01				01	02	

8. Tài liệu học tập

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình Bệnh học Nội khoa (2015), Học viện YDHCT Việt Nam (Tài liệu lưu hành nội bộ);
2. Bệnh học Nội khoa tập 1 (2021), Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
3. Bệnh học Nội khoa tập 2 (2021), Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
4. Nội khoa cơ sở (2021), Bộ môn nội, Học viện YDHCT Việt Nam (Tài liệu lưu hành nội bộ);
5. Nội khoa cơ sở (2021), Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	**Nội dung chính**	**Giảng viên lên lớp (giờ)**					**Sinh viên tự học, tự nghiên cứu**
		Lý thuyết	**Kiểm tra**	**Bài tập**	**Thảo luận**	**Các hình thức khác**	

							(giờ)
32.	Tăng huyết áp	02					04
33.	Cơn đau thắt ngực – Nhồi máu cơ tim	01					02
34.	Bệnh van hai lá	01					02
35.	Bệnh van động mạch	01					02
36.	Suy tim	02					04
37.	Viêm phế quản cấp	01					02
38.	Viêm phổi	01					02
39.	Hen phế quản	02					04
40.	COPD	02					02
41.	Tràn dịch màng phổi	01					02
42.	Tràn khí màng phổi	01					02
43.	Loét dạ dày tá tràng	01					02
44.	Xuất huyết tiêu hóa cao	02					04
45.	Xơ gan	01					02
46.	Viêm gan mạn	01					02
47.	Viêm tụy cấp	01					02
48.	HC ruột kích thích	01					02
49.	Bệnh lý cầu thận: Một số bệnh cầu thận thường gặp	02					04
50.	Hội chứng thận hư	01					02
51.	Bệnh thận mạn	02					04
52.	Sỏi thận – tiết niệu	01					02
53.	.Nhiễm khuẩn tiết niệu	02					04
54.	Viêm khớp dạng thấp	02					04
55.	Viêm cột sống dính khớp	01					02
56.	Gout	01					02
57.	Thoái hóa khớp	01					02
58.	Đái tháo đường	02					04
59.	Basedow	02					04
60.	HC Cushing	01					02
61.	Bướu cổ đơn thuần	01					02
62.	Chẩn đoán và điều trị thiếu máu	02					04
63.	Xuất huyết giảm tiểu cầu miễn dịch	01					02
64.	Lơ xơ mi cấp	01					02

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình [x] Động não [x] Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CĐR2]
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn [CĐR2], [CĐR8].
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn [CĐR2], [CĐR8].
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn [CĐR2], [CĐR8].

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projecter, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình:**			
	Xét điều kiện được thi		Tham gia học lý thuyết tối thiểu đạt 80 %;	CĐR 2, 6,7, 8
0.92	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	100%	Sinh viên qua môn: đạt từ 4/10 điểm	CĐR 2, 6,7, 8

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm thi thực hành X 1 + Điểm lý thuyết X 2)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
NỘI BỆNH LÝ 1 (PHẦN LÂM SÀNG)
Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Nội bệnh lý 1
* Tiếng Việt: Nội bệnh lý 1
* Tiếng Anh: Clinical Internal pathology I
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 2.0
- Đối tượng học (năm thứ): sinh viên Y khoa nưm thứ 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [x]	Tự chọn □	

- Học phần tiên quyết: Học viên đã học xong các học phần: Giải phẫu, Sinh lý, Hóa sinh, Giải phẫu bệnh, Sinh lý bệnh, Nội cơ sở, Ngoại cơ sở ,Dược,
- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun:

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
19.	Trần Thị Kim Thư	0982463479	bstrankimthu@gmail.com
20.	Đặng Việt Sinh	0915011418	bssinh2016@gmail.com
21.	Nguyễn Thị Hồng Loan	0983937809	honglaonbibi@gmail.com
22.	Trần Thị Thu Hương	0983290394	huonggvbve@gmail.com
23.	Trần Thị Minh	09060050918	bstranminh8178@gmail.com
24.	Trần Thị Hải Yến	0932371045	bstranhaiyen1307@gmail.com
25.	Các giảng viên thỉnh giảng tại các bệnh viện thực hành: Bệnh viện 19.8 BCA; Bệnh viện E Trung ương; Bệnh viện Nội tiết Trung ương; Bệnh viện Thanh Nhàn; Bệnh viện Đa khoa Hà Đông; bệnh viện Saint Paul.		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
MT1	Thực hiện được kỹ năng hỏi bệnh, khai thác triệu chứng cơ năng, bệnh sử, tiền sử người bệnh mắc bệnh lý nội khoa thông thường.	**CĐR 4,6,7,8**	5
MT2	Thực hiện được kỹ năng thăm khám, phát hiện được các dấu hiệu bênh lý nội khoa thông thường	**CĐR 4,6,7,8**	**5**
MT3	Lập luận chẩn đoán sơ bộ, chỉ định và nhận đinh được kết quả cận lâm sàng một số bệnh lý nội khoa thông thường.	**CĐR 4,6,7,8**	5
MT4	Lập luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán nguyên nhân và đưa ra hướng điều trị và chương trình điều trị cụ thể một số bệnh lý nội khoa thường gặp.	**CĐR 4,6,7,8**	4
MT5	Làm được bệnh án nội khoa.	**CĐR 4,6,7,8**	5
MT6	Thể hiện thái độ ân cần, hòa nhã và đúng mực khi tiếp xúc và thăm khám bệnh nhân. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh	**CĐR 14**	4

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Thực hiện được kỹ năng thăm khám, chẩn đoán và chương trình điều trị cho một số bệnh lý nội khoa thường gặp. Có thái độ ân cần, hòa nhã và đúng mực khi tiếp xúc và thăm khám bệnh nhân..	Thực hiện được kỹ năng thăm khám, chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý nộ khoa thường gặp. Có thái độ ân cần, hòa nhã và đúng mực khi tiếp xúc và thăm khám bệnh nhân..

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CĐR2	CĐR4	CĐR6	CĐR7	CĐR8	….	CĐR14

Chẩn đoán và điều trị Tăng huyết áp	2	3	2	2	2		2
Chẩn đoán và điều trị Cơn đau thắt ngực/nhồi máu cơ tim	2	3	2	2	2		2
Chẩn đoán và điều trị Suy tim	2	3	2	2	2		2
Chẩn đoán và điều trị Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính	2	3	2	2	2		2
Chẩn đoán và điều trị Hen phế quản	2	3	2	2	2		2
Chẩn đoán và điều trị Viêm phổi/Viêm phế quản/Tràn dịch màng phổi.	2	3	2	2	2		2
Chẩn đoán và điều trị Xơ gan/Viêm gan	2	3	2	2	2		2
Chẩn đoán và điều trị Xuất huyết tiêu hóa do GVTM thực quản/ do ổ loét	2	3	2	2	2		2
Chẩn đoán và điều trị Loét dạ dày tá tràng	2	3	2	2	2		2
Chẩn đoán và điều trị Bệnh thận mạn	2	3	2	2	2		2
Chẩn đoán và điều trị Nhiêm khuẩn tiết niệu/ Sỏi tiết niệu	2	3	2	2	2		2
Chẩn đoán và điều trị Hội chứng thận hư/Viêm cầu thận	2	3	2	2	2		2
Chẩn đoán và điều trị Thoái hóa khớp	2	3	2	2	2		2
Chẩn đoán và điều trị Viêm khớp dạng thấp/Viêm cột sống dính khớp	2	3	2	2	2		2
Chẩn đoán và điều trị gut	2	3	2	2	2		2
Chẩn đoán và điều trị Đái tháo đường	2	3	2	2	2		2
Chẩn đoán và điều trị Basedow	2	3	2	2	2		2
Khám chẩn đoán Bn HC Cushing	2	3	2	2	2		2
Chẩn đoán và điều trị Thiếu máu	2	3	2	2	2		2
Chẩn đoán và điều trị Lơ xơ mi cấp	2	3	2	2	2		2

6. Mô tả học phần/ mô đun

– Phần thực hành/ lâm sàng :

Vị trí/vai trò của phần Thực hành/ seminar: Học phần bệnh học là học phần rất quan trong, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học một số bệnh nội khoa thông thường.

Mục đích của phần Học phần: giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng chẩn đoán và đưa ra hướng điều trị cụ thể cho một số bệnh nội khoa thông thường.
Nội dung chính yếu: Học phần này sẽ tập trung chủ yếu vào thực hành các kỹ năng thăm khám, hỏi bệnh, nhận định ttriệu chứng cơ năng và thực thể một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng từ đó quy về hội chứng bệnh, lập luận chẩn đoán đưa ra chẩn đoán sơ bộ ,chỉ định cận lâm sàng và nhận định được kết quả cận lâm sàng từ đó lập luận đua ra chẩn đoán xác định và hướng điều trị cụ thể cho một số bệnh nội khoa thường gặp.

26. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Chẩn đoán và điều trị Tăng huyết áp	**04**	**04**	Chuẩn bị bài: Sinh viên thăm khám bệnh nhân và hoàn thành bệnh án trước buổi giảng.
Chẩn đoán và điều trị Cơn đau thắt ngực/nhồi máu cơ tim	**04**	**04**	
Chẩn đoán và điều trị Suy tim	**04**	**04**	
Chẩn đoán và điều trị Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính	**04**	**04**	
Chẩn đoán và điều trị Hen phế quản	**04**	**04**	
Chẩn đoán và điều trị Viêm phổi/Viêm phế quản/Tràn dịch màng phổi.	**04**	**04**	
Chẩn đoán và điều trị Xơ gan/Viêm gan	**04**	**04**	
Chẩn đoán và điều trị Xuất huyết tiêu hóa do GVTM thực quản/ do ổ loét	**04**	**04**	
Chẩn đoán và điều trị Loét dạ dày tá tràng	**04**	**04**	
Chẩn đoán và điều trị Bệnh thận mạn	**04**	**04**	
Chẩn đoán và điều trị Nhiêm khuẩn tiết niệu/ Sỏi tiết niệu	**04**	**04**	
Chẩn đoán và điều trị Hội chứng thận hư/Viêm cầu thận	**04**	**04**	
Chẩn đoán và điều trị Thoái hóa khớp	**04**	**04**	
Chẩn đoán và điều trị Viêm khớp dạng thấp/Viêm cột sống dính khớp	**04**	**04**	
Chẩn đoán và điều trị gut	**04**	**04**	
Chẩn đoán và điều trị Đái tháo đường	**04**	**04**	
Chẩn đoán và điều trị Basedow	**04**	**04**	
Khám chẩn đoán Bn HC Cushing	**04**	**04**	
Chẩn đoán và điều trị Thiếu máu	**04**	**04**	
Chẩn đoán và điều trị Lơ xơ mi cấp	**04**	**04**	

8. Tài liệu học tập ***(ví dụ về tài liệu tham khảo như dưới đây)***

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Giáo trình học tập: Giáo trình Nội bệnh lý (2015), Học viện YDHCT Việt Nam (Tài liệu lưu hành nội bộ);

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Nội bệnh lý tập 1 (2021), Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
- Nội bệnh lý tập 2 (2021), Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Báo cáo/ Seminar	
Thứ tự giảng tùy thuộc vào lịch luân khoa tại bệnh viện thực hành	Chẩn đoán và điều trị Tăng huyết áp	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Cơn đau thắt ngực/nhồi máu cơ tim	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Suy tim	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Hen phế quản	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Viêm phổi/Viêm phế quản/Tràn dịch màng phổi.	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Xơ gan/Viêm gan	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Xuất huyết tiêu hóa do GVTM thực quản/ do ổ loét	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Loét dạ dày tá tràng	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Bệnh thận mạn	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Nhiễm khuẩn tiết niệu/ Sỏi tiết niệu	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Hội chứng thận hư/Viêm cầu thận	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Thoái hóa khớp	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Viêm khớp dạng thấp/Viêm cột sống dính khớp	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị gut	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Đái tháo đường	02				02	04

	Chẩn đoán và điều trị Basedow	02				02	04
	Khám chẩn đoán Bn HC Cushing	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Thiếu máu	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Lơ xơ mi cấp	02				02	04

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR 1, CĐR 6, CĐR 14

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình□ Động não [x] Phản biện [x] Học dựa trên vấn đề □

Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống [x] Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập [x]

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra

Học tập thảo luận đạt

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CĐR 1 và CĐR 6, CĐR14

- ✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Sinh viên thăm khám bệnh nhân và làm bệnh án trước buổi giảng. Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách thức tham khám bệnh và nhận định triệu chứng lâm sàng, thảo luận phân tích chẩn đoán và chỉ định cận lâm sàng.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Tuân thủ thời gian thực hành lâm sàng: 7h30 – 11h30, trong thời gian đi lâm sàng tại các bệnh viện, khám bệnh nhân, làm bệnh án, theo dõi bệnh nhân, chép sổ giao ban và báo cáo giao ban, phụ giúp BS và y tá trực trong điều trị, chăm sóc và cấp cứu Bn, tiếp cận bệnh nhân thăm khám và nhận định triệu chứng từ đó lập luận đưa ra định hướng chẩn đoán, chỉ định cận lâm sàng, dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng.
- Mỗi sinh viên làm 01 bệnh án/tuần.
- Tham gia trực tại khoa học lâm sàng:

+ Ngày thường: Nhận trực muộn nhất là **18h** hôm trước, trực đến **07h30'** ngày hôm sau và tham gia học lâm sàng bình thường. Sinh viên trực khoa nào có thể tham gia giao ban buổi sáng tại Khoa đó (tùy theo thực tế tại BV lâm sàng)

+ Thứ 7, CN và ngày nghỉ Lễ: Tua 1: **7h00'** đến **18h00'**; Tua 2: từ **18h00'** đến **8h00'** ngày hôm sau (phải có sự bàn giao trực giữa các tua).

+ Nhiệm vụ của SV trong tua trực: SV phải có mặt tại vị trí trực đúng giờ, khám Bn, làm bệnh án, theo dõi bệnh nhân, chép sổ giao ban và báo cáo giao ban, phụ giúp BS và y tá trực trong điều trị, chăm sóc và cấp cứu BN

+ Mỗi nhóm sinh viên có một ***Sổ theo dõi trực lâm sàng***. Sau mỗi buổi trực phải có ký nhận của bác sĩ trong tua trực

- Chấp hành đầy đủ các nội quy của Bệnh viện, Khoa, Phòng.
- Thi kết thúc học phần

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Thực hiện đúng nội qui, chế chế học lâm sàng, tham gia đầy đủ thời gian học lâm sàng, tham gia trực nghiêm túc, làm đủ bệnh án.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm (tùy bộ môn)

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình:** Hình thức đánh giá: Xét điều kiện được thi			
2	**Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng**			
	Hình thức thi Lâm sàng: học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh	100%	≥ 4	CĐR1, CĐR 6, CĐR 14.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
		Trần Thị Kim Thư

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
NGOẠI BỆNH LÝ 1 (PHẦN LÝ THUYẾT)
Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Ngoại bệnh lý 1

* Tiếng Việt: Ngoại bệnh lý 1

* Tiếng Anh: Pathology surgery 1

- Mã học phần/ mô đun: MEDI4114

- Số tín chỉ: (3.0 LT, 2.0 LS)

- Đối tượng học (năm thứ): 4

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [x]	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Giải phẫu 1,2; Sinh lý; Sinh lý bệnh miễn dịch; Ngoại cơ sở Y học hiện đại, Nội cơ sở Y học hiện đại

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

+ Lý thuyết: 45 tiết

+ Bài tập: tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết

+ Kiểm tra: 1 tiết

+ Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Ngoại

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Phạm Thái Hưng	0982714599	Phamthaihung73@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Văn Trường		
3	BSCKI. Phạm Việt Dương	0902110224	Duongpv1104@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT1	Có kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý ngoại YHHĐ	CĐR1	3
MT2	Có phương pháp luận khoa học của YHHĐ trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học	CĐR1	3
MT4	Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường	CĐR1 CĐR2	3
MT5	Chẩn đoán được một số bệnh ngoại khoa thông thường	CĐR2 CĐR6	3
	Kỹ năng		
MT3	Thăm khám phát hiện các triệu chứng lâm sàng thường gặp và các trường hợp cấp cứu thông thường trong Ngoại YHHĐ	CĐR8	3
MT6	Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của ngoại khoa YHHĐ	CĐR9 CĐR10	3
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT7	Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý ngoại khoa	CĐR14 CĐR15 CĐR16 CĐR17	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Có kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý ngoại YHHĐ **MT2:** Có phương pháp luận khoa học của YHHĐ trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học **MT4:** Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường **MT5:** Chẩn đoán được một số bệnh ngoại khoa thông thường	**CLO 1:** Trình bày được giải phẫu, sinh lý, cơ chế bệnh sinh, thể lâm sàng của các bệnh lý ngoại khoa. **CLO 2**: Trình bày được các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị được một số bệnh lý ngoại khoa. **CLO3:** Đưa ra chính xác các chỉ định cận lâm sàng chẩn đoán bệnh, chẩn đoán chính xác được một số bệnh lý ngoại khoa. Áp dụng kiến thức đã học để đưa ra chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh ngoại khoa thông thường **CLO4:** Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường
Kỹ năng	
MT3: Thăm khám phát hiện các triệu chứng lâm sàng thường gặp và các trường hợp cấp cứu thông thường trong Ngoại YHHĐ **MT6:** Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của ngoại khoa YHHĐ	**CLO 5:** Chẩn đoán được một số bệnh ngoại khoa thông thường **CLO 6:** Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của ngoại khoa YHHĐ
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT7: Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý ngoại khoa	**CLO 7**: Có thái độ tỉ mỉ, cẩn trọng, tính chuyên nghiệp khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)						
	1	2	3	4	5	6	7
Chấn thương và vết thương ngực	2	2	2	2	2	2	2
Chấn thương bụng	2	2	2	2	2	2	2
Chấn thương sọ não	2	2	2	2	2	2	2
Gãy xương hở	2	2	2	2	2	2	2
Gãy 2 xương cẳng chân	2	2	2	2	2	2	2
Gãy 2 xương cẳng tay	2	2	2	2	2	2	2
Viêm tụy cấp	2	2	2	2	2	2	2
Thủng dạ dày	2	2	2	2	2	2	2
Hẹp môn vị	2	2	2	2	2	2	2
Viêm ruột thừa	2	2	2	2	2	2	2
Ung thư dạ dày	2	2	2	2	2	2	2
Sỏi ống mật chủ	2	2	2	2	2	2	2
Ung thư đại tràng	2	2	2	2	2	2	2
Bỏng	2	2	2	2	2	2	2
Đại cương về Phẫu thuật và Phẫu thuật nội soi	2	2	2	2	2	2	2
Chấn thương cột sống	2	2	2	2	2	2	2
Chấn thương – vết thương tim	2	2	2	2	2	2	2
Gãy xương đùi	2	2	2	2	2	2	2
Chấn thương niệu đạo	2	2	2	2	2	2	2
Sỏi tiết niệu	2	2	2	2	2	2	2
Lồng ruột cấp ở trẻ còn bú	2	2	2	2	2	2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Sau khi học xong Học phần Ngoại Bệnh lý 1, sinh viên nắm vững được:

- Kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý Ngoại khoa
- Có phương pháp luận khoa học của YHHĐ trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học
- Cách thăm khám phát hiện các triệu chứng lâm sàng thường gặp và các trường hợp cấp cứu thông thường trong Ngoại YHHĐ
- Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường
- Chẩn đoán được một số bệnh ngoại khoa thông thường
- Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của ngoại khoa YHHĐ

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
Chấn thương và vết thương ngực	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Chấn thương bụng	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Chấn thương sọ não	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Gãy xương hở	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Gãy 2 xương cẳng chân	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Gãy 2 xương cẳng tay	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Viêm tụy cấp	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Thủng dạ dày	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Hẹp môn vị	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Viêm ruột thừa	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Ung thư dạ dày	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Sỏi ống mật chủ	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Ung thư đại tràng	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Bỏng	04					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Đại cương về	02					Đọc trước nội dung và tra tài

Phẫu thuật và Phẫu thuật nội soi						liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Chấn thương cột sống	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Chấn thương – vết thương tim	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Gãy xương đùi	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Chấn thương niệu đạo	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Sỏi tiết niệu	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Lồng ruột cấp ở trẻ còn bú	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Giáo trình Ngoại khoa, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam, TL nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Ngoại Bệnh lý (2008), Bộ Y tế, NXB Y học.
[2] Giáo trình Bệnh học ngoại khoa (2001), Học viện quân y, NXB Quân đội nhân dân.
[3] Bệnh học ngoại khoa (2003), Bộ Y tế, NXB Y học.
[4] Giáo trình Bệnh học ngoại khoa bụng (2010), Học viện quân y, NXB Quân đội nhân dân.
[5] Bệnh học ngoại khoa tiết niệu (2007), Học viện quân y, NXB Quân đội nhân dân.
[6] Bệnh học ngoại khoa tiêu hóa (2013), Đại học y dược TP. Hồ Chí Minh, NXB Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Chấn thương và vết thương ngực	02					
2	Chấn thương bụng	02					
3	Chấn thương sọ não	02					
4	Gãy xương hở	02					
5	Gãy 2 xương cẳng chân	02					

6	Gãy 2 xương cẳng tay	02					
7	Viêm tụy cấp	02					
8	Thủng dạ dày	02					
9	Hẹp môn vị	02					
10	Viêm ruột thừa	02					
11	Ung thư dạ dày	02					
12	Sỏi ống mật chủ	02					
13	Ung thư đại tràng	02					
14	Bỏng	04					
15	Đại cương về Phẫu thuật và Phẫu thuật nội soi	02					
16	Chấn thương cột sống	02					
17	Chấn thương – vết thương tim	02					
18	Gãy xương đùi	02					
19	Chấn thương niệu đạo	02					
20	Sỏi tiết niệu	02					
21	Lồng ruột cấp ở trẻ còn bú	02					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình □ Động não [x] Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projecter, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành/ lâm sàng	33,3%		
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	66,7%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 4

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận
- Điểm kết thúc thực hành thực hành là điêm thi lâm sàng

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm thi lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
NGOẠI BỆNH LÝ 1 (PHẦN LÂM SÀNG)
Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Ngoại bệnh lý 1
* Tiếng Việt: Ngoại bệnh lý 1
* Tiếng Anh: Pathology surgical clinic 1
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 2.0
- Đối tượng học (năm thứ): 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [x]	Tự chọn □	

- Học phần tiên quyết: Giải phẫu 1,2; Sinh lý; Sinh lý bệnh miễn dịch; Ngoại cơ sở Y học hiện đại; Nội cơ sở Y học hiện đại
- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn Ngoại

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Phạm Thái Hưng	0982714599	Phamthaihung73@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Văn Trường		
3	BSCKI. Phạm Việt Dương	0902110224	Duongpv1104@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT1	Có kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý ngoại YHHĐ	CĐR1	3
MT2	Có phương pháp luận khoa học của YHHĐ trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên	CĐR1	3

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	cứu khoa học		
MT4	Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường	CĐR1 CĐR2	3
MT5	Chẩn đoán được một số bệnh ngoại khoa thông thường	CĐR2 CĐR6	3
	Kỹ năng		
MT3	Thăm khám phát hiện các triệu chứng lâm sàng thường gặp và các trường hợp cấp cứu thông thường trong Ngoại YHHĐ	CĐR8	3
MT6	Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của ngoại khoa YHHĐ	CĐR9 CĐR10	3
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT7	Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý ngoại khoa	CĐR14 CĐR15 CĐR16 CĐR17	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Có kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý ngoại YHHĐ **MT2:** Có phương pháp luận khoa học của YHHĐ trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học **MT4:** Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường **MT5:** Chẩn đoán được một số bệnh ngoại khoa thông thường	**CLO 1:** Trình bày được giải phẫu, sinh lý, cơ chế bệnh sinh, thể lâm sàng của các bệnh lý ngoại khoa. **CLO 2**: Trình bày được các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị được một số bệnh lý ngoại khoa. **CLO3:** Đưa ra chính xác các chỉ định cận lâm sàng chẩn đoán bệnh, chẩn đoán chính xác được một số bệnh lý ngoại khoa. Áp dụng kiến thức đã học để đưa ra chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh ngoại khoa thông thường **CLO4:** Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường
Kỹ năng	
MT3: Thăm khám phát hiện các triệu chứng lâm sàng thường gặp và các trường hợp cấp cứu thông thường trong Ngoại YHHĐ **MT6:** Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của ngoại khoa YHHĐ	**CLO 5:** Chẩn đoán được một số bệnh ngoại khoa thông thường **CLO 6:** Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của ngoại khoa YHHĐ
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT7: Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý ngoại khoa	**CLO 7**: Có thái độ tỉ mỉ, cẩn trọng, tính chuyên nghiệp khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)						
	1	2	3	4	5	6	7

Chấn thương và vết thương ngực	2	2	2	2	2	2	2
Chấn thương bụng	2	2	2	2	2	2	2
Chấn thương sọ não	2	2	2	2	2	2	2
Gãy xương hở	2	2	2	2	2	2	2
Gãy 2 xương cẳng chân	2	2	2	2	2	2	2
Gãy 2 xương cẳng tay	2	2	2	2	2	2	2
Viêm tụy cấp	2	2	2	2	2	2	2
Thủng dạ dày	2	2	2	2	2	2	2
Hẹp môn vị	2	2	2	2	2	2	2
Viêm ruột thừa	2	2	2	2	2	2	2
Ung thư dạ dày	2	2	2	2	2	2	2
Sỏi ống mật chủ	2	2	2	2	2	2	2
Ung thư đại tràng	2	2	2	2	2	2	2
Bỏng	2	2	2	2	2	2	2
Đại cương về Phẫu thuật và Phẫu thuật nội soi	2	2	2	2	2	2	2
Chấn thương cột sống	2	2	2	2	2	2	2
Chấn thương – vết thương tim	2	2	2	2	2	2	2
Gãy xương đùi	2	2	2	2	2	2	2
Chấn thương niệu đạo	2	2	2	2	2	2	2
Sỏi tiết niệu	2	2	2	2	2	2	2
Lồng ruột cấp ở trẻ còn bú	2	2	2	2	2	2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Vị trí/vai trò: Sau khi học xong phần lâm sàng Học phần Ngoại Bệnh lý 1, sinh viên nắm vững được:

- Kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý ngoại YHHĐ
- Có phương pháp luận khoa học của YHHĐ trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học
- Cách thăm khám phát hiện các triệu chứng lâm sàng thường gặp và các trường hợp cấp cứu thông thường trong Ngoại YHHĐ
- Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường
- Chẩn đoán được một số bệnh ngoại khoa thông thường
- Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của ngoại khoa YHHĐ

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thảo luận (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Chấn thương và vết thương ngực	04		Chuẩn bị bài, làm và viết
Chấn thương bụng	04		

Chấn thương sọ não	04		bệnh án - Chuẩn bị báo cáo Slide theo nhóm - Thấu hiểu và phản ứng nhanh khi vấn đáp - Ưu tiên phản biện, tính sáng tạo
Gãy xương hở	02		
Gãy 2 xương cẳng chân	02		
Gãy 2 xương cẳng tay	02		
Viêm tụy cấp	02		
Thủng dạ dày	02		
Hẹp môn vị	02		
Viêm ruột thừa	04		
Ung thư dạ dày	02		
Sỏi ống mật chủ	04		
Ung thư đại tràng	02		
Bỏng	04		
Đại cương về Phẫu thuật và Phẫu thuật nội soi	02		
Chấn thương cột sống	04		
Chấn thương – vết thương tim	04		
Gãy xương đùi	02		
Chấn thương niệu đạo	02		
Sỏi tiết niệu	04		
Lồng ruột cấp ở trẻ còn bú	02		

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Giáo trình Ngoại khoa, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam, TL nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Ngoại Bệnh lý (2008), Bộ Y tế, NXB Y học.

[2] Giáo trình Bệnh học ngoại khoa (2001), Học viện quân y, NXB Quân đội nhân dân.

[3] Bệnh học ngoại khoa (2003), Bộ Y tế, NXB Y học.

[4] Giáo trình Bệnh học ngoại khoa bụng (2010), Học viện quân y, NXB Quân đội nhân dân.

[5] Bệnh học ngoại khoa tiết niệu (2007), Học viện quân y, NXB Quân đội nhân dân.

[6] Bệnh học ngoại khoa tiêu hóa (2013), Đại học y dược TP. Hồ Chí Minh, NXB Y học

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	Chấn thương và vết thương ngực	04					
2	Chấn thương bụng	04					

3	Chấn thương sọ não	04					
4	Gãy xương hở	02					
5	Gãy 2 xương cẳng chân	02					
6	Gãy 2 xương cẳng tay	02					
7	Viêm tụy cấp	02					
8	Thủng dạ dày	02					
9	Hẹp môn vị	02					
10	Viêm ruột thừa	04					
11	Ung thư dạ dày	02					
12	Sỏi ống mật chủ	04					
13	Ung thư đại tràng	02					
14	Bỏng	04					
15	Đại cương về Phẫu thuật và Phẫu thuật nội soi	02					
16	Chấn thương cột sống	04					
17	Chấn thương – vết thương tim	04					
18	Gãy xương đùi	02					
19	Chấn thương niệu đạo	02					
20	Sỏi tiết niệu	04					
21	Lồng ruột cấp ở trẻ còn bú	02					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR CLO1 đến CLO6

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành, bình và phân tích bệnh án học tập

Thuyết trình [x] Động não [x] Phản biện [x] Học dựa trên vấn đề □

Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống [x] Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập [x]

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra và CĐR1 – CLO4

Học tập thảo luận đạt CLO1 và CLO6

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CLO1 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Giảng viên cung cấp thiết kế bài giảng, nội dung thảo luận và chuyển tại cho sinh viên chuẩn bị báo cáo bài tập, báo cáo slide theo một báo cáo khoa học
- Hướng dẫn tại buồng, đi buồng phòng hướng dẫn khám bệnh, chữa bệnh án học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên không được tự ý vắng buổi học lâm sàng, tuyệt đối không bỏ trực viện, khoa

- Sinh viên phải có bài báo cáo, bệnh án chuẩn bị trước giờ giảng, chiếu slide theo yêu cầu chỉ định của giảng viên và cho phép phản biện bài của bạn học, trả lời các câu hỏi của giảng viên

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng (hệ 10 điểm)**			
	Điểm thi lâm sàng	100%	≥ 4	CLO1 – CLO7

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận
- Điểm kết thúc thực hành thực hành là điêm thi lâm sàng
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm thi lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
NỘI BỆNH LÝ 2 (PHẦN LÝ THUYẾT)
Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Nội bệnh lý 2
* Tiếng Việt: Nội bệnh lý 2
* Tiếng Anh: : Internal pathology II
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 03 (LT: 03 / TH: 02)
- Đối tượng học (năm thứ): 6
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành x□		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	**Bắt buộc** x□	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 141 tiết
  + Lý thuyết: 47 iết
  + Bài tập: tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
  + Kiểm tra: tiết
  + Thời gian tự học: 94 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nội – Tổ YHHĐ

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
27.	Trần Thị Kim Thư	0982463479	bstrankimthu@gmail.com
28.	Đặng Việt Sinh	0915011418	bssinh2016@gmail.com
29.	Nguyễn Thị Hồng Loan	0983937809	honglaonbibi@gmail.com
30.	Trần Thị Thu Hương	0983290394	huonggvbve@gmail.com
31.	Trần Thị Minh	09060050918	bstranminh8178@gmail.com
32.	Trần Thị Hải Yến	0932371045	bstranhaiyen1307@gmail.com
33.	Hoàng Thanh Tuyền	0903211254	twyenht@gmail.com
34.	Lê Quang Toàn	0904464680	letoan.endo@gmail.com
35.	Nguyễn Minh Tuấn	0982150672	bstuan76bve@gmail.com
36.	Phạm Văn Đức	0356654398	bsntphamvanduc@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
MT1	Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh một số bệnh nội khoa thường gặp.	CĐR 2,CĐR 4, CĐR 6, CĐR 7, CĐR 8	5
MT2	Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng một số bệnh nội khoa thường gặp.	CĐR 2,CĐR 4, CĐR 6, CĐR 7, CĐR 8	5
MT3	Trình bày được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp.	CĐR 2,CĐR 4, CĐR 6, CĐR 7, CĐR 8	5
MT4	Vận dụng kiến thức bệnh học chẩn đoán và đề xuất điều trị được một số bệnh nội khoa thường gặp.	CĐR 2,CĐR 4, CĐR 6, CĐR 7, CĐR 8	5
Mức độ tự chủ và trách nhiệm: người học có cái nhìn khái quát về bệnh, tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn và hiệu quả trong một số bệnh lý thông thường thường gặp			

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	**CĐR của học phần/ mô đun**
MT1: Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh một số bệnh nội khoa thường gặp.	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh một số bệnh nội khoa thường gặp
MT2: Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng một số bệnh nội khoa thường gặp.	Nắm được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng một số bệnh nội khoa thường gặp.
MT3: Trình bày được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp.	Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp.
MT4: Vận dụng kiến thức bệnh học chẩn đoán và đề xuất điều trị được một số bệnh nội khoa thường gặp.	Chẩn đoán và đề xuất điều trị được một số bệnh nội khoa thường gặp.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun (theo chương/bài)	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**					
	CĐR2	CĐR.4.	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR…
Điều trị Bệnh mạch vành - nhồi máu cơ tim	3	3	3	3	3	
Điện tâm đồ ứng dụng trong lâm sàng	3	3	3	3	3	
Viêm màng ngoài tim	3	3	3	3	3	
Viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn	3	3	3	3	3	
Suy tim cấp, mạn	3	3	3	3	3	
Cập nhật điều trị tăng huyết áp	3	3	3	3	3	
Cập nhật chẩn đoán và điều trị Hen Phế quản	3	3	3	3	3	
Cập nhật chẩn đoán và điều trị COPD	3	3	3	3	3	
Áp xe phổi	3	3	3	3	3	
Giãn phế quản	3	3	3	3	3	
Tâm phế mạn	3	3	3	3	3	
Ung thư phế quản	3	3	3	3	3	
Viêm gan virus B,C	3	3	3	3	3	
Xuất huyết tiêu hóa cao	3	3	3	3	3	
Ung thư gan nguyên phát	3	3	3	3	3	
Áp xe gan	3	3	3	3	3	
Hội chứng trào ngược dạ dày thực quản	3	3	3	3	3	
Suy thận cấp	3	3	3	3	3	
Cập nhật chẩn đoán và điều trị Bệnh thận mạn tính	3	3	3	3	3	
Viêm bàng quang	3	3	3	3	3	
Các thuốc sử dụng trong điều trị bệnh khớp	3	3	3	3	3	
Các bệnh hệ thống thường gặp: Lupus ban đỏ hệ thống, xơ cứng bì	3	3	3	3	3	
Loãng xương	3	3	3	3	3	
Cập nhật chẩn đoán và điều trị viêm khớp dạng thấp	3	3	3	3	3	
Cập nhật Chẩn đoán và điều trị đái tháo đường	3	3	3	3	3	
Suy thượng thận cấp - mạn	3	3	3	3	3	
U tủy thượng thận	3	3	3	3	3	
Viêm tuyến giáp	3	3	3	3	3	
Đái tháo đường thai kỳ	3	3	3	3	3	

Leucemie kinh dòng hạt	3	3	3	3	3	
An toàn truyền máu	3	3	3	3	3	
Suy tủy xương	3	3	3	3	3	
U lympho Hodgkin	3	3	3	3	3	
Thiếu máu tan máu	3	3	3	3	3	

6. Mô tả học phần/ mô đun

Học phần bệnh học là học phần rất quan trong, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học các bệnh nội khoa thường gặp, giúp cho người học có cái nhìn khái quát về bệnh,nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa thường gặp. Phần thực hành lâm sàng sẽ tập trung chủ yếu vào thăm khám, nhận định các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và đề xuất hướng điều trị cụ thể một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng.

37. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Chương/ phần	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
		Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
		LT	TH	BT/TL/KT		Tổng cộng		
1. Tim mạch	Điều trị Bệnh mạch vành - nhồi máu cơ tim	02				02	04	Chuẩn bài báo cáo slide theo các tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [2]- [5]
	Điện tâm đồ ứng dụng trong lâm sàng	01				01	02	
	Viêm màng ngoài tim	01				01	02	
	Viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn	01				01	02	
	Suy tim cấp, mạn	02				02	04	
	Cập nhật điều trị tăng huyết áp	01				01	02	Chuẩn bài báo cáo slide theo các tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [2]- [5]
2. Hô hấp	Cập nhật chẩn đoán và điều trị Hen Phế quản	01				01	02	
	Cập nhật chẩn đoán và điều trị COPD	02				02	04	
	Áp xe phổi	02				02	04	
	Giãn phế quản	01				01	02	Chuẩn bài báo cáo slide theo các tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [2]- [5]
	Tâm phế mạn	01				01	02	
	Ung thư phế quản	01				01	02	
	Viêm gan virus B,C	02				02	04	
3. Tiêu hóa	Xuất huyết tiêu hóa cao	01				01	02	Chuẩn bài báo cáo slide theo

	Ung thư gan nguyên phát	01				01	02	các tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [2]- [5]
	Áp xe gan	01				01	02	
	Hội chứng trào ngược dạ dày thực quản	01				01	02	
	Suy thận cấp	02				02	04	
4. Thận tiết niệu	Cập nhật chẩn đoán và điều trị Bệnh thận mạn tính	01				01	02	Chuẩn bài báo cáo slide theo các tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [2]- [5]
	Viêm bàng quang	02				02	04	
5. Cơ xương khớp	Các thuốc sử dụng trong điều trị bệnh khớp	01				01	02	
	Các bệnh hệ thống thường gặp: Lupus ban đỏ hệ thống, xơ cứng bì	02				02	04	Chuẩn bài báo cáo slide theo các tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [2]- [5]
	Loãng xương	02				02	04	
	Cập nhật chẩn đoán và điều trị viêm khớp dạng thấp	01				01	02	
8. Nội tiết	Cập nhật Chẩn đoán và điều trị đái tháo đường	01				01	02	
	Suy thượng thận cấp - mạn	01				01	01	Chuẩn bài báo cáo slide theo các tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [2]- [5]
	U tủy thượng thận	02				02	04	
	Viêm tuyến giáp	02				02	04	
	Đái tháo đường thai kỳ	01				01	02	
9. Huyết học	Leucemie kinh dòng hạt	01				01	02	Chuẩn bài báo cáo slide theo các tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [2]- [5]
	An toàn truyền máu	02				02	04	
	Suy tủy xương	01				01	02	
	U lympho Hodgkin	01				01	02	
	Thiếu máu tan máu	01				01	02	

8. Tài liệu học tập

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình Bệnh học Nội khoa (2021), Học viện YDHCT Việt Nam (Tài liệu lưu hành nội bộ);
2. Bệnh học Nội khoa tập 1 (2021), Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
3. Bệnh học Nội khoa tập 2 (2021), Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
4. Nội khoa cơ sở (2021), Bộ môn nội, Học viện YDHCT Việt Nam (Tài liệu lưu hành nội bộ);
5. Nội khoa cơ sở (2021), Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Nội dung chính	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
65.	Điều trị Bệnh mạch vành - nhồi máu cơ tim	02					04
66.	Điện tâm đồ ứng dụng trong lâm sàng	01					02
67.	Viêm màng ngoài tim	01					02
68.	Viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn	01					02
69.	Suy tim cấp, mạn	02					04
70.	Cập nhật điều trị tăng huyết áp	01					02
71.	Cập nhật chẩn đoán và điều trị Hen Phế quản	01					02
72.	Cập nhật chẩn đoán và điều trị COPD	02					04
73.	Áp xe phổi	02					04
74.	Giãn phế quản	01					02
75.	Tâm phế mạn	01					02
76.	Ung thư phế quản	01					02
77.	Viêm gan virus B,C	02					04
78.	Xuất huyết tiêu hóa cao	01					02
79.	Ung thư gan nguyên phát	01					02
80.	Áp xe gan	01					02

81.	Hội chứng trào ngược dạ dày thực quản	01					02
82.	Suy thận cấp	02					04
83.	Cập nhật chẩn đoán và điều trị Bệnh thận mạn tính	01					02
84.	Viêm bàng quang	02					04
85.	Các thuốc sử dụng trong điều trị bệnh khớp	01					02
86.	Các bệnh hệ thống thường gặp: Lupus ban đỏ hệ thống, xơ cứng bì	02					04
87.	Loãng xương	02					04
88.	Cập nhật chẩn đoán và điều trị viêm khớp dạng thấp	01					02
89.	Cập nhật Chẩn đoán và điều trị đái tháo đường	01					02
90.	Suy thượng thận cấp - mạn	01					01
91.	U tủy thượng thận	02					04
92.	Viêm tuyến giáp	02					04
93.	Đái tháo đường thai kỳ	01					02
94.	Leucemie kinh dòng hạt	01					02
95.	An toàn truyền máu	02					04
96.	Suy tủy xương	01					02
97.	U lympho Hodgkin	01					02
98.	Thiếu máu tan máu	01					02

6. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình [x] Động não [x] Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CĐR2], [CĐR4], [CĐR6], [CĐR7], [CĐR8].
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn [CĐR2], [CĐR4], [CĐR6], [CĐR7], [CĐR8].
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn [CĐR2], [CĐR4], [CĐR6], [CĐR7], [CĐR8].
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn [CĐR2], [[CĐR4], [CĐR6], [CĐR7], [CĐR8].

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projecter, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

(đánh giá chuyên cần, kiểm tra giữa kỳ bỏ trống nếu là sinh viên năm thứ 2 trở lên)

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình:**			
	Xét điều kiện được thi		Tham gia học lý thuyết tối thiểu đạt 80 %;	CĐR 2,4, 6,7, 8
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	100%	Sinh viên qua môn: đạt từ 4/10 điểm	CĐR 2,4, 6,7, 8

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm thi thực hành X 1 + Điểm lý thuyết X 2)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
NỘI BỆNH LÝ 2 (PHẦN LÂM SÀNG)
Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Nội bệnh lý 2
* Tiếng Việt: Nội bệnh lý 2
* Tiếng Anh: Clinical Internal pathology II
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 2.0
- Đối tượng học (năm thứ): sinh viên Y khoa năm thú 6
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [x]	Tự chọn □	

- Học phần tiên quyết: Học viên đã học xong các học phần: Giải phẫu, Sinh lý, Hóa sinh, Giải phẫu bệnh, Sinh lý bệnh, Nội cơ sở, Ngoại cơ sở ,Dược, Nội bệnh lý 1
- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun:

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
38.	Trần Thị Kim Thư	0982463479	bstrankimthu@gmail.com
39.	Đặng Việt Sinh	0915011418	bssinh2016@gmail.com
40.	Nguyễn Thị Hồng Loan	0983937809	honglaonbibi@gmail.com
41.	Trần Thị Thu Hương	0983290394	huonggvbve@gmail.com
42.	Trần Thị Minh	09060050918	bstranminh8178@gmail.com
43.	Trần Thị Hải Yến	0932371045	bstranhaiyen1307@gmail.com
44.	Các giảng viên thỉnh giảng tại các bệnh viện thực hành: Bệnh viện 19.8 BCA; Bệnh viện E Trung ương; Bệnh viện Nội tiết Trung ương; Bệnh viện Thanh Nhàn; Bệnh viện Đa khoa Hà Đông; bệnh viện Saint Paul.		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
MT1	Thực hiện được kỹ năng hỏi bệnh, khai	**CĐR 2, 4, 6, 7, 8**	5

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	thác triệu chứng cơ năng, bệnh sử, tiền sử người bệnh mắc bệnh lý nội khoa thông thường.		
MT2	Thực hiện được kỹ năng thăm khám, phát hiện được các dấu hiệu bênh lý nội khoa thông thường	**CĐR 2, 4, 6, 7, 8**	**5**
MT3	Lập luận chẩn đoán sơ bộ, chỉ định và nhận đinh được kết quả cận lâm sàng một số bệnh lý nội khoa thông thường.	**CĐR 2, 4, 6, 7, 8**	5
MT4	Lập luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán nguyên nhân và đưa ra hướng điều trị, và chương trình điều trị cụ thể một số bệnh lý nội khoa thông thường.	**CĐR 2, 4, 6, 7, 8**	5
MT5	Thể hiện thái độ ân cần, hòa nhã và đúng mực khi tiếp xúc và thăm khám bệnh nhân.	**CĐR 14**	5

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Thực hiện được kỹ năng thăm khám, chẩn đoán và chương trình điều trị cho một số bệnh lý nội khoa thường gặp. Có thái độ ân cần, hòa nhã và đúng mực khi tiếp xúc và thăm khám bệnh nhân..	Thực hiện được kỹ năng thăm khám, chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý nộ khoa thường gặp. Có thái độ ân cần, hòa nhã và đúng mực khi tiếp xúc và thăm khám bệnh nhân..

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CĐR2	CĐR4	CĐR6	CĐR7	CĐR8	….	CĐR14

Chẩn đoán và điều trị Tăng huyết áp	3	3	3	3	3		2
Chẩn đoán và điều trị Cơn đau thắt ngực/nhồi máu cơ tim	3	3	3	3	3		2
Chẩn đoán và điều trị Suy tim	3	3	3	3	3		2
Chẩn đoán và điều trị Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính	3	3	3	3	3		2
Chẩn đoán và điều trị Hen phế quản	3	3	3	3	3		2
Chẩn đoán và điều trị Viêm phổi/Viêm phế quản/Tràn dịch màng phổi.	3	3	3	3	3		2
Chẩn đoán và điều trị Xơ gan/Viêm gan	3	3	3	3	3		2
Chẩn đoán và điều trị Xuất huyết tiêu hóa do GVTM thực quản/ do ổ loét	3	3	3	3	3		2
Chẩn đoán và điều trị Loét dạ dày tá tràng	3	3	3	3	3		2
Chẩn đoán và điều trị Bệnh thận mạn	3	3	3	3	3		2
Chẩn đoán và điều trị Nhiễm khuẩn tiết niệu/ Sỏi tiết niệu	3	3	3	3	3		2
Chẩn đoán và điều trị Hội chứng thận hư/Viêm cầu thận	3	3	3	3	3		2
Chẩn đoán và điều trị Thoái hóa khớp	3	3	3	3	3		2
Chẩn đoán và điều trị Viêm khớp dạng thấp/Viêm cột sống dính khớp	3	3	3	3	3		2
Chẩn đoán và điều trị gut	3	3	3	3	3		2
Chẩn đoán và điều trị Đái tháo đường	3	3	3	3	3		2
Chẩn đoán và điều trị Basedow	3	3	3	3	3		2
Khám chẩn đoán Bn HC Cushing	3	3	3	3	3		2
Chẩn đoán và điều trị Thiếu máu	3	3	3	3	3		2
Chẩn đoán và điều trị Lơ xơ mi cấp	3	3	3	3	3		2
Chẩn đoán và điều trị Tăng huyết áp	CĐR2	CĐR4	CĐR6	CĐR7	CĐR8	….	CĐR14

6. Mô tả học phần/ mô đun

– Phần thực hành/ lâm sàng :

Vị trí/vai trò của phần Thực hành/ seminar: Học phần bệnh học là học phần rất quan trong, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học một số bệnh nội khoa thông thường.

Mục đích của phần Học phần: giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng chẩn đoán và đưa ra hướng điều trị cụ thể cho một số bệnh nội khoa thông thường.

Nội dung chính yếu: Học phần này sẽ tập trung chủ yếu vào thực hành các kỹ năng thăm khám, hỏi bệnh, nhận định ttriệu chứng cơ năng và thực thể một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng từ đó quy về hội chứng bệnh, lập luận chẩn đoán đưa ra chẩn đoán sơ bộ ,chỉ định cận lâm sàng và nhận định được kết quả cận lâm sàng từ đó lập luận đua ra chẩn đoán xác định và hướng điều trị cụ thể cho một số bệnh nội khoa thường gặp.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Thời gian thực tập (tiết)**	**Thời gian tự học (giờ)**	**Yêu cầu đối với sinh viên**
Chẩn đoán và điều trị Tăng huyết áp	**04**	**04**	Chuẩn bị bài: Sinh viên thăm khám bệnh nhân và hoàn thành bệnh án trước buổi giảng.
Chẩn đoán và điều trị Cơn đau thắt ngực/nhồi máu cơ tim	04	04	
Chẩn đoán và điều trị Suy tim	04	04	
Chẩn đoán và điều trị Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính	04	04	
Chẩn đoán và điều trị Hen phế quản	04	04	
Chẩn đoán và điều trị Viêm phổi/Viêm phế quản/Tràn dịch màng phổi.	04	04	
Chẩn đoán và điều trị Xơ gan/Viêm gan	04	04	
Chẩn đoán và điều trị Xuất huyết tiêu hóa do GVTM thực quản/ do ổ loét	04	04	
Chẩn đoán và điều trị Loét dạ dày tá tràng	04	04	
Chẩn đoán và điều trị Bệnh thận mạn	04	04	
Chẩn đoán và điều trị Nhiêm khuẩn tiết niệu/ Sỏi tiết niệu	04	04	
Chẩn đoán và điều trị Hội chứng thận hư/Viêm cầu thận	04	04	
Chẩn đoán và điều trị Thoái hóa khớp	04	04	
Chẩn đoán và điều trị Viêm khớp dạng thấp/Viêm cột sống dính khớp	04	04	
Chẩn đoán và điều trị gut	04	04	
Chẩn đoán và điều trị Đái tháo đường	04	04	
Chẩn đoán và điều trị Basedow	04	04	
Khám chẩn đoán Bn HC Cushing	04	04	
Chẩn đoán và điều trị Thiếu máu	04	04	

Chẩn đoán và điều trị Lơ xơ mi cấp	04	04	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Giáo trình học tập: Giáo trình Nội bệnh lý (2021), Học viện YDHCT Việt Nam (Tài liệu lưu hành nội bộ);

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Nội bệnh lý tập 1 (2021), Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
- Nội bệnh lý tập 2 (2021), Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Báo cáo/ Seminar	
Thứ tự giảng tùy thuộc vào lịch luân khoa tại bệnh viện thực hành	Chẩn đoán và điều trị Tăng huyết áp	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Cơn đau thắt ngực/nhồi máu cơ tim	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Suy tim	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Hen phế quản	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Viêm phổi/Viêm phế quản/Tràn dịch màng phổi.	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Xơ gan/Viêm gan	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Xuất huyết tiêu hóa do GVTM thực quản/ do ổ loét	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Loét dạ dày tá tràng	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Bệnh thận mạn	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Nhiêm khuẩn tiết niệu/ Sỏi tiết niệu	02				02	04

	Chẩn đoán và điều trị Hội chứng thận hư/Viêm cầu thận	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Thoái hóa khớp	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Viêm khớp dạng thấp/Viêm cột sống dính khớp	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị gut	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Đái tháo đường	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Basedow	02				02	04
	Khám chẩn đoán Bn HC Cushing	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Thiếu máu	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Lơ xơ mi cấp	02				02	04

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR 1, CĐR 6, CĐR 14

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình□ Động não [x] Phản biện [x] Học dựa trên vấn đề □

Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống [x] Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập [x]

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra

Học tập thảo luận đạt

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CĐR 2, 4,6,7,8 và CĐR14

- ✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Sinh viên thăm khám bệnh nhân và làm bệnh án trước buổi giảng. Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách thức tham khám bệnh và nhận định triệu chứng lâm sàng, thảo luận phân tích chẩn đoán và chỉ định cận lâm sàng.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Tuân thủ thời gian thực hành lâm sàng: 7h30 – 11h30, trong thời gian đi lâm sàng tại các bệnh viện, khám bệnh nhân, làm bệnh án, theo dõi bệnh nhân, chép sổ giao ban và báo cáo giao ban, phụ giúp BS và y tá trực trong điều trị, chăm sóc và cấp cứu Bn, tiếp cận bệnh nhân thăm khám và nhận định triệu chứng từ đó lập luận đưa ra định hướng chẩn đoán, chỉ định cận lâm sàng, dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng.
- Mỗi sinh viên làm 01 bệnh án/tuần.
- Tham gia trực tại khoa học lâm sàng:

+ Ngày thường: Nhận trực muộn nhất là **18h** hôm trước, trực đến **07h30'** ngày hôm sau và tham gia học lâm sàng bình thường. Sinh viên trực khoa nào có thể tham gia giao ban buổi sáng tại Khoa đó (tùy theo thực tế tại BV lâm sàng)

+ Thứ 7, CN và ngày nghỉ Lễ: Tua 1: **7h00'** đến **18h00'**; Tua 2: từ **18h00'** đến **8h00'** ngày hôm sau (phải có sự bàn giao trực giữa các tua).

+ Nhiệm vụ của SV trong tua trực: SV phải có mặt tại vị trí trực đúng giờ, khám Bn, làm bệnh án, theo dõi bệnh nhân, chép sổ giao ban và báo cáo giao ban, phụ giúp BS và y tá trực trong điều trị, chăm sóc và cấp cứu BN

+ Mỗi nhóm sinh viên có một ***Sổ theo dõi trực lâm sàng***. Sau mỗi buổi trực phải có ký nhận của bác sĩ trong tua trực

- Chấp hành đầy đủ các nội quy của Bệnh viện, Khoa, Phòng.
- Thi kết thúc học phần

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Thực hiện đúng nội qui, chế chế học lâm sàng, tham gia đầy đủ thời gian học lâm sàng, tham gia trực nghiêm túc, làm đủ bệnh án.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm (tùy bộ môn)

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình:** Hình thức đánh giá: Xét điều kiện được thi			
2	**Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng**			
	Hình thức thi Lâm sàng: học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh	100%	≥ 4	CĐR1, CĐR 6, CĐR 14.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
NGOẠI BỆNH LÝ 2 (PHẦN LÝ THUYẾT)
Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Ngoại bệnh lý 2
* Tiếng Việt: Ngoại bệnh lý 2
* Tiếng Anh: Pathology surgery 2
- Mã học phần/ mô đun: MEDI6137
- Số tín chỉ: (3.0 LT, 2.0 LS)
- Đối tượng học (năm thứ): 6
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [x]	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Giải phẫu 1,2; Sinh lý; Sinh lý bệnh miễn dịch; Ngoại cơ sở Y học hiện đại, Nội cơ sở Y học hiện đại, Phẫu thuật thực hành, Ngoại bệnh lý 1, Nội bệnh lý 1, Nhi khoa 1, Phụ sản 1
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
  + Lý thuyết: 45 tiết
  + Bài tập: tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
  + Kiểm tra: 1 tiết
  + Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Ngoại

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Phạm Thái Hưng	0982714599	Phamthaihung73@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Văn Trường		
3	BSCKI. Phạm Việt Dương	0902110224	Duongpv1104@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT1	Có kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và xử trí về bệnh lý ngoại khoa.	CĐR1	3
MT3	Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh ngoại khoa thông thường.	CĐR1 CĐR4	3
MT4	Chẩn đoán được một số bệnh ngoại khoa thông thường và tiên lượng điều trị.	CĐR1 CĐR2	3
	Kỹ năng		
MT2	Cách thăm khám phát hiện các triệu chứng lâm sàng thường gặp và các trường hợp cấp cứu ngoại khoa thông thường.	CĐR4 CĐR5 CĐR6	3
MT5	Thực hiện được một số thủ thuật, tiểu phẫu thuật cơ bản khi điều trị các bệnh lý ngoại khoa.	CĐR5 CĐR6 CĐR7	3
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT6	Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý ngoại khoa	CĐR13 CĐR14 CĐR15	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Có kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và xử trí về bệnh lý ngoại khoa. **MT3:** Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh ngoại khoa thông thường. **MT4:** Chẩn đoán được một số bệnh ngoại khoa thông thường và tiên lượng điều trị.	**CLO 1:** Có kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và xử trí về bệnh lý ngoại khoa. **CLO3:** Đề xuất các chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh ngoại khoa thông thường **CLO4:** Chẩn đoán được một số bệnh ngoại khoa thông thường và tiên lượng điều trị.
Kỹ năng	
MT2: Cách thăm khám phát hiện các triệu chứng lâm sàng thường gặp và các trường hợp cấp cứu ngoại khoa thông thường. **MT5:** Thực hiện được một số thủ thuật, tiểu phẫu thuật cơ bản khi điều trị các bệnh lý ngoại khoa.	**CLO 2:** Có kỹ năng thăm khám phát hiện các triệu chứng lâm sàng thường gặp và các trường hợp cấp cứu ngoại khoa thông thường. **CLO 5:** Chẩn đoán được một số bệnh ngoại khoa thông thường
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT6: Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý ngoại khoa	**CLO 6**: Có thái độ tỉ mỉ, cẩn trọng, tính chuyên nghiệp khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)					
	1	2	3	4	5	6
Hội chứng thiếu máu cấp tính ở chi	2	2	2	2	2	2
Phồng động mạch	2	2	2	2	2	2
Trĩ, rò hậu môn	2	2	2	2	2	2
Đại cương u xương	2	2	2	2	2	2
Vỡ xương chậu	2	2	2	2	2	2
Chảy máu đường tiêu hóa trên	2	2	2	2	2	2
Giãn đại tràng bẩm sinh	2	2	2	2	2	2

Thoát vị bẹn	2	2	2	2	2	2
U phì đại lành tính tuyến tiền liệt	2	2	2	2	2	2
Ung thư thực quản	2	2	2	2	2	2
Co thắt tâm vị	2	2	2	2	2	2
Vết thương khớp	2	2	2	2	2	2
Hoại thư sinh hơi	2	2	2	2	2	2
Nhiễm trùng bàn ngón tay	2	2	2	2	2	2
Ung thư trực tràng	2	2	2	2	2	2
Dị tật hậu môn trực tràng	2	2	2	2	2	2
Đại cương u não	2	2	2	2	2	2
Chấn thương cột sống	2	2	2	2	2	2
Vết thương phần mềm	2	2	2	2	2	2
Vết thương bàn tay	2	2	2	2	2	2
Ung thư thận	2	2	2	2	2	2
U bàng quang	2	2	2	2	2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Sau khi học xong Học phần Ngoại bệnh lý 2, học sinh nắm vững được:

- Kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý ngoại YHHĐ
- Có phương pháp luận khoa học của YHHĐ trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học
- Cách thăm khám phát hiện các triệu chứng lâm sàng thường gặp và các trường hợp cấp cứu thông thường trong Ngoại YHHĐ
- Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh ngoại khoa thông thường.
- Chẩn đoán được một số bệnh ngoại khoa thông thường và tiên lượng điều trị. Thực hiện được một số thủ thuật, tiểu phẫu thuật cơ bản khi điều trị các bệnh lý ngoại khoa.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy học**					**Yêu cầu đối với sinh viên**
	Lên lớp (Tiết)				**Tự học (Giờ)**	
	LT	**TH**	**BT/ TL/KT**	**Tổng cộng**		
Hội chứng thiếu máu cấp tính ở chi	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Phồng động mạch	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Trĩ, rò hậu môn	02					Đọc trước nội dung

						và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Đại cương u xương	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Vỡ xương chậu	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Chảy máu đường tiêu hóa trên	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Giãn đại tràng bẩm sinh	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Thoát vị bẹn	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
U phì đại lành tính tuyến tiền liệt	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Ung thư thực quản	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Co thắt tâm vị	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Vết thương khớp	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Hoại thư sinh hơi	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm

Nhiễm trùng bàn ngón tay	04					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Ung thư trực tràng	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Dị tật hậu môn trực tràng	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Đại cương u não	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Chấn thương cột sống	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Vết thương phần mềm	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Vết thương bàn tay	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Ung thư thận	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
U bàng quang	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Giáo trình Ngoại khoa, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam, TL nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Ngoại Bệnh lý (2008), Bộ Y tế, NXB Y học.

[2] Giáo trình Bệnh học ngoại khoa (2001), Học viện quân y, NXB Quân đội nhân dân.

[3] Bệnh học ngoại khoa (2003), Bộ Y tế, NXB Y học.
[4] Giáo trình Bệnh học ngoại khoa bụng (2010), Học viện quân y, NXB Quân đội nhân dân.
[5] Bệnh học ngoại khoa tiết niệu (2007), Học viện quân y, NXB Quân đội nhân dân.
[6] Bệnh học ngoại khoa tiêu hóa (2013), Đại học y dược TP. Hồ Chí Minh, NXB Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Hội chứng thiếu máu cấp tính ở chi	02					
2	Phồng động mạch	02					
3	Trĩ, rò hậu môn	02					
4	Đại cương u xương	02					
5	Vỡ xương chậu	02					
6	Chảy máu đường tiêu hóa trên	02					
7	Giãn đại tràng bẩm sinh	02					
8	Thoát vị bẹn	02					
9	U phì đại lành tính tuyến tiền liệt	02					
10	Ung thư thực quản	02					
11	Co thắt tâm vị	02					
12	Vết thương khớp	02					
13	Hoại thư sinh hơi	02					
14	Nhiễm trùng bàn ngón tay	04					
15	Ung thư trực tràng	02					
16	Dị tật hậu môn trực tràng	02					
17	Đại cương u não	02					
18	Chấn thương cột sống	02					
19	Vết thương phần mềm	02					
20	Vết thương bàn tay	02					
21	Ung thư thận	02					
22	U bàng quang	02					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình □ Động não [x] Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projecter, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành/ lâm sàng	33,3%		
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	66,7%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 4

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận
- Điểm kết thúc thực hành thực hành là điêm thi lâm sàng
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm thi lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
NGOẠI BỆNH LÝ 2 (PHẦN LÂM SÀNG)
Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Ngoại bệnh lý 2
* Tiếng Việt: Ngoại bệnh lý 2
* Tiếng Anh: Pathology surgical clinic 2
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 2.0
- Đối tượng học (năm thứ): 6
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [x]	Tự chọn □	

- Học phần tiên quyết: Giải phẫu 1,2; Sinh lý; Sinh lý bệnh miễn dịch; Ngoại cơ sở Y học hiện đại; Nội cơ sở Y học hiện đại; Phẫu thuật thực hành, Ngoại bệnh lý 1, Nội bệnh lý 1, Nhi khoa 1, Phụ sản 1
- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn Ngoại

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Phạm Thái Hưng	0982714599	Phamthaihung73@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Văn Trường		
3	BSCKI. Phạm Việt Dương	0902110224	Duongpv1104@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT1	Có kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và xử trí về bệnh lý ngoại khoa.	CĐR1	3
MT3	Chỉ định và đánh giá được một số kết quả	CĐR1	3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh ngoại khoa thông thường.	CĐR4	
MT4	Chẩn đoán được một số bệnh ngoại khoa thông thường và tiên lượng điều trị.	CĐR1 CĐR2	3
	Kỹ năng		
MT2	Cách thăm khám phát hiện các triệu chứng lâm sàng thường gặp và các trường hợp cấp cứu ngoại khoa thông thường.	CĐR4 CĐR5 CĐR6	3
MT5	Thực hiện được một số thủ thuật, tiểu phẫu thuật cơ bản khi điều trị các bệnh lý ngoại khoa.	CĐR5 CĐR6 CĐR7	3
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT6	Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý ngoại khoa	CĐR13 CĐR14 CĐR15	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Có kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và xử trí về bệnh lý ngoại khoa. **MT3:** Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh ngoại khoa thông thường. **MT4:** Chẩn đoán được một số bệnh ngoại khoa thông thường và tiên lượng điều trị.	**CLO 1:** Có kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và xử trí về bệnh lý ngoại khoa. **CLO3:** Đề xuất các chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh ngoại khoa thông thường **CLO4:** Chẩn đoán được một số bệnh ngoại khoa thông thường và tiên lượng điều trị.
Kỹ năng	

MT2: Cách thăm khám phát hiện các triệu chứng lâm sàng thường gặp và các trường hợp cấp cứu ngoại khoa thông thường. **MT5:** Thực hiện được một số thủ thuật, tiểu phẫu thuật cơ bản khi điều trị các bệnh lý ngoại khoa.	**CLO 2:** Có kỹ năng thăm khám phát hiện các triệu chứng lâm sàng thường gặp và các trường hợp cấp cứu ngoại khoa thông thường. **CLO 5:** Chẩn đoán được một số bệnh ngoại khoa thông thường
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT6: Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý ngoại khoa	**CLO 6**: Có thái độ tỉ mỉ, cẩn trọng, tính chuyên nghiệp khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)**					
	1	2	3	4	5	6
Hội chứng thiếu máu cấp tính ở chi	2	2	2	2	2	2
Phồng động mạch	2	2	2	2	2	2
Trĩ, rò hậu môn	2	2	2	2	2	2
Đại cương u xương	2	2	2	2	2	2
Vỡ xương chậu	2	2	2	2	2	2
Chảy máu đường tiêu hóa trên	2	2	2	2	2	2
Giãn đại tràng bẩm sinh	2	2	2	2	2	2
Thoát vị bẹn	2	2	2	2	2	2
U phì đại lành tính tuyến tiền liệt	2	2	2	2	2	2
Ung thư thực quản	2	2	2	2	2	2
Co thắt tâm vị	2	2	2	2	2	2
Vết thương khớp	2	2	2	2	2	2
Hoại thư sinh hơi	2	2	2	2	2	2
Nhiễm trùng bàn ngón tay	2	2	2	2	2	2
Ung thư trực tràng	2	2	2	2	2	2
Dị tật hậu môn trực tràng	2	2	2	2	2	2
Đại cương u não	2	2	2	2	2	2
Chấn thương cột sống	2	2	2	2	2	2
Vết thương phần mềm	2	2	2	2	2	2
Vết thương bàn tay	2	2	2	2	2	2
Ung thư thận	2	2	2	2	2	2
U bàng quang	2	2	2	2	2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Sau khi học xong Học phần Ngoại bệnh lý 2, học sinh nắm vững được:

- Kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý ngoại YHHĐ
- Có phương pháp luận khoa học của YHHĐ trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học
- Cách thăm khám phát hiện các triệu chứng lâm sàng thường gặp và các trường hợp cấp cứu thông thường trong Ngoại YHHĐ
- Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh ngoại khoa thông thường.
- Chẩn đoán được một số bệnh ngoại khoa thông thường và tiên lượng điều trị. Thực hiện được một số thủ thuật, tiểu phẫu thuật cơ bản khi điều trị các bệnh lý ngoại khoa.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thảo luận (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Hội chứng thiếu máu cấp tính ở chi	04		Chuẩn bị bài, làm và viết bệnh án - Chuẩn bị báo cáo Slide theo nhóm - Thấu hiểu và phản ứng nhanh khi vấn đáp - Ưu tiên phản biện, tính sáng tạo
Phồng động mạch	04		
Trĩ, rò hậu môn	04		
Đại cương u xương	02		
Vỡ xương chậu	02		
Chảy máu đường tiêu hóa trên	04		
Giãn đại tràng bẩm sinh	02		
Thoát vị bẹn	02		
U phì đại lành tính tuyến tiền liệt	02		
Ung thư thực quản	02		
Co thắt tâm vị	02		
Vết thương khớp	04		
Hoại thư sinh hơi	02		
Nhiễm trùng bàn ngón tay	02		
Ung thư trực tràng	02		
Dị tật hậu môn trực tràng	04		
Đại cương u não	04		
Chấn thương cột sống	02		
Vết thương phần mềm	02		
Vết thương bàn tay	04		
Ung thư thận	02		
U bàng quang	02		

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Giáo trình Ngoại khoa, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam, TL nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Ngoại Bệnh lý (2008), Bộ Y tế, NXB Y học.

[2] Giáo trình Bệnh học ngoại khoa (2001), Học viện quân y, NXB Quân đội nhân dân.

[3] Bệnh học ngoại khoa (2003), Bộ Y tế, NXB Y học.

[4] Giáo trình Bệnh học ngoại khoa bụng (2010), Học viện quân y, NXB Quân đội nhân dân.

[5] Bệnh học ngoại khoa tiết niệu (2007), Học viện quân y, NXB Quân đội nhân dân.

[6] Bệnh học ngoại khoa tiêu hóa (2013), Đại học y dược TP. Hồ Chí Minh, NXB Y học

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	Hội chứng thiếu máu cấp tính ở chi	04					
2	Phồng động mạch	04					
3	Trĩ, rò hậu môn	04					
4	Đại cương u xương	02					
5	Vỡ xương chậu	02					
6	Chảy máu đường tiêu hóa trên	04					
7	Giãn đại tràng bẩm sinh	02					
8	Thoát vị bẹn	02					
9	U phì đại lành tính tuyến tiền liệt	02					
10	Ung thư thực quản	02					
11	Co thắt tâm vị	02					
12	Vết thương khớp	04					
13	Hoại thư sinh hơi	02					
14	Nhiễm trùng bàn ngón tay	02					
15	Ung thư trực tràng	02					
16	Dị tật hậu môn trực tràng	04					
17	Đại cương u não	04					
18	Chấn thương cột sống	02					
19	Vết thương phần mềm	02					

20	Vết thương bàn tay	04					
21	Ung thư thận	02					
22	U bàng quang	02					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR CLO1 đến CLO6

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành, bình và phân tích bệnh án học tập

Thuyết trình [x] Động não [x] Phản biện [x] Học dựa trên vấn đề □

Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống [x] Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập [x]

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra và CĐR1 – CLO4

Học tập thảo luận đạt CLO1 và CLO6

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CLO1 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Giảng viên cung cấp thiết kế bài giảng, nội dung thảo luận và chuyển tại cho sinh viên chuẩn bị báo cáo bài tập, báo cáo slide theo một báo cáo khoa học
- Hướng dẫn tại buồng, đi buồng phòng hướng dẫn khám bệnh, chữa bệnh án học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên không được tự ý vắng buổi học lâm sàng, tuyệt đối không bỏ trực viện, khoa
- Sinh viên phải có bài báo cáo, bệnh án chuẩn bị trước giờ giảng, chiếu slide theo yêu cầu chỉ định của giảng viên và cho phép phản biện bài của bạn học, trả lời các câu hỏi của giảng viên

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng (hệ 10 điểm)**			
	Điểm thi lâm sàng	100%	≥ 4	CLO1 – CLO7

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận
- Điểm kết thúc thực hành thực hành là điêm thi lâm sàng
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm thi lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN
SẢN PHỤ SẢN 1
Đối tượng đào tạo: Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: Phụ sản 1
* Tiếng Việt: Phụ sản 1
* Tiếng Anh:
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 2
- Đối tượng học (năm thứ): Y4 Bác sỹ YHCT, Bác sỹ đa khoa
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
+ Giải phẫu sinh lý
+ Giải phẫu bệnh
+ Sinh lý bệnh
+ Bệnh học nội khoa
+ Bệnh học ngoại khoa
+ Nhi khoa
+ Hồi sức cấp cứu
+ Hóa sinh
+ Lý sinh
+ Dược lý học lâm sàng
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết
    + Lý thuyết: 25 tiết
    + Bài tập: 2 tiết
    + Thảo luận, hoạt động nhóm: 3 tiết
    + Kiểm tra: tiết
    + Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Sản Phụ khoa

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1	TS. Nguyễn Thị Thủy	0912424455	nguyenthithuy@gmail.com	
2	BSCKII Trần Quyết Thắng	0904484444	minhthang4484444@gmail.com	GV mời

3	BSCKI. Nguyễn Thành Trung	09044482038	thanhtrung.nth@gmail.com	GV mời

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
- Nêu được nguyên nhân gây các bệnh lý trong học phần theo YHHĐ - Trình bày được triệu chứng của các mặt bệnh - Trình bày được chẩn đoán - Nêu được hướng xử trí, điều trị cụ thể cho các bệnh trong nội dung học tập	* Kiến thức: - Có kiến thức cơ bản về sinh lý và bệnh lý sản phụ khoa; - Có kiến thức cơ bản về chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh; - Có phương pháp luận khoa học trong công tác phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học; - Nắm vững pháp luật và chính sách về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân.		
	* Kỹ năng: - Chẩn đoán, xử lý, theo dõi và dự phòng các bệnh thường gặp và các cấp cứu sản phụ khoa thông thường; - Chẩn đoán và xử trí một số bệnh sản phụ khoa thường gặp; - Chỉ định và đánh giá được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh sản phụ khoa thông thường; - Đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp, lập kế hoạch chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khoẻ sinh sản toàn diện và liên tục cho cá nhân, gia đình, cộng đồng và bảo vệ môi trường; - Thực hiện một số xét nghiệm đơn giản tại cộng đồng; - Áp dụng y học cổ truyền trong		

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	công tác phòng và chữa bệnh; - Thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục sức khoẻ, tổ chức chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân;		
	* Thái độ: - Tận tuỵ với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân; tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh; - Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành; - Coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền. - Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp; - Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ.		

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần	CĐR của học phần
Kiến thức	
- Nêu được nguyên nhân gây các bệnh lý trong học phần theo YHHĐ - Trình bày được triệu chứng của các mặt bệnh - Trình bày được chẩn đoán - Nêu được hướng xử trí,	- Có kiến thức cơ bản về sinh lý và bệnh lý sản phụ khoa; - Có kiến thức cơ bản về chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh; - Có phương pháp luận khoa học trong công tác phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học; - Nắm vững pháp luật và chính sách về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân.

điều trị cụ thể cho các bệnh trong nội dung học tập	
Kỹ năng	
- Nêu được nguyên nhân gây các bệnh lý trong học phần theo YHHĐ - Trình bày được triệu chứng của các mặt bệnh - Trình bày được chẩn đoán - Nêu được hướng xử trí, điều trị cụ thể cho các bệnh trong nội dung học tập	- Chẩn đoán, xử lý, theo dõi và dự phòng các bệnh thường gặp và các cấp cứu sản phụ khoa thông thường; - Chẩn đoán và xử trí một số bệnh sản phụ khoa thường gặp; - Chỉ định và đánh giá được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh sản phụ khoa thông thường; - Đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp, lập kế hoạch chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khoẻ sinh sản toàn diện và liên tục cho cá nhân, gia đình, cộng đồng và bảo vệ môi trường; - Thực hiện một số xét nghiệm đơn giản tại cộng đồng; - Áp dụng y học cổ truyền trong công tác phòng và chữa bệnh; - Thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục sức khoẻ, tổ chức chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân;
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
	- Tận tuỵ với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân; tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh; - Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành; - Coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền. - Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp; - Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT
MT 1	Nội dung trong học phần lý thuyết	Ghi nhớ
MT2		Chẩn đoán và điều trị được
MT3		Phân tích, tổng hợp, tiên lượng, đánh giá vận dụng làm bài kiểm tra test

6. Mô tả học phần/ mô đun

Sản phụ khoa là môn học về các chứng bệnh của riêng người phụ nữ, bao gồm các bệnh của bộ máy sinh dục nữ và tất cả những gì có liên quan. Nó trang bị cho học sinh kiến thức về đặc điểm sinh lý, bệnh lý, cách khám phát hiện bệnh, cách phòng và điều trị các bệnh phụ khoa, sản khoa. Gồm 2 nội dung cơ bản:

- Đặc điểm sinh lý, bệnh lý, nguyên tắc điều trị sản phụ khoa
- Phụ khoa: Bệnh lý của bộ phận sinh dục nữ ngoài thời kỳ sinh đẻ
- Sản khoa: Là tình trạng thai nghén và các bệnh lý liên quan đến sinh đẻ

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/TL/ KT		Tổng cộng		
Bài 1: Giới thiệu những nét cơ bản trong sản phụ khoa	1	0	0		1		- Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực
Bài 2: Sự thụ tinh. Sự làm tổ và phát triển của trứng. Chẩn đoán thai nghén	2	0	0		2		-Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Bài 3: Thay đổi giải phẫu và sinh lý ở người phụ nữ có thai	3	0	0		3		-Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Bài 4: Tính chất thai nhi đủ tháng, các phần phụ thai nhi đủ tháng	2	0	1		3		-Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hoàn thành và nộp bài tập đúng hạn - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Bài 5: Chẩn đoán ngôi- Thế- Kiểu thế	2	0	0		2		- Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Bài 6: Sinh lý chuyển dạ	2	0	1		3		-Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực

							- Hoàn thành và nộp bài tập đúng hạn - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Bài 7: Cơ chế đẻ ngôi chỏm kiểu thế	2	0	1		3		-Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hoàn thành và nộp bài tập đúng hạn - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Bài 8: Đẻ khó	2	0	1		3		-Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hoàn thành và nộp bài tập đúng hạn - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Bài 9: Nhiễm khuẩn hậu sản	2	0	0		2		-Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Bài 10: Chảy máu ba tháng đầu thời kỳ thai nghén.	2	0	0		2		-Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Bài 11: Chảy máu 3 tháng cuối, trong chuyển dạ và sau đẻ.	3	0	0		3		-Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Bài 12:Tư vấn và các biện pháp kế hoạch hóa gia đình	2	0	1		3		
Tổng	25	0	5		30		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC) : Bài giảng Sản phụ khoa Y học hiện đại – Bộ môn Sản phụ khoa – Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam

8.2. Tài liệu tham khảo

- Bài giảng sản khoa – Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh
- Bài giảng sản phụ khoa – Đại học Y Hà Nội Tập 1, Tập 2
- Bài giảng Sản phụ khoa Đại học Y Hà Nội (dùng cho đối tượng sau đại học)
- Phụ khoa thực hành
- Siêu âm sản khoa thực hành – Đỗ Danh Toàn – Nhà xuất bản Y học
- Thủ thuật Sản khoa – Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	7		1			
2	7			1		
3	7		1			
4	5	1				

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình □ Động não □ Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm □ Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR ... đến CĐR ....
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ....
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...
- Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

- Bổ sung thêm 02 giảng viên giảng dạy chuyên ngành sản phụ khoa YHHĐ trình độ sau đại học

- Có giảng đường đầy đủ trang thiết bị phương tiện giảng dạy

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt ….. %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần			
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn, ...			
	Thực hành			
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	thi trắc nghiệm	100%		Điểm đạt: > 4.0

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết: Thi trắc nghiêm Điểm đạt: > 4.0
- Điểm lâm sàng: Hỏi thi lâm sàng Điểm đạt: > 6.0

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (Thực hành/lâm sàng)
PHỤ SẢN 1
Đối tượng đào tạo: Bác sỹ đa khoa ,Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần: Phụ sản 1
* Tiếng Việt:
* Tiếng Anh:
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 2
- Đối tượng học (năm thứ): Y4 Bác sỹ YHCT, Bác sỹ đa khoa
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Học phần tiên quyết:
+ Giải phẫu sinh lý
+ Giải phẫu bệnh
+ Sinh lý bệnh
+ Bệnh học nội khoa
+ Bệnh học ngoại khoa
+ Nhi khoa
+ Hồi sức cấp cứu
+ Hóa sinh
+ Lý sinh
+ Dược lý học lâm sàng
- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ mon Sản phụ khoa

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1	TS. Nguyễn Thị Thủy	0912424455	nguyenthithuy@gmail.com	
2	BSCKII Trần Quyết Thắng	0904484444	minhthang4484444@gmail.com	GV mời
3	BSCKI. Nguyễn Thành Trung	09044482038	thanhtrung.nth@gmail.com	GV mời
4	BSCKII. Nguyễn Thị Ngọc Bích	0912425566	ngocbich@gmail.com	
5	Nguyễn Minh Đức	0967898896	minhduc@gmail.com	
6	Nguyễn Đức Tú	0983730414		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
MT 1	Biết làm bệnh án sản phụ khoa Nhớ được các kiến thức cơ bản về sinh lý sản phụ khoa vận dụng vào chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường	Ghi nhớ	
MT2	Kiến tập phụ giúp bác sỹ làm một số thủ thuật: đẻ thường, mổ đẻ, nạo hút thai, đốt điện cổ tử cung, lấy bệnh phẩm, đặt dụng cụ tử cung	Thành thục	
MT3	Theo dõi chuyển dạ, vẽ biểu đồ chuyển dạ, thăm khám phát hiện các dấu hiệu bất thường trong thời kỳ chuyển dạ, trong cuộc đẻ và hậu sản.	Thành thục	
MT4	Chăm sóc sơ sinh sau đẻ Tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ	Thành thục	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần	**CĐR của học phần**
Kiến thức	
- Nêu được nguyên nhân gây các bệnh lý trong học phần theo YHHĐ - Trình bày được triệu chứng của các mặt bệnh - Trình bày được chẩn đoán - Nêu được hướng xử trí, điều trị cụ thể cho các bệnh trong nội dung học tập	Ghi nhớ, nắm rõ
Kỹ năng	
Biết làm bệnh án sản phụ khoa	Ghi nhớ

Nhớ được các kiến thức cơ bản về sinh lý sản phụ khoa vận dụng vào chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường	
Kiến tập phụ giúp bác sỹ làm một số thủ thuật: đẻ thường, mổ đẻ, nạo hút thai, đốt điện cổ tử cung, lấy bệnh phẩm, đặt dụng cụ tử cung	Thành thục
Theo dõi chuyển dạ, vẽ biểu đồ chuyển dạ, thăm khám phát hiện các dấu hiệu bất thường trong thời kỳ chuyển dạ, trong cuộc đẻ và hậu sản.	Thành thục
Chăm sóc sơ sinh sau đẻ Tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ	Thành thục
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
- Tận tuỵ với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân; tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh; - Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành; - Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp; - Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ.	

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**						
	CĐR1	CĐR2	CĐR…	CĐR…	CĐR…	CĐR…	CĐR…
Nội dung 1							
Nội dung 2							
Nội dung …….							

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Sản phụ khoa là môn học về các chứng bệnh của riêng người phụ nữ, bao gồm các bệnh của bộ máy sinh dục nữ và tất cả những gì có liên quan. Nó trang bị cho học sinh kiến thức về đặc điểm sinh lý, bệnh lý, cách khám phát hiện bệnh, cách phòng và điều trị các bệnh phụ khoa, sản khoa. Gồm 2 nội dung cơ bản:

- Đặc điểm sinh lý, bệnh lý, nguyên tắc điều trị sản phụ khoa
- Phụ khoa: Bệnh lý của bộ phận sinh dục nữ ngoài thời kỳ sinh đẻ
- Sản khoa: Là tình trạng thai nghén và các bệnh lý liên quan đến sinh đẻ
- Ngoài ra cần phải nghiên cứu thêm các biện pháp sinh đẻ kế hoạch giúp người phụ nữ sinh đẻ theo ý muốn đặc biệt là điều trị các bệnh lý về vô sinh cho các cặp vợ chồng hiếm muộn

7. Nội dung chi tiết học phần thực hành/ lâm sàng

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Làm 8 bệnh án sản khoa, phụ khoa (bệnh án điều kiện)	**5**	**15**	- Làm và nộp bệnh án điều kiện đúng hạn
Khám và quản lý thai nghén	**5**	**15**	- Kiến tập khám và quản lý thai nghén - Khám và quản lý thai nghén 10 ca
Khám chuyển dạ	**10**	**10**	- Nhận biết các dấu hiệu chuyển dạ - Theo dõi chuyển dạ 10 ca
Khám phụ khoa	**10**	**10**	- Nhận biết các dấu hiệu bệnh lý phụ khoa - Khám phụ khoa 10 ca
Một số thủ thuật sản phụ khoa	**10**	**10**	- Kiến tập khi bác sỹ tiến hành thủ thuật: 5 ca
Theo dõi sản phụ sau đẻ	**10**	**10**	- Theo dõi 5 ca
Chăm sóc sơ sinh sau đẻ (tắm bé)	**10**	**10**	- 5 ca
Đặt dụng cụ tử cung, tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ	**10**	**10**	- Kiến tập - Phụ giúp thầy thuốc - Trực tiếp tư vấn
Tổng	**80**	**80**	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC) : Bài giảng Sản phụ khoa Y học hiện đại. Bộ môn Sản phụ khoa Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam

8.2. Tài liệu tham khảo

- Bài giảng sản khoa – Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh
- Bài giảng sản phụ khoa – Đại học Y Hà Nội Tập 1, Tập 2
- Bài giảng Sản phụ khoa Đại học Y Hà Nội (dùng cho đối tượng sau đại học)
- Phụ khoa thực hành
- Siêu âm sản khoa thực hành – Đỗ Danh Toàn – Nhà xuất bản Y học
- Thủ thuật Sản khoa – Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần	Giờ giảng của giảng viên (giờ)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	
1	4			Hướng dẫn làm bệnh án, bình bệnh án	16
2	4			Bình bệnh án, thảo luận nhóm	16
3	4			Bình bệnh án, thảo luận nhóm	16
4	4			Bình bệnh án, thảo luận nhóm	16
5	4			Bình bệnh án, thảo luận nhóm	16
6	4			Bình bệnh án, thảo luận nhóm	16
7	4			Bình bệnh án, thảo luận nhóm	16
8	4	4		Bình bệnh án, thảo luận nhóm, hỏi thi vấn đáp	8

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

- Sinh viên quan sát bác sỹ, giảng viên hướng dẫn lâm sàng thực hành thăm khám, hỏi bệnh
- Thảo luận các tình huống lâm sàng cụ thể trên bệnh nhân
- Giảng viên hướng dẫn, phát huy tính tích cực của người học và đưa ra nhận xét kết luận.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- *Có khoa phòng buồng bệnh đầy đủ trang thiết bị thăm khám lâm sàng*
- *Có bệnh nhân*

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Mỗi tuần hoàn thành 1 bệnh án phụ khoa
- Thực hành tứ chẩn trong thăm khám bệnh nhân
- Đi lâm sàng, đi trực đầy đủ, đúng giờ
- Rèn luyện thái độ, kỹ năng lâm sàng

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần			
	Bài thực hành			
2	**Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng**			
	Hỏi thi lâm sàng			Điểm đạt: > 5.0

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
NHI KHOA Y 1 (PHẦN LÝ THUYẾT)

Đối tượng đào tạo: dược sĩ trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Nhi khoa 1

* Tiếng Anh: Pediatric 1

- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 04 (2.0 LT, 2.0 TH)
- Đối tượng học (năm thứ): 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [x]	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
  + Lý thuyết: 30 tiết
  + Bài tập: tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
  + Kiểm tra: tiết
  + Thời gian tự học: 30 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nhi

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Tiến sĩ Cao Việt Tùng	0936091272	vtcardio@gmail.com
2	Thạc sĩ Bùi Thị Hương Thu	0973257839	thubuinhi@gmail.com
3	Thạc sĩ Phạm Hà Ly	0984231285	phamhaly2012@gmail.com
4	Thạc sĩ Nguyễn Văn Khiêm	0968998333	bskhiem8x@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT1	- Hiểu được đặc điểm sinh lý cơ bản của trẻ em qua từng thời kỳ phát triển cũng như các đặc điểm bình thường của các bộ phận cơ thể trẻ	[CĐR1] – [CĐR2]	2-3
MT2	- Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán tình trạng bệnh lý thường gặp ở trẻ em	[CĐR1] – [CĐR2] [CĐR4]	2-3
MT3	- Áp dụng được các phương pháp, kỹ thuật để điều trị và chăm sóc trẻ em	[CĐR6 – CĐR8]	3 -4.5
	Kỹ năng		
MT4	*Kỹ năng lập luận nghề nghiệp.* - Phát hiện được các triệu chứng bệnh lý trẻ em - Chỉ định và phân tích được kết quả xét nghiệm, kỹ thuật và thăm dò chức năng cơ bản một số bệnh thông thường trẻ em - Chẩn đoán bệnh được mốt số bệnh thông thường trẻ em - Xử trí được một số bệnh và tình trạng cấp cứu thường gặp trẻ em	[CĐR 1 – CĐR 2] [CĐR 4]. [CĐR6.7.8]	3 – 4.5
			3
	Thái độ		
MT5	- Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà. - Có ý thức tự chủ và có ý thức trách nhiệm với công việc - Biết cách phối hợp làm việc nhóm	[CĐR14]	3.0

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức – MT1	
MT1: Hiểu được đặc điểm sinh lý cơ bản của trẻ em qua từng thời kỳ phát triển cũng như các đặc điểm bình thường của các bộ phận cơ thể trẻ	CLO1: Trình bày và giải thích được đặc điểm sinh lý và đặc điểm bệnh lý của trẻ em qua từng thời kỳ phát triển CLO2: Trình bày được đặc điểm bình thường ở các bộ phận cơ thể trẻ em
MT2: Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán tình trạng bệnh lý thường gặp ở trẻ em	CLO3: Phân tích được các triệu chứng và tổng hợp được các triệu chứng để chẩn đoán được một số bệnh thường gặp ở trẻ em
MT3: Áp dụng được các phương pháp, kỹ thuật để điều trị và chăm sóc trẻ em	CLO4: Vận dụng các kiến thức đã học để đề xuất và áp dụng các phương pháp điều trị, chăm sóc cho các bệnh thường gặp ở trẻ em
Kỹ năng	
MT 4: Kỹ năng lập luận nghề nghiệp	CLO5: Phát hiện được các triệu chứng bệnh lý trẻ em
	CLO6: Chỉ định và phân tích được kết quả xét nghiệm, kỹ thuật và thăm dò chức năng cơ bản một số bệnh thông thường trẻ em
	CLO7: Chẩn đoán bệnh được mốt số bệnh thông thường trẻ em
	CLO8: Xử trí được một số bệnh và tình trạng cấp cứu thường gặp trẻ em
Năng lực tự chủ và trách nhiệm – MT3	
MT5: Có khả năng tự chủ trong sắp xếp kế hoạch, thực hiện công việc học tập và thực hành nghề nghiệp	CLO9: Lập được kế hoạch hoạch tập và thực hiện được các kế hoạch và mục tiêu học tập trong quá trình học

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**								
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Các thời kỳ phát triển TE, Sự phát triển cơ thể TE Dinh dưỡng trẻ em <3 tuổi	2	2							
NKHHCT đường hô hấp trên ở TE. Viêm phổi.			2	2	3	3	3	3	2
Nhiễm trùng sơ sinh, chăm sóc trẻ sơ sinh			2	2	3	3	3	2	2
Nhiễm khuẩn tiết niệu			2	2	3	3	3	2	2
Tiêu chảy cấp			2	2	3	3	3	3	2
Viêm cầu thận cấp			2	2	3	3	3	2	2
Hội chứng thận hư			2	2	3	3	3	2	2
Còi xương			2	2	3	3	3	3	2
Co giật trẻ em			2	2	3	3	3	2	2
Viêm màng não mủ trẻ em			2	2	3	3	3	2	2
Một số bệnh tim bẩm sinh thường gặp trẻ em			2	2	3	3	3	2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Nội dung gồm những vấn đề chính của chiến lược chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em, các ưu tiên nhi khoa và chương trình quốc gia về lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh. Đặc điểm giải phẫu, sinh lý, tâm lý trẻ em. Đánh giá sự phát triển thể chất, tinh thần và vận động trẻ em.

Các kiến thức cơ bản về bệnh lý trẻ em: Dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và các nguyên tắc xử trí bệnh. Chẩn đoán và xử trí các bệnh, các cấp cứu nội khoa thường gặp ở trẻ em.

Tư vấn giáo dục sức khỏe về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ trẻ em.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
Phần 1. Đại cương Bài 1. Các thời kỳ phát triển của trẻ em 1. Đại cương 2. Thời kì sơ sinh 3. Thời kì bú mẹ 4. Thời kì răng sữa 5. Thời kì thiếu niên 6. Thời kì dậy thì	1			1	1	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp
Bài 2. Sự phát triển cơ thể trẻ 1. Da, cơ 2. Hô hấp 3. Tim mạch 4. Tiêu hóa 5. Thận Tiết niệu 6. Thần kinh 7. Huyết học	1			1	1	
Bài 3. Dinh dưỡng trẻ dưới 3 tuổi 1. Nuôi trẻ năm đầu 2. Nuôi trẻ năm thứ2 3. Nuôi trẻ năm thứ 3	2			2	2	
Phần III. Sơ sinh Bài 4. Chăm sóc trẻ sơ sinh 1. Đặc điểm trẻ sơ sinh đủ tháng- non tháng 2. Chăm sóc ngay sau đẻ 3. Chăm sóc sơ sinh đủ tháng 4. Chăm sóc sơ sinh non tháng Bài 5. Nhiễm trùng sơ sinh 1. Các đường lây nhiễm 2. Các yếu tố nguy cơ 3. Nhiễm trùng các cơ quan bộ	4			4	4	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp
Phần IV. Hô hấp Bài 6. Đánh giá, phân loại, xử trí nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính 1. Phân loại NKHHCT	2			2	2	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến

2. Nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ 3. Đánh giá, phân loại và xử trí NKHHCT Bài 7. Viêm phổi 1. Định nghĩa, nguyên nhân 2. Phân loại 3. Triệu chứng 4. Điều trị 5. Phòng bệnh	2			2	2	lớp
Phần V. Tim mạch Bài 8. Bệnh tim bẩm sinh thường gặp ở trẻ em 1. Đại cương 2. Phân loại 3. Một số bệnh tim bẩm sinh thường gặp ở trẻ	4			4	4	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp
Phần VI. Tiêu hóa – Dinh dưỡng Bài 9. Còi xương 1. Nguyên nhân, Cơ chế bệnh sinh 2. Triệu chứng 3. Điều trị 4. Dự phòng Bài 10. Tiêu chảy cấp 1. Đại cương 2. Cơ chế bệnh sinh 3. Triệu chứng 4. Điều trị 5. Dự phòng	2 2			2 2	2 2	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp
Phần VII. Thận – Tiết niệu Bài 11. Nhiễm trùng tiết niệu 1. Đại cương 2. Phân loại 3. Triệu chứng 4. Điều trị 5. Dự phòng Bài 12. Viêm cầu thận cấp sau nhiễm liên cầu 1. Đại cương 2. Cơ chế bệnh sinh 3. Triệu chứng 4. Điều trị	2 2			2 2	2 2	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp

5. Dự phòng Bài 13. Hội chứng thận hư 1. Đại cương 2. Cơ chế bệnh sinh 3. Triệu chứng 4. Điều trị 5. Dự phòng	2			2	2	
Phần IX. Thần kinh Bài 14. Co giật 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 3. Co giật do sốt 4. Xử trí Bài 15. Viêm màng não 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 4. Điều trị 5. Phòng bệnh	4			4	4	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ môn Nhi, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2019), Bài giảng Nhi khoa (Tài liệu lưu hành nội bộ)

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Bệnh viện Nhi Trung ương (2018) "Hướng dẫn chẩn đoán điều trị bệnh trẻ em".

[2] Bộ Y Tế (2015) "Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh thường gặp ở trẻ em".

[3] Bệnh viện Bạch Mai (2002) "Tài liệu tập huấn chuyên ngành nhi khoa".

[4] Bệnh viện Nhi đồng 1 TP HCM – Đại học YDTPHCM (2013) "Phác đồ điều trị cấp cứu nhi khoa".

[5] Bộ môn Nhi Đại học Y khoa Hà Nội (2018) "Bài giảng nhi khoa".

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Các thời kì phát triển trẻ em Sự phát triển cơ thể trẻ	2					4
	Nuôi trẻ dưới 3 tuổi	2					
2	Chăm sóc trẻ sơ sinh Nhiễm trùng sơ sinh	4					4
3	Đánh giá, phân loại, xử trí nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính Viêm phổi	4					4
4	Còi xương	2					4
5	Tiêu chảy cấp Nhiễm trùng đường tiểu	4					4
6	Hội chứng thận hư Viêm cầu thận cấp sau nhiễm liên cầu	4					4
7	Co giật	2					2
	Viêm màng não mủ	2					2
8	Bệnh lý tim bẩm sinh ở trẻ em	4					4

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình [x] Động não [x] Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO9].
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projecter, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Chuyên cần: Số buổi học lý thuyết đạt từ 80%	0%	Đạt/không đạt	
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	100%	Điểm đạt ≥ 4	CLO 1 – CLO4

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần dược).
- Điểm kết thúc thực hành: Thi vấn đáp tại bệnh viện thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm thực hành x 1+ Điểm lý thuyết x 2)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
NHI KHOA 1 (THỰC HÀNH)

Đối tượng đào tạo: dược sĩ trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Nhi khoa 1

* Tiếng Anh: Pediatric 1

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 2.0

- Đối tượng học (năm thứ): 4

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [x]	Tự chọn □	

- Học phần tiên quyết:

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn Quản lý và Kinh tế dược

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Tiến sĩ Cao Việt Tùng	0936091272	vtcardio@gmail.com
2	Thạc sĩ Bùi Thị Hương Thu	0973257839	thubuinhi@gmail.com
3	Thạc sĩ Phạm Hà Ly	0984231285	phamhaly2012@gmail.com
4	Thạc sĩ Nguyễn Văn Khiêm	0968998333	bskhiem8x@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT1	- Hiểu được đặc điểm sinh lý cơ bản của trẻ em qua từng thời kỳ phát triển cũng như các đặc điểm bình thường của các bộ phận cơ thể trẻ	[CĐR1] – [CĐR2]	2-3
MT2	- Phân tích và tổng hợp được các triệu	[CĐR1] – [CĐR2]	2-3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán tình trạng bệnh lý thường gặp ở trẻ em	[CĐR4]	
MT3	- Áp dụng được các phương pháp, kỹ thuật để điều trị và chăm sóc trẻ em	[CĐR6 – CĐR8]	3 -4.5
	Kỹ năng		
MT4	*Kỹ năng lập luận nghề nghiệp.* - Phát hiện được các triệu chứng bệnh lý trẻ em - Chỉ định và phân tích được kết quả xét nghiệm, kỹ thuật và thăm dò chức năng cơ bản một số bệnh thông thường trẻ em - Chẩn đoán bệnh được mốt số bệnh thông thường trẻ em - Xử trí được một số bệnh và tình trạng cấp cứu thường gặp trẻ em	[CĐR 1 – CĐR 2] [CĐR 4]. [CĐR6.7.8]	3 – 4.5
			3
	Thái độ		
MT5	- Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà. - Có ý thức tự chủ và có ý thức trách nhiệm với công việc - Biết cách phối hợp làm việc nhóm	[CĐR14]	3.0

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức – MT1	
MT1: Hiểu được đặc điểm sinh lý cơ bản của trẻ em qua từng thời kỳ phát triển cũng như các đặc điểm bình thường của các bộ phận cơ thể trẻ	CLO1: Trình bày và giải thích được đặc điểm sinh lý và đặc điểm bệnh lý của trẻ em qua từng thời kỳ phát triển CLO2: Trình bày được đặc điểm bình thường ở các bộ phận cơ thể trẻ em

MT2: Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán tình trạng bệnh lý thường gặp ở trẻ em	CLO3: Phân tích được các triệu chứng và tổng hợp được các triệu chứng để chẩn đoán được một số bệnh thường gặp ở trẻ em
MT3: Áp dụng được các phương pháp, kỹ thuật để điều trị và chăm sóc trẻ em	CLO4: Vận dụng các kiến thức đã học để đề xuất và áp dụng các phương pháp điều trị, chăm sóc cho các bệnh thường gặp ở trẻ em
Kỹ năng	
MT 4: Kỹ năng lập luận nghề nghiệp	CLO5: Phát hiện được các triệu chứng bệnh lý trẻ em
	CLO6: Chỉ định và phân tích được kết quả xét nghiệm, kỹ thuật và thăm dò chức năng cơ bản một số bệnh thông thường trẻ em
	CLO7: Chẩn đoán bệnh được mốt số bệnh thông thường trẻ em
	CLO8: Xử trí được một số bệnh và tình trạng cấp cứu thường gặp trẻ em
Năng lực tự chủ và trách nhiệm – MT3	
MT5: Có khả năng tự chủ trong sắp xếp kế hoạch, thực hiện công việc học tập và thực hành nghề nghiệp	CLO9: Lập được kế hoạch hoạch tập và thực hiện được các kế hoạch và mục tiêu học tập trong quá trình học

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**								
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Các thời kỳ phát triển TE, Sự phát triển cơ thể TE Dinh dưỡng trẻ em <3 tuổi	2	2							
NKHHCT đường hô hấp trên ở TE. Viêm phổi.			2	2	3	3	3	3	2
Nhiễm trùng sơ sinh, chăm sóc trẻ sơ sinh			2	2	3	3	3	2	2

Nhiễm khuẩn tiết niệu			2	2	3	3	3	2	2
Tiêu chảy cấp			2	2	3	3	3	3	2
Viêm cầu thận cấp			2	2	3	3	3	2	2
Hội chứng thận hư			2	2	3	3	3	2	2
Còi xương			2	2	3	3	3	3	2
Co giật trẻ em			2	2	3	3	3	2	2
Viêm màng não mủ trẻ em			2	2	3	3	3	2	2
Một số bệnh tim bẩm sinh thường gặp trẻ em			2	2	3	3	3	2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Vị trí/vai trò: Phần thực hành Nhi khoa 1 là bộ phận của Học phần Nhi khoa 1, có ý nghĩa quan trọng trong việc đào tạo sinh viên Y khoa đạt các chuẩn đầu ra phù hợp của chương trình đào tạo

Mục đích: Giúp người học vận dụng được kiến thức ở phần lý thuyết trong học phần vận dụng vào hành nghề thực tế.

Nội dung chính yếu: bao gồm cách khám và phát hiện các triệu chứng bất thường, các xét nghiệm. Chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp ở trẻ em

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun (thực hành)

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
1. Cách làm bệnh án Nhi khoa	2	4	- Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo. - Thực hành hỏi bệnh, thăm khám bệnh nhân. - Làm bệnh án tại các khoa phòng. - Chuẩn bị bệnh án thảo luận lâm sàng.
2. Hướng dẫn khám lâm sàng Nhi khoa	2	4	
3. Hướng dẫn đọc Xq tim phổi trẻ em	2	4	
4. Tiếp cận và xử trí co giật	4	4	
5. Bình bệnh án viêm phổi trẻ em	4	4	
6. Bình bệnh án nhiễm trùng hô hấp cấp tính	4	4	
7. Bình bệnh án tiêu chảy cấp trẻ em	4	4	
8. Bình bệnh án viêm màng não mủ	4	4	
9. Bình bệnh án suy hô hấp trẻ em	4	4	
10. Bình bệnh án bệnh thận – tiết niệu (viêm cầu thận cấp, hội chứng thận hư,…)	4	4	
11. Bình bệnh án bệnh tim mạch (tim bẩm sinh,…)	4	4	

12. Bình bệnh án truyền nhiễm (thủy đậu, sởi, tay chân miệng,…).	4	4	
13. Bình bệnh án còi xương, suy dinh dưỡng	2	4	
14. Bình bệnh án nhiễm trùng sơ sinh	2	4	
15. Bình bệnh án chăm sóc trẻ sơ sinh	2	4	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ môn Nhi, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2019), Bài giảng Nhi khoa (Tài liệu lưu hành nội bộ)

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Bệnh viện Nhi Trung ương (2018) "Hướng dẫn chẩn đoán điều trị bệnh trẻ em".

[2] Bộ Y Tế (2015) "Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh thường gặp ở trẻ em".

[3] Bệnh viện Bạch Mai (2002) "Tài liệu tập huấn chuyên ngành nhi khoa".

[4] Bệnh viện Nhi đồng 1 TP HCM – Đại học YDTPHCM (2013) "Phác đồ điều trị cấp cứu nhi khoa".

[5] Bộ môn Nhi Đại học Y khoa Hà Nội (2018) "Bài giảng nhi khoa".

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	**Nội dung**	**Giờ giảng của giảng viên (giờ)**					**Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)**
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	Cách làm bệnh án Nhi khoa	2				2	4
2	Hướng dẫn khám lâm sàng Nhi khoa	2				2	4
3	Hướng dẫn đọc Xq tim phổi trẻ em	2				2	4
4	Tiếp cận và xử trí co giật	4				2	4
5	Bình bệnh án viêm phổi trẻ em	4				2	4
6	Bình bệnh án nhiễm trùng hô hấp cấp tính	4				2	4
7	Bình bệnh án tiêu chảy cấp trẻ em	4				2	4
8	Bình bệnh án viêm màng não mủ	4				2	4
9	Bình bệnh án suy hô hấp trẻ em	4				2	4
10	Bình bệnh án bệnh thận – tiết niệu (viêm cầu thận cấp, hội chứng thận hư,…)	4				2	4
11	Bình bệnh án bệnh tim mạch (tim bẩm sinh,…)	4				2	4
12	Bình bệnh án truyền nhiễm (thủy đậu,	4				2	4

	sởi, tay chân miệng,…).						
13	Bình bệnh án còi xương, suy dinh dưỡng	2				2	4
14	Bình bệnh án nhiễm trùng sơ sinh	2				2	4
15	Bình bệnh án chăm sóc trẻ sơ sinh	2				2	4

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR CLO3 đến CLO7

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Dạy học bên giường bệnh: Đi buồng, điểm bệnh.

Dạy học ca bệnh dài. Thảo luận lâm sàng ca bệnh.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

Có phòng giảng được trang bị bảng phooc mica, bút dạ xóa được, máy đọc phim Xquang, bàn và ghế đủ cho giảng viên và sinh viên sử dụng (30 – 40 SV/tổ).

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên có mặt tại khoa thực tập đúng thời gian qui định, thực hiện đúng nội qui khoa phòng
- Sinh viên tham gia trực ít nhất 01 lần/tuần.
- Sinh viên nộp 01 bệnh án điều kiện vào thứ 6 cuối tuần cho giảng viên phụ trách.
- Sinh viên tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng
- Sinh viên nghỉ học không phép, bỏ trực, không nộp đủ bệnh án điều kiện không được dự thi cuối kỳ và phải đăng ký học lại.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Chuyên cần:**			
	Tham gia học và trực đầy đủ		Đạt/ không đạt	CLO 3 đến CLO9
	Tham gia trực đủ theo lịch trực		Đạt/ không đạt	
	Nộp bệnh án điều kiện đúng mẫu		Đạt/ không đạt	
2	**Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng (hệ 10 điểm)**			
	Thi thực hành tại bệnh viện	100%	≥ 4	CLO3 – CLO9

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm lý thuyết LT: điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần dược).
- Điểm kết thúc thực hành TH: Điểm thi thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (điểm LT x 2 + điểm TH)/3

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
SẢN PHỤ SẢN 2

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: Phụ sản 2
* Tiếng Việt:
* Tiếng Anh:
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 2
- Đối tượng học (năm thứ): Y6 Bác sỹ đa khoa
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Các học phần từ Y1 đến Y3 đặc biệt
+ Giải phẫu sinh lý
+ Giải phẫu bệnh
+ Sinh lý bệnh
+ Bệnh học nội khoa
+ Bệnh học ngoại khoa
+ Nhi khoa
+ Hồi sức cấp cứu
+ Hóa sinh
+ Lý sinh
+ Dược lý học lâm sàng
+ Phụ sản 1
+ Modul sinh dục sinh sản, huyết học miễn dịch, tim mạch, thần kinh, hô hấp
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết
    + Lý thuyết: 25 tiết
    + Bài tập: 2 tiết
    + Thảo luận, hoạt động nhóm: 3 tiết
    + Kiểm tra: tiết
    + Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Sản Phụ khoa

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Thủy	0912424455	nguyenthithuy@gmail.com
2	BSCKII Trần Quyết Thắng	0904484444	minhthang4484444@gmail.com
3	BSCKI. Nguyễn Thành Trung	09044482038	thanhtrung.nth@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
- Nêu được nguyên nhân gây các bệnh lý trong học phần theo YHHĐ - Trình bày được triệu chứng của các mặt bệnh - Trình bày được chẩn đoán - Nêu được hướng xử trí, điều trị cụ thể cho các bệnh trong nội dung học tập	* Kiến thức: 1. Phân tích được cơ chế bệnh sinh của các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng 2. Ghi nhớ được phương pháp điều trị từng bệnh		
	* Kỹ năng: - Chẩn đoán, xử lý, theo dõi và dự phòng các bệnh thường gặp và các cấp cứu sản phụ khoa thông thường; - Chẩn đoán và xử trí một số bệnh sản phụ khoa thường gặp; - Chỉ định và đánh giá được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh sản phụ khoa thông thường; - Đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp, lập kế hoạch chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khoẻ sinh sản toàn diện và liên tục cho cá nhân, gia đình, cộng đồng và bảo vệ môi trường;		

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	- Thực hiện một số xét nghiệm đơn giản tại cộng đồng; - Áp dụng y học cổ truyền trong công tác phòng và chữa bệnh; - Thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục sức khoẻ, tổ chức chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân;		
	* Thái độ: - Tận tuỵ với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân; tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh; - Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành; - Coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền. - Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp; - Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ.		

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần	CĐR của học phần
Kiến thức	
- Nêu được nguyên nhân gây các bệnh lý trong học phần theo YHHĐ -Giải thích được cơ chế bệnh sinh các triệu chứng của các mặt bệnh	- Giải thích được các đặc điểm sinh lý và bệnh lý sản phụ khoa; - Chẩn đoán , điều trị được các bệnh trong chương trình học. - Có phương pháp luận khoa học trong công tác phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học; - Nắm vững pháp luật và chính sách về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân.

- Chẩn đoán và điều trị được các bệnh trong chương trình học	
Kỹ năng	
	- Chẩn đoán, xử lý, theo dõi và dự phòng các bệnh thường gặp và các cấp cứu sản phụ khoa thông thường; - Chẩn đoán và xử trí một số bệnh sản phụ khoa thường gặp; - Chỉ định và đánh giá được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh sản phụ khoa thông thường; - Đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp, lập kế hoạch chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khoẻ sinh sản toàn diện và liên tục cho cá nhân, gia đình, cộng đồng và bảo vệ môi trường; - Thực hiện một số xét nghiệm đơn giản tại cộng đồng; - Áp dụng y học cổ truyền trong công tác phòng và chữa bệnh; - Thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục sức khoẻ, tổ chức chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân;
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
	- Tận tuỵ với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân; tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh; - Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành; - Coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền. - Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp; - Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT
MT 1	Nội dung trong học phần lý thuyết	Ghi nhớ
MT2		Chẩn đoán và điều trị được
MT3		Phân tích, tổng hợp, tiên lượng, đánh giá vận dụng làm bài kiểm tra test

6. Mô tả học phần/ mô đun

Sản phụ khoa là môn học về các chứng bệnh của riêng người phụ nữ, bao gồm các bệnh của bộ máy sinh dục nữ và tất cả những gì có liên quan. Nó trang bị cho học sinh kiến thức về đặc

điểm sinh lý, bệnh lý, cách khám phát hiện bệnh, cách phòng và điều trị các bệnh phụ khoa, sản khoa. Gồm 2 nội dung cơ bản:

- Đặc điểm sinh lý, bệnh lý, nguyên tắc điều trị sản phụ khoa
- Phụ khoa: Bệnh lý của bộ phận sinh dục nữ ngoài thời kỳ sinh đẻ
- Sản khoa: Là tình trạng thai nghén và các bệnh lý liên quan đến sinh đẻ

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/ TL/ KT		Tổng cộng		
Suy thai trong chuyển dạ, hồi sức sơ sinh	3	0	0		3		- Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực
Các bệnh lý nhiễm trùng và thai nghén	2	0	0		2		-Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Các yếu tố tiên lượng cuộc đẻ	2	0	0		2		-Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Ung thư phụ khoa	2	0	1		3		-Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hoàn thành và nộp bài tập đúng hạn - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Khối u nguyên bào nuôi	1	0	0		1		- Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Các phương pháp thăm dò trong sản khoa	2	0	1		3		-Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hoàn thành và nộp bài tập đúng hạn

							- Hiểu, nhớ, vận dụng được
Các phương pháp đình chỉ thai nghén	2	0	1		3		-Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hoàn thành và nộp bài tập đúng hạn - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Các chỉ định mổ lấy thai	2	0	1		3		-Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hoàn thành và nộp bài tập đúng hạn - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Vỡ tử cung	2	0	0		2		-Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Doạ đẻ non, đẻ non	2	0	0		2		-Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Sảy thai, thai chết lưu	3	0	0		3		-Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Bệnh lý kinh nguyệt	2	0	1		3		-Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hoàn thành và nộp bài tập đúng hạn - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Tổng	25	0	5		30		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC) : Bài giảng Sản phụ khoa Y học hiện đại – Bộ môn Sản phụ khoa – Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam

8.2. Tài liệu tham khảo

- Bài giảng sản khoa – Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh
- Bài giảng sản phụ khoa – Đại học Y Hà Nội Tập 1, Tập 2
- Bài giảng Sản phụ khoa Đại học Y Hà Nội (dùng cho đối tượng sau đại học)
- Phụ khoa thực hành
- Siêu âm sản khoa thực hành – Đỗ Danh Toàn – Nhà xuất bản Y học
- Thủ thuật Sản khoa – Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1						
2						
3						

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình □ Động não □ Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm □ Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR ... đến CĐR ....
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ....
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...
- Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

- Bổ sung thêm 02 giảng viên giảng dạy chuyên ngành sản phụ khoa YHHĐ trình độ sau đại học
- Có giảng đường đầy đủ trang thiết bị phương tiện giảng dạy

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt ….. %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần			
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn, ...			
	Thực hành			
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	thi trắc nghiệm			Điểm đạt: > 4.0

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết: Thi trắc nghiệm Điểm đạt: > 4.0
- Điểm lâm sàng: Hỏi thi lâm sàng Điểm đạt: > 6.0

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (Thực hành/lâm sàng)
PHỤ SẢN 2
Đối tượng đào tạo: Bác sỹ đa khoa ,Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần: Phụ sản 2
* Tiếng Việt:
* Tiếng Anh:
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 2
- Đối tượng học (năm thứ): Y6 Bác sỹ đa khoa
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Học phần tiên quyết:
+ Giải phẫu sinh lý
+ Giải phẫu bệnh
+ Sinh lý bệnh
+ Bệnh học nội khoa
+ Bệnh học ngoại khoa
+ Nhi khoa
+ Hồi sức cấp cứu
+ Hóa sinh
+ Lý sinh
+ Dược lý học lâm sàng
+ Phụ sản 1
- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn Sản phụ khoa

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Thủy	0912424455	nguyenthithuy@gmail.com
2	BSCKII Trần Quyết Thắng	0904484444	minhthang4484444@gmail.com
3	BSCKI. Nguyễn Thành Trung	09044482038	thanhtrung.nth@gmail.com
4	BSCKII. Nguyễn Thị Ngọc Bích	0912425566	ngocbich@gmail.com
5	Nguyễn Minh Đức	0967898896	minhduc@gmail.com
6	Nguyễn Đức Tú	0983730414	

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
MT 1	Biết làm bệnh án sản phụ khoa Áp dụng được các kiến thức cơ bản về sản phụ khoa vận dụng vào chẩn đoán và điều trị một số bệnh trong thời kỳ mang thai	Ghi nhớ	
MT2	Kiến tập phụ giúp bác sỹ làm một số thủ thuật: cấp cứu choáng sản khoa, vỡ tử cung, mổ đẻ…	Thành thục	
MT3	Chẩn đoán, điều trị được một số bệnh lý sơ sinh thường gặp	Chẩn đoán đúng Điều trị đúng phác đồ	
MT4	Chẩn đoán, điều trị được một số bệnh lý phụ khoa: u xơ tử cung, bệnh lý kinh nguyệt, viêm tuyến vú, K vú	Chẩn đoán đúng Điều trị đúng phác đồ	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần	**CĐR của học phần**
Kiến thức	
- Nêu được nguyên nhân gây các bệnh lý trong học phần theo YHHĐ - Trình bày được triệu chứng của các mặt bệnh - Trình bày được chẩn đoán - Nêu được hướng xử trí, điều trị cụ thể cho các bệnh trong nội dung học tập	Ghi nhớ, nắm rõ
Kỹ năng	
Làm đúng bệnh án sản phụ khoa Áp dụng được các kiến thức cơ bản về sản phụ khoa vận dụng vào chẩn đoán và điều trị một số bệnh trong thời kỳ mang thai	Ghi nhớ
Kiến tập phụ giúp bác sỹ làm một số thủ thuật: cấp cứu choáng sản	Thành thục

khoa, vỡ tử cung, mổ đẻ…	
Chẩn đoán, điều trị được một số bệnh lý sơ sinh thường gặp	Chẩn đoán đúng Điều trị đúng phác đồ
Chẩn đoán, điều trị được một số bệnh lý phụ khoa: u xơ tử cung, bệnh lý kinh nguyệt, viêm tuyến vú, K vú	Chẩn đoán đúng Điều trị đúng phác đồ
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
- Tận tuy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân; tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh; - Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành; - Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp; - Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ.	

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**						
	CĐR1	CĐR2	CĐR…	CĐR…	CĐR…	CĐR…	CĐR…
Nội dung 1							
Nội dung 2							
Nội dung …….							

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Sản phụ khoa là môn học về các chứng bệnh của riêng người phụ nữ, bao gồm các bệnh của bộ máy sinh dục nữ và tất cả những gì có liên quan. Nó trang bị cho học sinh kiến thức về đặc điểm sinh lý, bệnh lý, cách khám phát hiện bệnh, cách phòng và điều trị các bệnh phụ khoa, sản khoa. Gồm 2 nội dung cơ bản:

- Đặc điểm sinh lý, bệnh lý, nguyên tắc điều trị sản phụ khoa
- Phụ khoa: Bệnh lý của bộ phận sinh dục nữ ngoài thời kỳ sinh đẻ
- Sản khoa: Là tình trạng thai nghén và các bệnh lý liên quan đến sinh đẻ
- Ngoài ra cần phải nghiên cứu thêm các biện pháp sinh đẻ kế hoạch giúp người phụ nữ sinh đẻ theo ý muốn đặc biệt là điều trị các bệnh lý về vô sinh cho các cặp vợ chồng hiếm muộn

7. Nội dung chi tiết học phần thực hành/ lâm sàng

Nội dung	**Thời gian thực tập (tiết)**	**Thời gian tự học (giờ)**	**Yêu cầu đối với sinh viên**
Làm 8 bệnh án sản khoa, phụ	**5**	**15**	- Làm và nộp bệnh án điều kiện

khoa (bệnh án điều kiện)			đúng hạn
Khám thai và phát hiện, điều trị được một số bệnh lý trong thời kỳ mang thai	**5**	**15**	- Kiến tập khám: 10 ca
Choáng sản khoa, vỡ tử cung	**10**	**10**	**- Kiến tập** **- Phụ giúp bác sỹ**
Khám phát hiện một số bệnh phụ khoa	**10**	**10**	- Nhận biết các dấu hiệu bệnh lý phụ khoa - Khám phụ khoa 10 ca
Thực hiện được một số thủ thuật sản phụ khoa đơn giản: đặt thuốc ÂĐ, đốt điện CTC, khâu tầng sinh môn	**10**	**10**	5 ca
Khám phát hiện một số bệnh lý sơ sinh thường gặp	**10**	**10**	- 5 ca
Vệ sinh kinh nguyệt	**10**	**10**	- Tư vấn cho bệnh bệnh nhân, có sự giám sát của bác sỹ
Chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý về vú	**10**	**10**	- Phụ giúp thầy thuốc - Trực tiếp tư vấn
Tổng	**80**	**80**	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC) : Bài giảng Sản phụ khoa Y học hiện đại. Bộ môn Sản phụ khoa Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam

8.2. Tài liệu tham khảo

- Bài giảng sản khoa – Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh
- Bài giảng sản phụ khoa – Đại học Y Hà Nội Tập 1, Tập 2
- Bài giảng Sản phụ khoa Đại học Y Hà Nội (dùng cho đối tượng sau đại học)
- Phụ khoa thực hành
- Siêu âm sản khoa thực hành – Đỗ Danh Toàn – Nhà xuất bản Y học
- Thủ thuật Sản khoa – Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác		
1	4			Bình bệnh án, thảo luận nhóm		16
2	4			Bình bệnh án, thảo luận nhóm		16

3	4			Bình bệnh án, thảo luận nhóm		16
4	4			Bình bệnh án, thảo luận nhóm		16
5	4			Bình bệnh án, thảo luận nhóm		16
6	4			Bình bệnh án, thảo luận nhóm		16
7	4			Bình bệnh án, thảo luận nhóm		16
8	4	4				8

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

- Sinh viên quan sát bác sỹ, giảng viên hướng dẫn lâm sàng thực hành thăm khám, hỏi bệnh
- Thảo luận các tình huống lâm sàng cụ thể trên bệnh nhân
- Giảng viên hướng dẫn, phát huy tính tích cực của người học và đưa ra nhận xét kết luận.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- *Có khoa phòng buồng bệnh đầy đủ trang thiết bị thăm khám lâm sàng*
- *Có bệnh nhân*

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Mỗi tuần hoàn thành 1 bệnh án phụ khoa
- Thực hành tứ chẩn trong thăm khám bệnh nhân
- Đi lâm sàng, đi trực đầy đủ, đúng giờ
- Rèn luyện thái độ, kỹ năng lâm sàng

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần

1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần			
	Bài thực hành			
2	**Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng**			
	Hỏi thi lâm sàng			Điểm đạt: > 5.0

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
NHI KHOA Y 1 (PHẦN LÝ THUYẾT)
Đối tượng đào tạo: Y khoa trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
* Tiếng Việt: Nhi khoa 2
* Tiếng Anh: Pediatric 2
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 03 (2.0 LT, 1.0 TH)
- Đối tượng học (năm thứ): 6
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [x]	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
  + Lý thuyết: 30 tiết
  + Bài tập: tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
  + Kiểm tra: tiết
  + Thời gian tự học: 30 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nhi

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Tiến sĩ Cao Việt Tùng	0936091272	vtcardio@gmail.com
2	Thạc sĩ Bùi Thị Hương Thu	0973257839	thubuinhi@gmail.com
3	Thạc sĩ Phạm Hà Ly	0984231285	phamhaly2012@gmail.com
4	Thạc sĩ Nguyễn Văn Khiêm	0968998333	bskhiem8x@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
MT1	- Hiểu và phát hiện được các triệu chứng cấp cứu Nhi thường gặp và các bệnh khác ở trẻ em	[CĐR1] đến [CĐR3]	2-3
MT2	- Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng để chẩn đoán tình trạng bệnh lý cấp cứu Nhi thường gặp và các bệnh khác ở trẻ em	[CĐR1] đến [CĐR5]	2-3
MT3	- Áp dụng được các phương pháp điều trị, chăm sóc một số bệnh lý cấp cứu Nhi thường gặp và các bệnh khác ở trẻ em	[CĐR4, 6, 8, 9]	3 -4.5
	Kỹ năng		
MT4	*Kỹ năng lập luận nghề nghiệp.* - Có kỹ năng lập luận nghề nghiệp logic từ phát hiện triệu chứng, chỉ định phân tích xét nghiệm và xử trí cấp cứu thường gặp và điều trị các bệnh khác ở trẻ em	[CĐR3] đến [CĐR 9]	3 – 4.5
			3
	Thái độ		
MT5	- Có khả năng tự chủ trong sắp xếp kế hoạch, thực hiện công việc học tập và thực hành nghề nghiệp	[CĐR7, 14, 15]	3.0

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức – MT1	
MT1: Hiểu và phát hiện được các triệu chứng cấp cứu Nhi thường gặp và các bệnh khác ở trẻ em	CLO1: Vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, y học lâm sàng, y tế công cộng trong học tập, nghiên cứu và thực hành chăm sóc sức khỏe bệnh nhân nhi
MT2: Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng để chẩn	CLO2: Trình bày được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, điều trị một số bệnh lý cấp cứu Nhi thường gặp và các bệnh lý khác ở trẻ em

đoán tình trạng bệnh lý cấp cứu Nhi thường gặp và các bệnh khác ở trẻ em	CLO4: Thực hiện được một số thủ thuật lâm sàng và cận lâm sàng cơ bản Nhi khoa
MT3: Áp dụng được các phương pháp điều trị, chăm sóc một số bệnh lý cấp cứu Nhi thường gặp và các bệnh khác ở trẻ em	CLO5: Điều trị, xử trí, theo dõi và dự phòng được một số bệnh lý cấp cứu Nhi thường gặp và các bệnh lý khác ở trẻ em
Kỹ năng	
MT 4: Có kỹ năng lập luận nghề nghiệp logic từ phát hiện triệu chứng, chỉ định phân tích xét nghiệm và xử trí cấp cứu thường gặp và điều trị các bệnh khác ở trẻ em	CLO3: Thực hiện được khám, tổng hợp và diễn giải thông tin lâm sàng. Đưa ra chỉ định và phân tích được kết quả xét nghiệm, thăm dò cận lâm sàng để chẩn đoán một số bệnh lý cấp cứu Nhi thường gặp và các bệnh lý khác ở trẻ em
Năng lực tự chủ và trách nhiệm – MT3	
MT5: Có khả năng tự chủ trong sắp xếp kế hoạch, thực hiện công việc học tập và thực hành nghề nghiệp	CLO6: Có khả năng tự chủ trong sắp xếp kế hoạch, thực hiện công việc học tập và thực hành nghề nghiệp CLO7:Chăm chỉ, kiên trì, tận tâm, trung thực, làm việc có trách nhiệm

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**						
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7
Vàng da sơ sinh	1	3	2	2	3	2	2
Suy hô hấp sơ sinh	1	3	2	2	3	2	2
chẩn đoán và điều trị Tim bẩm sinh trẻ em	1	3	2	2	3	2	2
Viêm não	1	3	2	2	3	2	2
Tiếp cận trẻ bệnh nặng	1	3	2	2	3	2	2
Tiếp cận chẩn đoán và điều trị hội chứng thiếu máu trẻ em	1	3	2	2	3	2	2
Sốt xuất huyết	1	3	2	2	3	2	2
Tay chân miệng	1	3	2	2	3	2	2
Hen phế quản	1	3	2	2	3	2	2
Viêm tiểu phế quản	1	3	2	2	3	2	2
Suy giáp trạng bẩm sinh	1	3	2	2	3	2	2

Tăng sản thượng thận bẩm sinh	1	3	2	2	3	2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Học phần Nhi khoa 2 sẽ ôn lại, củng cố và hoàn thiện các kiến thức đã học ở học phần Nhi khoa 1. Học phần này giúp sinh viên hoàn thiện hơn các kỹ năng thăm khám, ra chỉ định xét nghiệm, phân tích kết quả xét nghiệm, chẩn đoán, điều trị các bệnh lý nhi khoa cơ bản đã được học ở học phần Nhi khoa 1, bên cạnh đó bổ sung kiến thức chẩn đoán, điều trị một số bệnh lý cấp cứu Nhi thường gặp và các bệnh lý khác, ít gặp hơn và phức tạp hơn mà các học phần khác chưa được học.

Học phần Nhi khoa 2 giúp sinh viên nâng cao tính tích cực, chủ động và chuyên nghiệp, tạo môi trường để sinh viên trở thành bác sĩ tận tâm, có kiến thức và làm việc chuyên nghiệp.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy học**					**Yêu cầu đối với sinh viên**
	Lên lớp (Tiết)				**Tự học (Giờ)**	
	LT	**TH**	**BT/ TL/KT**	**Tổng cộng**		
Phần I. Sơ sinh Bài 1. Vàng da sơ sinh 1. Đại cương 2. Cơ chế bệnh sinh 3. Nguyên nhân 4. Tếp cận lâm sàng và cận lâm sàng 5. Điều trị 6. Biến chứng 7. Dự phòng Bài 2. Suy hô hấp sơ sinh 1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Điều trị 4. Một số nguyên nhân	2 2			2 2	2 2	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp
Phần II. Bệnh lý tim mạch Bài 3. chẩn đoán và điều trị Tim bẩm sinh trẻ em 1. Đại cương 2. Phân loại 3. Đặc điểm chung và biểu hiện 1 số bệnh TBS thường gặp 4. Cách phát hiện	4			4	4	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp

5. Phương hướng điều trị và chăm sóc 6. 1 số bệnh TBS thường gặp ở trẻ em						
Phần III. Bệnh lý thần kinh Bài 4. Viêm não 1. Định nghĩa và thuật ngữ 2. Phân loại 3. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 5. Điều trị 6. Phòng bệnh	2			2	2	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp
Phần IV. Bệnh lý cấp cứu Bài 5. Tiếp cận trẻ bệnh nặng 1. Đánh giá ban đầu đường thở và thở 2. Đánh giá ban đầu tuần hoàn 3. Đánh giá ban đầu thần kinh 4. Khám toàn thân 5. Cách tiếp cận 1 trẻ bệnh nặng 6. Đánh giá bước đầu và hồi sức 7. Đánh giá bước hai và điều trị cấp cứu	4			4	4	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp
Phần V. Bệnh lý huyết học Bài 6. Tiếp cận chẩn đoán và điều trị hội chứng thiếu máu trẻ em 1. Đại cương 2. Phân loại 3. Tiếp cận chẩn đoán 4. Điều trị	4			4	4	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp
Phần VI. Bệnh lý truyền nhiễm Bài 7. Sốt xuất huyết 1. Định nghĩa và nguyên nhân 2. Chẩn đoán và phân độ 3. Điều trị 4. Phòng bệnh Bài 8. Bệnh tay chân miệng	2 2			2 2	2 2	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp

1. Đại cương 2. Dịch tễ 3. Triệu chứng 4. Chẩn đoán 5. Phân độ lâm sàng 6. Điều trị 7. Phòng bệnh						
Phần VII. Bệnh lý hô hấp Bài 9. Hen phế quản 1. Dịch tễ học 2. Bệnh sinh 3. Nguyên nhân 4. Phân loại 5. Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng 6. Chẩn đoán 7. Điều trị và dự phòng Bài 10. Viêm tiểu phế quản 1.Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 4. Chẩn đoán 5. Tiến triển và tiên lượng 6. Điều trị và phòng bệnh	2 2			2 2	2 2	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp
Phần VIII. Bệnh lý nội tiết chuyển hóa Bài 11. Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh 1. Đại cương 2. Bệnh căn, bệnh sinh 3. Lâm sàng 4. Xét nghiệm 5. Chẩn đoán 6. Điều trị và theo dõi Bài 12. Tăng sản thượng thận bẩm sinh 1. Đại cương 2. Cơ chế bệnh sinh	2 2			2 2	2 2	

3. Các thể lâm sàng 4. Chẩn đoán 5. Điều trị và phòng bệnh						

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ môn Nhi, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2019), Bài giảng Nhi khoa (Tài liệu lưu hành nội bộ)

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Bệnh viện Nhi Trung ương (2018) "Hướng dẫn chẩn đoán điều trị bệnh trẻ em".

[2] Bộ Y Tế (2015) "Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh thường gặp ở trẻ em".

[3] Bệnh viện Bạch Mai (2002) "Tài liệu tập huấn chuyên ngành nhi khoa".

[4] Bệnh viện Nhi đồng 1 TP HCM – Đại học YDTPHCM (2013) "Phác đồ điều trị cấp cứu nhi khoa".

[5] Bộ môn Nhi Đại học Y khoa Hà Nội (2018) "Bài giảng nhi khoa".

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Vàng da sơ sinh Suy hô hấp sơ sinh	4					4
2	Viêm não	2					2
3	Sốt xuất huyết Tay chân miệng	4					4
4	Chẩn đoán và điều trị tim bẩm sinh	4					4
5	Tiếp cận chẩn đoán và điều trị hội chứng thiếu máu	4					4
6	Tiếp cận trẻ bệnh nặng	4					4
7	Hen phế quản Viêm tiểu phế quản	4					4
8	Suy giáp trạng bẩm sinh Tăng sản thượng thận bẩm sinh	4					4

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình [x] Động não [x] Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO5].
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO7].
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projecter, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Chuyên cần: Số buổi học lý thuyết đạt từ 80%	0%	Đạt/không đạt	
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	100%	Điểm đạt ≥ 4	CLO 1 – CLO4

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần dược).
- Điểm kết thúc thực hành: Thi vấn đáp tại bệnh viện thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm thực hành x 1+ Điểm lý thuyết x 2)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
NHI KHOA 2 (THỰC HÀNH)
Đối tượng đào tạo: Đại học, Ngành: Y khóa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
* Tiếng Việt: Nhi khoa 2
* Tiếng Anh: Pediatric 2
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 1.0
- Đối tượng học (năm thứ): 6
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [x]	Tự chọn □	

- Học phần tiên quyết:
- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn Nhi

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Tiến sĩ Cao Việt Tùng	0936091272	vtcardio@gmail.com
2	Thạc sĩ Bùi Thị Hương Thu	0973257839	thubuinhi@gmail.com
3	Thạc sĩ Phạm Hà Ly	0984231285	phamhaly2012@gmail.com
4	Thạc sĩ Nguyễn Văn Khiêm	0968998333	bskhiem8x@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT1	- Hiểu và phát hiện được các triệu chứng cấp cứu Nhi thường gặp và các bệnh khác ở trẻ em	[CĐR1] đến [CĐR3]	2-3
MT2	- Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng để chẩn đoán tình trạng bệnh lý cấp cứu Nhi thường gặp và các bệnh khác ở trẻ em	[CĐR1] đến [CĐR5]	2-3
MT3	- Áp dụng được các phương pháp điều trị,	[CĐR4, 6, 8, 9]	3 -4.5

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	chăm sóc một số bệnh lý cấp cứu Nhi thường gặp và các bệnh khác ở trẻ em		
	Kỹ năng		
MT4	*Kỹ năng lập luận nghề nghiệp.* - Có kỹ năng lập luận nghề nghiệp logic từ phát hiện triệu chứng, chỉ định phân tích xét nghiệm và xử trí cấp cứu thường gặp và điều trị các bệnh khác ở trẻ em	[CĐR3] đến [CĐR 9]	3 – 4.5
			3
	Thái độ		
MT5	- Có khả năng tự chủ trong sắp xếp kế hoạch, thực hiện công việc học tập và thực hành nghề nghiệp	[CĐR7, 14, 15]	3.0

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức – MT1	
MT1: Hiểu và phát hiện được các triệu chứng cấp cứu Nhi thường gặp và các bệnh khác ở trẻ em	CLO1: Vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, y học lâm sàng, y tế công cộng trong học tập, nghiên cứu và thực hành chăm sóc sức khỏe bệnh nhân nhi
MT2: Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng để chẩn đoán tình trạng bệnh lý cấp cứu Nhi thường gặp và các bệnh khác ở trẻ em	CLO2: Trình bày được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, điều trị một số bệnh lý cấp cứu Nhi thường gặp và các bệnh lý khác ở trẻ em CLO4: Thực hiện được một số thủ thuật lâm sàng và cận lâm sàng cơ bản Nhi khoa
MT3: Áp dụng được các phương pháp điều trị, chăm sóc một số bệnh lý cấp cứu Nhi thường gặp và các bệnh khác ở trẻ em	CLO5: Điều trị, xử trí, theo dõi và dự phòng được một số bệnh lý cấp cứu Nhi thường gặp và các bệnh lý khác ở trẻ em

Kỹ năng	
MT 4: Có kỹ năng lập luận nghề nghiệp logic từ phát hiện triệu chứng, chỉ định phân tích xét nghiệm và xử trí cấp cứu thường gặp và điều trị các bệnh khác ở trẻ em	CLO3: Thực hiện được khám, tổng hợp và diễn giải thông tin lâm sàng. Đưa ra chỉ định và phân tích được kết quả xét nghiệm, thăm dò cận lâm sàng để chẩn đoán một số bệnh lý cấp cứu Nhi thường gặp và các bệnh lý khác ở trẻ em
Năng lực tự chủ và trách nhiệm – MT3	
MT5: Có khả năng tự chủ trong sắp xếp kế hoạch, thực hiện công việc học tập và thực hành nghề nghiệp	CLO6: Có khả năng tự chủ trong sắp xếp kế hoạch, thực hiện công việc học tập và thực hành nghề nghiệp CLO7:Chăm chỉ, kiên trì, tận tâm, trung thực, làm việc có trách nhiệm

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**						
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7
Vàng da sơ sinh	1	3	2	2	3	2	2
Suy hô hấp sơ sinh	1	3	2	2	3	2	2
chẩn đoán và điều trị Tim bẩm sinh trẻ em	1	3	2	2	3	2	2
Viêm não	1	3	2	2	3	2	2
Tiếp cận trẻ bệnh nặng	1	3	2	2	3	2	2
Tiếp cận chẩn đoán và điều trị hội chứng thiếu máu trẻ em	1	3	2	2	3	2	2
Sốt xuất huyết	1	3	2	2	3	2	2
Tay chân miệng	1	3	2	2	3	2	2
Hen phế quản	1	3	2	2	3	2	2
Viêm tiểu phế quản	1	3	2	2	3	2	2
Suy giáp trạng bẩm sinh	1	3	2	2	3	2	2
Tăng sản thượng thận bẩm sinh	1	3	2	2	3	2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Vị trí/vai trò: Phần thực hành Nhi khoa 2 là bộ phận của Học phần Nhi khoa 2, có ý nghĩa quan trọng trong việc đào tạo sinh viên Y khoa đạt các chuẩn đầu ra phù hợp của chương trình đào tạo

Mục đích: Giúp người học vận dụng được kiến thức ở phần lý thuyết trong học phần vận dụng vào hành nghề thực tế.

Nội dung chính yếu: bao gồm cách khám và phát hiện các triệu chứng bất thường, các xét nghiệm. Chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp ở trẻ em

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun (thực hành)

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Tiếp cận trẻ bị bệnh nặng	**2**	**2**	- Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo. - Thực hành hỏi bệnh, thăm khám bệnh nhân. - Làm bệnh án tại các khoa phòng. - Chuẩn bị bệnh án thảo luận lâm sàng.
Viêm tiểu phế quản trẻ em	**2**	**2**	
Hen phế quản trẻ em	**2**	**2**	
Suy giáp trạng bẩm sinh	**2**	**2**	
Tăng sản thượng thận bẩm sinh	**2**	**2**	
Viêm não	**2**	**2**	
Bệnh tim bẩm sinh	**2**	**2**	
Thủy đậu/ Sởi	**4**	**4**	
Tay chân miệng/ Sốt xuất huyết	**4**	**4**	
Thiếu máu trẻ em	**2**	**2**	
Suy hô hấp trẻ em	**2**	**2**	
Hỏi thi	**4**		

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ môn Nhi, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2019), Bài giảng Nhi khoa (Tài liệu lưu hành nội bộ)

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Bệnh viện Nhi Trung ương (2018) "Hướng dẫn chẩn đoán điều trị bệnh trẻ em".

[2] Bộ Y Tế (2015) "Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh thường gặp ở trẻ em".

[3] Bệnh viện Bạch Mai (2002) "Tài liệu tập huấn chuyên ngành nhi khoa".

[4] Bệnh viện Nhi đồng 1 TP HCM – Đại học YDTPHCM (2013) "Phác đồ điều trị cấp cứu nhi khoa".

[5] Bộ môn Nhi Đại học Y khoa Hà Nội (2018) "Bài giảng nhi khoa".

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	Tiếp cận trẻ bị bệnh nặng	**2**				2	4
2	Viêm tiểu phế quản trẻ em	**2**				2	4
3	Hen phế quản trẻ em	**2**				2	4
4	Suy giáp trạng bẩm sinh	**2**				2	4

5	Tăng sản thượng thận bẩm sinh	**2**				2	4
6	Viêm não	**2**				2	4
7	Bệnh tim bẩm sinh	**2**				2	4
8	Thủy đậu/ Sởi	**4**				2	4
9	Tay chân miệng/ Sốt xuất huyết	**4**				2	4
10	Thiếu máu trẻ em	**2**				2	4
11	Suy hô hấp trẻ em	**2**				2	4
12	Hỏi thi		4				

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR CLO3 đến CLO7

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Dạy học bên giường bệnh: Đi buồng, điểm bệnh.

Dạy học ca bệnh dài. Thảo luận lâm sàng ca bệnh.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

Có phòng giảng được trang bị bảng phooc mica, bút dạ xóa được, máy đọc phim Xquang, bàn và ghế đủ cho giảng viên và sinh viên sử dụng (30 – 40 SV/tổ).

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên có mặt tại khoa thực tập đúng thời gian qui định, thực hiện đúng nội qui khoa phòng
- Sinh viên tham gia trực ít nhất 01 lần/tuần.
- Sinh viên nộp 01 bệnh án điều kiện vào thứ 6 cuối tuần cho giảng viên phụ trách.
- Sinh viên tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng
- Sinh viên nghỉ học không phép, bỏ trực, không nộp đủ bệnh án điều kiện không được dự thi cuối kỳ và phải đăng ký học lại.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Chuyên cần:**			
	Tham gia học và trực đầy đủ		Đạt/ không đạt	CLO 3 đến CLO7
	Tham gia trực đủ theo lịch trực		Đạt/ không đạt	
	Nộp bệnh án điều kiện đúng mẫu		Đạt/ không đạt	

2	**Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng (hệ 10 điểm)**			
	Thi thực hành tại bệnh viện	100%	≥ 4	CLO3 – CLO7

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm lý thuyết LT: điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần dược).
- Điểm kết thúc thực hành TH: Điểm thi thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (điểm LT x 2 + điểm TH)/3

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
DƯỢC LÂM SÀNG

Đối tượng đào tạo: Ngành Y đa khoa trình độ đại học; Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần/ mô đun: Dược lâm sàng
* Tiếng Việt: Dược lâm sàng
* Tiếng Anh: Clinical Pharmacy
- Mã học phần/ mô đun: MEDI 4117
- Số tín chỉ: LT: 1,5; TH: 0,5
- Đối tượng học (năm thứ): Năm thứ ba
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [x]	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Bệnh học, Vi sinh, Ký sinh, Dược lý 2, Hoá dược.
- Số tiết đối với các hoạt động học tập:
  + Lý thuyết: 23 tiết Thực hành: 15 tiết
  + Bài tập:
  + Thảo luận, hoạt động nhóm:
  + Kiểm tra:
  + Thời gian tự học:
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Dược lâm sàng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Đỗ Thị Hồng Sâm	0838618181	hongsamdo@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Duy Thức	0913540042	duythuc07@gmail.com
3	ThS. Bùi Thị Hảo	0988264429	haohaobn@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
MT1	Trình bày được một số vấn đề cơ bản liên	[CĐR2]	3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	quan đến quá trình sử dụng thuốc như dược động học, phản ứng có hại của thuốc, dị ứng thuốc, tương tác thuốc.		
MT2	Giải thích được việc lựa chọn thuốc điều trị dựa trên những thay đổi căn bản về sinh lý và bệnh lý của các đối tượng đặc biệt.	[CĐR3] [CĐR13]	3
MT3	Thể hiện được sự chính xác, cẩn thận, tinh thần làm việc có trách nhiệm trong việc phát hiện và đánh giá một số vấn đề cơ bản liên quan đến quá trình sử dụng thuốc: phản ứng có hại của thuốc, dị ứng thuốc, tương tác thuốc.	[CĐR14] [CĐR15]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Trình bày được một số vấn đề cơ bản liên quan đến quá trình sử dụng thuốc như dược động học, phản ứng có hại của thuốc, dị ứng thuốc, tương tác thuốc.	**CĐR1:** Trình bày được các kiến thức về dược động học của thuốc, phản ứng có hại của thuốc, dị ứng thuốc, tương tác thuốc trong giải thích và phân tích các vấn đề liên quan đến lĩnh vực dược, đưa ra các giải pháp phù hợp với vấn đề thực tiễn trong điều trị bằng thuốc cho bệnh nhân thông thường và bệnh nhân có thay đổi về sinh lý và bệnh lý.
Kỹ năng	
MT2: Giải thích được việc lựa chọn thuốc điều trị dựa trên những thay đổi căn bản về sinh lý và bệnh lý của các đối tượng đặc biệt.	**CĐR2:** Vận dụng được những kiến thức về dược động học, về dược lâm sàng vào thực hành nghề nghiệp có hiệu quả, phục vụ cho công tác điều trị và sử dụng thuốc hợp lý, an toàn.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3: Thể hiện được sự chính xác, cẩn thận, tinh thần làm việc có trách nhiệm trong việc phát hiện và đánh giá một số	**CĐR3:** Tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức và an toàn trong thực hành nghề nghiệp. Nhận thức đúng về vai trò người thầy thuốc. Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn; có năng lực nghiên cứu khoa học và ứng dụng tiến bộ khoa học

vấn đề cơ bản liên quan đến quá trình sử dụng thuốc: phản ứng có hại của thuốc, dị ứng thuốc, tương tác thuốc. Chú ý việc lựa chọn thuốc điều trị dựa trên những thay đổi căn bản về sinh lý và bệnh lý của các đối tượng đặc biệt.	công nghệ để đáp ứng các yêu cầu phát triển nghề nghiệp và phục vụ nhu cầu xã hội.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần		
	CĐR1	**CĐR2**	**CĐR3**
Phần 1. Các thông số dược động học cơ bản	2	2	1
Phần 2. Sự biến đổi các thông số dược động học và hiệu chỉnh liều khi sử dụng thuốc ở bệnh nhân suy giảm chức năng gan thận	2	2	1
Phần 3. Tương tác thuốc	2	2	1
Phần 4. Phản ứng bất lợi của thuốc	2	2	1
Phần 5. Dị ứng thuốc	2	2	1
Phần 6. Đường đưa thuốc và cách sử dụng	2	2	1

6. Mô tả học phần (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Dược lâm sàng là một môn học của ngành Dược nhằm tối ưu hóa việc sử dụng thuốc trong điều trị và phòng bệnh trên cơ sở những kiến thức về Dược và Y – Sinh học. Học phần Dược lâm sàng cung cấp kiến thức về các thông số dược động học cơ bản, số phận của thuốc trong cơ thể, sự biến đổi các thông số dược động học và hiệu chỉnh liều khi sử dụng thuốc ở bệnh nhân suy giảm chức năng gan thận, tương tác thuốc, dị ứng thuốc, phản ứng bất lợi của thuốc, đường đưa thuốc và cách sử dụng.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT TL KT	Tổng cộng		
Phần 1. Các thông số dược động học cơ bản 1. DIỆN TÍCH DƯỚI ĐƯỜNG CONG (AUC) 2. THỂ TÍCH PHÂN BỐ	04			04		Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

3. ĐỘ THANH THẢI CỦA THUỐC 4. THỜI GIAN BÁN THẢI ($T_{1/2}$) 5. KẾT LUẬN						
Phần 2. Sự biến đổi các thông số dược động học và hiệu chỉnh liều khi sử dụng thuốc ở bệnh nhân suy giảm chức năng gan thận. **MỞ ĐẦU** 1. Sự thay đổi các thông số dược động học ở bệnh nhân suy giảm chức năng gan – thận. 2. Hiệu chỉnh liều khi sử dụng thuốc ở bệnh nhân suy giảm chức năng gan – thận. **KẾT LUẬN**	04			04		Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Phần 3. Tương tác thuốc. 1. TƯƠNG TÁC THUỐC – THUỐC 2. TƯƠNG TÁC THUỐC - THỨC ĂN – NƯỚC UỐNG 3. HƯỚNG DẪN THỜI GIAN UỐNG THUỐC HỢP LÝ 4. KẾT LUẬN	04			04		Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Phần 4. Phản ứng bất lợi của thuốc. 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ PHÂN LOẠI PHẢN ỨNG BẤT LỢI CỦA THUỐC 2. NGUYÊN NHÂN GÂY PHẢN ỨNG BẤT LỢI CỦA THUỐC 3. CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN SỰ PHÁT SINH PHẢN ỨNG BẤT LỢI CỦA THUỐC 4. CÁC BIỆN PHÁP HẠN CHẾ PHẢN ỨNG BẤT LỢI CỦA THUỐC 5. CÁCH XỬ TRÍ KHI NGHI NGỜ XUẤT HIỆN PHẢN ỨNG	04			04		Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

BẤT LỢI CỦA THUỐC 6. BÁO CÁO PHẢN ỨNG BẤT LỢI CỦA THUỐC 7. KẾT LUẬN						
Phần 5. Dị ứng thuốc. 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ PHÂN LOẠI DỊ ỨNG THUỐC 2. CÁC NHÓM THUỐC SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRỊ DỊ ỨNG THUỐC 3. NGUYÊN TẮC XỬ TRÍ VÀ CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG TRÁNH DỊ ỨNG THUỐC 4. KẾT LUẬN	04			04		Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Phần 6. Đường đưa thuốc và cách sử dụng. 1. ĐƯA THUỐC QUA ĐƯỜNG TIÊU HÓA 2. ĐƯA THUỐC THEO ĐƯỜNG TIÊM 3. ĐƯA THUỐC QUA ĐƯỜNG HÔ HẤP 4. KẾT LUẬN	03			03		Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ Y tế (2009), *Dược lâm sàng*, NXB Y học, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ Y tế (2010*), Dược điển Việt Nam IV*, NXB Y học, Hà Nội
2. Bộ Y tế (2002), *Dược thư quốc gia Việt Nam*, xuất bản lần thứ nhất, Hà Nội.
3. Đại học Y Hà Nội (1999), *Dược lâm sàng*, NXB Y học, Hà Nội.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Phần 1. Các thông số dược động học cơ bản 1. DIỆN TÍCH DƯỚI ĐƯỜNG CONG (AUC) 2. THỂ TÍCH PHÂN BỐ	04					08

	3. ĐỘ THANH THẢI CỦA THUỐC 4. THỜI GIAN BÁN THẢI ($T_{1/2}$) 5. KẾT LUẬN						
2	Phần 2. Sự biến đổi các thông số dược động học và hiệu chỉnh liều khi sử dụng thuốc ở bệnh nhân suy giảm chức năng gan thận. **MỞ ĐẦU** 1. Sự thay đổi các thông số dược động học ở bệnh nhân suy giảm chức năng gan – thận. 2. Hiệu chỉnh liều khi sử dụng thuốc ở bệnh nhân suy giảm chức năng gan – thận. **KẾT LUẬN**	04					08
3	Phần 3. Tương tác thuốc. 1. TƯƠNG TÁC THUỐC – THUỐC 2. TƯƠNG TÁC THUỐC - THỨC ĂN – NƯỚC UỐNG 3. HƯỚNG DẪN THỜI GIAN UỐNG THUỐC HỢP LÝ 4. KẾT LUẬN	04					08
4	Phần 4. Phản ứng bất lợi của thuốc. 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ PHÂN LOẠI PHẢN ỨNG BẤT LỢI CỦA THUỐC 2. NGUYÊN NHÂN GÂY PHẢN ỨNG BẤT LỢI CỦA THUỐC 3. CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN SỰ PHÁT SINH PHẢN ỨNG BẤT LỢI CỦA THUỐC 4. CÁC BIỆN PHÁP HẠN CHẾ PHẢN ỨNG BẤT LỢI CỦA THUỐC 5. CÁCH XỬ TRÍ KHI NGHI NGỜ XUẤT HIỆN PHẢN ỨNG BẤT LỢI CỦA THUỐC 6. BÁO CÁO PHẢN ỨNG BẤT LỢI CỦA THUỐC 7. KẾT LUẬN	04					08

5	Phần 5. Dị ứng thuốc. 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ PHÂN LOẠI DỊ ỨNG THUỐC 2. CÁC NHÓM THUỐC SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRỊ DỊ ỨNG THUỐC 3. NGUYÊN TẮC XỬ TRÍ VÀ CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG TRÁNH DỊ ỨNG THUỐC 4. KẾT LUẬN	04					08
6	Phần 6. Đường đưa thuốc và cách sử dụng. 1. ĐƯA THUỐC QUA ĐƯỜNG TIÊU HÓA 2. ĐƯA THUỐC THEO ĐƯỜNG TIÊM 3. ĐƯA THUỐC QUA ĐƯỜNG HÔ HẤP 4. KẾT LUẬN	03					06

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

* Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình [x] Động não [x] Từng cặp /Chia sẻ □

Học dựa trên vấn đề [x] Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □

Mô phỏng □ Nghiên cứu tình huống [x]

Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR1 đến CĐR3.
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ từ CĐR1 đến CĐR3.
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ từ CĐR1 đến CĐR3.
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ từ CĐR1 đến CĐR3.

* Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy trực tuyến sử dụng phần mềm ZOOM/TEAM.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projecter, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần			
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn.			
	Thực hành	33,3%		
2	**Điểm thi kết thúc học phần**			
	Thi lý thuyết (Trắc nghiệm trên máy tính)	66,7%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 3

12.3. Điểm tổng kết học phần

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần dược).
- Điểm kết thúc thực hành thực hành là trung bình cộng điểm của các bài thực hành
- Điểm tổng kết học phần = (Điểm thi lý thuyết x 2 + Điểm thi thực hành) / 3

12.4. Hướng dẫn thực hiện

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**PT BỘ MÔN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
DƯỢC LÂM SÀNG

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ đa khoa, Mã số đào tạo: 772010

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần: Dược lâm sàng
* Tiếng Việt: Dược lâm sàng
* Tiếng Anh: Clinical pharmacy
- Mã học phần:
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 0,5
- Đối tượng học (năm thứ): Y đa khoa năm thứ 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [x]	Tự chọn □	

- Học phần tiên quyết: Học sau phần lý thuyết của bài thực hành tương ứng
- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun:

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths. Đỗ Thị Hồng Sâm	0838618181	hongsamdo@gmail.com
2	Ths. Bùi Thị Hảo	0988264429	haohaobn@gmail.com
3	ThS. Nguyễn Duy Thức	0913540042	duythuc07@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT1	Vận dụng kiến thức về dược lâm sàng áp dụng vào thực tế nghề nghiệp	[CĐR2] [CĐR3] [CĐR13]	2
	Kỹ năng		
MT2	Kỹ năng tra cứu thông tin thuốc, tương tác thuốc; Tư vấn sử dụng một số dụng cụ đặc biệt; Tính toán các thông số cơ bản trong sử dụng thuốc	[CĐR2] [CĐR3] [CĐR13]	2
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
MT3	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	[CĐR15]	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
MT1. Vận dụng kiến thức về dược lâm sàng áp dụng vào thực tế nghề nghiệp	CLO1: Mô tả được đặc điểm về cấu trúc và nội dung của một số tài liệu tra cứu thông tin thuốc thường dùng: Dược thư Việt Nam, Martindale, AHFS, BNF, BNFC, Meyler's side effect of drugs, Drugs during prenacy and lactation. CLO 2: Kể tên được các trang web tiếng Việt và tiếng Anh thường dùng khi tra cứu thông tin thuốc
MT2. Kỹ năng tra cứu thông tin thuốc, tương tác thuốc; Tư vấn sử dụng một số dụng cụ đặc biệt; Tính toán các thông số cơ bản trong sử dụng thuốc	CLO 3: Sử dụng được một số chức năng và công cụ cơ bản trên Pubmed để tra cứu thông tin thuốc. CLO 4: Tìm kiếm thông tin về tương tác thuốc từ một số nguồn thông tin sẵn có. CLO 5: Tư vấn và hướng dẫn cho người bệnh sử dụng đúng cách một số dụng cụ và dạng bào chế đặc biệt. CLO 6: Tính toán và áp dụng giá trị của một số thông số cơ bản trong hướng dẫn sử dụng thuốc.
MT3: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	CLO 7: Có tinh thần trách nhiệm tập thể, ý thức cá nhân nỗ lực giải quyết các yêu cầu tình huống trong bài thực hành. Rèn luyện tính kỷ luật thực hiện bài tập trong giải quyết vấn đề pháp luật ở lĩnh vực dược

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)						
	1	2	3	4	5	6	7
Tra cứu thông tin thuốc	3	3	2				2

Tra cứu tương tác thuốc				2			2
Tư vấn sử dụng một số dụng cụ đặc biệt					2		2
Tính toán các thông số cơ bản trong sử dụng thuốc						2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Vị trí/vai trò của phần Thực hành: Vận dụng lý thuyết trong việc thực hành tra cứu thông tin thuốc, tương tác thuốc, hướng dẫn sử dụng các dụng cụ đặc biệt và tính toán các thông số cơ bản trong sử dụng thuốc.

Mô tả Học phần: Sinh viên có thể thực hiện các quy trình tra cứu thông tin thuốc, tương tác thuốc, sử dụng được các dụng cụ đặc biệt trong điều trị và tính toán được các thông số cơ bản trong sử dụng thuốc.

Mục đích của phần Học phần: Áp dụng thực hành lý thuyết về thông tin thuốc, tương tác thuốc, hướng dẫn sử dụng các dụng cụ đặc biệt và tính toán các thông số cơ bản trong sử dụng thuốc.

Nội dung chính yếu: thực hành cách tra cứu thông tin thuốc, tương tác thuốc, tư vấn và hướng dẫn sử dụng các dụng cụ đặc biệt, tính toán các thông số cơ bản trong sử dụng thuốc.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Tra cứu thông tin thuốc	04	04	-Đọc bài và chuẩn bị tài liệu cần tra cứu và sử dụng. -Tham khảo các tài liệu được giáo viên cung cấp. -Thực hiện tra cứu các phần mềm, tài liệu tra cứu - Hoàn thành báo cáo thực tập theo yêu cầu của bộ môn.
Tra cứu tương tác thuốc	04	04	
Tư vấn sử dụng một số dụng cụ đặc biệt	04	04	
Tính toán các thông số cơ bản trong sử dụng thuốc	04	04	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Hoàng Kim Huyền (2011), *Dược lâm sàng đại cương*, NXB Y học, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Đại học Y Hà Nội (1999), *Dược lâm sàng*, NXB Y học, Hà Nội.
2. Bộ Y tế (2015), *Dược thư quốc gia Việt Nam*, xuất bản lần thứ nhất, Hà Nội
3. http://www.medicinescomplete.com/mc/
4. http://www.medicines.org.uk/EMC/
5. http://www.fda.gov/
6. http://www.ema.europa.eu/ema/
7. http://www.dav.gov.vn/

8.3. Phần mềm:

1. Pocket Companion 2010 phiên bản điện tử. Stockley’s Drugs Interactions.

2. Medscape LLC phiên bản điện tử. Multi-Drug Interaction Checker truy cập tại www.Drugs.com.

3. Drugsite Trust phiên bản điện tử. Drug Interaction Checker truy cập tại www.medscape.com.

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Báo cáo/ Seminar	
1	Tra cứu thông tin thuốc	1,5	0,5	1,0	0,5	0,5	04
2	Tra cứu tương tác thuốc	1,5	0,5	1,0	0,5	0,5	04
3	Tư vấn sử dụng một số dụng cụ đặc biệt	1,5	0,5	1,0	0,5	0,5	04
4	Tính toán các thông số cơ bản trong sử dụng thuốc	1,5	0,5	1,0	0,5	0,5	04

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR1 đến CĐR6.

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình [x] Động não [x] Phản biện [x] Học dựa trên vấn đề □

Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống [x] Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập [x]

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra .CĐR1 và CĐR 4

Học tập thảo luận đạt CĐR2 và CĐR 3

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CĐR5, CĐR6.

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Giảng viên cung cấp thiết kế bài giảng, nội dung thảo luận và chuyển tại cho sinh viên chuẩn bị báo cáo bài tập, báo cáo slide theo một báo cáo khoa học
- Có máy tính và projecter

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên không được tự ý vắng buổi thực hành nào, không đến chậm quá 15 phút
- Sinh viên phải viết báo cáo, trả lời các câu hỏi của giảng viên
- Sinh viên không có bài nộp sẽ coi như bị điểm F

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm (tùy bộ môn)

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình:** Mỗi bài đều được đánh giá chấm điểm kết hợp 3 thành tố: Chuẩn bị và báo cáo slide + trả lời vấn đáp + chuẩn bị bài tập			
	Bài 1: Tra cứu thông tin thuốc	25%	≥ 4	CLO 1 đến CLO 7
	Bài 2: Tra cứu tương tác thuốc	25%	≥ 4	
	Bài 3: Tư vấn sử dụng một số dụng cụ đặc biệt	25%	≥ 4	
	Bài 4: Tính toán các thông số cơ bản trong sử dụng thuốc	25%	≥ 4	
2	**Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng**			
	Trung bình cộng điểm các bài thảo luận	100%	≥ 4	CLO 1 đến CLO 7

12.3. Điểm tổng kết học phần

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần dược).
- Điểm kết thúc thực hành thực hành là trung bình cộng điểm của các bài thực hành
- Điểm tổng kết học phần = (Điểm thi lý thuyết x 2 + Điểm thi thực hành) / 3

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	PT BỘ MÔN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
	Nguyễn Văn Quân	**Đỗ Thị Hồng Sâm**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học, Bác sĩ Y khoa. Mã ngành: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: Truyền Nhiễm

* Tiếng Việt: Truyền nhiễm

* Tiếng Anh: Infectious

- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 02 LT/ 01TH
- Số tiết đối với các hoạt động học tập:

  + Lý thuyết: 30 tiết
  + Thực hành: 3 tuần
  + Kiểm tra: (test+ hỏi thi lâm sàng)
  + Thời gian tự học:

- Đối tượng học (năm thứ): 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành ☑		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Điều kiện tham gia học phần:

  + Học phần tiên quyết: Truyền nhiễm
  + Học phần học trước: Sinh lý
  + Học phần song hành: Sinh lý bệnh, miễn dịch

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Truyền Nhiễm

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Trần Thị Thu Hà	0904288514	Thuha1968bvtt@gmail.com
2	Đinh Thị Thúy Hà	0946887509	Bs.dinhha72@gmail.com
3	Lê Thị Phương Thảo	0904017479	Lethao.bvtt88@gmail.com
4	Trần Thanh Hà	0965607190	Hatran1090@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Sau khi học xong học phần sinh viên có kiến thức về nguyên nhân, các yếu tố dịch tễ (đường lây, nguồn lây, mầm bệnh, cơ thể cảm thụ, phân bố dịch tễ..), triệu chứng của một số bệnh lý truyền nhiễm thường gặp trên lâm sàng , có kiến thức về chẩn đoán, điều trị, một số bệnh truyền nhiễm, dự phòng một số bệnh trong cộng đồng và nhận thức tầm quan trọng của môn Truyền Nhiễm trong thực hành lâm sàng.Biết phòng bệnh cho bản thân gia đình và cộng đồng.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Nêu được nguyên nhân, các yếu tố dịch tễ , dự phòng thích hợp một số bệnh lý thường gặp.
CLO2	Nêu được các triệu chứng của một số bệnh truyền nhiễm
CLO3	Phân tích và chẩn đoán các bệnh truyền nhiễm trên
CLO4	Có thể xử trí tham gia điều trị một số bệnh truyền nhiễm, phòng bệnh cho bản thân , gia đình, cộng đồng

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
CLO 1	2	2				1	1										
CLO 2	2					1											
CLO 3	2					2											
CLO 4	2	2				1											

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Máy chiếu (màn hình led), loa, mic

6.1.2. Thực hành:

Thực tập tại các bệnh viện có khoa Truyền nhiễm

+ Sinh viên học thực hành tại 4 bệnh viện (BV Tuệ Tĩnh, BV ĐK Hà Đông, BV ĐK Đống Đa, BV YHCT TW)

+ Thời gian học : 03 tuần / 01 lớp

+ Kiểm tra: Yêu cầu 01 tuần sinh viên có 02 bệnh án điều kiện

+ Cuối đợt thực hành: 01 bài kiểm tra (hình thức: làm bệnh án+ hỏi thi trên bệnh nhân)

6.1.3. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học.Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Bài tập: Chuẩn bị bài trước khi lên lớp, trả lời các câu hỏi trong bài và thảo luận nhóm về các tiêu chuẩn chẩn đoán một số bệnh lý.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết lý thuyết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%, thực hành đạt 100%

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về bệnh Truyền Nhiễm: Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, các mức độ biểu hiện lâm sàng , chẩn đoán , dịch tễ cũng như khả năng lây nhiễm của bệnh truyền nhiễm, biết cách phòng bệnh cho bản thân và cộng đồng bị không bị lây nhiễm . Vận dụng kiến thức đã học để xác định chẩn đoán và sàng lọc một số bệnh lý thường gặp ở Việt Nam.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

uần / Buổi 4 tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đại cương	04 LT/	- Quá trình hình thành lịch sử môn truyền nhiễm - Một số các thuật ngữ, định nghĩa về bệnh truyền nhiễm - Các nguyên nhân gây bệnh truyền nhiễm - Tình hình bệnh truyền nhiễm trong nước và nước ngoài	CLO1		Đọc giáo trình Truyền Nhiễm (lưu hành nội	
2		04 LT/					

3	Các bệnh lý lây qua các đường - Hô hấp - Huyết học - Tiêu hóa - Da, Niêm mạc	04 LT/	- Phát hiện nguyên nhân, triệu chứng một số bệnh lý thường gặp, đề xuất hướng dự phòng và điều trị thích hợp - Vận dụng kiến thức nhận định và mô tả được các tr/c của một số bệnh lý thường gặp, đối chiếu biêu hiện trên lâm sàng - Nhận thức được vai trò của công tác phòng chống dịch lây nhiễm	, CLO2 , CLO3 CLO4	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận	bộ) Nghe, trả lời câu hỏi và thảo luận	
4		04 LT/					
5		04 LT/					
6		04 LT/					

Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi 3 tuần	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Thực hành lâm sàng tại bệnh viện		Biết khám và phát hiện triệu chứng Chẩn đoán, Điều trị, dự phòng Một số bệnh lý truyền nhiễm thông thường				Học trên bệnh nhân cụ thể tại bệnh viện	

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng**
đánh giá	**MỨC F (0-3.9)**	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	**số**
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành vấn đáp

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Thái độ trả lời câu hỏi	Thái độ giao tiếp, trả lời thô lỗ, không hợp tác, thiếu tôn trọngtrong giao tiếp. Sử dụng thuật ngữ không phù hợp, giọng nói khó nghe.	Thái độ giao tiếp, trả lời câu hỏi lễ độ. Sử dụng các thuật ngữ trong câu trả lời phức tạp, khó hiểu. Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin.	Thái độ giao tiếp, trả lời nhẹ nhàng, hòa nhã. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời	Thái độ trong câu trả lời tự tin, từ tốn, nhẹ nhàng, điềm đạm. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời đơn giản, dễ hiểu. Giọng nói lưu	Thái độ giao tiếp, trả lời rất tự tin, Giọng nói rõ ràng, lưu loát. thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe.	20%

			lời phù hợp, dễ hiểu.	loát, rõ ràng.		
Chẩn đoán bệnh nhân	Không thực hiện được chẩn đoán bệnh	Thực hiện được chẩn đoán chưa đầy đủ (đạt 30%) ý	Thực hiện được chẩn đoán được30% -50% ý	Thực hiện được chẩn đoán được 50% -80% ý	Thực hiện được chẩn đoán được 80-100% ý	20%
Nội dung trả lời	Các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếutự tin trong các câu trả lời.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về sự hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	60%

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**CĐR của học phần/mô đun (CLO)**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Lý thuyết		Điểm chuyên cần		20	1		
		Điểm thi	01	50		CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	Trắc nghiệm trên máy tính
Thực hành		Điểm thi thực hành	01	30	2	CLO2, CLO3, CL04	Thi trên bệnh nhân

9.3. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.4. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm chuyên cần, Điểm lý thuyết và Điểm thực hành theo bảng 9.3.1*

TK = 0.2 CC + 0.3 TH + 0.5 Thi

10. Tài liệu học tập

1. Bài giảng bệnh truyền nhiễm – Đại học Y Hà Nội - Nhà xuất bản y học 2016
2. Bài giảng bệnh Truyền Nhiễm - Học viện Y Dược Học cổ Truyền Việt Nam

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	PT BỘ MÔN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN

MODULE YHCT (PHẦN LÂM SÀNG)

(Kèm theo Quyết định số: 1141a / QĐ-HVYDCT, ngày 26 tháng 10 năm 2020 và 792 / QĐ-HVYDCT, ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện)

Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành: Y khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/mô đun:

* Tiếng Việt: Y học cổ truyền

* Tiếng Anh: Traditional Medicine

- Mã học phần/ mô đun: MEDI 5121

- Số tín chỉ: 03LT/ 01 LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập:

+ Lâm sàng: 15 tiết

+ Bài tập: 0 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết

+ Kiểm tra: 0 tiết

+ Thời gian tự học: 60 tiết

- Đối tượng học (năm thứ): 5

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp [X]						Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc [X]	Tự chọn ☐	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): Sinh lý, sinh lý bệnh, giải phẫu, giải phẫu bệnh.

+ Học phần học trước (đã học): Module Nội khoa Y học hiện đại.

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun:

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	PGS. TS. Trần Thị Thu Vân	0989255272	Phương tễ	Thuvan1972@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thuỳ Dương	0383170825		thuyduongyhct@gmail.com
3	Ths. Nguyễn Thị Trang	0947945836		Bstrang16488@gmail.com
4	TS. Trần Thị Hồng Ngãi	0915009672	Y lý	**ngaidytw72@yahoo.com**
5	TS. Trần Thị Thu Hiền	0915380664	Thực vật-DL-DCT	tran.hien@dotochy.com
6	Ths. Phạm Thị Cẩm Yên	0912931204	Châm cứu	camyentuetinh@gmail.com
7	BSCK II. Nguyễn Minh Hà	0915965596	Nội	bsminhha99@gmail.com
8	ThS. Đặng Thị Lan Phương	0944143089	Ngoại	drlanphuong89@gmail.com
9	Ths. Lê Văn Trường	0984739379	KHDS-XBBH	truongle1606@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT1	Thực hiện được một số phương pháp	[CĐR1], [CĐR 3]	3

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	điều trị không dùng thuốc của Y học cổ truyền.		
MT2	Thực hiện được các bước khám và phát hiện triệu chứng cơ bản của Y học cổ truyền.	[CĐR6] [CĐR9]	3
	Kỹ năng		
	- Kỹ năng làm bệnh án Y học cổ truyền - Kỹ năng tiếp xúc, thăm khám bệnh nhân lâm sàng - Kỹ năng châm cứu, bấm huyệt trên bệnh nhân - Kỹ năng Thu thập và xử lý thông tin, báo cáo, và xử lý thông tin, trình bày	[CĐR9] [CĐR10]	3
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	[CĐR11]	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Thực hiện được các bước khám và phát hiện triệu chứng cơ bản của Y học cổ truyền. **MT2**: Thực hiện được một số phương pháp điều trị không dùng thuốc của Y học cổ truyền như châm cứu, bấm huyệt, cứu ngải, giác hơi,…	**CLO1**: Vận dụng kiến thức đã học lý thuyết về vọng văn vấn thiết để Biết cách làm một bệnh án Y học cổ truyền **CLO 2**: Thực hiện trên bệnh nhân các thủ thuật như châm cứu, bấm huyệt, cứu ngải, giác hơi,... **CLO3:** Vận dụng được kiến thức điều trị được một số bệnh cơ bản thường gặp bằng Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại.
Kỹ năng	
MT3: - Kỹ năng làm bệnh án Y học cổ truyền - Kỹ năng tiếp xúc, thăm khám bệnh nhân lâm sàng - Kỹ năng châm cứu, bấm huyệt trên bệnh nhân - Kỹ năng Thu thập và xử lý thông tin, báo cáo, và xử lý thông tin, trình bày	**CLO 4:** Vận dụng các hiểu biết về triệu chứng, chẩn đoán để tiếp xúc, thăm khám người bệnh, đưa ra hướng điều trị, và bàn luận, phản biện trong nhóm học tập
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	**CLO 5**: Có tình thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)				
	1	2	3	4	5
Bài 1. Giới thiệu về Module YHCT	2	2	2	2	2

Lược sử hình thành và phát triển Y học cổ truyền Việt Nam. Thân thế và sự nghiệp của Đại Y Thiền Sư Tuệ Tĩnh và Hải thượng Lãn ông Lê Hữu Trác					
Bài 2. Các học thuyết cơ bản của Y học cổ truyền và nguyên nhân gây bệnh.	2	2	2	2	2
Bài 3. Nguyên tắc chẩn đoán và điều trị của Y học cổ truyền	2	2	2	2	2
Bài 4. Đại cương, cơ chế tác dụng và nguyên tắc ứng dụng của Châm - Cứu. Kỹ thuật châm cứu và các huyệt vị hay dùng trên lâm sàng.	2	2	2	2	2
Bài 5. Nguồn gốc, lịch sử của Khí công Dưỡng sinh - Một số kỹ thuật dưỡng sinh cơ bản	2	2	2	2	2
Bài 6. Ứng dụng của Dưỡng sinh trên lâm sàng Nguồn gốc, lịch sử của Xoa bóp bấm huyệt.	2	2	2	2	2
Bài 7. Một số kỹ thuật XBBH cơ bản - Ứng dụng của XBBH trên lâm sàng.	2	2	3	2	3
Bài 8. Đại cương về Phương tễ và một số bài thuốc kinh điển hay dùng trên lâm sàng.	2	2	2	2	2
Bài 9. Giới thiệu về thuốc Nam và các ứng dụng trong cuộc sống và lâm sàng điều trị bệnh. Bài 10. Ứng dụng YHCT trong điều trị các bệnh cơ xương khớp.	2	2	2	2	2
Bài 11. Ứng dụng YHCT trong điều trị các bệnh thần kinh ngoại vi, suy nhược cơ thể... Ứng dụng YHCT trong dự phòng và phục hồi sau tai biến mạch não.	2	2	2	2	2
Bài 12. Ứng dụng YHCT trong điều trị một số bệnh Ngoại khoa thường gặp (trĩ, vô sinh, rối loạn cương dương, viêm da	2	2	2	2	2

cơ địa...)					
Bài 13. Nghiên cứu khoa học và Hỏi-Đáp	2	2	2	2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Vị trí/vai trò: Phần lâm sàng là bộ phận của Học phần Module YHCT đòi hỏi người học muốn hiểu về Y học cổ truyền có giá trị thế nào đối với sức khỏe cộng đồng thì phải biết thăm khám, phát hiện bệnh, tư vấn được cho người bệnh nên điều trị theo phương pháp nào.

Mục đích: Giúp người học vận dụng được kiến thức ở phần lý thuyết trong học phần vận dụng vào hành nghề thực tế.

Nội dung chính yếu: Sử dụng kỹ năng và tư duy trong khám lâm sàng, tiếp xúc bệnh nhân, làm bệnh án, làm một số thủ thuật đơn giản như châm cứu, bấm huyệt các bệnh lý cơ bản

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian học lâm sàng (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Hướng dẫn khám Vọng Văn YHCT	2	4	- Chuẩn bị báo cáo Slide theo nhóm - Thấu hiểu và phản ứng nhanh khi vấn đáp - Ưu tiên phản biện, tính sáng tạo - Có khả năng tiếp xúc người bệnh linh hoạt - Học tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật - Biết làm bệnh án YHCT
Hướng dẫn khám Vấn Thiết YHCT	2	4	
Hướng dẫn làm bệnh án YHCT	2	4	
Hướng dẫn huyệt và kỹ thuật châm cứu	2	4	
Hướng dẫn về KCDS và XBBH	2	4	
Hướng nhẫn nhận biết một số vị thuốc	2	4	
Bình bệnh án Đau lưng cấp	2	4	
Bình bệnh án Rối loạn giấc ngủ	2	4	
Bình bệnh án Đau vai gáy cấp	2	4	
Bình bệnh án Trĩ	2	4	
Đi buồng, Thảo luận case lâm sàng SV tự chọn	**9**	**12**	

,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Tài liệu phát tay của các bộ môn tham gia giảng dạy.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Trần Thúy, Bài giảng Y học cổ truyền, Nhà xuất bản Y học, 2005.

9. Kế hoạch giảng dạy lâm sàng

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 11.1.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Hướng dẫn khám Vọng Văn YHCT	0/2/2	Thực hiện được các bước khám Vọng chẩn và Văn chẩn	1,2,3,4	Thuyết trình, thảo luận nhóm, CBL, PBL, dạy tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật...	Thuyết trình, thảo luận nhóm, CBL, PBL, dạy tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật...	Hướng dẫn khám Vọng Văn YHCT
	Hướng dẫn khám Vấn Thiết YHCT	0/2/2	Thực hiện được các bước khám Vấn chẩn và Thiết chẩn	1,2,3,4	Thuyết trình, thảo luận nhóm, CBL, PBL, dạy tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật...	Thuyết trình, thảo luận nhóm, CBL, PBL, dạy tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật...	Hướng dẫn khám Vấn Thiết YHCT

	Hướng dẫn làm bệnh án YHCT	0/2/2	Trình bày được cách làm bệnh án YHCT	1,2,3,4	Thuyết trình, thảo luận nhóm, CBL, PBL, dạy tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật...	Thuyết trình, thảo luận nhóm, CBL, PBL, dạy tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật...	Hướng dẫn làm bệnh án YHCT
	Hướng dẫn huyệt và kỹ thuật châm cứu	0/2/2	Thực hiện được kỹ thuật châm cứu cơ bản trên một số huyệt thường dùng.	1,2,3,4	Thuyết trình, thảo luận nhóm, CBL, PBL, dạy tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật...	Thuyết trình, thảo luận nhóm, CBL, PBL, dạy tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật...	Hướng dẫn huyệt và kỹ thuật châm cứu
	Hướng dẫn về KCDS và XBBH	0/2/2	Thực hiện được kỹ thuật KCDS và XBBH cơ bản.	1,2,3,4	Thuyết trình, thảo luận nhóm, CBL, PBL, dạy tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân	Thuyết trình, thảo luận nhóm, CBL, PBL, dạy tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật...	Hướng dẫn về KCDS và XBBH

					thật...		
	Hướng dẫn nhận biết một số vị thuốc	0/2/2	Nhận định được một số vị thuốc.	1,2,3,4	Thuyết trình, thảo luận nhóm, CBL, PBL, dạy tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật...	Thuyết trình, thảo luận nhóm, CBL, PBL, dạy tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật...	Hướng dẫn nhận biết một số vị thuốc
	Bình bệnh án Đau lưng cấp	0/2/2	Khám và làm được bệnh án điều trị đau lưng cấp bằng Y học cổ truyền.	1,2,3,4	Thuyết trình, thảo luận nhóm, CBL, PBL, dạy tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật...	Thuyết trình, thảo luận nhóm, CBL, PBL, dạy tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật...	Bình bệnh án Đau lưng cấp
	Bình bệnh án Rối loạn giấc ngủ	0/2/2	Khám và làm được bệnh án điều trị rối loạn giấc ngủ bằng Y học cổ truyền.	1,2,3,4	Thuyết trình, thảo luận nhóm, CBL, PBL, dạy tại buồng bệnh nhân trên bệnh	Thuyết trình, thảo luận nhóm, CBL, PBL, dạy tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật...	Bình bệnh án Rối loạn giấc ngủ

					nhân thật...		
	Bình bệnh án Đau vai gáy cấp	0/2/2	Khám và làm được bệnh án điều trị đau vai gáy cấp bằng Y học cổ truyền.	1,2,3,4	Thuyết trình, thảo luận nhóm, CBL, PBL, dạy tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật...	Thuyết trình, thảo luận nhóm, CBL, PBL, dạy tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật...	Bình bệnh án Đau vai gáy cấp
	Bình bệnh án Trĩ	0/2/2	Khám và làm được bệnh án điều trị trĩ bằng Y học cổ truyền.	1,2,3,4	Thuyết trình, thảo luận nhóm, CBL, PBL, dạy tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật...	Thuyết trình, thảo luận nhóm, CBL, PBL, dạy tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật...	Bình bệnh án Trĩ
	Thảo luận case lâm sàng SV tự chọn	0/2/2	Khám và làm được bệnh án điều trị case lâm sàng sinh viên tự chọn.	1,2,3,4	Thuyết trình, thảo luận nhóm, CBL, PBL, dạy tại buồng bệnh nhân	Thuyết trình, thảo luận nhóm, CBL, PBL, dạy tại buồng bệnh nhân trên bệnh	Thảo luận case lâm sàng SV tự chọn

					trên bệnh nhân thật...	nhân thật...	
	Đi buồng và giải đáp thắc mắc	0/2/2	Đi buồng và giải đáp thắc mắc trước thi lâm sàng.	1,2,3,4	Thuyết trình, thảo luận nhóm, CBL, PBL, dạy tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật...	Thuyết trình, thảo luận nhóm, CBL, PBL, dạy tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật...	Đi buồng và giải đáp thắc mắc

Ghi chú:

- *(3) Số tiết (TH/LS/KT…): Xác định số tiết thực hành, lâm sàng, kiểm tra… của từng chương*
- *(6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*
- *(7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số….).*

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình [x] Động não [x] Từng cặp /Chia sẻ [x]

Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm [x] Đóng vai [x] Học dựa vào dự án □

Mô phỏng □ Nghiên cứu tình huống [x] Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập [x]

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Nghiên cứu tình huống lâm sàng thực tế trên bệnh nhân: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn đầu ra

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp trên người bệnh

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy lâm sàng:

Lâm sàng:

VD: Bệnh viện.... (đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ-CP)

Bảng 11.1.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy tính, máy chiếu, máy in, phim XQ, phim CT, phim MRI, các tranh ảnh cận lâm sàng
2	Kim châm cứu, dụng cụ sát khuẩn, giường thực hành
3	Ống nghe, búa phản xạ, thước đo dây và các dụng cụ khác phục vụ trong khám bệnh
4	Giảng đường, phòng thực hành, phòng bệnh.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên cần tham gia học đủ:

+ Tối thiểu 80% tiết học lý thuyết

+ 100% số tiết lâm sàng.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình: (hệ 10 điểm)** Mỗi bài đều được đánh giá chấm điểm kết hợp 3 thành tố: Viết Bệnh án + Kỹ năng làm thủ thuật + Kỹ năng thuyết trình phản biện			
	Bài 1: Bệnh án lâm sàng tuần 1	25%	≥ 4	CLO 1 đến CLO6
	Bài 2: Bệnh án lâm sàng tuần 2	25%	≥ 4	
	Bài 3: Bệnh án lâm sàng tuần 3	25%	≥ 4	
	Bài 4: Châm cứu trên 3 bệnh nhân	25%	≥ 4	
	Bài 5: XBBH trên 3 bệnh nhân	25%	≥ 4	
2	**Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng (hệ 10 điểm)**			
	Hỏi thi trên bệnh án lâm sàng	100%	≥ 5	CLO1 - CLO6

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm
- Điểm kết thúc lâm sàng là hỏi thi lâm sàng trên bệnh án, bệnh nhân có thật tại bệnh viện thực hành.
- Điểm đánh giá kết thúc học phần

Điểm TKMH = (Điểm TK Lý thuyết * 3 + Điểm lâm sàng*1)/4

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN
MODULE YHCT (PHẦN LÝ THUYẾT)

(Kèm theo Quyết định số: 1141a / QĐ-HVYDCT, ngày 26 tháng 10 năm 2020 và 792 / QĐ-HVYDCT, ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện)

Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành: Y khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/mô đun:

* Tiếng Việt: Y học cổ truyền

* Tiếng Anh: Traditional Medicine

- Mã học phần/ mô đun: MEDI 5121

- Số tín chỉ: 03LT/ 01 LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập:

+ Lý thuyết: 45 tiết

+ Bài tập: 0 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết

+ Kiểm tra: 0 tiết

+ Thời gian tự học: 60 tiết

- Đối tượng học (năm thứ): 5

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp [X]						
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc [X]	Tự chọn ☐	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): Sinh lý, sinh lý bệnh, giải phẫu, giải phẫu bệnh.

+ Học phần học trước (đã học): Module Nội khoa Y học hiện đại.

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun:

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	PGS. TS. Trần Thị Thu Vân	0989255272	Phương tễ	Thuvan1972@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thuỳ Dương	0383170825		thuyduongyhct@gmail.com
3	Ths. Nguyễn Thị Trang	0947945836		Bstrang16488@gmail.com
4	TS. Trần Thị Hồng Ngãi	0915009672	Y lý	**ngaidytw72@yahoo.com**
5	TS. Trần Thị Thu Hiền	0915380664	Thực vật-DL-DCT	tran.hien@dotochy.com
6	Ths. Phạm Thị Cẩm Yên	0912931204	Châm cứu	camyentuetinh@gmail.com
7	BSCK II. Nguyễn Minh Hà	0915965596	Nội	bsminhha99@gmail.com
8	ThS. Đặng Thị Lan Phương	0944143089	Ngoại	drlanphuong89@gmail.com
9	Ths. Lê Văn Trường	0984739379	KHDS-XBBH	truongle1606@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT1	Trình bày được kiến thức về các lịch sử, học thuyết cơ bản, phương pháp dùng thuốc và không dùng thuốc của Y học cổ truyền.	[CĐR1], [CĐR 3]	3
MT2	Trình bày được triệu chứng, chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp bằng Y học cổ truyền, Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại	[CĐR6] [CĐR9]	3
	Kỹ năng		
	- Kỹ năng thảo luận nhóm. - Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện - Thu thập và xử lý thông tin. - Kỹ năng báo cáo, thu thập và xử lý thông tin, trình bày	[CĐR9] [CĐR10]	3
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	[CĐR11]	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Trình bày được kiến thức về các lịch sử, học thuyết cơ bản, phương pháp dùng thuốc và không dùng thuốc của Y học cổ truyền. **MT2**: Trình bày được triệu chứng, chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp bằng Y học cổ truyền, Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại	**CLO1**: Trình bày, Giải thích được các kiến thức về học thuyết cơ bản của Y học cổ truyền, về phương pháp dùng thuốc và không dùng thuốc như Châm cứu, xoa bóp bấm huyệt **CLO 2**: Phân tích được sự giống nhau, khác nhau, và mối tương quan, giữ Y học cổ truyền và Y học hiện đại, để thấy dược tầm quan trọng của việc hiểu biết Y học cổ truyền trong quá trình hành nghề. **CLO3:** Vận dụng được kiến thức về triệu chứng, chẩn đoán để khám và điều trị được một số bệnh cơ bản thường gặp bằng Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại.
Kỹ năng	
MT3: Kỹ năng thảo luận nhóm, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện; thu thập và xử lý thông tin và kỹ năng báo cáo, trình bày	**CLO 4:** Vận dụng các hiểu biết về văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới lĩnh vực dược, thể hiện kỹ năng chuẩn bị các bản báo cáo khoa học, cách thức trình bày, báo cáo, thảo luận, phản biện dễ hiểu và truyền cảm và sáng tạo.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	**CLO 5**: Có tình thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)				
	1	2	3	4	5
Bài 1. Giới thiệu về Module YHCT Lược sử hình thành và phát triển Y học cổ truyền Việt Nam. Thân thế và sự	1		2	2	1

nghiệp của Đại Y Thiền Sư Tuệ Tĩnh và Hải thượng Lãn ông Lê Hữu Trác					
Bài 2. Các học thuyết cơ bản của Y học cổ truyền và nguyên nhân gây bệnh.	2		2	2	1
Bài 3. Nguyên tắc chẩn đoán và điều trị của Y học cổ truyền		2	2	2	1
Bài 4. Đại cương, cơ chế tác dụng và nguyên tắc ứng dụng của Châm - Cứu. Kỹ thuật châm cứu và các huyệt vị hay dùng trên lâm sàng.		2	2	2	1
Bài 5. Nguồn gốc, lịch sử của Khí công Dưỡng sinh - Một số kỹ thuật dưỡng sinh cơ bản		2	2	2	1
Bài 6. Ứng dụng của Dưỡng sinh trên lâm sàng Nguồn gốc, lịch sử của Xoa bóp bấm huyệt.		2	2	2	1
Bài 7. Một số kỹ thuật XBBH cơ bản - Ứng dụng của XBBH trên lâm sàng.		2	2	2	1
Bài 8. Đại cương về Phương tễ và một số bài thuốc kinh điển hay dùng trên lâm sàng.		2	2	2	1
Bài 9. Giới thiệu về thuốc Nam và các ứng dụng trong cuộc sống và lâm sàng điều trị bệnh. Bài 10. Ứng dụng YHCT trong điều trị các bệnh cơ xương khớp.		2	2	2	1
Bài 11. Ứng dụng YHCT trong điều trị các bệnh thần kinh ngoại vi, suy nhược cơ thể... Ứng dụng YHCT trong dự phòng và phục hồi sau tai biến mạch não.		2	2	2	1
Bài 12. Ứng dụng YHCT trong điều trị một số bệnh Ngoại khoa thường gặp (trĩ, vô sinh, rối loạn cương dương, viêm da cơ địa...)		2	2	2	1
Bài 13. Nghiên cứu khoa học và Hỏi-Đáp		2	2	2	1

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Mô đun Y học cổ truyền trong chương trình đào tạo bác sỹ y khoa bao gồm toàn bộ các nội dung liên quan đến lịch sử hình thành và phát triển, lý luận y học cổ truyền, điều trị dùng thuốc và không dùng thuốc, bệnh học và điều trị Y học cổ truyền. Sinh viên được học về ứng dụng của Y học cổ truyền, Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại trong khám, chẩn đoán, điều trị và dự phòng những mặt bệnh phổ biến nhất trên lâm sàng. Ngoài ra, người học còn được tiếp cận Y học cổ truyền dưới góc nhìn của Y học bằng chứng, đồng thời hiểu hơn về vai trò cũng như những đóng góp của Y học cổ truyền trong hệ thống Y tế Việt Nam.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
Bài 1. Giới thiệu về Module YHCT Lược sử hình thành và phát triển Y học cổ truyền Việt Nam. Thân thế và sự nghiệp của Đại Y Thiền Sư Tuệ Tĩnh và Hải thượng Lãn ông Lê Hữu Trác	3			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 2. Các học thuyết cơ bản của Y học cổ truyền và nguyên nhân gây bệnh.	4			2		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 3. Nguyên tắc chẩn đoán và điều trị của Y học cổ truyền	4			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các

						ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 4. Đại cương, cơ chế tác dụng và nguyên tắc ứng dụng của Châm - Cứu. Kỹ thuật châm cứu và các huyệt vị hay dùng trên lâm sàng.	4			2		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 5. Nguồn gốc, lịch sử của Khí công Dưỡng sinh - Một số kỹ thuật dưỡng sinh cơ bản	4			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 6. Ứng dụng của Dưỡng sinh trên lâm sàng Nguồn gốc, lịch sử của Xoa bóp bấm huyệt.	4			2		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 7. Một số kỹ thuật XBBH cơ bản - Ứng dụng của XBBH trên lâm sàng.	4			2		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 8. Đại cương về Phương tễ và một số bài thuốc kinh điển hay dùng trên lâm sàng.	4			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình

						bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 9. Giới thiệu về thuốc Nam và các ứng dụng trong cuộc sống và lâm sàng điều trị bệnh. .	2			2		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 10. Ứng dụng YHCT trong điều trị các bệnh cơ xương khớp	2			2		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 11. Ứng dụng YHCT trong điều trị các bệnh thần kinh ngoại vi, suy nhược cơ thể... Ứng dụng YHCT trong dự phòng và phục hồi sau tai biến mạch não.	4			2		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 12. Ứng dụng YHCT trong điều trị một số bệnh Ngoại khoa thường gặp (trĩ, vô sinh, rối loạn cương dương, viêm da cơ địa...)	4			2		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 13. Nghiên cứu khoa học và Hỏi-Đáp	2			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu

						hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Tài liệu phát tay của các bộ môn tham gia giảng dạy.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Trần Thúy, Bài giảng Y học cổ truyền, Nhà xuất bản Y học, 2005.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Bài 1. Giới thiệu về Module YHCT Lược sử hình thành và phát triển Y học cổ truyền Việt Nam. Thân thế và sự nghiệp của Đại Y Thiền Sư Tuệ Tĩnh và Hải thượng Lãn ông Lê Hữu Trác	3					4
2	Bài 2. Các học thuyết cơ bản của Y học cổ truyền và nguyên nhân gây bệnh.	4					4
3	Bài 3. Nguyên tắc chẩn đoán và điều trị của Y học cổ truyền	4					4
4	Bài 4. Đại cương, cơ chế tác dụng và nguyên tắc ứng dụng của Châm - Cứu. Kỹ thuật châm cứu và các huyệt vị hay dùng trên lâm sàng.	4					4
5	Bài 5. Nguồn gốc, lịch sử của Khí công Dưỡng sinh - Một số kỹ thuật dưỡng sinh cơ bản	4					4

6	Bài 6. Ứng dụng của Dưỡng sinh trên lâm sàng Nguồn gốc, lịch sử của Xoa bóp bấm huyệt.	4					4
7	Bài 7. Một số kỹ thuật XBBH cơ bản - Ứng dụng của XBBH trên lâm sàng.	4					4
8	Bài 8. Đại cương về Phương tễ và một số bài thuốc kinh điển hay dùng trên lâm sàng.	4					4
9	Bài 9. Giới thiệu về thuốc Nam và các ứng dụng trong cuộc sống và lâm sàng điều trị bệnh.	2					2
10	Bài 10. Ứng dụng YHCT trong điều trị các bệnh cơ xương khớp	2					2
11	Bài 11. Ứng dụng YHCT trong điều trị các bệnh thần kinh ngoại vi, suy nhược cơ thể...	4					4
12	Bài 12. Ứng dụng YHCT trong điều trị một số bệnh Ngoại khoa thường gặp (trĩ, vô sinh, rối loạn cương dương, viêm da cơ địa...)	4					4
13	Bài 13. Nghiên cứu khoa học và Hỏi-Đáp	2					2

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình [x] Động não [x] Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn đầu ra

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projecter, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành thi lâm sàng, đạt tối thiểu điểm 5/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần	10%		CĐR ...
	Tiểu luận			
	Lâm sàng	30%		
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	60%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 4

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm TKMH = (Điểm TK Lý thuyết * 3 + Điểm lâm sàng*1)/4

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

LAO (LT)

Đối tượng đào tạo: Đại học, nghành Y khoa

Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Môn Lao

* Tiếng Anh: Tuberculosis

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 02 (01LT/01LS)

- Đối tượng học (năm thứ): 5

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □x				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □x		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □x	Tự chọn □	□

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đã học qua kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở của ngành. Đối với kiến thức chuyên ngành phải học qua kiến thức về nội , ngoại , phụ sản, chẩn đoán hình ảnh

- Số tiết đối với các hoạt động học tập:

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Bài tập: tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết

+ Kiểm tra: tiết

+ Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Truyền Nhiễm

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	Ths. Trần Thị Thu Hà	0904288514	Truyền Nhiễm	Thuha1968@gmail,com
2	Ths.Đinh Thị Thúy Hà	0904017479	Truyền Nhiễm	Bs.dinhha72@gmail.com
3	Ths.Lê Thị Phương Thảo	0946887509	Truyền Nhiễm	Lethao.bvtt88@gmail.com
4	Ths. Trần Thanh Hà	0965607190	Truyền Nhiễm	Hatran1090@gmail.com

Giảng viên thỉnh giảng

1. Họ và tên giảng viên thỉnh giảng: Nguyễn Thu Thủy
   Học vị , học hàm: BSCKII
   Chức danh : Trưởng khoa Lao hô hấp
2. Họ và tên giảng viên thỉnh giảng: Nguyễn Mạnh Thế
   Học hàm, học vị: Bác sỹ nội trú
   Chức danh: Phó Trưởng khoa Lao hô hấp
3. Họ và tên giảng viên thỉnh giảng: Nguyễn Hữu Trí
   Học hàm, học vị: BSCKII
   Chức danh: Trưởng khoa Nội tổng hợp
4. Họ và tên giảng viên thỉnh giảng: Đào Thị Hà
   Học hàm, học vị: BSCKII
   Chức danh: Phó Trưởng khoa Nội tổng hợp
5. Họ và tên giảng viên thỉnh giảng: Cung Văn Công
   Học hàm, học vị: Tiến sỹ
   Chức danh: Trưởng khoa Chẩn đoán hình ảnh
6. Họ và tên giảng viên thỉnh giảng: Hoàng Văn Lương
   Học hàm, học vị: Tiến sỹ
   Chức danh: Phó Trưởng khoa Chẩn đoán hình ảnh

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT	Mức độ [4]
MT1	Nắm được các đặc điểm về vi khuẩn Lao, dịch tễ học bệnh Lao, Chương trình chống Lao quốc gia	[CĐR1],	3
MT2	Các biểu hiện lâm sàng,nguyên tắc điều trị Lao người lớn và trẻ em, Lao ngoài phổi cũng như đặc điểm của Lao kháng thuốc và các biện pháp phòng bệnh Lao.	[CĐR1], [CĐR2]	3
MT3	Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh Lao thường gặp	[CĐR1], [CĐR2], [CĐR6]	3
MT4	Thực hiện đúng kỹ năng giao tiếp và thăm khám lâm sàng với bệnh nhân Lao	[CĐR14],[CĐR16]	3
MT5	Tận tuỵ với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người bệnh Lao, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.	[CDDR14]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1. Nắm được các đặc điểm về vi khuẩn Lao, dịch tễ học bệnh Lao, Chương trình chống Lao quốc gia	CLO1: Trình bày được đặc điểm dịch tễ, đặc điểm vi khuẩn lao
MT2: Các biểu hiện lâm sàng,nguyên tắc điều trị Lao người lớn và trẻ em, Lao ngoài phổi và các biện pháp phòng bệnh Lao.	CLO 2: Trình bày được các triệu chứng lâm sàng từng bệnh Lao nguyên tắc điều trị bệnh Lao thường gặp, biện pháp phòng bệnh Lao
MT3: Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh Lao thường gặp	CLO3: Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh Lao thường gặp
Kỹ năng	
MT 4 Thực hiện đúng kỹ năng giao tiếp và thăm khám lâm sàng với bệnh nhân bệnh lao	CLO4: Thực hiện đúng các kỹ năng tiếp xúc với bệnh nhân bệnh Lao. CLO5: Thực hiện đúng các kỹ năng thăm khám lâm sàng với bệnh nhân bệnh Lao
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Tận tuỵ với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người bệnh Lao, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.	CLO6: Tận tuỵ với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người bệnh Lao CLO7: Tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)						
	1	2	3	4	5	6	7
Đại cương về vi khuẩn lao, dịch tễ học bệnh lao	2						
Chương Trình chống lao quốc gia		2					
Điều trị bệnh lao		2	2	2	2	3	3

Lao ngoài phổi		2	2	2	2	3	3
Lao kháng thuốc		2	2	2	2	3	3
Bệnh lao trẻ em		2	2	2	2	3	3
Lao phổi người lớn		2	2	2	2	3	3
Dự phòng bệnh lao		2	2	2	2	3	

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

- Bệnh lao có thể điều trị khỏi trên 90% các trường hợp bị mắc nếu người bệnh kiên trì điều trị đúng nguyên tắc. Phát hiện và điều trị sớm bệnh lao sẽ giảm thiểu được các di chứng nặng nề ảnh hưởng đến sức khoẻ và khả năng lao động của người bệnh.

- Điều trị bệnh lao nhằm những mục đích: khỏi bệnh, giảm tỷ lệ tử vong, giảm tỷ lệ kháng thuốc cũng như giảm sự lây truyền trong cộng đồng và cuối cùng là thực hiện ước mơ muôn đời của loài người là thanh toán bệnh lao.

- Điều trị các bệnh là việc làm hết sức quan trọng và vô cùng phức tạp. Muốn việc điều trị có hiệu quả thì ngay từ đầu bệnh nhân phải được thăm khám lâm sàng tỉ mỉ, chỉ định các xét nghiệm, thăm dò cận lâm sàng phù hợp để đưa ra được chẩn đoán bệnh chính xác và đầy đủ. Từ đó mới có hướng điều trị kịp thời, an toàn mà hiệu quả.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Đại cương về vi khuẩn lao, dịch tễ học bệnh lao	**02**		Trình bày được đặc điểm vi khuẩn Lao Trình bày đặc điểm dịch tễ bệnh Lao
Chương Trình chống lao quốc gia	**02**		Trình bày chương trình chống Lao quốc gia
Điều trị bệnh lao	**02**		- Trình bày nguyên tắc điều trị, phác đồ điều trị bênh Lao
Lao ngoài phổi	**02**		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý Lao ngoài Phổi - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý Lao ngoài Phổi
Lao kháng thuốc	**02**		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý Lao kháng thuốc - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý Lao kháng thuốc
Bệnh lao trẻ em	**02**		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý Lao trẻ em

			- Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý Lao trẻ em
Lao phổi người lớn	**02**		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý Lao Phổi người lớn - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý Lao Phổi người lớn
Dự phòng bệnh lao	**01**		-Phòng bệnh lao

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Giáo trình học tập: Bài giảng bệnh Lao - Học viện Y Dược Học cổ Truyền Việt Nam

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Hướng dẫn quản lý bệnh lao. NX- BYH. Hà Nội, Quyết định 374/ QĐ-TTg ngày 17/03/2014 của Chính Phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia phòng chống lao đến năm 2020, tầm nhìn 2030

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	**Đại cương về vi khuẩn lao, dịch tễ học bệnh lao**			01		
	Chương Trình chống lao quốc gia			01		
	Điều trị bệnh lao			01		
2	**Lao ngoài phổi**			01		
	Lao kháng thuốc			01		
	Bệnh lao trẻ em			01		
3	**Lao phổi người lớn**			01		
	Dự phòng bệnh lao					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình [x] Động não [x] Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □ Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO5].
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO5

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Phòng học có máy chiếu

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Thực hành	≥ 4 điểm	Bệnh án+ Hỏi thi	
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính	≥ 4 điểm		

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

BAN GIÁM ĐỐC **TRƯỞNG KHOA** **BỘ MÔN/MÔ ĐUN**

(Ký, ghi rõ họ tên) *(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
RĂNG HÀM MẶT

Đối tượng đào tạo: Y đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Răng Hàm Mặt
* Tiếng Việt: Răng Hàm Mặt
* Tiếng Anh: Dental Disease.
- Mã học phần/ mô đun: MEDI5118
- Số tín chỉ: 01
- Đối tượng học (năm thứ): 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □**x**				
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành **x**		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc **x**	Tự chọn	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đã học qua kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở của ngành. Đối với kiến thức chuyên ngành phải học qua kiến thức về nội YHHĐ, ngoại YHHĐ.
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 55 tiết
  + Lý thuyết: 15 tiết
  + Bài tập: tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 40 tiết
  + Kiểm tra: tiết
  + Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn RHM.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Điện thoại	Email
1	Ths. Nguyễn Văn Đồng	0904173301	bsdongrhm@gmail.com
2	Ths. Cao Thị Vân Anh	0984328956	Vananh.cao1976@gmail.com
3	Ths. Nguyễn Võ Hoàng Anh	0912099861	Bshoanganh73@gmail.com
4	Ths. Đàm Thị Thu Hằng	0985729396	Bsmoonrhm2006@gmail.com
5	Bs CKI Nguyễn Thị Phương Thanh	0973167799	Bsthanhrhm@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT	Mức độ [4]
	Kiến thức	4	4
	Kỹ năng	4	4
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm	4	4

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Trình bày được đặc điểm giaỉ phẫu, sinh lý, bệnh lý của bệnh RHM	CĐR1: Trình bày được đặc điểm giải phẫu, sinh lý, bệnh lý của bệnh RHM
MT2: Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán, hướng điều trị một số bệnh thường gặp ở RHM theo YHHĐ.	CĐR 2: Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán,hướng điều trị một số bệnh thường gặp ở RHM theo YHHĐ .
Kỹ năng	
MT 3: Thực hiện được kỹ năng tiếp xúc với bệnh nhân RHM.	CĐR 3: Thực hiện được các kỹ năng tiếp xúc với bệnh nhân RHM.
MT 4: Khai thác, khám, phát hiện chính xác, đầy đủ các triệu chứng cơ năng, thực thể một số bệnh thường gặp RHM.	CĐR 4: Thăm khám, phát hiện được các triệu chứng cơ năng, thực thể ở một số bệnh thường gặp RHM.
MT5: Chẩn đoán đúng và đưa ra phác đồ điều trị thích hợp một số bệnh thường gặp ở RHM.	CĐR 5: Chẩn đoán và Hướng Điều trị một số bệnh lý thường gặp ở RHM.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT6: Tận tuỵ với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người bệnh RHM, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.	CĐR 6: Tận tuỵ với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người bệnh RHMi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh
MT7: Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền	CĐR 7: Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**						
	CĐR1	CĐR2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7
Giải phẫu và sinh lý răng miệng.	3						
Bệnh sâu răng.	3						
Bệnh lý tủy răng.		3	3				
Bệnh học Quanh răng.		3	3	3	3	3	3
Viêm quanh cuống răng.		3	3	3	3	3	3
Viêm nhiễm miệng,hàm mặt.		3	3	3	3	3	3
Chấn thương vùng hàm mặt.		3	3	3	3	3	3
Cấp cứu hay gặp trong răng hàm mặt.		3	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Môn học Bệnh học và Điều trị RHM hiện đại mô tả về những thay đổi tâm sinh lý và bệnh lý ở RHM theo quan điểm YHHĐ . Từ đó, đưa ra các nguyên tắc điều trị bệnh lý RHM theo YHHĐ. Môn học hướng dẫn học viên cách thức chẩn đoán và điều trị các bệnh RHM thông thường bằng các liệu pháp YHHĐ.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Thời gian (tiết)**	**Thời gian tự học (giờ)**	**Yêu cầu đối với sinh viên**
Giải phẫu và sinh lý răng miệng	02		Trình bày được đặc điểm những thay đổi sinh lý và bệnh lý của RHM theo YHHĐ
Bệnh sâu răng	02		- Trình bày được nguyên nhân,cơ chế bệnh sinh theo YHHĐ. -Chẩn đoán,hướng điều trị và dự phòng bệnh sâu răng theo YHHĐ.
Bệnh lý tủy răng.	02		Trình bày được nguyên nhân,cơ chế bệnh sinh của Bệnh lý tủy răng _Chẩn đoán,hướng điều tri, và dự phòng bệnh lý tủy răng theo YHHĐ.
Bệnh học quanh răng.	02		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh học quanh răng theo YHHĐ. - Chẩn đoán,hướng điều trị và dự phòng được bệnh học quanh răng theo YHHĐ.

Viêm quanh cuống răng.	02		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh theo YHHĐ. - Chẩn đoán,hướng điều trị và dự phòng được bệnh lý theo và YHHĐ.
Viêm nhiễm miệng, hàm mặt.	02		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh theo YHHĐ. - Chẩn đoán,hướng điều trị và dự phòng được bệnh lý theo YHHĐ.
Chấn thương vùng hàm mặt.	02		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh theo YHHĐ. - Chẩn đoán,hướng điều trị và dự phòng được bệnh lý theo YHHĐ.
Cấp cứu hay gặp trong răng hàm mặt.	03		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh theo YHHĐ. - Chẩn đoán, hướng điều trị,và dự phòng được bệnh lý theo YHHĐ.

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Giáo trình học tập: Bệnh học răng hàm mặt- Nhà xuất bản Y học

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Bệnh học Răng hàm mặt giành cho bác sĩ chuyên khoa RHM – Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Giải phẫu và sinh lý răng miệng.			01	01	
2	Bệnh sâu răng			01	01	
3	Bệnh lý tủy răng.			01	01	
4	Bệnh học quyanh răng.			01	01	
5	Viêm quyanh cuống răng.			01	01	
6	Viêm nhiễm miệng, hàm mặt.			01	01	
7	Chấn thương vùng hàm mặt.			01	01	
8	Cấp cứu hay gặp trong răng hamfg mặt.			0,5	0,5	
9	Giải đáp thắc mắc.					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình **x**□ Động não **x**□ Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm **x**□ Đóng vai **x**□ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống **x**□ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR ....đến CĐR ....
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ....
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM, TEAM

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Phòng học có máy chiếu

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Thực hành	≥ 4 điểm	Bệnh án+ Hỏi thi	
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính	≥ 4 điểm		

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
RĂNG HÀM MẶT

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ YHCT, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Bệnh học và Điều trị Răng hàm mặt.

* Tiếng Anh: Dental Disease.

- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 01
- Đối tượng học (năm thứ): 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □x				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □x		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □x	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đã học qua kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở của ngành. Đối với kiến thức chuyên ngành phải học qua kiến thức về nội YHHĐ, ngoại YHHĐ.
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 40 tiết
  + Lý thuyết: 15 tiết
  + Bài tập: 5 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 10 tiết
  + Kiểm tra: tiết
  + Thời gian tự học: 10 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn RHM.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Điện thoại	Email
1	Ths. Nguyễn Văn Đồng	0904173301	bsdongrhm@gmail.com
2	Ths. Cao thị Vân Anh	0984328956	Vananh.cao1976@gmail,com
3	Ths. Nguyễn Võ Hoàng Anh	0912099861	Bshoanganh73@gmail.com
4	Ths. Đàm Thị thu Hằng	0985729396	Bsthanhrhm@gmail.com
5	Bs CKI Nguyễn thị Phương Thanh	0973167799	Bsmoonrhm2006@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức	4	4
	Kỹ năng	4	4
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm	4	4

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	**CĐR của học phần/ mô đun**
Kiến thức	
MT1: Trình bày được đặc điểm tâm lý, sinh lý, bệnh lý của bệnh RHM	CĐR1: Trình bày được đặc điểm tâm lý, sinh lý, bệnh lý RHM.
MT2: Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán,hướng điều trị một số bệnh thường gặp RHM theo YHHĐ .	CĐR 2: Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán,hướng điều trị một số bệnh thường gặp RHM theo YHHĐ .
Kỹ năng	
MT 3: Thực hiện được kỹ năng tiếp xúc với bệnh nhân RHM.	CĐR 3: Thực hiện được các kỹ năng tiếp xúc với bệnh nhân RHM.
MT 4: Khai thác, khám, phát hiện chính xác, đầy đủ các triệu chứng cơ năng, thực thể một số bệnh thường gặp RHM.	CĐR 4: Thăm khám, phát hiện được các triệu chứng cơ năng, thực thể ở một số bệnh thường gặp RHM.
MT5: Chẩn đoán đúng và đưa ra phác đồ điều trị thích hợp một số bệnh thường gặp RHM.	CĐR 5: Chẩn đoán và Điều trị một số bệnh lý thường gặp RHM.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT6: Tận tuỵ với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người mắc bệnh RHM, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.	CĐR 6: Tận tuỵ với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người mắc bệnh RHM, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh
MT7: Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền	CĐR 7: Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**						
	CĐR1	CĐR2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7
Chẩn đoán và điều trị bệnh sâu rang.		3	3	3	3	3	3
Chẩn đoán và điều trị bệnh lý tủy răng.		3	3	3	3	3	3
Chẩn đoán và điều trị bệnh viêm quanh răng..		3	3	3	3	3	3
Chẩn đoán và điều trị viêm nhiễm miêng,hàm mặt,		3	3	3	3	3	3
Cấp cứu hay gặp trong răng hàm mặt và cách xử trí.		3	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun

Môn học Bệnh học và Điều trị RHM Y học hiện đại mô tả về những thay đổi bệnh lý ở người bị mắc các bênh về RHM theo quan điểm YHHĐ . Từ đó, đưa ra các nguyên tắc điều trị bệnh lý RHM theo YHHĐ. Môn học hướng dẫn học viên cách thức chẩn đoán và điều trị các bệnh RHM thông thường bằng các liệu pháp YHHĐ.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Thời gian (tiết)**	**Thời gian tự học (giờ)**	**Yêu cầu đối với sinh viên**
Bệnh học và Điều trị bệnh sâu răng.	02		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh sâu răng theo YHHĐ. - Chẩn đoán,hướng điều trị và dự phòng được bệnh sâu răng theo YHHĐ.
Bệnh học và Điều trị bệnh lý tủy răng.	02		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh theo YHHĐ. - Chẩn đoán,hướng điều trị và dự phòng được bệnh lý theo YHHĐ.
Bệnh học và Điều trị bệnh quanh răng.	02		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh theo YHHĐ. - Chẩn đoán,hướng điều trị và dự phòng được bệnh lý theo YHHĐ.
Bệnh học và Điều trị bệnh viêm quanh cuống răng.	02		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh theo YHHĐ. - Chẩn đoán, hướng điều trị và dự phòng được bệnh lý viêm quanh cuống răng theo YHHĐ.

Chấn thương vùng hàm mặt và cách xử trí.	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh theo YHHĐ. - Chẩn đoán,hướng điều trị và dự phòng theo YHHĐ.

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Giáo trình học tập: Bệnh học răng hàm mặt- Nhà xuất bản Y học

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Bệnh học răng hàm mặt giành cho bác sĩ chuyên khoa – Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Giải phẫu và sinh lý răng miệng			01	03	
2	Bệnh sâu răng chẩn đoán và điều trị.			01	03	
3	Bệnh học và Điều trị bệnh lý tủy răng.			01	03	
4	Bệnh học và Điều trị bệnh viêm quanh răng.			01	03	
5	Bệnh học và Điều trị bệnh viêm quanh cuống răng.			01	03	
6	Bệnh học và Điều trị Viêm nhiễm miêng, hàm mặt.			01	03	
7	Bệnh học và cách xử trí Chấn thương vùng hàm mặt.			01	03	
8	Những Cấp cứu hay gặp trong răng hàm mặt và cách xử trí.			01	03	

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR 7

Thảo luận nhóm, tình huống lâm sàng, đóng vai.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

Bệnh viện thực hành có khoa RHM.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

Sinh viên không nộp bài tập và bài báo cáo đúng thời hạn, được coi như không nộp bài.

Sinh viên vắng 1 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Bài thực hành	5 bệnh án	Bệnh án điều kiện	
2	**Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng**			
	Lâm sàng (vấn đáp)	≥4		

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
		Nguyễn Văn Đồng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TAI MŨI HỌNG

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ Y khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
* Tiếng Việt: Tai Mũi Họng
* Tiếng Anh: OtoRhinoLaryngology
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 01
- Đối tượng học (năm thứ): 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đã học qua kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở của ngành. Đối với kiến thức chuyên ngành phải học qua kiến thức về Nội YHHĐ, Ngoại YHHĐ, Thần Kinh.
- Số tiết đối với các hoạt động học tập:
  + Lý thuyết: 15 tiết
  + Lâm sàng: 0 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
  + Kiểm tra: 01 tiết
  + Thời gian tự học: 0 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn TMH

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS Lê Minh Kỳ	0906266767	leminhky.ent@gmail.com
2	TS Nguyễn Xuân Hòa	0988160725	tshoatmh@gmail.com
3	TS Nguyễn Hoàng Huy	0912416757	hoanghuyorl@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT[3]	Mức độ [4]
Kiến thức			
MT1	Ghi nhớ kiến thức cơ bản về Tai Mũi Họng áp dụng để khám, phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý Tai Mũi Họng	[CĐR 5]; [CĐR 6];	3
MT2	Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, điều trị một số bệnh thường gặp.	[CĐR 5]; [CĐR 6];	
Kỹ năng			

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT[3]	Mức độ [4]
MT 3	Khai thác, khám, phát hiện chính xác, đầy đủ các triệu chứng cơ năng, thực thể một số bệnh TMH thường gặp.	[CĐR 5]; [CĐR 6];	3
MT 4	Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm, CLS cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường	[CĐR 8];	3
MT 5	Chẩn đoán được một số bệnh Tai Mũi Họng thông thường	[CĐR 8];	3
MT 6	Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của Tai Mũi Họng	[CĐR 4];	3
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7	Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý TMH	[CĐR 5]; [CĐR 6];	4

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Có kiến thức cơ bản về Tai Mũi Họng để khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý Tai Mũi Họng	CĐR1: Mô tả được giải phẫu, cơ chế bệnh sinh, giai đoạn lâm sàng của các bệnh lý Tai Mũi Họng.
MT2: Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, điều trị một số bệnh thường gặp.	CĐR 2: Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, điều trị một số bệnh Tai Mũi Họng hay gặp.
Kỹ năng	
MT 3: Khai thác, khám, phát hiện chính xác, đầy đủ các triệu chứng cơ năng, thực thể một số bệnh TMH thường gặp.	CĐR 3: Đưa ra chính xác các chỉ định cận lâm sàng chẩn đoán bệnh, dựa vào hình ảnh nội soi TMH để chẩn đoán chính xác được một số bệnh lý Tai Mũi Họng.
MT 4: Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm, CLS cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường	CĐR 4: Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và CLS cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường
MT 5: Chẩn đoán được một số bệnh Tai Mũi Họng thông thường	CĐR 5: Chẩn đoán được một số bệnh Tai Mũi Họng thông thường
MT 6: Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của Tai Mũi Họng	CĐR 6: Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của Tai Mũi Họng.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	

MT7: Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý TMH	CĐR 7: Có thái độ tỉ mỉ, cẩn trọng, tính chuyên nghiệp khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô-đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**						
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7
Viêm tai giữa cấp	2	2	2	2	2		2
Viêm tai giữa mạn tính nguy hiểm	2	2	2	2	2		2
Viêm tai giữa mạn tính không nguy hiểm	2	2	2	2	2		2
Đại cương biến chứng nội sọ do tai	2	2	2	2	2		2
Viêm mũi xoang cấp	2	2	2	2	2		2
Viêm mũi xoang mạn	2	2	2	2	2		2
Chảy máu mũi	2	2	2	2	2		2
Ung thư vòm mũi họng	2	2	2	2	2		2
Viêm VA, Viêm Amydal cấp	2	2	2	2	2		2
Dị vật đường thở	2	2	2	2	2		2
Dị vật đường ăn	2	2	2	2	2		2
Viêm họng cấp, mạn	2	2	2	2	2		2
Viêm thanh quản cấp	2	2	2	2	2		2
Viêm thanh quản mạn	2	2	2	2	2		2
Ung thư thanh quản- hạ họng	2	2	2	2	2		2

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Môn học Tai Mũi Họng bao gồm những bệnh lý Tai Mũi Họng và cấp cứu thường gặp ở mọi độ tuổi trên quan điểm YHHĐ. Môn học hướng dẫn sinh viên cách thức chẩn đoán và điều trị các bệnh Tai Mũi Họng thông thường.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Thời gian (tiết)**	**Thời gian tự học (giờ)**	**Yêu cầu đối với sinh viên**
Viêm tai giữa cấp	**01**		1.Nắm được giải phẫu tai ngoài, tai giữa, xương chũm, triệu chứng lâm sàng, tiêu chuẩn chẩn đoán... 2. Biến chứng viêm tai giữa cấp 3. Kê đơn điều trị viêm tai giữa cấp.
Viêm tai giữa mạn tính nguy hiểm	**01**		1.Nắm được giải phẫu tai ngoài, tai giữa, xương chũm, triệu chứng lâm sàng, tiêu chuẩn chẩn đoán... 2. Cholesteatoma 3. Phát hiện các biến chứng.
Viêm tai giữa mạn tính không nguy hiểm	**01**		1.Nắm được giải phẫu tai ngoài, tai giữa, xương chũm, triệu chứng lâm sàng, nguyên

			nhân và cơ chế bệnh sinh, nguyên tắc điều trị 2. Triệu chứng của các thể viêm tai giữa mạn tính 3. Khai thác tiền sử, bệnh sử.
Đại cương biến chứng nội sọ do tai	**01**		1.Nắm được giải phẫu tai giữa, xương chũm, triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh, nguyên tắc điều trị 2. Khai thác tiền sử, bệnh sử: sốt, đau tai, chảy mủ tai tăng lên, sốt cao rét run, nhức đầu, nôn, tinh thần thay đổi 3. Xác định hồi viêm của viêm tai xương chũm mạn tính.
Viêm mũi xoang cấp	**01**		1.Nắm được giải phẫu sinh lý mũi xoang, triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh, nguyên tắc điều trị 2.Tiêu chuẩn chẩn đoán xác định 3.Khai thác tiền sử, bệnh sử: sốt, ngạt, tắc mũi, chảy mũi, giảm ngửi.
Viêm mũi xoang mạn	**01**		1.Nắm được giải phẫu sinh lý mũi xoang, triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh, nguyên tắc điều trị 2.Tiêu chuẩn chẩn đoán xác định 3.Khai thác tiền sử, bệnh sử: ngạt, tắc mũi, chảy mũi, giảm ngửi.
Chảy máu mũi	**01**		1.Nắm được giải phẫu hốc mũi và mối liên quan, hệ thống mạch máu nuôi dưỡng.. 2. Nguyên nhân gây chảy máu mũi 3. Cách xử trí chảy máu mũi.
Ung thư vòm mũi họng	**01**		1.Nắm được giải phẫu thần kinh sọ và mối liên quan vùng vòm mũi họng. Sinh bệnh học, dịch tễ học ung thư 2. Triệu chứng của ung thư vòm, các giai đoạn của ung thư vòm. (T.N.M.) 3. Chẩn đoán xác định. Chẩn đoán phân biệt 4. Nguyên tắc điều trị. Tiên lượng.
Viêm VA, Viêm Amydal cấp	**01**		1.Nắm được giải phẫu vòng Waldeyer. 2. Nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của Viêm A/VA. 3. Chẩn đoán viêm A/VA cấp/ mạn 4. Hướng điều trị điều trị.
Dị vật đường thở	**01**		1.Nắm được giải phẫu hệ thống hô hấp. 2. Các nguyên nhân của dị vật đường thở, phân loại mức độ suy hô hấp. 3. Biến chứng dị vật đường thở 4. Nguyên tắc xử trí
Dị vật đường ăn	**01**		1.Nắm được giải phẫu họng, thực quản, trung thất. 2. Triệu chứng lâm sàng và Xquang của dị vật đường ăn và biến chứng. 3. Tiêu chuẩn chẩn đoán: xác định, phân biệt, vị trí, biến chứng

			4. Nguyên tắc xử trí
Viêm họng cấp, mạn	**01**		1.Nắm được giải phẫu sinh lý họng, triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh, nguyên tắc điều trị. 2.Tiêu chuẩn chẩn đoán xác định 3. Khai thác tiền sử, bệnh sử: sốt, đau, ho, có nổi hạch cổ.
Viêm thanh quản cấp	**01**		1.Nắm được giải phẫu sinh lý thanh quản, triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân. 2.Tiêu chuẩn chẩn đoán xác định 3. Khai thác tiền sử, bệnh sử xác định các dấu hiệu: khàn tiếng, ho, khó thở...
Viêm thanh quản mạn	**01**		1.Nắm được giải phẫu sinh lý thanh quản, triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân. 2.Tiêu chuẩn chẩn đoán xác định 3. Khai thác tiền sử, bệnh sử xác định các dấu hiệu: khàn tiếng kéo dài, ho
Ung thư thanh quản- hạ họng	**01**		1.Nắm được giải phẫu hạ họng - thanh quản và mối liên quan vùng đầu cổ. Sinh bệnh học, dịch tễ học ung thư 2. Triệu chứng của ung thư vòm, các giai đoạn của ung thư vòm. (T.N.M.) 3. Chẩn đoán xác định. Chẩn đoán phân biệt 4. Nguyên tắc điều trị. Tiên lượng.

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Bộ môn Mắt, TMH ĐHY HN: Bài giảng Mắt-Tai mũi họng. NXB Y học 1990
- Bộ môn TMH : Tài liệu giảng dạy cho học viên CKĐH. ĐH Y Hà Nội 2007
- Gs Ngô Ngọc Liễn: Giản yếu Tai mũi họng. NXB Y Học 2005
- Gs Võ Tấn: Tai mũi họng thực hành. NXB Y học 1982

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác (giảng)	
1	Viêm tai giữa cấp				01	
	Viêm tai giữa mạn tính nguy hiểm				01	
	Viêm tai giữa mạn tính không nguy hiểm				01	
	Đại cương biến chứng nội sọ do tai				01	
	Viêm mũi xoang cấp				01	
	Viêm mũi xoang mạn				01	
	Chảy máu mũi				01	
	Ung thư vòm mũi họng				01	
2	Viêm VA, Viêm Amydal cấp				01	
	Dị vật đường thở				01	
	Dị vật đường ăn				01	
	Viêm họng cấp, mạn				01	

	Viêm thanh quản cấp				01	
	Viêm thanh quản mạn				01	
	Ung thư thanh quản- hạ họng				01	

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình ☒ Động não ☒ Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm ☒ Đóng vai ☒ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống ☒ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR1 đến CĐR7
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR 3
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR 4 đến CĐR 5
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR 5

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM, TEAM

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Phòng học có máy chiếu

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Thực hành	≥ 4 điểm	Bệnh án+ Hỏi thi	**CĐR 1 đến CĐR 3**
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính	≥ 4 điểm		

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA** *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN** *(Ký, ghi rõ họ tên)*
		Nguyễn Xuân Hòa

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
TAI MŨI HỌNG (Lâm sàng)

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ Y khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
* Tiếng Việt: **Tai Mũi Họng**
* Tiếng Anh: OtoRhinoLaryngology
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 01
- Đối tượng học (năm thứ): 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đã học qua kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở của ngành. Đối với kiến thức chuyên ngành phải học qua kiến thức về Nội YHHĐ, Ngoại YHHĐ, Thần Kinh.

Số tiết đối với các hoạt động học tập:

+ Lý thuyết: 10 tiết
+ Bài tập: 5 tiết
+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 5 tiết
+ Kiểm tra: 05 tiết
+ Thời gian tự học: 15 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn TMH

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGs TS Lê Minh Kỳ	0906266767	leminhky.ent@gmail.com
2	TS Nguyễn Xuân Hòa	0988160725	tshoatmh@gmail.com
3	TS Nguyễn Hoàng huy	0912416757	hoanghuyorl@gmail.com
4	ThS Ngô Văn Trọng	0988425593	trong.tmh@gmail.com
5	Ths Trần Hữu Thắng	0989801168	Tranhuuthang.ent@gmail.com
6	Ths Hà Minh Lợi	0911766668	Loihaminh77@gmail.com
7	Bs CK II Phạm Văn Hữu	0984811861	Huuphamvan1980@gmail.com
8	TS Phạm Việt Hoàng	0988501577	Phamviethoang1959@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
Kiến thức			
MT1	Nhận biết được vị trí giải phẫu trên hình ảnh nội soi TMH	CĐR 5;	3
MT2	Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh TMH thường gặp	CĐR 5;	3
Kỹ năng			
MT 3	Thực hiện được kỹ năng tiếp xúc với bệnh nhân	CĐR 8;	3
MT 4	Khai thác, khám, phát hiện chính xác, đầy đủ các triệu chứng cơ năng, thực thể một số bệnh thường gặp.	CĐR 5;	3
MT5	Chẩn đoán được và đưa ra phác đồ điều trị thích hợp.	CĐR 5;	3
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6	Tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.	CĐR 5;	3
MT7	Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp	CĐR 5;	3

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Nhận biết được vị trí giải phẫu trên hình ảnh nội soi TMH.	CĐR1: Nhận biết được vị trí giải phẫu trên hình ảnh nội soi TMH.
MT2: Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh TMH thường gặp	CĐR 2: Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh TMH thường gặp
Kỹ năng	
MT 3: Thực hiện được kỹ năng tiếp xúc với bệnh nhân	MT 3: Thực hiện được kỹ năng tiếp xúc với bệnh nhân
MT 4: Khai thác, khám, phát hiện chính xác, đầy đủ các triệu chứng cơ năng, thực thể một số bệnh thường gặp.	MT 4: Khai thác, khám, phát hiện chính xác, đầy đủ các triệu chứng cơ năng, thực thể một số bệnh thường gặp.
MT5: Chẩn đoán được và đưa ra phác đồ điều trị thích hợp.	MT5: Chẩn đoán được và đưa ra phác đồ điều trị thích hợp.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT6: Tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.	MT6: Tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.
MT7: Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp	MT7: Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7
Cách khám TMH thông thường	1	2	3	3	3	3	3
Khám nội soi TMH chẩn đoán bệnh viêm mũi xoang, cấp mạn.	3	2	1	2	2	1	1
Khám nội soi TMH chẩn đoán bệnh viêm tai giữa cấp, mạn.	3	2	1	2	2	1	1
cách làm bệnh án TMH	1	2	3	3	3	3	3
Khám nội soi TMH chẩn đoán bệnh Viêm họng cấp, mạn	3	2	1	2	2	1	1

6. Mô tả học phần/ mô đun

Môn học Tai Mũi Họng bao gồm những bệnh lý Tai Mũi Họng và cấp cứu thường gặp ở mọi độ tuổi trên quan điểm YHHĐ. Môn học hướng dẫn học viên cách thức chẩn đoán và điều trị các bệnh Tai Mũi Họng thông thường.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Cách khám TMH thông thường	**04**		- Biết cách sử dụng các dụng cụ khám TMH thông thường.
cách làm bệnh án TMH	**04**		Biết cách hoàn thiện bệnh án chuyên khoa TMH.
Khám nội soi TMH chẩn đoán bệnh Viêm họng cấp, mạn	**04**		Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, hình ảnh bệnh lý bệnh Viêm họng cấp, mạn. - Chẩn đoán và hướng điều trị.
Khám nội soi TMH chẩn đoán bệnh viêm mũi xoang, cấp mạn.	**04**		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, hình ảnh bệnh lý các bệnh viêm mũi xoang, cấp mạn. - Chẩn đoán và hướng điều trị.
Khám nội soi TMH chẩn đoán bệnh viêm tai giữa cấp, mạn.	**04**		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, hình ảnh bệnh lý các bệnh tai giữa cấp, mạn. - Chẩn đoán và hướng điều trị.

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

- Bộ môn Mắt, TMH ĐHY HN: Bài giảng Mắt-Tai mũi họng. NXB Y học 1990
- Bộ môn TMH : Tài liệu giảng dạy cho học viên CKĐH. ĐH Y Hà Nội 2007
- Gs Ngô Ngọc Liễn: Giản yếu Tai mũi họng. NXB Y Học 2005
- Gs Võ Tấn: Tai mũi họng thực hành. NXB Y học 1982

9. Kế hoạch giảng dạy lâm sàng

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Bài lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	*Giảng dạy tại bệnh viện*	
1	Cách khám TMH thông thường				04	
	Cách làm bệnh án TMH				04	

	Khám nội soi TMH chẩn đoán bệnh Viêm họng cấp, mạn				04	
	Khám nội soi TMH chẩn đoán bệnh viêm mũi xoang, cấp mạn.				04	
2	Khám nội soi TMH chẩn đoán bệnh viêm tai giữa cấp, mạn.				04	

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR 7

Thảo luận nhóm, tình huống lâm sàng, người bệnh.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

Bệnh viện thực hành có khoa Tai Mũi Họng

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

Sinh viên có mặt tại bệnh viện đúng và đủ giờ.

Sinh viên vắng 1 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Thực hành lâm sàng	≥4	Đi đủ tất cả các học	
2	**Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng**			
	Lâm sàng (vấn đáp)	≥4		

Hà Nội, ngày tháng 06 năm 2022

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
		Nguyễn Xuân Hòa

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN

MẮT (PHẦN LÝ THUYẾT)

Đối tượng đào tạo: Y Khoa trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Mắt

* Tiếng Việt: Mắt

* Tiếng Anh: Ophthalmology

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 1.0 LT, 1.0 LS

- Đối tượng học (năm thứ): 5

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [x]	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước:

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Bài tập: tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết

+ Kiểm tra: tiết

+ Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Mắt

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS Nguyễn Xuân Hiệp	0913564796	
2	PGS.TS Bùi Thị Vân Anh	0903422256	
3	TS Hoàng Cương	0913553511	
4	TS Đỗ Tấn	0912364598	
5	PGS.TS Lê Xuân Cung	0913056399	
6	TS Nguyễn Quốc Anh	0912117030	
7	TS Thẩm Trương Khánh Vân	0983345004	
8	TS Nguyễn Văn Huy	0903281854	

9	TS Phạm Thị Minh Châu	0796087966	
10	ThS Nguyễn Kiên Trung	0912486046	
11	ThS Nguyễn Thu Trang	0989955613	
12	ThS Võ Thị Thu Hồng	0982161854	
13	ThS Nguyễn Thị Thúy Giang	0382140555	
14	ThS Nguyễn Đức Dũng	0936120784	
15	ThS Nguyễn Thái Đạt	09130660515	
16	Ths Phạm Thị Minh	0914761878	Minhpham110275@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT1	. Biết được giải phẫu, sinh lý nhãn cầu và bộ phận phụ của nhãn cầu	[CĐR1], [CĐR 3]	3
MT2	Khám, lượng giá được bệnh nhân bình thường và bất thường, bệnh lý về Mắt Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý. Nhận thức được tầm quan trọng, tính nguy hiểm và tuyên truyền phòng bệnh với một số bệnh mắt.	[CĐR6] [CĐR9]	3
	Kỹ năng		
	- Kỹ năng thảo luận nhóm. - Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện - Thu thập và xử lý thông tin. - Kỹ năng báo cáo, thu thập và xử lý thông tin, trình bày	[CĐR9] [CĐR10]	3
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá	[CĐR11]	

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc		

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Biết được giải phẫu, sinh lý nhãn cầu và bộ phận phụ của nhãn cầu **MT2**: Khám, lượng giá được bệnh nhân bình thường và bất thường, bệnh lý về Mắt.Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý. Nhận thức được tầm quan trọng, tính nguy hiểm và tuyên truyền phòng bệnh với một số bệnh mắt.	**CLO1**: TRình bày và nắm được các mốc giải phẫu, cấu tạo, chức năng của từng bộ phân nhãn cầu. **CLO 2**: Khám lượng giá được bệnh nhân có bất thường về mắt, sơ bộ chẩn đoán và đưa ra hướng xử trí đúng. **CLO3:** Trên cơ sở chẩn đoán đúng sẽ cho phác đồ điều trị đúng với một số bệnh về mắt thường gặp, kết hợp tuyến truyền phòng bệnh cho người dân.
Kỹ năng	
MT3: Kỹ năng thảo luận nhóm, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện; thu thập và xử lý thông tin và kỹ năng báo cáo, trình bày	**CLO 4:** Vận dụng hiểu biết của mình về kiến thước bệnh về mắt giúp điều trị phòng ngừa nâng cao khả năng điều trị phòng bệnh.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	**CLO 5**: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)**				
	1	2	3	4	5
Chương 1. Đại cương giải phẫu và sinh lý mắt	1		2	2	1
Chương 2. Các nguyên nhân gây đỏ mắt	2		2	2	1
Chương 3. Các nguyên nhân gây đỏ mắt		2	2	2	1
Chương 4. Chấn thương mắt		2	2	2	1

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Nội dung Mắt gồm: Giải phẫu và sinh lý mắt, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh mắt thông thường. Sơ cứu và điều trị một số bệnh cấp cứu về mắt thường gặp. Vai trò và mối liên quan bệnh mắt và bệnh toàn thân. Sử dụng một số phương tiện khám mắt thông thường. Các biện pháp bảo vệ và phòng chống bệnh mắt.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy học**					**Yêu cầu đối với sinh viên**
	Lên lớp (Tiết)				**Tự học (Giờ)**	
	LT	**TH**	**BT/ TL/KT**	**Tổng cộng**		
Chương 1. Đại cương giải phẫu và sinh lý mắt 1. Hốc mắt 2. Mi mắt 3. Hệ thống lệ 4. Nhãn cầu 5. Đường thần kinh thị giác và trung tâm vỏ não thị	1			1		Đọc lại giải phẫu trước, chấp hành nội quy học tập của lớp
Chương II. Các nguyên nhân đỏ mắt 1. Đại cương 2. Chẩn đoán 3. Bệnh học	2			2		Đọc giáo trình trước; chấp hành nội quy học tập của lớp
Chương III. Các nguyên nhân mờ mắt 1. Đại cương 2. Chẩn đoán 3. Bệnh học	1			1		Đọc giáo trình trước; chấp hành nội quy học tập của lớp
Chương IV. Chấn thương mắt	2			2		Đọc giáo trình

1. Đại cương 2. Chẩn đoán 3. Bệnh học						trước; chấp hành nội quy học tập của lớp

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Nhãn khoa BSĐK – Bộ Y tế, Nhà xuất bản hà nội - 2016.

- Bộ môn Mắt, TMH ĐHY HN: Bài giảng Mắt-Tai mũi họng. NXB Y học 1990

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Nhãn khoa giản yếu tập I, II, PGS.TS.NGƯT. Phan Dẫn và cộng sự, Nhà xuất bản Y học 2007

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Chương 1. Chương 1. Đại cương giải phẫu và sinh lý mắt 1. Hốc mắt 2. Mi mắt 3. Hệ thống lệ 4. Nhãn cầu 5. Đường thần kinh thị giác và trung tâm vỏ não thị	4					4
2	Chương II. Các nguyên nhân đỏ mắt 1. Đại cương 2. Chẩn đoán 3. Bệnh học	4					4
3	Chương III. Các nguyên nhân mờ mắt 1. Đại cương 2. Chẩn đoán 3. Bệnh học	4					4
4	Chương IV. Chấn thương mắt 1. Đại cương 2. Chẩn đoán 3. Bệnh học	3					4

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình [x] Động não [x] Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng [x]

Nghiên cứu tình huống [x] Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projecter, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành			
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 4

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần dược).
- Điểm kết thúc thực hành thực hành là trung bình cộng điểm của các bài thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
MẮT

Đối tượng đào tạo: Y khoa trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Mắt

* Tiếng Việt: Mắt

* Tiếng Anh: Ophthalmology

- Mã học phần/ mô đun: MEDI 51117

- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 1.0

- Đối tượng học (năm thứ): 5

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [x]	Tự chọn □	

- Học phần tiên quyết:

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn Mắt

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS Nguyễn Xuân Hiệp	0913564796	
2	PGS.TS Bùi Thị Vân Anh	0903422256	
3	TS Hoàng Cương	0913553511	
4	TS Đỗ Tấn	0912364598	
5	PGS.TS Lê Xuân Cung	0913056399	
6	TS Nguyễn Quốc Anh	0912117030	
7	TS Thẩm Trương Khánh Vân	0983345004	
8	TS Nguyễn Văn Huy	0903281854	
9	TS Phạm Thị Minh Châu	0796087966	
10	ThS Nguyễn Kiên Trung	0912486046	
11	ThS Nguyễn Thu Trang	0989955613	
12	ThS Võ Thị Thu Hồng	0982161854	
13	ThS Nguyễn Thị Thúy Giang	0382140555	
14	ThS Nguyễn Đức Dũng	0936120784	

15	ThS Nguyễn Thái Đạt	09130660515	
16	Ths Phạm Thị Minh	0914761878	Minhpham110275@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT1	Vận dụng kiến thức đã học để thăm khám và chẩn đoán được một số bệnh thông thường về mắt, tuyến truyền giáo dục sức khỏe cho ngường dân về một số bệnh mắt thường gặp.	[CĐR1], [CĐR4], [CĐR5] [CĐR7], [CĐR8], [CĐR9]	3
	Kỹ năng		
MT2	Có khả năng khám, chẩn đoán, hướng xử trí và xử trí được một số bệnh về mắt thường gặp	[CĐR5] [CĐR7]	5
MT3	Có kỹ năng làm việc độc lập, xử trí nhanh, chính xác.	[CĐR8], [CĐR9]	4
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	[CĐR10] [CĐR11],	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	**CĐR của học phần/ mô đun (CLO)**
MT1: Vận dụng kiến thức đã học để thăm khám và chẩn đoán được một số	**CLO1**: Vận dụng kiến thức để thăm khám trình tự bệnh nhân về mắt

bệnh thông thường về mắt, tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho ngường dân về một số bệnh mắt thường gặp.	**CLO2:** Vận dụng kiến thức để đưa ra chẩn đoán sơ bộ. **CLO 3:** Vận dụng kiến thức đã học để đưa ra chẩn đoán chính xác và có hướng xử trí phù hợp.
MT2: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập; Kỹ năng về thu thập và xử lý thông tin và kỹ năng báo cáo, trình bày,	**CLO 4:** Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong việc thu thập và xử lý thông tin, lập tóm tắt bệnh án, hướng xử trí.
MT3: Kỹ năng dẫn dắt, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để chẩn đoán và xử trí bệnh	**CLO 5:** Có kỹ năng hỏi bệnh, thăm khám bênh tốt.
MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	**CLO6:** Có tinh thần trách nhiệm tập thể, ý thức cá nhân nỗ lực giải quyết các yêu cầu tình huống

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)**					
	1	2	3	4	5	6
Phương pháp khám mắt, cách làm bệnh án mắt.	3			3	2	2
Phương pháp đo thị lực	2	3		3	2	2
Phương pháp đo thị trường ước lượng		3		3	2	2
Phương pháp đo nhãn áp			3	3	2	2
Cách nhỏ thuốc , tra thuốc vào mắt, cách rửa mắt	2	2	2	3	3	3
Các thuốc điều trị trong nhãn khoa	2		2		3	3
Chắp lẹo và cách xử lý	2	3	2	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Học phần bao gồm cách khám và làm bệnh án mắt, nắm được các phương pháp đo thị lực, thị trường, nhãn áp, cách xử trí chắp lẹo, cách tra, nhỏ, rửa mắt, nắm được các thuốc xử dụng trong nhãn khoa.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thảo luận (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Bài 1: Cách khám và làm bệnh án mắt	4	4	Đọc trước giáp trình, lắng nghe, quan sát và làm theo.
Bài 2: Thị lực và phương pháp khám thị lực	**4**	**4**	
Bài 3: Nhãn áp	**3**	**3**	
Bài 4; Thị trường	**4**	**4**	
Bài 5: Các thuốc điều trị trong nhãn khoa	**4**	**4**	
Bài 6: Cách nhỏ thuốc, tra thuốc vào mắt, cách rửa mắt	**4**	**4**	
Bài 7: Chắp lẹo và cách xử trí	**4**	**3**	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Nhãn khoa BSĐK – Bộ Y tế, Nhà xuất bản hà nội - 2016.
- Bộ môn Mắt, TMH ĐHY HN: Bài giảng Mắt-Tai mũi họng. NXB Y học 1990

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Nhãn khoa giản yếu tập I, II, PGS.TS.NGƯT. Phan Dẫn và cộng sự, Nhà xuất bản Y học 2007

8.3. Phần mềm:

[…] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	Bài 1: Cách khám và làm bệnh án mắt	4					4
2	Bài 2: Thị lực và phương pháp khám thị lực	4					4
3	Bài 3: Nhãn áp	4					4
4	Bài 4; Thị Trường	4					4
5	Các thuốc điều trị trong nhãn khoa	4					4
6	Cách nhỏ thuốc, tra thuốc vào mắt, cách rửa mắt	4					4
7	Chắp lẹo và cách xử trí	4					4

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR CLO1 đến CLO6

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình [x] Động não [x] Phản biện [x] Học dựa trên vấn đề □

Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng [x]

Nghiên cứu tình huống [x] Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập [x]

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra và CĐR1 – CLO4

Học tập thảo luận đạt CLO1 và CLO6

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CLO1 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Giảng viên cung cấp thiết kế bài giảng, nội dung thảo luận và chuyển tại cho sinh viên chuẩn bị báo cáo bài tập, báo cáo slide theo một báo cáo khoa học
- Có máy tính và projecter, mô hình, bệnh nhân, máy đo thị lực, nhãn áp....

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên không được tự ý vắng lâm sàng buổi nào, không đến chậm quá 15 phút
- Sinh viên phải có bệnh án chuẩn bị nộp trước, báo cáo bệnh nhân theo yêu cầu chỉ định của giảng viên và cho phép phản biện bài của bạn học, trả lời các câu hỏi của giảng viên
- Sinh viên không có bệnh án nộp coi như bị điểm F

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình: (hệ 10 điểm)** Mỗi bài đều được đánh giá chấm điểm kết hợp 3 thành tố: Bài tập (40%) + báo cáo slide (30%) + trả lời vấn đáp, phản biện (30%)			
	Bài 1:	25%	≥ 4	CLO 1 đến CLO6
	Bài 2:	25%	≥ 4	
	Bài 3	25%	≥ 4	
	Bài 4	25%	≥ 4	
	Bài 5:	25%	≥ 4	
	Bài 6:	25%	≥ 4	
	Bài 7	25%	≥ 4	
2	**Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng (hệ 10 điểm)**			

	Trung bình cộng điểm các bài thảo luận	100%	≥ 4	CLO1 - CLO6

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần mắt).
- Điểm kết thúc thực hành lâm sàng là trung bình cộng điểm của các bài thực hành lâm sàng
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DA LIỄU

Đối tượng đào tạo: Y đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần: Da Liễu.

Tên môn học: Da Liễu.

Tên tiếng Anh: Dermatology

- Mã học phần:

- Số tín chỉ: 02

- Đối tượng học: Y5

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành [X]		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn [X]	

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

  + Lý thuyết: 15 tiết

  + Lâm sàng: 15 tiết (tương đương 90 giờ lâm sàng)

  + Kiểm tra: 2 tiết

  + Thời gian tự học: 60 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Da liễu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
	TS. Phan Thị Hoa	0988301005	dr.pthoa@gmail.com
	TS. Đỗ Thị Thu Hiền	0915807214	hienphuonglinh@yahoo.com
	ThS. Lã Thanh Hà	0906215619	
	ThS. Trần Thị Thu Hiền	0906299155	methosoc2013@gmail.com
	ThS. Nguyễn Thị Phượng	0905566565	phuong.nguyen0901@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

3.1. Mục tiêu chung:

Môn học cung cấp các kiến thức lý thuyết và lâm sàng một số bệnh da liễu thường gặp kèm theo giáo trình, nguồn tài liệu về các chủ đề da liễu liên quan giúp sinh viên có khả năng mô tả được tổn thương cơ bản, chẩn đoán và điều trị một số bệnh da liễu thường gặp, biết tư vấn để phòng tránh một số bệnh da liễu. Thực hiện một số thủ thuật trên da. Bên cạnh đó, sinh viên phải tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức, y đức đã được qui định, học kỹ năng giao tiếp ứng xử, làm việc nhóm với tác phong chuyên nghiệp.

3.2. Mục tiêu HP cụ thể

3.2.1. Về kiến thức:

- Giải thích được: Dịch tễ, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh những bệnh da liễu thường gặp.

- Mô tả được tổn thương cơ bản, trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, của các bệnh da liễu thường gặp

- Sử dụng được các nguồn tài liệu để tìm thông tin liên quan.

3.2.2. Về kỹ năng:

- Mô tả được tổn thương cơ bản, khám, chẩn đoán được một số bệnh da liễu thường gặp.

- Phân tích được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, chỉ định hợp lý, điều trị chính xác, tư vấn cách phòng tránh bệnh da liễu thường gặp.

- Làm thành thạo bệnh án

3.2.3. Về thái độ

- Tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức, y đức.

- Tác phong chuyên nghiệp, giao tiếp ứng xử tốt.

- Có khả năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm về chuyên môn.

4. Chuẩn đầu ra của môn Da liễu

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CĐR HP	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Mô tả được cấu trúc, chức năng của da
CLO2	Giải thích được: dịch tễ, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh những bệnh da liễu thường gặp.
CLO3	Lựa chọn được các tài liệu lý thuyết chuyên ngành và liên quan đến chuyên ngành để hiểu rõ kiến thức lý thuyết: triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh da liễu thường gặp
CLO4	Khai thác tiền sử, khám thực thể, làm hồ sơ bệnh án một cách tự tin, đầy đủ, chính xác. Phân tích được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng. Chẩn đoán nguyên nhân, chẩn đoán phân biệt chẩn đoán xác định một số bệnh da liễu thường gặp.
CLO5	Thực hiện đúng một số quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng, cận lâm sàng cơ bản theo quy định của Bộ Y tế.

CLO6	Điều trị được một số bệnh da liễu thường gặp Tư vấn, đề xuất giải pháp những vấn đề liên quan đến bệnh da liễu thường gặp cho bệnh nhân, đồng nghiệp và cộng đồng
CLO7	Tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức, y đức
CLO8	Tác phong chuyên nghiệp, giao tiếp ứng xử tốt.
CLO9	Làm việc độc lập hoặc hội chẩn theo nhóm. Tự chịu trách nhiệm trong công tác khám, chữa bệnh và NCKH

5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO

M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO

H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…(mức M) hay mức thuần thục (H))

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	14	15
CLO1	H														
CLO2	H														
CLO3	H														
CLO4						H									
CLO5						H									
CLO6						H				L					
CLO7															
CLO8														H	H
CLO9											M			H	M

-

6. Mô tả học phần (*Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần*)

- Học phần tự chọn đối với chuyên ngành YHCT

- Học phần bắt buộc đối với Y đa khoa

- Mục đích chính yếu của học phần là cho sinh viên làm quen với chuyên ngành da liễu, có thể chẩn đoán, điều trị, phòng ngừa một số bệnh da liễu thường gặp.

- Nội dung chính của học phần là giảng dạy lý thuyết và lâm sàng một số tổn thương cơ bản, chẩn đoán, điều trị và phòng một số bệnh da liễu thường gặp.

7. Nội dung chi tiết học phần

Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP

Tuần/ Buổi (4tiết/)	**Các nội dung cơ bản của bài học**	**Số tiết (LT/LS)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**(*)	**Tên bài đánh giá** (ở cột 2 bảng 7.1
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Bài 1: Tổn thương cơ bản	2/4	1.1 Mô tả được các tổn thương cơ bản trên da 1.2 Phân tích được tổn thương để đánh giá mức độ cấp, mãn, nặng, nhẹ của bệnh	*CLO1* *CLO2* *CLO5*	- GV sử dụng tài liệu [1] và hình ảnh projector để hướng dẫn Đi lâm sàng: mô tả trên bệnh nhân cụ thể	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu) - Phần chuẩn bị trên lớp: (Thảo luận nhóm)	
2	Bài 2: Viêm da cơ địa	2/4	2.1.Trình bầy được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, 2.2 Sử dụng được kiến thức trên để chẩn đoán và điều trị 2.3. Phân tích được các triệu chứng trên bệnh nhân để giải thích được phương pháp điều trị cụ thể Xác định rõ phương pháp nào tốt nhất trên từng bệnh nhân cụ thể	CLO1 CLO1 CLO2 CLO4 CLO5	- GV sử dụng tài liệu và hình ảnh projector để hướng dẫn GV: giảng trên bệnh nhân viêm da cơ địa	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu) - Phần chuẩn bị trên lớp: (Thảo luận nhóm) SV làm bệnh án	
3	Bài 3: Viêm da tiếp xúc	2/4	3.1.Trình bầy được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu	CLO1 CLO2	- GV sử dụng tài liệu và hình ảnh.	Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung	

			chứng lâm sàng và cận lâm sàng, 3.2 Sử dụng được kiến thức trên để chẩn đoán và điều trị 3.3. Phân tích được các triệu chứng trên bệnh nhân để Xác định rõ phương pháp điều trị tốt nhất.	CLO5 CLO6	projector để hướng dẫn GV: giảng trên bệnh nhân viêm da tiếp xúc	(tài liệu) - Phần chuẩn bị trên lớp: (Thảo luận nhóm) Đến bệnh viện: Làm bệnh án LS	
4	Bài 4: Lậu	2/4	4.1.Trình bầy được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, 4.2 Khám, phát hiện triệu chứng, Sử dụng được kiến thức LT để chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán xác định 4.3. Xác định rõ phương pháp điều trị cho cả bệnh nhân và bạn tình. Phòng các bệnh lây truyền qua đường tình dục.	CLO1 CLO2,3 CLO4 CLO5 CLO6	GV sử dụng tài liệu và hình ảnh. projector để hướng dẫn GV: giảng trên bệnh nhân lậu	Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu) - Phần chuẩn bị trên lớp: (Thảo luận nhóm) Đến bệnh viện: Làm bệnh án LS	A1.1.
5	Bài 5: Ghẻ, Zona	2/4	5.1.Trình bầy được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, 5.2 Khám, phát hiện triệu chứng, Sử dụng được kiến thức LT để chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán xác định 5.3. Xác định rõ phương pháp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	GV sử dụng tài liệu và hình ảnh. projector để hướng dẫn GV: giảng trên bệnh nhân lậu	Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu) - Phần chuẩn bị trên lớp: (Thảo luận nhóm) Đến bệnh viện: Làm bệnh án LS	

			điều trị và phòng bệnh				
6	Bài 6: Trứng cá	2/4	6.1.Trình bầy được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, 6.2 Khám, phát hiện triệu chứng, Sử dụng được kiến thức LT để chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán xác định 6.3. Xác định rõ phương pháp điều trị và phòng bệnh	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	GV sử dụng tài liệu và hình ảnh. projector để hướng dẫn GV: giảng trên bệnh nhân		
7	Bài 7: các bệnh nấm nông thường gặp	2/4	7.1.Trình bầy được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, 7.2 Khám, phát hiện triệu chứng, Sử dụng được kiến thức LT để chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán xác định 7.3. Xác định rõ phương pháp điều trị và phòng bện	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	GV sử dụng tài liệu và hình ảnh. projector để hướng dẫn GV: giảng trên bệnh nhân		A1.2.
8	Bài 8: Vẩy nến	2/4	8.1.Trình bầy được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, 8.2 Khám, phát hiện triệu chứng, Sử dụng được kiến thức LT để chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán xác				

			định 8.3. Xác định rõ phương pháp điều trị và phòng bệnh				
9	Bài 9: Cấu trúc da	2/4	9.1 Mô tả được cấu trúc da 9.2. Phân tích được các bệnh liên quan đến cấu trúc da	CLO1 CLO2	GV sử dụng tài liệu và hình ảnh. projector để hướng dẫn	Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu) - Phần chuẩn bị trên lớp: (Thảo luận nhóm)	A3
Theo lịch thi	FINAL EXAM						A4

(*) Ghi chú:

- *(3) Số tiết (LT/LS/TH): Xác định số tiết lý thuyết, lâm sàng, tự học.*
- *(6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*
- *(7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, ...); Hoạt động tại lớp và đến bệnh viện (thảo luận nhóm, làm bệnh án, thủ thuật khi đi lâm sàng).*

-Cách tính điểm học phần:

Điểm học phần = (điểm lâm sàng×1 + Điểm Lý thuyết ×2)/ 3

8. Tài liệu học tập.

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
	Giáo trình chính			
1	Bộ môn Da liễu	2015	Bệnh học da liễu	Lưu hành nội bộ
	Sách, giáo trình tham khảo			
2	Bộ Y tế - Trường Đại học Y Hà nội	2010	Một số bệnh da liễu	*Nhà xuất bản Y học*
3	Bộ môn Da liễu - Học viện Quân Y.	2008	Bệnh học Da liễu	*Nhà xuất bản Quân đội.*
4	Bộ môn Da liễu - Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh	2005	Bài giảng bệnh Da liễu	*Nhà xuất bản Y học chi nhánh thành phố Hồ Chí*

				Minh
5	Bộ Y Tế Phạm Văn Hiển	2010	Da liễu học	*Nhà xuất bản* Giáo dục
6	Layton, Alison	2010	*Rock textbook 8th edition*	
7		2006	黄帝.黄帝内经素问[M]. 北京: 中国中医药出版社(Hoàng đế nội kinh tố vấn)	NXB Trung y dược Trung quốc
8	Sào Nguyên Phương.	2006	巢元方. 诸病源候论[M]. 北京: 人民军医出版社 (Chư bệnh nguyên hậu luận)	NXB quân y dân nhân

Bảng 7.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1			11/5/2019
2			11/5/2019
3			11/5/2019

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 8.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…	Số lượng	
1	*Giảng đường Học viện Y Dược học cổ truyền VN*	**1. Dụng cụ khám** Đèn soi da Đè lưỡi Kính phóng đại (kính núp) **2. Hóa chất:** Cồn (70), Betadine 10%, Acid boric 3%. **3. Máy móc, trang thiết bị**		

		Máy soi da Máy sonde hơi hai cần nóng, lạnh Máy cắt đốt Plasma . Laser		
2	*Bệnh viện Da liễu Hà nội*			
	Bệnh viện Da liễu TW			

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Bài 1: Tổn thương cơ bản	10	20	30	60	4 giờ
2	Bài 2: Viêm da cơ địa	10	20	30	60	4 giờ
3	Bài 3: Viêm da tiếp xúc	10	20	30	60	4 giờ
4	Bài 4: Lậu	10	20	30	60	4 giờ
5	Bài 5: Ghẻ, Zona	10	20	30	60	4 giờ
6	Bài 6: Trứng cá	10	20	30	60	4 giờ
7	Bài 7: các bệnh nấm nông	10	20	30	60	4 giờ
8	Bài 8: vẩy nến	10	20	30	60	4 giờ

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình □ Động não □ Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm □ Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR 1 đến CĐR 3

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR 4 đến CĐR 8

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR 2 đến CĐR 8

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR 9

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

- Có kiến thức vững vàng về môn học được phân công giảng dạy và kiến thức cơ bản của một số môn học có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm;
- Hiểu và thực hiện có hiệu quả mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình môn da liễu; nắm bắt kịp thời yêu cầu thực tiễn đối với chuyên ngành đào tạo;
- Chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở hoặc cấp cao hơn.
- Tham gia biên soạn sách phục vụ đào tạo, được hội đồng khoa học cấp học viện thẩm định, nghiệm thu và đưa vào sử dụng trong đào tạo;
- Tác giả của ít nhất 03 (ba) bài báo khoa học là công trình nghiên cứu khoa học của giảng viên;
- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên;

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12. 2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 12.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

Th/phần đánh giá	**Bài đánh giá**	**Trọng số**	**Rubric**	**Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1**	***HD PP đánh giá***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	*(6)*
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	Điểm danh	10%		CLO 1 CLO 2	*- Tham gia đầy đủ buổi học lý thuyết* *- Tham gia tích cực thực tế ngoại khoá: đến thăm và khám cho bệnh nhân di chứng phong*
	Thực tế ngoại khoá	10%		CLO 7 CLO 8	
				CLO 1 CLO 2,3	
A2. Kỹ năng lâm sàng	Điểm danh Bài tập về nhà (đọc trước bài trước khi đi lâm sàng)			CLO 4 CLO 5 CLO 6	GV cho SV lập các nhóm SV ngay từ đầu HP theo hướng dẫn giáo viên phụ trách n/cứu tài liệu, đi lâm sàng tại các bệnh viện làm hồ sơ, bệnh án .
A3. Đánh giá cuối kỳ	Bài ktra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm :LT Vấn đáp, bệnh án: LS			CLO 1,2,3 CLO 4,5,6,8,9	

SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi lý thuyết hoặc nghỉ 1 buổi lâm sàng sẽ không được dự thi kết thúc HP.

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần.

Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA YLS** *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**BỘ MÔN DA LIỄU** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

Đối tượng đào tạo: Đại học chính quy ngành Y Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Phục hồi chức năng

* Tiếng Anh: Rehabilitation Chair

- Mã học phần/ mô đun: MEDI 5127|3
- Số tín chỉ: 03 (2LT,1TH)
- Đối tượng học (năm thứ): 5, học kỳ 10
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □x				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □x		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □x	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Bệnh học Nội -Ngoại-Sản -Nhi- Thần kinh
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết
  + Lý thuyết: 28 tiết
  + Bài tập: ... tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 2 tiết
  + Kiểm tra: tiết
  + Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Phục hồi chức

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Điện thoại	Email
1	Ths.BSCKII Nguyễn Vinh Huy Chính	0913321221	huychinhnguyenvinh@gmail.com
2	BSCKI Dương Thị Thúy Hòa	0915226238	bsthuyhoa@gmail.com
3	Ths Nguyễn Thị Phương Thúy	0915363966	nguyenphuongthuy2809@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT	Mức độ [4]
MT1	Trình bày và nắm bắt được các nội dung cơ bản về khái niệm Phục hồi chức năng	[CĐR1]	4
MT2	Khám, lượng giá được bệnh nhân theo thang điểm chuyên nghành Phục hồi chức	[CĐR1] [CĐR2]	4

2 Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT	Mức độ [4]
	năng		
MT3	Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng	[CĐR1] [CĐR2],[CĐR6]	4
MT4	Thay đổi nhận thức cộng đồng về người tàn tật trong xã hội	[CĐR1]	4
MT5	Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng.	[CĐR1] [CĐR2],[CĐR6]	4
MT6	Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý	CĐR [CĐR14] [CĐR16]	4
MT7	Nghiêm túc, cẩn trọng trong việc đánh giá mức độ tàn tật và thiếu hụt chức năng trên bệnh nhân.	[CĐR14]	4

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1	CLO1:Trình bày và nắm bắt được các nội dung cơ bản về khái niệm Phục hồi chức năng
MT2	CLO 2:Khám, lượng giá được bệnh nhân theo thang điểm chuyên nghành Phục hồi chức năng
MT3	CLO 3: Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng
MT4	CLO 4: Thay đổi nhận thức cộng đồng về người tàn tật trong xã hội
Kỹ năng	
MT 5	CLO 5: Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng.
MT 6	CLO 6: Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT7	CLO 7 :Nghiêm túc, cẩn trọng trong việc đánh giá mức độ tàn tật và thiếu hụt chức năng trên bệnh nhân.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)						
	1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**
Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN Các phương thức vật lý trị liệu	3	3	3	3	3	3	3
Đo tầm vận động khớp Thử cơ bằng tay người tàn tật	3	3	3	3	3	3	3
Các thương tật thứ phát thường gặp, biện pháp phòng ngừa	3	3	3	3	3	3	3
Vận động trị liệu HĐTL Các phương thức PHCN	3	3	3	3	3	3	3
PHCN cho bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não	3	3	3	3	3	3	3
PHCN cho bệnh nhân tổn thương tủy sống	3	3	3	3	3	3	3
PHCN trong 1 số bệnh khớp và mô mềm PHCN BN Đau lưng PHCN cho trẻ bị bại não	3	3	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Phục hồi chức năng là các biện pháp y học, xã hội, hướng nghiệp, giáo dục làm hạn chế tối đa giảm chức năng, tạo cho người khuyết tật có cơ hội tham gia các hoạt động để hội nhập, tái hội nhập xã hội, có cơ hội bình đẳng trong cộng đồng xã hội.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN Các phương thức vật lý trị liệu	04LT		Nắm được các khái niệm trong phục hồi chức năng
Đo tầm vận động khớp Thử cơ bằng tay	04 LT		Khám, lượng giá được người bệnh

Các thương tật thứ phát thường gặp, biện pháp phòng ngừa	04 LT		Nắm được các khái niệm trong phục hồi chức năng
Vận động trị liệu HĐTL Các phương thức PHCN	04 LT		Nắm được các khái niệm trong phục hồi chức năng
PHCN cho bệnh nhân liệt nửa người do tai náu não	04 LT		Lượng giá được chức năng, nguyên tắc phục hồi theo từng giai đoạn bệnh lý. Thực hành khám được bệnh nhân
PHCN cho bệnh nhân tổn thương tủy sống	04 LT		
PHCN trong 1 số bệnh khớp và mô mềm PHCN BN Đau lưng PHCN cho trẻ bị bại não	04 LT		
Giải đáp thắc mắc	02 TL		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] - Phục hồi chức năng (2011) – Bộ Y tế - Nhà xuất bản y học

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng(2006)- Bộ môn Vật lý trị liệu và phục hồi chức năng – Nhà xuất bản quân đội nhân dân.

[2]Giải phẫu chức năng hệ vận động và thần kinh (2011)- Bộ y tế- Nhà xuất bản y học.

[3] Giáo trình Phục hồi chức năng và vật lý trị liệu(2005) – Sở giáo dục và đào tạo Hà Nội- Nhà xuất bản Hà Nội

[4] Lượng giá chức năng hệ vận động(2010) – Bộ y tế– Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

[5] Các phương thức điều trị bằng vật lý(2010) – Bộ y tế– Nhà xuất bản giáo dục Việt nam

[6] Giải phẫu chức năng hệ vận động và hệ thần kinh (2011 (2010) – Bộ y tế– Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

[7] Vận động trị liệu (2010) – Bộ y tế– Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN Các phương thức vật lý trị liệu				04	
	Đo tầm vận động khớp Thử cơ bằng tay người tàn tật				04	
	Các thương tật thứ phát thường gặp, biện pháp phòng ngừa Thăm khám và lượng giá người tàn tật				04	
2	Vận động trị liệu HĐTL				04	

	Các phương thức PHCN					
	PHCN cho bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não				04	
	PHCN trong 1 số bệnh khớp và mô mềm PHCN BN Đau lưng PHCN cho trẻ bị bại não				04	
3	PHCN tổn thương tủy sống				04	
	Giải đáp thắc mắc			02		

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình **x**□ Động não **x**□ Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm **x**□ Đóng vai **x**□ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống **x**□ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR ....đến CĐR ....
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ....
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM, TEAM

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Bệnh viện thực hành có khoa Phục hồi chức năng.

Phòng học có máy chiếu

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Thực hành	≥ 4 điểm	Bệnh án+ Hỏi thi	
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính	≥ 4 điểm		

12.3. Điểm học phần/ mô đun

(Lý thuyết x2 + thực hành)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
		Nguyễn Vinh Huy Chính

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

Đối tượng đào tạo: Đại học chính quy Y đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Phục hồi chức năng

* Tiếng Anh: Rehabilitation Chair

- Mã học phần/ mô đun: MEDI 5127|3
- Số tín chỉ: 03 (2LT,1TH)
- Đối tượng học (năm thứ): 5, học kỳ 10
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □x				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □x		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □x	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Bệnh học Nội -Ngoại-Sản -Nhi- Thần kinh
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 45 tiết
  + Lý thuyết: 0 tiết
  + Thực hành: 26 tiết
  + Bài tập: 2 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 11 tiết
  + Kiểm tra: 4 tiết
  + Thời gian tự học: 2 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Phục hồi chức

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Điện thoại	Email
1	Ths.BSCKII Nguyễn Vinh Huy Chính	0913321221	huychinhnguyenvinh@gmail.com
2	BSCKI Dương Thị Thúy Hòa	0915226238	bsthuyhoa@gmail.com
3	Ths Nguyễn Thị Phương Thúy	0915363966	nguyenphuongthuy2809@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT	Mức độ [4]
MT1	Trình bày và nắm bắt được các nội dung cơ bản về khái niệm Phục hồi chức năng	[CĐR1]	4

2 Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT	Mức độ [4]
MT2	Khám, lượng giá được bệnh nhân theo thang điểm chuyên nghành Phục hồi chức năng	[CĐR1] [CĐR2]	4
MT3	Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng	[CĐR1] [CĐR2],[CĐR6]	4
MT4	Thay đổi nhận thức cộng đồng về người tàn tật trong xã hội	[CĐR1]	4
MT5	Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng.	[CĐR1] [CĐR2],[CĐR6]	4
MT6	Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý	CĐR [CĐR14] [CĐR16]	4
MT7	Nghiêm túc, cẩn trọng trong việc đánh giá mức độ tàn tật và thiếu hụt chức năng trên bệnh nhân.	[CĐR14]	4

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1	CLO1:Trình bày và nắm bắt được các nội dung cơ bản về khái niệm Phục hồi chức năng
MT2	CLO 2:Khám, lượng giá được bệnh nhân theo thang điểm chuyên nghành Phục hồi chức năng
MT3	CLO 3: Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng
MT4	CLO 4: Thay đổi nhận thức cộng đồng về người tàn tật trong xã hội
Kỹ năng	
MT 5	CLO 5: Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng.
MT 6	CLO 6: Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT7	CLO 7 :Nghiêm túc, cẩn trọng trong việc đánh giá mức độ tàn tật và thiếu hụt chức năng trên bệnh nhân.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)**						
	1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**
Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN Các phương thức vật lý trị liệu	2	3	3	3	3	3	3
Đo tầm vận động khớp Thử cơ bằng tay người tàn tật		2	3	3	3	3	3
Các thương tật thứ phát thường gặp, biện pháp phòng ngừa		2	3	3	3	3	3
Vận động trị liệu HĐTL Các phương thức PHCN		2	3	3	3	3	3
PHCN cho bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não		2	3	3	3	3	3
PHCN cho bệnh nhân tổn thương tủy sống		2	3	3	3	3	3
PHCN trong 1 số bệnh khớp và mô mềm PHCN BN Đau lưng PHCN cho trẻ bị bại não		2	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun

Phục hồi chức năng là các biện pháp y học, xã hội, hướng nghiệp, giáo dục làm hạn chế tối đa giảm chức năng, tạo cho người khuyết tật có cơ hội tham gia các hoạt động để hội nhập, tái hội nhập xã hội, có cơ hội bình đẳng trong cộng đồng xã hội.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Thời gian thực tập (tiết)**	**Thời gian tự học (giờ)**	**Yêu cầu đối với sinh viên**
Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN Các phương thức vật lý trị liệu	**03TH**		Nắm được các khái niệm trong phục hồi chức năng
Đo tầm vận động khớp Thử cơ bằng tay	**08(5TH,3TL)**		Khám, lượng giá được người bệnh
Các thương tật thứ phát thường	**04TH**		Nắm được các khái

gặp, biện pháp phòng ngừa			niệm trong phục hồi chức năng
Vận động trị liệu HĐTL Các phương thức PHCN	**06(4TH,2TL)**		Nắm được các khái niệm trong phục hồi chức năng
PHCN cho bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não	**08(4TH,4 TL)**		Lượng giá được chức năng, nguyên tắc phục hồi theo từng giai đoạn bệnh lý. Thực hành khám được bệnh nhân
PHCN cho bệnh nhân tổn thương tủy sống	**04TH**	**02**	
PHCN trong 1 số bệnh khớp và mô mềm PHCN BN Đau lưng PHCN cho trẻ bị bại não	**06(2 TH,2 BT,2TL)**		
Bốc bệnh án+ Hỏi thi	**04KT**		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] - Phục hồi chức năng (2019) – Bộ Y tế - Nhà xuất bản y học

…

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Phục hồi chức năng(2020) – Đại học Y hà Nội

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN Các phương thức vật lý trị liệu				04	
	Đo tầm vận động khớp Thử cơ bằng tay người tàn tật				04	
	Các thương tật thứ phát thường gặp, biện pháp phòng ngừa Thăm khám và lượng giá người tàn tật				04	
2	Vận động trị liệu HĐTL Các phương thức PHCN				04	

	PHCN cho bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não				04	
	PHCN trong 1 số bệnh khớp và mô mềm PHCN BN Đau lưng PHCN cho trẻ bị bại não				04	
3	PHCN tổn thương tủy sống				04	
	Giải đáp thắc mắc			02		

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR 7

Thảo luận nhóm, tình huống lâm sàng, đóng vai.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

Bệnh viện thực hành có khoa Phục hồi chức năng

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

Sinh viên không nộp bài tập và bài báo cáo đúng thời hạn, được coi như không nộp bài.

Sinh viên vắng 1 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Bài thực hành	4 bệnh án	Bệnh án điều kiện	
2	**Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng**			
	Lâm sàng (vấn đáp)	≥4		

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2021.

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
	Nguyễn Vinh Huy Chính	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THẦN KINH

Đối tượng đào tạo: Y5 Bác sỹ đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần: Thần kinh
* Tiếng Việt: Thần kinh
* Tiếng Anh: Nervous
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 2 (LT:1/ TH:1)
- Đối tượng học (năm thứ): 5
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: nội bệnh lý, ngoại bệnh lý
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
  + Lý thuyết: 11 tiết
  + Bài tập: 2 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 2 tiết
  + Kiểm tra: 4 tiết
  + Thời gian tự học: 15 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Tổ YHHĐ- BM NỘI

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Thạc sỹ- Bác sỹ Nguyễn Du	0912337842	Bsnguyendu65@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức: 1. Mô tả được một số triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng thần kinh thường gặp. 2. Biết cách chẩn đoán một số bệnh và hội chứng thần kinh thường gặp 3. Biết cách xử trí, điều trị dự phòng một số bệnh và hội chứng thần kinh thường gặp.		3-3,5
	Kỹ năng 4. Thực hiện được cách khám để phát hiện một số triệu chứng, hội chứng thần kinh thường gặp. 5. Vận dụng xử trí một số bệnh và hội chứng thần kinh thường gặp		3,5
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm 6. Biết giải thích, động viên bệnh nhân yên tâm điều trị và phối hợp cùng thầy thuốc trong quá trình khám và điều trị. 7. Tự chịu trách nhiệm và có tính trung thực trong khám bệnh, chẩn đoán, chữa bệnh…		3,5

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần	CĐR của học phần
Kiến thức	
MT1:	CĐR1:Mô tả triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của: hội chứng liệt nửa người, liệt hai chân, hội chứng thắt lưng hông, liệt mặt, động kinh, tai biến mạch máu não, phân biệt liệt trung ương và liệt ngoại vi
MT2	Biết chẩn đoán và chẩn đoán phân biệt: hội chứng liệt nửa người, liệt hai chân, hội chứng thắt lưng hông, liệt mặt, động kinh, tai biến mạch máu não
MT3	Biết cách xử trí, điều trị dự phòng bệnh nhân: liệt nửa người, liệt hai chân, đau thắt lưng hông, liệt mặt, động kinh, tai biến mạch máu não

Kỹ năng	
MT4:	CĐR4: Thực hiện được cách khám để phát hiện: bệnh nhân liệt nửa người, liệt hai chân, đau thắt lưng hông, liệt mặt, động kinh, tai biến mạch máu não
MT5	CĐR5: Vận dụng thực hành xử trí ban đầu và điều trị tại bệnh viện
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT6	CĐR6: Biết cách tiếp xúc với bệnh nhân: giải thích, động viên bệnh nhân yên tâm điều trị và phối hợp cùng thầy thuốc trong quá trình khám và điều trị.
MT7	CĐR7: Tự chịu trách nhiệm về kết quả khám, chẩn đoán bệnh, không đổ lỗi cho người khác. Trung thực khi đánh giá kết quả khám bệnh, chữa bệnh....

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**						
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7
Nội dung 1		3		3			
Nội dung 2			3				
Nội dung 3					3		
Nội dung 4					3		
Nội dung 5						3	3
Nội dung 6				2	3		
Nội dung 7				2	3		

6. Mô tả học phần (*Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần*)

Có vị trí , vai trò quan trọng để hình thành phẩm chất, năng lực của người bác sỹ . Nội dung bao gồm các kiến thức, kỹ năng khám và phát hiện một số triệu chứng thần kinh thường gặp: khám vận động, cảm giác, phản xạ, phối hợp vận động thăng bằng, 12 đôi dây thần kinh sọ não, dấu hiệu (tăng áp lực nội sọ, Kernig, Babinsky, Romberg…). Chẩn đoán và nguyên tắc xử trí một số hội chứng và bệnh thần kinh thường gặp: hội chứng liệt nửa người, hội chứng liệt hai chân, hội chứng thắt lưng hông, liệt mặt, tai biến mạch máu não,…Môn nội thần kinh liên quan đến kiến thức môn nội bệnh lý, ngoại bệnh lý. Để học tốt môn này người học cần phải có kiến thức về giải phẫu và sinh lý thần kinh người.

Do sự phát triển của khoa học- kỹ thuật đã có nhiều phương pháp hỗ trợ tốt chẩn đoán bệnh thần kinh: chụp (cộng hưởng từ hạt nhân, cắt lớp PET, SPECT,…), siêu âm Doppler, điện cơ, điện thế khiêu gợi,…đồng thời đã mở ra nhiều phương pháp nghiên cứu mới như dùng tế bào gốc, dược phẩm mới,… Có nhiều công trình nghiên cứu sâu để chữa các bệnh thần kinh khó như: Alzheimer, điếc thần kinh, các chứng đau, Parkinson,…đang hứa hẹn triển vọng tốt.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/ TL/ KT		Tổng cộng		
I. Đại cương các hội chứng liệt: 1.Giải phẫu- Chức năng đường vận động chủ động. 2. Hội chứng vận động trung ương, ngoại vi (vị trí tổn thương, triệu chứng: vận động, cảm giác, phản xạ,…). 3. Chẩn đoán định khu: vỏ não, bao trong, than não, tủy sống,… II. Hội chứng liệt nửa người 1.Đại cương: định nghĩa, … 2. Nguyên nhân(chấn thương sọ não, tủy cổ, tai biến mạch máu não,…) 3. Triệu chứng: lâm sàng (bệnh nhân: hôn mê, tỉnh), cận lâm sàng (phim chụp CLVT, MRI,…) Chẩn đoán định khu liệt nửa người (ở vỏ não, bao trong, thân não, tủy sống). 5. Chẩn đoán phân biệt (rối loạn phân ly, h/c Parkinson, liệt Todd, mất nhận thức nửa thân	3,5	0	0,5		4	6	Nghe, ghi chép, thảo luận nhóm
I.Hội chứng liệt hai chân 1. Đại cương: định nghĩa… 2. Nguyên nhân (do tổn thương trung ương và ngoại vi) 3.Triệu chứng: lâm sàng (liệt cứng, liệt mềm, diễn biến), cận lâm sàng (giúp tìm nguyên nhân) 4.Chẩn đoán liệt hai chân (thực thể hay chức năng, liệt trung ương hay ngoại vi, vị trí tổn thương). 5.Điều trị: nguyên tắc, đ.trị cụ thể II. Hội chứng đau thắt lưng hông 1.Đại cương. 2.Giải phẫu-Chức năng dây thần kinh hông to. 3.Các nguyên nhân thường gặp của đau TLH (TVĐ.đệm, chấn thương, ung thư, thoái hóa…). 4.Triệu chứng: hỏi bệnh và khám lâm sàng(hỏi vị trí, đặc điểm của đau, khám cột sống và các rễ thần	3,5	0	0,5		4	6	Nghe, ghi chép, thảo luận nhóm

kinh…). Cận LS(X-quang thường qui, MRI, CT-Scan, EMG, sinh hóa- tế bào,…). 5.Chẩn đoán (xác định, phân biệt). 6.Điều trị (nguyên nhân, triệu chứng, PHCN,…)							
I. Liệt mặt 1.Đại cương. 2.Giải phẫu, chức năng dây thần kinh VII. 3.Nguyên nhân (liệt VII: trung ương, ngoại vi). 4.Triệu chứng: lâm sàng (liệt VII trung ương, ngoại vi), cận lâm sàng. 5.Chẩn đoán (xác định, phân biệt). 6.Điều trị (nguyên nhân, triệu chứng, PHCN,…) II. Động kinh 1.Đại cương. 2.Sinh lý bệnh. 3.Phân loại. 4.Nguyên nhân (chấn thương sọ não, u não, bệnh lý mạch máu não,…). 5.Triệu chứng lâm sàng (cơn co cứng-co giật, cơn vắng ý thức, cơn động kinh thùy thái dương,…) 6.Chẩn đoán (xác định, phân biệt). 7.Điều trị (nguyên tắc chung, điều trị trạng thái động kinh,…) 8.Tiên lượng và phòng bệnh	3,5	0	0,5		4	6	Nghe, ghi chép, thảo luận nhóm
Tai biến mạch máu não 1.Đại cương. 2.Định nghĩa và phân loại. 3.Giải phẫu-Sinh lý hệ thống tuần hoàn não (hệ thống động mạch cảnh trong, động mạch đốt sống thân nền,…). Sinh lý tuần hoàn não (điều hòa tuần hoàn,..) 4.Nguyên nhân, các yếu tố nguy cơ và cơ chế bệnh sinh của TBMMN. 5.Triệu chứng: lâm sàng (TBMMN thoảng qua, nhồi máu não, chảy máu não), cận lâm sàng (phim CLVT, MRI, siêu âm Doppler…). 6.Chẩn đoán (dựa vào định nghĩa TBMMN, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, phân biệt nhồi máu não và chảy máu não). 7.Điều trị (nguyên tắc, điều trị cụ thể, dự phòng, phục hồi chức năng…).	2,5	0	0,5		3	6	Nghe, ghi chép, thảo luận nhóm

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

Bài giảng nội thần kinh do BM biên soạn

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

Tiếng việt

1. Bộ môn Dược lý; *Dược lý học*, Trường đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học. 2001

2. Bộ môn Giải phẫu., *Giải phẫu người*, tập I, Trường đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học. 2001

3. Bộ môn Giải phẫu Học viện Quân y (2002), *Giải phẫu đầu mặt cổ- thần kinh*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.

4. Bộ môn Nội Thần kinh Học viện Quân y, *Bệnh học thần kinh "giáo trình giảng dạy sau đại học"*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà nội. 2003.

5. Bộ môn Sinh lý bệnh., *Miễn dịch học*, Trường đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học. 2001.

6. Bộ môn Sinh lý học., *Sinh lý học* tập II, Trường đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học. 2005.

7. Nguyễn Văn Chương (chủ biên), *Thần kinh học toàn tập*, Nhà xuất bản Y học, Hà nội. 2016

8. . Nguyễn Văn Chương (chủ biên) (2004, 2005, 2006), *Thực hành lâm sàng thần kinh học*- Tập I, II, III, Nhà xuất bản Y học, Hà nội.

9. Lê Quang Cường (chủ biên) (2008), *Triệu chứng học thần kinh*, Nhà xuất bản Y học, Hà nội.

10. Trương D, Lê Đức Hinh, Nguyễn Thi Hùng., *Thần kinh học lâm sàng*, Nhà xuất bản Y học. 2004.

11. Hồ Hữu Lương (2006), *Chẩn đoán định khu thương tổn hệ thần kinh*, Nhà xuất bản Y học.

12. Trường đại học y Hà nội (2001), *Bài giảng thần kinh dành cho cao học, chuyên khoa một, nội trú*.

Tiếng nước ngoài

1. Goetz C G, Papert E J., *Textbook of Clinical Neurology*. 2nd. WB. Saunder Company. 2003.

2. Greenberg D A, Aminoff M J, Simon R P., *Clinical Neurology*. McGraw- Hill. 5th Edition. 2002.

3. Harrison′s., *Principles of Internal Medicines*. 16th edition. McGraw Hill. 2004.

4. Merritt′s., *Texbook of Neurology*. 2000.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	7	0,5	0,5	0,5		12
2	6	0,5	0,5	0,5		12
3						
.....						

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình □ Động não □ Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm □ Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □
Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR 1 đến CĐR 3
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR 2 đến CĐR 6
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR 4 đến CĐR 7
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR 2 đến CĐR 7

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Có phòng giảng đủ chỗ cho sinh viên ngồi, có phấn bảng, máy chiếu, mạng wifi

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần			CĐR1-7
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn, ...			
	Thực hành			
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trác nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...			CĐR:1 đến CĐR:7

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
		Nguyễn Du

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THẦN KINH (lâm sàng)

Đối tượng đào tạo: Y5 Bác sỹ đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần: Thần kinh

* Tiếng Việt: Thần kinh

* Tiếng Anh: Nervous

- Mã học phần:

- Số tín chỉ lâm sàng: 1

- Đối tượng học (năm thứ): 5

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Học phần tiên quyết: nội bệnh lý, ngoại bệnh lý

- Đơn vị phụ trách học phần: Tổ YHHĐ- BMN

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Thạc sỹ- Bác sỹ Nguyễn Du	0912337842	bsnguyendu65@gmail.com
2	Thạc sỹ- Bác sỹ Trần Thị Thủy	0985232035	thuytrandoctor153@gmail.com
3	Thạc sỹ- Bác sỹ Trần Văn Phong	0988262648	bsphongbv198@gmail.com
4	Thạc sỹ- Bác sỹ Đỗ Thị Yến	0983419584	bs.yen198@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần(ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức 1. Mô tả được một số triệu chứng lâm sàng và cận lâm		3-3,5

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	sàng thần kinh thường gặp. 2. Biết cách lập luận chẩn đoán một số bệnh và hội chứng thần kinh thường gặp 3. Biết cách xử trí, điều trị dự phòng một số bệnh và hội chứng thần kinh thường gặp.		
	Kỹ năng 4. Biết cách hỏi bệnh để phát hiện triệu chứng cơ năng, giai đoạn và định hướng nguyên nhân của bệnh thần kinh 5. Khám phát hiện các triệu chứng, hội chứng thần kinh thường gặp 6. Biết thực hành cách xử trí, điều trị một số bệnh nhân thần kinh thường gặp.		3,5
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm 7. Biết giải thích, động viên bệnh nhân yên tâm điều trị và phối hợp cùng thầy thuốc trong quá trình khám và điều trị. Tự chịu trách nhiệm và có tính trung thực trong khám bệnh, chẩn đoán, chữa bệnh…		4

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần	CĐR của học phần
MT1:	CĐR1: Mô tả triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của: hội chứng màng não, tiền đình, liệt hai chân, hội chứng thắt lưng hông, liệt mặt, động kinh, tai biến mạch máu não, bệnh nhân hôn mê, tổn thương dây thần kinh sọ não
MT2	CĐR2: Biết lập luận chẩn đoán hội chứng màng não, tiền đình, liệt hai chân, hội chứng thắt lưng hông, liệt mặt, động kinh, tai biến mạch máu não, bệnh nhân hôn mê, tổn thương dây thần kinh sọ não
MT3:	CĐR: Biết xử trí bệnh nhân: hội chứng màng não, tiền đình, liệt hai chân, hội chứng thắt lưng hông, liệt mặt, động kinh, tai biến mạch máu não, bệnh nhân hôn

	mê, tổn thương dây thần kinh sọ não
MT4	CĐR: Biết cách hỏi bệnh để phát hiện triệu chứng cơ năng, giai đoạn và định hướng nguyên nhân của: hội chứng màng não, tiền đình, liệt hai chân, hội chứng thắt lưng hông, liệt mặt, động kinh, tai biến mạch máu não, bệnh nhân hôn mê, tổn thương dây thần kinh sọ não
MT5	CĐR5: Khám phát hiện các triệu chứng: hội chứng màng não, tiền đình, liệt hai chân, hội chứng thắt lưng hông, liệt mặt, động kinh, tai biến mạch máu não, bệnh nhân hôn mê, tổn thương dây thần kinh sọ não
MT6	CĐR6: Biết xử trí bệnh nhân: có hội chứng màng não, tiền đình, liệt hai chân, hội chứng thắt lưng hông, liệt mặt, động kinh, tai biến mạch máu não, bệnh nhân hôn mê, tổn thương dây thần kinh sọ não.
MT7	CĐR7: Vận dụng vào bệnh nhân cụ thể biết giải thích, động viên bệnh nhân yên tâm điều trị và phối hợp cùng thầy thuốc trong quá trình khám và điều trị. Tự chịu trách nhiệm và có tính trung thực trong khám bệnh, chẩn đoán, chữa bệnh bệnh nhân đó

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**						
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7
Nội dung 1		3		3	3		
Nội dung 2			3			3	
Nội dung 3						3	2
Nội dung 4		3			2		2
Nội dung 5		3				2	2
Nội dung 6							3
Nội dung 7				3	3	3	

6. Mô tả học phần lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần*)

Học phần lâm sàng có vị trí quan trọng và giữ vai trò quyết định năng lực chuyên môn của bác sỹ. Nội dung bao gồm khám phát hiện các triệu chứng thần kinh (lâm sàng và cận lâm sàng) của các bệnh thần kinh hay gặp từ đó đưa ra chẩn đoán và cách xử trí cụ thể: hội chứng màng não, tiền đình, liệt hai chân, hội chứng thắt lưng hông, liệt mặt, động kinh, tai biến mạch máu não, bệnh nhân hôn mê, tổn thương dây thần kinh sọ não. Sơ bộ biết đọc kết quả từ phim chụp cắt lớp vi tính, cộng hưởng từ (sọ não, tủy sống) điện não, điện cơ, dịch não tủy, cũng như các xn máu, nước tiểu thường qui.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Khám vận động, cảm giác, phản xạ, thực vật, dinh dưỡng, cơ tròn	2	4	Quan sát gv khám mẫu rồi tập khám lại, riêng lẻ và theo nhóm
Khám, chẩn đoán và điều trị hội chứng thắt lưng hông	2	4	Quan sát gv khám mẫu rồi tập khám lại, riêng lẻ và theo nhóm
Khám, chẩn đoán và điều trị bệnh nhân liệt mặt	2	4	Quan sát gv khám mẫu rồi tập khám lại, riêng lẻ và theo nhóm
Khám, chẩn đoán và điều trị 12 đôi dây thần kinh sọ não	2	4	Quan sát gv khám mẫu rồi tập khám lại, riêng lẻ và theo nhóm
Khám , chẩn đoán và điều trị bệnh nhân có hội chứng màng não, tiền đình	2	4	Quan sát gv khám mẫu rồi tập khám lại, riêng lẻ và theo nhóm
Khám , chẩn đoán và điều trị bệnh nhân hôn mê	2	4	Quan sát gv khám mẫu rồi tập khám lại, riêng lẻ và theo nhóm
Hướng dẫn đọc kết quả cận Ls trong bệnh TK	2	4	Quan sát gv khám mẫu rồi tập khám lại, riêng lẻ và theo nhóm

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

Giáo trình khám thần kinh do BM biên soạn

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

<u>Tiếng việt</u>

1. Bộ môn Dược lý; *Dược lý học*, Trường đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học. 2001

2. Bộ môn Giải phẫu., *Giải phẫu người*, tập I, Trường đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học. 2001

3. Bộ môn Giải phẫu Học viện Quân y (2002), *Giải phẫu đầu mặt cổ- thần kinh*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.

4. Bộ môn Nội Thần kinh Học viện Quân y, *Bệnh học thần kinh "giáo trình giảng dạy sau đại học"*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà nội. 2003.

5. Bộ môn Sinh lý bệnh., *Miễn dịch học*, Trường đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học. 2001.

6. Bộ môn Sinh lý học., *Sinh lý học* tập II, Trường đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học. 2005.

7. Nguyễn Văn Chương (chủ biên), *Thần kinh học toàn tập*, Nhà xuất bản Y học, Hà nội. 2016

8. . Nguyễn Văn Chương (chủ biên) (2004, 2005, 2006), *Thực hành lâm sàng thần kinh học*- Tập I, II, III, Nhà xuất bản Y học, Hà nội.

9. Lê Quang Cường (chủ biên) (2008), *Triệu chứng học thần kinh*, Nhà xuất bản Y học, Hà nội.

10. Trương D, Lê Đức Hinh, Nguyễn Thi Hùng., *Thần kinh học lâm sàng*, Nhà xuất bản Y học. 2004.

11. Hồ Hữu Lương (2006), *Chẩn đoán định khu thương tổn hệ thần kinh*, Nhà xuất bản Y học.
12. Trường đại học y Hà nội (2001), *Bài giảng thần kinh dành cho cao học, chuyên khoa một, nội trú*.

Tiếng nước ngoài

1. Goetz C G, Papert E J., *Textbook of Clinical Neurology*. 2nd. WB. Saunder Company. 2003.
2. Greenberg D A, Aminoff M J, Simon R P., *Clinical Neurology*. McGraw- Hill. 5th Edition. 2002.
3. Harrison′s., *Principles of Internal Medicines*. 16th edition. McGraw Hill. 2004.
4. Merritt′s., *Texbook of Neurology*. 2000.

8.3. Phần mềm:

[…] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác		
1	20	2				20
2	20	2				20
3						
.....						

10. Các phương pháp giảng dạy và học lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR 7

Trước khi đi học lâm sàng sv tập khám trên người đóng vai bệnh nhân. Tại buồng bệnh gv khám bệnh nhân, sv quan sát kỹ. Gv cho sv khám dưới sự hướng dẫn của mình, uốn nắn sai xót của sv. Hướng dẫn đọc kết quả cận lâm sàng của bệnh nhân. Cùng lập luận chẩn đoán và đưa hướng xử trí.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành lâm sàng:

SV phải được học ở bệnh viện có bệnh nhân thần kinh, đủ mặt bệnh thần kinh cũng như có các xn chuyên khoa thần kinh.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

Sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ, trong quá trình học phải khám bệnh nhân (theo chỉ tiêu lâm sàng), tham gia trực đầy đủ, có báo trực hàng ngày, làm bệnh án, theo dõi bệnh nhân. Yêu cầu gv hướng dẫn khám lại nếu như không khám đúng. Thảo luận nhóm, bình bệnh án khi có bệnh nhân khó...

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Bài thực hành			
2	**Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng**			
	Thực hành, lâm sàng (vấn đáp)			CĐR1 đến CĐR 7

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC **TRƯỞNG KHOA** **BỘ MÔN/MÔ ĐUN**

(Ký, ghi rõ họ tên) *(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TAAM THẦN

Đối tượng đào tạo: Y khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Tâm Thần

* Tiếng Anh: Psychiatry

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 1.0 LT

- Đối tượng học (năm thứ): 5 YK và YHCT

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc x□	Tự chọn x□	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Sức khỏe tâm thần

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 16 tiết

+ Lý thuyết: 16 tiết

+ Kiến tập lâm sàng

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun:

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	BS CKI. Đỗ Thị Thúy Anh	0912440699	dothithuyanh73@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức ND1 Đánh giá được sự thay đổi các chức năng tâm lý, trạng thái cơ thể trong điều kiện bình thường và bệnh lý. ND2 Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán tình trạng bệnh lý. ND3 Trình bày được nguyên tắc các phương pháp, kỹ thuật để điều trị và chăm sóc người bệnh.	[CĐR1], [CĐR 3] [CĐR6] [CĐR9]	3

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	ND 4 Phát hiện và đánh giá được mối liên quan giữa sức khỏe, bệnh tật với môi trường, các yếu tố tâm lý xã hội. ND 5 Vận dụng tổng hợp các kiến thức thu được để phân tích, đánh giá các vấn đề sức khỏe tại cơ sở y tế và cộng đồng.		
	Kỹ năng *Kỹ năng lập luận nghề nghiệp.* - Phát hiện được các triệu chứng bệnh lý và các vấn đề về sức khỏe. - Chỉ định và phân tích được kết quả trắc nghiệm, xét nghiệm, kỹ thuật và thăm dò chức năng cơ bản. - Chẩn đoán bệnh được một số bệnh thường gặp. *Kỹ năng sáng tạo, phát triển chuyên môn.* - Có khả năng tự đào tạo liên tục các vấn đề trong chuyên môn. - Cập nhật được các tiến bộ khoa học kỹ thuật để cải tiến, nâng cao hiệu quả công việc. *Đạo đức nghề nghiệp* - Công bằng, khách quan, trung thực, liêm chính. - Tác phong làm việc chuyên nghiệp, xử lý các xung đột đạo đức trong hành nghề.	[CĐR9] [CĐR10]	3
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm - Làm việc được độc lập hoặc phối hợp theo nhóm, phát huy tinh thần sáng tạo trong môi trường đa dạng, chịu trách nhiệm cá nhân trong công tác khám chữa bệnh và nghiên cứu khoa học. - Có trách nhiệm tự định hướng đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. - Lập được kế hoạch hướng dẫn tổ chức sử dụng, điều phối, giám sát, quản lý, đánh giá và đề xuất cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.	[CĐR11]	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Đánh giá được sự thay đổi các chức năng tâm lý, trạng thái cơ thể trong điều kiện bình thường và bệnh lý. MT 2: Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán tình trạng bệnh lý. MT3: Trình bày được nguyên tắc các phương pháp, kỹ thuật để điều trị và chăm sóc người bệnh. MT 4: Phát hiện và đánh giá được mối liên quan giữa sức khỏe, bệnh tật với môi trường, các yếu tố tâm lý xã hội.	**CLO1**: Đánh giá được sự thay đổi các chức năng tâm lý, trạng thái cơ thể trong điều kiện bình thường và bệnh lý. **CLO 2**: Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán tình trạng bệnh lý. Phát hiện và đánh giá được mối liên quan giữa sức khỏe, bệnh tật với môi trường, các yếu tố tâm lý xã hội. **CLO3:** Trình bày được nguyên tắc các phương pháp, kỹ thuật để điều trị và chăm sóc người bệnh.
Kỹ năng	
MT3:Kỹ năng thảo luận nhóm, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện; thu thập và xử lý thông tin và kỹ năng báo cáo, trình bày	**CLO 4** Vận dụng tổng hợp các kiến thức thu được để phân tích, đánh giá các vấn đề sức khỏe tại cơ sở y tế và cộng đồng.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	**CLO 5**: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)**						
	1	2	3	4	5		
Nội dung 1	2			2			
Nội dung 2		2		2			
Nội dung 3			2				
Nội dung 4			2				
Nội dung 5				2			

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Sinh viên có hiểu biết đầy đủ về các chẩn đoán Tâm thần theo danh mục của ICD10, chương F, có tham khảo quyết định 2058/ QĐ-BYT ngày 14 tháng năm 2020 về việc lựa chọn các vấn đề bệnh học Tâm thần trong thực tiễn lâm sàng tại Việt Nam; cũng như cách quản lý; điều trị và cách chăm sóc bệnh nhân có rối loạn tâm thần. Sinh viên có hiểu biết về các khía cạnh đạo đức hành nghề và pháp luật trong thực hành lâm sàng Tâm Thần.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/TL/KT		Tổng cộng		
- Đại cương -Các rối loạn tâm thần thực tổn (chương 1)	4						Đọc hiểu Soạn bài thuyết trình về đọc hiểu các nội dung
- Các rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng chất tác động tâm thần (chương 2) - Các rối loạn loạn thần và rối loạn khí sắc (chương 3) - Shock điện	4						Đọc hiểu Soạn bài thuyết trình về đọc hiểu các nội dung
Các rối loạn liên quan đến stress (chương 4) - Hội chứng hành vi kết hợp với các rối loạn sinh lý (chương 5) - Liệu pháp tâm lý	4						Đọc hiểu Soạn bài thuyết trình về đọc hiểu các nội dung
- Các rối loạn tâm thần ở trẻ em và vị thành niên (chương 6) - Hóa dược điều trị các rối loạn tâm thần	4						Đọc hiểu Soạn bài thuyết trình về đọc hiểu các nội dung

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Đỗ Thị Thúy Anh (2022). Sức khỏe Tâm thần tập 2.Tài liệu lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Bộ môn Tâm thần Đại học Y Hà Nội. 2016. *Giáo trình Bệnh học tâm thần*, NXB Y học.

[2] Bộ môn Tâm thần và Tâm lý học y học, Học viện Quân y 2007. Tâm thần học và Tâm lý học y học (Giáo trình giảng dạy đại học). NXB Quân đội nhân dân.

[3] Bộ môn Tâm thần và Tâm lý học y học, Học viện Quân y. 2005 Bệnh học tâm thần (Giáo trình giảng dạy sau đại học). NXB Quân đội nhân dân

[4] Tổ chức Y tế Thế giới WHO *Phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 (PLBQT-10F) về các rối loạn tâm thần và hành vi*. Geneva, 1992. (Bản dịch của Trần Di Ái và CS)
[5] Kaplan & Sadock, Concise Textbook of Clinical Psychiatry, 4th edition, 2017

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	- Đại cương -Các rối loạn tâm thần thực tổn (chương 1)					
2	- Các rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng chất tác động tâm thần (chương 2) - Các rối loạn loạn thần và rối loạn khí sắc (chương 3) Shock điện					
3	Các rối loạn liên quan đến stress (chương 4) - Hội chứng hành vi kết hợp với các rối loạn sinh lý (chương 5) Liệu pháp tâm lý					
4	- Các rối loạn tâm thần ở trẻ em và vị thành niên (chương 6) Hóa dược điều trị các rối loạn tâm thần					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình □ Động não □ Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm □ Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR ... đến CĐR ....

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ....
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR **11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun**

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

.....

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; các bài thực hành và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần			CĐR 4
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn, ...			

	Thực hành			
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trác nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...			CĐR 1 đến CĐR 4

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
(TÂM THẦN)

Đối tượng đào tạo: Y khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Tâm Thần

* Tiếng Anh: Psychiatry

- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 01 TC
- Đối tượng học (năm thứ): 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc x□	Tự chọn □	

- Học phần tiên quyết:
- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun:

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
	Ngô Hùng Lâm	BSCKII	
	Trần Quyết Thắng	ThS.BSCKII	
	Vũ Ngọc Úy	ThS.BSCKII	
	Nguyễn Văn Tuấn	Tiến sĩ	
	Đỗ Văn Thắng	ThS.BSCKII	
	Nguyễn Đức Vượng	ThS.BSCKII	
	Phạm Thế Văn	ThS.BSNT	
	Lê Thị Hảo	BSCKII	
	Trần Thị Thu Phương	BSCKII	
	BS CKI. Đỗ Thị Thúy Anh	BSCK I	dothithuyanh73@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức Vận dụng kiến thức đã học để thăm khám và chẩn đoán, tuyến truyền giáo dục sức khỏe cho ngường dân về một số bệnh hường gặp.	[CĐR1], [CĐR4], [CĐR5] [CĐR7], [CĐR8], [CĐR9]	4
	Kỹ năng Có khả năng khám, chẩn đoán, hướng xử trí và xử trí được một số bệnh thường gặp Có kỹ năng làm việc độc lập, xử trí nhanh, chính xác.	[CĐR5] [CĐR7] [CĐR8], [CĐR9]	4
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	[CĐR10] [CĐR11],	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
MT1: Vận dụng kiến thức đã học để thăm khám và chẩn đoán được một số bệnh thông thường, tuyến truyền giáo dục sức khỏe cho ngường dân về một số bệnh thường gặp.	**CLO1**: Vận dụng kiến thức để thăm khám trình tự bệnh nhân **CLO2:** Vận dụng kiến thức để đưa ra chẩn đoán sơ bộ. **CLO 3:** Vận dụng kiến thức đã học để đưa ra chẩn đoán chính xác và có hướng xử trí phù hợp.
MT2: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập; Kỹ năng về thu thập và xử lý thông tin và kỹ năng báo cáo, trình bày,	**CLO 4:** Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong việc thu thập và xử lý thông tin, lập tóm tắt bệnh án, hướng xử trí.
MT3: Kỹ năng dẫn dắt, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để chẩn đoán và xử trí bệnh	**CLO 5:** Có kỹ năng hỏi bệnh, thăm khám bênh tốt.

MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	**CLO6:** Có tinh thần trách nhiệm tập thể, ý thức cá nhân nỗ lực giải quyết các yêu cầu tình huống
Mục tiêu học phần/ mô đun	**CĐR của học phần/ mô đun (CLO)**
MT1: Vận dụng kiến thức đã học để thăm khám và chẩn đoán được một số bệnh thông thường, tuyến truyền giáo dục sức khỏe cho ngường dân về một số bệnh thường gặp.	**CLO1**: Vận dụng kiến thức để thăm khám trình tự bệnh nhân **CLO2:** Vận dụng kiến thức để đưa ra chẩn đoán sơ bộ. **CLO 3:** Vận dụng kiến thức đã học để đưa ra chẩn đoán chính xác và có hướng xử trí phù hợp.
MT2: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập; Kỹ năng về thu thập và xử lý thông tin và kỹ năng báo cáo, trình bày,	**CLO 4:** Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong việc thu thập và xử lý thông tin, lập tóm tắt bệnh án, hướng xử trí.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**						
	1	2	3	4	5	6	
Nhận định các chức năng tâm lý bất thường	3			3	2	2	
Phỏng vấn bệnh nhân	2	3		3	2	2	
Nhận định các triệu chứng, hội chứng		3		3	2	2	
Lập luận chẩn đoán			3	3	2	2	
Đưa ra hướng xử trí, nguyên tắc điều trị	2	2	2	3	3	3	

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Vận dụng kiến thức đã học để thăm khám (nhận định chức năng tâm lý bất thường, các triệu chứng, hội chứng) và chẩn đoán được một số bệnh thông thường, tuyến truyền giáo dục sức khỏe cho ngường dân về một số bệnh thường gặp.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Thời gian thực tập (tiết)**	**Thời gian tự học (giờ)**	**Yêu cầu đối với sinh viên**
Rối loạn tâm thần do rượu Rối loạn tâm thần do lạm dụng chất khác hoặc nghiện game			
Tâm thần phân liệt Rối loạn loạn thần khác			

Trầm cảm			
Rối loạn cảm xúc lưỡng cực			
Tự kỉ và ADHD hoặc Sa sút trí tuệ			
Rối loạn lo âu			

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Đỗ Thị Thúy Anh (2022). Sức khỏe Tâm thần tập 2.Tài liệu lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Bộ môn Tâm thần Đại học Y Hà Nội. 2016. *Giáo trình Bệnh học tâm thần*, NXB Y học.

[2] Bộ môn Tâm thần và Tâm lý học y học, Học viện Quân y 2007. Tâm thần học và Tâm lý học y học (Giáo trình giảng dạy đại học). NXB Quân đội nhân dân.

[3] Bộ môn Tâm thần và Tâm lý học y học, Học viện Quân y. 2005 Bệnh học tâm thần (Giáo trình giảng dạy sau đại học). NXB Quân đội nhân dân

[4] Tổ chức Y tế Thế giới WHO *Phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 (PLBQT-10F) về các rối loạn tâm thần và hành vi*. Geneva, 1992. (Bản dịch của Trần Di Ái và CS)

[5] Kaplan & Sadock, Concise Textbook of Clinical Psychiatry, 4th edition, 2017

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung					Giờ giảng của giảng viên (giờ) Thực hành/ lâm sàng
	Thực hành/ lâm sàng	Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Các hình thức khác		
1	Rối loạn tâm thần do rượu Rối loạn tâm thần do lạm dụng chất khác hoặc nghiện game	4		1	Bài 1: Cách khám và làm bệnh án	4
2	Tâm thần phân liệt Rối loạn loạn thần khác	4		2	Bài 2:	4
3	Trầm cảm	4		3	Bài 3:	4
4	Rối loạn cảm xúc lưỡng cực	4		4	Bài 4;	4
	Tự kỉ và ADHD hoặc Sa sút trí tuệ					
	Rối loạn lo âu					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình [x] Động não [x] Phản biện [x] Học dựa trên vấn đề □

Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng [x]

Nghiên cứu tình huống [x] Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập [x]

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra và CĐR1 – CLO4

Học tập thảo luận đạt CLO1 và CLO6

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CLO1 đến CLO6

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

Phòng để tổ chức phỏng vấn và quan sát bệnh nhân

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên không được tự ý vắng lâm sàng buổi nào, không đến chậm quá 15 phút
- Sinh viên phải có bệnh án chuẩn bị nộp trước, báo cáo bệnh nhân theo yêu cầu chỉ định của giảng viên và cho phép phản biện bài của bạn học, trả lời các câu hỏi của giảng viên
- Sinh viên không có bệnh án nộp coi như bị điểm F

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Bài thực hành			
2	**Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng**			
	Thực hành, lâm sàng (vấn đáp)			CLO1 - CLO6

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC **TRƯỞNG KHOA** **BỘ MÔN/MÔ ĐUN**

(Ký, ghi rõ họ tên) *(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
UNG THƯ (PHẦN LÝ THUYẾT)
Đối tượng đào tạo: Bác sĩ Y khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
* Tiếng Việt: Ung thư
* Tiếng Anh: Cancer
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: (1.0 LT, 1.0 TH)
- Đối tượng học (năm thứ): 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành [x]		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn [x]	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
  + Lý thuyết: 15 tiết
  + Bài tập: tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
  + Kiểm tra: tiết
  + Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Ung bướu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Thái Hoà	0989743185	bshoabvk@gmail.com
2	TS. Phùng Thị Huyền	0989356631	phungthihuyen@gmail.com
3	BS. Hoàng Trọng Tuấn	0979686669	hoangtuan3350@gmail.com
4	BS. Nguyễn Đăng Yên	0978783214	ngdangyen0409@gmail.com
5	BS. Nguyễn Hương Giang	0399893280	bsnhgiang@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT1	Hiểu được khái niệm cơ bản về bệnh Ung thư; Quá trình tiến triển tự nhiên và dự phòng ung thư; Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh ung thư.	[CĐR4],	3
MT2	Hiểu được các kiến thức cơ bản về Chẩn đoán bệnh ung thư; Nguyên tắc điều trị bệnh ung thư; Điều trị giảm đau	[CĐR1], [CĐR 2]	2
	Kỹ năng		
MT3	- Có khả năng trình bày một bệnh án ung thư; Có khả năng thực hành khám hệ thống hạch ngoại vi; Có khả năng khám phát hiện u vú. - Khám, Chẩn đoán, điều trị và dự phòng được một số bệnh ung thư thường gặp bằng cách vận dụng một số kiến thức cơ bản trong giáo trình Ung thư	[CĐR6]	2
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	[CĐR14]	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Hiểu được khái niệm cơ bản về bệnh Ung thư; Quá trình tiến triển tự nhiên và dự phòng ung thư; Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh ung thư; Chẩn đoán bệnh ung thư; Nguyên tắc điều trị bệnh ung thư; Điều trị giảm đau.	**CLO1**: khái niệm cơ bản về bệnh Ung thư; Quá trình tiến triển tự nhiên và dự phòng ung thư; Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh ung thư. **CLO 2**: Hiểu được các kiến thức cơ bản về Chẩn đoán bệnh ung thư; Nguyên tắc điều trị bệnh ung thư; Điều trị giảm đau
Kỹ năng	
MT2: - Có khả năng trình bày một bệnh án ung thư; Có khả năng thực hành khám hệ thống hạch ngoại vi; Có khả năng khám phát hiện u vú. - Khám, Chẩn đoán, điều trị và dự phòng được một số bệnh ung thư thường gặp	**CLO 3:** Khám, Chẩn đoán, điều trị và dự phòng được một số bệnh Ung thư thường gặp bằng cách vận dụng một số kiến thức cơ bản trong giáo trình Ung thư.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	**CLO 4**: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)			
	1	2	3	4
Khái niệm cơ bản về ung thư	2	2		
Quá trình tiến triển tự nhiên và dự phòng ung thư	2	2		
Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh ung thư	2	2		
Chẩn đoán bệnh ung thư	2	2		
Nguyên tắc điều trị bệnh ung thư	2	2		

Điều trị giảm đau	2	2		
Ung thư vòm	2	2		
Ung thư phổi	2	2		
Ung thư dạ dày	2	2		
Ung thư đại tràng	2	2		
Ung thư vú			2	
U lympho ác tính không Hodgkin			2	
Ung thư gan nguyên phát			2	
Ung thư biểu mô buồng trứng			2	
Ung thư cổ tử cung			2	

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Sinh viên được trang bị kiến thức về dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm sàng lọc, chẩn đoán, loại trừ, nguyên tắc điều trị, lập kế hoạch điều trị và điều trị thực tiễn từ đó có thể tự nhận định, chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc, điều trị và xử trí biến chứng, di chứng bệnh nhân mắc bệnh Ung thư. Dự phòng và phát hiện sớm một số bệnh ung thư thường gặp

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy học**					**Yêu cầu đối với sinh viên**
	Lên lớp (Tiết)				**Tự học (Giờ)**	
	LT	**TH**	**BT/ TL/KT**	**Tổng cộng**		
Khái niệm cơ bản về ung thư	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Quá trình tiến triển tự nhiên và dự phòng ung thư	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Nguyên nhân và	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày

cơ chế sinh bệnh ung thư						quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Chẩn đoán bệnh ung thư	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Nguyên tắc điều trị bệnh ung thư	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Điều trị giảm đau	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Ung thư vòm	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Ung thư phổi	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Ung thư dạ dày	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Ung thư đại tràng	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Ung thư vú	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp

						hành nội quy học tập của lớp
U lympho ác tính không Hodgkin	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Ung thư gan nguyên phát	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Ung thư biểu mô buồng trứng	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Ung thư cổ tử cung	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình học tập:

[1]. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2021), *Bài giảng Chuyên ngành Ung thư,* tài liệu lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Bài giảng Ung thư học (2001), Bộ môn Ung thư, Trường Đại học Y Hà Nội.

[2] Ung thư học đại cương (2009), Bộ Y tế.

[3] Bệnh học Ung thư Phụ khoa (2005), Trần Thị Phương Mai.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Khái niệm cơ bản về ung thư	1					2
2	Quá trình tiến triển tự nhiên và dự phòng ung thư	1					2

3	Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh ung thư	1					2
4	Chẩn đoán bệnh ung thư	1					2
5	Nguyên tắc điều trị bệnh ung thư	1					2
6	Điều trị giảm đau	1					2
7	Ung thư vòm	1					2
8	Ung thư phổi	1					2
9	Ung thư dạ dày	1					2
10	Ung thư đại tràng	1					2
11	Ung thư vú	1					2
12	U lympho ác tính không Hodgkin	1					2
13	Ung thư gan nguyên phát	1					2
14	Ung thư biểu mô buồng trứng	1					2
15	Ung thư cổ tử cung	1					2

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình [x] Động não [x] Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projecter, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần			
	Tiểu luận			
	Thực hành	30%		CĐR 4
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	70%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 3

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận.
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm thực hành x 1.0 + Điểm lý thuyết x 2.0)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
UNG THƯ (THỰC HÀNH)
Đối tượng đào tạo: Bác sĩ đa khoa, Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Ung thư
* Tiếng Việt: Ung thư
* Tiếng Anh: Cancer
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 02 TC
- Đối tượng học (năm thứ): 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☒	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nội, ngoại, sản, nhi
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 42 tiết
  + Lý thuyết: 15 tiết
  + Thực hành/ Lâm sàng: 22 tiết
  + Bài tập: 00 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 00 tiết
  + Kiểm tra: 05 tiết
  + Thời gian tự học: 00 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Ung bướu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Thái Hoà	0989743185	bshoabvk@gmail.com
2	TS. Phùng Thị Huyền	0989356631	phungthihuyen@gmail.com
3	BS. Hoàng Trọng Tuấn	0979686669	hoangtuan3350@gmail.com
4	BS. Nguyễn Đăng Yên	0978783214	ngdangyen0409@gmail.com
5	BS. Nguyễn Hương Giang	0399893280	bsnhgiang@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT1	Hiểu được khái niệm cơ bản về bệnh Ung thư; Quá trình tiến triển tự nhiên và dự phòng ung thư; Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh ung thư.	[CĐR4],	3
MT2	Hiểu được các kiến thức cơ bản về Chẩn đoán bệnh ung thư; Nguyên tắc điều trị bệnh ung thư; Điều trị giảm đau	[CĐR1], [CĐR 2]	2
	Kỹ năng		
MT3	- Có khả năng trình bày một bệnh án ung thư; Có khả năng thực hành khám hệ thống hạch ngoại vi; Có khả năng khám phát hiện u vú. - Khám, Chẩn đoán, điều trị và dự phòng được một số bệnh ung thư thường gặp bằng cách vận dụng một số kiến thức cơ bản trong giáo trình Ung thư	[CĐR6]	2
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	[CĐR14]	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	**CĐR của học phần/ mô đun (CLO)**
MT1: Hiểu được khái niệm cơ bản về bệnh Ung thư; Quá trình tiến triển tự nhiên và dự phòng ung thư; Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh ung thư; Chẩn đoán bệnh ung thư; Nguyên tắc điều trị bệnh ung thư; Điều trị giảm	**CLO1**: khái niệm cơ bản về bệnh Ung thư; Quá trình tiến triển tự nhiên và dự phòng ung thư; Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh ung thư. **CLO 2**: Hiểu được các kiến thức cơ bản về Chẩn đoán bệnh ung thư; Nguyên tắc điều trị bệnh ung thư; Điều trị giảm đau

đau.	
MT2: - Có khả năng trình bày một bệnh án ung thư; Có khả năng thực hành khám hệ thống hạch ngoại vi; Có khả năng khám phát hiện u vú. - Khám, Chẩn đoán, điều trị và dự phòng được một số bệnh ung thư thường gặp	**CLO 3:** Khám, Chẩn đoán, điều trị và dự phòng được một số bệnh Ung thư thường gặp bằng cách vận dụng một số kiến thức cơ bản trong giáo trình Ung thư.
MT3: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	**CLO 4**: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)**			
	1	2	3	4
Khái niệm cơ bản về ung thư	2	2		
Giới thiệu chung, trình bày bệnh án ung thư	2	2		
Quá trình tiến triển tự nhiên và dự phòng ung thư	2	2		
Hướng dẫn khám hạch ngoại vi	2	2		
Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh ung thư	2	2		
Chẩn đoán bệnh ung thư	2	2		
Nguyên tắc điều trị bệnh ung thư	2	2		
Điều trị giảm đau	2	2		
Điều trị hóa chất và tác dụng không mong muốn của hóa trị	2	2		
Điều trị tia xạ, Các biến chứng sớm - muộn của xạ trị	2	2		
Ung thư vòm			2	
Ung thư phổi			2	
Ung thư dạ dày			2	
Ung thư đại tràng			2	
Ung thư vú			2	
U lympho ác tính không Hodgkin			2	
Ung thư gan nguyên phát			2	
Ung thư biểu mô buồng trứng			2	
Ung thư cổ tử cung			2	

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)
Sinh viên được trang bị kiến thức về dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm sàng lọc, chẩn đoán, loại trừ, nguyên tắc điều trị, lập kế hoạch điều trị và điều trị thực tiễn từ đó có thể tự nhận định, chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc, điều trị và xử trí biến chứng, di chứng bệnh nhân mắc bệnh Ung thư. Dự phòng và phát hiện sớm một số bệnh ung thư thường gặp

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thảo luận (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Giới thiệu chung, trình bày bệnh án ung thư	4	4	Chuẩn bị bài seminar bằng văn bản (giờ tự học) - Chuẩn bị báo cáo Slide theo nhóm - Thấu hiểu và phản ứng nhanh khi vấn đáp - Ưu tiên phản biện, tính sáng tạo
Hướng dẫn khám hạch ngoại vi	**4**	**4**	
Điều trị giảm đau	**4**	**4**	
Điều trị hóa chất và tác dụng không mong muốn của hóa trị	**4**	**4**	
Điều trị tia xạ, Các biến chứng sớm - muộn của xạ trị	**4**	**4**	
Ung thư vòm	**4**	**4**	
Ung thư phổi	**4**	**4**	
Ung thư dạ dày	**4**	**4**	
Ung thư đại tràng	**4**	**4**	
Ung thư vú	**4**	**4**	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Trường đại học Dược Hà Nội (2010). *Thực hành Pháp chế dược*. Nơi xuất bản: Lưu hành nội bộ

[2] Bộ môn Quản lý và Kinh tế dược (2021), *Thực hành Pháp chế dược*, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam 2020

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Quốc Hội 13 (2016), *Luật Dược năm 2016*

[2] Các thông tư 52/2016/TT-BYT, Thông tư 07/2016/TT-BYT, Thông tư 07/2017/TT-BYT, Thông tư 20/2017/TT-BYT, Thông tư 01/2018/TT-BYT, Thông tư 07/2018 của Bộ Y tế ban hành và các thông tư do Bộ Y tế ban hành sau năm 2016 về GPs và GACP

8.3. Phần mềm:

[…] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	Giới thiệu chung, trình bày bệnh án ung thư					4	4
2	Hướng dẫn khám hạch ngoại vi	4					4
3	Điều trị giảm đau					4	4
4	Điều trị hóa chất và tác dụng không mong muốn của hóa trị					4	4
5	Điều trị tia xạ, Các biến chứng sớm - muộn của xạ trị					4	4
6	Ung thư vòm					4	4
7	Ung thư phổi					4	4
8	Ung thư dạ dày					4	4
9	Ung thư đại tràng					4	4
10	Ung thư vú	4				4	8

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR CLO1 đến CLO6

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình [x] Động não [x] Phản biện [x] Học dựa trên vấn đề □

Hoạt động nhóm [x] Đóng vai [x] Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống [x] Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập [x]

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO2].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt chuẩn CLO3,CLO4]

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt chuẩn CLO4

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projecter, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần			
	Tiểu luận			
	Thực hành	30%		CĐR 4
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	70%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 3

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận.
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm thực hành x 1.0 + Điểm lý thuyết x 2.0)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
PHÁP Y (PHẦN LÝ THUYẾT)

Đối tượng đào tạo: Y đa khoa ; Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Pháp Y

* Tiếng Anh: Forensics Medical

- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 01 LT, 01 TH
- Đối tượng học (năm thứ): 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [x]	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
  + Lý thuyết: 15 tiết
  + Bài tập: tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
  + Kiểm tra: tiết
  + Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Giải phẫu bệnh Pháp y

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Chu Văn Đức	0945925078	Chuduc78@yahoo.com.vn
2	Ths Lê Thị Hằng	0936832035	Lehangmoon.yct@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
Kiến thức			
MT1	Vai trò chức năng nhiệm vụ của ngành Y Pháp	[CĐR 2]	2

MT2	Có kiến thức về các hình thái tổn thương, hình thái chết và biến đổi tử thi.	[CĐR 2]	2
MT3	Trình tự các bước giám định pháp y.	[CĐR 2]	2
Kỹ năng			
MT4	Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin, kỹ năng thảo luận nhóm để phân tích đặc điểm một số thương tích liên quan đến pháp lý trong công tác khám, chẩn đoán bệnh	[CĐR 2]	4
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	Rèn luyện sự tự tin và tinh thần tự học, tự hệ thống kiến thức và hợp tác, tuân thủ nội quy trong học tập.	[CĐR15]	4

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Vai trò chức năng nhiệm vụ của ngành Y Pháp	CLO1: Nhận thức được vai trò của ngành Y Pháp trong công tác khám, chẩn đoán và điều trị.
MT2: Có kiến thức về các hình thái tổn thương, hình thái chết và biến đổi tử thi.	CLO2: Trình bày được các dấu hiệu biến đổi tử thi, các hình thái chết và hình thái tổn thương.
MT3: Trình tự các bước giám định pháp y.	CLO3: Trình bày được trình tự các bước giám định pháp y
Kỹ năng	
MT4: Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin, kỹ năng thảo luận nhóm để phân tích đặc điểm một số thương tích liên quan đến pháp lý trong công tác khám, chẩn đoán bệnh	CLO4: Vận dụng kiến thức bài học, thể hiện kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, thảo luận để phân tích đặc điểm một số thương tích liên quan đến pháp lý trong công tác khám, chẩn đoán bệnh
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Rèn luyện sự tự tin và tinh thần tự học, tự hệ thống và hợp tác trong học tập.	CLO 5: Có trách nhiệm tự định hướng, bảo vệ quan điểm cá nhân và có tinh thần làm việc độc lập và hợp tác làm việc nhóm trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**				
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5
Nghiên cứu sự chết và thi thể	2	2	1	1	1
Thương tích trong y pháp	2	2	3	1	1
Tử vong do ngạt trong GĐYP	2	3	2	1	1
Tổn thương do TNGT đường bộ	2	1	2	1	1
Thương tích điện	2	1	2	1	1
Y pháp độc chất	2	3	2	1	1
Y pháp học và giới tính học	2	1	3	1	1
Tội phạm tình dục	2	1	3	1	1

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

- Vị trí/vai trò: Pháp y là môn học ứng dụng kiến thức và phương tiện y học, sinh học để bổ trợ cho hoạt động tư pháp đồng thời cho thấy những vấn đề pháp lý trong hoạt đọng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe.
- Mục đích: Đây là học phần giúp sinh viên nhận thức được vai trò của y học trong pháp luật để có thể giải quyết đúng đắn những vụ việc có quan hệ đến pháp lý trong công tác khám, chẩn đoán và điều trị hàng ngày tại các cơ sở y tế
- Nội dung chính yếu: Môn học cung cấp các kiến thức khái quát về pháp y học; các hình thái tổn thương do các nguyên nhân khác nhau; thu giữ, bảo quản và giám định các dấu vết có nguồn gốc từ cơ thể người; trình tự giám định pháp y tử thi

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy học**						**Yêu cầu đối với sinh viên**
	Lên lớp (Tiết)					**Tự học (Giờ)**	
	LT	**TH**	**BT/ TL/KT**		**Tổng cộng**		
Nghiên cứu sự chết và thi thể 1. Khái niệm về sự chết 2. Quá trình chế 3. Chết não 4. Biến đổi của tử thi 5. Nhận định thời gian chết 6. Các hình thái chết trong Y pháp	02				02		Đọc trước tài liệu, tóm tắt ý chính của bài học và đặt câu hỏi. Các câu hỏi sẽ được thảo luận trong buổi học
Thương tích trong y pháp	02				02		

1.Định nghĩa 2. Chấn thương 3. Thương tích do tác nhân lý, hóa 4. Thương tích do vũ khí nổ 5. Cơ chế gây thương tích – vật gây thương tích 6. Khám thương tích lâm sàng 7. Khám dấu vết thương tích trên tử thi 8. Chứng nhận thương tích 9. Giám định mức độ thiệt hại sức khỏe							
Tử vong do ngạt trong GĐYP 1. Đại cương 2. Ngạt do chẹn cổ 3. Ngạt do lấp tắc đường thở 4. Chết do ngạt nước 5. Ngạt do chấn thương 6. Ngạt do hóa chất	02				02		
Tổn thương do TNGT đường bộ 1. Tình hình tai nạn giao thông trên thế giới và Việt Nam 2. Tai nạn giao thông đường bộ	02				02		
Thương tích điện 1. Đại cương 2. Tác động của dòng điện lên cơ thể nạn nhân 3. Giám định y pháp 4. Tổn thương do sét đánh	02				02		
Y pháp độc chất 1. Đại cương về độc chất 2. Nguyên tắc chung trong điều trị khi trúng độc 3.Thu mẫu xét nghiệm độc chất	02				02		

4. Chất ăn mòn 5. Chất dạng hơi 6. Arsenic (AS) 7. Các chất độc có nguồn gốc kim loại 8. Hóa chất bảo vệ thực vật 9 . Rượu và độc tính của rượu								
Y pháp học và giới tính học 1. Đại cương 2. Phân loại những sai lệch về giới tính 3. Chức năng xác định giới tính 4. Bệnh hoạn tình dục không tội phạm 5. Vai trò của người thầy thuốc	01					01		
Tội phạm tình dục 1. Đại cương 2.Tội phạm hiếp dâm 3. Tội phạm hiếp dâm trẻ em 4. Tội cưỡng dâm 5. Khám và giám định tội phạm tình dục 6. Các xét nghiệm cơ bản trong tội phạm tình dục 7. Các dạng màng trinh thông thường 8. Những vấn đề đặc biệt liên quan đến tội phạm tình dục	02					02		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ môn Giải phẫu bệnh Pháp y (2019), Giáo trình pháp y học, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ Y tế (2007), Y pháp học, Nhà xuất bản y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Nghiên cứu sự chết và thi thể1. Khái niệm về sự chết 2. Quá trình chế 3. Chết não 4. Biến đổi của tử thi 5. Nhận định thời gian chết 6. Các hình thái chết trong Y pháp	1					2
	Thương tích trong y pháp 1.Định nghĩa 2. Chấn thương 3. Thương tích do tác nhân lý, hóa 4. Thương tích do vũ khí nổ 5. Cơ chế gây thương tích – vật gây thương tích 6. Khám thương tích lâm sàng 7. Khám dấu vết thương tích trên tử thi 8. Chứng nhận thương tích 9. Giám định mức độ thiệt hại sức khỏe	2					4
2	Tử vong do ngạt trong GĐYP 1. Đại cương 2. Ngạt do chẹn cổ 3. Ngạt do lấp tắc đường thở 4. Chết do ngạt nước 5. Ngạt do chấn thương 6. Ngạt do hóa chất	1					2
4	Tổn thương do TNGT đường bộ 1. Tình hình tai nạn giao thông trên thế giới và Việt Nam 2. Tai nạn giao thông đường bộ	2					4
3	Thương tích điện 1. Đại cương 2. Tác động của dòng điện lên cơ thể nạn nhân 3. Giám định y pháp 4. Tổn thương do sét đánh	1					2
6	Y pháp độc chất 1. Đại cương về độc chất	2					4

	2. Nguyên tắc chung trong điều trị khi trúng độc 3.Thu mẫu xét nghiệm độc chất 4. Chất ăn mòn 5. Chất dạng hơi 6. Arsenic (AS) 7. Các chất độc có nguồn gốc kim loại 8. Hóa chất bảo vệ thực vật 9 . Rượu và độc tính của rượu						
4	Y pháp học và giới tính học 1. Đại cương 2. Phân loại những sai lệch về giới tính 3. Chức năng xác định giới tính 4. Bệnh hoạn tình dục không tội phạm 5. Vai trò của người thầy thuốc	2					4
	Tội phạm tình dục 1. Đại cương 2.Tội phạm hiếp dâm 3. Tội phạm hiếp dâm trẻ em 4. Tội cưỡng dâm 5. Khám và giám định tội phạm tình dục 6. Các xét nghiệm cơ bản trong tội phạm tình dục 7. Các dạng màng trinh thông thường 8. Những vấn đề đặc biệt liên quan đến tội phạm tình dục	1					2
	QT.KD.17.02 - Quy trình cấp giấy phép nhập khẩu thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất có giấy đăng ký; **QT.KD.25.01 - Quy trình cấp phép xuất khẩu thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất và nguyên liệu làm thuốc.**						

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình [x] Động não [x] Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □ Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng tóm tắt, xử lý thông tin, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO5

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projecter, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị bài, đặt câu hỏi và trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; thực hành 100% số buổi có mặt tham gia. Sinh viên phải tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành	33,3%		
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	66,7%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 4

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần dược).
- Điểm thực hành là điểm thi của các bài kết thúc thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm thực hành X 1.0 + Điểm lý thuyết X 2.0)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
PHÁP Y (THỰC HÀNH)

Đối tượng đào tạo: Y đa khoa; Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Pháp Y

* Tiếng Anh: Forensics Medical

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 1.0

- Đối tượng học (năm thứ): 5

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Học phần tiên quyết:

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn Giải phẫu bệnh Pháp y

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1	TS. Chu Văn Đức	0945925078	Chuduc78@yahoo.com.vn	
2	Ths Lê Thị Hằng	0936832035	Lehangmoon.yct@gmail.com	Trợ giảng

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
Kiến thức			
MT1	Có kiến thức về hình thái tổn thương	CĐR 2	3.0
Kỹ năng			
MT2	Có kỹ năng quan sát, định hướng các đặc điểm tổn thương trên cơ thể	CĐR 2	4.0
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT3	Rèn luyện sự tự tin và tinh thần tự học,	[CĐR15]	4.0

	tự hệ thống kiến thức và hợp tác, tuân thủ nội quy trong học tập.		

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Có kiến thức về hình thái tổn thương	CĐR1: Nhận biết các hình thái tổn thương
Kỹ năng	
MT2: Có kỹ năng quan sát, định hướng các đặc điểm tổn thương trên cơ thể	CĐR2: Quan sát hình ảnh tổn thương đại thể, phát hiện nguyên nhân, thời điểm xảy ra tổn thương
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3: Rèn luyện sự tự tin và tinh thần tự học, tự hệ thống kiến thức và hợp tác, tuân thủ nội quy trong học tập.	CLO 3: Có trách nhiệm tự định hướng, bảo vệ quan điểm cá nhân và có tinh thần làm việc độc lập và hợp tác làm việc nhóm trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun		
	1	2	3
Nghiên cứu sự chết và thi thể	2	2	1
Thương tích trong y pháp	3	3	1
Tử vong do ngạt trong GĐYP	3	3	1
Tổn thương do TNGT đường bộ	3	3	1
Thương tích điện	2	2	1
Y pháp độc chất	2	2	1
Tội phạm tình dục Y pháp học và giới tính học	2	2	1

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Vị trí/vai trò: Phần thực hành Pháp y là bộ phận của học phần Pháp y để phân tích và xử trí đúng hình thái tổn thương, bước đầu hình thành ý thức tuân thủ pháp luật trong khi hành nghề y.

Mục đích: Giúp người học vận dụng được kiến thức ở phần lý thuyết mô tả hình ảnh tổn thương, phát hiện nguyên nhân, thời điểm xảy ra tổn thương từ đó có thể giải quyết đúng đắn những vụ việc có quan hệ đến pháp lý trong công tác khám, chẩn đoán và điều trị hàng ngày tại các cơ sở y tế

Nội dung chính yếu: Môn học cung cung cấp kiến thức để nhận biết các hình thái tổn thương, rèn luyện kỹ năng quan sát các hình thái tổn thương do các nguyên nhân khác nhau từ đó xác đinh thời điểm, nguyên nhân tổn thương

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Thời gian thực tập (tiết)**	**Thời gian tự học (giờ)**	**Yêu cầu đối với sinh viên**
Bài 1: Nghiên cứu sự chết và thi thể	4	4	Đọc trước tài liệu lý thuyết và thực hành của bài học, quan sát hình ảnh thương tích.
Bài 2: Thương tích trong y pháp	4	4	
Bài 3: Tử vong do ngạt trong GĐYP	4	4	
Bài 4: Tổn thương do TNGT đường bộ	4	4	
Bài 5: Thương tích điện	4	4	
Bài 6: Y pháp độc chất	4	4	
Bài 7: Tội phạm tình dục Y pháp học và giới tính học	4	4	
Bài 8: Ôn tập	2	2	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ môn Giải phẫu bệnh Pháp y (2019), Tài liệu thực hành pháp y, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam.

[2] Bộ môn Giải phẫu bệnh Pháp y (2019), Giáo trình pháp y học, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ Y tế (2007), Y pháp học, Nhà xuất bản y học

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	Bài 1: Nghiên cứu sự	4					4

	chết và thi thể						
2	Bài 2: Thương tích trong y pháp	4					4
3	Bài 3: Tử vong do ngạt trong GĐYP	4					4
4	Bài 4: Tổn thương do TNGT đường bộ	4					4
5	Bài 5: Thương tích điện	4					4
6	Bài 6: Y pháp độc chất	4					4
7	Bài 7: Tội phạm tình dục Y pháp học giới tính học	4					4
8	Bài 8: Ôn tập	2					2

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR CLO1 đến CLO6

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình [x] Động não [x] Phản biện [x] Học dựa trên vấn đề □

Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập [x]

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra và CLO1

Thực hành, thảo luận, phân tích hình ảnh tổn thương đạt chuẩn đầu ra CO1. CLO2

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và thực tập: Đạt CLO1 đến CLO3

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Giảng viên cung cấp tài liệu bài giảng, hình ảnh tổn thương và nội dung thảo luận cho sinh viên

Phòng thực hành có 01 ti vi, bảng đen

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 100%. Trường hợp nghỉ học có giấy tờ minh chứng đủ, hợp lý phải học bù buổi học đã nghỉ trước khi tham dự thi.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, nhận định, quan sát các hình thái tổn thương
- Sinh viên phải hoàn thành theo yêu cầu của giảng viên các phần phân tích và thảo luận bài

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần	0%	Tham dự 100% buổi học	
	Tiểu luận			
2	**Điểm thi kết thúc học phần thực hành**			
	Thi tự luận	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 3

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận.
- Điểm thực hành là điểm thi của các bài kết thúc thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm thực hành X 1.0 + Điểm lý thuyết X 2.0)/3

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DỊ ỨNG

Đối tượng đào tạo: Y đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: Dị ứng – Miễn dịch

Tên môn học: Dị ứng – Miễn dịch

Tên tiếng Anh: Allergy and Clinical Immunology

- Mã học phần:

- Số tín chỉ: 02

- Đối tượng học: Y5

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành [X]		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc [X]	Tự chọn ☐	

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Lâm sàng: 15 tiết (tương đương 90 giờ lâm sàng)

+ Kiểm tra: 2 tiết

+ Thời gian tự học: 60 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Da liễu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Bùi Văn Dân	0982841169	Buivandan@hmu.edu.vn
2	ThS.BSNT. Nguyễn Thị Thu Lan	0352325425	Nguyenlan1808@gmail.com
3	ThS.BSNT. Nguyễn Mạnh Linh	0982758227	Dr.linh1992@gmail.com
4	ThS.BSNT. Nguyễn Lê Hà	0969981590	Doctorha1990@gmail.com
5	ThS.BSNT. Nguyễn Văn Hồng Quân	0987356872	humdrquan@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

3.1. Mục tiêu chung:

Môn học cung cấp các kiến thức lý thuyết và lâm sàng một số bệnh Dị ứng – Miễn dịch thường gặp kèm theo giáo trình, nguồn tài liệu về các chủ đề Dị ứng – Miễn dịch liên quan giúp sinh viên có khả năng mô tả được triệu chứng lâm sàng, chẩn đoán và điều trị một số bệnh Dị ứng thường gặp, biết tư vấn để phòng tránh, hạn chế nguy cơ tái phát bệnh Dị ứng.

Thực hiện một số thủ thuật cần thiết để xử trí cho Bệnh nhân Dị ứng. Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng cần thiết đối với một số bệnh Dị ứng – Miễn dịch. Bên cạnh đó, sinh viên phải tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức, y đức đã được qui định, học kỹ năng giao tiếp ứng xử, làm việc nhóm với tác phong chuyên nghiệp.

3.2. Mục tiêu HP cụ thể

3.2.1. Về kiến thức:

- Nắm được nguyên nhân, sinh bệnh học Bệnh lý Dị ứng – Miễn dịch.
- Phân tích các triệu chứng bệnh, đưa ra cách lập luận để hướng tới chẩn đoán một số Bệnh Dị ứng.
- Biết được các tiêu chuẩn chẩn đoán một số bệnh Dị ứng – Miễn dịch.
- Hiểu được các giai đoạn, diễn biến, tiến triển của Bệnh Dị ứng.
- Nắm được nguyên tắc điều trị một số Bệnh Dị ứng.
- Sử dụng được các nguồn tài liệu để tìm thông tin liên quan.

3.2.2. Về kỹ năng:

- Biết cách hỏi bệnh: Tiền sử, các triệu chứng cơ năng.
- Thực hiện được các bước khám lâm sàng.
- Làm được Bệnh án Dị ứng – Miễn dịch một cách cơ bản.
- Ra được các chỉ định xét nghiệm Bệnh Dị ứng hợp lý.
- Phối hợp hỏi bệnh, khám bệnh, xét nghiệm để đưa ra chẩn đoán.
- Làm thành thạo bệnh án Dị ứng – Miễn dịch

3.2.3. Về thái độ

- Tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức, y đức.
- Tác phong chuyên nghiệp, giao tiếp ứng xử tốt.
- Có khả năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm về chuyên môn.
- Có mặt đầy đủ các buổi học lý thuyết. Sinh viên sẽ được điểm danh vào đầu giờ và cuối giờ các buổi học lý thuyết.
- Phát huy kỹ năng học tập tích cực, chủ động trong học tập và học hỏi các thầy cô giáo.

4. Chuẩn đầu ra của môn Da liễu; Học phần Dị ứng

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CĐR HP	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Mô tả được một số tổn thương cơ bản có trong bệnh Dị ứng – Miễn dịch.
CLO2	Giải thích được: dịch tễ, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh những bệnh Dị ứng thường gặp.
CLO3	Lựa chọn được các tài liệu lý thuyết chuyên ngành và liên quan đến chuyên ngành để hiểu rõ kiến thức lý thuyết: triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh Dị ứng.
CLO4	Khai thác tiền sử, khám thực thể, làm hồ sơ bệnh án một cách tự tin, đầy đủ, chính xác. Phân tích được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng. Chẩn đoán nguyên nhân, chẩn đoán phân biệt chẩn đoán xác định một số bệnh Dị ứng.
CLO5	Thực hiện đúng một số quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng, cận lâm sàng cơ bản theo quy định của Bộ Y tế.
CLO6	Điều trị được một số bệnh Dị ứng thường gặp Tư vấn, đề xuất giải pháp những vấn đề liên quan đến bệnh Dị ứng thường gặp cho bệnh nhân, đồng nghiệp và cộng đồng
CLO7	Tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức, y đức
CLO8	Tác phong chuyên nghiệp, giao tiếp ứng xử tốt.
CLO9	Làm việc độc lập hoặc hội chẩn theo nhóm. Tự chịu trách nhiệm trong công tác khám, chữa bệnh và NCKH

6. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO

M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO

H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…(mức M) hay mức thuần thục (H))

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	14	15
CLO1	H														
CLO2	H														
CLO3	H														
CLO4						H									
CLO5						H									
CLO6						H				L					
CLO7															
CLO8														H	H
CLO9											M			H	M

6. Mô tả học phần (*Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần*)

- Học phần tự chọn đối với chuyên ngành YHCT

- Học phần bắt buộc đối với Y đa khoa

- Mục đích chính yếu của học phần là cho sinh viên làm quen với chuyên ngành Dị ứng – Miễn dịch, có thể chẩn đoán, điều trị, phòng ngừa một số bệnh Dị ứng thường gặp.

- Nội dung chính của học phần là giảng dạy lý thuyết và lâm sàng một số tổn thương cơ bản, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của 1 số bệnh Dị ứng; chẩn đoán, điều trị và phòng một số bệnh Dị ứng thường gặp.

7. Nội dung chi tiết học phần

Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP

Tuần/ Buổi (4tiết/)	**Các nội dung cơ bản của bài học**	**Số tiết (LT/LS)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**(*)	**Tên bài đánh giá** (ở cột 2 bảng 7.1
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Bài 1: Lupus ban đỏ hệ thống	2/4	1.1 Mô tả được các tổn thương cơ bản trên da 1.2 Phân tích được tổn thương để đánh giá mức độ cấp, mãn, nặng, nhẹ của bệnh	*CLO1* *CLO2* *CLO5*	- GV sử dụng tài liệu [1] và hình ảnh projector để hướng dẫn Đi lâm sàng: mô tả trên bệnh nhân cụ thể	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu) - Phần chuẩn bị trên lớp: (Thảo luận nhóm)	
2	Bài 2: Viêm mạch IgA	2/4	2.1.Trình bầy được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, 2.2 Sử dụng được kiến thức trên để chẩn đoán và điều trị 2.3. Phân tích được các triệu chứng trên bệnh nhân để giải thích được phương pháp điều trị cụ thể Xác định rõ phương pháp nào	CLO1 CLO1 CLO2 CLO4 CLO5	- GV sử dụng tài liệu và hình ảnh projector để hướng dẫn GV: giảng trên bệnh nhân	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu) - Phần chuẩn bị trên lớp: (Thảo luận nhóm) SV làm bệnh án	

			tốt nhất trên từng bệnh nhân cụ thể		viêm da cơ địa		
3	Bài 3: Dị ứng thuốc	2/4	3.1.Trình bầy được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, 3.2 Sử dụng được kiến thức trên để chẩn đoán và điều trị 3.3. Phân tích được các triệu chứng trên bệnh nhân để Xác định rõ phương pháp điều trị tốt nhất.	CLO1 CLO2 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu và hình ảnh. projector để hướng dẫn GV: giảng trên bệnh nhân viêm da tiếp xúc	Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu) - Phần chuẩn bị trên lớp: (Thảo luận nhóm) Đến bệnh viện: Làm bệnh án LS	
4	Bài 4: Hen phế quản	2/4	4.1.Trình bầy được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, 4.2 Khám, phát hiện triệu chứng, Sử dụng được kiến thức LT để chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán xác định 4.3. Tư vấn điều trị dự phòng bệnh Hen PQ	CLO1 CLO2,3 CLO4 CLO5 CLO6	GV sử dụng tài liệu và hình ảnh. projector để hướng dẫn GV: giảng trên bệnh nhân lậu	Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu) - Phần chuẩn bị trên lớp: (Thảo luận nhóm) Đến bệnh viện: Làm bệnh án LS	A1.1.
5	Bài 5: Dị ứng vaccine	2/4	5.1.Trình bầy được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, 5.2 Khám, phát hiện triệu chứng, Sử dụng được kiến thức LT để chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán xác định	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	GV sử dụng tài liệu và hình ảnh. projector để hướng dẫn GV: giảng trên bệnh nhân lậu	Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu) - Phần chuẩn bị trên lớp: (Thảo luận nhóm) Đến bệnh viện: Làm bệnh án LS	
6	Bài 6: Sốc phản vệ	2/4	6.1.Trình bầy được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng,	CLO1 CLO2 CLO3	GV sử dụng tài liệu và hình ảnh.		

			6.2 Khám, phát hiện triệu chứng, Sử dụng được kiến thức LT để chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán xác định 6.3. Xử trí được cấp cứu ban đầu BN sốc phản vệ.	CLO4 CLO5 CLO6	projector để hướng dẫn GV: giảng trên bệnh nhân		
7	Bài 7: mày đay – Phù mạch	2/4	7.1.Phân tích được cơ chế bệnh sinh và đặc điểm triệu chứng của bệnh Mày đay 7.2 Tóm tắt được phân loại mày đay 7.3. Trình bày được đặc điểm lâm sàngvà hướng tiếp cận mày đay cấp tính 7.4. Trình bày được đặc điểm lâm sàngvà hướng tiếp cận mày đay mạn tính. 7.5. Liệt kê được các nhóm thuốc chính và chỉ định sử dụng trong điều trị mày đay.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	GV sử dụng tài liệu và hình ảnh. projector để hướng dẫn GV: giảng trên bệnh nhân		A1.2.
Theo lịch thi	FINAL EXAM						A4

(*) Ghi chú:

- *(3) Số tiết (LT/LS/TH): Xác định số tiết lý thuyết, lâm sàng, tự học.*
- *(6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*
- *(7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, ...); Hoạt động tại lớp và đến bệnh viện (thảo luận nhóm, làm bệnh án, thủ thuật khi đi lâm sàng).*

-*Cách tính điểm học phần:*

Điểm học phần = (điểm lâm sàng×1 + Điểm Lý thuyết ×2)/ 3

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 8.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…	**Số lượng**	
1	*Giảng đường Học viện Y Dược học cổ truyền VN*	**1. Dụng cụ khám** Đèn soi da Đè lưỡi Kính phóng đại (kính núp) **2. Hóa chất:** Cồn (70), Betadine 10%, Acid boric 3%. **3. Máy móc, trang thiết bị** Máy soi da Máy cắt đốt Plasma . Laser		
2	*Bệnh viện Da liễu Hà nội*			
3	*Bệnh viện Da liễu TW*			

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	**Bài 1: Lupus ban đỏ hệ thống**	10	20	30	60	4 giờ
2	**Bài 2: Viêm mạch IgA**	10	20	30	60	4 giờ
3	**Bài 3: Dị ứng thuốc**	10	20	30	60	4 giờ
4	**Bài 4: Hen phế quản**	10	20	30	60	4 giờ
5	**Bài 5: Dị ứng vaccin**	10	20	30	60	4 giờ
6	**Bài 6: Sốc phản vệ**	10	20	30	60	4 giờ
7	**Bài 7: Mày đay - phù mạch**	10	20	30	60	4 giờ

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Học dựa trên vấn đề, Làm việc nhóm

Thuyết trình □ Động não □ Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm □ Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR 1 đến CĐR 3
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR 4 đến CĐR 8
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR 2 đến CĐR 8
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR 9

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

- Có kiến thức vững vàng về môn học được phân công giảng dạy và kiến thức cơ bản của một số môn học có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm;
- Hiểu và thực hiện có hiệu quả mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình môn da liễu; nắm bắt kịp thời yêu cầu thực tiễn đối với chuyên ngành đào tạo;
- Chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở hoặc cấp cao hơn.
- Tham gia biên soạn sách phục vụ đào tạo, được hội đồng khoa học cấp học viện thẩm định, nghiệm thu và đưa vào sử dụng trong đào tạo;
- Tác giả của ít nhất 03 (ba) bài báo khoa học là công trình nghiên cứu khoa học của giảng viên;
- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên;

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

13. 2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 12.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

Th/phần đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số	Rubric	Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1	*HD PP đánh giá*
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	*(6)*
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	Điểm danh	10%		CLO 1 CLO 2	- Tham gia đầy đủ buổi học lý thuyết - Tham gia học lâm sàng đầy đủ
	Thực tập lâm sàng	10%		CLO 7 CLO 8	
				CLO 1 CLO 2,3	
A2. Kỹ năng lâm sàng	Điểm danh Bài tập về nhà (đọc trước bài trước khi đi lâm sàng)			CLO 4 CLO 5 CLO 6	GV cho SV lập các nhóm SV ngay từ đầu HP theo hướng dẫn giáo viên phụ trách n/cứu tài liệu, đi lâm sàng tại các bệnh viện làm hồ sơ, bệnh án .

A3. Đánh giá cuối kỳ	Bài ktra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm :LT Vấn đáp, bệnh án: LS			CLO 1,2,3 CLO 4,5,6,8,9	

SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi lý thuyết hoặc nghỉ 1 buổi lâm sàng sẽ không được dự thi kết thúc HP.

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần.

Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA YLS**	**BỘ MÔN DA LIỄU**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành:Y Đa khoa. Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Phương pháp nghiên cứu khoa học.

* Tiếng Việt: Phương pháp nghiên cứu khoa học.

* Tiếng Anh: Basic Medical Research Methodology

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ:02LT/00.TH/LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết

+ Lý thuyết:30. tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng: 6 tiết

+ Bài tập: 30 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 6 .tiết

+ Kiểm tra:.....tiết

+ Thời gian tự học: 40 tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Y Khoa năm 4

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

<table>
<tr><td colspan="2" rowspan="2">Kiến thức giáo dục đại cương ☐</td><td colspan="4">Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐</td></tr>
<tr><td colspan="2">Kiến thức cơ sở ngành ☐</td><td colspan="2">Kiến thức ngành ☐</td><td rowspan="2">Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐</td></tr>
<tr><td>Bắt buộc ☐</td><td>Tự chọn ☐</td><td>Bắt buộc ☒</td><td>Tự chọn ☐</td><td>Bắt buộc ☐</td><td>Tự chọn ☐</td></tr>
</table>

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu):

+ Học phần học trước (đã học):

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y tế công cộng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Tiến sỹ. Lưu Minh Châu	0963171071	minhchauytdp@gmail.com
2	Thạc sỹ Nguyễn Văn Bình	0916359842	binhytcc2012@gmail.com
3	Thạc sỹ Bàng Thị Hoài	0945989989	thuhoaiytcc@gmail.com
4	Thạc sỹ Đinh Văn Tài	0912373999	bsvantai@gmail.com
5	Thạc sỹ Lương Thị Thu Hà	0369203688	bshytcca@gmail.com
6	Thạc sỹ. Đỗ Văn Pha	0963836058	dopha2005@gmail.com
7	Thạc sỹ Mai Thị Hương	0354382678	maihuongytcc@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
	Kiên thức
MT HP1	- Lựa chọn được vấn đề ưu tiên và đề xuất nội dung nghiên cứu
MT HP2	Trình bày được các khái niệm về mẫu và cỡ mẫu trong nghiên cứu.
MT HP3	- Nêu được các nội dung kiến thức về thu thập, xử lý, trình bày số liệu.
MT HP4	- Trình bày được các bước của một đề cương nghiên cứu.
MT HP5	- Trình bày được cấu trúc của đề cương nghiên cứu khoa học và cách viết bài báo khoa học
	Kỹ năng
MT HP6	- Phân biệt được các loại thiết kế và ưu nhược điểm của từng thiết kế nghiên cứu.
MT HP7	- Tính được cỡ mẫu, chọn mẫu đối với từng thiết kế nghiên cứu.
MT HP8	- xây dựng biến số và chỉ số nghiên cứu
MT HP9	- Xây dựng công cụ thu thập thông tin
MT HP10	- Viết được một đề cương nghiên cứu khoa học.
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm
MT HP11	Rèn luyện phẩm chất say mê trong nghiên cứu.
MT HP12	- Trung thực trong nghiên cứu.
MT HP13	Trách nhiệm về các thông tin trong nghiên cứu.
MT HP14	- Xây dựng được đạo đức, tác phong tốt trong nghiên cứu khoa học.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT HP1			3
MT HP2			3
MT HP3			3
MT HP4			3
MT HP5			3
MT HP6			3
MT HP7			3
MT HP8			3
MT HP9			3
MT HP10			3
MT HP11			3
MT HP12			3
MT HP13			3
MT HP14			3

Ghi chú: Mức độ đóng góp của mục tiêu học phần/ modun (MT HP) vào mục tiêu của chương trình đào tạo (MT CTĐT) được xác định cụ thể:

1 – MT HP *có đóng góp ít vào* MT CTĐT

2 – MT HP *có đóng góp vừa vào* MT CTĐT

3 – MT HP *có đóng góp nhiều vào* MT CTĐT

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của MT HP *đối với* MT CTĐT *ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…(2) hay mức thuần thục (3)*

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	**Nội dung CĐR HP (CLO)**
CLO1	Giải thích được các nguyên tắc và giải quyết được những vấn đề sức khỏe thông thường; Phát hiện, đánh giá phân tích được các vấn đề sức khỏe để xây dựng giả thuyết nghiên cứu (Lựa chọn được 01 vẫn đề sức khỏe ưu tiên và đề xuất nội dung nghiên cứu),
CLO2	- Viết tên của một đề tài nghiên cứu đúng tiêu chuẩn và 3 mục tiêu nghiên cứu phù hợp tên đề tài

CLO3	- Lựa chọn được 01 thiết kế nghiên cứu phù hợp nôi dung nghiên cứu
CLO4	- Tính được cỡ mẫu trong nghiên cứu mô tả cắt ngang, nghiên cứu can thiệp, nghiên cứu phân tích
CLO5	- Xây dựng được biến số và chỉ số nghiên cứu cho 01 nghiên cứu y học dựa vào bằng chứng
CLO6	- Xây dựng được 01 bộ công cụ thu thập thông tin trong nghiên cứu khoa học; Tiếp cận các nguồn lưu trữ và hồi cứu thông tin; Thu thập, đánh giá và sử dụng các thông tin y học
CLO7	- Xây dựng 01 kế hoạch nghiên cứu khoa học cho đề tài nghiên cứu cụ thể
CLO8	- Hoàn thành 01 đề cương nghiên cứu khoa học

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

1 – CLO *có đóng góp ít vào* PLO

2 – CLO *có đóng góp vừa vào* PLO

3 – CLO *có đóng góp nhiều vào* PLO

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO *đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…(2) hay mức thuần thục (3)*

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(2)	(5)	(7)	(11)	…	(14)	(15)	…	(17)
CLO 1	3	3	3	3		3	3		3
CLO 2	3	3	3	3		3	3		3
CLO 3	3	3	3	3		3	3		3
CLO 4	3	3	3	3		3	3		3
CLO 5	3	3	3	3		3	3		3
CLO 6	3	3	3	3		3	3		3
CLO 7	3	3	3	3		3	3		3
CLO 8	3	3	3	3		3	3		3

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giảng đường, máy chiếu, loa mịc

6.1.2. Lâm sàng:

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Giảng đường tiêu chuẩn
2	Máy chiếu
3	Loa mic

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành, kiểm tra phải ở mức đạt ở tất cả số bài yêu cầu.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần nghiên cứu khoa học y hoc cơ bản nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của trình độ đào tạo BS ngành YHCT với thời lượng 2 tín chỉ gồm 13 bài bao gồm cả 4 bài đọc thêm giúp học viên thực hiện được các bước cơ bản của thiết kế nghiên ứu khoa học y học, xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học và có thể tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở dưới sự hướng dẫn giám sát của thày cô Học viện.

Nội dung gồm các khái niệm và nguyên lý cơ bản và các thiết kế chiến lược nghiên cứu khoa học y học cơ bản; cách xây dựng bộ công cụ thu thập thông tin; viết đề cương nhiên cứu khoa học

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Bài 1: Tổng quan về các thiết kế nghiên cứu:	4	1.Trình bày được một số khái niệm về nghiên cứu khoa học Y học. 2.Trình bày được mục tiêu của nghiên cứu khoa học y học. 3. Phân tích các yêu cầu của thiết kế nghiên cứu Y học và lựa chọn thiết kế nghiên cứu y học . 4.Áp dụng các nguyên lý về đạo đức nghiên cứu Y học trong thực tiễn.	*1,3*	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
2	Lựa chọn vấn đề ưu tiên, phân tích và nêu vấn đề nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu	3	1.Trình bày cách lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên trong cần nghiên cứu. 2.Trình bày cách viết tên đề tài nghiên cứu. 3.Trình bày được tiêu chuẩn một mục tiêu tốt. 4.Phân tích vai trò của mục tiêu nghiên cứu trong nghiên cứu khoa học.	1,2	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	

			5.Ứng dụng các bước trong phân tích vấn đề nghiên cứu khoa học Y học. 6.Viết tên một đề tài nghiên cứu và mục tiêu nghiên cứu của đề tài				
3	Xác định các biến số và chỉ số trong nghiên cứu	4	1.Trình bày được vai trò và ý nghĩa của các biến số và chỉ số trong nghiên cứu khoa học y học. 2.Trình bày được phân loại các biến số trong nghiên cứu khoa học y học. 3.Áp dụng thiết lập các biến số và chỉ số nghiên cứu trong xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học y học.	5	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
4	Chọn mẫu, cỡ mẫu trong nghiên cứu	4	1.Trình bày được các công thức tính cỡ mẫu cho các chiến lược thiết kế nghiên cứu khoa học y học. 2.Trình bày được các phương pháp chọn mẫu nghiên cứu khoa học y học. 3.Áp dụng công thức tính cỡ mẫu và cách chọn mẫu trong xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học y học.	4	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
5	Kỹ thuật	4	1.Trình bày được các	6	Phương	Hoạt	

	và công cụ thu thập thông tin Mục tiêu bài học		kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin cơ bản trong nghiên cứu khoa học Y học. 2.Trình bày được nguyên tắc xây dựng bộ công cụ: Bộ câu hỏi, bảng kiểm. 3.Xây dựng được bệnh án nghiên cứu.		pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
6	Sai số và nhiễu trong nghiên cứu khoa học	2	1. Trình bày được định nghĩa, phân loại và cách khống chế sai số ngẫu nhiên. 2.Trình bày được định nghĩa, phân loại và cách khống chế sai số hệ thống. 3.Trình bày được định nghĩa và cách khống chế yếu tố nhiễu. 4.Xác định được một số sai số có thể xảy ra trong một đề tài nghiên cứu khoa học cụ thể.	6,8	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
7	Hướng dẫn chung về đạo đức trong nghiên cứu y sinh học	2	1.Xác định được tầm quan trọng của đạo đức nghiên cứu trong nghiên cứu y sinh học. 2.Xây dựng phiếu chấp thuận tham gia nghiên cứu của đối tượng nghiên cứu.	7,8	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	

8	Hướng dẫn trình bày đề cương nghiên cứu khoa học	2	1.Phân tích được vai trò của các thành phần đề cương nghiên cứu khoa học? 2.Viết đề cương nghiên cứu khoa học	7,8	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	

Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/KT…): Xác định số tiết lý thuyết, kiểm tra của từng chương

- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR

- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số….).

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra: (Không có phần lâm sàng hay thực hành)

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần:

Tiêu chí	**Tỷ lệ**	**Mức chất lượng**				**Đánh giá**
		Đạt			**Không đạt**	
		Rất tốt	**Tốt**	**Đạt**		
Mức độ tham dự theo thời khóa biểu	Tính độc lập	95-100% số tiết trên lớp	85-94% số tiết trên lớp	80-84% số tiết trên lớp	<80% số tiết trên lớp	Nếu 1 trong 2 tiêu chí không đạt là không đạt điều kiện thi kết thúc học
Tham gia các bài kiểm tra và hoạt động	Tính độ lập	Tham gia đầy đủ các hoạt động và hoàn thành mức đạt ở tất cả các bài kiểm tra			Không tham gia và thiếu bài kiểm tra hoặc bài	

			kiểm tra không đạt	phần

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

9.2.3. Rubric đánh giá tiểu luận:

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Đánh giá
		Đạt			Không đạt	
		Rất tốt	Tốt	Đạt		
Hình thức	10%	Không lỗi chính tả, trình bày rõ ràng, sạch			nhiều lỗi chính tả, trình bày không rõ ràng	
Bố cục	10%	Đầy đủ các phần theo quy định			không theo quy định	
Tài liệu tham khảo	10%	Phong phú, xắp xếp theo đúng quy định			Rất ít, xắp xếp không theo đúng quy định	
Nội dung Đặt vấn đề, mục tiêu (điều kiện tiên quyết phải đạt	20%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu câù	
Phần tổng quan	10%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn, logic	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu câù, logic	
Đối tượng và phương pháp nghiên cứu	30	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn, logic	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu câù, logic	
Dự kiến kết quả, bàn luận, kết luận, kế hoạch nghiên cứu, phụ lục	10%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn, logic	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu câù, logic	

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần	Trọng số	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến	Mô tả cách thực hiện

đánh giá chính	điểm (%)			(%)		CLO nào ở bảng 5.1	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra	Điều kiện thi kết thúc học phần	bài tập	Thảo luận xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên và viết tên đề tài và mục tiêu nghiên cứu	Điều kiện thi kết thúc học phần	2	1,2	Thảo luận nhóm và viết báo cáo của các nhân (mỗi SV theo một vấn đề sức khỏe riêng biệt)
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun	100%	Điểm tiểu luận	Đề cương nghiên cứu một vấn đề sức khỏe	100%	3	1,2,3,4,5	Mỗi SV hoàn thành 01 đề cương nghiên cứu đầy đủ theo yêu cầu của đề cương nghiên cứu khoa học Y học

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết và Điểm thực hành theo bảng 9.3.1*

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Giáo trình nghiên cứu khoa học y học cơ bản (tài liệu lưu hành nội bộ), 2022

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Phạm Mạnh Hùng, Nguyễn Băng Tường và cộng sự (1998), " Phương pháp nghiên cứu khoa học y học – Trường Đại học Y hà Nội", NXB Y học, Hà Nội.

2. Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng (2013), Trường đại học Y Hà Nội

3. Tổ chức Y tế Thế giới (2003), Phương pháp nghiên cứu sức khỏe, nhà xuất bản Y học

4. Trương Việt Dũng (2017); phương pháp nghiên cứu y học lâm sàng, Nhà xuất bản Y học

5. Lưu Ngọc Hoạt (2017); Phương pháp thống kê sinh y học, Nhà xuất bản Y học

11. Hướng dẫn thực hiện

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
HỒI SỨC CẤP CỨU (PHẦN LÝ THUYẾT)

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ, Ngành: Y đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Hồi sức cấp cứu.

* Tiếng Việt: Hồi sức cấp cứu.

* Tiếng Anh: Resuscitation

- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 3 (LT: 02 / TH: 01)
- Đối tượng học (năm thứ): sinh viên Y khoa năm thứ 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành x□		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	**Bắt buộc** x□	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước:

Giải phẫu, Sinh lý, Hóa sinh, Giải phẫu bệnh, Sinh lý bệnh, Nội cơ sở, Ngoại cơ sở ,Dược, Nội bệnh lý 1, Ngoại bệnh lý

Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết

+ Lý thuyết: 30 iết
+ Bài tập: tiết
+ Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
+ Kiểm tra: tiết
+ Thời gian tự học: 30 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn HSCC

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
45.	Trần Văn Phú	0948588088	drtranvanphu@yahoo.com
46.	Bùi Nam Phong	0914388998	namphong70icu198@gmail.com
47.	Nguyễn Thế Anh	0988555929	theanhhstc@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
MT1	Nhận ra và xác định được những vấn đề chung, khẩn cấp và cấp cứu cần hồi sức.	CĐR 2, CĐR 4, CĐR 6, CĐR 7, CĐR 8	4
MT2	Trình bày lập luận, giải thích đầy đủ nguyên lý cơ bản cấp cứu hồi sức dựa trên các dấu hiệu và triệu chứng lâm sàng.	CĐR 2, CĐR 4, CĐR 6, CĐR 7, CĐR 8	4
MT3	Trình bày, giải thích đầy đủ ý nghĩa của các cận lâm sàng chẩn đoán thường được thực hiện (EKG, X quang, các xét nghiệm…).	CĐR 2, CĐR 4, CĐR 6, CĐR 7, CĐR 8	4
MT4	Trình bày chính xác một cách rõ ràng chỉ định điều trị ban đầu và các hướng điều trị tiếp theo tình trạng cấp cứu hồi sức.	CĐR 2, CĐR 4, CĐR 6, CĐR 7, CĐR 8	4
MT5	Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời.	CĐR 2, CĐR 4, CĐR 6, CĐR 7, CĐR 8	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	**CĐR của học phần/ mô đun**
MT1: Nhận ra và xác định được những vấn đề chung, khẩn cấp và cấp cứu cần hồi sức.	CLO1: Nhận ra và xác định được những vấn đề chung, khẩn cấp và cấp cứu cần hồi sức.
MT2: Trình bày lập luận, giải thích đầy đủ nguyên lý cơ bản cấp cứu hồi sức dựa trên các dấu hiệu và triệu chứng lâm sàng.	CLO2: Trình bày lập luận, giải thích đầy đủ nguyên lý cơ bản cấp cứu hồi sức dựa trên các dấu hiệu và triệu chứng lâm sàng.
MT3: Trình bày, giải thích đầy đủ ý nghĩa của các cận lâm sàng chẩn đoán thường được thực hiện (EKG, X quang, các xét nghiệm…).	CLO3: Trình bày, giải thích đầy đủ ý nghĩa của các cận lâm sàng chẩn đoán thường được thực hiện (EKG, X quang, các xét nghiệm…).

MT4: Trình bày chính xác một cách rõ ràng chỉ định điều trị ban đầu và các hướng điều trị tiếp theo tình trạng cấp cứu hồi sức.	CLO4: Trình bày chính xác một cách rõ ràng chỉ định điều trị ban đầu và các hướng điều trị tiếp theo tình trạng cấp cứu hồi sức.
MT5: Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời.	CLO5: Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun (theo chương/bài)	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**					
	CĐR2	CĐR 4..	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR…
Các nguyên lý cơ bản trong HSCC	3	3	2	2	2	
Cơn tăng huyết áp	3	3	2	2	2	
Định hướng chẩn đoán và xử trí đau ngực	3	3	2	2	2	
Điều chỉnh nước và điện giải trong cơ thể	3	3	2	2	2	
Chẩn đoán và xử trí hôn mê	3	3	2	2	2	
Ngộ độc cấp	3	3	2	2	2	
Phù phổi cấp	3	3	2	2	2	
Ngừng tuần hoàn	3	3	2	2	2	
Suy hô hấp cấp	3	3	2	2	2	
Chẩn đoán, nguyên tắc và biện pháp xử trí sốc	3	3	2	2	2	

6. Mô tả học phần/ mô đun

Học phần bệnh học là học phần rất quan trong, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp, giúp cho người học có cái nhìn khái quát về bệnh,nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán và điều một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp..

Học phần này làm nổi bật các CĐR2, CĐR4, CĐR6, CĐR7, CĐR8

48. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Chương/ phần	**Nội dung**	**Hình thức tổ chức dạy học**						**Yêu cầu đối với sinh viên**
		Lên lớp (Tiết)					**Tự học (Giờ)**	
		LT	**TH**	**BT/TL/KT**		**Tổng cộng**		

1.	Các nguyên lý cơ bản trong HSCC	04				04		Chuẩn bài báo cáo slide theo các tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [2]- [3]
2.	Cơn tăng huyết áp	02				02		
3.	Định hướng chẩn đoán và xử trí đau ngực	03				03		
4.	Điều chỉnh nước và điện giải trong cơ thể	04				04		
5.	Chẩn đoán và xử trí hôn mê	04				04		
6.	Ngộ độc cấp	02				02		
7.	Phù phổi cấp	03				03		
8.	Ngừng tuần hoàn	02				02		
9.	Suy hô hấp cấp	02				02		
10.	Chẩn đoán, nguyên tắc và biện pháp xử trí sốc	04				04		

8. Tài liệu học tập

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình Hồi sức cấp cứu, Học viện YDHCT Việt Nam (Tài liệu lưu hành nội bộ);
2. Bệnh học Nội khoa (2001), Nhà xuất bản y học, Tập 1
3. Bệnh học Nội khoa (2001), Nhà xuất bản y học, Tập 2
4. Vũ Văn Đính (2003), Hồi sức cấp cứu toàn tập

5.9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Nội dung chính	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
99.	Các nguyên lý cơ bản trong HSCC	04					08
100.	Cơn tăng huyết áp	02					04
101.	Định hướng chẩn đoán và xử trí đau ngực	03					06
102.	Điều chỉnh nước và điện giải trong cơ thể	04					08
103.	Chẩn đoán và xử trí hôn mê	04					08
104.	Ngộ độc cấp	02					04
105.	Phù phổi cấp	03					06
106.	Ngừng tuần hoàn	02					04
107.	Suy hô hấp cấp	02					04

108.	Chẩn đoán, nguyên tắc và biện pháp xử trí sốc	04					08

1. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình [x] Động não [x] Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR 2,CĐR 4, CĐR 6, CĐR 7, CĐR 8
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn [CĐR2], CĐR 2,CĐR 4, CĐR 6, CĐR 7, CĐR 8
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn [CĐR2], [CĐR 2,CĐR 4, CĐR 6, CĐR 7, CĐR 8
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn [CĐR2], [CĐR8].

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projecter, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình:**			
	Xét điều kiện được thi		Tham gia học lý thuyết tối thiểu đạt 80 %;	CĐR 2,CĐR 4, CĐR 6, CĐR 7, CĐR 8
0.92	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	100%	Sinh viên qua môn: đạt từ 4/10 điểm	CĐR 2,CĐR 4, CĐR 6, CĐR 7, CĐR 8

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm thi thực hành X 1 + Điểm lý thuyết X 2)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
HỒI SỨC CẤP CỨU (PHẦN LÂM SÀNG)

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ Đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Hồi sức cấp cứu.

* Tiếng Việt: Hồi sức cấp cứu.

* Tiếng Anh: Clinical Resuscitation

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 3.0 (2/1.0)

- Đối tượng học (năm thứ): sinh viên Y khoa năm thứ 5

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [x]	Tự chọn □	□

- Các học phần tiên quyết/học trước:

Giải phẫu, Sinh lý, Hóa sinh, Giải phẫu bệnh, Sinh lý bệnh, Nội cơ sở, Ngoại cơ sở ,Dược, Nội bệnh lý 1, Ngoại bệnh lý

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn HSCC

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
49.	Trần Văn Phú	0948588088	drtranvanphu@yahoo.com
50.	Các giảng viên thỉnh giảng tại các bệnh viện thực hành: Bệnh viện 19.8 BCA;; Bệnh viện Thanh Nhàn; Bệnh viện Đa khoa Hà Đông; bệnh viện Saint Paul.		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
MT1	Thực hiện được kỹ năng hỏi bệnh, khai thác triệu chứng cơ năng, bệnh sử, tiền sử người bệnh của một số bênh lý cấp cứu hồi sức	CĐR 4,6,7,8	5
MT2	Thực hiện được kỹ năng thăm khám, phát hiện được các dấu hiệu của một số bênh lý cấp cứu hồi sức	CĐR 4,6,7,8	5
MT3	Lập luận chẩn đoán sơ bộ, chỉ định và nhận đinh được kết quả cận lâm sàng của một số bênh lý cấp cứu hồi sức.	CĐR 4,6,7,8	4
MT4	Lập luận chẩn đoán xác định và đưa ra hướng điều trị một số bệnh lý cấp cứu hồi sức.	CĐR 4,6,7,8	5
MT5	Thể hiện thái độ ân cần, hòa nhã và đúng mực khi tiếp xúc và thăm khám bệnh nhân.	CĐR 14	4
MT6	Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời.	CĐR 4,6,7,8	4

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Thực hiện được kỹ năng hỏi bệnh, khai thác triệu chứng cơ năng, bệnh sử, tiền sử người bệnh của một số bênh lý cấp cứu hồi sức	Thực hiện được kỹ năng hỏi bệnh, khai thác triệu chứng cơ năng, bệnh sử, tiền sử người bệnh của một số bênh lý cấp cứu hồi sức

Thực hiện được kỹ năng thăm khám, phát hiện được các dấu hiệu của một số bênh lý cấp cứu hồi sức	Thực hiện được kỹ năng thăm khám, phát hiện được các dấu hiệu của một số bênh lý cấp cứu hồi sức
Lập luận chẩn đoán sơ bộ, chỉ định và nhận đinh được kết quả cận lâm sàng của một số bênh lý cấp cứu hồi sức.	Lập luận chẩn đoán sơ bộ, chỉ định và nhận đinh được kết quả cận lâm sàng của một số bênh lý cấp cứu hồi sức.
Lập luận chẩn đoán xác định và đưa ra hướng điều trị một số bệnh lý cấp cứu hồi sức.	Lập luận chẩn đoán xác định và đưa ra hướng điều trị một số bệnh lý cấp cứu hồi sức.
Thể hiện thái độ ân cần, hòa nhã và đúng mực khi tiếp xúc và thăm khám bệnh nhân.	Thể hiện thái độ ân cần, hòa nhã và đúng mực khi tiếp xúc và thăm khám bệnh nhân.
Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời.	Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**						
	CĐR2	CĐR4	CĐR6	CĐR7	CĐR8	….	CĐR14
Khó thở cấp		3	2	2	2		2
Đau ngực cấp ở người lớn		3	2	2	2		2
Rối loạn ý thức và hôn mê		3	2	2	2		2
Đau bụng cấp		3	2	2	2		2
Rối loạn nhịp tim và huyết động		3	2	2	2		2
Xuất huyết tiêu hóa		3	2	2	2		2
Ngộ độc cấp		3	2	2	2		2
Mày đay - phù Quincke và sốc phản vệ		3	2	2	2		2

6. Mô tả học phần/ mô đun

– Phần thực hành/ lâm sàng :

Vị trí/vai trò của phần Thực hành/ seminar: Học phần bệnh học là học phần rất quan trong, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp.

Mô tả Học phần: Học phần này làm nổi bật các CĐR 1, CĐR6, CĐR7, CĐR 14

Học phần này sẽ tập trung chủ yếu vào thực hành các kỹ năng thăm khám, hỏi bệnh, nhận định ttriệu chứng một số bệnh lý hồi sức cấp cứu thường gặp trên lâm sàng từ đó ập luận chẩn đoán đưa ra chẩn đoán sơ bộ ,định hướng xử trí cấp cứu, chỉ định cận lâm sàng và nhận định được kết quả cận lâm sàng từ đó lập luận đưa ra chẩn đoán xác định và hướng điều trị. Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Thời gian thực tập (tiết)**	**Thời gian tự học (giờ)**	**Yêu cầu đối với sinh viên**
Khó thở cấp	04	04	Chuẩn bị bài: Sinh viên thăm khám bệnh nhân và hoàn thành bệnh án trước buổi giảng.
Đau ngực cấp ở người lớn	04	04	
Rối loạn ý thức và hôn mê	04	04	
Đau bụng cấp	04	04	
Rối loạn nhịp tim và huyết động	04	04	
Xuất huyết tiêu hóa	04	04	
Ngộ độc cấp	04	04	
Mày đay - phù Quincke và sốc phản vệ	04	04	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Giáo trình Hồi sức cấp cứu, Học viện YDHCT Việt Nam (Tài liệu lưu hành nội bộ);

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

6. Bệnh học Nội khoa (2001), Nhà xuất bản y học, Tập 1 p(7-89; 136-148); Tập II p(7-108).
7. Vũ Văn Đính (2003), Hồi sức cấp cứu toàn tập, p(6-263; 395-485)

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên
		Thực hành/ lâm	Kiểm tra	Bài tập	Các hình	Báo cáo/ Seminar	

		sàng			thức khác		cứu (giờ)
Thứ tự giảng tùy thuộc vào lịch của khoa phòng tại bệnh viện thực hành	Khó thở cấp	04					04
	Đau ngực cấp ở người lớn	04					04
	Rối loạn ý thức và hôn mê	04					04
	Đau bụng cấp	04					04
	Rối loạn nhịp tim và huyết động	04					04
	Xuất huyết tiêu hóa	04					04
	Ngộ độc cấp	04					04
	Mày đay - phù Quincke và sốc phản vệ	04					04

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình□ Động não [x] Phản biện [x] Học dựa trên vấn đề □

Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống [x] Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập [x]

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra CĐR 4 và CĐR 6 – CĐR 8

Học tập thảo luận đạt CĐR 4 và CĐR 6 – CĐR 8

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CĐR 4 và CĐR 6 – CĐR 8, CĐR 14

- ✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Sinh viên thăm khám bệnh nhân và làm bệnh án trước buổi giảng. Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách thức tham khám bệnh và nhận định triệu chứng lâm sàng, thảo luận phân tích chẩn đoán và định hướng điều trị và một số xử trí cấp cứu.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Tuân thủ thời gian thực hành lâm sàng: 7h30 – 11h30, trong thời gian đi lâm sàng tại các bệnh viện, khám bệnh nhân, làm bệnh án, theo dõi bệnh nhân, chép sổ giao ban và báo cáo giao ban, phụ giúp BS và y tá trực trong điều trị, chăm sóc và cấp cứu Bn, tiếp cận bệnh nhân thăm khám và nhận định triệu chứng từ đó lập luận đưa ra định hướng chẩn đoán, chỉ định cận lâm sàng, dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng.
- Mỗi sinh viên làm 01 bệnh án/tuần.
- Tham gia trực tại khoa học lâm sàng:

+ Ngày thường: Nhận trực lúc **16h30** hôm trước, trực đến **07h30'** ngày hôm sau và tham gia học lâm sàng bình thường. Sinh viên trực khoa nào có thể tham gia giao ban buổi sáng tại Khoa đó (tùy theo thực tế tại BV lâm sàng)

+ Thứ 7, CN và ngày nghỉ Lễ: Tua 1: **7h00'** đến **18h00'**; Tua 2: từ **18h00'** đến **8h00'** ngày hôm sau (phải có sự bàn giao trực giữa các tua).

+ Nhiệm vụ của SV trong tua trực: SV phải có mặt tại vị trí trực đúng giờ, khám Bn, làm bệnh án, theo dõi bệnh nhân, chép sổ giao ban và báo cáo giao ban, phụ giúp BS và y tá trực trong điều trị, chăm sóc và cấp cứu BN

+ Mỗi nhóm sinh viên có một ***Sổ theo dõi trực lâm sàng***. Sau mỗi buổi trực phải có ký nhận của bác sĩ trong tua trực

- Chấp hành đầy đủ các nội quy của Bệnh viện, Khoa, Phòng.
- Thi kết thúc học phần

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Thực hiện đúng nội qui, chế chế học lâm sàng, tham gia đầy đủ thời gian học lâm sàng, tham gia trực nghiêm túc, làm đủ bệnh án.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm (tùy bộ môn)

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình:** Hình thức đánh giá: Xét điều kiện được thi			
2	**Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng**			
	Hình thức thi Lâm sàng: học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh	100%	≥ 4	CĐR 4 và CĐR 6 – CĐR 8

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Phần lý thuyết)

LÃO KHOA

Đối tượng đào tạo: Đại học, nghành: Y đa khoa

Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Lão khoa

* Tiếng Anh: Geriatrics

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 03 (2LT/1LS)

- Đối tượng học (năm thứ): 5

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □x				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □x		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □x	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đã học qua kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở của ngành. Đối với kiến thức chuyên ngành phải học qua kiến thức về nội

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

+ Lý thuyết: 21 tiết

+ Bài tập: tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 9 tiết

+ Kiểm tra: tiết

+ Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lão

2. Thông tin về giảng viên

TT	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ
1.	Nguyễn Trung Anh	Bộ môn Lão khoa - ĐHYHN	Trưởng bộ môn
2.	Vũ Thị Thanh Huyền	Bộ môn Lão khoa - ĐHYHN	Phó trưởng bộ môn
3.	Hà Quốc Hùng	Bộ môn Lão khoa - ĐHYHN	Giáo vụ đại học
4.	Bùi Thúc Quang	Bộ môn Lão khoa - ĐHYHN	Giảng viên
5.	Nguyễn Thị Thành	Bộ môn Lão khoa - ĐHYHN	Giảng viên
6.	Nguyễn Ngọc Tâm	Bộ môn Lão khoa - ĐHYHN	Giảng viên
7.	Hoàng Thị Phương Nam	Bộ môn Lão khoa - ĐHYHN	Giảng viên
8.	Nguyễn Thị Thu Hương	Bộ môn Lão khoa - ĐHYHN	Giảng viên
9.	Phan Việt Sinh	Bệnh viện Lão khoa Trung ương	Giảng viên kiêm nhiệm
10.	Dương Thị Hồng Lý	Bệnh viện Lão khoa Trung ương	Giảng viên kiêm nhiệm
11.	Nguyễn Xuân Thanh	Bệnh viện Lão khoa Trung ương	Giảng viên kiêm nhiệm
12.	Trần Việt Lực	Bộ môn Thần kinh - ĐHYHN	Giảng viên

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT	Mức độ [4]
MT1	Trình bày được đại cương sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi	[CĐR1],	3
MT2	Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh nhân người cao tuổi	[CĐR1], [CĐR2]	3
MT3	Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi	[CĐR1], [CĐR2], [CĐR6]	3
MT4	Thực hiện đúng kỹ năng giao tiếp và thăm khám lâm sàng với bệnh nhân người cao tuổi	[CĐR14],[CĐR16]	3
MT5	Tận tuy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.	[CDDR14]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Trình bày được đại cương sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi	CLO1: Trình bày được đặc điểm tâm lý, sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi
MT2: Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh nhân người cao tuổi	CLO 2: Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh nhân người cao tuổi
MT3: Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi	CLO3: Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi
Kỹ năng	
MT 4 Thực hiện đúng kỹ năng giao tiếp và thăm khám lâm sàng với bệnh nhân người cao tuổi	CLO4: Thực hiện đúng các kỹ năng tiếp xúc với bệnh nhân cao tuổi. CLO5: Thực hiện đúng các kỹ năng thăm khám lâm sàng với bệnh nhân người cao tuổi
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Tận tuy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.	CLO6: Tận tuy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người cao tuổi CLO7: Tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)**						
	1	2	3	4	5	6	7
Đại cương Lão khoa	2						
Nguyên tắc Điều trị Lão khoa		2					
Bệnh học và Điều trị Tăng huyết áp ở người cao tuổi		2	2	2	2	3	3
Bệnh học và Điều trị Tai biến mạch máu não		2	2	2	2	3	3
Bệnh học và Điều trị Rối loạn chuyển hóa Lipid		2	2	2	2	3	3
Bệnh học và Điều trị Đái tháo đường		2	2	2	2	3	3
Bệnh học và Điều trị Thoái hóa khớp, loãng xương		2	2	2	2	3	3
Giải đáp thắc mắc		2	2	2	2	3	

6. Mô tả học phần/ mô đun

Hiện nay dân số già trên toàn thế giới đang gia tăng nhanh chóng. Lão khoa là một thử thách rất lớn đối với các bác sỹ bởi vì ở người cao tuổi có đặc điểm đa bệnh lý tiến triển và mạn tính cùng hiện diện như là một nguyên tắc, những bệnh lý đó thường tương tác với nhau tạo nên bệnh cảnh không điển hình và không chuyên biệt làm khó khăn trong chẩn đoán và điều trị. Muốn việc điều trị có hiệu quả thì ngay từ đầu bệnh nhân phải được thăm khám lâm sàng tỉ mỉ, chỉ định các xét nghiệm, thăm dò cận lâm sàng phù hợp để đưa ra được chẩn đoán bệnh chính xác và đầy đủ. Từ đó mới có hướng điều trị kịp thời, an toàn mà hiệu quả. Môn học Lão sẽ giúp sinh viên tiếp cận và biết cách chẩn đoán, điều trị các bệnh lý lão khoa thường gặp.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Thời gian (tiết)**	**Thời gian tự học (giờ)**	**Yêu cầu đối với sinh viên**
Đại cương Lão khoa	04		Trình bày được đặc điểm những thay đổi sinh lý và bệnh lý của người cao tuổi
Nguyên tắc Điều trị Lão khoa	04		Trình bày được nguyên tắc điều trị lão khoa
Bệnh học và Điều trị Tăng huyết áp ở người cao tuổi	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh - Chẩn đoán và điều trị
Bệnh học và Điều trị Tai biến mạch máu não	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh - Chẩn đoán và điều trị

Bệnh học và Điều trị Rối loạn chuyển hóa Lipid	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh - Chẩn đoán và điều trị
Bệnh học và Điều trị Đái tháo đường	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh - Chẩn đoán và điều trị
Bệnh học và Điều trị Thoái hóa khớp, loãng xương	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh - Chẩn đoán và điều trị
Giải đáp thắc mắc	04		Giải đáp thắc mắc

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Giáo trình học tập: Lão khoa Y học cổ truyền - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Bệnh học lão khoa, đại cương lão khoa – Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Đại cương Lão khoa YHHĐ			01	03	
	Đại cương Lão khoa YHHĐ			01	03	
	Nguyên tắc Điều trị Lão khoa YHHĐ và YHCT			01	03	
2	Bệnh học và Điều trị Đái tháo đường			01	03	
	Bệnh học và Điều trị Tăng huyết áp			01	03	
	Bệnh học và Điều trị TBMMN			01	03	
3	Bệnh học và Điều trị Thoái hóa khớp, loãng xương			01	03	
	Bệnh học và Điều trị Rối loạn chuyển hóa Lipid			01	03	
	Giải đáp thắc mắc			02		

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR 7

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình [x] Động não [x] Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO5].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO5

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Phòng học có máy chiếu

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Thực hành	≥ 4 điểm	Bệnh án+ Hỏi thi	
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính	≥ 4 điểm		

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
LÃO KHOA

Đối tượng đào tạo: Đại học, nghành: Y đa khoa
Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
* Tiếng Việt: Lão khoa
* Tiếng Anh: Geriatrics
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 03 (2LT/1LS)
- Đối tượng học (năm thứ): 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □x				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □x		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □x	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đã học qua kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở của ngành. Đối với kiến thức chuyên ngành phải học qua kiến thức về nội
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
  + Lý thuyết: 21 tiết
  + Bài tập: tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 9 tiết
  + Kiểm tra: tiết
  + Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lão

2. Thông tin về giảng viên

TT	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ
9.	Nguyễn Trung Anh	Bộ môn Lão khoa - ĐHYHN	Trưởng bộ môn
10.	Vũ Thị Thanh Huyền	Bộ môn Lão khoa - ĐHYHN	Phó trưởng bộ môn
11.	Hà Quốc Hùng	Bộ môn Lão khoa - ĐHYHN	Giáo vụ đại học
12.	Bùi Thúc Quang	Bộ môn Lão khoa - ĐHYHN	Giảng viên
13.	Nguyễn Thị Thành	Bộ môn Lão khoa - ĐHYHN	Giảng viên
14.	Nguyễn Ngọc Tâm	Bộ môn Lão khoa - ĐHYHN	Giảng viên
15.	Hoàng Thị Phương Nam	Bộ môn Lão khoa - ĐHYHN	Giảng viên
16.	Nguyễn Thị Thu Hương	Bộ môn Lão khoa - ĐHYHN	Giảng viên
9.	Phan Việt Sinh	Bệnh viện Lão khoa Trung ương	Giảng viên kiêm nhiệm
10.	Dương Thị Hồng Lý	Bệnh viện Lão khoa Trung ương	Giảng viên kiêm nhiệm
11.	Nguyễn Xuân Thanh	Bệnh viện Lão khoa Trung ương	Giảng viên kiêm nhiệm
12.	Trần Việt Lực	Bộ môn Thần kinh - ĐHYHN	Giảng viên

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT	Mức độ [4]
MT1	Trình bày được đại cương sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi	[CĐR1],	3
MT2	Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh nhân người cao tuổi	[CĐR1], [CĐR2]	3
MT3	Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi	[CĐR1], [CĐR2], [CĐR6]	3
MT4	Thực hiện đúng kỹ năng giao tiếp và thăm khám lâm sàng với bệnh nhân người cao tuổi	[CĐR14],[CĐR16]	3
MT5	Tận tuỵ với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.	[CDDR14]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Trình bày được đại cương sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi	CLO1: Trình bày được đặc điểm tâm lý, sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi
MT2: Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh nhân người cao tuổi	CLO 2: Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh nhân người cao tuổi
MT3: Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi	CLO3: Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi
Kỹ năng	
MT 4 Thực hiện đúng kỹ năng giao tiếp và thăm khám lâm sàng với bệnh nhân người cao tuổi	CLO4: Thực hiện đúng các kỹ năng tiếp xúc với bệnh nhân cao tuổi. CLO5: Thực hiện đúng các kỹ năng thăm khám lâm sàng với bệnh nhân người cao tuổi
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	

MT5: Tận tuỵ với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.	CLO6: Tận tuỵ với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người cao tuổi CLO7: Tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)**						
	1	2	3	4	5	6	7
Đại cương Lão khoa	2						
Nguyên tắc Điều trị Lão khoa		2					
Bệnh học và Điều trị Tăng huyết áp ở người cao tuổi		2	2	2	2	3	3
Bệnh học và Điều trị Tai biến mạch máu não		2	2	2	2	3	3
Bệnh học và Điều trị Rối loạn chuyển hóa Lipid		2	2	2	2	3	3
Bệnh học và Điều trị Đái tháo đường		2	2	2	2	3	3
Bệnh học và Điều trị Thoái hóa khớp, loãng xương		2	2	2	2	3	3
Giải đáp thắc mắc		2	2	2	2	3	

6. Mô tả học phần/ mô đun

Hiện nay dân số già trên toàn thế giới đang gia tăng nhanh chóng. Lão khoa là một thử thách rất lớn đối với các bác sỹ bởi vì ở người cao tuổi có đặc điểm đa bệnh lý tiến triển và mạn tính cùng hiện diện như là một nguyên tắc, những bệnh lý đó thường tương tác với nhau tạo nên bệnh cảnh không điển hình và không chuyên biệt làm khó khăn trong chẩn đoán và điều trị. Muốn việc điều trị có hiệu quả thì ngay từ đầu bệnh nhân phải được thăm khám lâm sàng tỉ mỉ, chỉ định các xét nghiệm, thăm dò cận lâm sàng phù hợp để đưa ra được chẩn đoán bệnh chính xác và đầy đủ. Từ đó mới có hướng điều trị kịp thời, an toàn mà hiệu quả. Môn học Lão sẽ giúp sinh viên tiếp cận và biết cách chẩn đoán, điều trị các bệnh lý lão khoa thường gặp.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Thời gian (tiết)**	**Thời gian tự học (giờ)**	**Yêu cầu đối với sinh viên**
Đại cương Lão khoa	04		Trình bày được đặc điểm những thay đổi sinh lý và bệnh lý của người cao tuổi
Nguyên tắc Điều trị Lão	04		Trình bày được nguyên tắc điều trị lão khoa

khoa			
Bệnh học và Điều trị Tăng huyết áp ở người cao tuổi	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh - Chẩn đoán và điều trị
Bệnh học và Điều trị Tai biến mạch máu não	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh - Chẩn đoán và điều trị
Bệnh học và Điều trị Rối loạn chuyển hóa Lipid	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh - Chẩn đoán và điều trị
Bệnh học và Điều trị Đái tháo đường	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh - Chẩn đoán và điều trị
Bệnh học và Điều trị Thoái hóa khớp, loãng xương	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh - Chẩn đoán và điều trị
Giải đáp thắc mắc	04		Giải đáp thắc mắc

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Giáo trình học tập: Lão khoa Y học cổ truyền - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Bệnh học lão khoa, đại cương lão khoa – Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Đại cương Lão khoa YHHĐ			01	03	
	Đại cương Lão khoa YHHĐ			01	03	
	Nguyên tắc Điều trị Lão khoa YHHĐ và YHCT			01	03	
2	Bệnh học và Điều trị Đái tháo đường			01	03	
	Bệnh học và Điều trị Tăng huyết áp			01	03	
	Bệnh học và Điều trị TBMMN			01	03	
3	Bệnh học và Điều trị Thoái hóa khớp, loãng xương			01	03	
	Bệnh học và Điều trị Rối loạn chuyển hóa Lipid			01	03	
	Giải đáp thắc mắc			02		

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR 7

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình [x] Động não [x] Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm [x] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO5].
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO5

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Phòng học có máy chiếu

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Thực hành	≥ 4 điểm	Bệnh án+ Hỏi thi	
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính	≥ 4 điểm		

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

BAN GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN

Y HỌC GIA ĐÌNH

Đối tượng đào tạo: bác sỹ đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Y học gia đình

* Tiếng Việt: Y học gia đình

* Tiếng Anh: Family medicine

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 02 (2.0 LT, 0.0 TH)

- Đối tượng học (năm thứ): Học kỳ: năm thứ 4

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc X	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Phải học trước môn: Giải phẫu- giải phẫu bệnh; Sinh lý-Sinh lý bệnh; Sinh hóa; Nội; ngoại; sản; nhi cơ sở

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Bài tập: 0 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết

+ Kiểm tra: tiết

+ Thời gian tự học: 0 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y tế công cộng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Lưu Minh Châu	096371071	Minhchauytdp21@gmail.com
2	Thạc sỹ Nguyễn Văn Bình	0916359842	binhytcc2012@gmail.com
3	PGS.TS. Trần Thị Minh Tâm	0971021972	Tranthiminhtam12@gmail.com
4	PGS.TS. Trần Thị Hông Phương	0945989989	Hongphuong_ma@yahoo.com
5	Đinh Văn Tài	0912373999	bsvatai@gmail.com
6	Thạc sỹ Lương Thị Thu Hà	0974899244	bshaytcc@gmail.com

4	Thạc sỹ Nguyễn Thanh Nga	0369203688	Nguyen thanhnga555@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
G1	**Kiến thức** Cung cấp những kiến thức cơ bản về: Các nguyên lý YHGĐ trong khám chữa bệnh tại các phòng khám chuyên khoa YHGĐ	CĐR2	3
G2	**Kỹ năng** Chẩn đoán, xử trí, theo dõi và dự phòng đúng một số bệnh thường gặp tại phòng khám ngoại trú. Thực hành tốt kỹ năng giao tiếp, tư vấn cho bệnh nhân và gia đình. Thực hành bệnh án ngoại trú theo nguyên lý YHGĐ.	CĐR 11, CĐR 12	3
G3	**Năng lực tự chủ và trách nhiệm** Cảm thông nỗi lo âu của bệnh nhân và gia đình bệnh nhân khi mắc bệnh. Nhận thức được sự cần thiết trong việc thiết lập mối quan hệ bác sĩ gia đình và bệnh nhân	CĐR14	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	**CĐR của học phần/ mô đun**
Kiến thức	
MT1: - Trình bày được khái niệm, nguyên lý vị trí và vai trò của Y học gia đình trong hệ thống Y tế; khái niệm vòng đời người, vòng đời gia đình và các vấn đề sức khỏe ưu tiên	CLO1:Vận dụng được những kiến về y tế công cộng trong cung cấp dịch vụ y tế cho cá nhân, gia đình và cộng đồng dựa trên bằng chứng y học trên bằng chứng y học:

Kỹ năng	
MT2: - Biết cách vận dụng các công cụ thường dùng trong đánh giá gia đình vào chăm sóc ban đầu, tổng quát, toàn diện, liên tục trong hành nghề y học gia đình của Bác sĩ gia đình trong bối cảnh hiện nay tại Việt Nam. - Vận dụng được các nguyên lý Y học gia đình và giải quyết một số bệnh thường gặp	CLO2: Ứng dụng các nguyên tắc cơ bản trong công tác quản lý và chăm sóc người bệnh, quản lý hồ sơ bệnh án để quản lý hồ sơ người bệnh một cách có hiệu quả
- Thực hành tốt kỹ năng giao tiếp, tư vấn cho bệnh nhân và gia đình; Vận dụng, ứng dụng một số công cụ đánh giá gia đình trong hệ thống chăm sóc sức khỏe. - Vận dụng được các chiến lược tư vấn sức khỏe và giải thích được các xét nghiệm cơ bản trong khám sàng lọc ở các lứa tuổi. -	CLO3: Phân tích đánh giá đúng thực tế ccoong việc của các tuyến y tế cơ sở nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, gia đình và trẻ sơ sinh; sử dụng các phương tiện truyền thông một cách có hiệu quả trong cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, gia đình và trẻ sơ sinh
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	CLO4: Giao tiếp có hiệu quả với cá nhân, gia đình, cộng đồng. Phối hợp tốt với đồng nghiệp và cộng đồng để triển khai tốt hoạt động nghề nghiệp

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)**			
	1	2	3	4
Bài 1: Khái niệm và lịch sử phát triển và vai trò của Y học gia đình	3	3	3	3
Bài 2: Các nguyên lý của Y học gia đình	3	3	3	3
Bài 3: Vòng đời cá thể - gia đình và mối liên quan với sức khoẻ, bệnh tật	3	3	3	3
Bài 4: Lập kế hoạch chăm sóc sức khoẻ	3	3	3	3
Bài 5: Các cấp độ dự phòng và nâng cao sức khoẻ	3	3	3	3
Bài 6: Quản lý các yếu tố nguy cơ sức khỏe	3	3	3	3

Bài 7: Sàng lọc phát hiện bệnh	3	3	3	3
Bài 8: Xác định nhu cầu và nội dung tư vấn về giáo dục sức khoẻ	3	3	3	3
Bài 9: Lập kế hoạch, thực hiện tư vấn giáo dục sức khoẻ cho cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng	3	3	3	3
Bài 10: Các kỹ năng giao tiếp - tư vấn của bác sĩ gia đình	3	3	3	3
Bài 11: Một số vấn đề về bệnh truyền nhiễm: bệnh tay chân miệng, sốt xuất huyết, cúm mùa, dại, viêm gan B	3	3	3	3
Bài 12: Vaccin và tiêm chủng	3	3	3	3
Bài 13: Quản lý chăm sóc bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng: Tăng huyết áp, Đái tháo đường tip 2, hen phế quản, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD)	3	3	3	3
Bài 14: Một số công cụ thường sử dụng trong đánh giá gia đình	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Mỗi bài trong phần này sẽ tập chung đi sâu vào phân tích từng khía cạnh của Y học gia đình như các nguyên lý trong thực hành y học gia đình, sử dụng một số công cụ trong đánh giá gia đình, quản lý được các bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng cũng như khám sàng lọc và tư vấn cho bệnh nhân ngoại trú và đặc biệt biết cách chăm sóc sức khỏe theo vòng đời dựa vào các nguyên lý y học gia đình để sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng vận dụng được các khái niệm, nguyên lý, công cụ đánh giá gia đình, quản lý bệnh mạn tính và chăm sóc sức khỏe cho người dân.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy học**						**Yêu cầu đối với sinh viên**
	Lên lớp (Tiết)					**Tự học (Giờ)**	
	LT	**TH**	**BT/TL/KT**		**Tổng cộng**		
Bài 1: Khái niệm và lịch sử phát triển và vai trò của Y học gia đình	2	0	0		2		Nắm được các khái niệm cơ bản về Y học gia đình
Bài 2: Các nguyên lý của Y học gia đình	2	0	0		2		Ủng hộ nguyên tắc mọi thành phần trong xã hội được quyền tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng tốt; Thực hành nghề y trong phạm vi chuyên môn được cấp phép,

							tuân thủ các qui định nghề nghiệp và phù hợp với điều kiện sức khỏe
Bài 3: Vòng đời cá thể - gia đình và mối liên quan với sức khoẻ, bệnh tật	4	0	0		4		Phân tích được mối liên quan giữa vòng đời người với sức khoẻ, bệnh tật và áp dụng vào trong chăm sóc sức khoẻ
Bài 4: Lập kế hoạch chăm sóc sức khoẻ	4	0	0		4		Quan điểm và định hướng phát triển mô hình Bác sỹ gia đình Trình bày được các nguyên tắc xác định các vấn đề sức khoẻ ưu tiên và các bước xây dựng kế hoạch chăm sóc sức khoẻ trong YHGĐ
Bài 5: Các cấp độ dự phòng và nâng cao sức khoẻ	4	0	0		4		Mô tả được cách phân loại các cấp độ chăm sóc dự phòng và nội dung chăm sóc của từng cấp
Bài 6: Quản lý các yếu tố nguy cơ sức khỏe	4	0	0		4		Phân tích được các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khoẻ Trình bày được nguyên tắc và nội dung quản lý một số yếu tố nguy cơ
Bài 7: Sàng lọc phát hiện bệnh	2	0	0		2		Hiểu được vai trò, ý nghĩa của sàng lọc trong phát hiện sớm bệnh (8,25,26,34,35,36) Mô tả phương pháp sàng lọc 4 mặt bệnh thường gặp nhất tại địa phương. (8,25,26,34,35,36)
Bài 8: Xác định nhu cầu và nội dung tư vấn về giáo dục sức khoẻ	1	0	0		1		Xác định được nhu cầu và nội dung tư vấn về giáo dục sức khoẻ (8,10,11,21,22,25,26,27,28,31, 32,34,35,36)
Bài 9: Lập kế hoạch, thực hiện tư vấn giáo	2	0	0		2		Lập được kế hoạch và thực hiện được hoạt động tư vấn,

dục sức khoẻ cho cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng							giáo dục sức khoẻ cho cá nhân, gia đình và cộng đồng (8,10,11,21,22,25,26,27,28,31, 32)
Bài 10: Các kỹ năng giao tiếp - tư vấn của bác sĩ gia đình	1	0	0		1		Sử dụng được các kỹ năng giao tiếp - tư vấn cần thiết của BSGĐ (20,21,22,26,27,28,30,34,35,36 ,45,46,47,48,49,50)
Bài 11: Một số vấn đề về bệnh truyền nhiễm: bệnh tay chân miệng, sốt xuất huyết, cúm mùa, dại, viêm gan B	3	0	0		3		Chẩn đoán – điều trị và tư vấn dự phòng đối với một số bệnh truyền nhiễm có tần suất mắc cao trong cộng đồng (34,35,36,37,38,39)
Bài 12: Vaccin và tiêm chủng	1	0	0		1		Trình bày lịch chủng ngừa và các yếu tố cần chú ý khi sử dụng vaccin - chủng ngừa Thực hành tiêm chủng an toàn
Bài 13: Quản lý chăm sóc bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng: Tăng huyết áp, Đái tháo đường tip 2, hen phế quản, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD)	4	0	0		4		Trình bày được các nguyên tắc và nội dung quản lý 4 bệnh không lây nhiễm thường gặp tại cộng đồng* Áp dụng các nguyên lý của YHGĐ trong quản lý 4 bệnh không lây nhiễm thường gặp tại cộng đồng * tăng huyết áp, đái tháo đường, hen phế quản, bệnh phổi tắc nghẽn mạn
Bài 14: Một số công cụ thường sử dụng trong đánh giá gia đình	02	02	0		2		Giải thích được cấu trúc, chức năng và sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần con người qua các giai đoạn phát triển trong mối tương tác với môi trường tự nhiên và xã hội

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)
Tài liệu tổng hợp hướng dẫn lý thuyết, thực hành Y học gia đình (tài liệu lưu hành nội bộ)

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

7. Giáo trình Y học gia đình - Bộ môn Y học gia đình - Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên
8. Asia Pacific Family Medicine, 2011. Family resources study: part 1. http://www.apfmj.com/content/10/1/14. uptodate 01.7.2012.
9. https://sites.google.com/site/ykhoapnt2008a/3-tong-hop-download-tai-lieu-1/y5-2012---2013
10. http://maxreading.com/sach-hay/y-hoc-gia-dinh

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Bài 1: Khái niệm và lịch sử phát triển và vai trò của Y học gia đình	2	0	0	0	0	0
1	Bài 2: Các nguyên lý của Y học gia đình	2	0	0	0	0	0
1	Bài 3: Vòng đời cá thể - gia đình và mối liên quan với sức khoẻ, bệnh tật	4	0	0	0	0	0
1	Bài 4: Lập kế hoạch chăm sóc sức khoẻ	4	0	0	0	0	0
1	Bài 5: Các cấp độ dự phòng và nâng cao sức khoẻ	4	0	0	0	0	0
1	Bài 6: Quản lý các yếu tố nguy cơ sức khỏe	4	0	0	0	0	0
1	Bài 7: Sàng lọc phát hiện bệnh	2	0	0	0	0	0
2	Bài 8: Xác định nhu cầu và nội dung tư vấn về giáo dục sức khoẻ	1	0	0	0	0	0
2	Bài 9: Lập kế hoạch, thực hiện tư vấn giáo dục sức khoẻ cho cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng	2	0	0	0	0	0

2	Bài 10: Các kỹ năng giao tiếp - tư vấn của bác sĩ gia đình	1	0	0	0	0	0
2	Bài 11: Một số vấn đề về bệnh truyền nhiễm: bệnh tay chân miệng, sốt xuất huyết, cúm mùa, dại, viêm gan B	3	0	0	0	0	0
2	Bài 12: Vaccin và tiêm chủng	1	0	0	0	0	0
2	Bài 13: Quản lý chăm sóc bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng: Tăng huyết áp, Đái tháo đường tip 2, hen phế quản, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD)	4	0	0	0	0	0
2	Bài 14: Một số công cụ thường sử dụng trong đánh giá gia đình	2	0	0	0	0	0

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x Động não □ Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề x Hoạt động nhóm x Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống x Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR ... đến CĐR ....
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ....
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projecter, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần	0	số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %;	CĐR14
	Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	Theo câu hỏi, bài tập bộ môn	
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trắc nghiệm trên máy tính	70%	Bộ câu hỏi của bộ môn	CĐR 2 ,11,12

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA** *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ QUỐC GIA

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Chương trình Y tế quốc gia.

* Tiếng Việt: Chương trình Y tế quốc gia

* Tiếng Anh: national health programs.

- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 1,0
- Đối tượng học (năm thứ): HK2 năm 5.
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc X	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	□

- Các học phần tiên quyết/học trước: không
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 15 tiết
  + Lý thuyết: 15 tiết
  + Bài tập: 0 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
  + Kiểm tra: 0 tiết
  + Thời gian tự học: 0 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y tế công cộng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Thạc sỹ Nguyễn Văn Bình	0916359842	binhytcc2012@gmail.com
2	Thạc sỹ Lương Thị Thu Hà	0974899244	bshaytcc@gmail.com
3	Thạc sỹ Bàng Thị Hoài	0977045888	thuhoaiytcc@gmail.com
4	Thạc sỹ Nguyễn Thanh Nga	0369203688	nguyenthanhnga555@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
MT1	**Kiến thức** - Trình bày được mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và các chỉ tiêu đến năm 2030 của các chương trình y tế và chiến lược y tế: phòng chống bệnh không lây nhiễm, phòng chống lao, phòng chống HIV/AIDS, phòng chống sốt rét, Tiêm chủng mở rộng, chiến lược về dinh dưỡng, dân số, Y học cổ truyền. - Nắm rõ tình hình dịch tễ, chính sách, và trình bày được các giải pháp để thực hiện chiến lược quốc gia về y tế và chương trình y tế đến năm 2030. Trình bày được các nội dung cơ bản của các vấn đề sức khỏe, bệnh tật chính cần truyền thông. - Trình bày được các phương tiện và phương pháp và kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe	CĐR2	3
MT2	**Kỹ năng** Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng phân tích số liệu của các hoạt động từ đó có thể đánh giá, so sánh với mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của chương trình quốc gia y tế.	CĐR2, CĐR13	3
MT3	**Năng lực tự chủ và trách nhiệm** Học phần giúp cho sinh viên thấy được tầm quan trọng và ý nghĩa to lớn của chương trình y tế, các chiến lược quốc gia mà ngành y tế đóng vai trò chủ đạo. Hướng cho sinh viên hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu đồng thời tự giác trong các hoạt động của bản thân,tham gia tích cực vào phong trào chung của xã hội góp phần vào hoàn thành mục tiêu chung và từng mục tiêu cụ thể.	CĐR14	3

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Trình bày được nguyên lý cơ bản và nội dung chính của các chương trình quốc gia trong lĩnh vực Y tế	CLO1:Vận dụng được những kiến về y tế công cộng trong cung cấp dịch vụ y tế cho cá nhân, gia đình và cộng đồng dựa trên bằng chứng y học trên bằng chứng y học
Kỹ năng	

MT2: Kỹ năng ứng dụng kết quả nghiên cứu trong thực tế	*CLO2*: Thực hiện được kỹ năng truyền thông- giáo dục sức khỏe để bảo vệ nâng cao sức khỏe nhân dân. Xác định được vấn đề sức khỏe cộng đồng và lựa chọn được vấn đề ưu tiên. Phát hiện sớm dịch bệnh, đề xuất sớm các biện pháp xửu lý thích hợp nhằm chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cá nhân, gia đình và cộng đồng
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	CLO3: Giao tiếp có hiệu quả với cá nhân, gia đình, cộng đồng. Phối hợp tốt với đồng nghiệp và cộng đồng để triển khai tốt hoạt động nghề nghiệp

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)**		
	1	2	3
Bài 1: Giới thiệu các chương trình mục tiêu y tế quốc gia -Chiến lược bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn 2030 - Chiến lược Y học cổ truyền của Tổ chức Y tế thế giới	3	3	3
Bài 2: - Chiến lược Quốc gia phòng chống bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2015-2025 - Kế hoạch hành động của Chính phủ về phát triển Y dược học cổ truyền Việt Nam đến năm 2020	3	3	3
Bài 3: - Chiến lược quốc gia an toàn thực phẩm giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030 - Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030	3	3	3
Bài 4: - Chiến lược dân số và sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020 - Chiến lược Quốc gia phòng chống HIV/AIDS đến năm 2020 và tầm nhìn 2030	3	3	3
Bài 5: - Chương trình phòng chống sốt xuất huyết - Chiến lược Quốc gia phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét ở Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030 -Chương trình tiêm chủng mở rộng	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Nội dung học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các khái niệm và nguyên lý cơ bản, mục tiêu, giải pháp và tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu y tế.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/TL/ KT		Tổng cộng		
Bài 1: Giới thiệu các chương trình mục tiêu y tế quốc gia -Chiến lược bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn 2030 - Chiến lược Y học cổ truyền của Tổ chức Y tế thế giới	2	0	0		2		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 2: - Chiến lược Quốc gia phòng chống bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2015-2025 - Kế hoạch hành động của Chính phủ về phát triển Y dược học cổ truyền Việt Nam đến năm 2020	2	0	0		2		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 3: - Chiến lược quốc gia an toàn thực phẩm giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030 - Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030	4	0	0		4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 4: - Chiến lược dân số và sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020 - Chiến lược Quốc gia phòng chống HIV/AIDS đến năm 2020 và tầm nhìn 2030	4	0	0		4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 5: - Chương trình phòng chống sốt xuất	4	0	0		3		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide

huyết - Chiến lược Quốc gia phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét ở Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030 -Chương trình tiêm chủng mở rộng							theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Giáo trình học tập chính:

Giáo trình Hướng dẫn học phần Chương trình mục tiêu Y tế Quốc Gia (Nhà xuất bản Y học), 2017.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Trường Đại học Y khoa Thái Nguyên, Chương trình y tế Quốc gia , Nhà xuất bản Y học, năm 2007.

2. Bộ môn Tổ chức và Quản lý Y tế, Viện Đào tạo Y học dự phòng, Trường Đại học Y Hà Nội, giáo trình Quản lý và Tổ chức y tế, năm 2012.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Bài 1: Giới thiệu các chương trình mục tiêu y tế quốc gia -Chiến lược bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn 2030 - Chiến lược Y học cổ truyền của Tổ chức Y tế thế giới	4	0	0	0		
2	Bài 2: - Chiến lược Quốc gia phòng chống bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2015-2025 - Kế hoạch hành động của Chính phủ về phát triển Y dược học cổ truyền Việt Nam đến năm 2020	4	0	0	0		
3	Bài 3: - Chiến lược quốc gia an toàn thực phẩm giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030 - Chiến lược quốc gia về dinh	4	0	0	0		

	dưỡng giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030						
4	Bài 4: - Chiến lược dân số và sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020 - Chiến lược Quốc gia phòng chống HIV/AIDS đến năm 2020 và tầm nhìn 2030	3	0	0	0		

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x Động não □ Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm □ Đóng vai x Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống □ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐRG1 đến CĐRG3
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐRG1 đến CĐRG3
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐRG1 đến CĐRG3
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐRG1 đến CĐRG3

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projecter, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành**12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm**

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần	0	số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %	CĐR14
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn, ...	0		
	Thực hành	0		
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Trác nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...	10/10		CĐR 2 CĐR3

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là *điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 202

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ Y TẾ

Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành: Y Đa khoa Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Tổ chức và quản lý y tế

* Tiếng Việt: Tổ chức và quản lý y tế

* Tiếng Anh: health organization and management

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ:1.5 LT/00.TH/LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 22,5 tiết

+ Lý thuyết: 22,5 tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng: 0 tiết

+ Bài tập: 0tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 0tiết

+ Kiểm tra:.....tiết

+ Thời gian tự học: 0 tiết

- Đối tượng học (năm thứ): năm 4

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

<table>
<tr><td colspan="2" rowspan="2">Kiến thức giáo dục đại cương ☐</td><td colspan="4">Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐</td></tr>
<tr><td colspan="2">Kiến thức cơ sở ngành ☐</td><td colspan="2">Kiến thức ngành ☐</td><td rowspan="2">Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐</td></tr>
<tr><td>Bắt buộc ☐</td><td>Tự chọn ☐</td><td>Bắt buộc ☒</td><td>Tự chọn ☐</td><td>Bắt buộc ☐</td><td>Tự chọn ☐</td></tr>
</table>

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu):

+ Học phần học trước (đã học):

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun:Bộ môn Y tế công cộng

3. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Thạc sỹ Nguyễn Văn Bình	0916359842	binhytcc2012@gmail.com
2	Thạc sỹ Bàng Thị Hoài	0945989989	thuhoaiytcc@gmail.com
3	Thạc sỹ Đinh Văn Tài	0912373999	bsvantai@gmail.com
4	Thạc sỹ Lương Thị Thu Hà	0369203688	bshytcca@gmail.com
5	Thạc sỹ. Đỗ Văn Pha	0963836058	dopha2005@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
	Kiên thức
MT HP1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của các quan điểm, chiến lược, luật pháp về bảo vệ sức khoẻ hiện nay và khái niệm về sức khoẻ, chăm sóc sức khoẻ, nội dung cơ bản chăm sóc sức khoẻ ban đầu ở Việt nam
MT HP2	Giới thiệu cho sinh viên về nguyên tắc, mô hình hệ thống tổ chức, chức năng nhiệm vụ mạng lưới các cơ sở khám chữa bệnh, phòng bệnh và các nguyên lý cơ bản về quản lý y tế.
MT HP3	Giới thiệu cho sinh viên nắm vững những kiến thức cơ bản và phổ cập về chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang được triển khai trong giai đoạn hiện nay.
	Kỹ năng
MT HP4	Nắm vững được chức năng nhiệm vụ của các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
MT HP5	Nắm vững hệ thống tổ chức hoạt động của ngành y tế, tổ chức quản lý bệnh viện, các quan điểm, đường lối lãnh đạo của Đảng với hệ thống tổ chức ngành y tế.
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm
MT HP6	Nhận thức được tầm quan trọng của công tác tổ chức và quản lý hệ thống y tế là yếu tố quyết định chất lượng, hiệu quả hoạt động chăm sóc sức khoẻ nhân dân.
MT HP7	Nhận thức đúng về vai trò lãnh đạo của Đảng với hệ thống các cơ quan nhà nước và hệ thống tổ chức ngành y tế

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT HP1			3
MT HP2			3
MT HP3			3
MT HP4			3
MT HP5			3
MT HP6			3
MT HP7			3

Ghi chú: Mức độ đóng góp của mục tiêu học phần/ modun (MT HP) vào mục tiêu của chương trình đào tạo (MT CTĐT) được xác định cụ thể:

1 – MT HP *có đóng góp ít vào* MT CTĐT

2 – MT HP *có đóng góp vừa vào* MT CTĐT

3 – MT HP *có đóng góp nhiều vào* MT CTĐT

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của MT HP *đối với* MT CTĐT *ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(2) hay mức thuần thục (3)*

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Ứng dụng các kiến thức khoa học cơ bản của tổ chức y tế và chương trình y tế quốc gia để phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân
CLO2	Xây dựng được bản kế hoạch xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên trong cộng đồng, nâng cao công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân
CLO3	Có kiến thức cơ bản về lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, giám sát, điều hành và đánh giá các quá trình trong hoạt động chăm sóc sức khỏe phù hợp với hoàn cảnh và nhu cầu thực tiễn
CLO4	Làm việc độc lập hoặc phối hợp theo nhóm, phát huy tinh thần sáng tạo trong môi trường đa dạng
CLO5	Lập kế hoạch, hướng dẫn, tổ chức, sử dụng, điều phối, giám sát, quản lý, đánh giá và đề xuất cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

1 – CLO *có đóng góp ít vào* PLO

2 – CLO *có đóng góp vừa vào* PLO

3 – CLO *có đóng góp nhiều vào* PLO

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO *đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…(2) hay mức thuần thục (3)*

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(2)	(5)	(8)	(11)	…	(14)	(15)	…	(17)
CLO 1			3	3		3	3		3
CLO 2			3	3		3	3		3
CLO 3			3	3		3	3		3
CLO 4			3	3		3	3		3
CLO 5			3	3		3	3		3
CLO 6			3	3		3	3		3
CLO 7			3	3		3	3		3
CLO 8			3	3		3	3		3

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giảng đường, máy chiếu, loa mịc

6.1.2. Lâm sàng:

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Giảng đường tiêu chuẩn
2	Máy chiếu
3	Loa mic

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành, kiểm tra phải ở mức đạt ở tất cả số bài yêu cầu.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Mô đun Tổ chức và quản lý y tế- chương trình y tế quốc gia nghiên cứu các khái niệm và các thành phần của hệ thống y tế; các nguyên tắc, mô hình hệ thống tổ chức, chức năng nhiệm vụ mạng lưới y tế Việt Nam từ trung ương đến địa phương và mối quan hệ giữa ngành y tế với các ngành liên quan trong chăm sóc sức khoẻ nhân dân. Các nguyên lý cơ bản về quản lý y tế, lập kế hoạch, tổ chức điều hành, theo dõi, giám sát và đánh giá các hoạt động/chương trình y học dự phòng. Các mục tiêu y tế quốc gia và các giải pháp chuyên môn kỹ thuật để hoàn thành mục tiêu trên.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

1	Đại cương về tổ chức và quản lý y tế	4	1. Các khái niệm cơ bản 2. Khoa học tổ chức và quản lý y tế 3. Phương pháp nghiên cứu y xã hội học, tổ chức và quản lý y tế	*1,3*	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
2	Tổ chức và quản lý hệ thống y tế	3	1. Các nguyên tắc cơ bản trong tổ chức hệ thống ngành y tế Việt Nam 2. Tổ chức y tế theo các tuyến	1,2	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
3	Các chỉ số sức khỏe và quản lý thông tin y tế	4	1. Các khái niệm về thông tin y tế 2. Các loại thông tin y tế	5	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
4	Lập kế hoạch y tế	4	1. Khái niệm cơ bản về kế hoạch y tế 2. Các bước lập kế hoạch	4	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
5	Quản lý nhân lực y	4	1. Khái niệm về quản lý nhân lực	6	Phương pháp giảng	Hoạt động	

	tế		2. Các nội dung chủ yếu của quản lý nhân lực 3. Một số phương pháp quản lý nhân lực		dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
6	Điều hành và giám sát hoạt động y tế	2	1. Khái niệm và vai trò của điều hành 2. Phương pháp giám sát	6,8	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
7	Quản lý tài chính	2	1. Các khái niệm cơ bản 2. Quản lý tài chính y tế	7,8	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	

Ghi chú:

- *(3) Số tiết (LT/KT…): Xác định số tiết lý thuyết, kiểm tra của từng chương*
- *(6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*
- *(7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số….).*

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra: (Không có phần lâm sàng hay thực hành)

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần:

Tiêu chí	**Tỷ lệ**	**Mức chất lượng**				**Đánh giá**
		Đạt			**Không đạt**	
		Rất tốt	**Tốt**	**Đạt**		
Mức độ tham dự theo thời khóa biểu	Tính độc lập	95-100% số tiêt trên lớp	85-94% số tiết trên lớp	80-84% số tiết trên lớp	<80% số tiết trên lớp	Nếu 1 trong 2 tiêu chí không đạt là không đạt điều kiện thi kết thúc học phần
Tham gia các bài kiểm tra và hoạt động	Tính độ lập	Tham gia đầy đủ các hoạt động và hoàn thành mức đạt ở tất cả các bài kiểm tra			Không tham gia và thiếu bài kiểm tra hoặc bài kiểm tra không đạt	

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun	100%	Điểm thi test	Thi test trên máy	100%			Thi test trên máy

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết và Điểm thực hành theo bảng 9.3.1*

10. Tài liệu học tập

- Giáo trình học tập chính:

1. Bộ Y tế (2007), Tổ chức và Quản lý y tế, Nhà xuất bản y học, Hà Nội.

2. Bộ môn Tổ chức và Quản lý y tế, Viện Đào tạo Y học dự phòng, Trường Đại học Y Hà Nội (2012). Giáo trình Tổ chức và Quản lý y tế (2012).

- Tài liệu tham khảo:

1. Trường Đại Học Y Hà Nội (2013). Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng. Nhà xuất bản Y học. Hà Nội 2013

2. Bộ Y tế (2006). Tổ chức, quản lý và chính sách y tế. Nhà xuất bản Y học. Hà Nội. Năm 2006.

3. Lưu Ngọc Hoạt (2017). Thống kê sinh học và nghiên cứu khoa học Y học. Nhà xuất bản Y học. Hà Nội. Năm 2017

4. Bộ Y tế, Trường Đại học Y tế công cộng (2010). Quản lý chất lượng bệnh viện. Nhà xuất bản lao động xã hội. Năm 2010

5. Trường Đại học Y dược Cần Thơ (2015). Kinh tế Y tế. Lưu hành nội bộ

6. Bộ Y tế (2007). Kinh tế y tế và Bảo hiểm y tế. Nhà xuất bản Y học . Hà Nội 2007.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
THỰC TẾ CỘNG ĐỒNG

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Thực tế cộng đồng

* Tiếng Việt: Y Thực tế cộng đồng

* Tiếng Anh:

- Mã học phần/ mô đun: MEDI 6140
- Số tín chỉ: 03 (1 LT/02 TH)
- Đối tượng học (năm thứ): Học kỳ: 2 năm thứ 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
X	□	□	□	□	□	□

- Các học phần tiên quyết/học trước: Phải học trước môn: Giải phẫu- giải phẫu bệnh; Sinh lý-Sinh lý bệnh; Sinh hóa; Nội; ngoại; sản; nhi cơ sở
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 75 tiết
  + Lý thuyết: 15 tiết
  + Bài tập: 3 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
  + Kiểm tra: 0 tiết
  + Thời gian tự học: 3 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y tế công cộng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Lưu Minh Châu	096371071	minhchauytdp21@gmail.com
2	Thạc sỹ Nguyễn Văn Bình	0916359842	binhytcc2012@gmail.com
3	Thạc sỹ Đinh Văn Tài	0912373999	bsvatai@gmail.com
4	Thạc sỹ Lương Thị Thu Hà	0974899244	bshaytcc@gmail.com
5	Thạc sỹ Mai Thị Hương	0354382678	maihuongytcc@gmail.com
6	Thạc sỹ Bàng Thị Hoài	0977045888	thuhoaiytcc@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
G1	**Kiến thức** - Trình bày được khái niệm về cộng đồng. - Phân biệt được sự khác nhau giữa chẩn đoán cộng đồng và chẩn đoán lâm sàng. - Trình bày được các bước trong chẩn đoán cộng đồng - Mô tả sử dụng dịch vụ y tế. - Mô tả tình trạng sức khỏe cộng đồng và các yếu tố nguy cơ. - Đánh giá được hiệu quả của các chương trình can thiệp cộng đồng.	*CĐR5, CĐR BSYHCT*	
G2	**Kỹ năng** - Phát hiện các vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng. - Thực hành được cách thu thập thông tin, xử lý số liệu, phân tích, đánh giá các số liệu thu thập được. - Thực hành lập kế hoạch can thiệp.	*CĐR6, CĐR7, CĐR11, CĐR12 CĐR BSYHCT*	
G3	**Năng lực tự chủ và trách nhiệm** - Nâng cao nhận thức về chăm sóc sức khỏe ban đầu đáp ứng chăm sóc sức khỏe thiết yếu cho cộng đồng, góp phần đạt mục tiêu sức khỏe cho mọi người - Chăm sóc SKBĐ là một trong các trọng tâm trong công tác của ngành y tế không phải là nhiệm vụ của tuyến y tế cơ sở mà là của mọi tuyến - Chủ động phối hợp Y học cổ truyền với Y học hiện đại trong điều trị và chăm sóc sức khỏe nhân dân trong cộng đồng	*CĐR14, CĐR15, CĐR BSYHCT*	

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** **(**Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	- Hoạt động liên ngành, thu hút sự tham gia của cộng đồng là chìa khóa đảm bảo thành công của chăm sóc SKBĐ		

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	**CĐR của học phần/ mô đun**
Kiến thức	
Phát hiện và đánh gía mối liên quan giữa sức khỏe, bệnh tật và môi trường	*CĐR5* *CĐR BSYHCT*
Kỹ năng	
MT2: Có kỹ năng thu thập thông tin Có kỹ năng ứng dụng kết quả nghiên cứu trong thực tế Có kỹ năng làm việc nhóm Kyc năng tự chủ, xắp xếp công việc	*CĐR6,CĐR7, CĐR11, CĐR12* *CĐR BSYHCT*
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3: Tạo mối quan hệ thân thiện, hợp tác với cộng đồng và các tổ chức có liên quan Xác định vai trò mối quan hệ của các thành viên trong nhóm làm việ; tổ chức điều phối Thường xuyên trao đổi kinh nghiệm của các đồng nghiệp	*CĐR14, CĐR15,* *CĐR BSYHCT*

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**						
	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR11	CĐR12	CĐR14	CĐR15
Bài 1: Giới thiệu chức năng nhiệm vụ của Trạm y tế xã, Chiến lược phòng bệnh không lây nhiễm thực hiện tại tuyến xã. Hệ thống sổ sách báo cáo tại Trạm y tế xã	3	3	3	3	3	3	3
Bài 2: Phòng chống bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng Hướng dẫn tổ chức và thực hành tiêm chủng mở rộng tại cơ sở	3	3	3	3	3	3	3
Bài 3: Chẩn đoán cộng đồng, tình hình vệ sinh môi trường tại cộng đồng Hướng dẫn điều tra sức khỏe cộng đồng; dân số KHHGĐ; điều tra nhu cầu và khả năng đáp ứng Y học cổ truyền trong điều trị và chăm sóc sức khỏe tại cơ sở (Theo phiếu)	3	3	3	3	3	3	3
Bài 4: Lập kế hoạch truyền thông – giáo dục sức khỏe nâng cao kiến thức, thái độ, hành vi của cộng đồng trong chăm sóc sức khỏe, kết hợp YHCT và YHHĐ Triển khai buổi truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng	3	3	3	3	3	3	3
Bài 5: Xây dựng bộ câu hỏi điều tra cộng đồng	3	3	3	3	3	3	3
Bài 6: Phân tích số liệu và viết báo cáo đánh giá tổng hợp	3	3	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Thời gian thực hiện tại trạm y tế xã và cộng đồng dân cư để giúp sinh viện thực hành kỹ năng xác định vấn đề sức khoẻ, lập và thực hiện kế hoạch tuyên truyền giáo dục, chăm sóc sức khoẻ tại cộng đồng.

Nội dung: Làm quen về tổ chức và điều kiện sống của cộng đồng; tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến sức khoẻ cộng đồng bằng cách thu thập thông tin qua điều tra, phỏng vấn, thăm hộ gia

đình; phân tích, giải thích kết quả, tìm ra vấn đề sức khoẻ cộng đồng; thực hành giáo dục sức khoẻ; chăm sóc và điều trị một số bệnh thông thường, sơ cấp cứu ban đầu. Kết thúc đợt thực tập viết báo cáo về lập kế hoạch can thiệp một vấn đề sức khỏe ưu tiên tại cộng đồng.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	TH	TL	BT	Tổng cộng		
Bài 1:Giới thiệu chức năng nhiệm vụ của Trạm y tế xã, Chiến lược phòng bệnh không lây nhiễm thực hiện tại tuyến xã. Hệ thống sổ sách báo cáo tại Trạm y tế xã	1	10	0	2	13		*Đọc quyển:* Giáo trình hướng dẫn thực tế cộng đồng, Nhà xuất bản Y học, 2017
Bài 2: Phòng chống bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng Hướng dẫn tổ chức và thực hành tiêm chủng mở rộng tại cơ sở	2	10	0	1	13		*Đọc quyển:* Giáo trình hướng dẫn thực tế cộng đồng, Nhà xuất bản Y học, 2017
Bài 3: Chẩn đoán cộng đồng, tình hình vệ sinh môi trường tại cộng đồng Hướng dẫn điều tra sức khỏe cộng đồng; dân số KHHGĐ; điều tra nhu cầu và khả năng đáp ứng Y học cổ truyền trong điều trị và chăm sóc sức khỏe tại cơ sở (Theo phiếu)	2	10	1	0	13		*Đọc quyển:* Giáo trình hướng dẫn thực tế cộng đồng, Nhà xuất bản Y học, 2017
Bài 4: Lập kế hoạch truyền thông – giáo dục sức khỏe nâng cao kiến thức, thái độ, hành vi của cộng đồng trong chăm sóc sức khỏe, kết hợp YHCT và YHHĐ Triển khai buổi truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng	2	10	1	0	13		*Đọc quyển:* Giáo trình hướng dẫn thực tế cộng đồng, Nhà xuất bản Y học, 2017
Bài 5: Xây dựng bộ câu hỏi điều tra cộng đồng	2,5	10	0,5	0	13		*Đọc quyển:* Giáo trình hướng dẫn thực tế cộng

							đồng, Nhà xuất bản Y học, 2017
Bài 6: Phân tích số liệu và viết báo cáo đánh giá tổng hợp	0	10	0	0	10	3	*Đọc quyển:* Giáo trình hướng dẫn thực tế cộng đồng, Nhà xuất bản Y học, 2017

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Giáo trình hướng dẫn thực tế cộng đồng, Nhà xuất bản Y học, 2017

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Phạm Mạnh Hùng, Nguyễn Băn Tường và cộng sự (1998), " Phương pháp nghiên cứu khoa học y học – Trường Đại học Y hà Nội", NXB Y học, Hà Nội.

- Dương Đình Thiện và cộng sự, "Dịch tễ học Y học- Bộ môn Dịch tễ - Trường Đại học Y hà Nội", NXB Y học, Hà Nội.

- Quyết định 1713/QĐ-BYT ngày 16/5/2014 Hướng dẫn tổ chức buổi tiêm chủng

- Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 20/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản và các bệnh không lây nhiễm khác, giai đoạn 2015 – 2025

- Thông tư số 33/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ của Trạm y tế xã

- Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Bộ tiêu chí quốc gia về trạm y tế xã giai đoạn đến 2020

Thực hành cộng đồng, Trường Đại học Y Thái Nguyên, 2007

9. Kế hoạch giảng dạy

9.1 Kế hoạch giảng dạy

lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	1	0	2	0	0	0
1	2	0	1	0	0	0
1	2	0	1	0	0	0
1	2	0	1	0	0	0
1	2,5	0	0,5	0	0	0

9.2. Kế hoạch giảng dạy thực hành

Tuần	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác		
1	10	0	0	0		
1	10	0	0	0		
1	10	0	0	0		
2	10	0	0	0		
2	10	0	0	0		
2	10	0	0	0		

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x Động não □ Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề x Hoạt động nhóm x Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống x Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR ... đến CĐR ....
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ....
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

.....

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80. %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.
Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần	Tối đa: 4	1. Trong trường hợp đi thực tế tại địa phương: -Điểm đánh giá chuyên cần tại nơi thực tập do trưởng TYT đánh giá 2. Trong trường hợp không đi thực tế tại địa phương do dịch COVID-19: Điểm đánh giá chuyên cần do giảng viên hướng dẫn thực hành đánh giá	*CĐR14, CĐR15*
	Báo cáo nhóm	Tối đa: 6	01 báo cáo hoàn chỉnh theo quy định của học phần	CĐR5, *CĐR6,CĐR7, CĐR11, CĐR12*
	Hỏi thi vấn đáp	Tối đa: 10	Sinh viên trả lời đúng nội dung câu hỏi liên quan đến nội dung học phần	CĐR5, *CĐR6,CĐR7, CĐR11, CĐR12*
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Tổng điểm quá trình đánh giá chia 2	Tối đa: 10		CĐR5, *CĐR6,CĐR7, CĐR11, CĐR12, CĐR14, CĐR15*

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 202…

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ đa khoa, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt:

* Tiếng Anh:

- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng:
- Đối tượng học (năm thứ):
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Học phần tiên quyết:
- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun:

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
	Kỹ năng		
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại

theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
MT1:	CĐR1: .....
	CĐR .....
MT3:	CĐR: .....
	CĐR: .....
	CĐR: .....
MT.....	CĐR: .....
	CĐR: .....

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CĐR1	CĐR2	CĐR…	CĐR…	CĐR…	CĐR…	CĐR…
Nội dung 1							
Nội dung 2							
Nội dung …….							

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

……
……...……
……..

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

…

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

….

8.3. Phần mềm:

[…] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác		
1						
2						
3						

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

.....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

.....

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

(các quy định của học phần (nếu có), ví dụ: sinh viên không nộp bài tập và bài báo cáo đúng thời hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ…).

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Bài thực hành			
2	**Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng**			
	Thực hành, lâm sàng (vấn đáp)			CĐR .. đến CĐR ....

Hà Nội, ngày tháng năm 20….

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

GIẢI THÍCH MỘT SỐ KÝ HIỆU

(11) Ký hiệu mục tiêu bằng ký hiệu MT từ 1,2,….;

(12) Ký hiệu chuẩn đầu ra bằng ký hiệu CĐR từ 1,2,….;

(3) Mô tả CĐR theo thang Bloom;

(4) Thang trình độ năng lực:

Trình độ năng lực	Mô tả
0.0 -> 2.0	Nhớ (trình bày, định nghĩa, liệt kê,...)
2.0 -> 3.0	Hiểu (giải thích, mô tả, nhận xét,…)
3.0 -> 3.5	Áp dụng (vận dụng, chỉ ra, minh họa,…)
3.5 -> 4.0	Phân tích (phân biệt, phân tích, khảo sát,…)
4.0 -> 4.5	Đánh giá (đánh giá, so sánh, liên hệ, nhận định,…)
4.5 -> 5.0	Sáng tạo (thiết kế, đề xuất, tổ chức,…)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP CỦA KHỐI Y KHOA
Đối tượng đào tạo: Bác sĩ đa khoa. Mã số đào tạo: 7720101

I. Tổng quát chung

1.Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần: Thực tập nghề nghiệp
+ Tiếng Việt: Thực tập nghề nghiệp
+ Tiếng Anh: Vocational internship
- Mã học phần: MEDI 6141
- Số tín chỉ lâm sàng: 03 tín chỉ
- Đối tượng học (năm thứ): Học kỳ 2 năm thứ 6 (học kỳ 12)
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	x

- Học phần tiên quyết: Học xong tất cả các học phần (tín chỉ) trong chương trình đào tạo bác sỹ đa khoa.
- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Y học lâm sàng và phòng Đào tạo đại học.
- **Thời gian thực tập nghề nghiệp:** 08 tuần (7/3- 29/4/2022)

2.Mục tiêu chung của học phần:

Mục tiêu [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT1	- Vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và y học lâm sàng trong thực hành chăm sóc sức khỏe..		3
	- Vận dụng được y học dựa trên chứng cứ trong thực hành chăm sóc sức khỏe.		
	- Vận dụng được các kiến thức tăng cường sức khỏe và phòng ngừa bệnh tật trong chăm sóc sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng.		
	Kỹ năng		
MT2	- Thực hiện được khám, tổng hợp và diễn giải thông tin lâm sàng và cận lâm sàng; chẩn đoán chính xác các bệnh lý phổ biến.		3
MT3	- Thiết lập kế hoạch điều trị chăm sóc sức khỏe toàn		3

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	diện và hợp lý, theo nguyên tắc người bệnh là trung tâm.		
	- Thực hiện được sơ cấp cứu và điều trị người bệnh phù hợp với vai trò, chức năng bác sĩ Y khoa; đảm bảo chăm sóc liên tục, an toàn và hiệu quả.		
	- Xác định được các vấn đề sức khỏe thông thường trong cộng đồng, lập kế hoạch và đề xuất các giải pháp thích hợp.		
	- Giao tiếp và phối hợp hiệu quả với người bệnh và người thân của người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng trong thực hành chăm sóc sức khỏe.		
	- Thực hiện tổ chức, quản lý và duy trì môi trường làm việc chuyên môn một cách an toàn và hiệu quả.		
Thái độ			
MT4	- Tuân thủ các quy định pháp lý và chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong thực hành chăm sóc sức khỏe.		3
MT5	- Thể hiện tính chuyên nghiệp và phát triển nghề nghiệp liên tục trong thực hành chăm sóc sức khỏe.		3

CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun	CĐR của CTĐT
MT1	**PLO1.** Vận dụng kiến thức vào thực hành công việc chuyên môn, những thao tác cơ bản, những quy trình kỹ thuật và quy trình quản lý trong hành nghề khám chữa bệnh tại các đơn vị chuyên môn (bệnh viện, phòng khám..)	
MT2	**PLO2.** Có khả năng xác định được mô hình quản trị, quản lý tại doanh nghiệp đến thực tập, thực hành tốt công việc cụ thể tại các khâu quản lý và hoạt động của doanh nghiệp theo các tiêu chuẩn GSP, GMP, GPP, GLP, GDP, CGAC… và một số hoạt động kinh doanh, marketing…	
	PLO4. Có khả năng tham gia vào một số công việc trong hoạt động tại khoa bệnh viện như khám, chữa bệnh, làm các thủ thuật ngoại khoa cơ bản	
	PLO4. Có khả năng tham gia vào các hoạt động cơ bản như chữa	

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun	CĐR của CTĐT
	bệnh, làm các thủ thuật ngoại khoa cơ bản và an toàn lao động	
MT3	**PLO5.** Đánh giá sự phù hợp và không phù hợp giữa kiến thức, kỹ năng trang bị tại trường với thực tế.	
MT4	**PLO6.** Vận dụng được khả năng làm việc theo nhóm, làm việc độc lập và khả năng giao tiếp cơ bản, giải quyết một số các tình huống thực tế.	CĐR
MT5	**PLO7.** Tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức trong thực hành nghề nghiệp.	CĐR

3. Mục tiêu cụ thể của học phần

3.1. Nội khoa

Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng:

- Tiếp nhận và hoàn thiện được bệnh án nội khoa khi bệnh nhân vào viện.
- Khám phát hiện được các triệu chứng, đề xuất và phân tích được kết quả xét nghiệm của một số bệnh nội khoa thường gặp.
- Chẩn đoán và điều trị được một số bệnh nội khoa thông thường.
- Chẩn đoán, đề xuất được hướng xử trí một số cấp cứu nội khoa thường gặp
- Tư vấn được cho bệnh nhân và gia đình về điều trị và dự phòng một số bệnh nội khoa thông thường.
- Thực hiện được một số thủ thuật đơn giản trong Nội khoa.
- Mô tả được mô hình tổ chức của các khoa phòng và bệnh viện đa khoa hạng 2.

3.2. Ngoại khoa

Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng:

- Tiếp nhận và hoàn thiện được bệnh án ngoại khoa khi bệnh nhân vào viện.
- Khám phát hiện được các triệu chứng, đề xuất và phân tích được kết quả xét nghiệm của một số bệnh ngoại khoa thường gặp.
- Chẩn đoán và điều trị được một số bệnh ngoại khoa thông thường.
- Chẩn đoán, đề xuất được hướng xử trí một số cấp cứu ngoại khoa thường gặp
- Thực hiện được một số thủ thuật ngoại khoa cơ bản.
- Mô tả được mô hình tổ chức của các khoa phòng và bệnh viện đa khoa hạng 2.

3.3. Sản khoa

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

- Làm thành thạo bệnh án sản phụ khoa
- Vận dung được các kiến thức cơ bản về sinh lý, bệnh lý sản phụ khoa vào thăm khám, chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường. Giải thích được cơ chế bệnh sinh các bệnh lý sản phụ khoa.
- Phụ giúp bác sỹ làm một số thủ thuật: đẻ thường, khâu tầng sinh môn, mổ đẻ, nạo hút thai, đốt điện cổ tử cung, lấy bệnh phẩm, đặt dụng cụ tử cung

- Theo dõi chuyển dạ, vẽ biểu đồ chuyển dạ, thăm khám phát hiện các dấu hiệu bất thường trong thời kỳ chuyển dạ, trong cuộc đẻ và hậu sản.

- Khám, phát hiện chẩnđoán vàđiều trịđúng các bệnh lý Phụ khoa: Kinh nguyệt, U xơ tử cung, U nang nang trứng, Viêm âm đạo, Viêm tuyến vú…

- Chỉ định và phân tích được các kết quả xét nghiệm, các kỹ thuật thăm dò trong sản phụ khoa

- Chăm sóc sơ sinh sau đẻ.Tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ

- Tư vấn về Sức khỏe sinh sản.Tư vấn Kế hoạch hóa gia đình

- Tư vấn về dân số.Tư vấn Vô sinh

3.4. Nhi khoa

Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng:

- Tiếp nhận và hoàn thiện được bệnh án khi bệnh nhân vào viện.

- Khám phát hiện được các triệu chứng, đề xuất và phân tích được kết quả xét nghiệm của một số bệnh thường gặp.

- Chẩn đoán và điều trị được một số bệnh thông thường về nhi khoa

4. Mô tả học phần

Đây là học phần giữ vị trí quan trọng cốt lõi về kỹ năng với nội dung giúp sinh viên quan sát, tìm hiểu, phân tích, đánh giá những công việc trong hoạt động thực tế nghề nghiệp, sát với việc làm sau khi tốt nghiệp.

+ Học phần thực tập nghề nghiệp được thực hiện khi sinh viên đã học xong các học phần khác trong chương trình đào tạo Y khoa. Bao gồm 03 tín chỉ, hoàn thành thực hành trong 08 tuần.

+ Mỗi sinh viên lựa chọn thực tập tại một trong các chuyên ngành Nội, Ngoại, Sản, Nhi và đi thực tế tại các Bệnh viện.

+ Sinh viên được hướng dẫn phương pháp học tập, giao chỉ tiêu cùng mức độ cần đạt, các mẫu báo cáo nhóm, mẫu bệnh án trước khi đi thực tập nghề nghiệp.

- Thực hành lâm sàng theo lịch vào giờ hành chính tại các khoa của Bệnh viện

- Tham gia điều trị, trực đêm và các hoạt động chuyên môn khác theo sự phân công của khoa.

- Tự học thực hành, bổ sung kiến thức theo yêu cầu thực tế.

5. Bệnh viện thực hành: Các bệnh viện đa khoa trên địa bàn Hà Nội

- **Nội:** Bệnh viện 19-8 Bộ công an
- **Ngoại:** Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức
- **Sản:** Bệnh viện Phụ Sản Hà Nội
- **Nhi:** Bệnh viện Nhi trung ương

6. Phương pháp giảng dạy

- Sinh viên tự học, rèn luyện, trau dồi các kỹ năng lâm sàng, vận dụng các kiến thức đã được trang bị trong trường và các kiến thức tự học được vào công tác khám chữa bệnh.
- Sinh viên chủ động thảo luận với nhau và có thể trao đổi, xin ý kiến các bác sĩ tại khoa lâm sàng.
- Thực hiện các chỉ tiêu lâm sàng dưới sự hướng dẫn và giám sát của các bác sĩ tại khoa lâm sàng.

7. Vật liệu dạy/học

- Tài liệu học tập: giáo trình, các tài liệu tham khảo

- Bệnh nhân.
- Các dụng cụ phục vụ khám chữa bệnh, làm thủ thuật tại Bệnh viện.
- Các biểu mẫu báo cáo

8. Phương pháp đánh giá học phần

***Thang điểm và cách tính điểm đánh giá**

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

***Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm**

Do giảng viên Bộ môn phối hợp với giảng viên thỉnh giảng tại Bệnh viện thực hành lượng giá thông qua chấm điểm bệnh án, điểm báo cáo và điểm chỉ tiêu lâm sàng. Kết quả của đợt đi thực tế được tính và lấy điểm thực hành nghề nghiệp.

Báo cáo thực tập: 70% (gồm chỉ tiêu lâm sàng, hỏi thi và điểm chuyên cần)

Điểm bệnh án: 30%

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	**Điểm đánh giá quá trình (**Điểm bệnh án hàng tuần)	**30**		
2	**Điểm thi kết thúc lâm sàng**	70		
	Báo cáo thực tập	20		
	Hỏi thi lâm sàng	40		
	Điểm chuyên cần	10		

9. Yêu cầu của học phần

***Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy lâm sàng:**

- Tổ chức theo mô hình, sắp xếp của cơ sở thực tập nghề nghiệp.
- Trang thiết bị máy móc hiện có, hồ sơ quản lý, hồ sơ kỹ thuật và tài liệu tại các cơ sở đến thực tập nghề nghiệp liên quan.
- Có khoa phòng buồng bệnh đầy đủ trang thiết bị thăm khám lâm sàng
- Có bệnh nhân
- Có các vật tư y tế phục vụ thăm khám bệnh nhân

***Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên**

- Sinh viên đi học (làm việc) theo lịch làm việc của khoa, tham gia trực ít nhất 2 lần/tuần, chủ động bố trí tự học tập.
- Chấp hành nghiêm túc các quy định của nhà trường, bộ môn, bệnh viện, khoa khi đi thực tế.
- Mỗi tuần hoàn thành 1 bệnh án hoàn chỉnh
- Đi lâm sàng, đi trực đầy đủ, đúng giờ
- Rèn luyện thái độ, kỹ năng lâm sàng
- Hoàn thành đầy đủ các chỉ tiêu lâm sàng thực tế nghề nghiệp theo yêu cầu
- Sinh viên không nộp nhật ký và báo cáo đúng thời hạn, được coi như không nộp bài
- Sinh viên nghỉ học có lý do phải được sự đồng ý của cán bộ phụ trách tại cơ sở; đồng thời báo cáo cho giảng viên hướng dẫn.
- Tự học lâm sàng dưới sự hướng dẫn, giám sát của các bác sỹ của khoa lâm sàng

II. NỘI DUNG CHI TIẾT TỪNG CHUYÊN NGÀNH

1.NỘI KHOA

1.1 Thông tin giảng viên:

TT	Họ và tên giảng viên	Số điện thoại	Email	Bệnh viện
1	**Giảng viên phụ trách:** Ths Nguyễn Du Ths.BSCK2 Trần Thị Kim Thư Ths.BSNTĐặng Việt Sinh TS Trần Văn Phú	 0912337842 0982463479 0915011418 0967510118	nguyendu65@gmail.com bstrankimthu@gmail.com bssinh2016@gmail.com	
2	**Danh sách giảng viên thỉnh giảng tại cơ sở thực tập nghề nghiệp** (tại 5 khoa nội và khoa Cấp cứu, Hồi sức và chống độc: Gồm 13 giảng viên Ths Dương Hồng Niên – Chuyên khoa Tim mạch. Ths Phan Đình Nghĩa – CK Tim mạch. TS Đinh Thị Hòa – CK hô hấp Ths.BSCK2 Vũ Thị Dịu – CK hô hấp PGS.TS Hoàng Thanh Tuyền – CK Tiêu hóa Ths Nguyễn Việt Dũng: CK Tiêu hóa Ths Phạm Văn Đức – CK Tiêu hóa. BSCK2 Phạm Tuấn Dương – CK Nội tiết Ths Phạm Thị Ngọc Yến - CK Nội tiết Ths.BSCK2 Nguyễn Thị Thu Trang – CK Thận - Khớp Ths Nguyễn Duy Tuấn – CK Thận - Khớp Ths Bùi Nam Phong – CK HSCC BSCK2 Mạch Thọ Thái - CK HSCC			Bệnh viện 198 Bộ công an

1.2. Nội dung và Chỉ tiêu lâm sàng

- Trong học phần này sinh viên được thực hành công tác khám chữa bệnh đối với một số bệnh nội khoa thường gặp tại bệnh viện dưới sự hướng dẫn của các Bác sĩ tại Bệnh viện. Người học tiếp tục hoàn thiện các kỹ năng lâm sàng và thực sự tiếp cận với các phương pháp chẩn đoán và điều trị trong điều kiện làm việc thực tế.

- Hàng ngày, sinh viên đến Bệnh viện (các khoa Nội và Hồi sức Cấp cứu) học tập, làm việc, trực và tham gia các hoạt động chuyên môn khác theo sự phân công của khoa. Việc học tập của sinh viên được đặt dưới sự hướng dẫn và giám sát của các bác sĩ, thông qua việc sinh viên trực tiếp hỏi bệnh, khám bệnh, làm bệnh án, đề xuất các xét nghiệm cận lâm sàng cần thiết, đề xuất phương pháp điều trị cho bệnh nhân.

- Để hoàn thành các mục tiêu đề ra, sinh viên cần phải có kế hoạch cụ thể, chủ động học tập thông qua việc giải quyết các vấn đề thực tế, kết hợp chặt chẽ công việc học tập với phục vụ bệnh nhân, rèn luyện y đức, tôn trọng và đảm bảo quyền lợi của bệnh nhân cũng như cơ sở thực tập.

**** Chỉ tiêu lâm sàng cụ thể:***

- Tham gia tiếp nhận, làm bệnh án bệnh nhân mắc bệnh Nội khoa và cấp cứu nội thường gặp. Khám bệnh, đề xuất cận lâm sàng, chẩn đoán, đưa ra phác đồ điều trị với nội dung cụ thể như sau:

-Thực hiện thủ thuật Nội khoa thông thường:

STT	Bệnh Nội khoa thường gặp	Số tiết giảng
1	Tăng huyết áp	04
2	Bệnh van tim: Hẹp van hai lá, hở van động mạch chủ	04
3	Bệnh mạch vành	04
4	Suy tim	04
5	Rối loạn nhịp tim	04
6	Viêm phổi	04
7	Viêm phế quản cấp	04
8	Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	04
9	Hen phế quản	04
10	Tràn dịch màng phổi	04
11	Tâm phế mạn	04
12	Loét DD-TT	04
13	Xơ gan	04
14	Xuất huyết tiêu hoá cao	04
15	Viêm gan mạn	04
16	Viêm tụy cấp	04
17	Ung thư gan nguyên phát	04
18	Hội chứng ruột kích thích	04
19	Hội chứng thận hư thứ phát	04
20	Nhiễm khuẩn tiết niệu	04
21	Suy thận cấp	04
22	Bệnh thận mạn	04
23	Viêm khớp dạng thấp	04
24	Thoái hóa khớp	04
25	Bệnh Gút	04
26	Đái tháo đường	04
27	Basedow	04
28	Suy thuyến thượng thận cấp/mạn	04
29	Tai biến mạch máu não	04
30	Ngừng hô hấp - tuần hoàn	04
31	Ngộ độc cấp	04
32	Hỏi thi	11
TỔNG:		**135**

Chỉ tiêu lâm sàng

Stt	Tên thủ thuật	Số lần	Mức độ đạt		
			1	2	3
1	Làm bệnh án	8			x
2	Cho bệnh nhân thở ôxy	10			x
	Làm điện tâm đồ	5			x
3	Đặt sonde dạ dày/Rửa dạ dày	2		x	
4	Chọc dò màng phổi	2		x	
5	Chọc dò màng bụng	2		x	
6	Thăm trực tràng	2			x
7	Cấp cứu ngừng tuần hoàn - hô hấp	2		x	
8	Thực hành truyền máu	2	x		
9	Thực hành truyền dịch	10			x
10	Thông tiểu/Thụt tháo	2		x	
11	Đặt nội khí quản	2	x		
12	Đặt cathether TMTT	1	x		

***Ghi chú:**

- Mức độ 1: Kiến tập
- Mức độ 2: Làm dưới sự giám sát của bác sĩ
- Mức độ 3: Làm độc lập và làm thành thạo
- Quan sát, tìm hiểu mô hình tổ chức và hoạt động của các khoa phòng và bệnh viện đa khoa tỉnh

1.3. Tài liệu học tập, tham khảo

***Tài liệu học tập**

1. *Giáo trình Nội khoa cơ sở (2015), Bộ môn Nội YHHĐ, Học viện YDHCT Việt Nam (tài liệu lưu hành nội bộ).*

2. Giáo trình Bệnh học Nội khoa (2021) Bộ môn Nội Học viện YDHCT Việt Nam (tài liệu lưu hành nội bộ).

***Tài liệu tham khảo**

1. *Triệu chứng học nội khoa tập 1 (2020), Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.*
2. *Triệu chứng học nội khoa tập 2 (2020), Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.*
3. *Bài giảng bệnh học Nôi khoa tập 1(2020), Bộ môn Nội Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản Y học.*
4. *Bài giảng bệnh học Nôi khoa tập 2 (2020), Bộ môn Nội Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản Y học.*
5. *Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị nội khoa (2017), Bộ y tế*
6. *Hóa sinh lâm sàng (2019), Nhà xuất bản y học*
7. *Thực hành đọc điện tâm đồ (2014) Nguyễn Quang Tuấn, Nhà xuất bản y học.*

2. NGOẠI KHOA

2.1.Thông tin về giảng viên

Stt	Họ và tên giảng viên	Số điện thoại	Email	Bệnh viện
1	**Giảng viên phụ trách chính:** TS. Phạm Thái Hưng	0982714599	phamthaihung73@gmail.com	Bệnh viện Hữu nghị

Stt	Họ và tên giảng viên	Số điện thoại	Email	Bệnh viện
	BSCKI. Phạm Việt Dương	0902110224	duongpv1104@gmail.com	Việt Đức
	ThS. Tạ Thị Kim Hoa	09666647785	bskimhoahvydh@gmail.com	
2	**Khoa cấp cứu bụng:** PGS.TS Nguyễn Đức Tiến TS. Dương Trọng Hiền TS. Bùi Thanh Phúc ThS. Tào Minh Châu ThS. Nguyễn Trung Nghĩa	 0903260475 0989082871 0973872940 0989962212 0983224830	GV tại Bệnh viện	
3	**Khoa Tiêu Hóa - Trung tâm phẫu thuật đại trực tràng và tầng sinh môn:** PGS.TS Nguyễn Xuân Hùng TS. Nguyễn Xuân Hòa TS. Quách Văn Kiên BSCKII. Lê Nhật Huy BSCKII. Phạm Thanh Huyền	 0913564952 0988110844 0965303999	GV tại Bệnh viện	
4	**Khoa Phẫu thuật thần kinh 2:** TS. Nguyễn Duy Tuyển ThS. Vũ Quang Hiếu	 0912033632 0912230303	GV tại Bệnh viện	
5	**Trung tâm tim mạch và Lồng ngực:** TS. Phùng Duy Hồng Sơn ThS. Nguyễn Việt Anh	 0962515301	GV tại Bệnh viện	
6	**Chấn thương (chi trên - chi dưới):** PGS.TS Nguyễn Mạnh Khánh TS. Trần Hoàng Tùng ThS. Nguyễn Mộc Sơn	 0913588199 0933886688 0984888225	GV tại Bệnh viện	
7	**Phẫu Thuật Tiết Niệu:** TS. Đỗ Ngọc Sơn ThS. Ngô Đậu Quyền	 0903671686 0986772327	GV tại Bệnh viện	
8	**Khoa Gan mật:** TS. Đỗ Tuấn Anh TS. Nguyễn Hải Nam	 0903267855 0913510818	GV tại Bệnh viện	

2.2. Nội dung và Chỉ tiêu lâm sàng

- Trong học phần này sinh viên được thực hành công tác khám chữa bệnh đối với một số bệnh ngoại khoa thường gặp tại bệnh viện dưới sự hướng dẫn của các Bác sĩ tại Bệnh viện. Người học tiếp tục hoàn thiện các kỹ năng lâm sàng và thực sự tiếp cận với các phương pháp chẩn đoán và điều trị trong điều kiện làm việc thực tế.

- Hàng ngày, sinh viên đến Bệnh viện học tập, làm việc, trực và tham gia các hoạt động chuyên môn khác theo sự phân công của khoa. Việc học tập của sinh viên được đặt dưới sự hướng dẫn và giám sát của các bác sĩ, thông qua việc sinh viên trực tiếp hỏi bệnh, khám bệnh, làm bệnh án, đề xuất các xét nghiệm cận lâm sàng cần thiết, đề xuất phương pháp điều trị cho bệnh nhân.

- Để hoàn thành các mục tiêu đề ra, sinh viên cần phải có kế hoạch cụ thể, chủ động học tập thông qua việc giải quyết các vấn đề thực tế, kết hợp chặt chẽ công việc học tập với phục vụ bệnh nhân, rèn luyện y đức, tôn trọng và đảm bảo quyền lợi của bệnh nhân cũng như cơ sở thực tập.

Nội dung chi tiết học phần

Stt	Nội dung giảng lâm sàng	Số tiết giảng
1	Khám, chẩn đoán, đưa ra các hướng xử trí Viêm ruột thừa cấp và các biến chứng của viêm ruột thừa cấp (Viêm ruột thừa muộn)	08
2	Khám, chẩn đoán, đưa ra các hướng xử trí Chấn thương bụng kín - vết thương thấu bụng	08
3	Khám, chẩn đoán, đưa ra các hướng xử trí Sỏi mật và sỏi mật tái phát	08
4	Khám, chẩn đoán, đưa ra các hướng xử trí Thoát vị bẹn - Co thắt tâm vị	08
5	Khám, chẩn đoán, đưa ra các hướng xử trí Trĩ, áp xe – rò hậu môn, nứt kẽ hậu môn	08
6	Khám, chẩn đoán, đưa ra các hướng xử trí Ung thư dạ dày	08
7	Khám, chẩn đoán, đưa ra các hướng xử trí Ung thư đại – trực tràng	08
8	Khám, chẩn đoán, đưa ra các hướng xử trí Sỏi hệ tiết niệu (sỏi đài bể thận, niệu quản, bàng quang, niệu đạo)	08
9	Khám, chẩn đoán, đưa ra các hướng xử trí Chấn thương ngực kín - vết thương thấu ngực	08
10	Khám, chẩn đoán, đưa ra các hướng xử trí Chấn thương sọ não và vết thương sọ não	08
11	Khám, chẩn đoán, đưa ra các hướng xử trí Gãy xương đòn, xương chi trên, chi dưới	08
12	Bình bệnh án theo thực tế tại khoa	27
13	Giảng những ca bệnh đặc biệt tại bệnh viện	10
14	Hỏi thi	10
TỔNG:		**135**

Chỉ tiêu lâm sàng

Trong thời gian (08 tuần) học lâm sàng ngoại khoa sinh viên phải hoàn thành các chỉ tiêu sau:

- Hoàn thành 8 bệnh án của các bệnh đã liệt kê trong nội dung học tập.
- Mỗi bệnh đã kiệt kê trong chỉ tiêu học học tập, sinh viên phải khám được ít nhất 1 bệnh nhân và đưa ra các hướng xử trí.
- Nhận định kết quả phim chụp x.quang thường: ngực, chi, cột sống.
- Nhận định kết quả siêu âm bụng, ngực, mô mềm, mạch máu.
- Nhận định kết quả phim chụp cắt lớp vi tính sọ não, ngực, bụng, mạch máu
- Nhận định kết quả phim chụp cộng hưởng từ sọ não, ngực, bụng.

- Đọc và đánh giá được ý nghĩa các chỉ số xét nghiệm huyết học, miễn dịch, sinh hóa, vi sinh, giải phẫu bệnh cơ bản

2.3. Tài liệu học tập, tham khảo

1. Đại học Y Hà Nội (2012), *Bài giảng Bệnh học ngoại khoa tập I-II*, NXB Y học, Hà Nội
2. Đại học Y Hà Nội (2010), *Cấp cứu ngoại khoa tập I-II*, NXB Y học, Hà Nội.
3. Đại học Y Hà Nội (2010), *Cấp cứu ngoại khoa tiêu hóa*, NXB Y học, Hà Nội
4. Đại học Y Hà Nội (2006), *Cấp cứu ngoại khoa tiết niệu*, NXB Y học, Hà Nội
5. Đại học Y Hà Nội (2006), *Cấp cứu ngoại khoa chấn thương*, NXB Y học, Hà Nội
6. Đại học Y Hà Nội (2010), *Bệnh học ngoại khoa (dùng để ôn thi sau đại học)* , NXB Y học, Hà Nội

3. SẢN PHỤ KHOA

3.1.Thông tin về giảng viên

TT	Họ và tên giảng viên	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1	TS. Nguyễn Thị Thủy	0912424455	nguyenthithuy@gmail.com	GV mời Bệnh viện Phụ sản Hà Nội
2	BSCKII. Trần Quyết Thắng	0904484444	minhthang4484444@gmail.com	
3	Ths. Nguyễn Thành Trung	09044482038	thanhtrung.nth@gmail.com	
4	BSCKII. Nguyễn Thị Ngọc Bích	0912425566	ngocbich@gmail.com	
5	BSCKI.Nguyễn Minh Đức	0967898896	minhduc@gmail.com	
6	BSCKII.Nguyễn Đức Tú	0983730414	Ductuhd.nguyen@gmail.com	

3.2. Nội dung và chỉ tiêu lâm sàng

Sản phụ khoa là môn học về các chứng bệnh của riêng người phụ nữ, bao gồm các bệnh của bộ máy sinh dục nữ và tất cả những gì có liên quan. Chuyên ngành trang bị cho sinh viên kiến thức về đặc điểm sinh lý, bệnh lý, cách khám phát hiện bệnh, cách phòng và điều trị các bệnh Phụ khoa, Sản khoa. Gồm 2 nội dung cơ bản:

- Đặc điểm sinh lý, bệnh lý, nguyên tắc điều trị Sản phụ khoa
- Phụ khoa: Bệnh lý của bộ phận sinh dục nữ ngoài thời kỳ sinh đẻ
- Sản khoa: Là tình trạng thai nghén và các bệnh lý liên quan đến sinh đẻ
- Ngoài ra cần phải nghiên cứu thêm các biện pháp sinh đẻ kế hoạch giúp người phụ nữ sinh đẻ theo ý muốn đặc biệt là điều trị các bệnh lý về vô sinh cho các cặp vợ chồng hiếm muộn; Các bệnh lý sơ sinh; Dân số học; Các bệnh lý Ung thư Sản phụ khoa...

Kế hoạch giảng dạy lâm sàng

Tuần	Giờ giảng của giảng viên (giờ)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	
1	20			Bình bệnh án, thảo luận nhóm	**30**
2	10		10	Bài tập tình huống	**30**
3	20			Bình bệnh án, thảo luận nhóm	**30**

4	15	5		Bài tập tình huống	**15**
5	20			Bình bện án, thảo luận nhóm	**15**
6	10			Bình bệnh án	**5**
7	10			Bình bệnh án, thảo luận nhóm	**0**
8	02	08		Bình bệnh án, thảo luận nhóm	**20**
9	05			Hỏi thi	
Tổng	**135**				

Chỉ tiêu chi tiết học phần

Stt	Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
1	Làm 8 bệnh án sản khoa, phụ khoa (bệnh án điều kiện)	10	30	- Làm và nộp bệnh án điều kiện đúng hạn
2	Khám và quản lý thai nghén	10	30	- Kiến tập khám và quản lý thai nghén - Khám và quản lý thai nghén 10 ca
3	Theo dõi chuyển dạ	10	30	- Nhận biết các dấu hiệu chuyển dạ - Theo dõi chuyển dạ 10 ca
4	Vẽ biểu đồ chuyển dạ	05	15	- 10 ca
5	Kiến tập đỡ đẻ thường	10	15	- 10 ca
6	Khâu vết cắt tầng sinh môn	5	5	- 02 ca
7	Kiến tập mổ đẻ	10	0	- 10 ca
8	Khám phụ khoa	15	15	- Nhận biết các dấu hiệu bệnh lý Phụ khoa - Khám phụ khoa 10 ca
9	Đặt mỏ vịt, lấy bệnh phẩm dịch âm đạo	10	10	- 5 ca
10	Lấy bệnh phẩm xét nghiệm ung thư cổ tử cung	5	10	- 3 ca
11	Theo dõi sản phụ sau đẻ	10	10	- Theo dõi 15 ca
12	Chăm sóc sơ sinh sau đẻ (tắm bé)	10	10	- 15 ca
13	Đặt dụng cụ tử cung, tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ	10	10	- Kiến tập - Phụ giúp thầy thuốc - Trực tiếp tư vấn
14	Tư vấn sức khỏe sinh sản	02	0	Tư vấn 6 trường hợp
15	Hỏi thi	08	0	
	Tổng	130	190	

3.3. Tài liệu học tập, tham khảo

- Bài giảng Sản phụ khoa Y học hiện đại (lưu hành nội bộ). Bộ môn Sản phụ khoa Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam

- Bài giảng sản khoa – Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh

- Bài giảng sản phụ khoa – Đại học Y Hà Nội Tập 1, Tập 2

- Bài giảng Sản phụ khoa Đại học Y Hà Nội (dùng cho đối tượng sau đại học)

- Phụ khoa thực hành

- Siêu âm sản khoa thực hành – Đỗ Danh Toàn – Nhà xuất bản Y học

- Thủ thuật Sản khoa – Nhà xuất bản Y học

4. NHI KHOA

4.1 Thông tin giảng viên:

TT	Họ và tên giảng viên	Số điện thoại	Email	Bệnh viện/ Khoa
1 2	**Giảng viên phụ trách:** ThS. Bùi Thị Hương Thu ThS.Nguyễn Văn Khiêm	0973257839 0968998333		Bệnh viện Nhi trung ương
3	TS. Cao Việt Tùng			
4	PGS.TS Lê Thị Hồng Hanh			
5	BSCKII. Lê Thanh Chương			
6	TS.BS Lê Hồng Quang			
7	BSCKII. Lê Thị Phượng			
8	TS.Nguyễn Thị Mai Hương			
9	TS. Nguyễn Hoàng Nam			
10	TS. Nguyễn Văn Lâm			
11	TS. Đỗ Thiện Hải			
12	TS. Đào Hữu Nam			
13	TS. Lê Quỳnh Chi			
14	TS. Nguyễn Thị Vân Anh			
15	TS. Ngô Anh Vinh			
16	TS. Nguyễn Thu Hương			
17	TS. Thái Thiên Nam			
18	ThS. Trương Mạnh Tú			
19	TS. Vũ Chí Dũng			
20	TS. Nguyễn Ngọc Khánh			
21	TS. Lưu Thị Mỹ Thục			

TT	Họ và tên giảng viên	Số điện thoại	Email	Bệnh viện/ Khoa
22	TS. Lê Ngọc Duy			
23	TS. Phạm Ngọc Toàn			
24	BSCKII. Đặng Thúy Hà			

4.2. Nội dung học phần

Stt	Nội dung giảng lâm sàng	Số tiết	Giảng viên
1	Chẩn đoán và xử trí suy hô hấp	04	
2	Chẩn đoán và xử trí cơn hen phế quản cấp	02	
3	Chẩn đoán và điều trị viêm phổi	02	
4	Chẩn đoàn và điều trị viêm tiểu phế quản	02	
5	Chẩn đoán và điều trị suy tim	04	
6	Chẩn đoán và điều trị tim bẩm sinh	02	
7	Chẩn đoán và điều trị bệnh Kawasaki	02	
8	Chẩn đoán và điều trị viêm não	04	
9	Chẩn đoán và điều trị bệnh tay chân miệng	02	
10	Chẩn đoán và điều trị bệnh sốt xuất huyết Dengue	02	
11	Chẩn đoán và điều trị sốc ở trẻ em	04	
12	Chẩn đoán và điều trị sốc phản vệ	02	
13	Chẩn đoán và điều trị ngộ độc Paracetamol	02	
Ghi chú: *Nội dung giảng có thể thay đổi phụ thuộc vào tình hình thực tế tại các khoa khi thực hành lâm sàng. Mời giảng: 3 buổi/tuần/nhóm SV.*			

4.3. Chỉ tiêu lâm sàng:

- Hoàn thành 01 bệnh án suy hô hấp
- Hoàn thành 01 bệnh án hen phế quản cấp
- Hoàn thành 01 bệnh án viêm phổi
- Hoàn thành 01 bệnh án viêm tiểu phế quản
- Hoàn thành 01 bệnh án suy tim
- Hoàn thành 01 bệnh án tim bẩm sinh
- Hoàn thành 01 bệnh án bệnh Kawasaki
- Hoàn thành 01 bệnh án viêm não
- Hoàn thành 01 bệnh án tay chân miệng
- Hoàn thành 01 bệnh án sốt xuất huyết Dengue
- Hoàn thành 01 bệnh án sốc (sốc nhiễm trùng/sốc giảm thể tích…)
- Hoàn thành 01 bệnh án sốc phản vệ
- Hoàn thành 01 bệnh án ngộ độc Paracetamol

4.4. Tài liệu học tập, tham khảo

1. Bộ môn Nhi - Đại học Y Hà Nội (2020), *Bài giảng Nhi khoa tập 1,2*, Nhà xuất bản Y học.
2. Bộ môn Nhi - Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh (2020), *Nhi khoa tập 1,2*, Nhà XB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
3. Bệnh viên Nhi đồng 1 (2020), *Phác đồ điều trị Nhi khoa 2020 tập 1,2*, Nhà xuất bản Y học
4. Bệnh viện Nhi trung ương (2020), *Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh trẻ em,* Nhà XB Y học

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

PHỤ LỤC 2
Mẫu nhật ký thực tập

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

NHẬT KÍ THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP

TẠI BỆNH VIỆN…...

Giảng viên hướng dẫn: ……
Sinh viên: …….
Mã sinh viên: ……
Nhóm: …….
Địa điểm: Bệnh viện …….
Địa chỉ: …….

HÀ NỘI – 2022

Nội dung mỗi trang trong nhật ký thực tập

THỨ ..... NGÀY .....THÁNG ..... NĂM 2021

BỘ PHẬN ĐƯỢC PHÂN CÔNG ĐẾN THỰC TẬP……

CÔNG VIỆC THỰC HIỆN GỒM: ……

BUỔI SÁNG:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

BUỔI CHIỀU:

.....

.....

.....

.....

PHỤ LỤC 3

Báo cáo tổng kết và tự nhận xét các chỉ tiêu đã thực hiện được:

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

BÁO CÁO THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP

TẠI BỆNH VIỆN…...

Giảng viên hướng dẫn: ……
Sinh viên: ……
Mã sinh viên: ……
Nhóm: ……
Địa điểm: …… ……
Địa chỉ: ……

HÀ NỘI – 2022

Nội dung báo cáo được ghi theo thứ tự từng phần trong mục

1. HÀNH CHÍNH

Số thời ngày học:
Số ngày trực:
Số ngày nghỉ:
Học bù:

2. CHUYÊN MÔN:

Chỉ tiêu:

TT	Chỉ tiêu	Được giao	Thực hiện
1.1			
1.2			
1.3			

3. Tự nhận xét về kết quả thực tập nghề:

Nhận xét của cán bộ phụ trách tại cơ sở

.....
.....
.....

.....

Điểm tại cơ sở

Ngày ... tháng..... năm.....
Cán bộ phụ trách

Nhận xét của giảng viên hướng dẫn

.....
.....
.....

.....

Điểm

Ngày … tháng….. năm…..
Giảng viên hướng dẫn

Nhận xét của giảng viên chấm báo cáo

.....
.....
.....

.....

Điểm

Ngày … tháng ….. năm …..
Giảng viên chấm

Tiêu chí đánh giá	Mô tả mức chất lượng				Trọng số
	Không đạt (<4.0)	**Trung bình yếu/Trung bình khá (4.0-6.99)**	**Khá (7.0-8.4)**	**Giỏi/Xuất sắc (8.5-10.0)**	
Cấu trúc - Hình thức	1. Cấu trúc bài báo cáo không đầy đủ và rõ ràng. 2. Hình thức trình bày báo cáo không phù hợp với yêu cầu của Học viện. 3. Bài báo cáo thiếu tính logic, quá nhiều lỗi chính tả. 4. Sao chép nguyên vẹn bài báo cáo của các nhóm khác.	1. Cấu trúc đầy đủ, rõ ràng. 2. Hình thức trình bày báo cáo phù hợp với yêu cầu của Học viện 3. Bài báo cáo thiếu tính logic, quá nhiều lỗi chính tả. 4. Tham khảo bài báo cáo khác và có bổ sung số liệu.	1. Cấu trúc bài báo cáo đúngyêu cầu , đầy đủ và rõ ràng. 2. Hình thức trình bày đúng yêu cầu, sạch, đẹp. 3. Bài báo cáo có tính logic, mạch lạc.	1. Bài báo cáo đạt ở mức độ khá trở lên. 2. Hình thức có đầu tư và sáng tạo.	**20%**
Nội dung	1. Không đáp ứng được mục tiêu học phần đã đề ra. 2. Sơ đồ tổ chức mô tả không đúng với hiện tại của cơ sở thực tế. 3. Chưa vận dụng được các kiến thức chuyên môn về khám, chẩn đoán bệnh tại cơ sở thực tế. 4. Chưa phân tích được các vấn đề còn tồn tại, hạn chế của cơ sở thực tế. 5. Chưa nắm bắt được quy trình vận	1. Đáp ứng được mục tiêu học phần. 2. Sơ đồ tổ chức phù hợp với hiện tại của cơ sở thực tế. 3. Tổng hợp được hệ thống cơ sở lý thuyết về khám, chẩn đoán và điều trị tại cơ sở thực tế. 4. Phân tích được nhưng chưa sâu các vấn đề còn hạn chế, tồn tại của cơ sở thực tập	1. Thể hiện rõ mục tiêu của quá trình thực tập; xác định được các vấn đề cần nghiên cứu phù hợp. 2. Xây dựng được hệ thống cơ sở lý thuyết về khám, chẩn đoán và điều trị. 3.Phân tích và làm rõ được các vấn đề có liên quan đến hoạt động nghề nghiệp tại cơ sở thực tế. 4. Phân tích được	1. Thể hiện rõ và đầy đủ mục tiêu của quá trình thực tập; xác định được các vấn đề cần nghiên cứu phù hợp. 2. Xây dựng được hệ thống cơ sở lý thuyết về khám, chẩn đoán và điều trị có liên quan đến quá trình thực tập. 3. Phân tích và làm rõ được các vấn đề có liên quan đến hoạt động của cơ sở	**60%**

	hành, các hoạt động chuyên môn về khám, chẩn đoán và chữa bệnh tại cơ sở thực tế.		các vấn đề còn hạn chế, tồn tại của cơ sở thực tế một cách rõ ràng. 5.Đề xuất các giải pháp	thực tập. 4. Phân tích được các vấn đề còn hạn chế, đang tồn tại của cơ sở thực tập và có đề xuất các giải pháp cải tiến phù hợp với kết quả phân tích. 5. Hiểu được quy trình vận hành, quản lý và hoạt động tại cơ sở thực tập.	

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
CHUYÊN MÔN TỔNG HỢP

1. Thông tin về giảng viên

Họ và tên giảng viên phụ trách học phần: Phạm Thái Hưng

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Bộ phận liên hệ: Khoa Y học lâm sàng

Điện thoại: 0982714599 Email: phamthaihung73@gmail.com

Thông tin về trợ giảng (*nếu có*) (*họ và tên, địa chỉ liên hệ, điện thoại, e-mail*)

2. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Chuyên môn tổng hợp
- Mã học phần: MEDI 6142
- Số tín chỉ (*lý thuyết/thực hành*): 10 (5/5)
- Ngành đào tạo: Y khoa Bậc đào tạo: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

- Yêu cầu của học phần: bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: sinh viên đã học các học phần trong chương trình đào tạo Bác sỹ đa khoa.
- Bộ phận phụ trách học phần: Khoa Y học lâm sàng

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Chuẩn kiến thức

Vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và y học lâm sàng trong thực hành chăm sóc sức khỏe.

Vận dụng được y học dựa trên chứng cứ trong thực hành chăm sóc sức khỏe.

Vận dụng được các kiến thức tăng cường sức khỏe và phòng ngừa bệnh tật trong chăm sóc sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng.

3.2. Chuẩn kỹ năng

Thực hiện được khám, tổng hợp và diễn giải thông tin lâm sàng và cận lâm sàng; chẩn đoán chính xác các bệnh lý phổ biến.

Thiết lập kế hoạch điều trị chăm sóc sức khỏe toàn diện và hợp lý, theo nguyên tắc người bệnh là trung tâm.

Thực hiện được sơ cấp cứu và điều trị người bệnh phù hợp với vai trò, chức năng bác sĩ Y khoa; đảm bảo chăm sóc liên tục, an toàn và hiệu quả.

Xác định được các vấn đề sức khỏe thông thường trong cộng đồng, lập kế hoạch và đề xuất các giải pháp thích hợp.

Giao tiếp và phối hợp hiệu quả với người bệnh và người thân của người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng trong thực hành chăm sóc sức khỏe.

Thực hiện tổ chức, quản lý và duy trì môi trường làm việc chuyên môn một cách an toàn và hiệu quả.

3.3.Chuẩn thái độ

Tuân thủ các quy định pháp lý và chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong thực hành chăm sóc sức khỏe.

Thể hiện tính chuyên nghiệp và phát triển nghề nghiệp liên tục trong thực hành chăm sóc sức khỏe.

4. Tóm tắt nội dung học phần

Với mỗi chủ đề, bao gồm các nội dung sau: triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, điều trị theo YHHĐ.

5. Nội dung chi tiết học phần

5.1.Nhi khoa

a. Lý thuyết

STT	Tên chuyên đề
1.	Đánh giá, phân loại, xử trí nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính
2.	Viêm phổi
3.	Hen phế quản
4.	Một số bệnh tim bẩm sinh thường gặp
5.	Còi xương
6.	Suy dinh dưỡng
7.	Tiêu chảy cấp
8.	Viêm cầu thận cấp
9.	Hội chứng thận hư
10.	Nhiễm khuẩn tiết niệu
11.	Co giật
12.	Viêm màng não mủ
13.	Thiếu máu thiếu sắt
14.	Tay chân miệng
15.	Chăm sóc trẻ sơ sinh
16.	Nhiễm khuẩn sơ sinh
17.	Suy hô hấp sơ sinh
18.	Vàng da sơ sinh
19.	Suy giáp trạng bẩm sinh
20.	Tăng sản thượng thận bẩm sinh (thể thiếu 21OH)

b. Lâm sàng

STT	Các bệnh thường gặp
1	Viêm phổi
2	Viêm tiểu phế quản
3	Hen phế quản
4	Viêm dạ dày
5	Tiêu chảy cấp
6	Viêm cầu thận
7	Hội chứng thận hư
8	Tăng sản thượng thận bẩm sinh
9	Co giật
10	Viêm màng não
11	Tăng sản thượng thận bẩm sinh
12	Tay chân miệng
13	Sởi
14	Tim bẩm sinh

5.2. Nội khoa

a. Lý thuyết

STT	Tên bài giảng
1	Bệnh mạch vành - nhồi máu cơ tim
2	Tăng huyết áp
3	Suy tim
4	Hen phế quản
5	Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD)
6	Viêm phổi cộng đồng
7	Xuất huyết tiêu hóa cao
8	Viêm loét dạ dày tá tràng
9	Xơ gan
7	Bệnh thận mạn tính
8	Hội chứng thận hư thứ phát
9	Nhiễm khuẩn tiết niệu
10	Viêm khớp dạng thấp
12	Thoái hóa khớp
13	Bệnh gout
14	Đái tháo đường
15	Basedow
16	Hội chứng Cushing

17	Ngộ độc cấp
18	Suy hô hấp cấp

b. Lâm sàng

STT	Bệnh nội khoa thường gặp
1	Tăng huyết áp
2	Bệnh van tim: Hẹp van hai lá, hở van động mạch chủ
3	Bệnh mạch vành
4	Suy tim
5	Rối loạn nhịp tim
6	Viêm phổi
7	Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính
8	Hen phế quản
9	Tràn dịch màng phổi
10	Tâm phế mạn
11	Loét dạ dày tá tràng
12	Xơ gan
13	Xuất huyết tiêu hoá cao
14	Viêm gan mạn
15	Hội chứng thận hư thứ phát
16	Nhiễm khuẩn tiết niệu
17	Bệnh thận mạn
18	Viêm khớp dạng thấp
19	Thoái hóa khớp
20	Bệnh Gout
21	Đái tháo đường
22	Basedow
23	Suy thuyến thượng thận cấp/mạn
24	Tai biến mạch máu não
25	Ngộ độc cấp
26	Suy hô hấp

5.3. Sản khoa

a. Lý thuyết

STT	Tên chuyên đề
1.	Các giai đoạn chuyển dạ
2.	Bệnh lý hậu sản (Băng huyết sau sinh, nhiễm khuẩn hậu sản, bế sản dịch, thiếu sữa, ít sữa..)
3.	Chửa ngoài tử cung
4.	U xơ tử cung
5.	Rong kinh, rong huyết
6.	Dọa sẩy, dọa đẻ non
7.	Rau tiền đạo
8.	Tiền sản giật

b. Lâm sàng

STT	Tên chuyên đề
1.	Chuyển dạ
2.	Sản hậu(đẻ thường, đẻ mổ)
3.	Chửa ngoài tử cung
4.	U xơ tử cung
5.	Rong kinh, rong huyết
6.	Dọa sẩy, dọa đẻ non
7.	Rau tiền đạo
8.	Tiền sản giật

5.4. Ngoại khoa

a. Lý thuyết

STT	Tên chuyên đề
1.	Tắc ruột
2.	Viêm ruột thừa
3.	Chấn thương ngực
4.	Chảy máu đường tiêu hóa trên

5.	Chấn thương sọ não
6.	Ung thư đại tràng
7.	Thoát vị bẹn - thoát vị đùi
8.	Trĩ
9.	Rò hậu môn
10.	Giãn đại tràng bẩm sinh
11.	Gãy xương hở
12.	Vết thương khớp
13.	Vết thương phần mềm
14.	Chấn thương cột sống
15.	Sỏi thận – niệu quản
16.	U phì đại lành tính tiền liệt tuyến
17.	Chấn thương bụng kín
18.	Hội chứng thiếu máu chi
19.	Nhiễm trùng bàn tay
20.	Gãy 2 xương cẳng chân
21.	Thủng ổ loét dạ dày

b. Lâm sàng

STT	Tên bệnh
1	Viêm ruột thừa
2	Sỏi mật
3	Dị tật hậu môn trực tràng
4	Chấn thương và vết thương động mạch chi
5	Gãy xương chi trên: gãy kín, gãy hở
6	Gãy xương chi đưới: gãy kín, gãy hở
7	Sỏi thận
8	Sỏi niệu quản - sỏi Bàng Quang
9	Chấn thương sọ não máu tụ ngoài màng cứng
10	Chấn thương cột sống
11	Chấn thương ngực kín - Vết thương ngực hở

12	Lồng ruột
13	Chảy máu trong ổ bụng
14	Chấn thương niệu đạo

7. Hình thức tổ chức dạy – học

Hình thức: sinh viên tự học, thảo luận dưới hình thức giải đáp thắc mắc.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

- Cách thức đánh giá: thi tự luận với phần lý thuyết, thi vấn đáp với phần thực hành.
- Điểm đạt: 5.0
- Thi lâm sàng: sinh viện chọn một trong bốn môn Nội, Ngoại, Sản, Nhi với hình thức làm bệnh án thi tại các Bệnh viện thực hành
- Lý thuyết: sinh viên thi một trong hai tổ hợp môn
  + Ngoại - Sản đối với sinh viên thi lâm sàng ngoại và sản
  + Nội - Nhi đối với sinh viên thi lâm sàng nội và nhi

Hà Nội, ngày tháng năm 202.....

GIÁM ĐỐC DUYỆT	PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC	KHOA Y HỌC LÂM SÀNG

1. Tài liệu tham khảo

– Bài giảng Nhi khoa – Bộ môn Nhi Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam

– Nhi khoa 1,2 (2020) – Bộ môn Nhi, Đại học Y Hà Nội

1. *Giáo trình Nội khoa cơ sở (2015), Bộ môn Nội YHHĐ, Học viện YDHCT Việt Nam (tài liệu lưu hành nội bộ).*
2. *Giáo trình Bệnh học Nội khoa (2021) Bộ môn Nội, Học viện YDHCT Việt Nam (tài liệu lưu hành nội bộ).*
3. *Triệu chứng học nội khoa tập 1 (2020), Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y hoc.*
4. *Triệu chứng học nội khoa tập 2 (2020), Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y hoc.*
5. *Bài giảng bệnh học Nôi khoa tập 1 (2020), Bộ môn Nội Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản Y học.*
6. *Bài giảng bệnh học Nôi khoa tập 2 (2020), Bộ môn Nội Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản Y học.*
7. *Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị nội khoa (2017), Bộ y tế*
8. *Hóa sinh lâm sàng (2019), Nhà xuất bản y học*
9. *Thực hành đọc điện tâm đồ (2014) Nguyễn Quang Tuấn, Nhà xuất bản y học.*
10. Bài giảng Ngoại khoa – Bộ môn Ngoại Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam
11. Bệnh học ngoại khoa tập I, tập II – Bộ môn Ngoại, Đại học Y Hà Nội